

**Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam
Ủy ban Nhân dân Tỉnh Quảng Ninh**

**Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam
Dự án Thúc đẩy tăng trưởng xanh tại khu vực
Vịnh Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh**

(Giai đoạn Lập kế hoạch chi tiết)

BÁO CÁO CUỐI CÙNG

Tháng 9 năm 2016

**CƠ QUAN HỢP TÁC QUỐC TẾ NHẬT BẢN
(JICA)**

**CÔNG TY TNHH NIPPON KOEI
ỦY BAN MÔI TRƯỜNG HỒ QUỐC TẾ (ILEC)**

GE
JR
16-105

**Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam
Ủy ban Nhân dân Tỉnh Quảng Ninh**

**Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam
Dự án Thúc đẩy tăng trưởng xanh tại khu vực
Vịnh Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh**

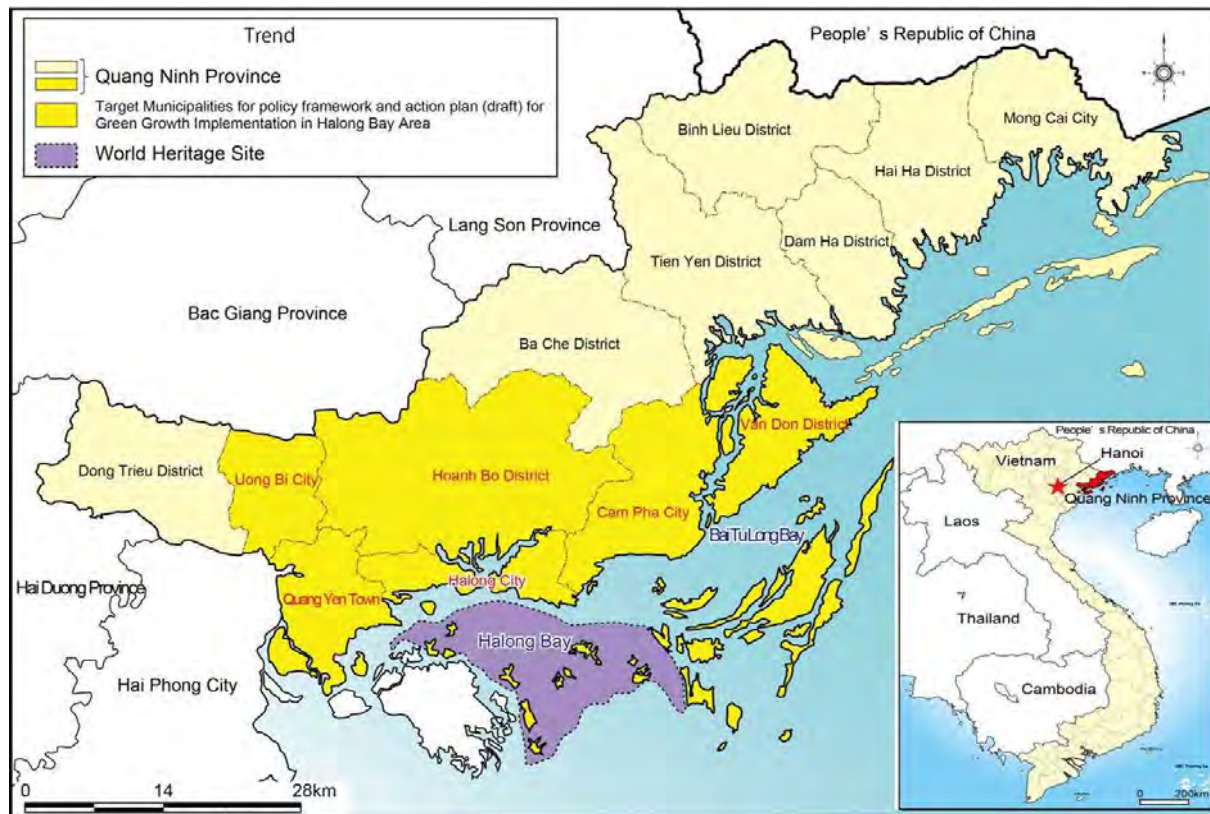
(Giai đoạn Lập kế hoạch chi tiết)

BÁO CÁO CUỐI CÙNG

Tháng 9 năm 2016

**CƠ QUAN HỢP TÁC QUỐC TẾ NHẬT BẢN
(JICA)**

**CÔNG TY TNHH NIPPON KOEI
ỦY BAN MÔI TRƯỜNG HỒ QUỐC TẾ (ILEC)**



Bản đồ Vị trí khu vực Dự án

Dân số và đặc điểm của các địa phương khu vực vịnh Hạ Long

T.phố/ Huyện	DT (km ²)	Dân số năm 2014 (Nghìn người)	Ghi chú
T.p Hạ Long	272,0	232.000	Thành phố Hạ Long là một trung tâm chính trị - hành chính – kinh tế - văn hóa của tỉnh Quảng Ninh, là mắt xích quan trọng trong tam giác kinh tế và du lịch Hà Nội – Hải Phòng – Hạ Long. Thành phố Hạ Long có Di sản thiên nhiên thế giới Vịnh Hạ Long và là trung tâm du lịch của tỉnh. Hạ Long được xác định là tâm trong định hướng tổ chức không gian lãnh thổ của tỉnh Quảng Ninh, theo Quy hoạch Tổng thể Phát triển Kinh tế - Xã hội của tỉnh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.
T.p Cẩm Phả	343,2	186.000	Thành phố Cẩm Phả là thành phố lớn thứ hai của tỉnh Quảng Ninh, có truyền thống khai thác than và sản xuất điện lâu đời. Cẩm Phả có nguồn tài nguyên dồi dào cho phát triển công nghiệp, như khai thác chế biến than, vật liệu xây dựng, nhiệt điện, lâm nghiệp và chế biến gỗ. Ngoài ra, Cẩm Phả có vịnh Bái Tử Long, với hệ thống hang động, nguồn nước khoáng uống, khoáng nóng quý hiếm, là tiềm năng dồi dào cho phát triển du lịch. Cẩm Phả phấn đấu đến năm 2020 sẽ trở thành đô thị phát triển công nghiệp, dịch vụ xanh và hiện đại về khai thác than, sản xuất điện theo hướng hiện đại hóa và bền vững về môi trường.
Huyện Vân Đồn	553,2	43.000	Huyện Vân Đồn được công nhận là một cửa ngõ giao thương quốc tế quan trọng của vùng Đông-Bắc Việt Nam. Theo Quy hoạch vùng đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1296/QĐ-TTg ngày 19/8/2009, khu Kinh tế Vân Đồn bao gồm toàn bộ huyện Vân Đồn, là một khu kinh tế tổng hợp được vận hành theo quy chế riêng nhằm phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Quảng Ninh và vùng Duyên hải Bắc bộ, là một trong những cửa ngõ giao thương quốc tế quan trọng của vùng Đông Bắc của Tổ quốc.
Huyện Hoành Bồ	844,6	50.400	Huyện Hoành Bồ nằm sát với một khu vịnh kín của vịnh Hạ Long, với quần thể rừng ngập mặn được quan sát còn thưa thớt. Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh có định hướng phát triển huyện Hoành Bồ thành huyện có kinh tế phát triển nhanh, mạnh, bền vững với cơ cấu phát triển kinh tế công nghiệp - dịch vụ - nông nghiệp bền vững theo mô hình tăng trưởng xanh.
T.x Quảng Yên	314,2	134.200	Thị xã Quảng Yên nằm ở cửa ngõ của tỉnh, về phía Tây của vịnh Hạ Long, nằm trong vùng Kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, trên tuyến vành đai kinh tế ven biển của Việt Nam. Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Quảng Ninh có định hướng phát triển thị xã Quảng Yên thành mô hình phát triển theo hướng đô thị xanh, hài hòa với các tài nguyên thiên nhiên trong khu vực.
T.p Uông Bí	256,3	113.300	Thành phố Uông Bí là một thành phố trẻ, nằm dọc theo quốc lộ 18 nối liền Hà Nội, Hải Phòng và thành phố Hạ Long. Uông Bí nổi tiếng là nguồn cung cấp nhiệt điện cho khu vực. Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Quảng Ninh có định hướng phát triển thành phố Uông Bí trở thành trung tâm xúc tiến du lịch văn hóa, lịch sử và tâm linh.

Nguồn: Quy hoạch Tổng thể Phát triển Kinh tế-Xã hội đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 của tỉnh Quảng Ninh; Niên giám Thống kê tỉnh Quảng Ninh năm 2014.

*Dự án Thúc đẩy Tăng trưởng xanh tại khu vực vịnh Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh
[Giai đoạn Lập kế hoạch chi tiết]*

Báo cáo cuối cùng

Mục lục

Bản đồ vị trí khu vực Dự án

PHẦN I	KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU GIAI ĐOẠN LẬP KẾ HOẠCH CHI TIẾT CỦA DỰ ÁN	
CHƯƠNG I-1	GIỚI THIỆU	I-1
I-1.1	Tiểu sử Dự án.....	I-1
I-1.2	Các giai đoạn của Dự án.....	I-1
I-1.3	Mục tiêu và Phạm vi của Giai đoạn Lập kế hoạch chi tiết	I-1
I-1.4	Khái niệm chung về Dự án	I-3
CHƯƠNG I-2	QUÁ TRÌNH NGHIÊN CỨU VÀ KẾT QUẢ CỦA GIAI ĐOẠN LẬP KẾ HOẠCH CHI TIẾT	I-5
I-2.1	Quá trình Nghiên cứu tổng thể trong Giai đoạn Lập kế hoạch chi tiết.....	I-5
I-2.2	Lập Kế hoạch Hoạt động	I-6
I-2.3	Rà soát những kiến thức hiện có về Tăng trưởng xanh	I-6
I-2.4	Thu thập thông tin cơ bản và phân tích nhu cầu/thiếu hụt về quản lý trong tỉnh Quảng Ninh để thực hiện tăng trưởng xanh.....	I-19
I-2.5	Thiết lập về tổ chức cho giai đoạn Lập kế hoạch chi tiết.....	I-19
I-2.6	Hiện trạng, Kết quả nghiên cứu và Đánh giá hiệu suất môi trường trong các ngành trọng điểm của tỉnh Quảng Ninh và khu vực vịnh Hạ Long.....	I-19
I-2.7	Thảo luận và xây dựng sự đồng lòng nhất trí giữa các bên liên quan, thực hiện các cuộc hội nghị, hội thảo và tập huấn về tăng trưởng xanh	I-19
I-2.8	Lựa chọn các ngành trọng điểm ưu tiên và Lập Dự thảo Kế hoạch Hành động để đạt được Tăng trưởng xanh tại khu vực vịnh Hạ Long.....	I-27
I-2.9	Xem xét Cơ cấu tổ chức cho giai đoạn Thực thi Dự án.....	I-29
I-2.10	Đề xuất Cơ chế thể chế để thực thi các hành động ưu tiên trong danh sách ngắn thuộc các ngành trọng điểm lựa chọn	I-30
I-2.11	Tình hình hiện tại, Kết quả nghiên cứu và Kế hoạch hành động ngành Du lịch trong khu vực vịnh Hạ Long.....	I-30
I-2.12	Đề xuất các Dự án thí điểm cho Giai đoạn thực thi của Dự án.....	I-31

I-2.13	Hỗ trợ để lập bản Dự thảo Ma trận Thiết kế Dự án (PDM), Kế hoạch Hoạt động (PO), Kế hoạch Dự án chi tiết và Sửa đổi Biên bản Thảo luận.....	I-33
I-2.14	Hỗ trợ cho cuộc họp giữa tỉnh Quảng Ninh và Phái đoàn từ Trụ sở văn phòng JICA.....	I-37
PHẦN II DỰ THẢO KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG ƯU TIÊN ĐỂ ĐẠT ĐƯỢC TĂNG TRƯỞNG XANH TẠI KHU VỰC VỊNH HẠ LONG		
CHƯƠNG II-1 GIỚI THIỆU.....II-1		
CHƯƠNG II-2 HIỆN TRẠNG VÀ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU CHÍNH SÁCH TĂNG TRƯỞNG XANH VÀ BỘ MÁY HÀNH CHÍNH Ở TỈNH QUẢNG NINH.....II-2		
II-2.1	Tổng quan tình hình thực hiện các chính sách hiện nay liên quan tới tăng trưởng xanh ở tỉnh Quảng Ninh.....	II-2
II-2.2	Định hướng và Kế hoạch cấp trung ương.....	II-5
II-2.3	Tổ chức hành chính triển khai thực hiện tăng trưởng xanh ở tỉnh Quảng Ninh.....	II-14
II-2.4	Kết quả xem xét cơ cấu hành chính và thể chế hiện tại thực hiện nhiệm vụ tăng trưởng xanh của tỉnh.....	II-18
CHƯƠNG II-3 HIỆN TRẠNG VÀ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU CÁC NGÀNH TRỌNG ĐIỂM TRONG KHU VỰC VỊNH HẠ LONG.....II-20		
II-3.1	Đặc điểm khu vực dự án.....	II-20
II-3.2	Ngành Công nghiệp.....	II-27
II-3.3	Ngành Du lịch.....	II-37
CHƯƠNG II-4 XÂY DỰNG DỰ THẢO KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG ƯU TIÊN ĐỂ ĐẠT ĐƯỢC TĂNG TRƯỞNG XANH TRONG KHU VỰC VỊNH HẠ LONG.....II-51		
II-4.1	Quá trình xác định các hoạt động thí điểm.....	II-51
II-4.2	Kết quả xây dựng Hành động ưu tiên.....	II-52

- Phụ lục I-1 Thành viên Ban Chỉ đạo Dự án và BQLDA, tháng 10/2015
- Phụ lục I-2 Biên bản họp Khởi động Dự án ngày 30/10/2015, họp Ban Chỉ đạo Dự án lần thứ nhất ngày 21/3/2016 và họp Ban Chỉ đạo Dự án lần thứ hai, ngày 22/6/2016
- Phụ lục I-3 Biên bản các cuộc họp Tham vấn chuyên sâu
- Phụ lục I-4 Tài liệu Tập huấn cụ thể
- Phụ lục I-5 Báo cáo kết quả chuyến Tham quan học tập do tỉnh Quảng Ninh lập
- Phụ lục I-6 Dự thảo Ma trận Thiết kế Dự án (PDM) và Kế hoạch Hoạt động (PO) cho Giai đoạn Thực thi Dự án
- Phụ lục I-7 Biên bản Ghi nhớ ký ngày 13/7/2016

- Phụ lục II-1 Kế hoạch Thực thi của Năm (5) Dự án thí điểm
- Phụ lục II-2 Vai trò của các Cơ quan có liên quan thuộc thành phần của Ban Chỉ đạo Dự án, tháng 2 năm 2016
- Phụ lục II-3 Sơ đồ Tổ chức, tháng 2 năm 2016
- Phụ lục II-4 Bảng câu hỏi sử dụng cho Khảo sát Du lịch
- Phụ lục II-5 Khảo sát về các Biện pháp Hiệu quả năng lượng cho Dự án Thúc đẩy tăng trưởng xanh tại khu vực vịnh Hạ Long.

Danh mục Bảng

Bảng I-1.1	Thiết kế Dự án được thống nhất trong R/D gốc, ký kết vào ngày 12/6/2015	I-2
Bảng I-2.1	Lịch nhân sự của Nhóm chuyên gia JICA cho Dự án Thúc đẩy Tăng trưởng xanh tại khu vực vịnh Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh	I-6
Bảng I-2.2	Ví dụ về hoạt động thực hiện tăng trưởng xanh và những chủ đề liên quan tới khu vực vịnh Hạ Long	I-10
Bảng I-2.3	Những chính sách ở Stockholm	I-11
Bảng I-2.4	Mục tiêu và các chính sách chính trong Kế hoạch hành động Chicago bền vững	I-12
Bảng I-2.5	Chiến lược trong Kế hoạch mặt trận xanh ở Kitakyushu.....	I-15
Bảng I-2.6	Kinh nghiệm và bài học có thể áp dụng để thúc đẩy tăng trưởng xanh	I-17
Bảng I-2.7	Bài học kinh nghiệm áp dụng cho thúc đẩy Tăng trưởng xanh tỉnh Quảng Ninh.....	I-18
Bảng I-2.8	Họp Khởi động và Họp Ban chỉ đạo Dự án	I-20
Bảng I-2.9	Họp tham vấn chuyên sâu được thực hiện trong giai đoạn Lập kế hoạch chi tiết.....	I-21
Bảng I-2.10	Hội thảo Kỹ thuật ngày 17 tháng 11 năm 2015.....	I-23
Bảng I-2.11	Đào tạo thực hiện bởi tỉnh Shiga.....	I-24
Bảng I-2.12	Thành viên của Chuyến tham quan học tập	I-25
Bảng I-2.13	Thời gian và lịch của chuyến tham quan học tập	I-25
Bảng I-2.14	Phác thảo Chương trình chuyến Tham quan học tập	I-26
Bảng I-2.15	Đề xuất sự sẵn sàng về mặt thể chế	I-30
Bảng I-2.16	Đề cương Hoạt động thí điểm về Tăng cường cơ chế cấp ngân sách và cơ chế tài chính cấp tỉnh cho Quản lý môi trường và Tăng trưởng xanh.....	I-31
Bảng I-2.17	Đề cương Hoạt động thí điểm về Thúc đẩy cơ chế ưu đãi hỗ trợ quản lý và tiết kiệm năng lượng như dự án ESCO, cơ chế hỗ trợ, v.v.....	I-32
Bảng I-2.18	Đề cương Hoạt động thí điểm về Thúc đẩy Du lịch bền vững tại khu vực vịnh Hạ Long	I-32
Bảng I-2.19	Đề cương Hoạt động thí điểm về Tăng cường năng lực quản lý môi trường thông qua kiểm soát tải lượng ô nhiễm trực tiếp xuống Vịnh.....	I-33
Bảng I-2.20	Đề cương Hoạt động thí điểm về Nâng cao nhận thức góp phần thực hiện Tăng trưởng xanh với việc thường xuyên xuất bản Sách trắng về tăng trưởng xanh khu vực vịnh Hạ Long.....	I-33
Bảng I-2.21	Hỗ trợ tư vấn và Họp tác với tỉnh Shiga (Dự thảo).....	I-37
Bảng I-2.22	Lịch công tác của phái đoàn JICA	I-38

Bảng II-2.1	Lượng phát thải khí CO2 trong các ngành chủ đạo trong tỉnh Quảng Ninh	II-3
Bảng II-2.2	Danh mục các đơn vị tiêu thụ năng lượng lớn trong khu vực vịnh Hạ Long	II-3
Bảng II-2.3	Chủ đề chính và Nhóm hoạt động trong KHHĐTTXQG	II-6
Bảng II-2.4	Hành động ưu tiên trong KHHĐTTXQG	II-6
Bảng II-2.5	Những nhiệm vụ chính và nhiệm vụ cụ thể thực hiện Kế hoạch hành động của ngành Tài chính	II-7
Bảng II-2.6	Danh mục các chương trình / dự án ưu tiên trong KHHĐTTX của tỉnh	II-10
Bảng II-2.7	Chỉ tiêu / Mục tiêu đặt ra trong các Quy hoạch quan trọng ở tỉnh Quảng Ninh.....	II-12
Bảng II-2.8	Ban chỉ đạo chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh tỉnh.....	II-15
Bảng II-2.9	Chi tiêu ngân sách trong tỉnh Quảng Ninh.....	II-16
Bảng II-2.10	Chi tiêu thực tế năm 2014 và Kế hoạch phân bổ ngân sách năm 2015 cho hoạt động thực thi chính sách liên quan tới tăng trưởng xanh tỉnh Quảng Ninh.....	II-16
Bảng II-2.11	Nhiệm vụ / dự án liên quan tới giảm cường độ phát thải khí nhà kính và nguồn kinh phí thực hiện.....	II-17
Bảng II-2.12	Các dự án vay vốn Quỹ phát triển Khoa học và Công nghệ.....	II-18
Bảng II-3.1	Dân số và diện tích các địa phương khu vực vịnh Hạ Long	II-20
Bảng II-3.2	Tổng sản lượng công nghiệp theo giá hiện thời đối với từng loại hình hoạt động công nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh	II-20
Bảng II-3.3	Trạm xử lý nước thải trên khu vực vịnh Hạ Long	II-24
Bảng II-3.4	Điều kiện các bãi rác hiện nay	II-25
Bảng II-3.5	Danh mục các mỏ than.....	II-27
Bảng II-3.6	Hoạt động quản lý môi trường trong công nghiệp khai thác than phối hợp với các tổ chức nước ngoài	II-31
Bảng II-3.7	Các nhà máy sản xuất xi măng ở khu vực vịnh Hạ Long	II-32
Bảng II-3.8	Các doanh nghiệp sản xuất chính ngoài công nghiệp khai thác than và sản xuất xi măng ở khu vực vịnh Hạ Long	II-32
Bảng II-3.9	Danh mục các khu công nghiệp trong khu vực vịnh Hạ Long.....	II-33
Bảng II-3.10	Các khu kinh tế theo quy hoạch trong khu vực vịnh Hạ Long.....	II-33
Bảng II-3.11	Danh sách làng nghề trong khu vực vịnh Hạ Long.....	II-34
Bảng II-3.12	Sản lượng lúa, diện tích trồng lúa và số lượng gia súc năm 2014	II-35
Bảng II-3.13	Số lượng khách sạn trên đất liền và số buồng phòng theo loại.....	II-41
Bảng II-3.14	Số lượng khách sạn boutique ở các điểm đến du lịch khác nhau ở Việt Nam.....	II-42

Bảng II-3.15	Số lượng tàu du lịch.....	II-43
Bảng II-3.16	Số lượng các nhà hàng tốt nhất ở các điểm đến du lịch khác nhau ở Việt Nam.....	II-43
Bảng II-3.17	Danh mục 56 dự án đề xuất trong Quy hoạch Du lịch Quảng Ninh.....	II-47
Bảng II-3.18	So sánh Hạ Long với các điểm đến du lịch phổ biến ở Việt Nam.....	II-48
Bảng II-4.1	Danh mục các đơn vị tiêu thụ năng lượng lớn trong khu vực vịnh Hạ Long.....	II-55
Bảng II-4.2	Lượng phát thải khí CO2 ở các ngành chủ đạo của tỉnh Quảng Ninh.....	II-56
Bảng II-4.3	Lượng nước thải từ các nguồn thải chính trong khu vực vịnh Hạ Long.....	II-57
Bảng II-4.4	Tỷ lệ các doanh nghiệp có trạm XLNT xác nhận qua Kiểm tra môi trường do Sở TN&MT thực hiện.....	II-57
Bảng II-4.5	Tổng lượng CTR phát sinh và thu gom trên địa bàn khu vực vịnh Hạ Long.....	II-58
Bảng II-4.6	Dự báo khối lượng chất thải rắn và mục tiêu tỷ lệ thu gom trong khu vực vịnh Hạ Long.....	II-58
Bảng II-4.7	Dự báo lượng CTR công nghiệp ở khu vực vịnh Hạ Long đến năm 2030.....	II-58
Bảng II-4.8	Kết quả hiệu suất môi trường trong ngành công nghiệp.....	II-59
Bảng II-4.9	Số lượng đối tượng khảo sát và số phiếu thực hiện.....	II-60
Bảng II-4.10	Số lượng phiếu khảo sát đã thực hiện theo khu vực.....	II-60
Bảng II-4.11	Phân bố số phiếu bình quân khách du lịch theo loại.....	II-61
Bảng II-4.12	Tiêu thụ năng lượng trung bình năm cho 1 khách sạn năm 2014.....	II-61
Bảng II-4.13	Tiêu thụ năng lượng trung bình năm 1 lượt khách du lịch năm 2014.....	II-61
Bảng II-4.14	Lượng chất thải rắn phát sinh trung bình năm của mỗi khách sạn năm 2014.....	II-62
Bảng II-4.15	Bình quân lượng chất thải rắn phát sinh tính theo 1 lượt khách du lịch năm 2014.....	II-62
Bảng II-4.16	Tiêu thụ năng lượng trung bình năm 1 nhà hàng năm 2014.....	II-62
Bảng II-4.17	Tiêu thụ năng lượng trung bình năm cho 1 lượt khách của nhà hàng năm 2014.....	II-63
Bảng II-4.18	Lượng chất thải rắn phát sinh trung bình năm của 1 nhà hàng năm 2014.....	II-63
Bảng II-4.19	Tiêu thụ năng lượng và nước trung bình năm 1 tàu du lịch năm 2014.....	II-64
Bảng II-4.20	Tiêu thụ năng lượng và nước trung bình năm 1 lượt khách đi tàu du lịch năm 2014.....	II-64
Bảng II-4.21	Các vấn đề ưu tiên cần được giải quyết bởi Dự án và đối tượng.....	II-64

Bảng II-4.22 (1)	Dự thảo Danh sách dài các hoạt động thí điểm Tăng trưởng xanh đối với Quản lý Môi trường ngành sản xuất	II-66
Bảng II-4.22 (2)	Dự thảo Danh sách dài các hoạt động thí điểm Tăng trưởng xanh đối với Tiết kiệm và quản lý năng lượng	II-68
Bảng II-4.22 (3)	Dự thảo Danh sách dài các hoạt động thí điểm Tăng trưởng xanh đối với ngành Du lịch.....	II-69
Bảng II-4.22 (4)	Danh sách dài các hoạt động thí điểm Tăng trưởng xanh ngành Nông nghiệp và thủy sản	II-70
Bảng II-4.22 (5)	Danh sách dài các hoạt động thí điểm Tăng trưởng xanh đối với Giáo dục và Nâng cao nhận thức Môi trường.....	II-71
Bảng II-4.23 (1)	Lựa chọn Hoạt động thí điểm đề xuất từ các Hành động ưu tiên trong nhóm Quản lý Môi trường	II-73
Bảng II-4.23 (2)	Lựa chọn Hoạt động thí điểm đề xuất từ các Hành động ưu tiên trong nhóm Quản lý và Tiết kiệm Năng lượng.....	II-74
Bảng II-4.23 (3)	Lựa chọn Hoạt động thí điểm đề xuất từ các Hành động ưu tiên trong nhóm Du lịch	II-74
Bảng II-4.23 (4)	Lựa chọn Hoạt động thí điểm từ các Hành động ưu tiên trong nhóm Nông nghiệp và Thủy sản	II-75
Bảng II-4.23 (5)	Lựa chọn Hoạt động thí điểm từ các Hành động ưu tiên trong nhóm Giáo dục và Nâng cao nhận thức	II-75
Bảng II-4.24	Đề cương Hoạt động thí điểm về Tăng cường cơ chế cấp ngân sách và cơ chế tài chính cấp tỉnh cho Quản lý môi trường và Tăng trưởng xanh.....	II-77
Bảng II-4.25	Đề cương Hoạt động thí điểm về Thúc đẩy cơ chế ưu đãi hỗ trợ quản lý và tiết kiệm năng lượng như dự án ESCO, cơ chế hỗ trợ, v.v.....	II-77
Bảng II-4.26	Đề cương Hoạt động thí điểm về Thúc đẩy Du lịch bền vững tại khu vực vịnh Hạ Long	II-78
Bảng II-4.27	Đề cương Hoạt động thí điểm về Tăng cường năng lực quản lý môi trường thông qua kiểm soát tải lượng ô nhiễm trực tiếp xuống Vịnh.....	II-78
Bảng II-4.28	Đề cương Hoạt động thí điểm về Nâng cao nhận thức góp phần thực hiện Tăng trưởng xanh với việc thường xuyên xuất bản Sách trắng về tăng trưởng xanh khu vực vịnh Hạ Long.....	II-79

Danh mục hình

Hình I-1.1	Giai đoạn của Dự án	I-1
Hình I-1.2	Khái niệm Dự án tại khu vực Vịnh Hạ Long	I-4
Hình I-2.1	Tăng trưởng xanh là một thành phần trong phát triển bền vững.....	I-7
Hình I-2.2	Vai trò của Tăng trưởng xanh theo Ngân hàng thế giới	I-8
Hình I-2.3	Nguyên tắc và những rào cản xây dựng xã hội các-bon thấp	I-9
Hình I-2.4	Khái niệm Mô hình thành phố sinh thái ở Kitakyushu	I-14
Hình I-2.5	Ý tưởng kế hoạch mặt trận xanh ở Kitakyushu.....	I-14
Hình I-2.6	Sáng kiến chiến lược tăng trưởng xanh của thành phố Đà Nẵng	I-15
Hình I-2.7	Phác thảo ý tưởng hành động xây dựng thành phố Hải Phòng xanh	I-16
Hình I-2.8	Cơ sở pháp lý lập kế hoạch hành động tăng trưởng xanh thành phố Hải Phòng	I-16
Hình I-2.9	Triển khai thực hiện kế hoạch hành động tăng trưởng xanh thành phố Hải Phòng	I-17
Hình I-2.10	Quy trình tổng thể lập Hành động ưu tiên và các Hoạt động thí điểm.....	I-28
Hình I-2.11	Lịch sử Hồ Biwa và Chương trình Mẹ hồ 21 (Mô hình Hồ Biwa)	I-29
Hình I-2.12	Cơ cấu tổ chức cho Giai đoạn Thực thi Dự án.....	I-29
Hình I-2.13	Thiết kế Dự án (Giai đoạn 2)	I-34
Hình II-2.1	Xu hướng GDP tổng theo giá hiện hành tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2010-2014	II-2
Hình II-2.2	Xu hướng GDP theo giá hiện hành phân theo loại hình kinh tế và theo ngành kinh tế giai đoạn 2010-2014.....	II-2
Hình II-2.3	Mục tiêu tăng trưởng đặt ra trong Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Ninh.....	II-11
Hình II-3.1	Học sinh sinh viên địa phương tham gia Chương trình làm sạch bãi biển trên đảo Tuần Châu	II-26
Hình II-3.2	Xu hướng khách du lịch và doanh thu du lịch	II-37
Hình II-3.3	Các thành phần doanh thu du lịch Quảng Ninh năm 2013	II-38
Hình II-3.4	Xu hướng khách du lịch theo tháng năm 2015	II-38
Hình II-3.5	Phân bố khách du lịch lưu trú theo quốc tịch.....	II-39
Hình II-3.6	Bản đồ Tài nguyên du lịch	II-40
Hình II-3.7	Sơ đồ tổ chức Sở Du lịch	II-44
Hình II-3.8	Sơ đồ tổ chức Hiệp hội du lịch tỉnh	II-45
Hình II-4.1	Quy trình tổng thể lập Kế hoạch hành động và Lựa chọn các hoạt động thí điểm	II-51
Hình II-4.2	Áp dụng mô hình hồ Biwa đối với khái niệm tăng trưởng xanh khu vực vịnh Hạ Long	II-53

Danh mục các từ viết tắt

ADEREE	Cơ quan quốc gia về Phát triển năng lượng tái tạo và Hiệu quả năng lượng
DARD	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
DCST	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
DOC	Sở Xây dựng
DOF	Sở Tài chính
DOIT	Sở Công-Thương
DONRE	Sở Tài nguyên và Môi trường
DOST	Sở Khoa học và Công nghệ
DOT	Sở Giao thông
DPI	Sở Kế hoạch và Đầu tư
DT	Sở Du lịch
EPF	Quỹ Bảo vệ Môi trường
EVN	Điện lực Việt Nam
GGAP	Kế hoạch Hành động tăng trưởng xanh
GHG	Khí nhà kính
GOV	Chính phủ Việt Nam
HAB	Hiện tượng tảo độc nở hoa
HBMD	Ban Quản lý Vịnh Hạ Long
ILEC	Ủy ban Môi trường Hồ Quốc tế
JET	Nhóm Chuyên gia JICA
JICA	Cơ quan Hợp tác quốc tế Nhật Bản
JOGMEC	Tổng Công ty Dầu khí và Kim loại Nhật Bản
LED	Đèn LED
MICE	Hội họp, Khen thưởng, Hội nghị hội thảo, Triển lãm
MPI	Bộ Kế hoạch và Đầu tư
NGGS	Chiến lược Tăng trưởng xanh Quốc gia
OCOP	Mỗi xã phường một sản phẩm
PD	Thiết kế Dự án
PDM	Ma trận Thiết kế Dự án
PMU	Ban Quản lý Dự án
PO	Kế hoạch Hoạt động
PPC	Ủy ban Nhân dân tỉnh
QCVN	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia
QN	Quảng Ninh
R/D	Biên bản Thảo luận
SME	Doanh nghiệp vừa và nhỏ
STC	Ban Chỉ đạo
TSS	Tổng cận lơ lửng
VINACOMIN	Tập đoàn Than và Khoáng sản Việt Nam

PHẦN I KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU GIAI ĐOẠN LẬP KẾ HOẠCH CHI TIẾT CỦA DỰ ÁN

CHƯƠNG I-1 GIỚI THIỆU

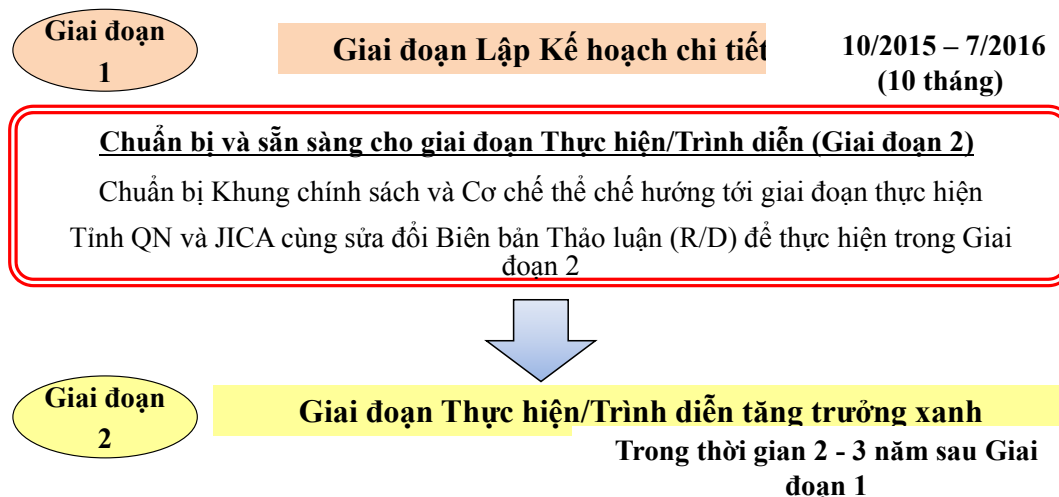
I-1.1 Tiêu sử Dự án

Trong năm 2012, Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam phê duyệt Chiến lược Tăng trưởng xanh Quốc gia (CLTTXQG). Đây là chiến lược phát triển mới của quốc gia cho giai đoạn 2010 – 2020 nhằm thúc đẩy nền kinh tế các-bon thấp và sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên thiên nhiên. Căn cứ vào Chiến lược tăng trưởng xanh quốc gia này, Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Ninh (UBND) đã ban hành quyết định số 3741/ KH-UBND, ngày 09/7/2014 về kế hoạch hành động thực hiện CLTTXQG của tỉnh Quảng Ninh (QN) giai đoạn 2016 – 2020. (Sau đó, QĐ số 3741/ KH-UBND đã được thay thế bằng QĐ số 6970/ KH-UBND, ngày 16/11/2015).

Chính phủ Việt Nam (GOV) đã có đề nghị với Chính phủ Nhật Bản về dự án hợp tác kỹ thuật nhằm tăng cường chính sách và cơ chế thể chế cho việc thực hiện Kế hoạch Hành động Tăng trưởng xanh theo Quyết định số 3741/ KH-UBND. Theo đề nghị đó, UBND tỉnh Quảng Ninh và Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản (JICA) đã ký kết Biên bản Thảo luận (bản gốc) vào ngày 12 tháng 6 năm 2015 về Dự án Thúc đẩy Tăng trưởng xanh tại khu vực Vịnh Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh (Dự án).

I-1.2 Các giai đoạn của Dự án

Dự án được chia làm hai (2) giai đoạn như được thể hiện trong hình dưới đây, đó là: i) giai đoạn 1 (giai đoạn lập kế hoạch chi tiết) của Dự án trong khoảng thời gian là mười (10) tháng để xác định các vấn đề ưu tiên cần được giải quyết và những nội dung về xây dựng/cải thiện thể chế để trình diễn về thúc đẩy tăng trưởng xanh trong khu vực vịnh Hạ Long, và ii) giai đoạn 2 (Giai đoạn thực thi) của Dự án, là thời gian các hoạt động trình diễn, xây dựng thể chế, nâng cao nhận thức được tiến hành sau giai đoạn lập kế hoạch chi tiết.



Nguồn: Nhóm Chuyên gia JICA

Hình I-1.1 **Giai đoạn của Dự án**

I-1.3 Mục tiêu và Phạm vi của Giai đoạn Lập kế hoạch chi tiết

Thiết kế của Dự án đã được thống nhất tại Biên bản thảo luận gốc (R/D), được ký kết vào ngày 12 tháng 6 năm 2015 như được thể hiện trong hình dưới đây. Dựa vào bản gốc R/D, một loạt các đầu ra và hoạt động đã được tiến hành trong giai đoạn 1 (giai đoạn này). Thiết kế dự án đã được sửa đổi vào cuối của giai đoạn này, như được mô tả tại phần “Hỗ trợ Lập Dự thảo PDM, PO, Kế hoạch Dự án Chi tiết và Sửa đổi Biên bản Thảo luận” và tại Phụ lục I-7 của báo cáo này.

Bảng I-1.1 Thiết kế Dự án được thống nhất trong R/D gốc, ký kết vào ngày 12/6/2015

<p>Mục tiêu của Dự án: Thúc đẩy Tăng trưởng xanh tại khu vực vịnh Hạ Long thông qua thực hiện các chính sách bền vững về môi trường trong các ngành trọng điểm và thực hiện các chính sách phát triển trong ngành du lịch.</p>	
<p>Đầu ra 1: Xây dựng khung chính sách và kế hoạch hành động ưu tiên triển khai thực hiện tăng trưởng xanh ở Khu vực Vịnh Hạ Long thông qua rà soát, điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch Hành động Tăng trưởng xanh hiện có của tỉnh.</p>	<p>1-1 Xem xét những kiến thức hiện có về Tăng trưởng xanh trên toàn thế giới và xác định các bài học có thể áp dụng cho tỉnh Quảng Ninh.</p> <p>1-2 Xem xét các chính sách, kế hoạch, văn bản pháp luật, tình hình tài chính và thể chế hiện tại ở tỉnh Quảng Ninh và Việt Nam; phân tích nhu cầu và những hạn chế để thực hiện Tăng trưởng Xanh tại Khu vực vịnh Hạ Long.</p> <p>1-3 Tiến hành đánh giá nhanh hiệu quả môi trường (bao gồm cả hiệu quả sử dụng năng lượng, phát thải các-bon, hiệu quả sử dụng nguồn lực, v.v...) trong các phân ngành kinh tế chủ chốt của tỉnh Quảng Ninh (bao gồm các ngành công nghiệp, giao thông, chất thải rắn, nông nghiệp, nước/nước thải v.v...)</p> <p>1-4 Tiến hành hội nghị chuyên đề/hội thảo và tập huấn nâng cao sự hiểu biết và năng lực liên quan tới Tăng trưởng xanh của các sở ngành, các đơn vị kinh doanh và người dân tỉnh Quảng Ninh</p> <p>1-5 Thiết lập thể chế cần thiết bao gồm các Nhóm công tác liên ngành để tham vấn.</p> <p>1-6 Căn cứ kết quả đánh giá nhanh và thông qua tham vấn các bên liên quan, đề xuất với UBND tỉnh Quảng Ninh dự thảo khung chính sách đối với tài chính bền vững bao gồm: định nghĩa về tăng trưởng xanh, các mục tiêu, chỉ tiêu, thể chế, công cụ chính sách tiềm năng (cả bắt buộc và khuyến khích), các nguồn lực, các biện pháp giám sát, đánh giá và lộ trình thực hiện tăng trưởng xanh trong khu vực Vịnh Hạ Long.</p>
<p>Đầu ra 2: Xây dựng chính sách bền vững về môi trường và tài chính cho các ngành trọng điểm được lựa chọn và xây dựng, thực hiện các chính sách trong các hoạt động thí điểm.</p>	<p>2-1 Xác định các phân ngành ưu tiên và đề xuất các biện pháp/mô hình thí điểm, bao gồm công nghệ, nguồn nhân lực và công cụ tài chính để cải thiện cả hiệu quả môi trường và hiệu quả kinh doanh.</p> <p>2-2 Dự thảo và thể chế hóa các chính sách bao gồm khung chính sách thể chế, công cụ chính sách v.v... đối với các phân ngành ưu tiên.</p> <p>2-3 Trình diễn và theo dõi các biện pháp/mô hình thí điểm trong các phân ngành ưu tiên.</p>
<p>Đầu ra 3: Thực hiện hoạt động thí điểm về chính sách khuyến khích phát triển du lịch bền vững.</p>	<p>3-1 Xem xét các cơ hội phát triển và trở ngại trong các hoạt động du lịch hiện nay và xác định các vấn đề ưu tiên trên quan điểm Tăng trưởng xanh.</p> <p>3-2 Đánh giá hiệu quả môi trường của các cơ sở du lịch và hoạt động du lịch tại thành phố Hạ Long và các hoạt động trong khu vực Vịnh Hạ Long.</p> <p>3-3 Đề xuất các chính sách/biện pháp hành động để cải thiện các cơ sở du lịch và hoạt động du lịch trong khu vực Vịnh Hạ Long dựa vào mục 3-2 ở trên.</p> <p>3-4 Trình diễn và giám sát các biện pháp/mô hình thí điểm tại một số khu vực/đơn vị hoạt động được lựa chọn.</p>

Nguồn: Biên bản Thảo luận của Dự án Phát triển Thể chế Thực hiện tăng trưởng xanh và Tăng cường Hệ thống Quản lý Môi trường hướng tới bảo tồn bền vững vịnh Hạ Long tại Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, tháng 6 năm 2015.

Mục tiêu của Giai đoạn 1 là nhằm thu thập và phân tích những thông tin cần thiết, đề xuất nội dung các hoạt động trình diễn trong Giai đoạn 2 của Dự án và hỗ trợ JICA cùng các cơ quan đối tác phía Việt Nam xây dựng bản thiết kế dự án sửa đổi cho dự án hợp tác kỹ thuật thực hiện trình diễn thúc đẩy tăng trưởng xanh tại khu vực vịnh Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

Là giai đoạn chuẩn bị để sẵn sàng cho giai đoạn 2 của Dự án, giai đoạn lập kế hoạch chi tiết chủ yếu tập trung vào việc chuyên giao kỹ thuật và tham vấn cho tỉnh Quảng Ninh trong công tác cải thiện các cơ chế thể chế hiện có hoặc thiết lập tạm thời mới/sửa đổi các cơ chế thể chế cần thiết để áp dụng cho trình diễn thúc đẩy tăng trưởng xanh tại Khu vực vịnh Hạ Long phù hợp với định hướng của Kế hoạch hành động tăng trưởng xanh của tỉnh. Trong bối cảnh đó,

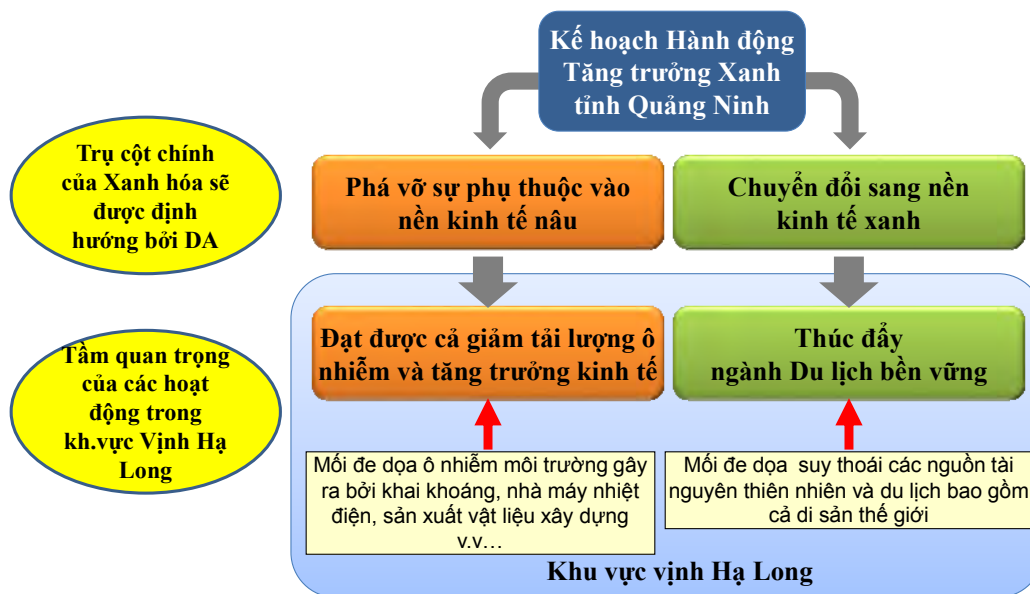
giai đoạn lập kế hoạch chi tiết bao gồm một phần của các hoạt động thuộc các Đầu ra đã được xác định tại bản gốc Biên bản thảo luận, ví dụ các hoạt động thuộc Đầu ra 1; các hoạt động 2-1 và 2-2 thuộc Đầu ra 2; hoạt động 3-1 và 3-2 thuộc Đầu ra 3.

Thông qua các hoạt động trên được xác định tại bản gốc R/D, những kết quả sau đây đã đạt được trong Giai đoạn 1 của Dự án.

- Đối tác của Dự án, các cán bộ từ các sở ngành cấp tỉnh và các cơ quan có liên quan đã thu được kiến thức về khái niệm chung về tăng trưởng xanh, những thực tiễn hoặc bài học kinh nghiệm thông qua các cuộc hội thảo, hội nghị chuyên đề và các cuộc tham vấn chuyên sâu. Đã xây dựng được sự hiểu biết chung giữa các bên có liên quan về các khía cạnh như i) Khái niệm và cách tiếp cận có thể áp dụng được từ mô hình Hồ Biwa để thúc đẩy tăng trưởng xanh tại khu vực vịnh Hạ Long, và ii) hiệu quả của việc tích hợp các chính sách đa ngành và các biện pháp đề xuất bởi các quy hoạch cấp tỉnh hoặc các chính sách hiện tại dưới một chiếc ô thuộc khái niệm tăng trưởng xanh có tham khảo mô hình hồ Biwa.
- Các kết quả và kết luận về hiện trạng và hiệu suất môi trường cũng như các vấn đề cần được giải quyết để thúc đẩy tăng trưởng xanh trong tỉnh đã được chia sẻ giữa các bên có liên quan trong các ngành trọng điểm của tỉnh Quảng Ninh. Dự thảo Kế hoạch hành động ưu tiên để thúc đẩy tăng trưởng xanh tại khu vực vịnh Hạ Long đã được xem xét và đề xuất trong các ngành trọng điểm lựa chọn, dựa vào các kết quả thu được như đã nêu ở trên, cũng như dựa vào định hướng, chính sách và các biện pháp đã được xác định tại Kế hoạch Hành động TTX của tỉnh và tại các Quy hoạch cấp tỉnh.
- Năm (5) hoạt động thí điểm để thực thi trong giai đoạn 2 đã được lựa chọn dựa vào bản dự thảo kế hoạch hành động ưu tiên được đề cập ở trên. Dự thảo Kế hoạch thực thi cũng đã được xây dựng cho từng hoạt động thí điểm được lựa chọn. Các kế hoạch thực thi bao gồm sự phối hợp cần thiết giữa các bên có liên quan, việc thiết lập về tổ chức cần thiết để thực thi hoạt động, cách tiếp cận đối với cơ chế khuyến khích, đề xuất sắp xếp về tài chính/ngân sách để thực hiện hoạt động thí điểm, lịch tiến độ, v.v...
- Việc thiết lập các quy chế ưu tiên và tổ chức đã được xem xét để thúc đẩy tăng trưởng xanh tại khu vực vịnh Hạ Long và tỉnh Quảng Ninh. Các hoạt động thí điểm trong giai đoạn 2 của Dự án đã được thiết kế để hiện thực hóa các quy chế ưu tiên và tổ chức đề xuất ở trên.
- Được hiểu rằng những ý kiến tham vấn và hợp tác từ tỉnh Shiga cũng như các đơn vị khác trong tỉnh, bao gồm cả ngành tư nhân sẽ có hiệu quả để i) tiến hành các hoạt động thí điểm trong giai đoạn 2, ii) áp dụng và mở rộng các hoạt động thúc đẩy tăng trưởng xanh trong toàn tỉnh sau giai đoạn thực hiện dự án và iii) tạo điều kiện thuận lợi cho việc áp dụng mô hình hồ Biwa tại khu vực Vịnh Hạ Long cùng với sự hợp tác lâu dài giữa tỉnh Shiga và tỉnh Quảng Ninh. Chương trình hợp tác giữa hai cơ quan chính quyền tỉnh đã được khởi động trong giai đoạn này của Dự án.

I-1.4 Khái niệm chung về Dự án

Như được đề cập tại phần II về “Kế hoạch Hành động Tăng trưởng xanh tỉnh Quảng Ninh” trong báo cáo này, Kế hoạch hành động Tăng trưởng xanh tỉnh QN bao trùm nhiều khía cạnh khác nhau sẽ được thực hiện hướng tới năm 2020. Trong số các nội dung đó, Dự án chủ yếu tập trung nhằm mục đích vào hai trụ cột chính theo yêu cầu về hợp tác kỹ thuật của tỉnh, theo bản gốc R/D và theo Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh, khái niệm về Tăng trưởng xanh của Dự án được trình bày trong hình dưới đây. Theo khái niệm này, mục tiêu của dự án là nhằm tăng cường năng lực của đối tác về phát triển cơ chế thể chế và nâng cao nhận thức để thúc đẩy tăng trưởng xanh trong khu vực vịnh Hạ Long thông qua tiến hành các hoạt động thí điểm, góp phần vào 1) đạt được cả giảm tải lượng ô nhiễm và tăng trưởng kinh tế để “phá vỡ sự phụ thuộc vào nền kinh tế nâu”, và 2) kích thích phát triển ngành du lịch bền vững thông qua sử dụng nguồn tài nguyên thiên nhiên trên vịnh Hạ Long để “chuyển đổi sang nền kinh tế xanh”.



Nguồn: Nhóm Chuyên gia JICA

Hình I-1.2 Khái niệm Dự án tại khu vực Vịnh Hạ Long

CHƯƠNG I-2 QUÁ TRÌNH NGHIÊN CỨU VÀ KẾT QUẢ CỦA GIAI ĐOẠN LẬP KẾ HOẠCH CHI TIẾT

I-2.1 Quá trình Nghiên cứu tổng thể trong Giai đoạn Lập kế hoạch chi tiết

Quá trình nghiên cứu tổng thể trong giai đoạn này của Dự án như sau:

- Lập Kế hoạch Hoạt động (I-2.2)
- Rà soát những kiến thức hiện có về tăng trưởng xanh (I-2.3)
- Thu thập thông tin cơ bản và phân tích nhu cầu/thiếu hụt về quản lý trong tỉnh Quảng Ninh để thực hiện tăng trưởng xanh (I-2.4)
- Thiết lập về tổ chức cho giai đoạn lập kế hoạch chi tiết (I-2.5)
- Hiện trạng, kết quả nghiên cứu và đánh giá hiệu suất môi trường trong các ngành trọng điểm trong tỉnh QN và khu vực vịnh Hạ Long (I-2.6)
- Thảo luận, xây dựng sự đồng lòng nhất trí giữa các bên liên quan, thực hiện các cuộc hội nghị, hội thảo và tập huấn về tăng trưởng xanh (I-2.7)
- Lựa chọn các ngành trọng điểm ưu tiên và lập dự thảo kế hoạch hành động để thực hiện tăng trưởng xanh trong khu vực vịnh Hạ Long (I-2.8)
- Xem xét về cơ cấu tổ chức cho giai đoạn thực thi của Dự án (I-2.9)
- Đề xuất cơ chế thể chế để thực thi các hành động ưu tiên trong danh sách ngắn thuộc các ngành trọng điểm lựa chọn (I-2.10)
- Tình hình hiện tại, kết quả nghiên cứu và kế hoạch hành động ngành du lịch trong khu vực vịnh Hạ Long (I-2.11)
- Các dự án thí điểm đề xuất cho giai đoạn thực thi của Dự án (I-2.12)
- Hỗ trợ lập bản dự thảo Ma trận Thiết kế Dự án, Kế hoạch Hoạt động, Kế hoạch Dự án chi tiết và Sửa đổi Biên bản Thảo luận (I-2.13)
- Hỗ trợ cho cuộc họp giữa tỉnh Quảng Ninh và Phái đoàn từ trụ sở Văn phòng JICA (I-2.14)

Công việc và lịch nhân sự thực hiện bởi Nhóm Chuyên gia JICA được thể hiện trong bảng dưới đây.

Bảng I-2.1 Lịch nhân sự của Nhóm chuyên gia JICA cho Dự án Thúc đẩy Tăng trưởng xanh tại khu vực vịnh Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

STT	Chức vụ	Tên	Năm tài chính 2015					Năm tài chính 2016					Tháng người					
			9	10	11	12	1	2	3	4	5	6	7	8	9	VN	Nhật Bản	
Làm việc tại Việt Nam	1	Cố vấn trưởng/Chánh sách Tăng trưởng xanh/Quy hoạch Phát triển vùng			■	■	■	■	■	■	■	■	■	■	■	■	■	4.80
	2	Phó Cố vấn trưởng/Biện pháp Môi trường đối với công nghiệp		■	■	■	■	■	■	■	■	■	■	■	■	■	■	5.33
	3	Thúc đẩy Phát triển Du lịch bền vững		■	■	■	■	■	■	■	■	■	■	■	■	■	■	4.03
	4	Cải thiện Môi trường nước		■	■	■	■	■	■	■	■	■	■	■	■	■	■	2.73
	5	Chính sách đối với cơ chế hợp tác giữa các Tổ chức/ Điều phối viên		■	■	■	■	■	■	■	■	■	■	■	■	■	■	3.57
	6	Đánh giá và Phân tích																0.37
	7	Quản lý Năng lượng/ Tiết kiệm Năng lượng																0.67
	8	Du lịch Sinh thái																0.67
Tổng (Làm việc tại Việt Nam)																	22.17	
Làm việc tại Nhật Bản	1	Cố vấn trưởng/Chánh sách Tăng trưởng xanh/Quy hoạch Phát triển vùng		□			□	□		□			□				1.15	
	2	Phó Cố vấn trưởng/Biện pháp Môi trường đối với công nghiệp		□			□	□		□			□				0.35	
	3	Thúc đẩy Phát triển Du lịch bền vững		□			□	□		□			□				0.45	
	4	Cải thiện Môi trường nước					□	□		□			□				0.60	
	5	Chính sách đối với cơ chế hợp tác giữa các Tổ chức/ Điều phối viên																0.00
Sub Total (Work in Japan)																	2.55	
■ : Làm việc tại Việt Nam □ : Làm việc tại Nhật Bản □ : Làm việc tại Nhật Bản (Chuyên tham quan học tập)			Báo cáo		▲ Kế hoạch h.động		▼ BC Tiền độ										24.72	
▲ H.thảo (WS), H.nghe, H.op ▲ Tham vấn Ch.sau ▼ SUC ▼ TQ học tập tại Nhật Bản ▼ H.op BDH ▼ H.op (Phái đoàn JICA)																		

Nguồn: Nhóm Chuyên gia JICA

I-2.2 Lập Kế hoạch Hoạt động

Kế hoạch Hoạt động được lập dự thảo vào cuối tháng 10 năm 2015 bằng cách thu thập và sắp xếp các thông tin sẵn có ví dụ như các báo cáo, bao gồm một loạt các Quy hoạch Tổng thể và Kế hoạch HĐTTX của tỉnh Quảng Ninh. Thông qua một loạt cuộc họp thảo luận với các thành viên của Ban Quản lý Dự án (BQLDA), Ban Chỉ đạo Dự án, chính quyền các địa phương, các cơ quan có liên quan trong khu vực vịnh Hạ Long và các bên có liên quan của Dự án, bản Kế hoạch Hoạt động đã được hoàn thiện và được chia sẻ vào đầu tháng 12 năm 2015.

I-2.3 Rà soát những kiến thức hiện có về Tăng trưởng xanh

Các quan điểm hoặc khái niệm chung về tăng trưởng xanh gợi ý bởi chính quyền các cấp đã được xem xét một cách khái quát. Ví dụ về các hoạt động liên quan tới tăng trưởng xanh ở Việt Nam và ở nước ngoài cũng đã được rà soát. Các kết quả nghiên cứu và bài học rút ra trong quá trình rà soát đã được trích dẫn để phân tích chính sách tăng trưởng xanh của tỉnh Quảng Ninh.

Kết quả rà soát được tập hợp và liệt kê dưới đây.

I-2.3.1 Rà soát về khái niệm và kiến thức chung liên quan tới tăng trưởng xanh

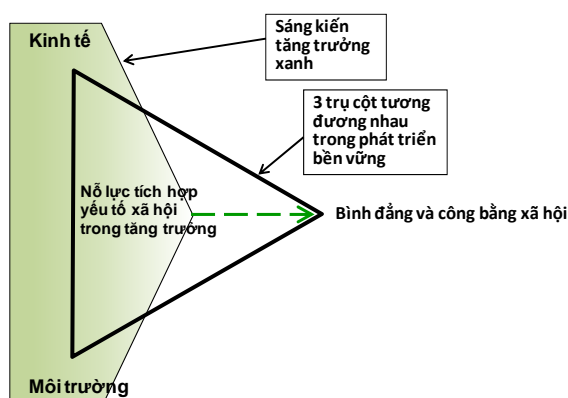
I-2.3.1.1 Tăng trưởng xanh là gì?

Nhìn chung, ngày nay các hoạt động phát triển kinh tế đều gây tác động tới môi trường. Những tác động gây hại đến môi trường dần đạt đến mức dẫn đến những hậu quả đe dọa chính các hoạt động tăng trưởng kinh tế đó và sự cải thiện các chỉ số xã hội. Nhằm xoay chuyển tình thế, một khái niệm mới gọi là “Tăng trưởng xanh” đã được hình thành. Tổ chức Hợp tác và phát triển kinh tế (OECD) và Ngân hàng thế giới đã định nghĩa tăng trưởng xanh như sau :

- Tăng trưởng xanh là thúc đẩy tăng trưởng và phát triển kinh tế đồng thời đảm bảo rằng các nguồn tài sản tự nhiên tiếp tục cung cấp các tài nguyên và dịch vụ môi trường thiết yếu cho cuộc sống của chúng ta.¹
- Tăng trưởng xanh không phải là một cách gọi khác của phát triển bền vững. Tăng trưởng xanh nhấn mạnh mối ràng buộc lẫn nhau giữa kinh tế và môi trường. Vì vậy, các chính sách của tăng trưởng xanh nhằm vào xác định những thách thức giữa môi trường và phát triển kinh tế theo cách đề cao những cơ hội nguồn tài nguyên mới phục tăng trưởng kinh tế.²
- Tăng trưởng xanh là sự khai thác hiệu quả những tài nguyên thiên nhiên, giảm thiểu ô nhiễm và tác động tới môi trường, thích ứng thiên tai và tăng cường quản lý môi trường và vốn tài nguyên trong giải quyết và phòng chống thiên tai.³

I-2.3.1.2 Tăng trưởng xanh là một thành phần trong phát triển bền vững⁴

Tăng trưởng xanh, bản thân tên gọi đã nêu lên hai trụ cột phát triển bền vững: hiệu quả kinh tế và bảo vệ môi trường. Khái niệm này không trực tiếp đề cập tới trụ cột thứ ba của phát triển bền vững, đó là tính công bằng xã hội. Do vậy, khi hiểu về tăng trưởng xanh cần hiểu rằng tăng trưởng xanh là một thành phần trong phát triển bền vững, chứ không thay thế cho phát triển bền vững. Tuy nhiên, có những ví dụ rất rõ ràng cho thấy những sáng kiến tăng trưởng xanh cũng mang lại cả những lợi ích công bằng xã hội. Hình dưới đây mô phỏng mối tập trung ban đầu của tăng trưởng xanh đối với kinh tế - môi trường và ngày càng thiên về những chính sách hướng tới mục tiêu xã hội công bằng, ở chừng mực có thể. Tuy nhiên, sự thiếu đi yếu tố công bằng xã hội gây ra những tranh cãi về nội dung khái niệm tăng trưởng xanh.



Nguồn: Nghiên cứu của OECD về Tăng trưởng xanh: Tăng trưởng xanh ở các thành phố (2013) OECD.

Hình I-2.1 Tăng trưởng xanh là một thành phần trong phát triển bền vững

I-2.3.1.3 Khái niệm tăng trưởng xanh của Ngân hàng thế giới

Như đã nêu ở phần trước, Ngân hàng thế giới cũng nhận diện tăng trưởng xanh là một công cụ để đạt được mục tiêu phát triển bền vững. Tăng trưởng xanh mở ra con đường hài hòa giữa nhu cầu phát triển bền vững với yêu cầu tránh khai thác những yếu tố phát triển không bền vững và gây hại môi trường.

Tăng trưởng xanh đòi hỏi có những chính sách có những điều khoản mạnh về phạm trù tăng trưởng cũng như về môi trường, như sửa đổi hỗ trợ tài chính về năng lượng hoặc rào cản thương mại để bảo vệ những ngành gây ô nhiễm nặng. Ngân hàng thế giới cũng đã đưa ra khái niệm

¹ Hướng tới tăng trưởng xanh: Tóm lược dành cho nhà hoạch định chính sách (2011) OECD

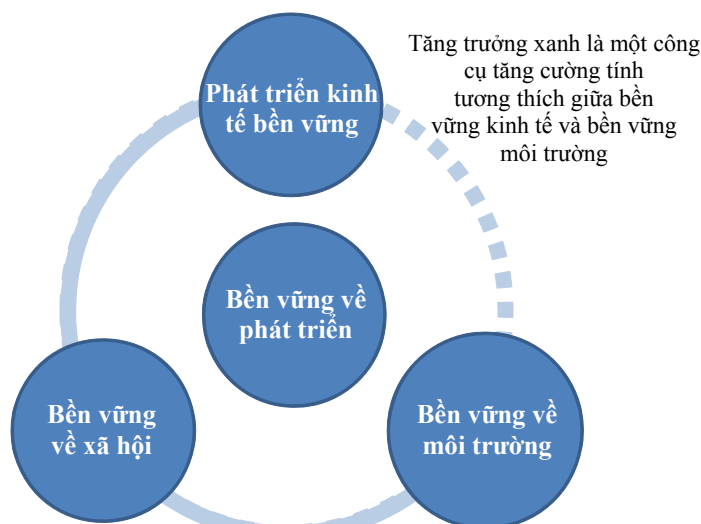
² Các thành phố và tăng trưởng xanh: Khung ý tưởng (2011) OECD

³ Tăng trưởng xanh cho mọi người: Con đường hướng tới phát triển bền vững (2012) Ngân hàng thế giới

⁴ Nghiên cứu tăng trưởng xanh của OECD: Tăng trưởng xanh ở các thành phố (2013) OECD

mới “Tăng trưởng xanh cho mọi người” - Con đường hướng tới phát triển bền vững, gồm 3 chiến lược đề xuất :

1. Xây dựng chiến lược tăng trưởng xanh cho mọi người phù hợp với điều kiện cụ thể của quốc gia, tối đa hóa và mang lại lợi ích cho địa phương, đảm bảo khả thi. Giải pháp tối ưu được đặt ra sẽ khác nhau ở mỗi quốc gia tùy thuộc vào mức độ năng lực thể chế, tính minh bạch, trách nhiệm giải trình và năng lực xã hội dân sự.
2. Thúc đẩy tính hiệu quả và bền vững khi các nhà hoạch định chính sách, người tiêu dùng và đơn vị tư nhân đưa ra những quyết định. Việc sử dụng phí ô nhiễm và các công cụ thị trường khác có vai trò rất quan trọng, giúp khuyến khích tính hiệu quả và thúc đẩy sự sáng tạo đổi mới. Cần thiết phải xây dựng được thêm những cách tiếp cận khuyến khích các cá nhân thay đổi hành vi theo chiều hướng tốt hơn và tăng quyền lực cho khối tư nhân.
3. Đáp ứng nhu cầu vốn ban đầu thông qua những công cụ tài chính sáng tạo. Xét đến những hạn chế về nguồn lực tài chính, chính phủ và các tổ chức tài chính đa phương cần phải gấp rút cùng nhau xem xét nâng cao vai trò của khối tư nhân trong đầu tư cho tăng trưởng xanh. Mô hình hợp tác Công – Tư có vai trò rất thiết yếu bởi mô hình này tạo điều kiện tiếp cận với nguồn kinh phí cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ.



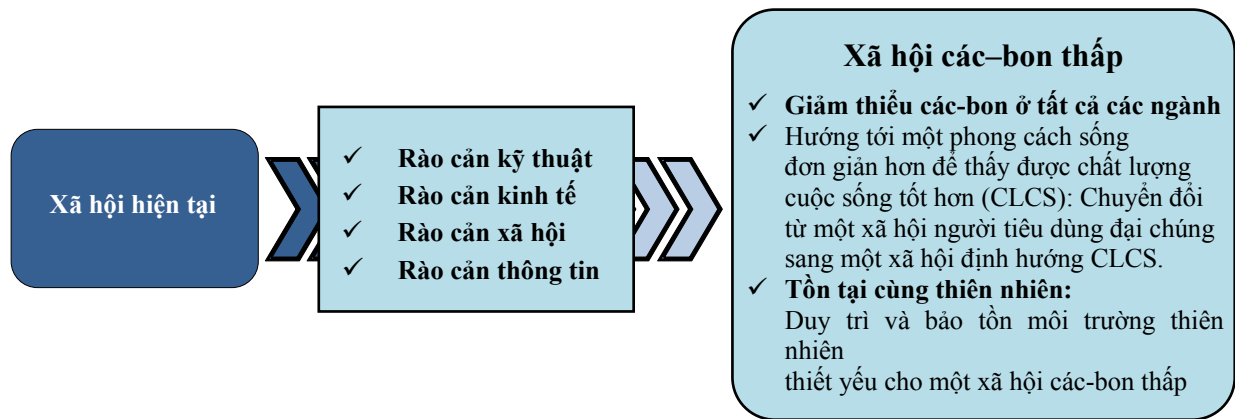
Nguồn: Do Nhóm Chuyên gia JICA lập dựa trên báo cáo “Tăng trưởng xanh cho mọi người - Con đường hướng tới phát triển bền vững (2012)” của Ngân hàng thế giới.

Hình I-2.2 Vai trò của Tăng trưởng xanh theo Ngân hàng thế giới

I-2.3.1.4 Tăng trưởng xanh và Xã hội các-bon thấp⁵

Báo cáo đánh giá lần thứ 4 của Ban liên chính phủ biến đổi khí hậu (IPCC) năm 2007 nêu lên những vấn đề biến đổi khí hậu và tác động của biến đổi khí hậu, giải thích nguyên nhân, dự báo và tác động của biến đổi khí hậu để đề xuất những giải pháp thích ứng và giảm thiểu. Trong cùng năm, chính phủ Nhật Bản đã xác định xây dựng “Xã hội các-bon thấp” là một trong những chìa khóa giảm một nửa lượng khí phát thải toàn cầu năm 2050. Chính phủ Nhật bản đã đề xuất xã hội các-bon thấp với ba nguyên tắc : (a) Giảm thiểu các-bon ở tất cả các ngành, (b) Hướng tới một phong cách sống đơn giản hơn để thấy được chất lượng cuộc sống tốt hơn, và (c) Tồn tại cùng thiên nhiên. Để xây dựng một xã hội các-bon thấp, cần phá bỏ 4 rào cản (a) Rào cản kỹ thuật, (b) Rào cản kinh tế, (c) Rào cản xã hội và (d) Rào cản thông tin.

⁵ Xây dựng một xã hội các-bon thấp (2007) Bộ môi trường, Nhật Bản



Nguồn: Xây dựng một xã hội các-bon thấp (2007) Bộ môi trường, Nhật Bản.

Hình I-2.3 Nguyên tắc và những rào cản xây dựng xã hội các-bon thấp

I-2.3.1.5 Khái niệm tăng trưởng xanh theo Bộ môi trường Nhật Bản⁶

Bộ Môi trường Nhật bản đã nghiên cứu những định nghĩa của OECD về ttrường xanh và cụ thể hóa thành những biện pháp chính sách chủ yếu thực hiện tăng trưởng xanh :

- Nâng cao năng suất giảm tiêu thụ năng lượng và giảm lượng phát thải;
- Ứng dụng đổi mới công nghệ giải quyết những vấn đề môi trường;
- Phát triển một thị trường chiếm lĩnh bởi những sản phẩm và các hoạt động thân thiện môi trường;
- Duy trì bền vững chính sách cam kết môi trường và quản lý tài nguyên thiên nhiên nhằm thúc đẩy đầu tư cho lĩnh vực quản lý tài nguyên thiên nhiên và môi trường;
- Đảm bảo tính ổn định của nền kinh tế thông qua công tác kiểm soát biến động giá cả của các nguồn lực;
- Đảm bảo khả năng phát triển bền vững có cân nhắc tới tính chất hữu hạn của tài nguyên thiên nhiên, và
- Giảm thiểu nguy cơ tác động tiêu cực do sự xuống cấp của đa dạng sinh thái.

I-2.3.2 Những nét chính và bài học kinh nghiệm đề cập trong Kế hoạch hành động tăng trưởng xanh ở nước ngoài

I-2.3.2.1 Kinh nghiệm tăng trưởng xanh ở các quốc gia khác

(1) Khái quát chung

Hiện nay, rất nhiều quốc gia đã bắt đầu triển khai thực hiện tăng trưởng xanh và xây dựng hệ thống chia sẻ kinh nghiệm từ các dự án/kế hoạch tăng trưởng xanh. Sau đây là những ví dụ tham khảo cho Khu vực vịnh Hạ Long:

⁶ <https://www.env.go.jp/policy/hakusyo/zu/h24/html/hj12010102.html>

Bảng I-2.2 Ví dụ về hoạt động thực hiện tăng trưởng xanh và những chủ đề liên quan tới khu vực vịnh Hạ Long

Chủ đề	Quốc gia	Kinh nghiệm	Chủ đề liên quan tới Khu vực vịnh Hạ Long
Vai trò lãnh đạo trong tăng trưởng xanh	Mê-hi-cô	Chủ tịch Felipe Calderon đóng vai trò chủ chốt chỉ đạo quá trình lập kế hoạch hành động quốc gia và pháp chế đối với vấn đề biến đổi khí hậu. Tính cách và cam kết chính trị mạnh mẽ của ông đối với môi trường và giải quyết vấn đề biến đổi khí hậu thông qua những kinh nghiệm trong thiên tai như lũ lụt ở miền Nam nước này đòi hỏi cần phải hành động và nâng cao yếu tố chính trị trong vấn đề này.	Để triển khai thực hiện tăng trưởng xanh thuận lợi ở tỉnh Quảng Ninh, sự cam kết của UBND tỉnh là rất thiết yếu. Hiện nay, UBND tỉnh Quảng Ninh có mối liên hệ rất tốt với chính quyền trung ương. Vì vậy, tỉnh cần duy trì liên tục trao đổi với Bộ KH và ĐT và đề xuất hỗ trợ khi cần thiết.
Tích hợp tầm nhìn tăng trưởng xanh	Nhật Bản	Bốn khu vực chính sách chính trong chiến lược tăng trưởng xanh đó là “Xanh”, “Cuộc sống”, “Nông nghiệp” và “Doanh nghiệp vừa và nhỏ”. Triết lý này nhằm vào “Xây dựng một nền kinh tế - xã hội thích ứng và chống chịu cao và trình diễn các giải pháp mô hình với thế giới thông qua giải quyết những hạn chế về năng lượng và một xã hội đang già hóa; và xây dựng các cộng đồng người dân và doanh nghiệp được hỗ trợ bởi nông nghiệp địa phương để được hưởng lợi từ một loại hình tăng trưởng mới.	Nhằm xác định được những mục tiêu tăng trưởng xanh ở khu vực vịnh Hạ Long, khuyến nghị cần xác định khu vực chính sách chính. Ở khu vực vịnh Hạ Long, không chỉ cần quan tâm tới những doanh nghiệp lớn mà cần phải quan tâm cả đến những doanh nghiệp vừa và nhỏ. Vì vậy, tăng trưởng xanh sẽ nhằm thúc đẩy sự phát triển của các doanh nghiệp như vậy. Để đạt được mục tiêu đó, cần tăng cường cơ chế phối hợp giữa các cấp chính quyền tỉnh và địa phương.
Xây dựng thương hiệu thành phố	Singapore	Singapore ban hành Kế hoạch xanh lần đầu tiên tại Hội nghị thượng đỉnh thế giới về Phát triển bền vững ở Johannesburg năm 2002 và kể từ đó họ liên tục rà soát và sửa đổi kế hoạch trên cơ sở 3 năm một lần (Bộ tài nguyên nước và môi trường). Kế hoạch tập trung vào chất lượng cuộc sống và an toàn tài nguyên ở quốc gia thành phố này và đảm bảo xây dựng hình ảnh một thành phố xanh sạch, là một phương tiện thu hút đầu tư. Kế hoạch đặt ra các quy chế và tiêu chuẩn, hệ thống vật giá, chương trình thử nghiệm, chiến dịch thay đổi hành vi người tiêu dùng, quản lý thông tin và những chính sách khác. Kế hoạch giải quyết vấn đề về chất lượng không khí, biến đổi khí hậu, nước, chất thải, bảo tồn thiên nhiên và sức khỏe cộng đồng.	Dự kiến sẽ phát triển khu vực vịnh Hạ Long thành vùng lõi của ngành du lịch tỉnh Quảng Ninh. Để tăng thu nhập thông qua hoạt động du lịch, việc xây dựng thương hiệu khu vực thành phố Hạ Long là một thành phố xanh và sạch có thể là một trong những phương pháp tiếp cận khả thi.
Thỏa thuận đổi mới	Hà Lan	Ở Hà Lan, các công ty, viện nghiên cứu, trường đại học và chính phủ đã cùng phối hợp với nhau lập dự thảo thỏa thuận thúc đẩy đổi mới và nâng cao tính cạnh tranh kinh tế. Những thỏa thuận này lập ra những chương trình nghiên cứu ngành, cam kết những bên tham gia sẽ đầu tư nguồn nhân lực và tài chính hướng đến Nghiên cứu và Phát triển và mô tả các biện pháp, kế hoạch, thỏa thuận và mục tiêu. Chính phủ đã đưa nội dung các thỏa thuận đó vào chín ngành: nông nghiệp, làm vườn, công nghệ cao, năng lượng, kho vận, công nghiệp sáng tạo, khoa học thường thức và sức khỏe, hóa chất và nước.	Viện hàn lâm khoa học và công nghệ Việt Nam (VAST) có dự định hợp tác với tỉnh Quảng Ninh xúc tiến nông nghiệp xanh và sản xuất phân hữu cơ. Trường đại học quốc gia Hà Nội đã áp dụng thử nghiệm trạm sản xuất xăng sinh học và đã bắt đầu cung cấp xăng sinh học cho tàu du lịch trên vịnh Hạ Long. Cần duy trì và phát triển cơ chế hợp tác với các viện đào tạo và nghiên cứu như vậy nhằm thúc đẩy thực hiện triển khai tăng trưởng xanh.
Chọn khu vực dự án thí điểm	Ma-rốc	Cơ quan quốc gia về phát triển năng lượng tái tạo và sử dụng năng lượng hiệu quả (ADEREE) đã khởi động Chương trình thí điểm Jiha Tinou (2012-2014) với mục tiêu dài hạn nhằm giảm sự phụ thuộc năng lượng và tăng sử dụng năng lượng tái tạo ở cấp địa phương, góp phần đạt mục tiêu năng lượng quốc gia đến năm 2020 (ADEREE 2012). Ba thành phố đã được chọn trong một đợt kêu gọi đề xuất lập chương trình thí điểm dựa vào những tiêu chí như đã từng tham gia phát triển năng lượng tái tạo.	Ở khu vực vịnh Hạ Long, có một số vùng hiện tại có thể chọn làm vùng thí điểm triển khai thực hiện tăng trưởng xanh. Ví dụ, vịnh Hạ Long và vịnh Bái Tử Long có thể là các khu vực mục tiêu thực hiện du lịch thân thiện với môi trường. Khu kinh tế Vân Đồn có thể chọn làm khu vực trình diễn hoạt động công nghiệp sinh thái.

Nguồn: Nhóm Chuyên gia JICA lập dựa trên tài liệu “Những bài học thực tiễn tăng trưởng xanh từ các quốc gia – Tóm tắt chung” (Thực tiễn tốt nhất về Tăng trưởng xanh)

(2) Ví dụ về thực hiện tăng trưởng xanh ở các thành phố

Năm 2011 và 2012, OECD đã thực hiện đánh giá những chính sách tăng trưởng xanh ở bốn thành phố: Paris, Chicago, Stockholm và Kitakyushu. Tóm tắt một số thông tin trong nội dung rà soát về Stockholm, Chicago và Kitakyushu như sau:

1) Stockholm⁷

Stockholm là thành phố thủ đô của Thụy Điển và là thành phố đông dân nhất khu vực Bắc Âu với số dân đạt 910.000 người năm 2014. Thành phố này được công nhận là thành phố xanh đầu tiên ở châu Âu, là mô hình kết hợp thành công giữa tăng trưởng kinh tế và những chính sách giảm thiểu tác động môi trường. Thành phố đã xây dựng tầm nhìn xác định những sáng kiến phát triển bền vững và môi trường rõ ràng hơn, đây chính là những nguồn lực tiềm năng quan trọng cho tăng trưởng. Mạng lưới tàu điện ngầm là khu vực áp dụng được hàng loạt những thực tiễn thông dụng nhất, đặc biệt trong quản lý tình trạng tắc nghẽn, hệ thống làm nóng đô thị sử dụng năng lượng tái tạo và thành lập các quận sinh thái. Bảng sau đây trình bày những chính sách áp dụng ở Stockholm:

Bảng I-2.3 Những chính sách ở Stockholm

Nhân tố	Hạng mục nổi bật
Sử dụng đất	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng “các nút” như trình bày cụ thể trong kế hoạch sử dụng đất của thành phố Stockholm và hạt Stockholm. - Xây dựng các mối liên kết chiến lược trong khu vực đô thị tránh sử dụng đất manh mún. - Thiết lập các quận sinh thái thông qua thúc đẩy các công nghệ sinh thái nhằm đạt hiệu quả năng lượng và giảm thiểu chất thải. - Xây dựng các công viên và khu vực không gian xanh có tính hấp dẫn cao.
Giao thông	<ul style="list-style-type: none"> - Thu phí tắc nghẽn để thúc đẩy người dân sử dụng các phương tiện giao thông công cộng. - Thúc đẩy sử dụng phương tiện giao thông chạy điện và xăng hoặc chạy xăng.
Tòa nhà	<ul style="list-style-type: none"> - Tạo điều kiện cho các chủ tài sản tư nhân sử dụng thêm các thiết bị hiệu quả năng lượng. - Chia sẻ thông tin hoạt động hiệu quả năng lượng để tìm kiếm các khách hàng tiềm năng cho hoạt động lắp đặt thiết bị hiệu quả năng lượng.
Chất thải	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện phân loại rác tái chế, không phải tại điểm thu gom rác mà ngay tại hộ gia đình. - Thực hiện các chương trình thí điểm làm phân hữu cơ. - Vận hành các lò đốt rác để xử lý chất thải rắn.
Năng lượng	<ul style="list-style-type: none"> - Tăng tỷ lệ sử dụng năng lượng tái tạo bao gồm cả nhiên liệu xăng sinh học cho hoạt động làm nóng. - Sử dụng hiệu quả hơn các máy bơm nhiệt nhờ giảm tổn thất năng lượng. - Tích hợp hệ thống làm nóng địa nhiệt với sử dụng rộng rãi hơn các nguồn năng lượng tái tạo.
Nước	<ul style="list-style-type: none"> - Thúc đẩy ứng dụng công nghệ tiên tiến trong quản lý chất lượng nước.

Nguồn: <http://international.stockholm.se/globalassets/ovriga-bilder-och-filer/green-growth-in-stockholm.pdf>

2) Chicago⁸

Chicago thuộc bang Illinois, Mỹ, có dân số đạt khoảng 2.700.000 người năm 2014. Thành phố có Hội đồng bền vững, gồm các lãnh đạo các sở, do thị trưởng giữ vai trò chủ tịch, hoạt động nhằm mục đích xây dựng một Chicago bền vững hơn. Kế hoạch hành động Chicago bền vững đặt ra những chính sách bền vững.

Kế hoạch hành động Chicago bền vững đề ra 24 mục tiêu, chia thành 7 nhóm: (1) phát triển kinh tế và tạo việc làm, (2) hiệu quả năng lượng và năng lượng sạch, (3) những giải pháp vận tải, (4) nước và nước thải, (5) công viên, không gian xanh và thực phẩm an toàn sức khỏe, (6) nước và tuần hoàn nước, và (7) biến đổi khí hậu. Bảng sau đây trình bày nội dung các mục tiêu và những chính sách chính thuộc các nhóm mục tiêu:

⁷ <http://international.stockholm.se/globalassets/ovriga-bilder-och-filer/green-growth-in-stockholm.pdf>

⁸ <http://www.cityofchicago.org/content/dam/city/progs/env/SustainableChicago2015.pdf>

Bảng I-2.4 Mục tiêu và các chính sách chính trong Kế hoạch hành động Chicago bền vững

Nhóm mục tiêu	Mục tiêu	Chính sách
Phát triển kinh tế và tạo việc làm	- Phát triển Chicago thành một trung tâm phát triển kinh tế bền vững	- Tăng đầu tư và nghiên cứu thông qua các hoạt động gồm cả tổ chức một hội nghị thượng đỉnh về công nghệ sạch Chicago. - Tuyển dụng những công ty và cá nhân ứng dụng các giải pháp đổi mới nhất về phát triển bền vững và năng lượng sạch. - Tăng nhu cầu sử dụng các sản phẩm bền vững và những tiếp cận áp dụng chính sách mua sắm xanh.
	- Tăng tốc phát triển kinh tế Chicago thông qua hỗ trợ người dân và các doanh nghiệp áp dụng thực tiễn bền vững.	- Hỗ trợ giáo dục tòa nhà xanh và bền vững công cộng thông qua thực hiện chương trình tại Trung tâm Công nghệ xanh Chicago và các đối tác khác.
Hiệu quả năng lượng và năng lượng sạch	- Cải thiện 5% hiệu quả năng lượng toàn thành phố	- Hỗ trợ và thúc đẩy việc lắp đặt đồng hồ thông minh ở các doanh nghiệp và hộ gia đình Chicago. - Nhân đôi số lượng các tòa nhà được cấp chứng nhận sử dụng thiết bị nhiều điện tử năng lượng thấp (LEED).
	- Cải thiện 10% hiệu quả năng lượng tổng thể trong các tòa nhà đô thị	- Mục tiêu giảm 20% tiêu thụ năng lượng trong 10 triệu feet vuông các toàn nhà đô thị. - Đạt ít nhất 10% cải thiện hiệu quả năng lượng ở tất cả các cơ sở giáo dục, mục tiêu trường học đạt tỷ lệ tham gia thông qua chương trình tiết kiệm năng lượng chia sẻ. - Nhân đôi số lượng các tòa nhà được cấp chứng nhận sử dụng thiết bị nhiều điện tử năng lượng thấp (LEED).
	- Tạo bổ sung 20MW năng lượng tái tạo, phù hợp theo tiêu chuẩn năng lượng tái tạo của bang Illinois	- Tạo 10 MW năng lượng tái tạo cho các cơ sở vật chất của thành phố - Tìm hiểu cơ hội các sản phẩm, năng lượng tái tạo tự sản xuất trong phương pháp tiếp cận tìm mua năng lượng.
Những giải pháp vận tải	- Tăng lượng sử dụng phương tiện vận tải trung chuyên hàng ngày	- Mở dịch vụ xe buýt trung chuyên nhanh chạy trên tuyến thí điểm Hành lang Jeffery và một tuyến hoàn chỉnh xuống trung tâm thành phố. - Thực hiện một chương trình quản lý nhu cầu đi lại để kết nối mọi người bằng các giải pháp thông tin khác nhau.
	- Thúc đẩy phát triển các trạm vận tải trung chuyên theo định hướng trung chuyên	- Sử dụng Sắc lệnh phân vùng Chicago thông qua bổ sung định nghĩa Phát triển theo định hướng trung chuyên để tạo điều kiện và khuyến khích phát triển thêm các trạm trung chuyên.
	- Xây dựng Chicago thành thành phố thân thiện nhất với người đi bộ và xe đạp trên quốc gia	- Mở hệ thống chia sẻ xe đạp với 4.000 chiếc và 400 trạm. - Công bố quy hoạch phố đi bộ để cải thiện sức khỏe và an toàn - Tăng cường, áp dụng bản sửa đổi Hướng dẫn đường phố hoàn thiện để triển khai các đường phố thân thiện, hấp dẫn, an toàn với người đi bộ.
	- Cải thiện hoạt động vận tải hàng hóa và thúc đẩy các dự án đường sắt vận chuyển hành khách tốc độ cao	- Xác định các nguồn tài chính bổ sung và làm việc với các đối tác CREAT để xin viện trợ phù hợp.
	- Thúc đẩy lãnh đạo bền vững tại các sân bay của Chicago	- Thúc đẩy các chiến lược giảm 15% tiêu thụ năng lượng, chuyển đổi 50% rác sân bay và duy trì đội xe gồm 20% các phương tiện phát khí thải thấp và xây dựng các phương pháp tiếp cận vận hành sân bay. - Thúc đẩy cơ hội hợp tác để hỗ trợ các sáng kiến ngành hàng không.
	- Tăng cường cơ sở hạ tầng để thúc đẩy hiệu quả phương tiện	- Đạt mục tiêu mỗi xe taxi sử dụng 75% - 80% xăng và điện hoặc phương tiện sử dụng khí ga tự nhiên dạng nén. - Khuyến khích sử dụng nhiên liệu sạch, công nghệ phương tiện sạch
	- Giảm 10% tiêu thụ nhiên liệu hóa thạch ở đô thị	- Hàng năm, thay thế 3% phương tiện vận tải bằng phương tiện xanh. - Giảm 12% mức năm 2011 đối với cao điểm sử dụng năng lượng dịch vụ đường sắt của Cơ quan quản lý trung chuyên Chicago
	Nước và nước thải	- Hàng năm, giảm 2% nước sử dụng (4,000,000 gallons/ngày) (1 gallon = 3,78 lít)
- Tăng cường quản lý nước mưa để kiểm soát dòng tràn nước thải và ngập lụt		- Xây dựng một kế hoạch xanh toàn diện được đưa vào quy trình xây dựng ngân sách - Tăng cơ hội tuần hoàn nước trở lại hồ Michigan

Nhóm mục tiêu	Mục tiêu	Chính sách
	- Chuyển đổi sông Chicago thành khu vực bờ sông thứ hai	- Tạo các cơ hội nghỉ dưỡng dọc con sông. - Phối hợp với các bên liên quan để triển khai những nỗ lực tái sinh dòng sông Chicago
	- Bảo vệ chất lượng nước và tăng cường tiếp cận tới hồ Michigan	- Sử dụng công nghệ mới nhất cung cấp thông tin công cộng nhanh hơn, chính xác hơn về chất lượng nước bề mặt. - Giảm lượng muối sử dụng cho các chương trình thu dọn tuyết.
Công viên, không gian xanh và thực phẩm an toàn sức khỏe	- Tăng số lượng các khu không gian xanh và công viên cho người dân Chicago	- Đầu tư các khu không gian sáng tạo mới. - Tăng số lượng và thể loại các chương trình cho người dân thông qua Công viên đô thị Chicago, nhóm cộng đồng người dân và những đối tác khác
	- Tăng những giải pháp tiếp cận thực phẩm địa phương an toàn sức khỏe	- Khuyến khích các cá nhân chế biến thức ăn đảm bảo sức khỏe ở những không gian công cộng và riêng tư.
	- Cải thiện và bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và đa dạng sinh thái Chicago	- Tiếp tục duy trì hiệu lực sắc lệnh về các loài dễ bị xâm hại trên cạn và dưới nước
Nước và tuần hoàn	- Tăng số lượng các khu không gian xanh và công viên cho người dân Chicago	- Mở rộng chương trình Tuần hoàn Xe đẩy tay màu xanh tới 600.000 hộ dân thành phố. - Cải thiện chính sách thúc đẩy tái chế, làm phân hữu cơ và tái sử dụng vật liệu xây dựng.
	- Tăng tiếp cận các chính sách cải thiện và tái chế, thúc đẩy giảm thiểu và tái sử dụng chất thải.	- Sử dụng một số vật tư có thành phần tái chế được trong từng dự án xây dựng.
Biến đổi khí hậu	- Giảm phát thải các-bon ở tất cả các ngành	- Hợp tác với các trường đại học để dựng Chicago như một phòng thí nghiệm nghiên cứu về khí hậu và thu thập số liệu. - Tăng sự tham gia của cộng đồng để phát triển Chicago bền vững hơn.
	- Cải thiện chất lượng không khí địa phương thông qua chương trình về phát thải khí nhà kính	- Thực hiện Sắc lệnh xây dựng hợp đồng diesel sạch Chicago để dành điểm xe vận tải sạch và cấm sử dụng các thiết bị và phương tiện gây ô nhiễm cao trong các dự án của thành phố bắt đầu từ năm 2014.
	- Bảo vệ thành phố và người dân thành phố thông qua những vấn đề biến đổi khí hậu	- Chuẩn bị cơ sở hạ tầng đối phó với biến đổi khí hậu thông qua giám hiệu ứng đảo nhiệt đô thị, quản lý ngập lụt qua nghiên cứu các đợt bão lũ cao điểm, tăng cường tính thích ứng với thời tiết cực đoan.

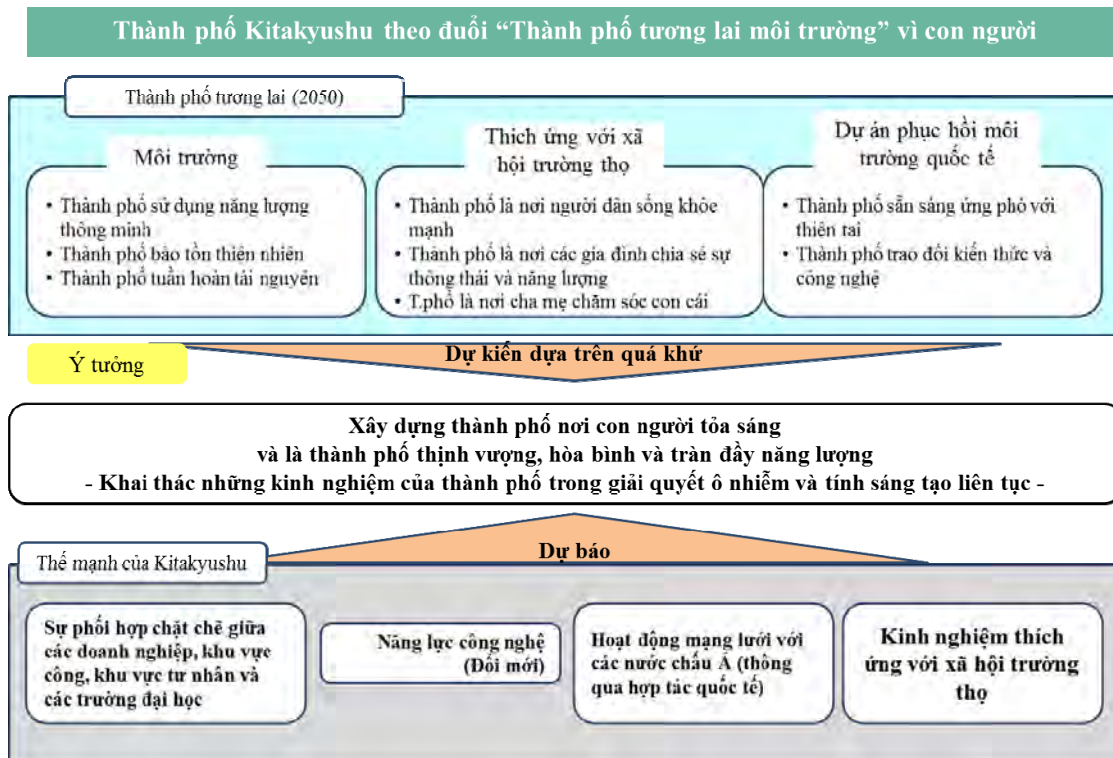
Nguồn: <http://www.cityofchicago.org/content/dam/city/progs/env/SustainableChicago2015.pdf>

3) Kitakyushu ⁹

Kitakyushu có dân số đạt khoảng 960.000 người đã bị ảnh hưởng dịch bệnh nặng nề do ô nhiễm môi trường nghiêm trọng trong những năm 1960. Phụ nữ địa phương đã đứng lên tập hợp và yêu cầu cộng đồng, các doanh nghiệp và chính quyền cùng hành động. Theo đó, các doanh nghiệp đã lắp đặt những công nghệ hiệu quả hơn trong các nhà máy của mình, chính quyền địa phương đã ban hành những quy định cụ thể và cơ sở hạ tầng như các trạm xử lý nước thải đã được xây dựng. Không có nhà máy nào phải di chuyển hoặc đóng cửa và tăng trưởng kinh tế diễn ra bền vững có cải thiện môi trường. Thành công này đã khiến Ngân hàng thế giới quyết định thực hiện nghiên cứu mô hình phát triển bền vững Kitakyushu.

Thành phố Kitakyushu là thành phố đi đầu trong phát triển xã hội tái chế và khởi xướng khu đô thị sinh thái đầu tiên ở Nhật Bản và nay trở thành khu công nghiệp sinh thái lớn nhất của đất nước. Kitakyushu đã được chọn là “Thành phố mô hình sinh thái” để từ đó xây dựng một thành phố các-bon thấp. Khái niệm Thành phố mô hình sinh thái được mô phỏng cụ thể ở hình dưới đây. Mô hình gồm các mục tiêu xây dựng thành phố và những hoạt động áp dụng kinh nghiệm của Kitakyushu trong giải quyết ô nhiễm và giới thiệu công nghệ mới sáng tạo. Mục tiêu tổng thể nhằm “Xây dựng thành phố nơi con người tỏa sáng và là một thành phố thịnh vượng, hòa bình và tràn đầy năng lượng”.

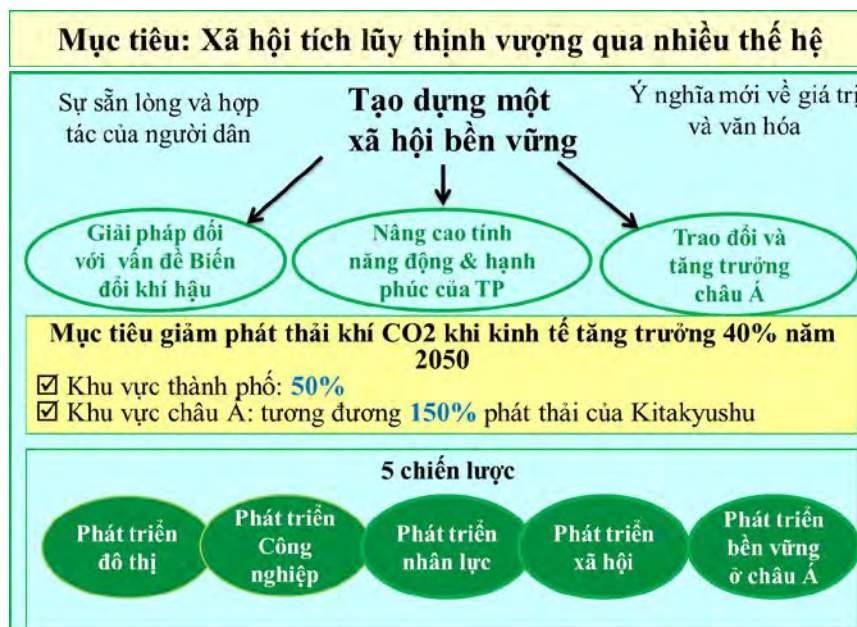
⁹ http://www.asiangreencamp.net/pdf/kitakyushu-model/kitakyushu_story.pdf



Nguồn: <http://apcs.city.fukuoka.lg.jp/en/download/mayor/pdf/3.%20Kitakyushu%2010ME.pdf>

Hình I-2.4 Khái niệm Mô hình thành phố sinh thái ở Kitakyushu

Thành phố Kitakyushu đã lập “Kế hoạch mặt trận xanh” (Green Frontier Plan) nhằm phát triển một xã hội các-bon thấp, hiện thực hóa đời sống phong phú xuyên thế hệ và hài hòa phát triển kinh tế với quản lý môi trường. Ý tưởng của kế hoạch được thể hiện cụ thể ở hình dưới đây. Kế hoạch đưa ra 5 thể loại hoạt động xây dựng xã hội bền vững ở bảng sau.



Nguồn: http://www.uncrd.or.jp/content/documents/141SMT%20-%20P12_3_Case%20Study_Kitakyushu.pdf

Hình I-2.5 Ý tưởng kế hoạch mặt trận xanh ở Kitakyushu

Bảng I-2.5 Chiến lược trong Kế hoạch mặt trận xanh ở Kitakyushu

Thể loại	Chiến lược
Phát triển đô thị	- Tích hợp hệ thống năng lượng địa phương nhằm giảm 30% lượng phát thải khí CO ₂ - Phát triển cộng đồng thông minh - Phát triển thành phố không phát khí thải
Phát triển công nghiệp	- Áp dụng những sản phẩm và dịch vụ phát thải khí CO ₂ thấp - Ứng dụng các biện pháp tiết kiệm năng lượng để đổi mới quy trình sản xuất
Phát triển con người	- Tổ chức và hoạt động Hội đồng giáo dục Kitakyushu về phát triển bền vững, bao gồm cộng đồng địa phương, tổ chức phi lợi nhuận, trường học, bảo tàng, viện nghiên cứu, doanh nghiệp tư nhân và truyền thông.
Phát triển xã hội	- Thực hiện các hành động hướng tới xã hội phát thải thấp, như nâng cao nhận thức thông qua sự kiện có tên gọi “Thời kỳ sống sinh thái” và thúc đẩy lối sống sinh thái. - Hội đồng môi trường Kitakyushu thực hiện quản lý môi trường. - Hỗ trợ tài chính cho hoạt động nghiên cứu và phát triển công nghệ. - Hệ thống điểm sinh thái giảm phát thải rác và khí CO ₂ .
P.triển bền vững ở C.Á	- Tích cực tổ chức hợp tác quốc tế về giảm thiểu ô nhiễm, cải thiện hoạt động quản lý chất thải rắn, cải thiện cấp nước và phát triển xã hội các-bon thấp ở các nước châu Á.

Nguồn: http://www.uncrd.or.jp/content/documents/141SMT%20-%20P12_3_Case%20Study_Kitakyushu.pdf

I-2.3.2.2 Kinh nghiệm tăng trưởng xanh ở Việt Nam

Ở Việt Nam, đã có nhiều tỉnh thành triển khai áp dụng khái niệm tăng trưởng xanh. Sau đây là những ví dụ về các chiến lược thực hiện tăng trưởng xanh:

(1) Thành phố Đà Nẵng

Hình dưới đây mô phỏng những sáng kiến chiến lược tăng trưởng xanh do thành phố Đà Nẵng xây dựng. Những sáng kiến đó bao gồm 5 chiến lược : (a) Quản lý vật liệu bền vững thông qua biến chất thải thành tài nguyên, (b) Phát triển giao thông xanh, (c) Xanh hóa công nghiệp tăng sản lượng và hiệu quả sử dụng tài nguyên, (d) Quản lý nguồn nước tích hợp và quản lý sông ngòi và (e) Phát triển nông nghiệp xanh kết nối với sản xuất và du lịch xanh.

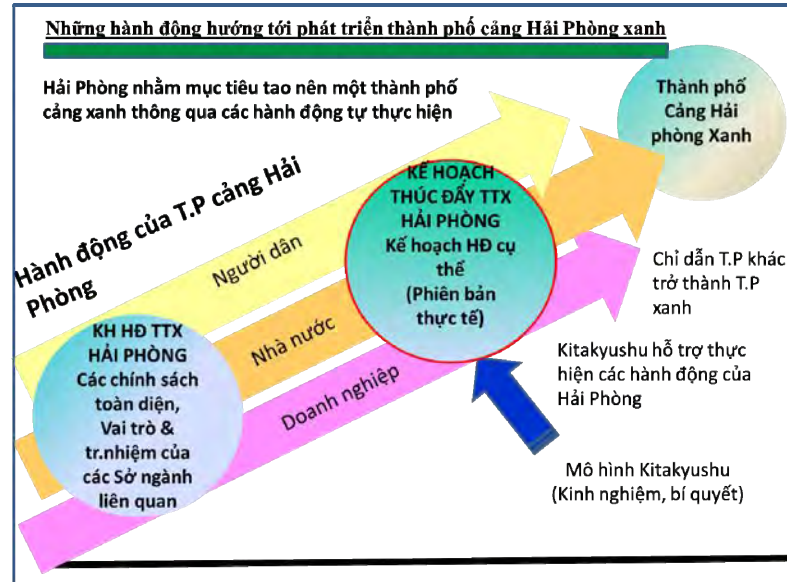


Nguồn: http://2014excom.citynet-ap.org/wp-content/uploads/2014/12/4.2-Green-Cities-Session-NGUYEN-QUANG_Green-Cities-development-in-Vietnam.pdf

Hình I-2.6 Sáng kiến chiến lược tăng trưởng xanh của thành phố Đà Nẵng

(2) Thành phố Hải Phòng

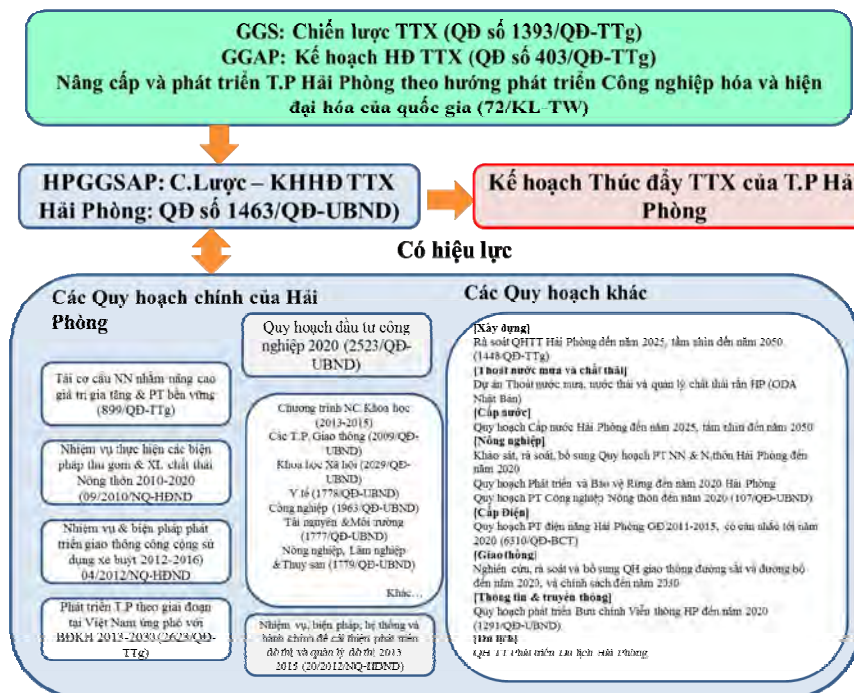
Thành phố Hải Phòng đã xây dựng Kế hoạch hành động tăng trưởng xanh thành phố Hải Phòng và hiện đang triển khai một số hoạt động tăng trưởng xanh. Trong quá trình xây dựng kế hoạch, thành phố đã tham khảo những kinh nghiệm và phương pháp tiếp cận tăng trưởng xanh của thành phố Kitakyushu, cụ thể như được trình bày ở phần trước.



Nguồn : Kế hoạch hành động tăng trưởng xanh thành phố Hải Phòng

Hình I-2.7 Phác thảo ý tưởng hành động xây dựng thành phố Hải Phòng xanh

Kế hoạch hành động tăng trưởng xanh của thành phố Hải Phòng được xây dựng căn cứ vào chiến lược tăng trưởng xanh quốc gia và những quy hoạch hiện có, như trình bày ở hình dưới đây. Kế hoạch quan tâm tới các lĩnh vực quản lý chất thải, tiết kiệm năng lượng, cải thiện giao thông và quản lý hiệu quả tài nguyên thiên nhiên đảo Cát Bà.



Nguồn : Kế hoạch hành động tăng trưởng xanh thành phố Hải Phòng

Hình I-2.8 Cơ sở pháp lý lập kế hoạch hành động tăng trưởng xanh thành phố Hải Phòng



Nguồn : Kế hoạch hành động tăng trưởng xanh thành phố Hải Phòng

Hình I-2.9 Triển khai thực hiện kế hoạch hành động tăng trưởng xanh thành phố Hải Phòng

I-2.3.3 Bài học kinh nghiệm cho Tăng trưởng xanh

Dựa vào những hoạt động liên quan tới tăng trưởng xanh tại một số nước và các thành phố khác ở Việt Nam, những bài học và kinh nghiệm có khả năng áp dụng để xem xét các chính sách và biện pháp cho thúc đẩy tăng trưởng xanh đã được phân tích và trích dẫn trong bảng sau đây.

Bảng I-2.6 Kinh nghiệm và bài học có thể áp dụng để thúc đẩy tăng trưởng xanh

Nội dung	Hoạt động có liên quan	Bài học kinh nghiệm
Lựa chọn ngành mục tiêu	<ul style="list-style-type: none"> Các hoạt động tại các thành phố được phân tích ở trên chủ yếu bao gồm các biện pháp trong các lĩnh vực như quản lý môi trường nước, tiết kiệm năng lượng, quản lý chất thải rắn và giao thông. Các hoạt động về nông nghiệp, sử dụng đất và việc làm cũng được bao gồm nhưng ở một mức độ nhất định, tùy theo đặc điểm của từng thành phố/khu vực. Kinh nghiệm từ Mehico nhấn mạnh vào tầm quan trọng của người lãnh đạo đứng đầu thúc đẩy chính sách tăng trưởng xanh. Chính phủ Nhật Bản cho rằng việc lồng ghép các chính sách trong các ngành/lĩnh vực khác nhau là tối quan trọng, khi liên quan tới tăng trưởng xanh. 	Các ngành mục tiêu nên được lựa chọn với sự cân nhắc tới các đặc tính vùng miền
Sự lãnh đạo	<ul style="list-style-type: none"> Kinh nghiệm từ Mehico nhấn mạnh vào tầm quan trọng của người lãnh đạo thúc đẩy chính sách tăng trưởng xanh Thị trưởng thành phố Chicago tự gánh vác vai trò là Chủ tịch Ủy ban Phát triển bền vững và tăng trưởng xanh của thành phố. Trong trường hợp của Hà Lan, các công ty, các viện nghiên cứu, các trường đại học và chính phủ cùng cộng tác soạn thảo các thỏa thuận để kích thích đổi mới và nâng cao khả năng cạnh tranh kinh tế. 	Sự cam kết của người ra quyết định là rất quan trọng để thúc đẩy tăng trưởng xanh. Phải đề xuất thiết lập hệ thống hỗ trợ cho những người ra quyết định để đưa các biện pháp về tăng trưởng xanh được áp dụng trong thực tiễn.

Nội dung	Hoạt động có liên quan	Bài học kinh nghiệm
Tham gia của các bên có liên quan	<ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp của Singapore cho thấy rằng i) xây dựng thương hiệu của thành phố liên quan tới tăng trưởng xanh, ii) kêu gọi các bên liên quan đối với các biện pháp tăng trưởng xanh, và iii) lôi kéo các bên liên quan vào việc thực thi các biện pháp. - Thành phố Kitakyusyu được cho là “thành phố mô hình Eco để xây dựng xã hội các-bon thấp”, và đang thực thi các biện pháp hành chính có liên quan. 	Phương pháp xây dựng thương hiệu hoặc khẩu hiệu là có hiệu lực trong việc nâng cao nhận thức và lôi kéo các bên liên quan trong việc thúc đẩy tăng trưởng xanh.
Chia sẻ lợi ích	<ul style="list-style-type: none"> - Thành phố Kitakyusyu cho rằng việc chia sẻ lợi ích với các bên có liên quan là quan trọng, với khẩu hiệu “Tạo ra một thành phố nơi mọi người được tỏa sáng, thành phố thịnh vượng, bình yên và tràn đầy năng lượng” 	Điều quan trọng là chia sẻ lợi ích về tăng trưởng xanh với các bên có liên quan trong khu vực.
Áp dụng công nghệ mới	<ul style="list-style-type: none"> - Tại Hà Lan, các chương trình nghiên cứu ngành đã được thiết lập để các bên tham gia đầu tư vốn tài chính và nhân lực cho Nghiên cứu và Phát triển (R&D) để thực hiện đổi mới công nghệ. - Thành phố Kitakyusyu đặt mục tiêu mở rộng việc chuyển giao kỹ thuật tại các nước châu Á liên quan tới thúc đẩy tăng trưởng xanh. 	Tăng trưởng xanh phải được thúc đẩy với việc tăng cường đổi mới công nghệ

Nguồn: Nhóm Chuyên gia JICA

I-2.3.4 Bài học kinh nghiệm cho Tăng trưởng xanh tỉnh Quảng Ninh

Dựa vào những hoạt động liên quan tới tăng trưởng xanh tại một số nước và các tỉnh thành khác ở Việt Nam, những bài học và kinh nghiệm có khả năng áp dụng để xem xét các chính sách và biện pháp cho thúc đẩy tăng trưởng xanh tại tỉnh Quảng Ninh đã được phân tích và trích dẫn trong bảng sau đây.

Bảng I-2.7 Bài học kinh nghiệm áp dụng cho thúc đẩy Tăng trưởng xanh tỉnh Quảng Ninh

Nội dung	Bài học kinh nghiệm	Khả năng áp dụng cho khu vực vịnh Hạ Long
Lựa chọn ngành mục tiêu	Các ngành mục tiêu nên được lựa chọn với sự cân nhắc thích đáng tới các đặc tính vùng miền	<ul style="list-style-type: none"> - Du lịch là một ngành quan trọng trong khu vực vịnh Hạ Long. Xúc tiến du lịch cũng như cân nhắc về môi trường trong các hoạt động du lịch là hết sức cần thiết. - Vùng nước của vịnh Hạ Long được xem như là i) tài nguyên thiên nhiên cần được bảo tồn, là Di sản Thế giới, và ii) nguồn tài nguyên được khai thác cho ngành du lịch, đánh bắt và nuôi trồng thủy sản. Tỉnh Quảng Ninh và chính quyền các địa phương như T.P Hạ Long đang tiến hành nhiều biện pháp hành chính để bảo vệ môi trường vịnh. Có đề xuất cần tăng cường các biện pháp hành chính này thông qua áp dụng khái niệm tăng trưởng xanh. - Thúc đẩy tiết kiệm năng lượng là một trong những biện pháp quan trọng liên quan tới tăng trưởng xanh, và sẽ phải được bao gồm trong Dự án.
Sự lãnh đạo	<ul style="list-style-type: none"> - Kinh nghiệm từ Mehico nhấn mạnh vào tầm quan trọng của người lãnh đạo thúc đẩy chính sách tăng trưởng xanh - Thị trưởng thành phố Chicago tự gánh vác vai trò là Chủ tịch Ủy ban Phát triển bền vững và tăng trưởng xanh của thành phố. - Trong trường hợp của Hà Lan, các công ty, viện nghiên cứu, các trường đại học và chính phủ cùng nhau cộng tác lập thỏa thuận để kích thích đổi mới và nâng cao khả năng cạnh tranh kinh tế. 	<ul style="list-style-type: none"> - Cam kết của UBND tỉnh Quảng Ninh là không thể thiếu nhằm đảm bảo quá trình thực hiện tăng trưởng xanh trong tỉnh được trôi chảy. - Tỉnh Quảng Ninh có sự hợp tác chặt chẽ với Bộ KH&ĐT. Tăng cường thông tin liên lạc với các bộ ngành trung ương sẽ có hiệu lực cho việc thúc đẩy tăng trưởng xanh. Khi cần thiết, sẽ đề nghị tỉnh đưa ra yêu cầu hỗ trợ từ các bộ ngành trung ương.
Tham gia của các bên có liên quan	<ul style="list-style-type: none"> - Phương pháp xây dựng thương hiệu hoặc khẩu hiệu là có hiệu lực trong việc nâng cao nhận thức và lôi kéo các bên liên quan trong việc thúc đẩy tăng trưởng xanh. 	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng thương hiệu cho thành phố Hạ Long hoặc khu vực vịnh Hạ Long, ví dụ như “Thành phố Xanh, Sạch Đẹp”, sẽ góp phần vào thúc đẩy tăng trưởng xanh trong khu vực. - Điều quan trọng là phổ biến i) Kế hoạch HĐTTX của tỉnh và các kế hoạch có liên quan tới các bên có liên quan, và ii) tiến độ thực hiện các chính sách và biện pháp đã nêu trong KHHDĐTTX của tỉnh cũng như các kế hoạch tới

Nội dung	Bài học kinh nghiệm	Khả năng áp dụng cho khu vực vịnh Hạ Long
		các bên có liên quan.
Chia sẻ lợi ích	Điều quan trọng là chia sẻ lợi ích về tăng trưởng xanh với các bên có liên quan trong khu vực.	<ul style="list-style-type: none"> - Thúc đẩy tăng trưởng xanh không chỉ bao gồm và liên quan tới những doanh nghiệp có quy mô lớn mà cả các DN có quy mô vừa và nhỏ tại khu vực vịnh Hạ Long để họ cùng chia sẻ lợi ích thu được từ tăng trưởng xanh. - Cách tiếp cận thông qua cộng tác với các bên có liên quan khác nhau đề xuất sẽ được xem xét.
Áp dụng công nghệ mới	Tăng trưởng xanh phải được thúc đẩy với việc tăng cường đổi mới công nghệ	<ul style="list-style-type: none"> - Trong trường hợp T.P Hải Phòng, một cơ quan nước ngoài (T.P Kitakyusyu) đang hỗ trợ và chuyển giao kỹ thuật để thực hiện các hoạt động liên quan tới tăng trưởng xanh. Tỉnh Quảng Ninh cũng sẽ được đề nghị giới thiệu hoặc áp dụng những kinh nghiệm và kiến thức của nước ngoài vào việc thúc đẩy tăng trưởng xanh.

Nguồn: Nhóm Chuyên gia JICA

I-2.4 Thu thập thông tin cơ bản và phân tích nhu cầu/thiếu hụt về quản lý trong tỉnh Quảng Ninh để thực hiện tăng trưởng xanh

Những thông tin cần thiết cho việc xem xét các chính sách tăng trưởng xanh của tỉnh Quảng Ninh đã được thu thập, và đã thực hiện phân tích về nhu cầu/thiếu hụt đối với các khía cạnh như i) điều kiện kinh tế liên quan tới tăng trưởng xanh trong tỉnh, ii) định hướng và các quy hoạch cấp trung ương bao gồm cả CLTTXQG, Kế hoạch HĐTTX của tỉnh, iii) Quy hoạch tổng thể của các ngành trọng điểm của tỉnh, iv) Tình hình thể chế và hành chính cho thực hiện tăng trưởng xanh trong tỉnh, và v) Tình hình tài chính và cấp ngân sách trên địa bàn tỉnh.

Kết quả của các nghiên cứu và phân tích trên đã được biên tập tại Phần II của báo cáo này, cùng với phân phân tích các kết quả tìm được, các ghi chú và vấn đề ưu tiên sẽ phải được giải quyết trong Dự án.

I-2.5 Thiết lập về tổ chức cho giai đoạn Lập kế hoạch chi tiết

Ban Chỉ đạo Dự án và Ban Quản lý Dự án đã được thành lập vào thời điểm bắt đầu giai đoạn 1 của Dự án. Thành viên của Ban Chỉ đạo Dự án và Ban Quản lý Dự án tại thời điểm tháng 10/2015 được trình bày tại Phụ lục I-1.

Bên cạnh đó, một loạt các cuộc họp tham vấn chuyên sâu đã được tổ chức trong quá trình thực hiện giai đoạn 1, với sự tham gia của các sở, ngành có liên quan trong tỉnh, chính quyền các địa phương và ngành tư nhân, phù hợp với từng chủ đề được thảo luận.

I-2.6 Hiện trạng, Kết quả nghiên cứu và Đánh giá hiệu suất môi trường trong các ngành trọng điểm của tỉnh Quảng Ninh và khu vực vịnh Hạ Long

Quản lý môi trường/sự tuân thủ và hoạt động quan trắc môi trường đã được khảo sát trong các ngành trọng điểm (công nghiệp, ngành giao thông vận tải, quản lý chất thải, nông nghiệp, tài nguyên nước, nước thải, v.v...) trên địa bàn tỉnh và trong khu vực vịnh Hạ Long trên quan điểm xanh hóa các ngành này. Hiệu suất môi trường, hiệu quả sử dụng năng lượng và phát thải khí nhà kính cũng được đã khảo sát đánh giá nhanh. Kết quả khảo sát đã được biên soạn và trình bày tại Phần II của báo cáo này, với phân tích dẫn các kết quả chính.

I-2.7 Thảo luận và xây dựng sự đồng lòng nhất trí giữa các bên liên quan, thực hiện các cuộc hội nghị, hội thảo và tập huấn về tăng trưởng xanh

Dựa trên các kết quả nghiên cứu, nhiều cuộc thảo luận và tham vấn đã được tạo điều kiện thực hiện để xây dựng sự đồng thuận giữa các bên liên quan về các vấn đề ưu tiên sẽ được giải quyết và những hành động cần phải được thực hiện trong giai đoạn thực thi của Dự án. Những hoạt động chính sẽ được tiến hành trong giai đoạn này được tóm tắt dưới đây, bao gồm cả hoạt động tập huấn và hội thảo.

I-2.7.1 Họp giao ban tuần

Theo sáng kiến của PMU, một loạt các cuộc họp giao ban tuần đã được tổ chức trong giai đoạn 1 của Dự án. Các cuộc họp được tổ chức hai tuần một lần, trên nguyên tắc không theo thể thức, bất cứ khi nào cần phải trao đổi giữa BQLDA và Nhóm chuyên gia JICA (JET), để i) quá trình thực hiện dự án được trôi chảy, ii) để bố trí sự tham gia của các bên liên quan trong hoạt động của dự án, và iii) để xác định và giải quyết các vấn đề phát sinh trong hoạt động hằng ngày của Dự án.

I-2.7.2 Họp Khởi động Dự án và Họp Ban Chỉ đạo Dự án

Cuộc họp Khởi động Dự án và các họp Ban chỉ đạo Dự án được tổ chức vào những điểm mốc quan trọng trong Giai đoạn 1 dưới sự chỉ đạo của ông Phó chủ tịch thường trực UBND tỉnh Quảng Ninh được thể hiện trong bảng sau đây. Kết quả và thành viên tham dự, v.v... của từng cuộc họp được trình bày tại Phụ lục I-2.

Bảng I-2.8 Họp Khởi động và Họp Ban chỉ đạo Dự án

Tên cuộc họp và ngày họp	Nội dung chính
Họp khởi động Dự án Ngày 30/10/2015	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh dấu mốc khởi động Dự án - Xác nhận về cơ cấu tổ chức để tiến hành các hoạt động của Giai đoạn Lập kế hoạch chi tiết - Trình bày và thảo luận về kế hoạch hoạt động của Giai đoạn Lập kế hoạch chi tiết
Họp Ban Chỉ đạo Dự án lần thứ nhất Ngày 21/3/ 2016	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày tiến độ các hoạt động vào thời điểm giữa của Giai đoạn Lập kế hoạch chi tiết và chia sẻ về báo cáo tiến độ dự án - Xác nhận các chủ đề đề xuất được lựa chọn là hoạt động thí điểm trong giai đoạn 2 của Dự án (Giai đoạn Thực thi) cùng với việc chia sẻ quy trình lựa chọn các hoạt động - Thảo luận về đề cương các hoạt động thí điểm đề xuất và lịch thực thi hoạt động xây dựng/cải thiện về thể chế - Giới thiệu về những kinh nghiệm, kiến thức của tỉnh Shiga và Hồ Biwa góp phần vào việc thực hiện Dự án.
Họp Ban Chỉ đạo Dự án lần thứ hai Ngày 22/6/2016	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày và thảo luận về Cơ cấu Dự án tổng thể và dự thảo đề cương của năm (5) chủ đề được lựa chọn là những hoạt động thí điểm sẽ được tiến hành trong Giai đoạn 2 của Dự án - Trình bày và thảo luận về Ma trận Thiết kế Dự án (PDM) và Kế hoạch Hoạt động (PO) cho Giai đoạn 2 - Trình bày và thảo luận về mức độ sẵn sàng cho giai đoạn 2, bao gồm việc xây dựng/cải thiện thể chế, lịch dự kiến cho sự sẵn sàng, v.v...

Nguồn: Nhóm Chuyên gia JICA

I-2.7.3 Tham vấn Chuyên sâu

Trong một thời gian ngắn, BQLDA và JET đã khẩn trương tổ chức một loạt cuộc họp tham vấn chuyên sâu nhằm thiết lập kế hoạch hành động ưu tiên thực hiện TTX của tỉnh cũng như lập các kế hoạch thực thi cho giai đoạn 2, với sự tham gia của các sở ngành chủ chốt, chính quyền các địa phương và các cơ quan liên quan trong khu vực vịnh Hạ Long.

JET đã trình bày những nội dung giới thiệu ngắn gọn (về kinh nghiệm của Nhật Bản, thực hành/bài học của tỉnh Shiga, hồ Biwa và các ví dụ khác, v.v...) để các thành viên cùng nghiên cứu cân nhắc. Sau mỗi bài giới thiệu, các thành viên dự họp đã cùng nhau trao đổi, thảo luận. Số lượng các thành viên trong mỗi cuộc họp chỉ giới hạn gồm các cán bộ chủ chốt nhằm thu thập được những tham vấn chuyên sâu giữa các thành viên.

Trong giai đoạn này, BQLDA và JET đã tổ chức 26 cuộc họp tham vấn chuyên sâu, như tóm tắt ở bảng dưới đây. Kết quả họp, số lượng thành viên tham dự, v.v... của từng cuộc họp được trình bày tại Phụ lục I-3. Tổng số thành viên đối tác và các cán bộ/nhân viên tham gia các cuộc họp tham vấn là 191 người.

Bảng I-2.9 Hợp tham vấn chuyên sâu được thực hiện trong giai đoạn Lập kế hoạch chi tiết

Tham vấn chuyên sâu đã thực hiện	Ngày tháng & Các sở ngành tham gia	Kết quả
Tham vấn chuyên sâu số 1 (Kết hợp với Hợp Giao ban tuần số 6) Quy trình tổng thể để chuẩn bị cho Giai đoạn 2	- 10/12/ 2015 (Thứ Năm) - Ban QLDA, JET (6 người: không tính JET, áp dụng tương tự trong những dòng sau)	Tuyên bố về việc tổ chức hợp tham vấn chuyên sâu và JET giải thích về nội dung của cuộc họp.
Tham vấn chuyên sâu số 2 Nhóm 1 về Quản lý Môi trường và Nhóm 2 về Quản lý Năng lượng và Sử dụng tiết kiệm	- 16/12/2015 (Thứ Tư) - Ban QLDA, Sở TN&MT, Sở Công Thương, JET (6 người)	Chủ đề chính thảo luận trong cuộc họp là về ESCO. PMU và JET thảo luận về việc thiết lập cơ chế như thế nào để thực hiện tăng trưởng xanh.
Tham vấn chuyên sâu số 3 Nhóm 6 về Giáo dục và nâng cao nhận thức môi trường	- 16/12/2015 (Thứ Tư) - Ban QLDA, Sở TN&MT, Ban QLVHL, Hội GD & Bảo vệ MT Hạ Long, JET (7 người)	Hoạt động nâng cao nhận thức tại tỉnh Shiga đã được giới thiệu và một số ý tưởng để nâng cao nhận thức đã được đề cập, ví dụ như Nhân sinh thái (Eco lable), số tay hướng dẫn về bảo vệ môi trường, 3R, du lịch sinh thái, chương trình Tivi, triển lãm trong bảo tàng Quảng Ninh v.v... đã được Ban QLDA đề xuất.
Tham vấn chuyên sâu số 4 Nhóm 3&4 về Ngành du lịch	- 29/12/2015 (Thứ Ba) - Ban QLDA, Sở VH-TT&DL, Hiệp hội du lịch, Hội GD & Bảo vệ MT Hạ Long, JET (7 người)	Công ty Du thuyền Đông Dương và công ty Saigon Tourist đã cung cấp thành công các tour tham quan tới các làng chài và các làng nghề. JET được gợi ý tới tham quan các cơ sở của họ để thu thập thông tin và để thấy được sự thành công của họ.
Tham vấn chuyên sâu số 5 Nhóm 5 về Ngành Nông nghiệp	- 30/12/2015 (Thứ Tư) - Ban QLDA, Sở NN&PTNT, Sở KH&CN, JET (5 người)	Sở NN&PT NT đã nêu ra những khó khăn trong việc thực hiện nhân xanh, phát triển rừng ngập mặn và an toàn thực phẩm. Ban QLDA đề xuất áp dụng khái niệm SATOYAMA.
Tham vấn chuyên sâu số 6 Lập danh sách dài và thảo luận Bản dự thảo Danh sách dài đầu tiên	- 4/1/2016 (Thứ Tư) - Ban QLDA, JET (8 người)	Việc tích hợp một số hoạt động trong danh sách dài, thêm ý kiến đóng góp của các thành viên, sàng lọc các chủ đề, đã được thảo luận để lập danh sách dài của các hoạt động.
Tham vấn chuyên sâu số 7 Lập danh sách dài và thảo luận (lần 2) Thảo luận về các ý kiến tham gia của các sở ngành địa phương cho bản dự thảo đầu tiên của danh sách dài	- 13/1/2016 (Thứ Tư) - Ban QLDA, JET (7 người)	Ý kiến nhận xét của các sở, ban ngành đã được rà soát và JET xác nhận rằng JICA chỉ hỗ trợ Quảng Ninh về cơ chế thể chế và công nghệ, chứ không hỗ trợ về cơ sở vật chất cũng như hạ tầng.
Tham vấn chuyên sâu số 8 Lập danh sách dài và thảo luận (lần 3) Chia sẻ kết quả cuộc họp trực tuyến với JICA	- 15/1/2016 (Thứ Sáu) - Ban QLDA, JET (5 người)	Kết quả của cuộc họp với JICA, ví dụ như: áp dụng mô hình hồ Biwa đối với TTX tại Quảng Ninh, lập khẩu hiệu, tiêu chí rõ ràng để sàng lọc các chủ đề được chia sẻ.
Tham vấn chuyên sâu số 9 Thảo luận về tiêu chí lập danh sách ngắn	- 19/1/2016 (Thứ Ba) - Ban QLDA, JET (7 người)	Ban QLDA đã đề xuất một số tiêu chí để lựa chọn danh sách ngắn, ví dụ như tình phù hợp với các tài liệu pháp luật, tính hiệu quả về kinh tế, lợi ích chính trị và xã hội, v.v... và giải thích quy trình thảo luận tại cuộc họp với UBND tỉnh.
Tham vấn chuyên sâu số 10 Thảo luận về cơ chế cấp vốn hiện có	- 20/1/2016 (Thứ Tư) - Ban QLDA, Sở KH&CN, Sở TN&MT, JET (8 người)	Các chức năng và yêu cầu để sử dụng quỹ Bảo vệ môi trường và quỹ Phát triển KH&CN đã được ban QLDA giải thích. Có đề xuất thành lập một quỹ mới, do việc sử dụng các quỹ hiện tại này cho các hoạt động tăng trưởng xanh gặp nhiều khó khăn.
Tham vấn chuyên sâu số 11 Thảo luận về hoạt động ESCO	- 21/1/2016 (Thứ Năm) - Ban QLDA, Sở KH&CN, JET (10 người)	JET đã giải thích về khái niệm ESCO và cung cấp thông tin cho Ban QLDA về ESCO. Có khả năng thực hiện được hoạt động ESCO tại tòa nhà thuộc UBND tỉnh.
Tham vấn chuyên sâu số 12 Thảo luận về việc thay thế động cơ và sử dụng nhiên liệu sinh học cho tàu du lịch	- 25/1/2016 (Thứ Hai) - Ban QLDA, Sở GTVT, JET (1 người)	Có khả năng tốt về việc thực hiện sử dụng xăng sinh học. Ba quyết định liên tới quản lý tàu du lịch đã được cung cấp bởi Sở Giao thông.

Tham vấn chuyên sâu đã thực hiện	Ngày tháng & Các sở ngành tham gia	Kết quả
Tham vấn chuyên sâu số 13 Thảo luận về các hoạt động thí điểm trong ngành du lịch	- 25/1/2016 (Thứ Hai) - Ban QLDA, Sở VH-TT-DL, JET (1 người)	JET đã đề xuất các tiêu chí để lựa chọn danh sách dài và danh sách ngắn. Những tiêu chí này đã được Sở VH, TT&DL đồng ý.
Tham vấn chuyên sâu số 14 Thảo luận về các hoạt động thí điểm cho Giai đoạn thực thi	- 18&19/2/2016 (Thứ Năm & Sáu) - Ban QLDA, JET (6 và 7 người)	PMU đã đề xuất giữ 7 chủ đề thuộc các hoạt động thí điểm (gồm 6 chủ đề đã được liệt kê trong tài liệu Tham vấn chuyên sâu số 14, cộng thêm chủ đề số 1A-2 (về khu CN). Tuy nhiên, còn phải phụ thuộc vào yêu cầu và khả năng nguồn lực; Cần làm rõ phạm vi hỗ trợ, và số lượng các chủ đề sẽ được quyết định sau khi tham vấn với JICA.
Tham vấn chuyên sâu số 15 Thảo luận về hoạt động thí điểm có thể được thực hiện: Tăng cường Năng lực quản lý môi trường trong Khu CN và Khu Kinh tế	- 1/3/2016 (Thứ Ba) - Ban QLDA, Sở TN&MT, Sở C-T, Ban QL KKT, UBND t.x Quảng Yên, Ban QLVHL, JET (18 người)	Giới thiệu về các chính sách đối với quản lý môi trường của khu công nghiệp và cơ quan chịu trách nhiệm về việc tăng cường năng lực quản lý môi trường
Tham vấn chuyên sâu số 16 Thảo luận về Thúc đẩy Du lịch sinh thái thông qua khai thác các tài nguyên du lịch văn hóa/lịch sử trong Khu vực vịnh Hạ Long/Cải thiện Thông tin DL (TTTTDL, trang web và lịch sự kiện, v.v...)	- 3/3/2016 (Thứ Năm) - Ban QLDA, Sở TT & TT, UBND t.x Quảng Yên, t.p Uông Bí, huyện Vân Đồn, Du thuyền Đông Dương, UBND t.p Hạ Long, Ban Quản lý VHL, JET (22 người)	Việc cải thiện thông tin du lịch đã được nhất trí và nhận biết là những vấn đề quan trọng. Đã đưa ra đề xuất về việc áp dụng nhãn sinh thái (Eco label) cho các điểm du lịch.
Tham vấn chuyên sâu số 17 Thảo luận về Thúc đẩy tái chế chất thải nông nghiệp và tuần hoàn tài nguyên tại hộ gia đình/hoạt động quy mô nhỏ	- 4/3/2016 (Thứ Sáu) - Ban QLDA, Sở KH&CN, Sở TN&MT, JET (9 người)	Giới thiệu về các dự án và quyết định đối với vấn đề chất thải nông nghiệp trong tỉnh Quảng Ninh
Tham vấn chuyên sâu số 18 Thảo luận về việc Thường xuyên xuất bản báo cáo môi trường (Sách Trắng)	- 8/3/2016 (Thứ Ba) - Ban QLDA, TTQTTN&MT, UBND t.p Uông Bí, UBND t.p Hạ Long, UBND t.x Quảng Yên, t.p Uông Bí, huyện Vân Đồn, Sở KH&CN, Sở TN&MT, Sở VH-TT-DL, BQLVHL, JET (16 người)	Đưa ra ý kiến đề xuất về lập sách trắng. Đưa ra đề xuất về việc sử dụng báo cáo giám sát môi trường 5 năm và số liệu quan trắc môi trường. Thảo luận về phạm vi của sách trắng.
Tham vấn chuyên sâu số 19 Thảo luận về Tăng cường cơ chế cấp ngân sách cấp tỉnh cho Quản lý Môi trường và TTX	- 11/3/2016 (Thứ Sáu) - Ban QLDA, Sở Tài chính, Sở C-T, Sở TN&MT, JET (8 người)	Làm rõ về các quỹ hiện tại và chỉ tiêu hằng năm cho quản lý môi trường. Giải thích về cách thức lập đề xuất đối với ngân sách nhà nước và sử dụng 3 loại quỹ khác nhau cho mục đích bảo vệ môi trường.
Tham vấn chuyên sâu số 20 Thảo luận về Thúc đẩy các cơ chế ưu đãi ví dụ như dự án ESCO để quản lý và tiết kiệm năng lượng	- 14/3/2016 (Thứ Hai) - Ban QLDA, NIRAS, Sở C-T, Sở XD, Ban QLKKT, JET (10 người)	Chuyên gia trong nước giới thiệu và giải thích về ESCO, đồng thời giới thiệu về các quyết định liên quan tới việc thực hiện ESCO. Bước đầu đã nhận biết được mức độ cần cần nhắc để lựa chọn phân ngành phù hợp cho việc áp dụng ESCO.
Tham vấn chuyên sâu số 21 Thảo luận về các Hoạt động thí điểm đối với ngành Du lịch	- 20/4/2016 (Thứ Tư) - Ban QLDA, Sở TT&TT, Sở VH-TT-DL, UBND t.x Quảng Yên, Ban QLVHL, Hiệp hội Du lịch, JET (9 người)	Đề xuất về việc hỗ trợ cho các hoạt động như Xây dựng thương hiệu cho các doanh nghiệp; thực hiện Quy tắc ứng xử Nụ cười Hạ Long, Giới thiệu các sản phẩm địa phương (OCOP) và đào tạo các thuyết minh viên du lịch.
Tham vấn chuyên sâu số 22 Thảo luận về các Hoạt động thí điểm đối với ngành Du lịch	- 26/4/2016 (Thứ Năm) - Ban QLDA, Hiệp hội DL, UBND t.x Quảng Yên, Ban QLVHL, Sở DL, JET (8 người)	Là phần chuẩn bị cho các hoạt động thí điểm trong ngành du lịch, đã giới thiệu về Cơ quan tiếp thị điểm đến (DMA)
Tham vấn chuyên sâu số 23 Thảo luận về Kế hoạch thực thi Hoạt động thí điểm đối với Tăng cường cơ chế cấp ngân sách cấp tỉnh cho Quản lý Môi trường và TTX	- 1/6/2016 (Thứ Tư) - Ban QLDA, Sở C-T, Sở TN&MT, JET (10 người)	Đã chỉ ra sự cần thiết đối với khảo sát về các nguồn xả nước thải và cơ chế khuyến khích bằng tài chính đối với các DN trong kv vịnh Hạ Long để áp dụng vay quỹ. Nhận thấy rằng cần phải có sự thảo luận thấu đáo hơn với Khu CN Cái Lân.

Tham vấn chuyên sâu đã thực hiện	Ngày tháng & Các sở ngành tham gia	Kết quả
Tham vấn chuyên sâu số 24 Thảo luận về Kế hoạch thực thi Hoạt động thí điểm đối với Các biện pháp Tiết kiệm năng lượng	- 2/6/2016 (Thứ Năm) - Ban QLDA, Sở XD, Sở C-T, Ban QLKKT, JET (6 người)	Tòa nhà liên cơ quan đang được xây dựng thuộc UBND tỉnh Quảng Ninh được đề xuất là đối tượng áp dụng các biện pháp tiết kiệm năng lượng. Tuy nhiên, UBND tỉnh không thể có hỗ trợ về tài chính. Nhận thấy rằng cần phải có sự thảo luận thấu đáo hơn về việc hỗ trợ tài chính đối với hoạt động này.
Tham vấn chuyên sâu số 25 Thảo luận về Tăng cường năng lực quản lý môi trường nước thông qua kiểm soát tải lượng ô nhiễm từ nước thải xuống vịnh	- 3/6/2016 (Thứ Sáu) - Ban QLDA, Sở KH&CN, Sở NN&PTNT, Sở TN&MT, JET (6 người)	Đã cung cấp thông tin về nhà vệ sinh sinh học và chất thải từ thức ăn nuôi trồng thủy sản. Có đề xuất rằng các hoạt động thí điểm sẽ bao gồm các bước hoạt động như thu gom chất thải, chế biến và phân phối phân vi sinh nhằm thu hút sự tham gia của các bên có liên quan.
Tham vấn chuyên sâu số 26 Thảo luận về Nâng cao nhận thức góp phần thực hiện TTX với việc thường xuyên xuất bản Báo cáo Môi trường (Sách Trắng)	- 13/6/2016 (Thứ Hai) - Ban QLDA, TTQTTN&MT, Tỉnh Đoàn TN, Sở C-T, Sở Giao Thông, Sở TN&MT, JET (16 người)	Khái niệm “Nâng cao nhận thức” nên được bao gồm trong phạm vi của sách trắng. Các cơ quan có trách nhiệm sẽ được lựa chọn dựa vào nội dung của cuốn sách. Nếu môi trường là nội dung chính của sách trắng, thì sở TN&MT sẽ là cơ quan chịu trách nhiệm chính. Nếu tăng trưởng xanh và phát triển bền vững là những nội dung chính thì sở KH & ĐT nên là cơ quan chịu trách nhiệm chính đối với cuốn sách.

Nguồn: Nhóm Chuyên gia JICA

I-2.7.4 Hội thảo kỹ thuật

Một loạt các cuộc họp tham vấn chuyên sâu đã được tổ chức để các cán bộ/nhân viên chủ chốt từ các cơ quan liên quan cùng thảo luận và xem xét kế hoạch hành động dự thảo và thiết kế dự án của giai đoạn 2. Mặt khác, phác thảo dự án và giai đoạn 2 của Dự án cũng như các kinh nghiệm của Nhật Bản có thể áp dụng được cho khu vực vịnh Hạ Long phải được chia sẻ với các bên có liên quan tới thúc đẩy tăng trưởng xanh. Do đó, cuộc hội thảo kỹ thuật của Dự án đã được tổ chức vào ngày 17 tháng 11 năm 2015 tại Khách sạn Mường Thanh, Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, với tổng số thành viên tham dự là 73 người, như trình bày trong bảng dưới đây.

Bảng I-2.10 Hội thảo Kỹ thuật ngày 17 tháng 11 năm 2015

Hạng mục	Mô tả
Mục tiêu	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày về kế hoạch HĐTXX tỉnh Quảng Ninh - Trình bày về kế hoạch hoạt động chính thức của Dự án - Trình bày về các kinh nghiệm về quản lý môi trường nước và những thách thức đối với hợp tác quốc tế của ngành tư nhân tại tỉnh Shiga - Trình bày về các kinh nghiệm quản lý môi trường nước bằng các chính sách tích hợp thuộc “Cách tiếp cận Hồ Biwa - Thảo luận về việc trình diễn đối với chiến lược tăng trưởng xanh trong khu vực vịnh Hạ Long thuộc Dự án
Thành viên tham dự	<ul style="list-style-type: none"> - Các sở ngành có liên quan của tỉnh Quảng Ninh: Sở KH&ĐT, Sở TN&MT, Sở Tài chính, Sở Công-Thương, Sở VH-TT&DL, Sở Xây dựng, Sở GT, Sở NN&PTNT, Ban QLKKT, v.v... - Đại diện của chính quyền các địa phương trong khu vực vịnh Hạ Long: UBND t.p Hạ Long, t.p Cẩm Phả, t.x Quảng Yên, huyện Hoành Bồ, huyện Vân Đồn, Ban QLVHL. - Các cơ quan, đoàn thể xã hội và ngành tư nhân: Hiệp hội Phụ nữ, Tỉnh đoàn TN, Hiệp hội KH&CN, IPA, EVN, Vinacomin, ngành tư nhân (xi măng, các công ty nước ngoài), v.v... - Các cơ quan hành chính cấp TW: Bộ KH&ĐT, Bộ Xây dựng (chuyên gia JICA), Viện Hàn lâm KH&CN Việt Nam. - Tỉnh Shiga, VF JICA Việt Nam

Nguồn: Nhóm Chuyên gia JICA

I-2.7.5 Đào tạo cụ thể

(1) Đào tạo thực hiện bởi tỉnh Shiga

Cơ hội đào tạo và chuyển giao kỹ thuật được thực hiện bởi tỉnh Shiga trong các hoạt động tại những điểm mốc quan trọng của giai đoạn 1, như được trình bày tại bảng sau đây. Tài liệu của đợt đào tạo được cung cấp tại Phụ lục I-4.

Bảng I-2.11 Đào tạo thực hiện bởi tỉnh Shiga

Cơ hội	Tiêu đề, Nội dung chính và Người trình bày
Hội thảo Kỹ thuật Ngày 17/11/2015	1) Kinh nghiệm về Bảo vệ Môi trường nước của tỉnh Shiga “Khả năng Hợp tác Kỹ thuật của tỉnh Shiga” <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu về Tỉnh Shiga và Hồ Biwa - Hợp tác quốc tế của tỉnh Shiga và ngành tư nhân tỉnh Shiga - Các chính sách và hoạt động bảo vệ chất lượng nước của Hồ Biwa * Trình bày bởi Phòng Nước thải, Sở Hồ Biwa và Môi trường, tỉnh Shiga 2) Các biện pháp bảo vệ chất lượng nước Hồ Biwa <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu chung về Hồ Biwa và lưu vực của hồ - Lịch sử về ô nhiễm nước hồ Biwa và những kinh nghiệm trong việc đối phó với tình trạng ô nhiễm - Khung chính sách và các biện pháp hành chính của tỉnh Shiga để quản lý hồ Biwa - Một loạt các quy hoạch tổng thể về Hồ Biwa, bao gồm Chương trình Mother Lake 21 cho hoạt động quản lý môi trường cũng như cho các hoạt động kinh tế-xã hội, thông qua sử dụng hợp lý nguồn nước hồ. * Được trình bày bởi Ủy ban Quốc tế Môi trường Hồ
Hội Ban Chỉ đạo Dự án lần thứ nhất Ngày 21/3/2016	1) Kinh nghiệm và các Biện pháp hành chính của tỉnh Shiga đối với bảo vệ chất lượng nước hồ Biwa. <ul style="list-style-type: none"> - Ví dụ về Kế hoạch bảo vệ chất lượng nước hồ Biwa của tỉnh Shiga, chẳng hạn như Kế hoạch Mother Lake 21. - Sách trắng về Môi trường tại tỉnh Shiga (Sách trắng về Ô nhiễm Môi trường) - Giới thiệu về Viện Nghiên cứu Môi trường Hồ Biwa * Được trình bày bởi Giám đốc Kỹ thuật cao cấp, Sở Môi trường và Hồ Biwa, tỉnh Shiga. 2) Các biện pháp phát triển Công nghiệp bởi Chính quyền tỉnh Shiga <ul style="list-style-type: none"> - Các ngành trong tỉnh Shiga - Chính sách phát triển công nghiệp của tỉnh Shiga - Thực tiễn: Kinh doanh Môi trường Nước - Thực tiễn : Du lịch * Được Trình bày bởi Phòng Công nghiệp và Thương mại, Sở Thương mại, Công nghiệp, Du lịch và Lao động tỉnh Shiga.

Nguồn: Nhóm Chuyên gia JICA

(2) Chuyển tham quan học tập của tỉnh Quảng Ninh tới Nhật Bản và tỉnh Shiga

1) Tiểu sử và Mục tiêu

Việc phát triển và tăng cường thể chế hướng tới tăng trưởng xanh đã được thảo luận với Sở Kế hoạch và Đầu tư và các sở ngành có liên quan cho giai đoạn thực thi của Dự án kể từ tháng 10 năm 2015. Thông qua các cuộc thảo luận, đã có đề xuất mạnh mẽ về việc áp dụng những kinh nghiệm và kiến thức của Nhật Bản, đặc biệt khao khát được áp dụng các chính sách toàn diện về phát triển theo vùng và phát triển nguồn tài nguyên thiên nhiên tại tỉnh Shiga. Dựa trên các ý kiến thảo luận, chuyển tham quan học tập tại Nhật Bản đã được lên kế hoạch và thực hiện để tạo cơ hội tham quan các khu vực trong tỉnh Shiga và trao đổi, tham vấn với các cán bộ lãnh đạo chủ chốt của tỉnh liên quan tới thực hiện tăng trưởng xanh tại tỉnh Quảng Ninh.

Mục đích của chuyến tham quan học tập tại Nhật Bản là để thu thập kiến thức và kinh nghiệm về các chính sách tiên tiến, toàn diện đối với quản lý nguồn tài nguyên thiên nhiên và phát triển theo vùng tại tỉnh Shiga cho các cán bộ lãnh đạo chủ chốt cho quá trình thúc đẩy chính sách tăng trưởng xanh của tỉnh Quảng Ninh.

2) Thành phần tham gia từ phía tỉnh Quảng Ninh

Tổng cộng có 12 cán bộ, bao gồm các thành viên chủ chốt của Ban chỉ đạo Dự án và Ban Quản lý Dự án, do ông Đặng Huy Hậu, Phó chủ tịch thường trực UBND tỉnh Quảng Ninh làm trưởng đoàn đã tham gia chuyển tham quan học tập. Danh sách của các thành viên trong đoàn như sau:

Bảng I-2.12 Thành viên của Chuyển tham quan học tập

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Cơ quan
1	Ông Đặng Huy Hậu	Phó Chủ tịch thường trực	UBND tỉnh Quảng Ninh
2	Ông Nguyễn Văn Minh	Giám đốc	Sở Kế hoạch và Đầu tư
3	Ông Hồ Quang Huy	Phó Chủ tịch	UBND t.p Hạ Long
4	Ông Phạm Văn Cường	Phó Giám đốc	Sở Tài nguyên và Môi trường
5	Ông Trịnh Đăng Thanh	Phó Giám đốc	Sở Văn hóa, Thể thao & Du lịch
6	Ông Phạm Quang Thái	Phó Giám đốc	Sở Công - Thương
7	Ông Hoàng Danh Sơn	Phó Giám đốc	Sở Kế hoạch và Đầu tư
8	Ông Phạm Hồng Biên	Trưởng phòng Kinh tế - Đối ngoại	Sở Kế hoạch và Đầu tư
9	Ông Tạ Thiên Hỷ	Trưởng phòng Văn hóa – Xã hội	Sở Kế hoạch và Đầu tư
10	Ông Trần Thanh Phong	Trưởng phòng Kinh tế Ngành	Sở Kế hoạch và Đầu tư
11	Ông Nguyễn Đức Hòa	Trưởng phòng Hành chính, Văn phòng Sở	Sở Kế hoạch và Đầu tư
12	Ông Bùi Tuấn Anh	Phó phòng Tổng hợp và Quản lý quy hoạch	Sở Kế hoạch và Đầu tư

Nguồn: Nhóm Chuyên gia JICA

3) Thời gian và Lịch

Chuyến tham quan học tập được thực hiện từ ngày 22 đến ngày 28 tháng 4 năm 2016. Lịch và nội dung của chuyến tham quan được trình bày trong bảng sau đây:

Bảng I-2.13 Thời gian và lịch của chuyến tham quan học tập

Ngày	Nội dung
Ngày 22/4 (T.Sáu)	Thăm nghi thức Văn phòng trụ sở JICA
	Thăm nghi thức Bộ Đất, Cơ sở hạ tầng, Giao thông và Du lịch
Ngày 23/4 (T.Bảy)	Tham quan tại Tokyo
Ngày 24/4 (CN)	Tham quan tại Kyoto
Ngày 25/4 (T.Hai)	Định hướng và giới thiệu về tham quan tại tỉnh Shiga
	Diễn thuyết về lịch sử và các biện pháp hành chính hiện tại đối với quản lý môi trường và chính sách phát triển kinh tế của tỉnh Shiga (1)
	Giới thiệu về thúc đẩy kinh doanh môi trường bởi Diễn đàn Kinh doanh Môi trường nước tỉnh Shiga
	Quan sát tìm hiểu tại cơ sở quản lý nước thải và học tập về hệ thống quản lý môi trường trong ngành công nghiệp đồ uống
	Học tập về hệ thống quản lý môi trường trong khu công nghiệp
Ngày 26/4 (T.Ba)	Thăm cộng đồng địa phương áp dụng khái niệm "Satoyama"
	Đi bằng tàu thủy tới đảo Chikubu trong hồ Biwa
Ngày 27/4 (T.Tư)	Học tập ví dụ về cách trưng bày trong bảo tàng
	Thăm cơ sở xử lý nước thải
	Diễn thuyết về lịch sử và các biện pháp hành chính hiện tại đối với quản lý môi trường và chính sách phát triển kinh tế của tỉnh Shiga (2)
	Thăm nghi thức tới Thống đốc Tỉnh Shiga
Ngày 27/4 (T.Tư)	Thăm Viện Nghiên cứu Môi trường địa phương
	Thảo luận về kế hoạch hành động tiếp theo
Ngày 28/4 (T.Năm)	Về Việt Nam

Nguồn: Nhóm Chuyên gia JICA

4) Phác thảo Chương trình

Chuyến tham quan học tập bao gồm 4 chủ đề: (1) Tìm hiểu về các biện pháp hành chính đối với quản lý môi trường và phát triển du lịch với mô hình Hồ Biwa tại tỉnh Shiga, (2) Thăm và tìm hiểu thực trạng hoạt động của các tổ chức nhà nước có liên quan và các cơ sở công cộng

thực hiện quản lý môi trường, (3) Thảo luận về phát triển kinh doanh môi trường và thực hiện quản lý môi trường bởi các doanh nghiệp tư nhân và các khu công nghiệp và (4) Thảo luận với các doanh nghiệp du lịch về việc làm thế nào để hài hòa giữa thúc đẩy du lịch và quản lý môi trường. Các chủ đề và nội dung được trình bày trong bảng sau đây.

Bảng I-2.14 Phác thảo Chương trình chuyển Tham quan học tập

Chương trình	Tên chương trình	Nội dung chương trình
Tìm hiểu về các biện pháp hành chính đối với quản lý môi trường và phát triển du lịch với mô hình Hồ Biwa tại tỉnh Shiga	Diễn thuyết về lịch sử và các biện pháp hành chính hiện tại đối với quản lý môi trường và chính sách phát triển kinh tế của tỉnh Shiga (1)	Các vấn đề và giải pháp tại Hồ Biwa đã được giải thích bởi Phòng Chính sách Môi trường, Sở Môi trường và Hồ Biwa thuộc tỉnh Shiga.
	Diễn thuyết về lịch sử và các biện pháp hành chính hiện tại đối với quản lý môi trường và chính sách phát triển kinh tế của tỉnh Shiga (2)	Hiện trạng và các vấn đề về rừng tại tỉnh Shiga, các quy chế về phát triển rừng, quy hoạch tổng thể và thuế đã được giải thích bởi Phòng Chính sách Rừng. Việc áp dụng mức phí vào rừng đã được giải thích cùng với cung cấp kinh nghiệm về cải tạo môi trường tự nhiên tại núi Ibuki bởi Phòng Bảo tồn Môi trường tự nhiên. Quy chế về thúc đẩy nông nghiệp thân thiện môi trường, giấy chứng nhận sản xuất nông nghiệp thân thiện môi trường và việc chi trả dịch vụ môi trường trong nông nghiệp đã được giải thích bởi Phòng Xúc tiến Thương hiệu Thực phẩm.
Thăm và tìm hiểu thực trạng hoạt động của các tổ chức nhà nước có liên quan và các cơ sở công cộng thực hiện quản lý môi trường	Thăm cơ sở xử lý nước thải	Nhà máy xử lý nước thải Konan-Chubu có diện tích phục vụ lớn nhất và là cơ sở xử lý tiên tiến nhất trong tỉnh Shiga, loại bỏ được phốt pho và ni-tơ. Lưu lượng nước thải xử lý đã được giải thích và cơ sở xử lý đã được giới thiệu.
	Thăm Viện Nghiên cứu Môi trường địa phương	Đã giải thích về nhiệm vụ của trung tâm và các nội dung nghiên cứu. Đồng thời việc giới thiệu về cơ sở vật chất và trang thiết bị của viện được thực hiện bởi Viện nghiên cứu Môi trường Hồ Biwa.
Thảo luận về phát triển kinh doanh môi trường và thực hiện quản lý môi trường bởi các doanh nghiệp tư nhân và các khu công nghiệp	Giới thiệu về thúc đẩy kinh doanh môi trường bởi Diễn đàn Kinh doanh Môi trường nước tỉnh Shiga	Các công nghệ và hoạt động có thể áp dụng được đối với chính sách tăng trưởng xanh tại tỉnh Quảng Ninh đã được giới thiệu bởi 7 doanh nghiệp, là các thành viên của Diễn đàn Kinh doanh Môi trường nước tỉnh Shiga.
	Quan sát tìm hiểu tại cơ sở quản lý nước thải và học tập về hệ thống quản lý môi trường trong ngành công nghiệp đồ uống	Đại cương về nhà máy, nhà máy xử lý nước thải, công suất và hoạt động tái chế chất thải rắn (chương trình 3R) đã được giải thích và cơ sở xử lý nước thải đã được giới thiệu tại Công ty Nước Giải khát Kirin.
	Học tập về hệ thống quản lý môi trường trong khu công nghiệp	Cơ cấu tổ chức và các hoạt động quản lý môi trường đã được giải thích và trung tâm quản lý nước thải đã được giới thiệu tại khu Công nghiệp Konan.
Thảo luận với các doanh nghiệp du lịch về việc làm thế nào để hài hòa giữa thúc đẩy du lịch và quản lý môi trường	Thăm cộng đồng địa phương áp dụng khái niệm "Satoyama"	Hệ thống nước sinh hoạt có tên gọi "Kabata" với việc sử dụng nước suối, các kênh mương thủy lợi mà cá chép sinh sống, hệ thống đèn chiếu sáng công cộng sử dụng năng lượng thủy điện đã được giới thiệu bởi hướng dẫn viên địa phương tại Harieshozunosato.
	Đi bằng tàu thủy tới đảo Chikubu trong hồ Biwa	Chuyến đi tàu tới đảo Chikubu đã được thực hiện và đã đến thăm ngôi đền tại đảo Chikubu. Đã giới thiệu về điểm du lịch tâm linh của Nhật Bản, và mọi thành viên đã được trải nghiệm như những du khách nước ngoài.
	Học tập về ví dụ cách trưng bày trong bảo tàng	Công nghệ Yanmar đã được giới thiệu thông qua việc thực hành trưng bày thực tế, ví dụ như việc vận hành máy xới, thuyền và máy xúc tại bảo tàng Yanmar.

Nguồn: Nhóm Chuyên gia JICA

5) Kiến thức thu được

Chuyên tham quan học tập góp phần tăng thêm sự hiểu biết về i) lịch sử đáng ghi nhận và kinh nghiệm trong việc bảo tồn môi trường hồ Biwa với sự hợp tác chặt chẽ giữa chính quyền tỉnh, các ngành trong tỉnh, các cán bộ hành chính và công dân nói chung, ii) chính sách hành chính của tỉnh Shiga mà nhờ đó, hồ Biwa được đưa vào vị trí hạt nhân cho sự phát triển kinh tế-xã hội của khu vực.

Ngoài ra, các chính sách và biện pháp hành chính được tỉnh Shiga áp dụng trong thời gian dài để quản lý hồ Biwa đã trải qua các bước sau đây, để đạt đến “Mô hình Hồ Biwa” như ngày nay. Thông qua chuyên tham quan học tập, các thành viên của tỉnh Quảng Ninh hiểu toàn bộ bức tranh về mô hình hồ Biwa, và đã phác thảo được kế hoạch tương lai trong ngắn hạn/dài hạn về thúc đẩy tăng trưởng xanh trong tỉnh.

[Lịch sử và các bước quản lý Hồ Biwa của tỉnh Shiga, “Mô hình Hồ Biwa”]

- Giải quyết các vấn đề ngày càng tăng về nhu cầu nước và ô nhiễm nước nghiêm trọng trong điều kiện kinh tế phát triển nhanh chóng (bước 1)
- Xây dựng và thực thi quản lý toàn diện môi trường nước và vùng nước hồ, bao gồm cả bảo tồn chất lượng nước và môi trường tự nhiên của hồ (bước 2)
- Hòa giải giữa quản lý hồ toàn diện với việc sử dụng nước cũng như nguồn tài nguyên để tăng cường phát triển khu vực trong các lĩnh vực kinh tế - xã hội (bước 3)

Bên cạnh đó, thông qua chuyến thăm tới Bộ Đất đai, Hạ tầng cơ sở và Giao thông của Nhật Bản, các thành viên của tỉnh và cán bộ thuộc Bộ Quản lý nước thái Nhật Bản đã cùng nhau thảo luận và khẳng định sự hợp tác ngày càng chặt chẽ hơn vì sự phát triển của tỉnh Quảng Ninh và Việt Nam thông qua cơ hội thực thi Dự án Cải thiện Môi trường thành phố Hạ Long (dự án vay vốn đồng Yên của Nhật Bản). Thông qua chuyến thăm thực địa tới cơ sở xử lý của hệ thống thoát nước toàn lưu vực tỉnh Shiga, các thành viên đã hiểu rõ sự cần thiết và tính hiệu quả của phương pháp tiếp cận toàn lưu vực để bảo vệ và quản lý môi trường nước hồ Biwa.

Báo cáo chuyên tham quan học tập lập bởi tỉnh Quảng Ninh được trình bày tại Phụ lục I-5.

(3) Hội thảo tập huấn của tỉnh

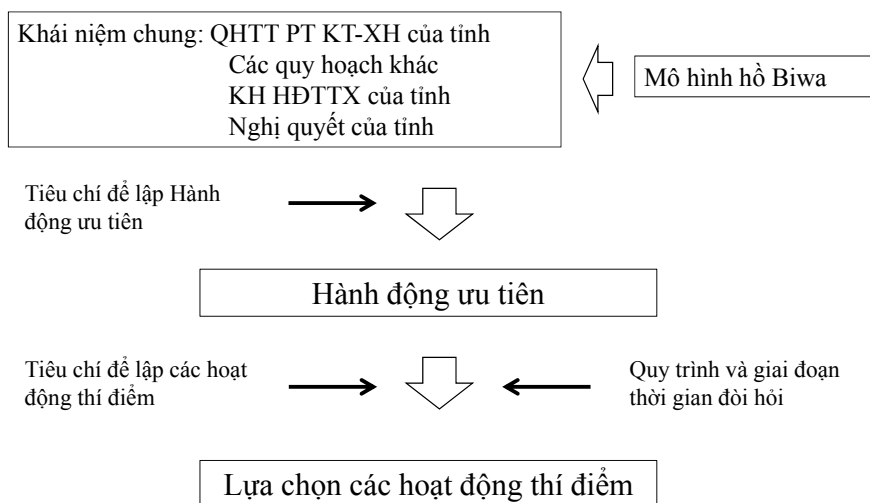
UBND tỉnh Quảng Ninh đã tổ chức cuộc hội thảo tập huấn về “Tăng trưởng xanh và bài học kinh nghiệm cho tỉnh Quảng Ninh” vào ngày 18 tháng 5 năm 2016 nhằm: i) Nâng cao nhận thức và kiến thức về tăng trưởng xanh cho các cán bộ phụ trách về nội dung này tại các sở ngành, chính quyền các địa phương và các đơn vị khác trong tỉnh Quảng Ninh, và ii) Thảo luận về các phương pháp thực hiện hiệu quả KHHĐTTX của tỉnh Quảng Ninh. Hội thảo chủ yếu bao gồm bốn (4) phần, cụ thể, i) Phần 1: trình bày tổng quát, ví dụ như về tầm quan trọng và các trụ cột chính của tăng trưởng xanh, ii) Phần 2 về việc thực hiện TTX ở quy mô trong nước ví dụ như: các kinh nghiệm quốc tế, những bài học thu được từ các tỉnh khác của Việt Nam, v.v..., iii) Phần 3 trình bày về CLTTXQG và Kế hoạch HĐTTX tỉnh Quảng Ninh, và iv) Phần IV trình bày các khuyến nghị của Nhóm Chuyên gia JICA cho việc thực hiện tăng trưởng xanh tại tỉnh Quảng Ninh và khu vực vịnh Hạ Long, bao gồm phần giới thiệu về Dự án, khái niệm về tăng trưởng xanh trên thế giới và về kinh nghiệm của Nhật Bản, hồ Biwa để được tùy chỉnh cho khu vực vịnh Hạ Long. Các tài liệu trình bày của phần 4 được cung cấp tại Phụ lục I-4.

I-2.8 Lựa chọn các ngành trọng điểm ưu tiên và Lập Dự thảo Kế hoạch Hành động để đạt được Tăng trưởng xanh tại khu vực vịnh Hạ Long

Các ngành trọng điểm ưu tiên được lựa chọn dựa vào kết quả rà soát kiến thức hiện có về tăng trưởng xanh cũng như những mục tiêu chính và các chỉ số tại CLTTXQG của Việt Nam và KHHĐTTX của tỉnh Quảng Ninh. Việc lựa chọn được tiến hành theo điều kiện sắp xếp các ngành xuất phát từ quan điểm của KHHĐTTX của tỉnh và Quy hoạch tổng thể phát triển KT-XH, cụ thể là i) mức giảm tải lượng ô nhiễm của ngành (xanh hóa các ngành công nghiệp

truyền thông), và ii) việc chuyển đổi tăng trưởng kinh tế được thúc đẩy bởi ngành dịch vụ (chuyển đổi sang nền kinh tế xanh từ nền kinh tế nâu). Từ đó, năm (5) ngành đã được lựa chọn, đó là i) Các biện pháp môi trường và quản lý môi trường đối với công nghiệp, ii) Quản lý và tiết kiệm năng lượng, iii) Ngành du lịch, iv) ngành Nông nghiệp và thủy sản, và v) Giáo dục và nâng cao nhận thức.

Dự thảo kế hoạch hành động để thực hiện tăng trưởng xanh và các hoạt động thí điểm sẽ được tiến hành trong giai đoạn 2 của Dự án đã được xem xét trong từng ngành trọng điểm lựa chọn. Quy trình xem xét được trình bày dưới đây, và kết quả xem xét đã được biên soạn và trình bày tại Phần II của báo cáo này.



Nguồn: Nhóm Chuyên gia JICA

Hình I-2.10 Quy trình tổng thể lập Hành động ưu tiên và các Hoạt động thí điểm

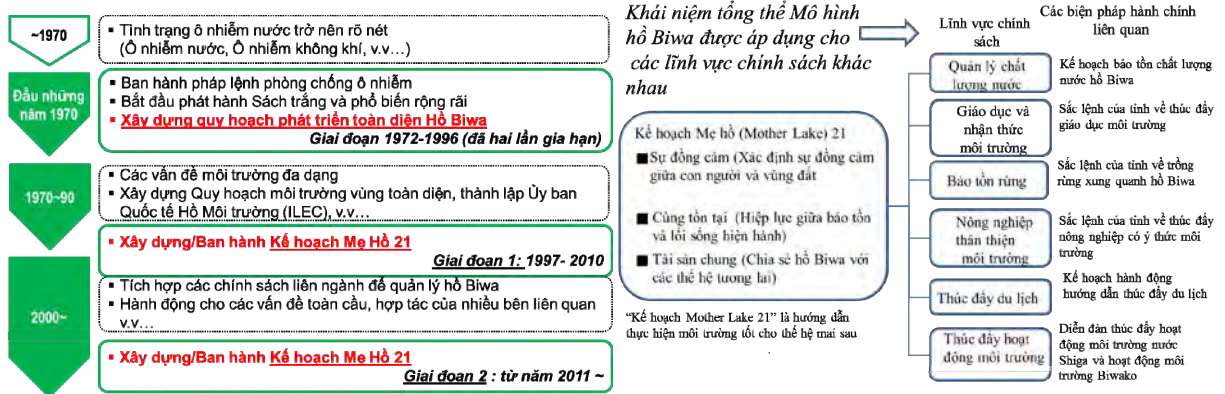
Khái niệm và các bước quản lý mang tính lịch sử lâu dài của “Mô hình Hồ Biwa” đã được tham khảo trong quy trình lựa chọn nêu trên, có cân nhắc tới những lý do và cơ sở sau đây:

Để i) thúc đẩy tăng trưởng xanh tại tỉnh Quảng Ninh, ii) xem xét kế hoạch hành động ưu tiên đối với KHHĐTTX trong các ngành ưu tiên trọng điểm, và iii) lựa chọn các hoạt động thí điểm thực thi trong giai đoạn 2, việc áp dụng khái niệm chung sẽ có hiệu quả khi lồng ghép các ngành và các chính sách/biện pháp dưới một cái ô (như mô hình dự án ô).

Dự án được bắt nguồn từ bối cảnh đòi hỏi sự khai thác bền vững và bảo tồn các nguồn tài nguyên trong khu vực vịnh Hạ Long. Điều này có nghĩa là vịnh Hạ Long cần tập trung vào cả nhiệm vụ quản lý môi trường Vịnh và phát triển kinh tế-xã hội trên vùng nước Vịnh.

Hồ Biwa nằm ở tỉnh Shiga, Nhật Bản, được xem là trường hợp tương tự như vịnh Hạ Long theo những quan điểm sau đây: i) phải đối phó với ô nhiễm nước do sự gia tăng dân số và quá trình công nghiệp hóa trước đây và ii) là biểu tượng của một vùng nước - một tài nguyên được sử dụng bền vững, đồng thời mang lại đa dạng lợi ích cho công cuộc phát triển vùng tỉnh Shiga.

Hình dưới đây tóm lược về lịch sử và những bài học kinh nghiệm mô hình Hồ Biwa và tỉnh Shiga. Hình thể hiện rõ việc Hồ Biwa và tỉnh Shiga đã mở rộng khái niệm về quản lý hồ nước thành chính sách đa ngành trong khu vực tỉnh, có tên gọi “Chương trình Mệ hồ 21(Mô hình Hồ Biwa)” thông qua quá trình khắc phục ô nhiễm môi trường.



Nguồn: Nhóm Chuyên gia JICA

Hình I-2.11 Lịch sử Hồ Biwa và Chương trình Mẹ hồ 21 (Mô hình Hồ Biwa)

Như trình bày ở trên, khái niệm “Mô hình Hồ Biwa” bao gồm quy trình và lịch sử để đạt được sự hài hòa và khả năng i) quản lý toàn diện đối với chất lượng nước và hồ nước nói chung, và ii) phát triển kinh tế-xã hội của khu vực nhờ vào sử dụng nguồn nước hồ. Khái niệm thống nhất như vậy (khái niệm mô hình cái ô) kết nối các chính sách và biện pháp khác nhau liên quan tới hồ nước là có thể áp dụng được đối với khu vực vịnh Hạ Long. Vì vậy, việc lựa chọn các ngành trọng điểm ưu tiên và các hành động ưu tiên đã được thực hiện, với việc tham khảo các lĩnh vực chính sách và biện pháp thuộc “Mô hình Hồ Biwa” cũng như quá trình lịch sử lâu dài để đạt được khái niệm thống nhất của mô hình này.

I-2.9 Xem xét Cơ cấu tổ chức cho giai đoạn Thực thi Dự án

Cơ cấu tổ chức cho giai đoạn 2 của Dự án (Giai đoạn thực thi) đã được xem xét và hoàn thiện như được mô tả dưới đây. Ban Chỉ đạo Dự án và BQLDA được thiết lập trong giai đoạn 1 sẽ tiếp tục đóng vai trò và chức năng là cơ quan điều hành và quản lý toàn bộ hoạt động của dự án trong Giai đoạn 2. Ngoài ra, các tổ công tác sẽ được thiết lập để trình diễn thực hiện tăng trưởng xanh tuân theo các chủ đề của các hoạt động thí điểm một cách tương ứng. Phần giải thích chi tiết về cơ cấu tổ chức để thực thi giai đoạn 2 của Dự án được cung cấp tại Phần II của báo cáo này.



Nguồn: Nhóm Chuyên gia JICA

Hình I-2.12 Cơ cấu tổ chức cho Giai đoạn Thực thi Dự án

I-2.10 Đề xuất Cơ chế thể chế để thực thi các hành động ưu tiên trong danh sách ngắn thuộc các ngành trọng điểm lựa chọn

Trong năm (5) ngành trọng điểm ưu tiên được lựa chọn, các cơ chế thể chế sẽ được trình diễn trong các hoạt động thí điểm trong giai đoạn 2 của Dự án được đề xuất như sau. Những cơ chế này sẽ được hoàn thiện và được UBND tỉnh Quảng Ninh phê duyệt để có hiệu lực áp dụng vào giai đoạn cuối của Dự án, là kết quả của các hoạt động thí điểm trong giai đoạn 2.

- Quy định và tổ chức đề xuất bản liên tục sách trắng về tăng trưởng xanh tỉnh Quảng Ninh.
- Cơ chế cấp ngân sách, cơ chế tài chính và tổ chức để thúc đẩy các hoạt động quản lý môi trường và tiết kiệm năng lượng.
- Quy định và tổ chức để cung cấp và cập nhật thông tin du lịch, cũng như tiếp thị du lịch.
- Quy định và tổ chức để thúc đẩy du lịch sinh thái tại thị xã Quảng Yên.
- Quy định và tổ chức cho hoạt động dán nhãn để thúc đẩy hoạt động tiết kiệm năng lượng và du lịch bền vững.

Để xây dựng các cơ chế thể chế như đề cập ở trên, sự chuẩn bị về thể chế cần thiết cho việc tiến hành các hoạt động thí điểm trong giai đoạn 2 của Dự án được đề xuất tại bảng dưới đây.

Bảng I-2.15 Đề xuất sự sẵn sàng về mặt thể chế

<p>a. Thiết lập cơ cấu tổ chức và phân bổ nguồn nhân lực theo yêu cầu để tiến hành các hoạt động thí điểm</p> <p>b. Phân bổ ngân sách để tiến hành hoạt động thí điểm</p> <p>c. Thống nhất về kế hoạch thực thi hoạt động thí điểm</p> <p>d. Cam kết thực thi các hoạt động cụ thể, ví dụ như:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tiến hành cấp ngân sách thử nghiệm cùng với xem xét cải thiện khả năng sử dụng của các quỹ hiện có, - Thực hiện trợ cấp thử nghiệm cho hoạt động hiệu quả năng lượng - Thành lập Cơ quan Tiếp thị điểm đến, - Vận hành thử nghiệm hệ thống nhãn xanh, và - Xuất bản sách trắng về tăng trưởng xanh khu vực vịnh Hạ Long <p>e. Cam kết lập quy định và tổ chức cho giai đoạn sau dự án vào cuối Giai đoạn 2 của Dự án</p>

Nguồn: Nhóm Chuyên gia JICA

Công tác chuẩn bị về mặt thể chế đề xuất ở trên đã được thảo luận tại cuộc họp Ban Chỉ đạo Dự án ngày 22 tháng 6 năm 2016 và đã được nhất trí tại buổi ký kết Biên bản Thảo luận ngày 13 tháng 7 năm 2016.

I-2.11 Tình hình hiện tại, Kết quả nghiên cứu và Kế hoạch hành động ngành Du lịch trong khu vực vịnh Hạ Long

Thông tin về các hoạt động liên quan tới du lịch và các cơ sở dịch vụ du lịch trong khu vực vịnh Hạ Long được thu thập thông qua phỏng vấn các cơ quan có liên quan, bao gồm cả Sở VH-TT&DL cũng như thông qua việc rà soát Quy hoạch Tổng thể phát triển Du lịch tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020 và các tài liệu hiện có khác. Tình hình hiện tại của ngành du lịch

và sự tác động của du lịch tới cộng đồng địa phương đã được làm rõ cả về mặt cung và cầu. Đối với mặt cầu, các sách hướng dẫn du lịch hiện có (Lonely Planet, Routard, v.v..., SNS (trip Advisor, Travel Fish, etc.), blogs, v.v...) đã được xem xét. Đối với mặt cung, một cuộc khảo sát bằng bảng câu hỏi đã được tiến hành nhằm đối tượng là các công ty cung cấp dịch vụ du lịch lớn.

Ngoài ra, các vấn đề về tác động môi trường có thể xảy ra bởi hoạt động du lịch trong khu vực vịnh Hạ Long đã được làm rõ thông qua các cuộc phỏng vấn đối với chủ các khách sạn và tàu thuyền du lịch, đồng thời với việc rà soát các dữ liệu hiện có để hiểu về hiệu suất môi trường và tính bền vững của ngành du lịch.

Những hành động ưu tiên được xem xét dựa trên các kết quả phân tích ở trên và theo sự phù hợp với các mục tiêu và tiêu chí chính trong KHHĐTTX của tỉnh cũng như các quy hoạch phát triển kinh tế-xã hội và quy hoạch phát triển du lịch của tỉnh. Các kết quả nghiên cứu và hành động ưu tiên được cung cấp tại Phần II của báo cáo này.

I-2.12 Đề xuất các Dự án thí điểm cho Giai đoạn thực thi của Dự án

Các hoạt động ưu tiên xác định trong quá trình nghiên cứu ở trên đã được lựa chọn là những dự án/hoạt động thí điểm, sẽ được trình diễn trong giai đoạn 2 (Giai đoạn thực thi) của Dự án. Thời gian dự kiến của giai đoạn 2 và quy mô đầu vào thích hợp của cả phía Nhật Bản và Việt Nam sẽ được cân nhắc trong quá trình lựa chọn.

Năm (5) hoạt động thí điểm xác định trong giai đoạn 1 được trình bày tại Phần II của báo cáo này, cùng với quá trình lựa chọn, tiêu chí lựa chọn, kế hoạch thực thi của từng hoạt động, v.v... Đề cương của từng hoạt động thí điểm được trình bày trong bảng sau đây:

Bảng I-2.16 Đề cương Hoạt động thí điểm về Tăng cường cơ chế cấp ngân sách và cơ chế tài chính cấp tỉnh cho Quản lý môi trường và Tăng trưởng xanh

Ngành	Ngành quản lý môi trường
Tên hoạt động thí điểm	Tăng cường cơ chế cấp ngân sách và cơ chế tài chính cấp tỉnh cho Quản lý môi trường và Tăng trưởng xanh
Cơ quan chịu trách nhiệm và cơ quan thực thi	Sở TN&MT, Sở KH&CN, Sở Tài chính, Ban QLKKT, Sở KH&ĐT
Cơ quan/đơn vị có liên quan	Các công ty hoặc doanh nghiệp tư nhân tại Việt Nam và Nhật Bản
Tóm tắt nội dung hoạt động	<p>Để thực hiện tăng trưởng xanh, nhà nước nên tăng cường các cơ chế tài chính nhằm hướng dẫn các ngành trọng điểm thực hiện cải thiện các biện pháp xử lý nước thải. Hiện nay tỉnh Quảng Ninh đã có các quỹ để hỗ trợ cho công tác quản lý môi trường và phát triển kinh tế. Nhằm tạo điều kiện sử dụng các quỹ này tốt hơn, có dự kiến cải thiện quy trình xin vay vốn từ các quỹ hiện có và trình diễn dưới hình thức áp dụng thử nghiệm để thực hiện quá trình xem xét và đánh giá quy trình, thông qua việc hợp tác với các cơ quan và doanh nghiệp đang có nguyện vọng sử dụng các quỹ. Từ kinh nghiệm thu được thông qua quá trình áp dụng thử nghiệm này, sẽ xem xét cải thiện cơ chế cấp ngân sách hiện tại và đề xuất tăng cường sử dụng các quỹ.</p> <p>Hơn nữa, việc bố trí ngân sách bởi chính quyền tỉnh là không thể thiếu theo quy định của pháp luật có liên quan cho việc thúc đẩy tăng trưởng xanh. Về vấn đề này, sẽ xác định các khu công nghiệp hoặc các nhà máy mục tiêu cần phải tăng cường hoạt động xử lý nước thải trong các ngành trọng điểm, và các hoạt động cần thiết để cải thiện quản lý môi trường tốt hơn sẽ được xác định để xây dựng chương trình bố trí ngân sách. Dựa vào việc xem xét, các chính sách cho việc thực hiện bố trí ngân sách trong tỉnh cho hoạt động quản lý môi trường trong các ngành sẽ được xem xét và đề xuất tại các khuyến nghị cho sau giai đoạn thực hiện Dự án. Các khuyến nghị dự kiến sẽ được đệ trình và được phê duyệt bởi UBND tỉnh Quảng Ninh.</p>

Nguồn: Nhóm Chuyên gia JICA

Bảng I-2.17 Đề cương Hoạt động thí điểm về Thúc đẩy cơ chế ưu đãi hỗ trợ quản lý và tiết kiệm năng lượng như dự án ESCO, cơ chế hỗ trợ, v.v...

Ngành	Ngành quản lý và tiết kiệm năng lượng
Tên hoạt động thí điểm	Thúc đẩy cơ chế ưu đãi hỗ trợ quản lý và tiết kiệm năng lượng như dự án ESCO, cơ chế hỗ trợ, v.v...
Cơ quan chịu trách nhiệm và cơ quan thực thi	Sở Công-Thương, Sở KH&ĐT, Sở Xây dựng, Sở TN&MT, Sở KH&CN
Cơ quan/đơn vị có liên quan	Các công ty hoặc doanh nghiệp tư nhân tại Việt Nam và Nhật Bản
Tóm tắt nội dung hoạt động	<p>Tỉnh Quảng Ninh đã ban hành Quyết định số 708/QĐ-UBND về Chương trình Sử dụng Năng lượng Tiết kiệm và Hiệu quả trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2016 – 2020. Quyết định nhằm mục đích tiết kiệm từ 8 – 10% tổng năng lượng tiêu thụ so với dự báo nhu cầu năng lượng đã được nêu trong Quy hoạch Phát triển Điện lực Quốc gia (QH số 1208/QĐ-TTg ngày 21/7/2011). Ngành mục tiêu của quyết định là rất rộng, ví dụ như các doanh nghiệp công nghiệp, các tòa nhà thuộc nhà nước, ngành giao thông vận tải, chiếu sáng công cộng, và ngành nông nghiệp, v.v... Trong khu vực vịnh Hạ Long, các doanh nghiệp, nhà máy có quy mô trung bình hoặc vừa và nhỏ, các tòa nhà công cộng có thể sẽ là những đối tượng mục tiêu chính về tiết kiệm năng lượng.</p> <p>Theo hoạt động thí điểm này, các cơ chế tài chính sẵn có được đánh giá trong giai đoạn 1 của Dự án là những cơ chế thiết thực, ví dụ như cơ chế vốn vay ưu đãi, cơ chế trợ cấp và dự án ESCO cho hoạt động tiết kiệm năng lượng, sẽ được xem xét từ quan điểm về khả năng ứng dụng đối với các nhà máy xi măng, các khách sạn, các tòa nhà công cộng, v.v... Trong quá trình xem xét trên, sẽ thực hiện trình diễn việc áp dụng thử nghiệm các cơ sở/thiết bị tiết kiệm năng lượng. Những bài học và kinh nghiệm thu được từ hoạt động thí điểm này sẽ được đưa vào thành các khuyến nghị sau giai đoạn thực hiện dự án, chỉ rõ các cơ chế thể chế và tổ chức để đảm bảo việc bố trí về tài chính/ngân sách áp dụng trong các hoạt động quản lý và tiết kiệm năng lượng. Các khuyến nghị dự kiến sẽ được trình lên UBND tỉnh để phê duyệt. Ngoài ra, hệ thống nhân xanh sẽ được thiết kế và thực hiện thí điểm, như là một cơ chế khuyến khích nhằm tăng cường quản lý và sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả.</p>

Nguồn: Nhóm Chuyên gia JICA

Bảng I-2.18 Đề cương Hoạt động thí điểm về Thúc đẩy Du lịch bền vững tại khu vực vịnh Hạ Long

Ngành	Ngành Du lịch
Tên hoạt động thí điểm	Xúc tiến Du lịch bền vững tại khu vực vịnh Hạ Long (Cải thiện/xây dựng thông tin du lịch, Xúc tiến du lịch sinh thái tại thị xã Quảng Yên, Thiết kế và vận hành hệ thống nhân xanh cho tàu du lịch (Giấy chứng nhận cánh buồm xanh))
Cơ quan chịu trách nhiệm và cơ quan thực thi	Sở Du lịch, Sở KH&ĐT, Sở Giao thông, Sở TN&MT, Ban QLVHL, Hiệp hội Du lịch, UBND thị xã Quảng Yên.
Cơ quan/đơn vị có liên quan	Các doanh nghiệp/ngành liên quan tới du lịch, các công ty vận tải, các công ty khai thác tài nguyên du lịch (bảo tàng, công viên, các điểm văn hóa/lich sử, v.v...), Các hợp tác xã/cộng đồng/nhà nghiên cứu/các cá nhân có liên quan tới du lịch, các công ty hoạt động về du lịch tại Nhật Bản.
Tóm tắt nội dung hoạt động	<p>Hàng năm, vịnh Hạ Long tiếp đón khoảng 2,5 triệu khách du lịch (2015). Hiện nay, thông tin du lịch tại tỉnh Quảng Ninh được cung cấp bởi nhiều đơn vị khác nhau mà không có sự phối hợp giữa các đơn vị. Cả Sở Du lịch và Ban QLVHL đều vận hành các trung tâm thông tin du lịch riêng rẽ. Ngoài ra, chỉ có một số ít các tài liệu thông tin du lịch và công cụ thông tin có sẵn trong đó không bao gồm các thông tin cần thiết và hữu ích đối với du khách đến với khu vực vịnh Hạ Long. Điều đó dẫn đến kết quả là du khách không được khuyến khích tới thăm các điểm du lịch khác hoặc khám phá các điểm tham quan trong đô thị sẵn có tại Hạ Long. Việc cải tiến thông tin du lịch và cung cấp các thông tin đó dự kiến sẽ khuyến khích khách du lịch tới tham quan nhiều nơi hơn, trải nghiệm nhiều hơn các hoạt động, đồng thời sẽ dành nhiều thời gian hơn và tiêu tốn nhiều tiền bạc hơn tại tỉnh Quảng Ninh bao gồm vịnh Hạ Long. Như vậy, hoạt động thí điểm này sẽ nhằm cải thiện việc phân phát và cung cấp thông tin du lịch cho du khách, góp phần cải thiện hoạt động du lịch trong toàn bộ khu vực vịnh Hạ Long. Ngoài ra, các tuyến du lịch sinh thái thí điểm sẽ được xây dựng tại thị xã Quảng Yên phục vụ mục đích trình diễn hoạt động xúc tiến du lịch sinh thái, nhằm tăng cường đa dạng hóa các sản phẩm du lịch và thúc đẩy du lịch bền vững trong khu vực vịnh Hạ Long.</p> <p>Đồng thời, việc giới thiệu hệ thống nhân xanh (Giấy chứng nhận cánh buồm xanh) sẽ được bao gồm trong hoạt động thí điểm này, sẽ góp phần vào việc xây dựng thương hiệu thành phố Hạ Long xanh, giảm tác động tới môi trường từ hoạt động của ngành du lịch sử dụng tài nguyên Di sản Thế giới.</p>

Nguồn: Nhóm Chuyên gia JICA

Bảng I-2.19 Đề cương Hoạt động thí điểm về Tăng cường năng lực quản lý môi trường thông qua kiểm soát tải lượng ô nhiễm trực tiếp xuống Vịnh

Ngành	Ngành Quản lý môi trường
Tên hoạt động thí điểm	Tăng cường năng lực quản lý môi trường thông qua kiểm soát tải lượng ô nhiễm trực tiếp xuống Vịnh
Cơ quan chịu trách nhiệm và cơ quan thực thi	T.P Hạ Long, Ban QLVHL, Sở TN&MT, Sở NN&PTNT, Sở Giao thông, Sở KH&ĐT
Cơ quan/đơn vị có liên quan	Chính quyền địa phương tại địa điểm hoạt động thí điểm, Các công ty hoặc doanh nghiệp tư nhân tại Việt Nam và Nhật Bản
Tóm tắt nội dung hoạt động	<p>Tại Vịnh Hạ Long, những tác động trực tiếp tới chất lượng nước bởi các hoạt động kinh tế, ví dụ như việc xả nước thải của tàu thuyền hoặc của hoạt động nuôi trồng thủy sản xuống vịnh phải được kiểm soát cẩn thận hơn. Kể từ năm 2015, tỉnh Quảng Ninh đã tăng cường kiểm soát hoạt động tàu thuyền du lịch, bao gồm cả kiểm soát việc xả nước thải và chất thải rắn. Trong năm 2016, tỉnh đã xây dựng quy hoạch tổng thể thúc đẩy ngành nuôi trồng thủy sản thân thiện với môi trường. Theo quy hoạch đó, việc tái chế chất thải nuôi trồng thủy sản được chỉ định là một trong những biện pháp hữu hiệu nhất nhằm cải thiện kiểm soát việc xả chất thải nuôi trồng thủy sản chưa qua xử lý. Rất mong muốn áp dụng kỹ thuật tiên tiến để hỗ trợ chính sách quản lý này trong lĩnh vực thủy sản.</p> <p>Bằng hoạt động thí điểm này, sẽ tăng cường các chính sách và biện pháp nêu trên thông qua áp dụng thử nghiệm các kỹ thuật tiên tiến cũng như các cơ chế khuyến khích (cơ chế nhân xanh) để hỗ trợ cho quá trình áp dụng công nghệ.</p>

Nguồn: Nhóm Chuyên gia JICA

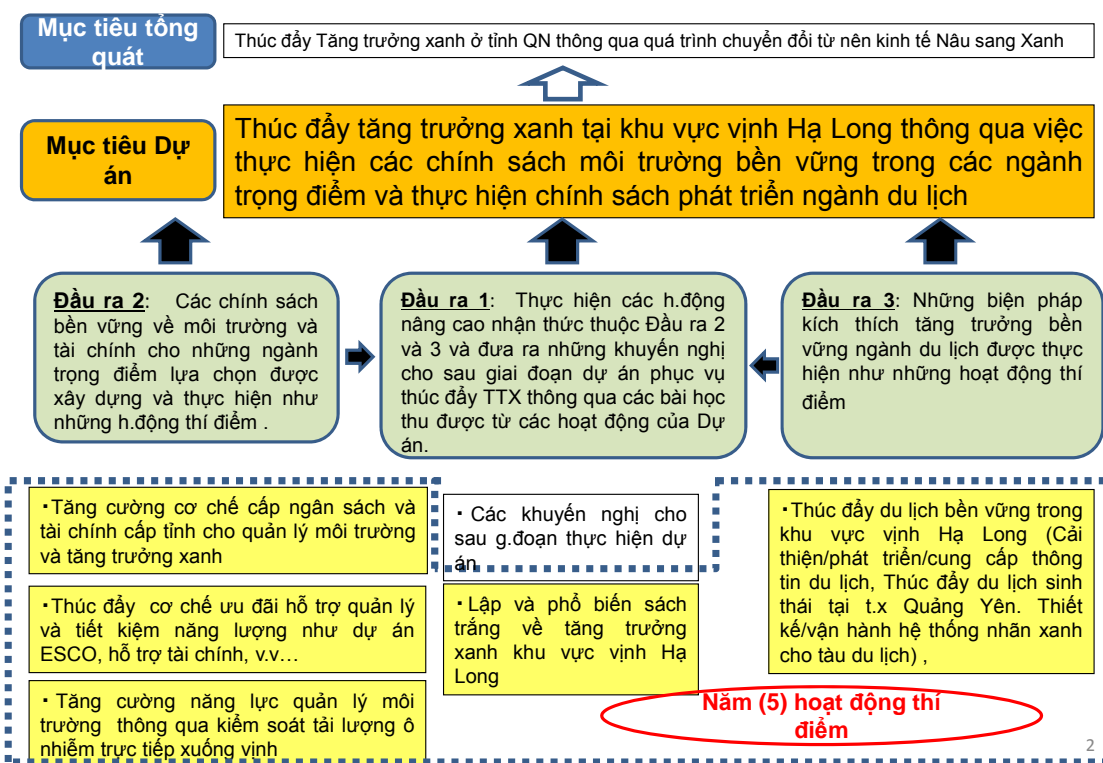
Bảng I-2.20 Đề cương Hoạt động thí điểm về Nâng cao nhận thức góp phần thực hiện Tăng trưởng xanh với việc thường xuyên xuất bản Sách trắng về tăng trưởng xanh khu vực vịnh Hạ Long

Ngành	Ngành Giáo dục và Nâng cao nhận thức môi trường
Tên hoạt động thí điểm	Nâng cao nhận thức góp phần thực hiện Tăng trưởng xanh với việc thường xuyên xuất bản Sách trắng về tăng trưởng xanh khu vực vịnh Hạ Long
Cơ quan chịu trách nhiệm và cơ quan thực thi	Sở KH&ĐT, Sở Giao thông, Sở Công-Thương, Sở TN&MT, Sở Du lịch, Hội Giáo dục và Bảo vệ Môi trường Hạ Long, chính quyền các địa phương
Cơ quan/đơn vị có liên quan	Các doanh nghiệp nhà nước và tư nhân, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở TT&TT, Ban Xúc tiến và hỗ trợ đầu tư
Tóm tắt nội dung hoạt động	<p>Việc triển khai thực hiện tăng trưởng xanh thông qua hoạt động giảm tải lượng ô nhiễm và thúc đẩy phát triển ngành du lịch tỉnh Quảng Ninh đòi hỏi sự hợp tác của các bên liên quan, dựa trên hiểu biết chuẩn xác về: i) các thông tin liên quan tới tiến độ và hiệu quả của các biện pháp hành chính áp dụng đối với mục tiêu giảm tình trạng ô nhiễm và phát triển ngành du lịch, ii) hiện trạng môi trường của khu vực – là tài nguyên đối với ngành du lịch. Dự án đề xuất việc thực hiện biện pháp nhằm đảm bảo sự hiểu biết chuẩn xác của các bên liên quan về những thông tin nêu trên thông qua việc chính quyền địa phương thường xuyên xuất bản báo cáo môi trường (sách trắng).</p> <p>Tại tỉnh Quảng Ninh, hàng năm Sở TN&MT trình UBND tỉnh báo cáo quan trắc môi trường năm và báo cáo Hiện trạng môi trường 5 năm một lần. Các báo cáo chứa đựng nhiều thông tin hữu ích về việc thực hiện các biện pháp nhằm đạt mục tiêu giảm tải lượng ô nhiễm. Trong trường hợp có thể sửa đổi nội dung các báo cáo hiện có này hoặc lập một báo cáo mới có cân nhắc tới chiến lược tăng trưởng xanh, thì báo cáo đó sẽ góp phần hỗ trợ cho các bên liên quan có được sự hiểu biết chính xác về các thông tin và về tiến độ thực hiện tăng trưởng xanh, như là một công cụ hữu ích để nâng cao nhận thức và giáo dục môi trường.</p>

Nguồn: Nhóm Chuyên gia JICA

I-2.13 Hỗ trợ để lập bản Dự thảo Ma trận Thiết kế Dự án (PDM), Kế hoạch Hoạt động (PO), Kế hoạch Dự án chi tiết và Sửa đổi Biên bản Thảo luận

Bản dự thảo Ma trận Thiết kế Dự án (PDM) và Kế hoạch Hoạt động (PO) cho giai đoạn 2 đã được lập dựa trên kết quả hoạt động trong giai đoạn này. Việc sửa đổi Biên bản Thảo luận gốc (R/D) đã được xem xét dựa vào bản dự thảo PDM và PO. Đây được xem là sự chuẩn bị sẵn sàng cho việc thảo luận và đưa ra kết luận cho Biên bản lập giữa phái đoàn JICA và tỉnh Quảng Ninh. Bản dự thảo PDM và PO đã được biên soạn và cung cấp tại Phụ lục I-5, và bản Đề cương kế hoạch dự án chi tiết cho giai đoạn 2 được trình bày dưới đây.



Nguồn: Nhóm Chuyên gia JICA

Hình I-2.13 Thiết kế Dự án (Giai đoạn 2)

(1) Phác thảo về Thiết kế Dự án Giai đoạn 2 (Giai đoạn Thực thi)

[Tên Dự án] Dự án Thúc đẩy Tăng trưởng xanh tại khu vực vịnh Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh (Giai đoạn Thực thi)

[Giai đoạn Dự án] 2016-2018 (3 năm)

[Khu vực mục tiêu] Thành phố Hạ Long, t.p Cẩm Phả, huyện Vân Đồn, huyện Hoành Bồ, T.x Quảng Yên, t.p Uông Bí tỉnh Quảng Ninh

[Cơ quan đối tác chính] UBND tỉnh Quảng Ninh và Sở KH&ĐT

[Tổ chức và Cơ quan hợp tác] Sở TN&MT, Sở Công-Thương, Sở Du lịch, Sở KH&CN, Sở Xây dựng, Sở Giao thông, UBND 6 địa phương trong khu vực vịnh Hạ Long, Ban QLVLH, Hiệp hội Du lịch, Hội Giáo dục và Bảo vệ Môi trường Hạ Long và các cơ quan có liên quan khác khi có yêu cầu.

1) Mục tiêu tổng quát

Thúc đẩy tăng trưởng xanh ở tỉnh Quảng Ninh thông qua quá trình chuyển đổi mô hình tăng trưởng kinh tế từ nâu sang xanh.

[Các chỉ số]

- Sách trắng tăng trưởng xanh tỉnh Quảng Ninh được xuất bản liên tục.
- Từ mười (10) hoạt động trở lên liên quan tới cơ chế cấp ngân sách/tài chính cấp tỉnh, tiết kiệm năng lượng, giảm tải lượng ô nhiễm trực tiếp xuống vịnh được tiến hành thông qua các quy định quản lý môi trường và tổ chức được xây dựng bởi Dự án cho các ngành trọng điểm được lựa chọn trong tỉnh Quảng Ninh.
- Từ hai (2) chương trình du lịch sinh thái trở lên và các thông tin liên quan được xây dựng và cung cấp thông qua các quy định, cơ chế và tổ chức được xây dựng bởi Dự án cho ngành du lịch tỉnh Quảng Ninh.

2) Mục tiêu Dự án

Thúc đẩy tăng trưởng xanh tại khu vực vịnh Hạ Long thông qua việc thực hiện các chính sách môi trường bền vững trong các ngành trọng điểm và thực hiện các chính sách phát triển ngành du lịch.

[Các chỉ số]

- Những quy định, cơ chế và tổ chức phục vụ thúc đẩy tăng trưởng xanh sau đây được tỉnh Quảng Ninh phê duyệt.
 - Quy định và tổ chức cho hoạt động liên tục xuất bản sách trắng về tăng trưởng xanh tỉnh Quảng Ninh
 - Các cơ chế tài chính và cấp ngân sách và tổ chức cho các hoạt động thúc đẩy quản lý môi trường và tiết kiệm năng lượng
 - Quy định và tổ chức cho các hoạt động cung cấp và cập nhật thông tin du lịch và quảng bá du lịch
 - Quy định và tổ chức cho các hoạt động thúc đẩy du lịch sinh thái ở thị xã Quảng Yên
 - Quy định và tổ chức cho các hoạt động dán nhãn nhằm thúc đẩy hoạt động tiết kiệm năng lượng và du lịch bền vững
- Trình tỉnh Quảng Ninh những khuyến nghị cho giai đoạn sau dự án.

3) Đầu ra

[Đầu ra 1]

Thực hiện các hoạt động nâng cao nhận thức thuộc Đầu ra 2 và 3 và đưa ra những khuyến nghị cho giai đoạn sau dự án phục vụ thúc đẩy tăng trưởng xanh thông qua các bài học kinh nghiệm thu được từ các hoạt động dự án.

[Chi số]

- Sách trắng về tăng trưởng xanh khu vực vịnh Hạ Long, mô tả những hoạt động ban đầu triển khai thực hiện chính sách và hoạt động nâng cao nhận thức tăng trưởng xanh, được lập và phát hành một lần/năm.
- Xây dựng và lập thành văn bản các quy định và tổ chức cho hoạt động lập sách trắng về tăng trưởng xanh tỉnh Quảng Ninh
- Đưa ra các khuyến nghị cho giai đoạn sau dự án về thúc đẩy tăng trưởng xanh.

[Đầu ra 2]

Các chính sách bền vững về môi trường và tài chính cho những ngành trọng điểm lựa chọn được xây dựng và thực hiện như những hoạt động thí điểm.

[Chi số]

- Từ năm (5) hoạt động trở lên về quản lý môi trường (tăng cường cơ chế cấp ngân sách/tài chính cấp tỉnh, quản lý và tiết kiệm năng lượng, giảm tải lượng ô nhiễm trực tiếp xuống vịnh) được thực hiện trong các ngành trọng điểm lựa chọn.
- Quy chế về cơ chế cấp ngân sách/tài chính cấp tỉnh và tiết kiệm năng lượng đối với các ngành trọng điểm lựa chọn được xây dựng. Hệ thống nhãn xanh cấp tỉnh để thúc đẩy quản lý và tiết kiệm năng lượng trong các ngành trọng điểm lựa chọn được lập thành văn bản.

[Đầu ra 3]

Những biện pháp kích thích tăng trưởng bền vững ngành du lịch được thực hiện như các hoạt động thí điểm.

[Chi số]

- Từ sáu (6) tài liệu trở lên về thông tin du lịch hoặc công cụ thúc đẩy du lịch được xây dựng và được khách du lịch khai thác thông qua trung tâm thông tin du lịch và các trang web du lịch.
- Từ hai (2) chương trình du lịch sinh thái trở lên được xây dựng và cung cấp tại thị xã Quảng Yên và đạt từ 5.000 lượt khách du lịch trở lên đến tham quan trong năm cuối cùng của Dự án.
- Mười (10) tàu du lịch trở lên được dán nhãn xanh (Giấy chứng nhận Cánh buồm xanh).
- Các quy định và tổ chức về cung cấp và cập nhật thông tin du lịch cũng như tiếp thị, thúc đẩy du lịch sinh thái ở thị xã Quảng Yên, và nhãn xanh cho tàu du lịch (Chứng nhận cánh buồm xanh) được xây dựng và lập thành văn bản.

4) Điều kiện tiên quyết

UBND tỉnh Quảng Ninh ra thông báo gửi văn phòng JICA Việt Nam về việc đồng ý thực thi Dự án.

5) Các giả thiết quan trọng

- Không có thay đổi trong chính sách thúc đẩy chiến lược tăng trưởng xanh của tỉnh Quảng Ninh.
- Không có thay đổi về tình hình xã hội gây cản trở hoạt động của các đơn vị tư nhân liên quan, như khủng hoảng kinh tế, v.v...
- Không xảy ra thiên tai gây thiệt hại tới các tài nguyên du lịch.
- Không có thay đổi trong tình hình toàn cầu và không gia tăng nguy cơ các bệnh truyền nhiễm gây cản trở sự phát triển của ngành du lịch.

(2) Đầu vào

1) Đầu vào từ phía Nhật Bản

[Các chuyên gia JICA] i) Cố vấn trưởng/Tăng trưởng xanh, ii) Các biện pháp môi trường đối với ngành công nghiệp, iii) Xử lý và kiểm soát nguồn ô nhiễm, iv) Tiết kiệm năng lượng/Quản lý năng lượng, v) Chính sách môi trường/Quản lý môi trường nước, vi) Cơ chế tài chính, vii) Thúc đẩy Du lịch bền vững, viii) Du lịch sinh thái, ix) Nâng cao nhận thức/Quan hệ công chúng/Phát hành thông tin/Điều phối viên.

[Đào tạo] Đào tạo tại Nhật Bản, các nước thứ ba, hoặc tại Việt Nam

[Khác] Thiết bị và các chi phí khác cần thiết cho việc thực thi các hoạt động thí điểm.

2) Đầu vào từ phía Việt Nam

- Bố trí nhân sự đối tác
- Văn phòng làm việc
- Phân bổ ngân sách cho lương và các chi phí khác cho nhân sự đối tác trong giai đoạn thực hiện dự án
- Phân bổ ngân sách cho chi phí vận hành các thiết bị mua sắm bởi Dự án (trong trường hợp quyền sở hữu thiết bị thuộc về UBND tỉnh Quảng Ninh)

(3) Hỗ trợ tư vấn và Hợp tác với tỉnh Shiga

Bảng I-2.21 Hỗ trợ tư vấn và Hợp tác với tỉnh Shiga (Dự thảo)

Hoạt động	Hỗ trợ tư vấn / Hợp tác với tỉnh Shiga (Dự thảo)	Sở ngành có liên quan tại tỉnh Shiga
Khuyến nghị đối với thúc đẩy tăng trưởng xanh tại khu vực vịnh Hạ Long sau giai đoạn thực hiện dự án.	- Những khuyến nghị sau giai đoạn dự án có sự tùy chỉnh Mô hình Hồ Biwa vào khu vực vịnh Hạ Long để đối phó với các vấn đề cả về quản lý môi trường và phát triển kinh tế thông qua hợp tác với các bên liên quan	Sở Hồ Biwa và Môi trường
	- Khuyến nghị tăng cường chức năng nghiên cứu môi trường vịnh Hạ Long dựa trên kinh nghiệm và quá trình hoạt động của Viện nghiên cứu Môi trường hồ Biwa.	Sở Hồ Biwa và Môi trường Viện nghiên cứu Môi trường hồ Biwa.
Các hoạt động thí điểm		
Tăng cường cơ chế cấp ngân sách và cơ chế tài chính cấp tỉnh cho quản lý môi trường và tăng trưởng xanh	<ul style="list-style-type: none"> - Tư vấn và giới thiệu về kinh nghiệm, kiến thức và bài học thu được về thực hiện quản lý môi trường nước - Tư vấn và giới thiệu về công nghệ và bí quyết đối với bảo vệ môi trường nước dựa trên “WES Hub” (Trung tâm Giải pháp Môi trường Nước) - Tư vấn và giới thiệu về kinh nghiệm thành lập và điều hành “Quỹ Môi trường-sáng tạo Ohmi” và “Quỹ Xúc tiến Cơ sở xử lý nước thải cho các nhà máy và doanh nghiệp quy mô nhỏ” - Trao đổi thông tin và hợp tác với Diễn đàn Xúc tiến Kinh doanh Môi trường Nước tỉnh Shiga. 	Sở Hồ Biwa và Môi trường Quỹ Bảo vệ Môi trường OHMI Diễn đàn Xúc tiến Kinh doanh Môi trường Nước tỉnh Shiga
Thúc đẩy cơ chế ưu đãi hỗ trợ quản lý và tiết kiệm năng lượng như dự án ESCO, trợ cấp v.v...	<ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu về hệ thống quỹ và vốn vay cho việc tiết kiệm năng lượng, thúc đẩy năng lượng tái tạo, v.v... tại tỉnh Shiga - Giới thiệu về hệ thống Đấu thầu xanh/Mua sắm xanh tại tỉnh Shiga 	Dept. of Citizens Life (Energy Policy Division)
Thúc đẩy du lịch bền vững trong khu vực vịnh Hạ Long (Cải thiện thông tin du lịch, Thúc đẩy Du lịch sinh thái, Giấy chứng nhận Cảnh buồm Xanh)	<ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu về các biện pháp hành chính tại tỉnh Shiga cho việc phổ biến thông tin du lịch, ví dụ như chương trình xúc tiến “Biwa Ichi” - Giới thiệu về các hoạt động du lịch sinh thái tại tỉnh Shiga 	Sở Thương mại, Công nghiệp, Du lịch và Lao động Các tổ chức hoạt động về du lịch sinh thái
Tăng cường năng lực quản lý môi trường thông qua kiểm soát tải lượng ô nhiễm trực tiếp xuống vịnh Hạ Long	<ul style="list-style-type: none"> - Tư vấn và giới thiệu về công nghệ và bí quyết đối với bảo vệ môi trường nước dựa trên “WES Hub” (Trung tâm Giải pháp Môi trường Nước) - Trao đổi thông tin và hợp tác với Diễn đàn Xúc tiến Kinh doanh Môi trường Nước tỉnh Shiga. 	Sở Hồ Biwa và Môi trường Quỹ Bảo vệ Môi trường OHMI Diễn đàn Xúc tiến Kinh doanh Môi trường Nước tỉnh Shiga
Nâng cao nhận thức góp phần thực hiện tăng trưởng xanh với việc thường xuyên xuất bản Sách trắng về tăng trưởng xanh khu vực vịnh Hạ Long.	- Tư vấn và giới thiệu kinh nghiệm và bài học thu được về việc lập và phổ biến sách trắng môi trường tỉnh Shiga, và về xúc tiến hoạt động nâng cao nhận thức thông qua việc sử dụng sách trắng.	Sở Hồ Biwa và Môi trường

Nguồn: Nhóm Chuyên gia JICA

I-2.14 Hỗ trợ cho cuộc họp giữa tỉnh Quảng Ninh và Phái đoàn từ Trụ sở văn phòng JICA

Phòng Môi trường Toàn cầu thuộc văn phòng trụ sở JICA đã cử đoàn công tác, dẫn đầu là ông Masami TSUJI, chuyên gia cao cấp của JICA tới tỉnh Quảng Ninh từ ngày 11 đến ngày 15 tháng 7 năm 2016. Lịch làm việc của phái đoàn được trình bày trong bảng dưới đây.

Đoàn công tác và UBND tỉnh Quảng Ninh (đại diện là ông Đặng Huy Hậu, phó chủ tịch thường trực UBND tỉnh) đã có cuộc trao đổi để kết luận về kế hoạch và thiết kế cho giai đoạn 2 của Dự án, và Biên bản Thảo luận đã được thống nhất và ký kết bởi cả hai bên vào ngày 13 tháng 7 năm 2016. Biên bản đã ký được cung cấp tại Phụ lục I-7.

Bảng I-2.22 Lịch công tác của phái đoàn JICA

Thứ	Ngày	Giờ	Mô tả
1	11/7/2016 (T.Hai)	Sáng	Đi từ Nhật Bản tới Việt Nam
		Chiều	Đi Hạ Long, Thăm Trung tâm OCOP tại Đông Triều Họp nội bộ với nhóm chuyên gia
2	12/7/2016 (T.Ba)	Sáng	Thăm nghi thức ông Giám đốc Sở KH&ĐT Họp tổng thể để xác nhận về Biên bản Thảo luận với Sở KH&ĐT/PMU và các thành viên của Ban Chỉ đạo Dự án (Sở TN&MT, Sở Công-Thương, Sở Du lịch, chính quyền các địa phương, v.v...)
		Chiều	Thăm Khu CN Cái Lân Cập nhật/hoàn thiện Biên bản thảo luận
3	13/7/2016 (T.Tư)	Sáng	Cập nhật/hoàn thiện Biên bản thảo luận. Chuẩn bị ký kết Biên bản thảo luận
		Chiều	Lễ ký kết
4	14/7/2016 (T.Năm)	Sáng	Thăm cảng Tuần Châu và đi tàu tham quan vịnh Hạ Long
		Chiều	Đi Hà Nội. Họp với VF JICA VN
5	15/7/2016 (T.Sáu)	Sáng	Họp với JETRO Hà Nội, Họp với GGGI Rời Việt Nam

Nguồn: Nhóm Chuyên gia JICA

PHẦN II DỰ THẢO KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG ƯU TIÊN ĐỂ ĐẠT ĐƯỢC TĂNG TRƯỞNG XANH TẠI KHU VỰC VỊNH HẠ LONG

CHƯƠNG II-1 GIỚI THIỆU

Phần II của báo cáo này mô tả kế hoạch hành động ưu tiên để thực hiện được tăng trưởng xanh tại khu vực vịnh Hạ Long. Kế hoạch hành động ưu tiên bao gồm danh sách dài các hành động ưu tiên trong các ngành khác nhau liên quan tới tăng trưởng xanh, và năm (5) hoạt động thí điểm đã được lựa chọn trong số các hành động ưu tiên nhằm xây dựng quy chế và tổ chức để thúc đẩy tăng trưởng xanh và thực hiện các chính sách bền vững về môi trường và tài chính cho các ngành trọng điểm được lựa chọn, và thực thi các biện pháp nhằm khích thích phát triển ngành du lịch bền vững như là những hoạt động thí điểm.

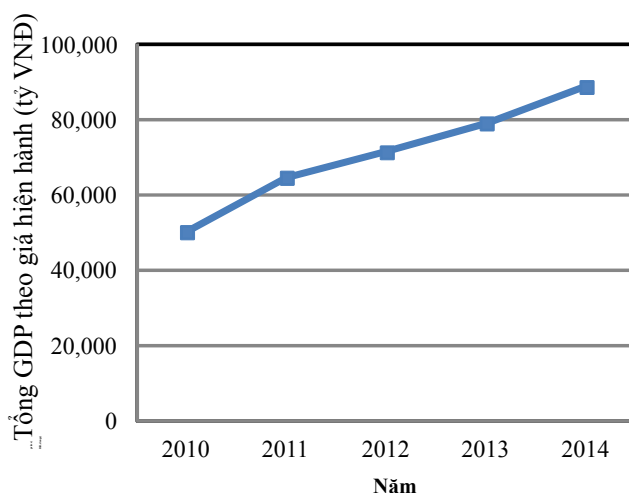
CHƯƠNG II-2 HIỆN TRẠNG VÀ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU CHÍNH SÁCH TĂNG TRƯỞNG XANH VÀ BỘ MÁY HÀNH CHÍNH Ở TỈNH QUẢNG NINH

II-2.1 Tổng quan tình hình thực hiện các chính sách hiện nay liên quan tới tăng trưởng xanh ở tỉnh Quảng Ninh

II-2.1.1 Sơ lược điều kiện kinh tế liên quan tới tăng trưởng xanh tại tỉnh Quảng Ninh

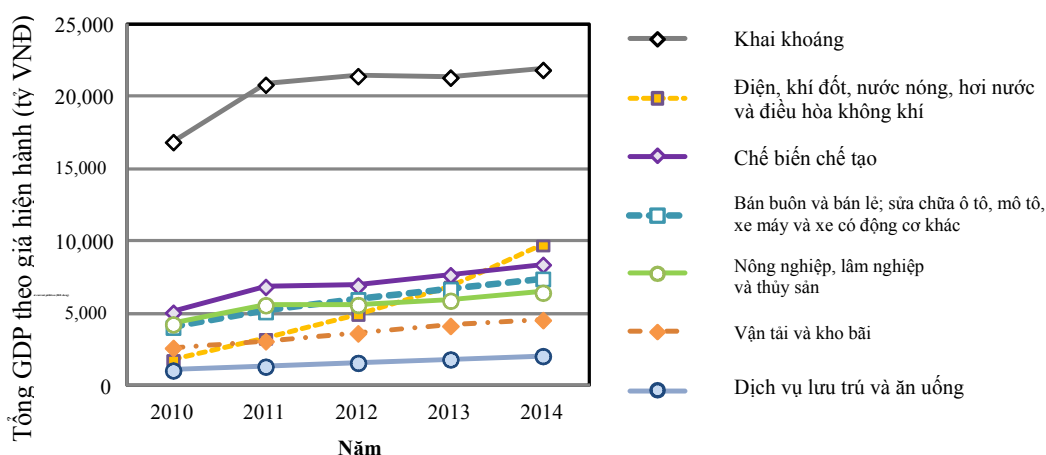
(1) GDP

Xu hướng của GDP trong tỉnh Quảng Ninh được trình bày trong bảng dưới đây. Ngành khai khoáng chiếm tỷ trọng lớn trong GDP của tỉnh, nhưng tốc độ tăng trưởng của ngành này trong những năm gần đây lại giảm đi.



Nguồn: Niên giám Thống kê tỉnh Quảng Ninh năm 2014. :

Hình II-2.1 Xu hướng GDP tổng theo giá hiện hành tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2010-2014



Nguồn: Niên giám Thống kê tỉnh Quảng Ninh năm 2014

Hình II-2.2 Xu hướng GDP theo giá hiện hành phân theo loại hình kinh tế và theo ngành kinh tế giai đoạn 2010-2014

(2) Hiện trạng về phát thải khí nhà kính

Kế hoạch Hành động TTX (tháng 11 năm 2015) có nêu kết quả nghiên cứu về hiện trạng và xu hướng tương lai về phát thải khí nhà kính và được trình bày trong bảng dưới đây. Tổng lượng phát thải khí nhà kính được dự tính là vào khoảng 28 triệu tấn vào năm 2020. Nguồn phát thải khí nhà kính lớn nhất là ngành khai thác than, tiếp đến là ngành sản xuất xi măng.

Bảng II-2.1 Lượng phát thải khí CO2 trong các ngành chủ đạo trong tỉnh Quảng Ninh

Đơn vị: 1.000 tấn

Loại	Ngành	2015	2020
Phát thải khí nhà kính gián tiếp	Nông nghiệp	705	719
	Lâm nghiệp	3.529	3.731
	Công nghiệp và Xây dựng	1.127	1.475
	Khai thác than	16.333	16.709
	Công nghiệp Xi măng	2.788	2.788
	Thương mại và Dịch vụ	95	125
	Quản lý tiêu thụ	636	768
Phát thải khí nhà kính trực tiếp	Hoạt động khác	58	72
	Vận tải đường bộ	1.156	1.596
	Vận tải đường thủy	116	160
Tổng		26.543	28.143

Nguồn: Báo cáo Nghiên cứu xây dựng Kế hoạch Hành động Tăng trưởng xanh tỉnh Quảng Ninh, Bộ KH&ĐT/UNDP.

(3) Sử dụng năng lượng

Căn cứ Quyết định số 1535/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ năm 2014, trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh có 98 công ty được liệt kê là những đơn vị tiêu thụ năng lượng lớn. Danh sách của các đơn vị tiêu thụ năng lượng lớn được liệt kê như sau :

Bảng II-2.2 Danh mục các đơn vị tiêu thụ năng lượng lớn trong khu vực vịnh Hạ Long

Lĩnh vực	Loại hoạt động	Số công ty	Tiêu thụ năng lượng (TOE)	Ghi chú
Các tòa nhà	Khách sạn	2	2.147	
	Hoạt động của trụ sở văn phòng	1	535	Ban Quản lý các dịch vụ Công ích T.P Hạ Long
	Bán buôn tổng hợp	1	501	
Công nghiệp	Sản xuất điện	4	2.067.514	3 nhà máy điện vận hành bởi Tập đoàn Điện lực Việt Nam và 1 nhà máy điện vận hành bởi VINACOMIN
	Sản xuất xi măng	4	608.213	
	Khai thác than và thu gom than cứng	24	416.544	18 công ty trực thuộc VINACOMIN
	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	8	114.496	
	Sản xuất và đóng hộp dầu, mỡ động vật, thực vật	1	10.319	
	Hoạt động sản xuất công nghiệp khác	2	9.764	
	Đóng tàu và cầu kiện nổi	1	3.177	
	Hoạt động của máy biến áp, các thiết bị phân phối điện và quản lý điện	1	2.183	
	Sản xuất bột mì và các sản phẩm từ bột mì	1	2.090	
	Sản xuất sợi	1	1.697	
Sản xuất các sản phẩm hóa	1	1.599		

Lĩnh vực	Loại hoạt động	Số công ty	Tiêu thụ năng lượng (TOE)	Ghi chú
	chất khác chưa được phân vào đâu			
	Sản xuất các hóa chất cơ bản	1	1.536	
	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	1	1.485	
	Sản xuất kim loại không chứa sắt và kim loại quý	1	1.358	
	Khai thác đá	1	1.142	
	Sản xuất sản phẩm khác từ plastic	1	1.096	
Giao thông Vận tải	Vận tải hàng hóa bằng ô tô loại khác (trừ ô tô chuyên dụng)	10	41.453	
	Bốc xếp hàng hóa cảng sông	5	22.840	
	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa bằng phương tiện cơ giới	3	6.376	
	Vận tải bằng xe buýt	1	2.712	
	Vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng	2	2.622	

Nguồn: Tóm tắt bởi Nhóm Chuyên gia JICA dựa vào Quyết định số 1535/QĐ-TTg tháng 8/2015.

II-2.1.2 Tình hình thực hiện chính sách trong tăng trưởng xanh

Quy hoạch Tổng thể Phát triển Kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 có những nội dung liên quan tới tăng trưởng xanh. Quy hoạch đề ra yêu cầu phát triển kinh tế-xã hội phải bền vững phù hợp với chiến lược tăng trưởng xanh của Việt Nam.

Quy hoạch tổng thể của tỉnh đặt ra phương hướng i) tăng cường các ngành dịch vụ, thúc đẩy chức năng của trung tâm du lịch quốc tế và phát triển hạ tầng cơ sở tiên tiến tại miền bắc Việt Nam và ii) nâng cao chất lượng cuộc sống thông qua xóa đói giảm nghèo, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững. Theo phương hướng đó, kế hoạch tổng thể nhấn mạnh các biện pháp hành chính liên quan tới du lịch, sản xuất, khai thác mỏ, nông nghiệp, ngư nghiệp, lâm nghiệp, giáo dục, y tế, thông tin và truyền thông, văn hóa, thể thao, phát triển nông thôn và quốc phòng.

Trong ngữ cảnh đó, tỉnh Quảng Ninh sẽ tập trung vào việc chuyển đổi từ “nền kinh tế nâu” phụ thuộc chủ yếu vào hoạt động khai thác than sang “nền kinh tế xanh” tập trung vào các lĩnh vực dịch vụ. Cơ cấu của các ngành kinh tế phải chuyển đổi từ “nâu” sang “xanh”, ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp dịch vụ và công nghiệp phi khai khoáng và chuyển đổi sang khai thác than “sạch hơn” và bền vững hơn. Ngoài ra, quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế-xã hội còn đề xuất tăng cường đóng góp cho các ngành kinh tế “xanh” như du lịch bền vững và nông nghiệp xanh, đồng thời giảm một cách phù hợp tỷ trọng trong GDP của tỉnh từ các ngành công nghiệp “nâu” như ngành công nghiệp khai khoáng.

Theo phương hướng của quy hoạch tổng thể của tỉnh như đã nêu ở trên, sự hợp tác kỹ thuật thông qua Dự án dự kiến sẽ tăng cường năng lực của đối tác và của các bên có liên quan về xúc tiến du lịch trong khu vực vịnh Hạ Long và quản lý tài nguyên của vùng bao gồm cả di sản thiên nhiên thế giới vịnh Hạ Long.

Năm vừa qua (2015), để hỗ trợ cho chiến lược phát triển kinh tế như đề cập ở trên, tỉnh đã lập Kế hoạch hành động tăng trưởng xanh (KHHĐTTX). Hiện nay, tỉnh Quảng Ninh đang bắt đầu xây dựng chi tiết các giải pháp trong KH HĐ TTX của tỉnh và xác định các cơ chế thể chế cần xây dựng/cải thiện để thực hiện tăng trưởng xanh.

II-2.2 Định hướng và Kế hoạch cấp trung ương

II-2.2.1 Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh ở Việt Nam

Hiện nay, Việt Nam đang triển khai thực hiện quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2020, nhằm mục tiêu tăng trưởng nhanh và bền vững, để trở thành một quốc gia định hướng công nghiệp hóa hiện đại. Để thực hiện mục tiêu quốc gia về tăng trưởng bền vững, Chính phủ Việt Nam đã phê duyệt Chương trình Nghị sự Việt Nam 21 và năm 2004, Chính phủ đã thành lập Hội đồng quốc gia về phát triển bền vững. Ngoài ra, Chính phủ Việt Nam cũng đã quan tâm đến hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu và năm 2008, đã xây dựng "Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu (NTP-RCC)". Tuy nhiên, sự phát triển kinh tế diễn ra nhanh chóng trong thời gian vừa qua đã gây ra những khó khăn nhất định trong việc đáp ứng các mục tiêu của chương trình nghị sự và các chương trình nêu trên và đó là bối cảnh dẫn tới nhu cầu phải cơ cấu lại nền kinh tế, với cơ cấu thân thiện hơn với môi trường. Từ những xuất phát điểm này, Chính phủ Việt Nam, do Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, đã ban hành một số chính sách liên quan, trong đó có Quyết định số 1393/QĐ-TTg ngày 25 tháng 9 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh thời kỳ 2011-2020 và tầm nhìn đến năm 2050.

Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh đặt ra mục tiêu tổng quát là đẩy mạnh tăng trưởng xanh, tiến tới nền kinh tế các-bon thấp, làm giàu vốn tự nhiên thông qua giảm phát thải khí nhà kính và tăng khả năng hấp thụ khí nhà kính. Căn cứ vào mục tiêu tổng quát nêu trên, chiến lược đặt ra ba nhiệm vụ chiến lược gồm: i) giảm cường độ phát thải khí nhà kính và xúc tiến sử dụng năng lượng sạch, năng lượng tái tạo; ii) xanh hóa lối sống và thúc đẩy tiêu dùng bền vững. Chiến lược Quốc gia về Tăng trưởng xanh xác định 17 giải pháp thực hiện những nhiệm vụ chiến lược nêu trên thông qua các chỉ tiêu xác định cho mỗi nhiệm vụ, như sau :

- Nhiệm vụ chiến lược 1 [đến năm 2020]: giảm cường độ phát thải khí nhà kính 8 -10% so với mức 2010, giảm tiêu hao năng lượng 1-1,5% mỗi năm tính trên mỗi đơn vị GDP.. Giảm lượng phát thải khí nhà kính trong các hoạt động năng lượng từ 10% đến 20% so với phương án phát triển bình thường. Trong đó mức tự nguyện khoảng 10%, 10% còn lại là mức khi có thêm hỗ trợ quốc tế.
- Nhiệm vụ chiến lược 1 [đến năm 2030]: giảm cường độ phát thải khí nhà kính mỗi năm ít nhất 1,5 -2%, giảm lượng phát thải khí nhà kính trong các hoạt động năng lượng từ 20% đến 30% so với phương án phát triển bình thường. Trong đó mức tự nguyện khoảng 20%, 10% còn lại là mức khi có thêm hỗ trợ quốc tế.
- Nhiệm vụ chiến lược 2 [đến năm 2020]: giá trị sản phẩm ngành công nghệ cao, công nghệ xanh trong GDP là 42 – 45%; tỷ lệ các cơ sở sản xuất kinh doanh đạt tiêu chuẩn môi trường là 80%, áp dụng công nghệ sạch là 50%, đầu tư phát triển các ngành hỗ trợ bảo vệ môi trường và làm giàu vốn tự nhiên phần đầu đạt 3- 4% GDP.
- Nhiệm vụ chiến lược 3 [đến năm 2020]: Đô thị loại III có hệ thống thu gom và xử lý nước thải đạt quy chuẩn quy định là 60%, với đô thị loại IV, loại V và các làng nghề: 40% cải thiện môi trường khu vực bị ô nhiễm nặng 100%, tỷ lệ chất thải được thu gom, xử lý hợp tiêu chuẩn theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ, diện tích cây xanh đạt tương ứng tiêu chuẩn đô thị tỷ trọng dịch vụ vận tải công cộng ở đô thị lớn và vừa 35 – 45%, tỷ lệ đô thị lớn và vừa đạt tiêu chí đô thị xanh phần đầu đạt 50%.

II-2.2.2 Kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh ở Việt Nam

Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt “Kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2014-2020 (NGGAP) tại Quyết định số 403/QĐ-TTg ngày 20/3/2014. NGGAP bao gồm 4 chủ đề chính, 23 hoạt động ưu tiên và 66 nhiệm vụ hành động cụ thể. Các hoạt động ưu tiên chủ yếu tập trung vào xây dựng thể chế và thiết lập kế hoạch hành động cấp địa phương và thúc đẩy xanh hóa sản xuất, như trình bày dưới đây. Chủ đề, các nhóm hoạt động trong KHHĐTTXQG và tiêu đề của các hoạt động ưu tiên được trình bày trong bảng dưới đây:

Bảng II-2.3 Chủ đề chính và Nhóm hoạt động trong KHHĐTTXQG

Chủ đề	Nhóm hoạt động	Số lượng các hoạt động (Số hoạt động ưu tiên)
Chủ đề 1: Xây dựng thể chế và thiết lập Kế hoạch hành động tăng trưởng xanh tại địa phương	Xây dựng thể chế	5 (4)
	Thiết lập Kế hoạch tăng trưởng xanh tại địa phương	3 (1)
Chủ đề 2: Giảm cường độ phát thải khí nhà kính và thúc đẩy sử dụng năng lượng sạch, năng lượng tái tạo	Thực hiện Sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả và giảm cường độ phát thải khí nhà kính trong những ngành công nghiệp sử dụng năng lượng	8 (2)
	Thực hiện Sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả và giảm cường độ phát thải khí nhà kính trong ngành giao thông vận tải	3 (0)
	Đổi mới kỹ thuật canh tác và cải thiện quản lý để giảm cường độ phát thải khí nhà kính trong nông lâm nghiệp và nuôi trồng thủy sản	6 (0)
	Phát triển các nguồn năng lượng sạch, năng lượng tái tạo	3 (0)
Chủ đề 3: Thực hiện xanh hóa sản xuất	Rà soát, kiểm nghị điều chỉnh các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển và xây dựng chương trình tái cơ cấu kinh tế theo hướng tăng trưởng xanh	10 (9)
	Sử dụng hiệu quả và bền vững các nguồn tài nguyên thiên nhiên và phát triển các ngành kinh tế xanh	9 (5)
	Phát triển hạ tầng bền vững	3 (0)
	Thúc đẩy chiến dịch “doanh nghiệp phát triển bền vững”, nâng cao năng lực và thị trường dịch vụ quản lý và hỗ trợ kỹ thuật phục vụ tăng trưởng xanh	3 (0)
Chủ đề 4: Thực hiện Xanh hóa lối sống và tiêu dùng bền vững	Phát triển đô thị xanh và bền vững	7 (0)
	Thúc đẩy thực hiện lối sống xanh	7 (0)
Tổng cộng		66 (21)

Nguồn: Quyết định số 403/QĐ-TTg ngày 20/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2014-2020.

Bảng II-2.4 Hành động ưu tiên trong KHHĐTTXQG

Số	Hoạt động ưu tiên
1	Tổ chức Ban điều phối triển khai Chiến lược tăng trưởng xanh
2	Hoàn thiện khung thể chế nhằm thúc đẩy quá trình tái cơ cấu kinh tế phù hợp với Chiến lược TTX
3	Hình thành Khung chính sách tài chính tăng trưởng xanh
4	Nâng cao nhận thức và huy động sự tham gia của toàn dân vào việc thực hiện Chiến lược TTX
5	Rà soát, điều chỉnh chiến lược, quy hoạch năng lượng quốc gia định hướng tăng trưởng xanh
6	Nâng cao năng lực quản lý năng lượng trong công nghiệp và xây dựng
7	Xây dựng và thực hiện chính sách ưu tiên phát triển các nguồn năng lượng sạch

Số	Hoạt động ưu tiên
8	Hoàn thiện thể chế về không khí sạch. Kiểm kê, giám sát phát thải khí nhà kính và quản lý các hoạt động giảm thiểu phát thải khí nhà kính
9	Rà soát, kiến nghị điều chỉnh các quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội từ quan điểm phát triển bền vững và xây dựng đề án tái cơ cấu nền kinh tế theo hướng tăng trưởng xanh cho giai đoạn 2014-2020.
10	Rà soát, kiến nghị điều chỉnh các quy hoạch phát triển ngành công nghiệp từ quan điểm phát triển bền vững và xây dựng khung chính sách và kế hoạch hành động TTX của ngành công nghiệp giai đoạn 2014-2020.
11	Rà soát, kiến nghị điều chỉnh các quy hoạch phát triển ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản và phát triển nông thôn từ quan điểm phát triển bền vững và xây dựng khung chính sách và kế hoạch hành động TTX của ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản và phát triển nông thôn giai đoạn 2014-2020.
12	Rà soát, kiến nghị điều chỉnh các quy hoạch phát triển ngành giao thông vận tải từ quan điểm phát triển bền vững và xây dựng khung chính sách và kế hoạch hành động TTX của ngành giao thông vận tải giai đoạn 2014-2020.
13	Rà soát, kiến nghị điều chỉnh các quy hoạch phát triển ngành xây dựng từ quan điểm phát triển bền vững và xây dựng khung chính sách và kế hoạch hành động TTX của ngành xây dựng giai đoạn 2014-2020.
14	Rà soát, kiến nghị điều chỉnh các quy hoạch phát triển ngành tài nguyên và môi trường từ quan điểm phát triển bền vững và xây dựng khung chính sách và kế hoạch hành động TTX của ngành tài nguyên và môi trường giai đoạn 2014-2020.
15	Rà soát, kiến nghị điều chỉnh chiến lược và quy hoạch phát triển khoa học và công nghệ từ quan điểm phát triển bền vững và xây dựng chính sách và kế hoạch hành động phát triển khoa học công nghệ đáp ứng yêu cầu tăng trưởng xanh của nền kinh tế giai đoạn 2014-2020.
16	Hoàn thiện thể chế và tăng cường năng lực hoạt động tài chính – tín dụng của các ngân hàng thương mại phục vụ tăng trưởng xanh.
17	Chống thoái hóa đất, sử dụng hiệu quả và bền vững tài nguyên đất
18	Sử dụng tài nguyên nước hiệu quả và bền vững
19	Sử dụng tài nguyên khoáng sản hiệu quả và bền vững
20	Khuyến khích và hỗ trợ phát triển nhanh các ngành sản xuất sản phẩm sinh thái
21	Phục hồi, phát triển các nguồn vốn tự nhiên

Nguồn: Study Report: Development of Action Plan for Green Growth of Quang Ninh Province, MPI/ UNDP

Bộ Tài chính đã ra Quyết định số 2138/QĐ-BTC ngày 20/10/2015 ban hành Kế hoạch hành động của ngành Tài chính thực hiện Chiến lược chiến lược quốc gia về Tăng trưởng xanh đến năm 2020. Kế hoạch được ban hành với mục tiêu nhằm thực hiện có hiệu quả Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh, góp phần thúc đẩy quá trình tăng trưởng xanh, giảm phát thải khí nhà kính, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả năng lượng và tài nguyên thiên nhiên, phát triển các ngành sản xuất, dịch vụ và tiêu dùng xanh. Bảng dưới đây trình bày các nhiệm vụ chính ngành Tài chính đã đặt ra:

Bảng II-2.5 Những nhiệm vụ chính và nhiệm vụ cụ thể thực hiện Kế hoạch hành động của ngành Tài chính

Nhiệm vụ chính	Nhiệm vụ cụ thể
1. Xây dựng, hoàn thiện các chính sách tài chính liên quan tới thúc đẩy thực hiện Chiến lược tăng trưởng xanh	Xây dựng tổng thể định hướng phát triển ngành tài chính xanh
	Ban hành quy chế mua sắm công xanh, trong đó chỉ mua sắm sử dụng nguồn ngân sách nhà nước phải ưu tiên hàng hóa dán nhãn sinh thái, hàng hóa có khả năng tái chế
	Rà soát, sửa đổi, bổ sung chính sách về quản lý và sử dụng các khoản chi ngân sách nhà nước (bao gồm chi đầu tư và chi thường xuyên) theo hướng thúc đẩy tăng trưởng xanh
	Cân đối ngân sách nhà nước trong điều kiện thay đổi chính sách thuế và chi tiêu NSNN cho tăng trưởng xanh.
	Rà soát, sửa đổi, bổ sung chính sách thuế, phí cho bảo vệ môi trường
	Rà soát các cam kết hội nhập quốc tế và nghiên cứu xu hướng hợp tác quốc tế về tài chính xanh

Nhiệm vụ chính	Nhiệm vụ cụ thể
2. Rà soát, hoàn thiện chính sách phát triển xanh các loại thị trường	Rà soát, kiến nghị sửa đổi, bổ sung chính sách giá đối với một số mặt hàng (xăng, dầu, điện, nước) nhằm khuyến khích sử dụng hiệu quả năng lượng và tài nguyên thiên nhiên, phát triển các ngành sản xuất, dịch vụ và tiêu dùng xanh.
	Huy động nguồn lực nước ngoài để thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến vấn đề môi trường và biến đổi khí hậu, tăng trưởng xanh
	Xây dựng, hoàn thiện khung chính sách tài chính nhằm phát triển thị trường vốn xanh và các sản phẩm tài chính xanh
	Nghiên cứu khả năng triển khai các sản phẩm bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại về môi trường
3. Rà soát, cải thiện chính sách tín dụng và hỗ trợ của Nhà nước	Rà soát, kiến nghị sửa đổi bổ sung chính sách thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu
	Rà soát, kiến nghị sửa đổi, bổ sung chính sách tín dụng, hỗ trợ lãi suất của Nhà nước
4. Tổ chức tuyên truyền, nâng cao nhận thức trong thực hiện chính sách tài khóa xanh	Tuyên truyền, nâng cao nhận thức trong thực hiện xanh hóa sản xuất, xanh hóa lối sống và tiêu dùng bền vững.

Nguồn: Quyết định số 2138/QĐ-BTC ngày 20/10/2015 của Bộ Tài chính ban hành Kế hoạch hành động của ngành Tài chính thực hiện Chiến lược chiến lược quốc gia về Tăng trưởng xanh đến năm 2020.

II-2.2.3 Kế hoạch triển khai thực hiện chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh tỉnh Quảng Ninh

(1) Sơ lược về Kế hoạch triển khai thực hiện chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh tỉnh Quảng Ninh

Ngày 16 tháng 11 năm 2015, UBND tỉnh Quảng Ninh đã ban hành Quyết định số 6970/KH-UBND về Kế hoạch triển khai thực hiện chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2016 -2020 (Kế hoạch). Bộ Kế hoạch và Đầu tư và UNDP đã cùng hỗ trợ tỉnh Quảng Ninh, là một trong hai địa phương tiên phong trong cả nước, lập nghiên cứu làm cơ sở cho kế hoạch triển khai thực hiện chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh của tỉnh.

Mục tiêu tổng quát của kế hoạch là phát triển kinh tế bền vững, nâng cao hiệu quả nguồn lực và giảm phát thải khí nhà kính, tiến tới nền kinh tế các-bon thấp. Tỉnh Quảng Ninh phấn đấu đến năm 2020 trở thành một trong những tỉnh dẫn đầu cả nước thực hiện thành công các chỉ tiêu về bảo vệ môi trường trong khuôn khổ Chiến lược tăng trưởng xanh của Việt Nam.

Ba nhiệm vụ chính đặt ra trong Kế hoạch gồm:

- i) Giảm cường độ phát thải khí nhà kính,
- ii) Xanh hóa sản xuất, và
- iii) Xanh hóa lối sống và thúc đẩy tiêu dùng bền vững.

(2) Các chỉ tiêu chính của Kế hoạch

Kế hoạch đặt ra những chỉ tiêu đối với 3 nhiệm vụ chính nêu trên như sau :

- i) Về giảm cường độ phát thải khí nhà kính

Giảm cường độ phát thải khí nhà kính đạt lượng phát giảm phát thải là 7,02 triệu tấn CO₂ tương đương vào năm 2020, tương ứng giảm 22,5% so với mức năm 2010, trong đó:

- Đối với lĩnh vực năng lượng: phấn đấu cắt giảm khoảng 3,01 triệu tấn CO₂;
- Đối với lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp và thay đổi sử dụng đất: phấn đấu cắt giảm khoảng 2,1 triệu tấn CO₂.
- Đối với lĩnh vực sản xuất công nghiệp: xem xét loại bỏ 2 dự án xi măng mở rộng (sản xuất clanke) giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh, theo đó cắt giảm thêm 1,91 triệu tấn CO₂ tương đương.

- ii) Về xanh hóa sản xuất
 - a) Tỷ lệ các khu công nghiệp, cụm công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt yêu cầu 100%; b) 100% các cơ sở sản xuất kinh doanh mới trang bị các thiết bị xử lý chất thải tiêu chuẩn môi trường.
 - a) 80% các doanh nghiệp sản xuất trên địa bàn Tỉnh đạt tiêu chuẩn về môi trường; b) 50% các doanh nghiệp sản xuất trên địa bàn Tỉnh áp dụng các công nghệ sạch.
 - Không phát sinh cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng trên địa bàn.
 - 50% các doanh nghiệp trên địa bàn Tỉnh đạt cấp chứng chỉ quản lý môi trường (chứng nhận đạt tiêu chuẩn ISO 14001).
- iii) Về xanh hóa lối sống và thúc đẩy tiêu dùng bền vững
 - Tỷ lệ đô thị hóa loại III trở lên có hệ thống thu gom và xử lý nước thải đạt quy chuẩn 60%; các đô thị loại IV, loại V và các làng nghề đạt 40%.
 - 100% các đô thị có diện tích cây xanh đạt tiêu chuẩn.
 - a) Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị được thu gom và xử lý đạt 100%; b) Tỷ lệ chất thải rắn tại các điểm dân cư nông thôn và các làng nghề được thu gom và xử lý bảo đảm môi trường đạt 80%; c) 100% chất thải y tế được thu gom và xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường; d) hình thành và phát triển ngành công nghiệp tái chế chất thải để tái sử dụng, phần đầu 30% chất thải thu gom được tái chế.
 - Nâng cao chất lượng dịch vụ vận tải công cộng nội tỉnh, tỷ lệ sử dụng phương tiện vận tải công cộng tại các khu đô thị lớn và trung bình đạt 35-45%.
 - Tỷ lệ che phủ rừng đạt 55%.

(3) Các giải pháp của Kế hoạch

Kế hoạch triển khai thực hiện chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh tỉnh Quảng Ninh đặt ra năm (5) nhóm giải pháp, gồm i) Nhóm giải pháp nâng cao nhận thức; ii) Nhóm giải pháp nâng cao năng lực và thể chế; iii) Nhóm giải pháp giảm cường độ phát thải khí nhà kính; iv) Nhóm giải pháp Xanh hóa sản xuất; v) Nhóm giải pháp Xanh hóa lối sống và Thúc đẩy tiêu dùng bền vững.

Mỗi nhóm giải pháp bao gồm nhiều giải pháp khác nhau tập trung vào nội dung chính trong các dự án thành phần, cụ thể như sau :

- Nhóm i) Nâng cao nhận thức về ứng dụng năng lượng mặt trời, hình ảnh doanh nghiệp và du lịch thân thiện môi trường, phát động phòng trào tiêu dùng tiết kiệm nước, điện và giấy, thúc đẩy chương trình “Mỗi xã, phường một sản phẩm – OCOP”, xây dựng thương hiệu sản phẩm xanh.
- Nhóm ii) Nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban xúc tiến và hỗ trợ đầu tư, tập trung phát triển đào tạo nguồn nhân lực phục vụ các ngành du lịch / kinh tế biển / nông nghiệp sinh thái, thúc đẩy ISO 14000, ISO 5001, tăng cường năng lực của cơ quan quản lý nhà nước về kiểm tra và thanh tra môi trường, ứng dụng hiệu quả Quỹ Bảo vệ môi trường.
- Nhóm iii) Quản lý rừng / rừng ngập mặn, thúc đẩy tăng khả năng hấp thụ khí CO₂ và hạn chế mất rừng và suy thoái rừng (REDD+), giảm sử dụng nhiên liệu hóa thạch, khuyến khích sử dụng rộng rãi các nguồn năng lượng tái tạo ở khu vực nông thôn, xanh hóa nông nghiệp (tưới tiêu hiệu quả, sử dụng phân bón có lượng phát thải NO₂ thấp, phụ phẩm / chất thải để nuôi gia súc, phân bón hữu cơ, v.v.); xúc tiến sử

dụng nhiên liệu sinh học trong vận tải hành khách công cộng và vận tải hàng hóa, phát triển hệ thống xe điện tại các khu vực du lịch; thúc đẩy sử dụng khí biogas, cải thiện các lò sản xuất gạch (loại bỏ các lò nung bằng công nghệ lạc hậu), nghiên cứu và lắp đặt hệ thống thu hồi nhiệt thải cho các nhà máy giúp giảm tiêu thụ điện năng, giảm phát thải, giảm ô nhiễm môi trường, v.v.), giảm tiêu hao nhiên liệu ở các nhà máy xi măng / nhà máy nhiệt điện thông qua từng bước nâng cấp công nghệ sản xuất, đầu tư xây dựng và vận hành ổn định hệ thống quan trắc môi trường và quản lý chất thải nguy hại ở các nhà máy xi măng / nhà máy nhiệt điện.

Nhóm iv) Phát huy sử dụng công nghệ sạch trong các ngành công nghiệp khai thác than / nhiệt điện / đóng tàu / sản xuất vật liệu xây dựng / di dời các cơ sở sản xuất gây ô nhiễm ra khỏi khu vực đô thị, nông nghiệp công nghệ cao, giảm thiểu và kiểm soát ô nhiễm môi trường ở các khu vực dân cư và khu du lịch, phân loại tại nguồn và xử lý rác, áp dụng công nghệ thân thiện môi trường trong hoạt động khai thác than, các khu xử lý chất thải y tế, thực hiện các kỹ thuật đánh bắt thủy sản an toàn để toàn bộ sản lượng đánh bắt đạt dưới mức “năng suất bền vững tối đa” của hệ sinh thái, kiểm soát sạt lở bãi thải và trồng cây phủ xanh khu vực khai thác than và khu vực bãi thải, thúc đẩy 3R (Giảm thiểu – Tái chế - Tái sử dụng).

Nhóm v) Quy hoạch sử dụng đất hiệu quả, bố trí dân cư, khu vực nông nghiệp tránh xa khu vực nguy hại môi trường (khu vực khai thác than, bãi thải chất thải nguy hại, v.v.), quy chế và đầu tư phục vụ an toàn cho các khu vực chợ / tàu du lịch / bảo vệ nguồn nước, an toàn thực phẩm, phát triển không gian xanh hoặc mặt nước trong khu vực đô thị.

(4) Cơ quan đầu mối thực hiện Kế hoạch Hành động Tăng trưởng xanh

Sở Kế hoạch và Đầu tư (Sở KH&ĐT) là cơ quan đầu mối về tăng trưởng xanh, có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành liên quan. Sở Tài chính phối hợp với các đơn vị liên quan đề xuất cơ chế thu hút, huy động các nguồn lực tài chính và đảm bảo kinh phí cho việc triển khai thực hiện Kế hoạch Hành động Tăng trưởng xanh theo quy định hiện hành.

(5) Các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư trong Kế hoạch

Kế hoạch triển khai thực hiện chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh của tỉnh Quảng Ninh lập một danh mục 10 dự án, chương trình ưu tiên đầu tư với nội dung dự toán kinh phí và đề xuất nguồn kinh phí do UBND tỉnh Quảng Ninh đề xuất, như sau :

Bảng II-2.6 Danh mục các chương trình / dự án ưu tiên trong KHHĐTTX của tỉnh

STT	Chương trình / Dự án	Dự toán kinh phí (triệu VND)	Nguồn kinh phí do UBND tỉnh Quảng Ninh đề xuất
1	Trang bị hệ thống thu hồi nhiệt thải nhà máy xi măng	201.600	Doanh nghiệp
2	Dự án xây dựng thể chế để thực hiện tăng trưởng xanh và tăng cường hệ thống quản lý môi trường nhằm bảo tồn bền vững vịnh Hạ Long	97.060	JICA
3	Dự án đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng du lịch phục vụ tăng trưởng bền vững	945.000	ADB
4	Dự án bảo vệ và phát triển rừng giai đoạn 2016 – 2020	168.000	Phí bảo vệ môi trường WB, GIZ, JICA
5	Dự án xây dựng hệ thống xử lý nước thải, chất thải khu kinh tế Vân Đồn	421.400	ADB, Bi, JICA
6	Xây dựng nhà máy xử lý nước thải sinh hoạt và công nghiệp cho ba địa phương: Hạ Long, Hoàn Bồ và Cẩm Phả	8.500.000	ADB, Bi, JICA
7	Phát triển năng lượng tái tạo tại tỉnh Quảng Ninh	85.000	JICA, GIZ
8	Tăng cường quản trị nhà nước hỗ trợ cho sự phát triển của khu vực tư nhân trong việc cải tạo công nghệ giảm phát thải CO2	120.000	WB, UNDP
9	Tăng cường chính sách về năng lượng tái tạo và hiệu quả sử dụng năng lượng, thúc đẩy phát triển phát thải thấp và bền vững	85.000	USAID, WB
10	Dự án trợ giúp kỹ thuật và nâng cao nhận thức các hoạt động Giảm thiểu, Tái sử dụng và Tái chế (3R) và cải tiến vận hành hệ thống quản lý chất thải rắn	150.000	KOICA, GIZ

Nguồn: Quyết định số 6970/KH-UBND ngày 16 tháng 11 năm 2015 của UBND tỉnh Quảng Ninh về Kế hoạch triển khai thực hiện chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2016 – 2020.

(6) Những nét chính và kết quả nghiên cứu Kế hoạch

Những điểm chính và kết quả nghiên cứu của JET như sau:

- Cải thiện biện pháp theo dõi các chỉ tiêu để xác nhận và kiểm tra đánh giá tiến độ thực hiện tăng trưởng xanh.
- Làm sáng tỏ tính tương quan và sự phù hợp của các chỉ số trong Phụ lục 1 so với những chỉ số đưa ra ở từng nhóm của 5 nhóm giải pháp.
- Tính sẵn sàng và khả năng áp dụng các nguồn tài chính và việc huy động các nguồn đó cho các chương trình/dự án ưu tiên liệt kê trong Kế hoạch.
- Làm sáng tỏ nhiệm vụ của các Sở, ban, ngành của tỉnh hoặc các đơn vị khác bao gồm cả các cấp chính quyền địa phương.

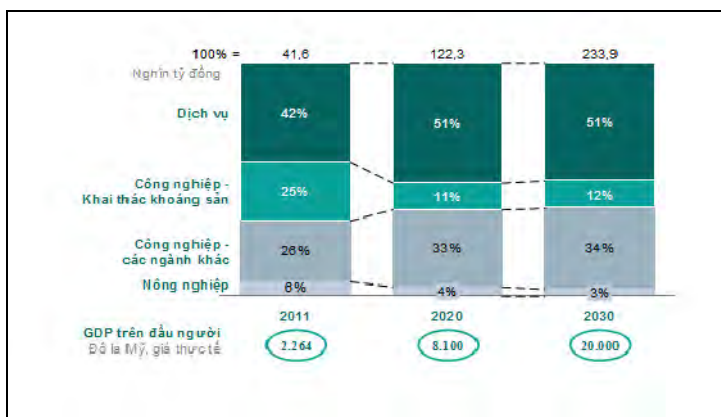
Ngoài ra, Quyết định số 6970/KH-UBND ngày 16/11/2015 của UBND tỉnh Quảng Ninh về ban hành kế hoạch triển khai thực hiện chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh đã thay thế cho Kế hoạch số 3741/KH-UBND ngày 9/7/2014.

II-2.2.4 Các quy hoạch liên quan tới tăng trưởng xanh ở tỉnh Quảng Ninh

Những quy hoạch tổng thể và quy hoạch ngành ở tỉnh Quảng Ninh liên quan trực tiếp đến tăng trưởng xanh, gồm :

- Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 (Quyết định số 2622/QĐ-TTg ngày 31/12/2013).
- Quy hoạch môi trường tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 (Quyết định số 1799/QĐ-UBND ngày 18/08/2014).
- Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 (Quyết định số 1418/QĐ-UBND ngày 4/7/2014).

Theo Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Ninh, tỉnh Quảng Ninh khẳng định quyết tâm phát triển kinh tế tỉnh Quảng Ninh dựa vào ngành dịch vụ (hình dưới). Theo quy hoạch, tỉnh tập trung phát huy khai thác và bảo tồn di sản thiên nhiên thế giới vịnh Hạ Long và vườn quốc gia vịnh Bái Tử Long. Bên cạnh đó, Tỉnh đặt mục tiêu xây dựng tỉnh Quảng Ninh trở thành một tỉnh dịch vụ, công nghiệp hiện đại, bảo đảm đường biên giới ổn định, hòa bình, hữu nghị hợp tác và phát triển với Trung Quốc và là trung tâm du lịch quốc tế. Đặc biệt, Tỉnh có chủ trương đẩy mạnh chuyển đổi các hoạt động kinh tế theo hướng từ “nâu” sang “xanh” với trọng tâm là ngành dịch vụ du lịch.



Nguồn: Quy hoạch tổng thể PT KT-XH tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

Hình II-2.3 Mục tiêu tăng trưởng đặt ra trong Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Ninh

Bảng sau đây tổng hợp những chỉ tiêu hoặc mục tiêu đặt ra trong các quy hoạch nêu trên :

Bảng II-2.7 Chỉ tiêu / Mục tiêu đặt ra trong các Quy hoạch quan trọng ở tỉnh Quảng Ninh

Quy hoạch Tổng thể phát triển kinh tế - xã hội duyệt năm 2013

Tên mục	2011 (hiện hành)	2015 (mục tiêu)	2020 (mục tiêu)
Phát triển kinh tế			
Tốc độ tăng trưởng GDP bình quân	12,0% (2006-11)	9,5%-10,5% (2011-15)	14%-15% (2016-20)
Cơ cấu kinh tế Dịch vụ/Công nghiệp và Xây dựng/Nông nghiệp	36,9%/56,9%/6,2%	45,0%-45,5%/ 49,0%-49,5%/ 5,0%-5,5%	51%-52%/ 45%-46%/ 3% - 4%
GDP bình quân đầu người	1.861 USD (2010)	3.600 USD– 4.000 USD	8.000USD–8.500U SD 20.000 USD (2030)
Phát triển xã hội			
Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo (%)	38	73	89
Tỷ lệ hộ nghèo (%)	Không áp dụng	1,1% (2011-2015)	0,7% (2016-2020)
Tỷ lệ trẻ em được tiêm chủng đầy đủ (%)	Không áp dụng	95	98
Tỷ lệ người có bảo hiểm y tế (%)	Không áp dụng	80	90
Tỷ lệ bác sỹ / vạn dân	7,5 (2010)	10,5	12,0
Tỷ lệ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân ở trẻ dưới 5 tuổi (%):	Không áp dụng	<15	<12
Bảo vệ môi trường			
Tỷ lệ che phủ rừng (%)	51,0	53,5	55
Tỷ số đàn hồi về tăng trưởng nguồn cung cấp điện/ GDP	Không áp dụng	2,0	1,0
Tỉ lệ dân số nông thôn sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh (%)	Không áp dụng	95	98
Du lịch			
Khách du lịch nội địa (triệu lượt)	4.2	Không áp dụng	6,7
Khách du lịch quốc tế (triệu lượt)	2.2	Không áp dụng	3,8
Doanh thu du lịch (triệu USD)	Không áp dụng	Không áp dụng	1.500

Quy hoạch môi trường duyệt năm 2014

Quản lý môi trường nước

Năm	Tình trạng
2013 (hiện hành)	<ol style="list-style-type: none"> 41% nước thải đô thị ở TP Hạ Long được xử lý trong các trạm xử lý nước thải trước khi thải ra môi trường. Ở các khu vực đô thị khác, ngoại trừ TP Hạ Long, không có trạm xử lý nước thải tập trung. 74% nước thải khai thác than được xử lý đạt tiêu chuẩn xả thải, tương đương tiêu chuẩn áp dụng ở các nước phát triển.
2020 (mục tiêu)	<ol style="list-style-type: none"> 20% nước thải đô thị trên toàn địa bàn tỉnh được xử lý trong các trạm xử lý nước thải trước khi thải ra môi trường. 70% nước thải đô thị ở TP Hạ Long được xử lý trong các trạm xử lý nước thải trước khi thải ra môi trường 33% nước thải đô thị ở khu vực vịnh Hạ Long được xử lý trong các trạm xử lý nước thải trước khi thải ra môi trường 70% nước thải nông thôn được xử lý đạt tiêu chuẩn xả thải, tương đương tiêu chuẩn áp dụng ở những nước phát triển. 100% nước thải công nghiệp được xử lý đạt tiêu chuẩn xả thải, tương đương tiêu chuẩn áp dụng ở những nước phát triển. 100% nước thải nhà máy nhiệt điện được xử lý đạt tiêu chuẩn xả thải, tương đương tiêu chuẩn áp dụng ở những nước phát triển. 100% nước thải khai thác than được xử lý đạt tiêu chuẩn xả thải, tương đương tiêu chuẩn áp dụng ở những nước phát triển. Thực hiện các giải pháp xử lý nước thải tàu thuyền du lịch.
2030 (mục tiêu)	<ol style="list-style-type: none"> 100% nước thải đô thị trên toàn địa bàn tỉnh được xử lý trong các trạm xử lý nước thải trước khi thải ra môi trường. 100% nước thải nông thôn được xử lý đạt tiêu chuẩn xả thải, tương đương tiêu chuẩn áp dụng ở những nước phát triển. 100% nước thải tàu thuyền du lịch được xử lý đạt tiêu chuẩn xả thải, tương đương tiêu chuẩn áp dụng ở những nước phát triển.

Quản lý chất lượng không khí

Mục tiêu thiết kế đến năm 2020 đạt tiêu chuẩn môi trường đối với chỉ tiêu Tổng bụi lơ lửng (TSP) và các hạt có kích thước nhỏ hơn 10 µm (PM10) trên toàn địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

** Tỷ lệ phần trăm đạt chuẩn năm 2012 trong thời gian đo 1h là 59%.

Quản lý chất thải rắn

Năm	3R và Phân loại rác tại nguồn	Chất thải rắn công nghiệp
2012 (hiện hành)	Thu gom được 61% tổng lượng chất thải rắn phát sinh.	Không áp dụng
2020 (mục tiêu)	Triển khai hoạt động 3R tại các hộ gia đình và xây dựng các khu tái chế rác ở TP Hạ Long và các khu vực ven biển vịnh Hạ Long 90% chất thải rắn sinh hoạt đô thị sẽ được thu gom và xử lý an toàn, 75-80% trong tổng lượng chất thải rắn đó sẽ được tái sử dụng, tái chế và sử dụng cho năng lượng tái tạo, hoặc sản xuất phân hữu cơ.	Thu gom và xử lý 90% chất thải rắn công nghiệp không nguy hại và 70% chất thải rắn nguy hại, trong đó có 75% được đưa vào tái sử dụng và tái chế.
2030 (mục tiêu)	Triển khai hoạt động 3R tại các hộ gia đình trong tất cả các huyện, thị và thành phố toàn địa bàn tỉnh Quảng Ninh. Triển khai xây dựng các khu tái chế rác và chế biến phân hữu cơ, hoàn thiện và đưa vào sử dụng. Thu gom và xử lý 100% chất thải rắn đô thị, trong đó 90% được tái chế, tái sử dụng, sử dụng làm nguyên liệu sản xuất năng lượng tái tạo hoặc sản xuất phân hữu cơ.	Đến năm 2025, thu gom và xử lý 100% chất thải rắn công nghiệp không nguy hại.

Quản lý rừng

STT	Chỉ tiêu	Cơ quan chịu trách nhiệm tổng hợp	Mục tiêu đến 2020
1	Độ che phủ rừng	Sở NN&PTNT	55%
2	Diện tích sản xuất lâm nghiệp	Sở NN&PTNT	150.000ha (gỗ công nghiệp / dăm gỗ) 20.000ha (Lâm đặc sản)
3	Cải tạo các khu vực, lịch sử, văn hóa, du lịch	Sở NN&PTNT Sở VH-TT&DL	1,5 – 2 triệu cây Không suy thoái hơn so với năm 2010
4	Cải tạo rừng sản xuất (tăng độ che phủ rừng)	Sở NN&PTNT	224.300 ha (84,7 %)
5	Cải tạo rừng phòng hộ (tăng độ che phủ rừng)	Sở NN&PTNT	116.700 ha (85,6 %)
6	Cải tạo rừng đặc dụng (tăng độ che phủ rừng)	Sở NN&PTNT	24,950ha (96.0%)
7	Diện tích rừng có chứng chỉ	Sở NN&PTNT	67,290ha (30% rừng sản xuất)
8	Chứng nhận chuỗi giám sát	Sở NN&PTNT	Trên 3 tổ chức
9	Diện tích rừng ngập mặn	Sở NN&PTNT	3.000 ha được trồng 30% diện tích rừng ngập mặn cần bảo tồn sẽ được cải tạo
10	Diện tích thảm cỏ biển	Sở TN&MT	Không giảm so với năm 2010
11	Diện tích rạn san hô	Sở TN&MT	Không giảm so với năm 2010
12	Cải tạo những khu vực được bảo vệ	Sở TN&MT	Mở rộng (2), Thiết lập mới (5)
13	Cải tạo những khu vực khai thác than	Sở TN&MT /VINACOMIN	Không áp dụng
14	Các biện pháp bảo tồn được lập kế hoạch và thực hiện cho 12 loài cực kỳ nguy cấp (CR)	Sở TN&MT	12 loài CR
15	Số loài quý, hiếm đang bị đe dọa tuyệt chủng	Sở TN&MT	Không
16	Số các nguồn gen quý, hiếm, có giá trị bị mất	Sở TN&MT	Không tăng so với năm 2010
17	Các khu di sản thiên nhiên, cảnh quan và nét đẹp thiên nhiên	Sở VHTTDL	Không suy giảm so với 2010
18	Các vụ mất an toàn sinh học có nguyên nhân từ sinh vật biến đổi gen	Sở y tế	Không
19	Số loài và mức độ xâm hại của các loài ngoại lai xâm hại môi trường	Sở TN&MT	Không tăng so với năm 2010
20	Tỷ lệ diện tích các hệ sinh thái tự nhiên có tầm quan trọng quốc gia, quốc tế được cải thiện khả năng chống chịu, thích nghi với biến đổi khí hậu	Sở TN&MT	Tới 70% so với năm 2010
21	Nguồn lợi thủy sản vùng biển ven bờ	Sở NN&PTNT	Không giảm so với năm 2010

(5) Bảo tồn đa dạng sinh học

STT	Chỉ tiêu	Cơ quan chịu trách nhiệm tổng hợp	Mục tiêu đến 2020
1	Nguồn lợi thủy sản vùng biển ven bờ	Sở NN&PTNT	Tăng 70% so với tổng sản lượng năm 2010
2	Diện tích rừng nguyên sinh	Sở NN&PTNT	Không giảm
3	Diện tích rừng ngập mặn	Sở NN&PTNT	3.000 ha được trồng 10% diện tích rừng ngập mặn cần bảo tồn sẽ được cải tạo
4	Diện tích các thảm cỏ biển	Sở TN&MT	Không giảm so với năm 2010
5	Diện tích rạn san hô	Sở TN&MT	Không giảm so với năm 2010
6	Số loài quý, hiếm bị đe dọa tuyệt chủng	Sở TN&MT	Không
7	Số các loài quý, hiếm bị tuyệt chủng	Sở TN&MT	Không
8	Số nguồn gen quý hiếm, có giá trị bị mất	Sở TN&MT	Không tăng so với năm 2010
9	Các khu di sản thiên nhiên, cảnh quan, nét đẹp của thiên nhiên	Sở VH-TT&DL	Không suy giảm so với 2010
10	Số vụ mất an toàn sinh học có nguyên nhân từ sinh vật biến đổi gen	Sở y tế	Không
11	Số loài và mức độ xâm hại của các loài ngoại lai xâm hại môi trường	Sở TN&MT	Không tăng so với năm 2010
12	Tỷ lệ diện tích các hệ sinh thái tự nhiên có tầm quan trọng quốc gia, quốc tế được cải thiện khả năng chống chịu, thích nghi với biến đổi khí hậu	Sở TN&MT	Tăng 60% so với 2010

Quy hoạch du lịch duyệt năm 2014

Năm	Hạng mục	Mức chi tiêu theo ngày (USD)	Mức chi tiêu mỗi chuyến du lịch	Thời gian lưu trú trung bình (ngày)	Số lượt khách (triệu lượt/năm)	Doanh thu (Triệu USD/năm)	Đóng góp vào GDP	Lao động (gián tiếp)
2012 (hiện hành)	Khách quốc tế	55	55	1,0	2,6	144	-	-
	Khách nội địa	30	14	0,5	4,4	60	-	-
	Tổng số	39	29	0,7	7,0	205	5% (GDP:2,15B)	25.000 (1.500)
2020 (mục tiêu)	Khách quốc tế	100	170	1,7	7,5	1.262	-	-
	Khách nội địa	35	35	1,0	8,0	281	-	-
	Tổng số	66	100	1,3	15,5	1.543	10% (GDP:6,3B)	62.000 (85.000)

II-2.2.5 Phương hướng của Dự án

Như được xem xét ở trên, khuôn khổ tăng trưởng xanh tại Việt Nam và tỉnh Quảng Ninh được thúc đẩy bằng cách lựa chọn và tích hợp các hạng mục cần được giải quyết dưới khái niệm tăng trưởng xanh trong số các biện pháp và dự án khác nhau được đề xuất tại các quy hoạch và kế hoạch ngành. Vì vậy, ý tưởng cơ bản cho việc đề xuất các hành động ưu tiên là các chính sách và biện pháp được lựa chọn phù hợp với khuôn khổ tăng trưởng xanh từ các quy hoạch chính của tỉnh Quảng Ninh, ví dụ như Quy hoạch tổng thể Phát triển kinh tế-xã hội tỉnh, Quy hoạch tổng thể Quản lý Môi trường và Quy hoạch tổng thể Phát triển Du lịch. Đối với việc xác định các hành động ưu tiên trong các ngành ưu tiên mục tiêu hoặc lựa chọn các hoạt động thí điểm để trình diễn trong giai đoạn thực thi của Dự án, đã xem xét tới sự tích hợp một cách hiệu quả của từng hoạt động đóng góp cho việc thúc đẩy tăng trưởng xanh, cùng với việc kết hợp khái niệm Mô hình Hồ Biwa cho khu vực vịnh Hạ Long như đã được mô tả tại Phần I.

II-2.3 Tổ chức hành chính triển khai thực hiện tăng trưởng xanh ở tỉnh Quảng Ninh

II-2.3.1 Thiết lập về tổ chức cho việc thực hiện tăng trưởng xanh tỉnh Quảng Ninh

Để hướng dẫn thực hiện Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh, tỉnh Quảng Ninh đã ban hành Quyết định số 3281/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2014 về việc thành lập Ban chỉ

đạo chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2014-2020 (Sau đây gọi là Ban chỉ đạo). Bảng sau đây tóm tắt thành phần của Ban chỉ đạo của tỉnh:

Bảng II-2.8 Ban chỉ đạo chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh tỉnh

Ban chỉ đạo tỉnh	
Trưởng ban	UBND tỉnh Quảng Ninh Phó chủ tịch Đặng Huy Hậu
Phó trưởng ban	Sở Kế hoạch & Đầu tư
	Sở Tài chính
	Sở Tài nguyên môi trường
	Sở Công thương
	Sở Nông nghiệp và PT nông thôn
Ủy viên	Sở Giao thông
	Sở Xây dựng
	Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường
	Sở Nội vụ
	Sở Y tế
	Sở Giáo dục và Đào tạo
	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội
	Sở Thông tin và Truyền thông
	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
	Sở Ngoại vụ
	Ban Quản lý khu kinh tế
	Cục thống kê
	Ban Quản lý vịnh Hạ Long
	Ban xúc tiến và hỗ trợ đầu tư
	Ban xây dựng nông thôn mới
	Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh Quảng Ninh
	Hội nông dân tỉnh
	Hội liên hiệp phụ nữ tỉnh
	Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh
	Liên hiệp hội khoa học và kỹ thuật tỉnh
	Đài phát thanh và truyền hình Quảng Ninh
	Báo Quảng Ninh
	Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh Quảng Ninh
	Tập đoàn Than và khoáng sản Việt Nam
	Tổng công ty Đông Bắc
	Công ty điện lực Quảng Ninh
	Đại diện lãnh đạo UBND các huyện, thị xã và thành phố của tỉnh

Nguồn: Quyết định số 3281/QĐ-UBND.

Trưởng ban chỉ đạo tỉnh sẽ phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên thuộc Ban. Văn phòng thường trực của Ban chỉ đạo tỉnh đặt tại Sở kế hoạch và đầu tư. Ban chỉ đạo gồm các phó trưởng ban là lãnh đạo của các sở trực thuộc UBND tỉnh, đề xuất nhiệm vụ của các thành viên ban chỉ đạo. Các thành viên ban chỉ đạo làm việc theo hình thức kiêm nhiệm và sử dụng bộ máy giúp việc của cơ quan để thực hiện nhiệm vụ do Trưởng ban chỉ đạo phân công.

II-2.3.2 Chi ngân sách tỉnh liên quan tới tăng trưởng xanh

Bảng dưới đây thể hiện tổng chi ngân sách tỉnh Quảng Ninh. Năm 2014, tổng mức chi ngân sách khoảng 23 tỷ Đồng.

Bảng II-2.9 Chi tiêu ngân sách trong tỉnh Quảng Ninh

Đơn vị: triệu VND

Năm	2010	2011	2012	2013	2014
Tổng chi	13.255.967	19.286.028	22.343.792	24.213.207	23.135.413
Chi đầu tư phát triển	4.761.108	5.886.243	5.592.215	5.598.132	4.944.383
Chi quốc phòng	120.582	191.879	164.102	177.316	177.578
Chi an ninh			79.610	80.885	80.527
Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	1.304.894	1.710.524	2.358.212	2.484.475	2.564.700
Chi sự nghiệp y tế, dân số và kế hoạch hóa GD	405.401	558.589	941.957	846.783	737.649
Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	18.699	28.200	55.861	60.530	38.202
Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	67.511	124.970	105.028	119.181	168.588
Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tin	33.119	64.812	79.794	69.138	60.096
Chi sự nghiệp thể dục thể thao	45.608	48.315	70.767	73.084	76.908
Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội	145.472	297.326	345.148	364.579	512.982
Chi sự nghiệp kinh tế	409.472	710.889	998.757	993.191	835.267
Chi sự nghiệp hành chính, Đảng, đoàn thể	808.440	1.318.356	1.736.299	1.784.244	1.710.141
Chi trợ giá mặt hàng chính sách	5.722	4.967	5.850	5.662	
Chi khác ngân sách	46.124	102.100	116.213	100.711	109.535
Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.600	1.600	1.600	1.600	1.600
Chi chuyển nguồn	2.563.849	4.164.662	4.303.518	5.425.362	6.075.015

Ghi chú: Tổng cộng các mục chi chi tiết không giống như mức Chi tổng.

Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Quảng Ninh năm 2014.

Bảng dưới đây phản ánh kế hoạch chi thực tế năm 2014 và kế hoạch phân bổ ngân sách năm 2015 cho thực hiện chính sách liên quan tới tăng trưởng xanh tỉnh Quảng Ninh:

Bảng II-2.10 Chi tiêu thực tế năm 2014 và Kế hoạch phân bổ ngân sách năm 2015 cho hoạt động thực thi chính sách liên quan tới tăng trưởng xanh tỉnh Quảng Ninh

STT	Nội dung chi	Năm 2014 (nghìn VND)	Năm 2015 (nghìn VND)
1	Chi sự nghiệp môi trường	629.464	493.294
2	Đầu tư các dự án khắc phục môi trường (từ nguồn thu phí bảo vệ môi trường)	167.300	248.656
3	Đầu tư các dự án trên vịnh Hạ Long (từ nguồn thu phí thăm quan vịnh Hạ Long)	190.000	175.000
4	Dự án phục hồi và quản lý rừng bền vững	1.600	1.488
5	Dự án bảo vệ môi trường Vịnh Hạ Long	1.000	4.500
6	Chương trình bảo vệ và phát triển rừng	27.000	30.000
7	Đầu tư xử lý khắc phục ô nhiễm môi trường 8 xã khu vực Hà Nam, thị xã Quảng Yên	50.000	50.000
8	Trung bày nội thất công trình Bảo tàng - Thư viện tỉnh Quảng Ninh	160.000	10.000
9	Trung bày hiện vật và nội dung công trình Bảo tàng - Thư viện tỉnh Quảng Ninh	24.000	90.000
10	Cung quy hoạch, hội chợ triển lãm tỉnh Quảng Ninh	122.900	400.000
11	Đầu tư thiết bị nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học phục vụ bảo tồn đa dạng sinh học vườn quốc gia Bái Tử Long		4.538
12	Dự án dự án hỗ trợ kỹ thuật Thúc đẩy tăng trưởng xanh tại khu vực vịnh Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh (giai đoạn I)		2.998

Nguồn: Nhóm Chuyên gia JICA lập dựa trên số liệu của Sở Tài chính.

II-2.3.3 Dự kiến nguồn ngân sách cho các nhiệm vụ / dự án đề xuất trong Báo cáo nghiên cứu của Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Chương trình phát triển Liên hợp quốc (UNDP)

Báo cáo nghiên cứu của Bộ KHĐT – UNDP đã liệt kê ra 20 nhiệm vụ / dự án liên quan tới giảm cường độ phát thải khí nhà kính trong các chương trình mục tiêu và các dự án trọng điểm liên quan tới Tăng trưởng xanh. Theo danh mục này, có 3 loại nguồn kinh phí thực hiện các nhiệm vụ / dự án này, đó là nguồn ngân sách địa phương, doanh nghiệp và của Điện lực Việt Nam (EVN). Phần lớn đều từ ngân sách địa phương. Danh mục cụ thể trình bày như sau :

Bảng II-2.11 Nhiệm vụ / dự án liên quan tới giảm cường độ phát thải khí nhà kính và nguồn kinh phí thực hiện

STT	Nhiệm vụ, Dự án	Ngân sách (nghìn VNĐ)	Nguồn kinh phí
1	Sử dụng xăng sinh học trong vận tải hành khách	50.000.000,00	Ngân sách địa phương
2	Sử dụng xăng sinh học trong vận tải hàng hóa	80.000.000,00	NS địa phương
3	Phát triển phương tiện vận tải hành khách công cộng	1.399.440.000,00	NS địa phương
4	Hỗ trợ lắp đặt máy điều hòa hiệu suất hoạt động cao	348.153.251,67	NS địa phương
5	Hỗ trợ lắp đặt tủ lạnh hiệu suất hoạt động cao	50.055.443,08	NS địa phương
6	Hệ thống quản lý năng lượng	15.000.000,00	Doanh nghiệp
7	Lắp đặt các trạm biến thế hiệu suất cao trong lưới điện	700.000.000,00	EVN
8	Các điểm thông tin du lịch và chiếu sáng đường phố sử dụng năng lượng mặt trời	42.000.000,00	NS địa phương
9	Trang bị hệ thống thu hồi nhiệt thải nhà máy xi măng	201.600.000,00	Doanh nghiệp
10	Hỗ trợ lắp đặt máy điều hòa hiệu suất hoạt động cao	255.150.000,00	NS địa phương
11	Thay thế các lò gạch thủ công (lò đứng liên tục)	7.976.822,78	NS địa phương
12	Tối ưu hóa và thay thế phân hóa học trong trồng lúa	5.215,13	NS địa phương
13	Tiết kiệm và kiểm soát tưới tiêu trên đồng ruộng	15.598,82	NS địa phương
14	Phát triển rừng đặc dụng	76.670.890,57	NS địa phương
15	Phát triển rừng phòng hộ	431.935.558,19	NS địa phương
16	Chuyển đổi đất không sử dụng thành đất rừng đặc dụng	260.266,24	NS địa phương
17	Phát triển rừng sản xuất	1.249.022.912,44	NS địa phương
18	Chuyển đổi đất không sử dụng thành đất rừng phòng hộ	17.022.379,11	NS địa phương
19	Chuyển đổi đất không sử dụng thành đất rừng sản xuất	36.979.465,38	NS địa phương
20	Sử dụng khí biogas trong chăn nuôi	309.240.000,00	NS địa phương

Nguồn: Kế hoạch triển khai thực hiện chiến lược quốc gia về TTX tỉnh Quảng Ninh, lập bởi tỉnh QN và UNDP.

II-2.3.4 Các quỹ, chính sách hiện tại của tỉnh Quảng Ninh

Hiện nay, tỉnh Quảng Ninh có những quỹ, chính sau đây phục vụ các hoạt động liên quan. Trong số các chính sách này liệt kê sau đây có chính sách khuyến khích thúc đẩy xã hội hóa mới được ban hành nên chưa có hoạt động nào liên quan tới chính sách này.

(1) Quỹ Bảo vệ Môi trường

Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Quảng Ninh được thành lập tại Quyết định số 2061/QĐ-UBND ngày 8 tháng 7 năm 2010. Mục đích nhằm hỗ trợ tài chính cho các chương trình, dự án và các nhiệm vụ và các hoạt động, gồm (a) bảo tồn tài nguyên thiên nhiên và đa dạng sinh học, (b) phòng, chống, và (c) khắc phục ô nhiễm, suy thoái và sự cố môi trường trên địa bàn tỉnh. Quỹ có ba chức năng: (a) Thu và giữ tiền quỹ cho hoạt động cải tạo và phục hồi môi trường tại những khu vực mỏ than sau khi đóng cửa, (b) Cho vay vốn đối với các hoạt động quản lý môi trường, và (c) Tài trợ cho những dự án đặc biệt khi cần thiết. Chức năng chính của quỹ hiện nay là giữ quỹ phục vụ hoạt động cải tạo và phục hồi môi trường từ ngành khai thác than. Đối với việc cho vay vốn cho các hoạt động quản lý môi trường, tổng số tiền cho vay tối đa là 5 tỷ đồng cho mỗi dự án trong khoảng thời gian tối đa là 5 năm theo quy định của nhà nước. Cho tới nay, quỹ đã cho một dự án vay vốn xây dựng nhà máy xử lý chất thải rắn và sản xuất nguyên liệu tái tạo cho Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng Việt Long. Tổng số vốn vay là 5 tỷ đồng, là mức tối đa cho một dự án mà quỹ có thể cho vay. Do hạn mức vốn cho vay của Quỹ cho một dự án bị hạn chế, và do các doanh nghiệp không được cung cấp đầy đủ thông tin về quỹ, cho đến nay, việc khai thác quỹ chưa đạt hiệu quả. Hiện nay, Sở TN&MT đang có đề xuất giải quyết vấn đề này.

II-2.3.5 Chính sách khuyến khích, thúc đẩy xã hội hóa

Ngày 20 tháng 8 năm 2015, UBND tỉnh Quảng Ninh đã ra Quyết định số 2433/2015/QĐ-UBND về một số chính sách khuyến khích, thúc đẩy xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể dục thể thao, môi trường, giám định tư pháp trên địa bàn tỉnh. Quyết định này quy định một số ưu đãi và hỗ trợ đầu tư dành cho các nhà đầu tư thực hiện đầu tư dự án mới, dự án mở rộng trong lĩnh vực xã

hội hóa tại các đơn vị hành chính thuộc vùng khó khăn trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

II-2.3.6 Chính sách đặc thù khuyến khích đầu tư nông nghiệp

Ngày 21 tháng 4 năm 2015, UBND tỉnh Quảng Ninh đã ra Quyết định số 1066/2015/QĐ-UBND về chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp tỉnh Quảng Ninh đến năm 2017. Quyết định này quy định một số ưu đãi và hỗ trợ đầu tư bổ sung dành cho các doanh nghiệp đầu tư mới, mở rộng sản xuất vào sản phẩm nông nghiệp đặc thù trên địa bàn tỉnh ngoài được hưởng những ưu đãi quy định tại Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ.

II-2.3.7 Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ

Ngày 7 tháng 5 năm 2012, UBND tỉnh Quảng Ninh đã ra Quyết định số 1023/QĐ-UBND về việc thành lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ Quảng Ninh. Nhiệm vụ của Quỹ là hỗ trợ không hoàn lại một phần hoặc toàn bộ chi phí cho các nhiệm vụ, dự án bao gồm cả những đề tài nghiên cứu phát triển công nghệ mới, công nghệ tiên tiến, công nghệ cao và cải tiến dây chuyền, công nghệ thuộc những ngành, lĩnh vực mà Tỉnh ưu tiên. Tổng số vốn luôn duy trì trong quỹ là 100 tỷ đồng. Kể từ năm 2015, theo quy định, quỹ chỉ có thể cho vay vốn đối với các doanh nghiệp có hoạt động khoa học và công nghệ trong tỉnh. Hiện nay, đã có 5 dự án được vay vốn và quỹ đã cấp vốn cho các dự án sau:

Bảng II-2.12 Các dự án vay vốn Quỹ phát triển Khoa học và Công nghệ

Tên Dự án	Tổng số vốn vay (VND)
Dự án "Ứng dụng khoa học công nghệ sản xuất các loại nấm, rau và các sản phẩm nông nghiệp có giá trị kinh tế cao theo hướng VietGAP, tại phường Cộng Hòa, thị xã Quảng Yên".	7.097.000
Dự án "Trồng và phát triển cây dược liệu Ba kích (<i>Morinda officinalis</i> How) trên địa bàn huyện Ba Chẽ".	6.500.000
Dự án "Ứng dụng công nghệ tiên tiến cho sản xuất gốm sứ gia dụng chất lượng cao tại Mạo Khê – Đông Triều – Quảng Ninh"	1.583.000
Dự án "Dây chuyền sản xuất viên nén sinh học (wood pellet) 50.000 tấn/năm tại xã Tân Bình, huyện Đầm Hà".	9.250.000

Nguồn: Sở Khoa học và Công nghệ.

II-2.4 Kết quả xem xét cơ cấu hành chính và thể chế hiện tại thực hiện nhiệm vụ tăng trưởng xanh của tỉnh

Sau đây là nội dung trình bày các kết quả nghiên cứu thể chế đã được xác nhận cho tới thời điểm hiện tại.

II-2.4.1 Về nhận thức đối với tăng trưởng xanh

Cần phải xây dựng sự đồng thuận về các hoạt động dự kiến thực hiện tăng trưởng xanh.

Tỉnh Quảng Ninh đã xây dựng được kế hoạch hành động tăng trưởng xanh và xác định cụ thể phương hướng thực hiện, tuy vậy, các bên liên quan lại có những ý tưởng khác nhau về triển khai thực hiện. Do đó, cần phải xây dựng được sự đồng thuận về các hoạt động dự kiến thực hiện tăng trưởng xanh.

II-2.4.2 Khía cạnh cơ chế chính sách

Cụ thể hóa những quy chế cần xây dựng mới hoặc sửa đổi, tùy thuộc vào các dự án tăng trưởng xanh đề xuất .

Cần xây dựng phương pháp theo dõi và đánh giá kết quả thực hiện các hoạt động của kế hoạch hành động tăng trưởng xanh.

Mặc dù tỉnh Quảng Ninh đã xây dựng được kế hoạch hành động tăng trưởng xanh nhưng thực tế cho thấy cần phải xây dựng mới hoặc sửa đổi các cơ chế chính sách hiện có để thực hiện

được một số hoạt động tăng trưởng xanh. Ngoài ra, để thực hiện được các hoạt động có liên quan một cách thuận lợi và có hiệu quả, cần xây dựng cơ chế theo dõi và đánh giá đối với các hoạt động đề xuất.

II-2.4.3 Khía cạnh thể chế

Mặc dù Ban chỉ đạo thực hiện Kế hoạch hành động tăng trưởng xanh đã được thiết lập, nhưng cơ chế phối kết hợp và trao đổi thông tin giữa các sở cần được tăng cường với sự chủ động tích cực từ UBND tỉnh Quảng Ninh.

Chưa xác định rõ ràng trách nhiệm thực thi tăng trưởng xanh giữa cấp sở và chính quyền địa phương.

Củng cố cơ chế hợp tác nhằm kêu gọi được sự hợp tác ở phạm vi rộng hơn phục vụ cho tăng trưởng xanh, như sự hợp tác của người dân địa phương và của các cơ quan đoàn thể như Đoàn Thanh niên hoặc Hội Phụ nữ.

Tùng cơ quan đã chỉ định một phòng chủ chốt để phụ trách thực hiện tăng trưởng xanh, nhưng chưa chỉ định cán bộ chuyên trách đảm nhiệm nội dung này.

Tỉnh Quảng Ninh đã thiết lập ban chỉ đạo về Tăng trưởng xanh, tuy nhiên để thực hiện tăng trưởng xanh thì sự phối hợp, cộng tác giữa các cơ quan liên quan có vai trò hết sức quan trọng.

II-2.4.4 Khía cạnh tài chính

Tăng cường ngân sách riêng cho tăng trưởng xanh, đặc biệt là cho các hoạt động mới liên quan tới tăng trưởng xanh.

Tỉnh Quảng Ninh đã phân bổ ngân sách cho tăng trưởng xanh. Tuy nhiên, để triển khai thực hiện tăng trưởng xanh một cách tích cực, cần đề xuất những hoạt động mới, theo đó đòi hỏi nguồn kinh phí thực hiện.

CHƯƠNG II-3 HIỆN TRẠNG VÀ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU CÁC NGÀNH TRỌNG ĐIỂM TRONG KHU VỰC VỊNH HẠ LONG

II-3.1 Đặc điểm khu vực dự án

II-3.1.1 Tổng quan hiện trạng kinh tế và công nghiệp ở tỉnh Quảng Ninh

Bảng sau đây liệt kê dân số và diện tích các đơn vị hành chính nằm trong khu vực vịnh Hạ Long. Tổng dân số của khu vực là khoảng 759.000 người vào năm 2014. Thành phố Hạ Long là địa bàn đông dân cư nhất trong số 6 đơn vị hành chính với tổng số dân đạt khoảng 232.000 người.

Bảng II-3.1 Dân số và diện tích các địa phương khu vực vịnh Hạ Long

Thành phố / Huyện	Diện tích (km ²)	Dân số (người)
Thành phố Hạ Long	272.0	232.000
Thành phố Cẩm Phả	343.2	186.000
Huyện Vân Đồn	553.2	43.000
Huyện Hoành Bồ	844.6	50.400
Thị xã Quảng Yên	314.2	134.200
Thành phố Uông Bí	256.3	113.300

Nguồn: Niên giám Thống kê tỉnh Quảng Ninh năm 2014

Tổng sản lượng công nghiệp theo loại hình hoạt động công nghiệp trên tỉnh Quảng Ninh được trình bày tại bảng dưới đây. Ngành khai thác than đạt mức sản lượng lớn nhất. Tuy nhiên, sản lượng của ngành này đã giảm 64% năm 2010 xuống còn 51% năm 2014. Những ngành thuộc nhóm ngành công nghiệp chế biến, chế tạo chủ yếu liên quan tới chế biến thực phẩm và các sản phẩm khoáng phi kim loại.

Bảng II-3.2 Tổng sản lượng công nghiệp theo giá hiện thời đối với từng loại hình hoạt động công nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh

Hoạt động kinh tế	2010	2014
TỔNG	79.261	128.172
Công nghiệp khai khoáng	51.821	66.966
Khai thác than cứng và than non	50.871	65.906
Khai thác dầu thô và khí đốt tự nhiên	-	-
Khai thác quặng kim loại	4	114
Khai khoáng khác	433	538
Dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng	513	408
Công nghiệp chế biến, chế tạo	23.293	39.882
Sản xuất, chế biến thực phẩm	7.672	8.290
Sản xuất đồ uống	397	811
Sản xuất sản phẩm thuốc lá	-	-
Dệt	651	8.211
Sản xuất trang phục	157	269
Sản xuất da và các sản phẩm có liên quan	272	481
Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn ghế)	624	1.654
Sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy	91	319
In và sao chép bản ghi các loại	74	83
Sản xuất than cốc và sản phẩm dầu mỏ tinh chế	71	266
Sản xuất hóa chất và các sản phẩm hóa chất	488	554
Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu	-	9
Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastics	544	409
Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác	6.842	9.171
Sản xuất kim loại	771	1.325
Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc thiết bị)	1.049	2.793

Hoạt động kinh tế	2010	2014
Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học	-	-
Sản xuất thiết bị điện	1.042	1.245
Sản xuất máy móc, thiết bị chưa được phân vào đâu	70	323
Sản xuất xe có động cơ, rơ moóc	287	353
Sản xuất phương tiện vận tải khác	1.509	2.101
Sản xuất giường, tủ, bàn ghế	320	406
Công nghiệp chế biến, chế tạo khác	332	600
Sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc thiết bị	30	209
Công nghiệp SX và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí	3.815	20.215
Sản xuất và phân phối Điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí	3.815	20.215
Cung cấp nước; hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	332	1.109
Khai thác, xử lý và cung cấp nước	176	371
Thoát nước và xử lý nước thải	23	421
Hoạt động thu gom, xử lý và tiêu hủy rác thải; tái chế phế phẩm	133	317
Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	-	-

Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Quảng Ninh năm 2014.

II-3.1.2 Định hướng phát triển khu vực vịnh Hạ Long ở tỉnh Quảng Ninh

(1) Khu vực trọng điểm phát triển kinh tế tỉnh Quảng Ninh

Khu vực vịnh Hạ Long là trung tâm phát triển kinh tế của tỉnh Quảng Ninh và là đơn vị kinh tế hàng đầu của khu vực. Thành phố Hạ Long và thành phố Cẩm Phả là các trung tâm tập trung các ngành công nghiệp trọng điểm và dịch vụ thương mại của tỉnh và là nơi có ngành công nghiệp khai thác than, công nghiệp đóng tàu, sản xuất vật liệu xây dựng, nhiệt điện, chế biến thủy hải sản, v.v.. Năm 2014, ước tính tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) của Hạ Long đạt khoảng 30.000 tỷ VNĐ.

Theo Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030, định hướng tổ chức không gian lãnh thổ khu vực vịnh Hạ Long là “một tâm, hai tuyến đa chiều và hai điểm đột phá”. Định hướng này nhằm bảo đảm mục tiêu liên kết, đồng bộ để phát huy thế mạnh của từng huyện thị trong tỉnh, cũng như sức mạnh từ chức năng kinh tế của tỉnh Quảng Ninh trong Vùng Kinh tế trọng điểm Bắc bộ (NKER) và Châu thổ Sông Hồng (RRD). Theo định hướng này, thành phố Hạ Long được xác định là tâm của tỉnh Quảng Ninh. “Hai đột phá” chính là đột phá về phát triển kinh tế tỉnh Quảng Ninh thông qua phát triển các khu kinh tế ở huyện Vân Đồn và thành phố Móng Cái.

(2) Khu vực du lịch chính của tỉnh Quảng Ninh

Du lịch là ngành kinh tế mũi nhọn đóng góp cho nền kinh tế tỉnh Quảng Ninh và đã được xác định là một trong các trụ cột phát triển kinh tế. Quảng Ninh có cả hai nguồn tài nguyên du lịch lớn gồm các tài nguyên văn hóa và thiên nhiên cần được khai thác và phát huy tối đa tiềm năng phục vụ phát triển du lịch ở khu vực vịnh Hạ Long. Vịnh Hạ Long và vịnh Bái Tử Long là hai tài nguyên du lịch đặc biệt về giá trị thiên nhiên với cấu tạo địa chất độc đáo và phong cảnh quan đẹp, được đánh giá là hai khu vực vùng lõi du lịch của tỉnh Quảng Ninh. Vịnh Hạ Long là địa danh duy nhất hai lần được tôn vinh là Di sản thiên nhiên thế giới UNESCO và trở thành một trong 7 kỳ quan thiên nhiên thế giới mới. Vịnh Bái Tử Long hiện chưa được khai thác nhiều, vẫn còn mang vẻ hoang sơ và là tiềm năng phát triển du lịch cao cấp. Về tài nguyên du lịch văn hóa, Yên Tử là khu di tích danh thắng đặc biệt nhất, nơi vua Trần Nhân Tông đã rời đến vào năm 1299 và cho xây dựng chùa và Yên Tử được ghi nhận là kinh đô Phật giáo Việt Nam¹⁰.

¹⁰ <http://www.thanhniennews.com/travel/yen-tu-the-home-of-vietnams-hero-kingturnedbuddha-28866.html>

II-3.1.3 Hiện trạng môi trường nước vịnh Hạ Long

Hiện trạng chất lượng nước và môi trường vịnh Hạ Long được trình bày tóm tắt dưới đây. Căn cứ vào kết quả nghiên cứu hiện trạng, các vấn đề cần được kiểm tra/giải quyết được phân loại cụ thể, kèm theo đề xuất các biện pháp cần xem xét/kiểm tra phù hợp với đặc điểm của các nguồn gây ô nhiễm, như sau:

(1) Ô nhiễm hữu cơ và điều kiện vệ sinh môi trường (Chỉ số: COD, nhóm Coliform)

Giá trị trung bình nồng độ COD là 8,45 mg/l, vượt xa giá trị tiêu chuẩn môi trường theo quy định tại QCVN10:2008/BTNMT (3,0mg/l), theo “Báo cáo hiện trạng môi trường năm 2014” của Ban Quản lý vịnh Hạ Long. Giá trị COD quan sát được tại một số điểm dọc khu vực ven biển thành phố Hạ Long (khu vực đô thị) là 20mg/l hoặc cao hơn, phản ánh rõ mức độ ô nhiễm hữu cơ nghiêm trọng, mặc dù tiêu chuẩn môi trường đối với COD trong QCVN không áp dụng đối với khu vực ven biển gần đảo. Tình trạng này cho thấy các nguồn gây ô nhiễm tại khu vực đô thị là nguồn chính gây nên tình trạng ô nhiễm hữu cơ đối với nước biển ven bờ.

Các thông số nhóm coliform, là nhóm chỉ số điển hình về tình hình vệ sinh môi trường nước, đều vượt quá tiêu chuẩn môi trường quy định tại QCVN10:2008/BTNMT (1000MPN/100ml) đo được tại cảng Vân Đồn và tại khu vực ven biển gần thành phố Hạ Long, trong khi đó các giá trị này đo được ở mức thấp tại những khu vực xa bờ hoặc tại các khu vực đảo. Xét đến thực tế các bãi tắm được khai thác ở khu vực ven biển thành phố Hạ Long phục vụ một trong những hoạt động du lịch thì cần phải tiếp tục kiểm tra mức độ có thể chấp nhận được của các giá trị đã quan sát khi so với các tiêu chuẩn của Nhật Bản (loại coliform của phân AA: ND, loại A: 100MPN/100ml).

Kết quả nghiên cứu và các vấn đề được tóm tắt như sau:

- Nước thải sinh hoạt trong khu vực đô thị dọc bờ biển cũng như tại lưu vực hầu như được xả trực tiếp xuống vịnh không qua xử lý, vì phạm vi phục vụ của hệ thống xử lý nước thải chỉ đạt được 30%.
- Hoạt động kiểm tra và thanh tra môi trường đang được tiến hành đối với các nhà máy hoặc cơ sở kinh doanh theo quy định. Tuy nhiên, tần suất và các nội dung kiểm tra được cho là chưa đầy đủ và chỉ có một số ít trường hợp tuân thủ theo yêu cầu cải thiện/khuyến cáo khi các cơ quan chức năng xử lý yêu cầu. Thực tế thường gặp là ngay cả trong các báo cáo tự giám sát của chính các nhà máy/cơ sở kinh doanh cũng đều ghi nhận các trường hợp vi phạm không đạt tiêu chuẩn xả thải. Nhìn chung, khó có thể đưa ra nhận định rằng chất lượng nước thải từ các nhà máy/cơ sở kinh doanh, tác động tới môi trường nước và việc thực hiện tốt quy chế xả thải đang có xu hướng dần được cải thiện.

(2) Phú dưỡng (chỉ số: T-N, T-P)

Trong QCVN không quy định cụ thể giá trị tiêu chuẩn môi trường đối với thông số T-N và T-P. Tuy nhiên, các giá trị cao về nồng độ những chất dinh dưỡng này được quan sát thấy tại khu vực ven biển gần với khu vực đô thị cũ của thành phố (giá trị tối đa trung bình của T-N và T-P là lần lượt là 32,37 mg/l và 0,71mg/l), có nghĩa rằng tình trạng phú dưỡng nước vịnh Hạ Long đang tăng lên.

Trong hai năm 2002 và 2008, thủy triều đỏ (*Ceratium furca*) được quan sát thấy tại bờ phía Tây của vịnh Bắc bộ. Sau đó, năm 2011 và 2012, thủy triều đỏ được quan sát xuất hiện ít nhất 5 lần xung quanh đảo Cát Bà, đã phá hủy nghiêm trọng nguồn thủy sản ở những khu vực lân cận. Kết quả nghiên cứu năm 2013 cho thấy các giá trị nồng độ dinh dưỡng (NO_3 , NH_4 , PO_4) năm 2012 đã bị tăng gấp đôi, hoặc thậm chí gấp 4 lần so với giá trị đo được năm 2005. Như vậy, các giá trị nồng độ dinh dưỡng đo được tại vịnh Hạ Long bộc lộ nguy cơ bùng nổ sự kiện

HAB (tảo độc nở hoa).

Kết quả nghiên cứu và các vấn đề được tóm tắt như sau:

- Các nguồn gây ô nhiễm chính gây ra tình trạng phú dưỡng cũng tương tự như các nguồn gây ô nhiễm hữu cơ. Ngoài ra cần quan tâm tới i) hoạt động xả thải và chất thải rắn ngành chăn nuôi gia súc và ii) việc sử dụng phân bón và các loại phân bón hóa học ngấm trong đất nông nghiệp, cả hai nguồn này đều có thể chứa ni-tơ và photpho cao.
- Đồng thời cũng cần phải chú ý tới tác động trực tiếp gây ra bởi nồng độ cao các thành phần dinh dưỡng từ ngành nuôi trồng thủy sản tôm, cá, ngao, sò v.v... phát triển nhanh chóng trong những năm gần đây trong khu vực vịnh.

(3) Độ đục nước do bùn (Chỉ số: Độ trong, Độ đục, TSS)

Mặc dù QCVN không quy định cụ thể giá trị tiêu chuẩn môi trường đối với độ trong của nước nhưng độ trong là một tham số điển hình để ước tính mức độ lành mạnh về sinh học cũng như sức hấp dẫn về du lịch trong khu vực vịnh. Giá trị trung bình của độ trong được đo trong năm 2012, 2013 và 2014 lần lượt là 1,95 m, 2,10 m và 1,40 m trong khi đó giá trị đo tại khu vực tiếp giáp với khu đô thị cho thấy độ trong ở mức 1,0 m hoặc thấp hơn. Giá trị độ trong trung bình do JET quan sát vào ngày 20/12/2015 tại 5 điểm trên tuyến đường thủy từ Bãi Cháy đến Quảng Yên là 1,12m và cũng quan sát thấy tầng lớp bùn đáy vịnh do tàu thuyền qua lại. Qua xem xét cho thấy độ trong của nước vịnh không đáp ứng tiêu chuẩn của Nhật Bản quy định đối với bãi tắm (độ trong loại AA: tất cả, loại A: 1m hoặc hơn).

Giá trị tiêu chuẩn môi trường đối với TSS (tổng chất rắn lơ lửng trong nước) được quy định trong QCVN10:2008/BTNMT chỉ đối với vùng nước cần được bảo vệ (50 mg/l). Các giá trị đo được của TSS năm 2014 tại hang Thiên Cung và hang Đầu Gỗ, một trong những điểm du lịch nổi tiếng là 69,85mg/l, vượt quá mức quy chuẩn nêu trên.

Có thể nói rằng hiện trạng độ đục trong khu vực cần được bảo vệ ở phía Đông (khu vực rạn san hô) của vịnh Hạ Long đang tiến triển tới mức nghiêm trọng. Ngoài ra, có thể cần phải xem xét giá trị tiêu chuẩn (TSS 50mg/l), xét đến quan điểm xem có còn là quy định phù hợp bảo vệ vùng nước có di sản.

Kết quả nghiên cứu và các vấn đề được tóm tắt như sau:

- Cần chú ý/xem xét tới dòng chảy vào vịnh có mang theo cát và bùn từ các dòng sông.
- Cần chú ý/xem xét tới hoạt động san lấp tại bờ biển hoặc các dự án xây dựng dọc bờ biển.
- Cần chú ý/xem xét tới tình trạng tầng bồi lắng bùn đáy Vịnh.

(4) Dầu (Chỉ số: Dầu)

Giá trị tiêu chuẩn môi trường về dầu được xác định đối với các vùng nước cần được bảo vệ và những nơi khác lần lượt là mức không phát hiện thấy dầu (N.D) và 0,2 mg/l hoặc thấp hơn. Dầu ở tất cả các khu vực trong vùng nước cần được bảo vệ được phát hiện năm 2014 là 0,03 – 0,47 mg/l, và giá trị đo được trong những khu vực khác là 0,13 – 1,08mg/l, có nghĩa là giá trị tại hầu hết các điểm đo đều vượt tiêu chuẩn cho phép. Giá trị trung bình của dầu đo được tại tất cả các địa điểm trong năm 2012, 2013, và 2014 lần lượt là 0,02 mg/l; 0,042 mg/l và 0,32 mg/l. Kết quả đo chỉ số này năm 2014 thậm chí còn tệ hơn. Dầu gây ra những tác động tiêu cực đến môi trường sống thủy sinh cũng như đến cảnh quan môi trường. Đồng thời, vết dầu loang trên mặt nước biển cũng có thể gây hại đến nguồn tài nguyên du lịch bãi tắm dọc theo bờ biển.

Kết quả nghiên cứu và các vấn đề được tóm tắt như sau:

- Cần chú ý/xem xét tới i) hoạt động xả thải từ các hoạt động công nghiệp/nhà máy có liên quan tới dầu, ii) sự cố tràn dầu, iii) xả nước la canh từ tàu/thuyền, iv) hoạt động xả thải từ các khách sạn, nhà hàng, cửa hiệu và nhà dân dọc theo bờ biển và v) dòng chảy vào Vịnh từ các con sông.

(5) Kim loại nặng (Chỉ số: Fe, Zn, Mn, v.v..)

Một số giá trị về Fe và Mn đo được trong vùng nước cần được bảo vệ tại khu vực Vân Đồn vượt quá tiêu chuẩn môi trường (Fe: 0,3 mg/l hoặc thấp hơn, Mn: 0.1 mg/l hoặc thấp hơn). Trong trường hợp khu vực bên ngoài vùng nước cần được bảo vệ, các giá trị đo Fe tại 3 điểm và Mn tại 2 điểm đã vượt quá tiêu chuẩn cho phép.

Kết quả nghiên cứu và các vấn đề được tóm tắt như sau:

- Nguồn chính gây ô nhiễm Fe/Mn nước vịnh được cho là từ hoạt động khai thác than. Mặc dù công nghệ khai thác than và xử lý nước thải than ngày càng được nâng cao, nhưng do chất thải than bị tồn trữ trong thời gian dài, gặp mưa lớn gây ra các dòng chảy đất/bùn bị nhiễm kim loại nặng. Có thể việc xem xét trồng rừng trên các khu vực mỏ than sau khai thác hoặc trên các bãi thải than là rất quan trọng.

II-3.1.4 Công tác quản lý môi trường trong khu vực vịnh Hạ Long**(1) Cơ sở hạ tầng quản lý môi trường****(a) Xử lý nước thải****(i) Xử lý nước thải sinh hoạt**

Ở khu vực vịnh Hạ Long, có 5 trạm xử lý nước thải và và đều nằm trên địa bàn thành phố Hạ Long. Bảng sau đây tổng hợp công suất các trạm xử lý nước thải, như sau :

Bảng II-3.3 Trạm xử lý nước thải trên khu vực vịnh Hạ Long

Vị trí / Thành phố	Công suất xử lý (m ³ /ngày đêm)
Bãi Cháy / TP Hạ Long	3.500
Hà Khánh / TP Hạ Long	7.200
Khu đô thị Vung Đăng / TP Hạ Long	2.000
Khu đô thị Cọc 5 – Cọc 8 / TP Hạ Long	1200
	1.200
Cộng	15.100

Nguồn: Quy hoạch tổng thể PTKT xã hội tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

(ii) Xử lý nước thải khai thác than

Sản lượng than của tỉnh Quảng Ninh chiếm khoảng 90% tổng sản lượng than toàn quốc và khu vực nghiên cứu là khu vực có sản lượng than chiếm tỷ lệ lớn trên địa bàn toàn tỉnh. Khai thác than là ngành kinh tế chủ lực ở khu vực nghiên cứu và mang lại lợi ích kinh tế nổi bật, đóng góp cho sự phát triển của tỉnh Quảng Ninh. Mặc dù khai thác than rõ ràng là một nguồn đóng góp đáng kể cho GDP của tỉnh và ngân sách tỉnh nhưng các hoạt động khai thác than ngày càng mang lại mối quan ngại về tác động đối với môi trường và sức khỏe con người. Về môi trường nước, nguồn gây ô nhiễm lớn nhất đối với nước bề mặt và nước biển ven bờ là nước thải công nghiệp, đặc biệt là nước thải từ các hoạt động khai thác và chế biến than.

VINACOMIN có 43 trạm xử lý nước thải mở đang hoạt động. Trong số đó có 33 trạm nước thải đạt tiêu chuẩn xả thải Cấp độ B của QCVN40/2011, 2 trạm đạt tiêu chuẩn nước xả thải cấp độ A của QCVN40/2011.

Mục tiêu của VINACOMIN và các công ty khai thác than là xây dựng các trạm xử lý nước thải nhằm xử lý triệt để 100% lượng nước thải mỏ và nước thải từ các khu công nghiệp sẽ được xử lý phù hợp theo quy chuẩn trước khi xả ra môi trường, đặc biệt quan tâm tới xử lý nước bề mặt chảy qua các khu vực kho than và các bãi thải.

(b) Quản lý chất thải rắn**(i) Phân loại và thu gom**

Thu gom chất thải rắn đô thị phải đối mặt với nhiều khó khăn do khối lượng chất thải ngày càng tăng, thiếu nhận thức của người dân về quản lý chất thải rắn và thiếu đầu tư vào cơ sở hạ

tầng cũng như thiết bị và nhân lực. Hầu hết chất thải rắn đô thị được thu gom mà không được phân loại, điều này gây ra khó khăn cho hoạt động tái chế.

(ii) Xử lý

Các đơn vị tư nhân (không chính thức) thu mua những loại rác có giá trị tái chế (nhựa, kim loại, v.v..) từ các hộ gia đình và doanh nghiệp và/hoặc từ các bãi tập kết rác. Tại một số khu vực, hộ gia đình và doanh nghiệp xả rác trực tiếp vào các xe thu gom rác của công ty thu gom và vận chuyển chất thải.

Rác thải sinh hoạt hiện tại sau khi thu gom được xử lý bằng hai cách chôn lấp truyền thống, đó là tại bãi rác hợp vệ sinh và tại bãi rác không hợp vệ sinh, không có kiểm soát mùi cũng như nước rác. Hiện tại, ở khu vực vịnh Hạ Long có 6 bãi rác. Hai bãi rác trong số đó được đầu tư xây dựng bằng nguồn vốn tài trợ ODA của chính phủ Đan Mạch (DANIDA) với các hệ thống xử lý nước rác và phủ rác bằng đất. Các bãi rác còn lại là bãi rác chôn lấp tự nhiên không có lớp đất phủ và hiện nay, một số bãi rác đang gây ra các vấn đề về môi trường. Kể từ năm 2014, một khu xử lý rác mới đã bắt đầu xây dựng, trên diện tích khoảng 120.000 m², tại Khe Giang, thành phố Uông Bí, có bao gồm hệ thống xử lý nước rác.

Bảng II-3.4 Điều kiện các bãi rác hiện nay

STT	Tên	Địa điểm	Công suất (tấn/ngày đêm)
1	Hà Khâu	Phường Hà Khâu, TP Hạ Long	30
2	Đèo Sen	Phường Hà Khánh, TP Hạ Long	200
3	Quang Hanh	Phường Quang Hanh, TP Cẩm Phả	50
4	Vạn Yên	Vạn Yên, huyện Vân Đồn	1,6
5	Thị trấn Trới	Thị trấn Trới, huyện Hoành Bồ	13
6	Cộng Hòa	Cộng Hòa, Quảng Yên	37,7

Nguồn: Quy hoạch quản lý chất thải rắn tỉnh Quảng Ninh đến năm 2010, định hướng đến năm 2020.

(c) Tái chế và tái sử dụng

Hiện nay, trong tỉnh Quảng Ninh chưa có nhà máy chế biến phân hữu cơ. Sở TN&MT có kế hoạch thực hiện hoạt động thí điểm về dự án 3R tại phường Thanh Sơn, thành phố Uông Bí bao gồm các hoạt động phân loại rác tại nguồn, thu gom, vận chuyển và xử lý. Theo quy hoạch sẽ xây dựng một cơ sở sản xuất phân hữu cơ tại khu bãi thải Khe Giang, xã Thượng Yên Công, thành phố Uông Bí. Với kinh nghiệm thu được từ dự án, Sở TN&MT có kế hoạch trong năm 2018 sẽ triển khai mở rộng hoạt động tương tự ra các phường khác thuộc thành phố Uông Bí, thành phố Hạ Long và thành phố Móng Cái.

Các đơn vị tư nhân (không chính thức) thu mua những loại rác có giá trị tái chế (nhựa, kim loại, v.v..) từ các hộ gia đình và doanh nghiệp và/hoặc từ các bãi tập kết rác. Tại một số khu vực, hộ gia đình và doanh nghiệp xả rác trực tiếp vào các xe thu gom rác của công ty thu gom và vận chuyển chất thải.

(d) Chất thải nguy hại

Theo Sở TN&MT, từ năm 2011 đến 2015, có 736 chủ nguồn thải đăng ký nguồn thải nguy hại. Tổng lượng chất thải nguy hại phát sinh trung bình năm từ năm 2011 đến 2014 là trên 8.500 kg /năm, trong đó thành phần chủ yếu là dầu thải, pin axit chì và má phanh ô tô thải.

Hiện nay, tỉnh Quảng Ninh có một cơ sở xử lý chất thải nguy hại. Ngoài ra, từ năm 2013, ngành than đã đầu tư và vận hành một cơ sở xử lý chất thải nguy hại của ngành. Cơ sở này được đặt tại xã Dương Huy, thành phố Cẩm Phả và xử lý toàn bộ chất thải nguy hại từ ngành khai thác than và ngành công nghiệp chế biến.

CTR y tế được phân loại thành: CTR sinh hoạt và CTR y tế, trong đó: CTR sinh hoạt: được thu gom vào các túi nilon màu xanh, đưa về trạm trung chuyển sau đó và xử lý theo phương

pháp chôn lấp truyền thống; CTR y tế (bản chất là CTNH): được xử lý tại chỗ theo phương pháp đốt.

(2) Hoạt động nâng cao nhận thức

Đối với hoạt động nâng cao nhận thức cộng đồng về bảo vệ môi trường, hoạt động đáng lưu ý nhất diễn ra gần đây ở Quảng Ninh là hoạt động thành lập Hội giáo dục bảo vệ môi trường Hạ Long. Hội được thành lập theo Quyết định số 1918/QĐ-UBND của UBND tỉnh Quảng Ninh ngày 7 tháng 7 năm 2015, bao gồm các hội viên là sở Tài nguyên môi trường và các sở ngành của tỉnh, Tỉnh Đoàn Quảng Ninh, các cá nhân và tổ chức hoạt động trong lĩnh vực giáo dục bảo vệ môi trường. Một số chương trình, đề án trong nhiệm kỳ:

- Lập các dự án về tuyên truyền nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường;
- Xây dựng Đề án vận động thanh thiếu nhi và nhân dân hành động vì một vịnh Hạ Long xanh;
- Phát động và tổ chức chương trình Làm sạch bãi biển với đối tượng mục tiêu tham gia là học sinh và thể hệ trẻ;
- Xây dựng các đề xuất về Con thuyền sinh thái phục vụ giáo dục cho trẻ em dưới 10 tuổi kiến thức về giá trị di sản vịnh Hạ Long và bảo vệ môi trường.
- Phối hợp với các tổ chức đoàn thể khác thực hiện chương trình nghiên cứu có tên “Hành trình di sản” cùng Đoàn thanh niên của 3 tỉnh ở Lào là Huay Xai, Luang Prabang và Xayaburi; và
- Tham gia Chương trình sản phẩm nông nghiệp xanh và thúc đẩy phong trào Mỗi xã phường một sản phẩm (OCOP).
- Triển khai phân loại rác trên tàu du lịch hoạt động trên vịnh Hạ Long, và
- Thực hiện dự án trồng rừng ngập mặn để bảo vệ môi trường.

Ngày 10 tháng 1 năm 2016, hội đã tổ chức hoạt động đầu tiên là chiến dịch làm sạch bãi biển với sự tham gia của học sinh sinh viên địa phương ở cảng tàu du lịch Tuần Châu.



Nguồn : Nhóm Chuyên gia JICA

Hình II-3.1 Học sinh sinh viên địa phương tham gia Chương trình làm sạch bãi biển trên đảo Tuần Châu

II-3.2 Ngành Công nghiệp

II-3.2.1 Hiện trạng của ngành công nghiệp sản xuất chế biến

(1) Công nghiệp khai thác và chế biến than

Hiện tại tỉnh Quảng Ninh có khoảng 30 mỏ than. Sản lượng than khai thác và chế biến năm 2014 đạt 42 triệu tấn. Theo phân tích của VINACOMIN, dự kiến sản lượng khai thác và chế biến than năm 2020 sẽ đạt khoảng 59-64 triệu tấn. Quy hoạch phát triển ngành than Việt Nam đến năm 2020, có xét triển vọng đến năm 2030 đã được phê duyệt tại Quyết định số 60/QĐ-TTg năm 2012 và hiện đang được sửa đổi. Mặc dù đã đưa vào quy hoạch chấm dứt toàn bộ hoạt động khai thác than lộ thiên vào năm 2018 nhưng chiến lược hoạt động ngành Than lại đang được xem xét và điều chỉnh. Hiện nay, một số hoạt động khai thác lộ thiên dự kiến sẽ được tiếp tục thực hiện thậm chí đến sau năm 2018, như khu vực Đông Triều – Uông Bí đến năm 2020 và khu vực Hòn Gai – Cẩm Phả đến năm 2030. Trong ngành khai thác than, một số hoạt động quản lý môi trường đã được lên kế hoạch và thực hiện. Bảng dưới đây liệt kê danh sách các mỏ khai thác than trong khu vực vịnh Hạ Long:

Bảng II-3.5 Danh mục các mỏ than

STT	Tên dự án, loại khoáng sản	KT lộ thiên/hầm lò	Địa điểm khai thác	Diện tích KT (km ²)	Công suất (tấn NK)	Giấy phép KTKS, ngày cấp	Tình trạng hoạt động
			City/Town/District	(km ²)			Status
1	KTHL Than các vỉa 7,8,9,10,11 mỏ Giáp Khẩu - Suối Lại	KT hầm lò	P.Hà Khánh, TP Hạ Long, QN	1.700	319,000	2797/GP-BTNMT ngày 31/12/2008	
2	KTHL Than vỉa 14 phay F.K2 Suối Lại	KT hầm lò	P.Hà Khánh, TP Hạ Long, QN	0.339	286,000	572/GP-BTNMT ngày 17/4/2013	Đang hoạt động
3	KTHL Than dưới mức -75 mỏ than Bình Minh	KT hầm lò	P.Hà Khánh, TP Hạ Long, QN	1.227	1,369,000	1514/GP-BTNMT ngày 27/8/2013	Đang hoạt động
4	KTLT Than vỉa 14 khu Suối Lại 917 (điều chỉnh tại GP357 về CS và thời hạn hết 9/2012; điều chỉnh mở rộng tại GP 143 ngày 01/2/2013, thêm V13)	KT lộ thiên	P.Hà Khánh, TP Hạ Long, QN	1.441	1,365,000	143/GP-BTNMT ngày 01/02/2013	Đang hoạt động
5	KTHL Than các vỉa 14,13 Bắc Bằng Danh - Suối Lại	KT hầm lò	P.Hà Khánh, TP Hạ Long, QN	0.600	147,000	2791/GP-BTNMT ngày 31/12/2008	Đang hoạt động
6	KTHL các vỉa 11,11B mỏ Tây Đá Mài	KT hầm lò		0.480	-	2784/GP-BTNMT ngày 31/12/2008	Đã hết hạn GPKT, đang làm thủ tục xin cấp phép lại
7	KTLT Vía Dây tuyến IA-IV mỏ Tây Khe Sim	KT lộ thiên		0.140	-	1248/GP-BTNMT ngày 28/6/2011	Đã hết hạn GPKT
8	KTLT Than mỏ Núi Béo,	KT lộ thiên	P.Hà Tu, Hà Phong, Hà Trung, TP Hạ Long, QN	4.056	873,000	1250/GP-BTNMT ngày 26/06/2014	Đang hoạt động
9	KTHL Than các vỉa: 14(10),11(8),10(7),7(4),6(3),5(2) mỏ Hà Lâm	KT hầm lò	Phường Hà Lâm, Hà Trung, Hạ Long, Quảng Ninh	6.030	2,400,000	2497/GP-BTNMT ngày 28/11/2008	Đang hoạt động
10	KTLT Than tại khu II, vỉa 11, phường Hà Lâm, phường Hà Trung, HL.	KT hầm lò	Phường Hà Lâm, phường Hà Trung, thành phố Hạ Long, Quảng Ninh	0.5305	180,000	1425/GP-BTNMT ngày 17/7/2014	Đang hoạt động
11	KT HL+LT các vỉa: 10(7),11(8),13(9),14(10) mỏ Hà Lâm	KT hầm lò + Lộ thiên	Phường Hà Lâm, phường Hà Trung, thành phố Hạ Long, Quảng Ninh	5.7900	1,150,000	2498/GP-BTNMT ngày 28/11/2008	Đã dừng KT
12	KTLT Than tại mỏ Hà Tu	KT lộ thiên	Phường Hà Tu, TP Hạ Long, Quảng Ninh	3.450	1,411,000	3195/GP-BTNMT ngày 30/12/2014 giá hạn GP số 2822 và QĐ 1543	

STT	Tên dự án, loại khoáng sản	KT lộ thiên/hầm lò	Địa điểm khai thác	Diện tích KT (km ²)	Công suất (tấn NK)	Giấy phép KTKS, ngày cấp	Tình trạng hoạt động
			City/Town/District	(km ²)			Status
13	KTHL Than các Via 8,7,7A,7B,6,5,4 mỏ than Đông Vàng Danh	KT hầm lò	Phường Vàng Danh, TP Uông Bí	0.308	100,000	2015 không khai thác do liên quan đến trình tự KT	
14	KTLT Than các Via 3,4,5,6,7,8,9 khu Uông Thượng	KT hầm lò	Khu Uông Thượng, P. Vàng Danh, TP Uông Bí	1.332	500,000	3.40	
15	KTHL Than tại các Via 3,4,5,6,6A, 7,7T,8,9 khu Lò Bàng Nam Mẫu	KT hầm lò	Xã Thượng Yên Công, TP Uông Bí, QN	2.210	900,000	35.19	Đang hoạt động
16	KTHL Than tại các Via 3,4,5,6,6A, 7,7T,8,9 khu Lò Giếng Nam Mẫu	KT hầm lò	Xã Thượng Yên Công, TP Uông Bí, QN	3.770	2,500,000	23.65	Đang hoạt động
17	KTHL Than các Via 4,5,6,7,8,8A lò Giếng Vàng Danh	KT hầm lò	P.Vàng Danh, TP Uông Bí, QN	5.000	900,000	25.75	Đang hoạt động
18	KTHL Than tầng lò bằng khu Cánh Gà phường Vàng Danh	KT hầm lò	P.Vàng Danh, TP Uông Bí, QN	3.410	170,000	34.03	Đang hoạt động
19	KTHL Than tầng lò bằng từ LV +122 khu Trung Tâm Vàng Danh	KT hầm lò	P.Vàng Danh, TP Uông Bí, QN	6.410	544,000	32.88	Đang hoạt động
20	KTLT Than lộ via 2+270; 4,5,6 Cánh Gà; 7+315	KT lộ thiên	P.Vàng Danh, TP Uông Bí, QN	0.768	200,000	4.63	Đang hoạt động
21	KTHL Than các Via 4,5,6,7,8,8A lò khu Vàng Danh	KT hầm lò	P.Vàng Danh, TP Uông Bí, QN	9.350	1,500,000	-	Đang trong giai đoạn đào lò chuẩn bị
22	KTHL Than các Via 4,5,6,7,8,8A lò Giếng Cánh Gà Vàng Danh	KT hầm lò	P.Vàng Danh, TP Uông Bí, QN	3.900	1,500,000	16.10	Đang hoạt động
23	KTHL Than khu Trung tâm Vàng Danh	KT hầm lò	P.Vàng Danh, TP Uông Bí, QN	5.000	1,275,000	25.75	Đang hoạt động
24	KTHL Than các Via 6,7,8 mỏ Đồng Vông	KT hầm lò	Xã Tân Dân, huyện Hoành Bồ & P.Vàng Danh, TP Uông Bí	8.658	500,000	31.96	Đang hoạt động
25	KTHL Than các Via 6,7,8 mỏ Tân Dân (Bắc ĐV)	KT hầm lò	Xã Tân Dân, huyện Hoành Bồ	3.525	126,000		Đang hoạt động
26	KTHL Than các via 7,8,9 mỏ Dân Chủ	KT hầm lò	Mỏ Dân Chủ, xã Quảng La, h.Hoành Bồ, QN	0.630	100,000	13.84	Đang hoạt động
27	KTHL Than các via 11,12 mỏ Quảng La	KT hầm lò	Mỏ Quảng La, xã Quảng La, h.Hoành Bồ, Q	1.050	150,000	18.04	Đang hoạt động
28	KTHL Than các via 10 đến 21 mỏ Hòa Bình (phần khu Tây Ngã Hai)	KT hầm lò	mỏ Hòa Bình, xã Hòa Bình, H.Hoành Bồ, QN	2.360	130,000	23.5	Đang hoạt động
29	KTHL Than các via: 6,7,8,9,10,11,12 thuộc khối IA(Tây Bắc) và khối II (Tây Nam) mỏ Bắc Cọc Sáu	KT hầm lò	Phường Mông Dương, TP Cẩm Phả, QN	1.700	700,000	19.51	Đang hoạt động
30	KTHL Than các via 10 đến 16 mỏ Hà Ráng	KT hầm lò	Mỏ Hà Ráng, P.Quang Hanh, TP Cẩm Phả, QN	3.940	600,000	30.01	Đang hoạt động
31	KTHL các via 11,11B mỏ Tây Đá Mài	KT hầm lò		0.480	-	23.37	Đã hết hạn GPKT, đang làm thủ tục xin cấp phép lại
32	KTLT Via Dây tuyến IA-IV mỏ Tây Khe Sim	KT hầm lò		0.140	-	6.90	Đã hết hạn GPKT
33	KTHL Than via V3 đến V17A mỏ than Ngã Hai	KT hầm lò	Thôn Khe Sim, xã Dương Huy, TP Cẩm Phả, QN	13.760	1,500,000	23.41	Đang hoạt động

STT	Tên dự án, loại khoáng sản	KT lộ thiên/hầm lò	Địa điểm khai thác	Diện tích KT (km ²)	Công suất (tấn NK)	Giấy phép KTKS, ngày cấp	Tình trạng hoạt động
			City/Town/District	(km ²)			Status
34	KTHL Than vỉa V4,,V5,V6,V7,V7A,V10,V11,V12,V13,V14,V15,V16,V17,V17A mỏ than Ngã Hai	KT hầm lò	Thôn Khe Sím, xã Dương Huy, TP Cẩm Phả, QN	8.295	382,000	0	không KT
35	Dự án khai thác lộ thiên	KT lộ thiên	Thôn Khe Sím, xã Dương Huy, TP Cẩm Phả, QN	13.600	200,000	4.88	Đã cấp GCNĐT 22.121.000.395 ngày 27/01/2014, đang trong thời gian xin cấp GPKT
36	KTHL Than Vỉa 3,3a,4,5,5a,6,7a,7,,8b,8a,8 9,10a,10,11,12,13,14,15a,15 thuộc mỏ Khe Tam	KT hầm lò		8.3	2,500,000		
37	KTLT Than đoạn vỉa 6 đến 16 mỏ than Khe Tam	KT lộ thiên		1.615	450,000		
38	KTLT Than tại mỏ than Khe Châm II	KT lộ thiên	Phường Cẩm Tây & P.Mông Dương, TP Cẩm Phả, Quảng Ninh	3	2,500,000		Đang hoạt động
39	KTHL Than Vỉa 6(6h,6e,6d,6c,6b,6a) vỉa 5 (5d,5c,5b,5a) vỉa 4(4a,4b,4c,4d) vỉa 3(3h,3e,3d,3c,3b,3a) vỉa 2(2d,2c,2b,2a) vỉa 1(1c,1b,1a) thuộc khu vực mỏ Lộ Trí	KT hầm lò	Phường Cẩm Tây, P.Cẩm Đông, TP Cẩm Phả, Quảng Ninh	1.130	1,500,000		Đang hoạt động
40	KTHL Than Vỉa 13-1, 13-2 tại khu vực mỏ Yên Ngựa	KT hầm lò	Phường Cẩm Tây, P.Cẩm Đông, TP Cẩm Phả, Quảng Ninh	0.620	0		Đã dừng KT, đang làm thủ tục Gia hạn GP, TCĐC đã tiếp nhận hs, kiểm tra thực địa và họp HD
41	DA KTHL Than dưới -35 khu Lộ Trí (đang xin cấp phép KT)	KT hầm lò	Phường Cẩm Tây, P.Cẩm Đông, TP Cẩm Phả, Quảng Ninh				Chưa có GP
42	KTLT Than Vỉa GI1a, GI1b, GI1c, GI2a, GI2b,GI2c,GI2d,GI3a, GI3b,GI3c,GI3d, GI1I, GI12, GI13, GI2b, 1a,4a,4c,6b thuộc khu vực mỏ Đèo Nai	KT lộ thiên	Thành phố Cẩm Phả, QN	6.060	2,500,000	4.90	Đang hoạt động
43	KTLT- vỉa 14-5,13-1 thuộc mỏ than Cao Sơn	KT lộ thiên	Phường Mông Dương, thành phố Cẩm Phả, QN.	4.870	3,500,000		Đang hoạt động
44	KTLT Than vỉa GI1, GI11, GI12, GI13, GIV thuộc khu vực mỏ Cọc Sáu	KT lộ thiên	Phường Cẩm Phú, TP Cẩm Phả, Quảng Ninh	5.350	3,500,000	4.96	Đang hoạt động
45	KTHL Than khu Trung tâm và các vỉa khu Đông Bắc mỏ Mông Dương	KT hầm lò	Phường Mông Dương, TP Cẩm Phả, Quảng Ninh	8.750	2,000,000	30.12	Đang hoạt động
46	KTLT Than tại vỉa I.12, vỉa II.11 khu Vũ Môn; vỉa I.13, I.12, I.11, G9 khu Cảnh Tây; Vỉa 6,7,8,9,10, 11 Khu I Đông Bắc Mông Dương; vỉa 8 Khu II Đông Bắc Mông Dương.	KT lộ thiên	Phường Mông Dương, TP Cẩm Phả, Quảng Ninh	0.784	150,000	15.0	Đang hoạt động

STT	Tên dự án, loại khoáng sản	KT lộ thiên/hầm lò	Địa điểm khai thác	Diện tích KT (km ²)	Công suất (tấn NK)	Giấy phép KTKS, ngày cấp	Tình trạng hoạt động
			City/Town/District	(km ²)			Status
47	KTLT tại các vỉa than I.12, II.11, thuộc khu vực hầm lò mức -100m than Mông Dương	KT lộ thiên	Phường Mông Dương, TP Cẩm Phả, Quảng Ninh	2.070	109,000	15.0	Đang đề nghị gia hạn lần 2_Ngày 8-1-16_TCĐC KS đã kiểm tra thực địa
48	KTHL Than V13-1,13-2,14-2,14-4, 14-5 thuộc mỏ Khe Châm III	KT hầm lò	Phường Mông Dương, TP Cẩm Phả, Quảng Ninh	2.700	2,500,000		
49	KTHL Than vỉa 12,13-1,13-2,14-2,14-4,14-5,15,16 thuộc mỏ Khe Châm I	KT hầm lò	Phường Mông Dương, TP Cẩm Phả, Quảng Ninh	4.100	1,000,000		
50	KTHL Than các vỉa 8,9,10,11,12 mỏ Nam Khe Tam	KT hầm lò	Xã Dương Huy, TP Cẩm Phả, QN	1.970	600,000	24.15	Đang hoạt động
51	KTLT Than vỉa 1 - Khe Hùm (từ tuyến VI đến tuyến X)	KT lộ thiên	Vĩa 1 Khe Hùm (từ T.VI - T.X), P.Hà Phong, TP Hạ Long, QN	0.467	160,000		Đang hoạt động
52	KTLT Than mỏ Đông Đá Mài	KT lộ thiên	Mỏ Đông Đá Mài, P.Mông Dương, TP Cẩm Phả, QN	1.72796	1,289,000		Đang hoạt động
53	KTLT Than vỉa 5,6; mỏ Tây Bắc Khe Tam,	KT lộ thiên	Mỏ Tây Bắc Khe Tam, xã Dương Huy, Cẩm Phả, Quảng Ninh	0.470	119,000		Đang hoạt động
54	KTHL Than các vỉa 17,18,19,20,21 mỏ Tây Bắc Khe Châm	KT lộ thiên	Mỏ Tây Bắc Khe Châm, P.Mông Dương, Cẩm Phả, Quảng Ninh	1.000	50,000	27.3	Đang hoạt động
55	KTHL Than các vỉa 19,17,16,15,14,13,11,10,9,7,6,5 mỏ Tây Bắc Ngã Hai	KT hầm lò	Mỏ Tây Bắc Ngã Hai, xã Dương Huy, Cẩm Phả, Quảng Ninh	2.060	300,000	27.31	Đang hoạt động
56	KTHL Than tại vỉa 6,7 mỏ than Tây Nam khe Tam	KT hầm lò		1.710	XDCB	25.34	Đang hoạt động
57	KTLT Than các vỉa 8, vỉa Dày, Vĩa G Tây Khe Sím	KT lộ thiên	TP Cẩm Phả, QN	0.920	350,000	6.88	Đang hoạt động
58	KTLT Than tại phân vỉa II-6 khu mỏ Tây Lộ Trí, Cẩm Phả	KT lộ thiên	TP Cẩm Phả, QN	0.570	100,000		Đang hoạt động
59	KTHL+LT Than Vĩa 9, khu mỏ Bắc Quảng Lợi	KT lộ thiên	Khu mỏ Bắc Quảng Lợi, P.Cửa Ông, tp Cẩm Phả, QN	1.520	340,000	25.71	Đang hoạt động
60	KTHL Than vỉa 6,9 Đông Bắc Cọc Sáu (kho Hóa Chất)	KT hầm lò	Khu ĐB Cọc Sáu (Kho hóa chất), PCửa Ông, tp Cẩm Phả, QN	0.230	84,000	24.99	Đang hoạt động
61	KTLT- V 8,9,11,12,13 mỏ than Nam Khe Tam	KT lộ thiên	Xã Dương Huy, TP Cẩm Phả, QN	0.55	160,000	7.34	Đã hết hạn GP; Dừng KT.

Nguồn: Sở TN&MT

(a) Xử lý nước thải

Hiện nay, có 43 trạm xử lý nước thải đang hoạt động, 5 trạm đang trong quá trình xây dựng. Trong năm 2016, tổng công suất xử lý sẽ đạt trên 100 triệu m³/ngày. Các nguồn phát sinh nước thải chính là từ các mỏ khai thác than lộ thiên và hầm lò. Ngoài ra, các nhà máy sàng tuyển than cơ bản sử dụng nước có hệ thống tuần hoàn, không xả thải ra môi trường.

(b) Quản lý chất thải rắn

Năm 2013, VINACOMIN đã xây dựng một nhà máy xử lý chất thải rắn nguy hại trên địa bàn thành phố Cẩm Phả. Chất thải rắn sinh hoạt từ các mỏ than được thu gom và xử lý thông qua các hợp đồng ký với các công ty vệ sinh môi trường địa phương.

(c) Tái sử dụng các khu vực mỏ sau khi kết thúc khai thác

Mỏ than lộ thiên Núi Béo dự kiến kết thúc khai thác vào năm 2018. VINACOMIN có kế hoạch tái sử dụng đất mỏ than sau khi kết thúc khai thác theo hướng phát triển dịch vụ thể thao, vui chơi sinh thái và khu vực dân cư.

(d) Giảm phát thải khí nhà kính

Theo VINACOMIN, tập đoàn đã thực hiện những biện pháp sau đây nhằm mục tiêu giảm phát thải khí nhà kính.

- Giảm suất tiêu hao gỗ chống lò từ 45-50m³/1.000 tấn than xuống 14,1m³/1.000 tấn than.
- Đang xây dựng hệ thống băng tải vận chuyển đất đá thay cho vận chuyển bằng ô tô.
- Đầu tư hệ thống khởi động mềm cho các thiết bị điện trong các mỏ than để tiết kiệm điện.
- Trồng cây phủ xanh trên 800 ha bãi thải đã kết thúc. Đã phối hợp trồng 120 ha rừng thay thế diện tích rừng đã bị phá do khai thác than.

(e) Hợp tác quốc tế

Theo VINACOMIN, tập đoàn đã phối hợp cùng các tổ chức nước ngoài cùng thực hiện các hoạt động quản lý môi trường, như sau :

Bảng II-3.6 Hoạt động quản lý môi trường trong công nghiệp khai thác than phối hợp với các tổ chức nước ngoài

Tên Doanh nghiệp	Thời gian hợp tác	Lĩnh vực hợp tác	Ngân sách
Tổng Công ty Dầu khí và Kim loại Quốc gia Nhật Bản (JOGMEC)	2013 - 2015	Thử nghiệm phủ xanh bãi thải bằng thiết bị phun hạt giống cây, cỏ tại mỏ than Đèo Nai (Cẩm Phả) và mỏ than Núi Béo (Hòn Gai)	USD 50.000
Hiệp hội Nghiên cứu Mỏ và Môi trường Đức (RAME)	2005 - 2015	Bảo vệ môi trường tại mỏ than Vàng Danh (Uông Bí), Núi Béo (Hòn Gai) trong những lĩnh vực sau: - Xử lý nước thải mỏ; - Ổn định và phủ xanh bãi thải; - Giảm thiểu bụi; và - Quy hoạch sử dụng đất sau khai thác mỏ thân thiện với môi trường.	USD 820.000
Công ty Phục hồi môi trường mỏ Hàn Quốc (MIRECO)	2011 - 2015	Bảo vệ môi trường cho mỏ than Đèo Nai (Cẩm Phả), mỏ than Trảng Khê (Đông Triều) trong những lĩnh vực sau: - Đào tạo nguồn nhân lực, - Xử lý nước thải mỏ, và - Phủ xanh bãi thải mỏ	USD 180.000
Chương trình phục hồi môi trường đối với các khu vực mỏ than đã đóng cửa (AfD)	Đang lập kế hoạch	Phục hồi môi trường đối với các khu vực mỏ than đã đóng cửa	Sẽ được xác định

Nguồn: Lập bởi Nhóm Chuyên gia JICA, dựa vào thông tin do VINACOMIN cung cấp.

(2) Công nghiệp xi măng

Ở khu vực vịnh Hạ Long, có 4 nhà máy sản xuất xi măng, gồm:

Bảng II-3.7 Các nhà máy sản xuất xi măng ở khu vực vịnh Hạ Long

STT	Tên	Địa điểm	Công suất (triệu tấn/năm)
1	Nhà máy xi măng Cẩm Phả	Phường Cẩm Thạch, TP Cẩm Phả	2,3
2	Nhà máy xi măng Hạ Long	Xã Lê Lợi, huyện Hoành Bồ	2,1
3	Nhà máy xi măng Thăng Long	Xã Lê Lợi, huyện Hoành Bồ	2,3
4	Nhà máy xi măng Lam Thạch	Phường Nam, TP Uông Bí	1

Nguồn: Sở Công Thương.

(3) Các ngành công nghiệp khác

Các ngành công nghiệp khác hoạt động trên khu vực vịnh Hạ Long gồm công nghiệp sản xuất vôi, giấy và bột giấy, thực phẩm và đồ uống. Bảng dưới đây liệt kê tên các doanh nghiệp lớn thuộc các ngành này:

Bảng II-3.8 Các doanh nghiệp sản xuất chính ngoài công nghiệp khai thác than và sản xuất xi măng ở khu vực vịnh Hạ Long

Ngành	Tên	Địa điểm	Công suất
Sản xuất vôi	Nhà máy sản xuất vôi Hưng Hải	Xã Lê Lợi, huyện Hoành Bồ	980,000 tấn sản phẩm/năm (Đang đầu tư, dự kiến 2016 hoạt động)
Công nghiệp giấy và bột giấy	Công ty cổ phần Tân Việt Hưng	Phường Việt Hưng, TP Hạ Long	2,800 – 3,500 tấn giấy/năm
	Công ty cổ phần sản xuất và Thương mại Hạ Long	2 phân xưởng ở Ba Chẽ và Tiên Yên	5,500 – 6,000 tấn giấy/năm
Đồ uống và thực phẩm	Công ty CP Bia nước giải khát Hạ Long	Phường Yết Kiêu, TP Hạ Long	Sản xuất bia chai, bia hơi (25 triệu lít/năm)
	Công ty TNHH1TV nước khoáng TMDV Quảng Ninh	Phường Bãi Cháy, TP Hạ Long	Sản xuất nước giải khát có ga (26,3 triệu lít /năm, nước khoáng và nước lọc tinh khiết (26,7 triệu lít/năm)
	Công ty CPTM Sabeco Đông Bắc (bia Sài Gòn)	Khu công nghiệp Cái Lân – TP Hạ Long	Sản xuất, kinh doanh bia
	Chi nhánh CTCP thương mại quốc tế và dịch vụ đại siêu thị Big C Hải Phòng tại Hạ Long	Siêu thị Big C, TP Hạ Long, phường Hồng Hải, TP Hạ Long	Sản xuất các sản phẩm bánh mì, bánh ngọt
Đồ uống và thực phẩm	DNTN Đức Trọng	Số 127, tổ 1, khu 1, phường Hùng Thắng	Sản xuất rượu ba kích
	Cơ sở sản xuất rượu Ba Kích Thanh Xuân – thuộc DNTN trung tâm dạy nghề Thanh Xuân	Tổ 4, khu 4, thị trấn Trới, huyện HoànhBồ	Sản xuất rượu thủ công (rượu ba kích)
	DN xí nghiệp bia Thăng Long	Tổ 1, khu 1, phường Yên Thanh	Sản xuất rượu mơ, nước hoa quả
	Cơ sở sản xuất rượu mơ Quang Vinh	Thôn Nam Mẫu 2, xã Thượng Yên Công	Sản xuất rượu thủ công (3.000 lít/năm)
	Công ty CP xây dựng và sản xuất rượu NGK	Km 4, Cẩm Thủy	Bia hơi Cabeco, rượu ba kích
	Công ty TNHH chăn nuôi Thành Ngọc	Thôn Đông Cói, xã Cộng Hòa	Rượu đào tiên

Nguồn : Sở Công Thương.

(4) Khu công nghiệp và khu kinh tế

Trên địa bàn tỉnh hiện nay, dưới đây là tên những khu công nghiệp (KCN) đã đi vào hoạt động và đã có trong quy hoạch. Mỗi khu công nghiệp đều có một Ban quản lý và Ban này chịu trách nhiệm quản lý môi trường khu công nghiệp.

Khu công nghiệp Cái Lân là khu công nghiệp đầu tiên trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh đang vận hành một nhà máy xử lý nước thải tập trung được xây dựng từ năm 2003. Theo Ban quản lý khu công nghiệp Cái Lân, nhà máy này đã đến thời kỳ cần được cải tạo nâng cấp nhưng chưa

có ngân sách cải tạo nâng cấp. Hàng quý, Ban quản lý và các công ty thuê đất trong khu công nghiệp thực hiện quan trắc môi trường nhưng họ vẫn chưa có một hệ thống quản lý môi trường cụ thể, kể cả hệ thống tiêu chuẩn ISO 14000. Năm 2016, khu này có kế hoạch sẽ triển khai thực hiện biện pháp tiết kiệm năng lượng thông qua áp dụng hệ thống chiếu sáng bằng đèn LED. Khuyến nghị UBND tỉnh Quảng Ninh hỗ trợ cho hoạt động xanh hóa khu công nghiệp. Khu công nghiệp Cái Lân có kế hoạch mở rộng diện tích thêm 215.3 ha trong giai đoạn 2. Quá trình trung dựng đất cho khu vực mở rộng này đã hoàn tất. Quy hoạch phát triển và nâng cấp hạ tầng cơ sở cho toàn bộ khu công nghiệp sẽ được đệ trình lên UBND tỉnh vào cuối tháng 8/2016 để phê duyệt. Sau khi được phê duyệt, sẽ triển khai quá trình thi công. Hiện tại, vẫn chưa có quyết định về thời điểm phê duyệt đối với Quy hoạch phát triển và nâng cấp hạ tầng cơ sở của khu CN này.

Khu kinh tế Vân Đồn theo quy hoạch sẽ phát triển thành một trong những khu vực kinh tế trọng điểm mới tại khu vực vịnh Hạ Long. Mong rằng khu kinh tế mới này sẽ trở thành một điển hình tăng trưởng xanh của tỉnh Quảng Ninh.

Bảng II-3.9 Danh mục các khu công nghiệp trong khu vực vịnh Hạ Long

Loại	Tên khu Công nghiệp	Diện tích (ha)	Vị trí	Ngành nghề kinh doanh
Khu Công nghiệp đang hoạt động	Khu CN Cái Lân	305,2	Phường Bãi Cháy, TP Hạ Long	Sản xuất cơ khí, lắp ráp, sản xuất đồ nội thất, sản xuất thùng đựng (container), đóng tàu, thiết bị trường học, sản xuất đồ chơi, sản xuất thiết bị điện, lắp ráp điện tử, dệt may, sản xuất vật liệu đóng gói.
	Khu CN Việt Hưng	300,9	Phường Việt Hưng, TP Hạ Long	Sản xuất cơ khí và lắp ráp, sản xuất đồ nội thất, sản xuất thủy sản và nông nghiệp; hàng tiêu dùng.
	Khu CN Đông Mai	160	TX Quảng Yên	Sản xuất cơ khí, thiết bị vận tải, vật liệu xây dựng, trang trí nội thất.
Khu Công nghiệp đang xây dựng	Khu CN Phương Nam	709,01	Phường Phương Đông, Phường Nam, T.P Uông Bí	Chế tạo máy móc thiết bị/lắp ráp/điện lạnh/điện tử, thủ công mỹ nghệ, chế biến sau thu hoạch, may, dệt, hàng tiêu dùng.
	Khu CN Hoành Bồ	681	Xã Lê Lợi, Huyện Hoành Bồ	Sản xuất điện lạnh, điện tử, vật liệu xây dựng, hàng tiêu dùng, đồ gỗ và trang trí nội thất, chế biến nông sản, lâm sản và thủy sản
Khu Công nghiệp được quy hoạch	Khu Công nghiệp hỗ trợ ngành Than tại Cẩm Phả	400	Nghiên cứu đầu tư đang được thực hiện bởi VINACONMIN	Chế tạo máy móc và bảo dưỡng thiết bị cho ngành Than. Chế tạo máy móc và thiết bị cho hoạt động xây dựng.
	Khu CN Dịch vụ Đầm Nhà Mạc	3.710	1.500 ha đất khu công nghiệp, đang được Ban QL Khu Kinh tế và các cơ quan có liên quan lập quy hoạch	Thành lập khu công nghiệp-dịch vụ đa năng, kết hợp với khu đô thị vệ tinh mới để tạo ra một quần thể kiến trúc.
	Khu CN Quán Triều	150	Đang chờ đầu tư	Công nghiệp sản xuất côn, đồ uống, hàng tiêu dùng và chế biến nông sản, cơ khí, vật liệu xây dựng và sản xuất bao bì.

Nguồn: Quy hoạch tổng thể phát triển KT-XH tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

Bảng II-3.10 Các khu kinh tế theo quy hoạch trong khu vực vịnh Hạ Long

STT	Khu Kinh tế	Diện tích (ha)	Vị trí	Chức năng	Hiện trạng
1	Khu Kinh tế Vân Đồn	217.133	Huyện Vân Đồn, bao gồm 1 thị trấn, và 11 xã với trên 600 hòn đảo thuộc Vịnh Bái Tử Long.	Trọng tâm du lịch sinh thái biển đảo chất lượng cao; trung tâm dịch vụ chất lượng cao, trung tâm vận tải hàng không và đường biển tại Đông Bắc Việt Nam và là một trong những động lực của khu vực kinh tế quan trọng tại phía Bắc Việt Nam	Quy hoạch xây dựng Khu kinh tế Vân Đồn đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1296/QĐ-TTg, ngày 19/8/2009.

Nguồn: Quy hoạch tổng thể Phát triển Kinh tế-Xã hội tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

(5) Làng nghề

Danh mục các làng nghề được trình bày dưới đây. Đối với quản lý môi trường trong những làng nghề này, trách nhiệm thuộc về UBND các cấp, như được quy định tại Khoản 70, Luật Bảo vệ môi trường năm 2014.

Bảng II-3.11 Danh sách làng nghề trong khu vực vịnh Hạ Long

STT	Tên làng nghề	Địa chỉ	Loại hình sản xuất	Số cơ sở SX/Tổng số hộ trong làng nghề	Quyết định công nhận	Xã/Phường
I Làng nghề được công nhận						
1	Đóng tàu thuyền vỏ gỗ Cống Mương	Quảng Yên	Tiểu thủ công, đồ gỗ	130/409 hộ	2867/QĐ-UBND D 17/11/2015	Phường Phong Hải
2	Đan ngư cụ Hưng Học	Quảng Yên	Tiểu thủ công, đồ gỗ, mây tre đan	245/448 hộ	2867/QĐ-UBND D 17/11/2015	Phường Nam Hòa
II Nghề truyền thống được công nhận						
1	Nghề đóng tàu thuyền vỏ gỗ Đò Chanh	Quảng Yên	Tiểu thủ công, đồ gỗ	80/400 hộ	2867/QĐ-UBND D 17/11/2015	Phường Nam Hòa
2	Nghề làm bún	Quảng Yên	Chế biến nông, lâm sản	30 hộ	275/QĐ-UBND 17/11/2015	Phường Hiệp Hòa
3	Nghề làm bánh gio	Quảng Yên	Chế biến nông, lâm sản	930/1377 hộ	276/QĐ-UBND 17/11/2015	Phường Phong Cốc
III Một số làng nghề khác						
1	Đánh bắt thủy sản	Vân Đồn, Cô Tô	Chế biến nông, lâm sản	-	-	
2	Nuôi cấy ngọc trai	Vân Đồn	Thủ công mỹ nghệ	-	-	
3	Than đá mỹ nghệ	Cầm Phá, Hạ Long	Thủ công mỹ nghệ	-	-	
4	Đóng mới và sửa chữa tàu thuyền	Quảng Yên	Thủ công đồ gỗ	-	-	Hà An
5	Trồng hoa	Hoành Bồ	Chế biến nông, lâm sản	-	-	TT Trới
6	Làng chài Cửa Vạn	Hạ Long	Nguyên liệu phục vụ sản xuất ngành nghề nông thôn	-	-	Hùng Thắng
7	Sản xuất nước mắm	Vân Đồn	Chế biến nông, lâm sản	-	-	Cái Rồng
8	Nghề đan lưới	Quảng Yên	Nguyên liệu phục vụ sản xuất ngành nghề nông thôn	-	-	Phường Tân An
9	Sản xuất rượu bầu	Hoành Bồ	Chế biến nông, lâm sản	-	-	Xã Bằng Cả
10	Rượu mơ	Uông Bí	Chế biến nông, lâm sản	-	-	-

Nguồn: Sở NN&PTNT

II-3.2.2 Hiện trạng ngành nông nghiệp

Theo Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030, ngành nông nghiệp chỉ đóng góp 6,1% vào GDP của Quảng Ninh. Trong cơ cấu ngành, các ngành trồng trọt và thủy sản (cả đánh bắt và nuôi trồng) chiếm tỉ trọng lớn nhất. Trong giai đoạn phát triển đến năm 2020, nông nghiệp Quảng Ninh dự kiến sẽ tăng trưởng với tốc độ khoảng 8%/năm và từ năm 2020, tỉ trọng của nông nghiệp trong GDP sẽ tiếp tục giảm xuống còn khoảng 4,0%.

Tốc độ tăng bình quân của ngành nông nghiệp thấp do diện tích dành cho sản xuất nông nghiệp giảm, mặt khác trình độ thâm canh của nông dân cải thiện chưa đáng kể cộng thêm

dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi xảy ra ngày càng nhiều, mức độ nghiêm trọng lớn hơn trước.

Các sản phẩm của các ngành nông nghiệp không đủ phục vụ cho nhu cầu thực phẩm của người dân trong tỉnh nói chung và của các địa phương trong khu vực vịnh Hạ Long nói riêng, ví dụ như hiện tại ngành chăn nuôi của Quảng Ninh mới đáp ứng được khoảng 60% nhu cầu về thực phẩm cho nhân dân trong tỉnh, số lượng thực phẩm còn thiếu phải nhập từ các tỉnh bạn. Sản lượng lúa, diện tích trồng lúa và số lượng gia súc được trình bày trong bảng sau đây.

Bảng II-3.12 Sản lượng lúa, diện tích trồng lúa và số lượng gia súc năm 2014

	Sản lượng lúa (1,000t)	Diện tích trồng lúa (1,000 ha)	Bò (1.000 con)	Lợn (1.000 con)	Gà (1.000 con)
T.P Hạ Long	3,0	0,7	0,5	14,3	36,3
T.P Cẩm Phả	1,5	0,4	0,9	25,4	98,6
Huyện Vân Đồn	3,1	0,9	0,4	10,1	69,2
Huyện Hoành Bồ	9,9	2,4	1,7	19,5	172,2
T.X Quảng Yên	56,1	9,9	4,4	55,9	408,1
T.P Uông Bí	13,2	2,6	1,9	12,0	132,2

Nguồn: Niên giám Thống kê tỉnh Quảng Ninh năm 2014

Các địa phương có những sản phẩm nông nghiệp có thể mạnh và đã được thị trường ưa chuộng như “Rau an toàn Quảng Yên”, “Cua biển Quảng Yên”, “Trứng gà sạch Tân An”, hoa từ vùng hoa Hoành Bồ, đặc sản biển như sá sùng, tu hài Vân Đồn ... áp dụng các mô hình sản xuất ứng dụng công nghệ cao.

Hiện nay, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đang triển khai tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo Quyết định số 899/QĐ-TTg ngày 10/6/2013 của Thủ tướng chính phủ phê duyệt đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị và phát triển bền vững. Cụ thể tỉnh Quảng Ninh đã triển khai thực hiện đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh Quảng Ninh đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1396/QĐ-UBND ngày 25/5/2015 Phê duyệt Đề án “Tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng giá trị gia tăng và phát triển bền vững tỉnh Quảng Ninh, giai đoạn 2015 – 2020 và định hướng đến 2030”. Cụ thể tập trung theo một số định hướng lớn như sau.

- Tập trung phát triển kinh tế thủy sản đặc biệt là phát triển nuôi trồng thủy sản an toàn, thân thiện với môi trường;
- Chuyển dịch từ chăn thả sang chăn nuôi tập trung;
- Đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ;
- Thúc đẩy phát triển nông nghiệp hữu cơ; và
- Đẩy mạnh đầu tư tư nhân vào lĩnh vực nông nghiệp.

Theo Sở NN&PTNT, hiện nay Sở đang đặc biệt chú ý tới phát triển nông nghiệp hữu cơ gắn liền với du lịch thông qua việc cung cấp các sản phẩm nông nghiệp sạch cho ngành du lịch.

Ngành nuôi trồng thủy sản chủ yếu tập trung ở Hạ Long, Vân Đồn và Quảng Yên với các loài chính như tôm, ngán, các nước ngọt và cá biển. Sản lượng thủy sản năm 2011 của vùng nghiên cứu đạt 45,3 nghìn tấn (chiếm 52,9% so với toàn tỉnh) trong đó nuôi trồng thủy sản đạt 16,3 nghìn tấn (tương đương 55,7% so với toàn tỉnh), sản lượng đánh bắt đạt 29 nghìn tấn (tương đương 51,7% so với toàn tỉnh). Thị xã Quảng Yên là địa phương đạt sản lượng thủy sản cao nhất (19,9 nghìn tấn, chiếm 23,24% của toàn tỉnh), là địa phương đi đầu trong nuôi trồng thủy sản của tỉnh (đạt 8,8 nghìn tấn, tương đương 29,7% so với toàn tỉnh). Trong ngành đánh bắt, huyện Vân Đồn là địa phương đi đầu trong toàn tỉnh đạt sản lượng 13,2 nghìn tấn (chiếm 23,6% của ngành).

Đánh bắt và nuôi trồng thủy sản là ngành phát triển mạnh nhất ở huyện Vân Đồn. Trên các khu vực biển của huyện có rất nhiều loại hải sản quý như tôm hùm, mực, sá sùng, cua, trai ngọc, tu hài, bào ngư, v.v... Sản lượng nuôi trồng thủy sản và lồng bè đã tăng từ 3,5 nghìn tấn năm 2000 lên đến 18,8 nghìn tấn năm 2011.

Thủy sản là một ngành kinh tế chính của Hạ Long với đa dạng các sản phẩm thủy hải sản và nhu cầu lớn tiêu thụ phục vụ cho khách du lịch và xuất khẩu. Thành phố Hạ Long đã có kế hoạch phát triển khu vực nông – lâm – thủy sản ở phường Đại Yên và Nam Hùng Thắng.

Thành phố Cẩm Phả có đường bờ biển dài 50 km nhưng hoạt động đánh bắt chủ yếu vẫn là đánh bắt gần bờ nên sản lượng đạt được còn thấp.

II-3.2.3 Hiện trạng ngành giao thông vận tải

Quảng Ninh có vị trí địa lý thuận lợi, có nhiều tuyến giao thông quan trọng chạy qua như: QL.18, QL.10, QL.4B, QL.18C, QL.279 đây là điều kiện thuận lợi để có thể giao lưu và trao đổi thuận lợi với Hà Nội, Hải Phòng.

Về vận tải hành khách trong toàn tỉnh nói chung và ở khu vực vịnh Hạ long nói riêng chủ yếu bởi phương thức vận tải đường bộ, phương thức vận tải đường thủy nội địa và đường biển chỉ chiếm một tỷ lệ nhỏ. Theo niên giám thống kê tỉnh Quảng Ninh, tỷ phần vận tải hành khách bằng đường bộ thường xuyên chiếm trên 80% giai đoạn 2005 - 2010 (năm 2009 phương thức này chiếm 82% với 14 triệu lượt hành khách vận chuyển trên tổng số khoảng 17 triệu lượt hành khách được vận chuyển); phương thức vận tải đường thủy nội địa và đường biển chỉ chiếm 18% với lượng hành khách vận chuyển khoảng 3 triệu lượt. Hoạt động vận tải hành khách trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh giai đoạn vừa qua đã đạt được những bước tiến quan trọng, góp phần đáp ứng ngày càng cao nhu cầu đi lại của người dân trong tỉnh cũng như nhu cầu của du khách cả nước và bè bạn quốc tế đến với Quảng Ninh. Đường cao tốc kết nối Hải Phòng – Hạ Long hiện nay đang được thi công với tổng chiều dài là 25 km, và sẽ được đưa vào sử dụng từ tháng 6 năm 2017. Với đường cao tốc này, dự kiến rằng i) sẽ hấp dẫn nhiều doanh nghiệp hơn tới Hạ Long và ii) nhiều khách du lịch hơn sẽ tới khu vực vịnh Hạ Long.

Hoạt động vận tải hàng hóa khai thác phương thức vận tải đường bộ, đường thủy nội địa và đường biển. Mạng lưới giao thông đường biển gồm các cảng biển (3 khu vực cảng lớn bao gồm Hòn Gai (với cảng Cái Lân), Cẩm Phả, Vạn Hoa – Mũi Chùa) và các bến thủy nội địa hoạt động đạt hiệu quả tương đối tốt, đáp ứng yêu cầu tiêu thụ than và vận tải hàng hóa trong vùng.

Đối với phương tiện vận tải đường hàng không, hiện nay tỉnh Quảng Ninh chưa có cảng hàng không quốc gia, có một số sân bay nhỏ dành cho máy bay trực thăng hoạt động. Do đó, vận tải bằng đường không trên địa bàn tỉnh chủ yếu để phục vụ nhu cầu khách du lịch, tham quan danh lam thắng cảnh biển trong tỉnh, đặc biệt là tại khu vực di sản thiên nhiên thế giới vịnh Hạ Long và phục vụ an ninh quốc phòng.

Về hiện trạng phương tiện vận tải, trong một số năm vừa qua, cùng với sự phát triển nhanh của hạ tầng kinh tế xã hội, kết cấu hạ tầng giao thông cũng đã có những bước phát triển vượt bậc. Sự phát triển mạnh của kết cấu hạ tầng giao thông kéo theo sự gia tăng nhanh chóng của phương tiện vận tải ở tất cả các loại hình vận tải. Theo niên giám thống kê năm 2009 tốc độ tăng trưởng chung phương tiện trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh đạt 8,79% cho giai đoạn 2005 - 2009.

II-3.3 Ngành Du lịch

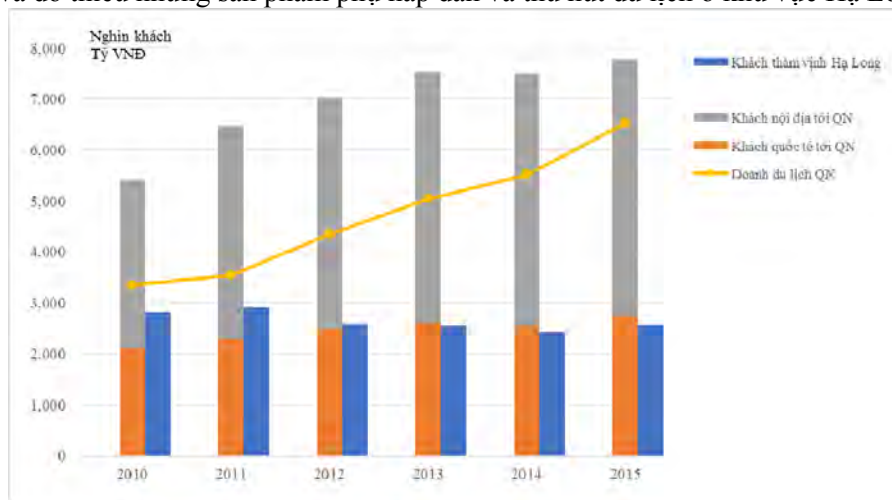
II-3.3.1 Hiện trạng ngành du lịch

(1) Cầu

Phòng nghiệp vụ du lịch thuộc Sở VH-TT-DL thực hiện nhiệm vụ ổng hợp số liệu thống kê du lịch căn cứ theo số liệu khách tham quan tại các điểm du lịch chính, số khách và số đêm lưu trú tại các khách sạn lớn và trên tàu lưu trú, số lượng khách du lịch đi theo tour, số lượng khách du lịch theo báo cáo của công an xuất nhập cảnh và tránh thống kê trùng lặp. Bởi thực tế khách du lịch có thể di chuyển tự do trên địa bàn tỉnh, ngoại trừ số khách xuất trình giấy CMND hoặc hộ chiếu tại các khách sạn nên con số thống kê chỉ mang tính chất ước tính. Tuy nhiên, các con số thống kê du lịch này vẫn phản ánh được hiện trạng và những vấn đề của ngành du lịch Quảng Ninh.

1) Lượt khách du lịch

Số lượng khách du lịch tới tỉnh Quảng Ninh đã tăng từ 5,4 triệu năm 2010 lên 7,8 triệu năm 2015. Lượt khách du lịch quốc tế được duy trì ở mức ổn định, khoảng 35% tổng số khách du lịch¹¹. Mặt khác, số lượng khách tham quan vịnh Hạ Long lại có chiều hướng tăng chậm. Điều đó cho thấy các hoạt động du lịch trên vịnh Hạ Long có thể sẽ đối mặt với thực tế bị bão hòa. Lý do khiến số lượng khách tham quan tăng chậm này có thể do sự cạnh tranh khốc liệt với những điểm thu hút du lịch mới xung quanh khu vực Hà Nội (như Tràng An, là Di sản thiên nhiên mới nhất được công nhận ở Việt Nam và là nơi có cảnh quan tương tự như vịnh Hạ Long), do những lời đồn lan rộng về vịnh Hạ Long không trong sạch (như thông qua các trang mạng xã hội nổi tiếng về du lịch như TripAdvisor), do công tác xúc tiến còn chưa hiệu quả và yếu và do thiếu những sản phẩm phụ hấp dẫn và thu hút du lịch ở khu vực Hạ Long.



Nguồn: Sở VH-TT&DL

Hình II-3.2 Xu hướng khách du lịch và doanh thu du lịch

Cùng với sự gia tăng số lượng khách du lịch tới tỉnh Quảng Ninh là sự gia tăng về doanh thu du lịch. Tổng doanh thu du lịch được ước tính dựa trên tổng thu nhập từ các bộ phận khác nhau của ngành du lịch tỉnh gồm khách sạn, tàu du lịch, đơn vị lữ hành và một số nhà hàng có đăng ký, v.v... Tổng doanh thu du lịch năm 2015 ước đạt 6.525 tỷ VNĐ, chiếm khoảng 5% GDP của tỉnh. Doanh thu du lịch tính trên đầu khách ước đạt khoảng 840.000 VNĐ (khoảng 38 USD)¹². Con số doanh thu đầu khách khá thấp này có thể còn gây tranh cãi. Tuy nhiên, nếu Quảng Ninh có thể giữ chân khách nghỉ lâu hơn thì doanh thu có thể sẽ tăng lên.

¹¹ 2.760.000 khách du lịch quốc tế trong tổng 7.768.000 khách du lịch năm 2015.

¹² Ước doanh thu du lịch vịnh Hạ Long năm 2015 đạt khoảng 4.250 tỷ VNĐ, tương đương khoảng 65% tổng doanh thu du lịch toàn tỉnh. Theo đó, doanh thu tính trên đầu khách thăm vịnh Hạ Long ước đạt khoảng 1.660.000 VNĐ (khoảng 75 USD). Trong khi đó, năm 2015, Hà Nội ước đạt doanh thu du lịch khoảng 55.539 tỷ VNĐ, cho thấy doanh thu tính trên đầu khách đạt 2.797.000 VNĐ, gấp 3,3 lần so với mức của du lịch toàn tỉnh Quảng Ninh và gấp 1,7 lần so với mức du lịch Hạ Long.

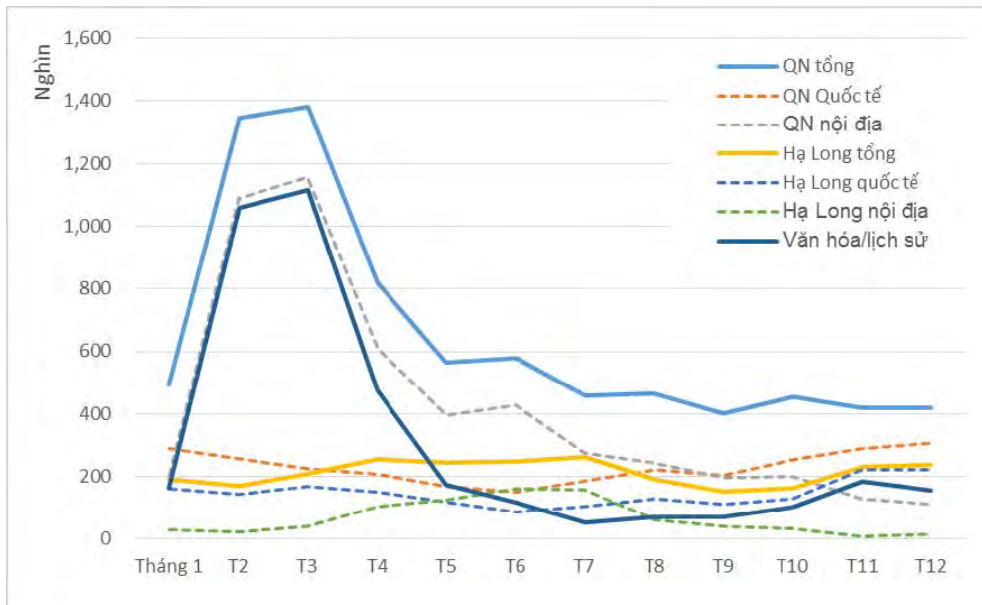
Hình dưới đây nêu các bộ phận cấu thành doanh thu du lịch Quảng Ninh năm 2013. Cơ sở lưu trú và đồ uống và thực phẩm là các thành phần chiếm tỷ trọng lớn nhất.



Nguồn: Sở VH-TT-DL

Hình II-3.3 Các thành phần doanh thu du lịch Quảng Ninh năm 2013

Hình dưới đây minh họa xu hướng khách du lịch theo tháng năm 2015 trên toàn địa bàn tỉnh Quảng Ninh, vịnh Hạ Long và các điểm di tích lịch sử và văn hóa, trong đó khách thập phương hành hương về Yên Tử chiếm đa phần.



Nguồn: Sở VH-TT-DL

Hình II-3.4 Xu hướng khách du lịch theo tháng năm 2015

Hình trên cho thấy xu hướng khách du lịch tỉnh Quảng Ninh chủ yếu tập trung vào tháng Hai bởi đây là dịp Tết Nguyên đán của Việt Nam nên rất nhiều người dân đi lễ chùa Yên Tử. Đối với du lịch vịnh Hạ Long, lượng khách dần đều giữa các tháng trong năm. Số khách du lịch quốc tế giảm vào mùa hè trong khi đó đây là mùa gia tăng lượng khách du lịch nội địa. Tính chất mùa của du lịch vịnh Hạ Long tuy nhỏ nhưng lại là một lợi thế đối với ngành du lịch xét trên quan điểm tăng trưởng bền vững.

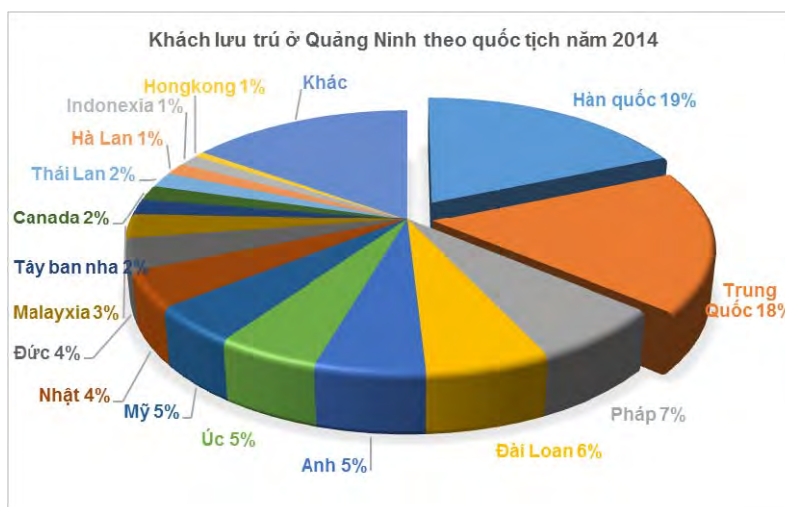
Theo Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030, số lượng khách du lịch đến Hạ Long, Uông Bí, Vân Đồn và Móng Cái, 4 điểm đến du

lượng của tỉnh lần lượt là 3,1 triệu, 2,5 triệu, 0,5 triệu và 0,6 triệu lượt khách. Sự phân bố này cho thấy vịnh Hạ Long và chùa Yên Tử ở TP Uông Bí là hai điểm thu hút phần đa số khách tham quan đến tỉnh. Trong tổng số khách du lịch đến Quảng Ninh năm 2012 là 7,0 triệu thì lượng khách đến các điểm tham quan khác là không đáng kể, chỉ chiếm 0,2 triệu lượt.

2) Phân khúc khách du lịch

Phần lớn khách du lịch quốc tế chỉ đến tham quan vịnh Hạ Long và có rất ít trong số họ đến tham quan những điểm khác trên địa bàn tỉnh.

Trong số khách du lịch quốc tế tới tỉnh Quảng Ninh, chỉ có thể xác định quốc tịch của những khách du lịch đăng ký sử dụng dịch vụ lưu trú trên biển và đất liền. Nhìn chung, khách châu Âu và khách Mỹ có xu hướng nghỉ đêm trên vịnh còn khách châu Á thì nghỉ đêm trên đất liền. Hình sau thể hiện tỷ lệ khách du lịch lưu trú theo quốc tịch năm 2014. Khách du lịch Hàn Quốc chiếm 19%, Trung Quốc 18%, Pháp 7%, Đài Loan 6%, Anh, Úc và Mỹ 5% tương ứng, Nhật và Đức 4% tương ứng.



Nguồn: Sở VH-TT-DL

Hình II-3.5 Phân bố khách du lịch lưu trú theo quốc tịch

Tuy nhiên, hình trên chưa phản ánh được thực tế phân bố theo quốc tịch khách du lịch tới tỉnh Quảng Ninh do rất khó có thể xác định được quốc tịch của khách du lịch tham quan tour ngày mà con số này chiếm đến một nửa tổng số khách du lịch quốc tế. Thực tế phổ biến là rất nhiều khách du lịch tự do, đặc biệt là khách Âu, Mỹ, Nhật, v.v... đi tham quan vịnh Hạ Long theo các gói tour ngày xuất phát từ Hà Nội. Mặt khác, hầu hết khách du lịch Hàn Quốc và Trung Quốc thường đi tour theo đoàn tham vịnh Hạ Long và lưu trú một đêm ở các khách sạn trên bờ. Do vậy, thực tế phân bố sẽ có thể có phần khác đôi chút so với mô phỏng ở hình trên.

(2) Cung

1) Tài nguyên du lịch



Thành phố/thị xã	Địa danh lịch sử/văn hóa	Thắng cảnh thiên nhiên
4. Thành phố Uông Bí	1. Làng Yên Đức	3. Hồ Yên Trung
9. Thành phố Hạ Long	2. Khu di tích Yên Tử	6. Thác Lụng Xanh
13. Huyện Vân Đồn	5. Chùa Ba Vàng	11. Vịnh Bái Tử Long
16. Huyện Tiên Yên	7. Bãi cọc Bạch Đằng	14. Bãi tắm Bãi Dài
17. Thành phố Móng Cái	8. Đền thờ Trần Hưng Đạo	18. Bãi tắm Bình Ngọc
	10. Đền thờ Đức ông Trần Quốc Nghiễn	21. Bãi tắm Trà Cỏ
	12. Đền Cửa Ông	22. Vịnh Hạ Long
	15. Chùa Cái Bầu	
	19. Đình Trà Cỏ	
	20. Nhà thờ Trà Cỏ	

Nguồn: Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

Hình II-3.6 Bản đồ Tài nguyên du lịch

Tỉnh Quảng Ninh có nguồn tài nguyên du lịch phong phú, đa dạng, vật thể và phi vật thể, được phân làm 3 nhóm: Tự nhiên, văn hóa/lịch sử¹³ và các điểm tham quan trong đô thị. Tuy nhiên, chỉ có các tài nguyên thiên nhiên, điển hình là vịnh Hạ Long là có sức hấp dẫn khách du lịch quốc tế¹⁴. Các di tích văn hóa/lịch sử như chùa Yên Tử và các điểm tham quan trong đô thị chủ yếu thu hút khách du lịch trong nước và người dân địa phương.

2) Sản phẩm du lịch

Ngay cả trong số các tour tham quan vịnh Hạ Long, các sản phẩm du lịch hầu như cũng chỉ hạn chế ở các hoạt động như đi tàu trên vịnh, tham quan ban ngày và lưu trú qua đêm. Ngoài ra, cũng có các sản phẩm bổ sung như tắm trên các bãi tắm trên vịnh, chèo thuyền kayak v.v... Tuy nhiên, những sản phẩm đó vẫn chỉ mang tính chất là những sản phẩm phụ hoặc bổ

¹³Tỉnh Quảng Ninh có trên 600 di tích văn hóa, lịch sử bao gồm các chùa, đền, đài tưởng niệm và danh thắng. 64 di tích được công nhận ở cấp quốc gia, một số suối nước khoáng tự nhiên nằm trong địa bàn tỉnh.

¹⁴ Năm 2014, vịnh Hạ Long đón 1,5 triệu khách du lịch quốc tế và 0,9 triệu khách du lịch nội địa. Trong cùng kỳ, các điểm du lịch văn hóa, lịch sử và tâm linh đón được 3,3 triệu lượt khách.

sung mà vẫn chưa được phát triển để trở thành mục đích chính của một chuyến tham quan. Tham quan làng chài là một trong hoạt động phổ biến thu hút khách du lịch trên vịnh Hạ Long. Tuy nhiên, do việc di dời dân cư làng chài lên đất liền, tính chân thực của văn hóa truyền thống làng chài có nguy cơ bị mất đi.

Mặc dù chùa Yên Tử hàng năm đón hàng triệu lượt khách nội địa về hành hương, văn cảnh nhưng giá trị văn hóa của nơi này vẫn chưa được khai thác triệt để như một sản phẩm du lịch.

Tại điểm tham quan, không có các biển chỉ dẫn bằng tiếng nước ngoài. Du lịch sinh thái trên đất liền cũng chưa được phát triển mặc dù khu vực trên bờ vịnh có nhiều cảnh đẹp gắn với các khu vực núi non và hồ nước có tiềm năng du lịch.

Làng Yên Đức thuộc thị xã Đông Triều đã được Công ty cổ phần du lịch Du thuyền Đông Dương (Indochina Junk) xây dựng thành điểm du lịch làng quê nông thôn, là một sản phẩm bổ sung trong gói tour du lịch thăm vịnh Hạ Long. Công ty Du thuyền Đông Dương đưa khách tour của công ty vào thăm làng quê này trên đường quay trở về Hà Nội. Hàng năm, làng quê Yên Đức thu hút khoảng 25.000 khách thăm (hầu hết là khách quốc tế), trong số đó có khoảng 120 khách lưu trú 1 hoặc 2 đêm tại làng. Khách thăm dừng ở điểm này có thể xem mùa rới nước, nhà cổ và cuộc sống sinh hoạt, trải nghiệm trồng lúa, câu cá, v.v... Khách du lịch đánh giá rất cao trải nghiệm du lịch ở làng quê Yên Đức. Ở Quảng Ninh, các sản phẩm địa phương được quảng bá thông qua sáng kiến Mỗi xã phường một sản phẩm (OCOP). Tuy nhiên, cho đến nay sáng kiến Mỗi xã phường một sản phẩm (OCOP)¹⁵ vẫn chưa kết nối được với du lịch một cách hiệu quả.

Tỉnh Quảng Ninh đã phê duyệt kế hoạch mở rộng Công viên Hạ Long tại phường Bạch Đằng, thành “Công viên Hoa Hạ Long”. Công trình thi công sẽ được thực hiện bởi một doanh nghiệp tư nhân lớn – tập đoàn Vingroup. Hiện nay, công trình xây dựng đang được tiến hành và dự kiến công viên mới sẽ được khai trương trong năm 2017. Công viên mới sẽ có những khu vực chức năng như khu triển lãm trưng bày sinh vật cảnh, vườn hoa, khu vui chơi giải trí, và dự kiến sẽ là một địa điểm mới thu hút khách du lịch đến với khu vực vịnh Hạ Long.

3) Cơ sở lưu trú

Có hai loại dịch vụ lưu trú ở tỉnh Quảng Ninh: khách sạn trên đất liền và tàu lưu trú trên khu vực vịnh Hạ Long.

Đối với khách sạn trên đất liền, tỉnh Quảng Ninh dư thừa nguồn cung khách sạn từ hạng trung đến hạng thấp, nhưng lại hạn chế số khách sạn cao cấp. Tổng số buồng phòng năm 2011 đạt 15.000 phòng (bao gồm cả các khách sạn không xếp hạng sao). Công suất sử dụng phòng vẫn giữ mức thấp là 58% năm 2011 mặc dù số lượng khách đến Quảng Ninh phát triển mạnh mẽ.

Bảng II-3.13 Số lượng khách sạn trên đất liền và số buồng phòng theo loại

Loại	Số khách sạn	Tỷ lệ	Số buồng phòng	Tỷ lệ	Bình quân số buồng phòng
5 sao	4	2.68%	505	6.85%	126
4 sao	18	12.08%	2,478	33.60%	137
3 sao	13	8.72%	954	12.94%	73
2 sao	51	34.23%	1,933	26.21%	38
1 sao	63	42.28%	1,504	20.40%	24
Tổng	149	100.00%	7,374	100.00%	-

Nguồn: Sở VH-TT&DL, tháng 10 năm 2015.

¹⁵ Chương trình OCOP Quảng Ninh được thành lập vào năm 2013 theo khái niệm OVOP của Nhật Bản và OTOP của Thái Lan. Các sản phẩm được phân loại thành 6 loại: thực phẩm, đồ uống, thảo dược, hàng dệt, đồ trang trí và quà lưu niệm. Các loại sản phẩm tiềm năng cho mối liên kết mạnh mẽ với ngành du lịch bao gồm các loại thực phẩm, đồ uống, hàng dệt và quà lưu niệm. Đặc biệt, các sản phẩm thủy sản độc đáo duy nhất tại Quảng Ninh có thể sẽ hấp dẫn nhiều du khách hơn nếu được trình bày và xúc tiến một cách phù hợp.

Theo Tổng cục du lịch Việt Nam (VNAT), năm 2013, bình quân số buồng phòng trên toàn quốc là 243 thuộc các khách sạn 5 sao, 113 thuộc các khách sạn 4 sao và 60 thuộc các khách sạn 3 sao. Không kể đối với khách sạn 5 sao, bình quân số buồng phòng ở Quảng Ninh có phần cao hơn so với mức bình quân toàn quốc. Điều đó có thể phản ánh xu hướng các khách sạn ở vịnh Hạ Long đón được nhiều khách du lịch theo đoàn hơn là khách đi lẻ.

Bảng sau đây cho thấy số lượng các khách sạn boutique¹⁶ được liệt kê trên trang mạng xã hội nổi tiếng dành cho khách du lịch là TripAdvisor tính đến tháng Một 2016. Ở Việt Nam, các khách sạn boutique chủ yếu có ở Hà Nội, sau đó là Hội An.

Bảng II-3.14 Số lượng khách sạn boutique ở các điểm đến du lịch khác nhau ở Việt Nam

Xếp hạng	Địa điểm	Số lượng khách sạn boutique
1	Hà Nội	44
2	Hội An	23
3	TP Hồ Chí Minh	19
4	Huế	6
5	Sapa	5
6	Phan Thiết	4
7	Đảo Phú Quốc	3
8	Nha Trang	2
8	Đà Nẵng	2
8	Đà Lạt	2
8	Cần Thơ	2
12	Hạ Long (Quảng Ninh)	1
12	Ninh Bình	1
-	Vũng Tàu	0
-	Dương Đông	0
-	Hải Phòng	0
-	Cát Bà	0

Nguồn: TripAdvisor, tháng Một 2016

Mười nước thành viên ASEAN đã thiết lập tiêu chuẩn Khách sạn xanh ASEAN năm 2007 để thúc đẩy du lịch thân thiện với môi trường và tiết kiệm năng lượng. Năm 2014, 10 khách sạn ở Việt Nam đã được công nhận là Khách sạn xanh ASEAN. Tuy nhiên, cho đến nay chưa có khách sạn nào ở Quảng Ninh được nhận danh hiệu này. Sở dĩ số lượng khách sạn được dán nhãn Khách sạn xanh ASEAN còn hạn chế là do việc đề cử/đăng ký được tổ chức một năm hai lần và do những hạn chế về nguồn lực của ban đánh giá cấp quốc gia thuộc VNAT. Các khách sạn ở Hạ Long có phần không nhiệt tình tham gia đăng ký danh hiệu do nguồn khách chính của họ đều là khách đoàn và thương hiệu Khách sạn xanh ASEAN sẽ không giúp quảng bá gì nhiều cho họ. Trường hợp khách du lịch của họ thuộc phân khúc khách lẻ thì việc xây dựng thương hiệu đối với họ là quan trọng hơn.

4) Tàu du lịch

Tàu du lịch là phương tiện quan trọng đưa khách du lịch đi tham quan Di sản thế giới vịnh Hạ Long. Theo Sở VH-TT&DL, tới tháng 10/2015, đã có 301 tàu ngày và 167 tàu nghỉ đêm trên vịnh đăng ký hoạt động.

¹⁶ Khách sạn boutique là những khách sạn hạng sang nhưng không nhất thiết phải có quy mô quá lớn. Do vậy, các khách du lịch cá nhân thường hay chọn loại khách sạn này.

Bảng II-3.15 Số lượng tàu du lịch

Nội dung	Tàu tham quan ban ngày	Tàu nghỉ đêm trên vịnh
Số lượng công ty	166	52
Số lượng tàu	301	167
Số lượng phòng nghỉ	-	1.824
Số lượng giường	-	3.735

Nguồn: Sở VH-TT&DL, tháng 10 năm 2015

5) Các cơ sở dịch vụ du lịch khác

Các cơ sở dịch vụ du lịch khác bao gồm nhà hàng, cơ sở vui chơi giải trí, cửa hàng đồ lưu niệm và các trung tâm mua sắm phát triển mạnh dọc theo bờ biển. Tuy nhiên, những cơ sở này chủ yếu phục vụ đối tượng khách du lịch trong nước và người dân địa phương.

Mặc dù vịnh Hạ Long là một trong những điểm đến du lịch nổi tiếng nhất Việt Nam nhưng không có một nhà hàng nào ở tỉnh Quảng Ninh được nhận diện trong nhóm “Những nhà hàng tốt nhất ở Việt Nam” trên trang mạng xã hội về du lịch nổi tiếng nhất là TripAdvisor. (Xếp thứ 20). Thực tế này cho thấy cần thiết phải xây dựng được sự kết nối vững chắc giữa tổ chức tham quan vịnh Hạ Long với các cơ sở hoặc dịch vụ du lịch trên đất liền, như các nhà hàng hải sản hoặc các trung tâm mua sắm.

Bảng II-3.16 Số lượng các nhà hàng tốt nhất ở các điểm đến du lịch khác nhau ở Việt Nam

Xếp hạng	Vị trí	Số lượng nhà hàng tốt nhất
1	TP Hồ Chí Minh	2.284
2	Hà Nội	1.536
3	Hội An	559
4	Đà Nẵng	371
5	Nha Trang	370
6	Huế	224
7	Phan Thiết	223
8	Đà Lạt	181
9	Đảo Phú Quốc	154
10	Sa Pa	106
11	Vũng Tàu	95
12	Cần Thơ	71
13	Dương Đông	57
14	Hải Phòng	51
15	Ninh Bình	39
16	Cát Bà	38
17	Quy Nhơn	31
18	Buôn Ma Thuột	27
19	Đồng Hới	26
20	Hạ Long (Quảng Ninh)	22

Nguồn: TripAdvisor, tháng 1/2016

6) Nguồn nhân lực

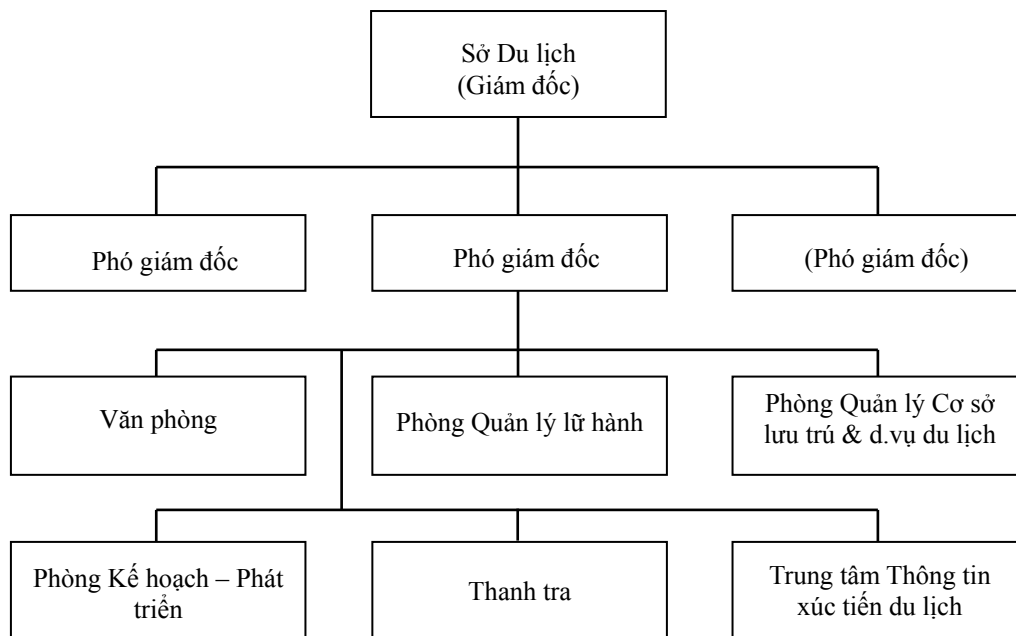
Hiện tại, các cơ sở dịch vụ du lịch tỉnh Quảng Ninh bao gồm các khách sạn, tàu du lịch, đơn vị lữ hành và một số nhà hàng đã đăng ký, v.v.. đang trực tiếp tuyển dụng 25.000 nhân viên và lao động. So với ngành than tuyển dụng 45.000 công nhân thì con số lao động trực tiếp của ngành du lịch là ít (Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội).

Vấn đề liên quan tới nhân lực làm việc trong ngành du lịch Quảng Ninh là chất lượng. Chỉ có 40% cán bộ công nhân viên làm việc trong lĩnh vực dịch vụ du lịch được đào tạo chính quy về du lịch sau khi hoàn thành xong bậc học trung học phổ thông (theo QHTTPT Du lịch tỉnh QN).

(3) Bộ máy tổ chức và thể chế

1) Sở Du lịch

UBND tỉnh Quảng Ninh đã ra quyết định số 1270/2016 ngày 28/04/2016 chính thức thành lập Sở Du lịch trên cơ sở tách ra từ Sở Văn hóa – Thể thao – Du lịch (VHTTDL). Sở Du lịch là cơ quan chuyên môn, có nhiệm vụ lập quy hoạch, kế hoạch, tiếp thị và quản lý du lịch và ngành du lịch của tỉnh. Việc thu thập và xử lý các thông tin thống kê du lịch và cung cấp thông tin du lịch tại trung tâm thông tin du lịch ở Bãi Cháy (miền Tây của thành phố Hạ Long) đều thuộc sở Du lịch. Số lượng cán bộ, nhân viên của Sở gồm 36 người, tính đến tháng 6 năm 2016.

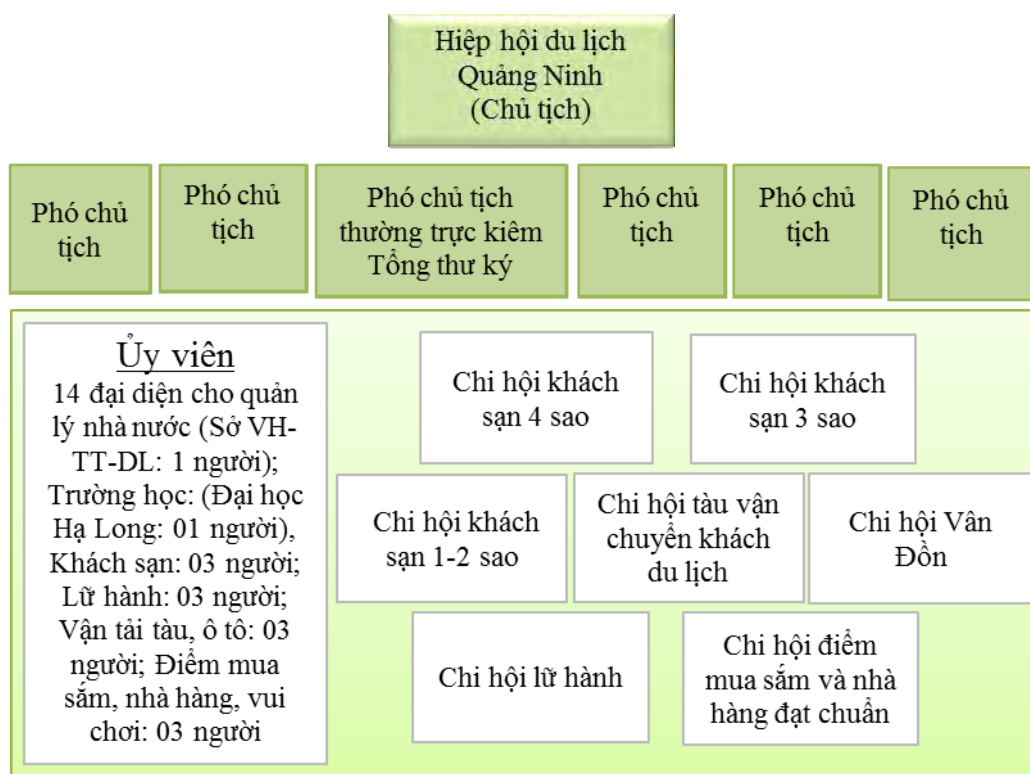


Nguồn: Sở Du lịch.

Hình II-3.7 Sơ đồ tổ chức Sở Du lịch

2) Hiệp hội du lịch

Hiệp hội du lịch Quảng Ninh là hội nghề nghiệp được UBND tỉnh ra quyết định thành lập. Hiệp hội gồm các chi hội như Chi hội khách sạn, Chi hội lữ hành, Chi hội nhà hàng và Chi hội tàu vận chuyển khách du lịch, v.v...



Nguồn: Hiệp hội du lịch.

Hình II-3.8 Sơ đồ tổ chức Hiệp hội du lịch tỉnh

3) Ban Quản lý vịnh Hạ Long (Ban QLV)

Ban Quản lý vịnh Hạ Long (Ban QLV) là cơ quan chịu sự chỉ đạo về chuyên môn của Bộ Văn hóa – Thể thao và Du lịch và Ủy ban Quốc gia UNESCO Việt Nam và Ban QLV là cơ quan trực thuộc UBND thành phố Hạ Long, có chức năng bảo tồn và phát huy giá trị của vịnh Hạ Long mà trọng tâm là khu vực Di sản thiên nhiên thế giới vịnh Hạ Long. Liên quan tới du lịch, Ban QLV có một quầy thông tin du lịch đặt cạnh quầy vé tại Bến tàu du lịch Tuần Châu. Tuy nhiên, thông tin cung cấp tại quầy rất hạn chế, chỉ giới hạn ở thông tin về vịnh Hạ Long.

Ban QLV có tổng cộng 378 cán bộ, viên chức và lao động và Ban tổ chức bán vé và sử dụng phí tham quan vịnh Hạ Long theo quy định của pháp luật. Năm 2015, tổng số phí thu được là 528 tỷ VND, trong đó 95 tỷ VND được phân bổ cho Ban (18% tổng số phí tham quan). Số 82% còn lại nộp về quỹ ở Kho bạc Nhà nước để phục vụ cho dự án quản lý và bảo tồn vịnh Hạ Long theo kế hoạch quản lý. Quỹ này đã từng cấp nguồn cho hoạt động nâng cấp cầu cảng Hang Thiên Cung, v.v...

(4) Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch tỉnh Quảng Ninh đến 2020, tầm nhìn đến 2030

Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch tỉnh Quảng Ninh đến 2020, tầm nhìn đến 2030 đã được UBND tỉnh Quảng Ninh phê duyệt tại Quyết định số 1418/QĐ-UBND ngày 4/7/2014.

Quy hoạch xác định những định hướng tổng thể phát triển du lịch Quảng Ninh đến năm 2020 với tầm nhìn đến năm 2030 thông qua những mục tiêu tổng quát, mục tiêu cụ thể nhằm đảm bảo khai thác có tổ chức và hiệu quả mọi nguồn lực liên quan tới du lịch bao gồm đầu tư về nhân lực và vốn. Quy hoạch nhấn mạnh quan điểm chuyển đổi cơ cấu kinh tế tỉnh từ “Nâu” sang “Xanh”.

Mục tiêu tổng quát:

Xây dựng Quảng Ninh trở thành một trung tâm du lịch quốc tế, một trọng điểm du lịch hàng đầu quốc gia, có hệ thống cơ sở vật chất đồng bộ, hiện đại; sản phẩm du lịch đa dạng, đặc sắc, có chất lượng cao, thương hiệu mạnh, mang đậm bản sắc văn hóa các dân tộc trong tỉnh, có

năng lực cạnh tranh cao, theo đúng tinh thần của Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 đã được Thủ tướng chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 2622/QĐ-TTg ngày 31/12/2013).

Mục tiêu cụ thể:

1. Năm 2020, tổng số khách du lịch đạt 10,5 triệu lượt, trong đó khách quốc tế 4 triệu lượt; tổng doanh thu đạt 30.000 tỷ Đồng; lao động trực tiếp 62.000 người.
2. Năm 2030, tổng số khách du lịch đạt 23 triệu lượt, trong đó khách quốc tế 10 triệu lượt; tổng doanh thu đạt 130.000 tỷ Đồng; lao động trực tiếp 120.000 người.
3. Hoàn thiện phát triển không gian du lịch theo 4 địa bàn du lịch trọng điểm: 1) Hạ Long, 2) Móng Cái - Trà Cổ, 3) Vân Đồn - Cô Tô và 4) Uông Bí - Đông Triều - Quảng Yên.
4. Đến năm 2020, xây dựng thành phố Hạ Long trở thành thành phố du lịch biển hiện đại và văn minh; xây dựng Vân Đồn - Cô Tô trở thành trung tâm du lịch biển, đảo chất lượng cao, trung tâm vui chơi giải trí đẳng cấp quốc tế; phấn đấu đến năm 2030 xây dựng Uông Bí - Đông Triều - Quảng Yên trở thành trung tâm du lịch văn hóa - lịch sử - tâm linh đặc sắc, có sức hấp dẫn cao.

Căn cứ vào hiện trạng ngành du lịch, Quy hoạch đề xuất 56 giải pháp trong đó có 13 giải pháp ưu tiên thực hiện dựa vào kết quả đánh giá hiện trạng¹⁷. Những giải pháp đề xuất được đưa vào 7 nhóm, như sau :

1. Nhóm giải pháp về tiếp thị quảng bá và xây dựng thương hiệu (thành lập cơ quan tiếp thị điểm đến, v.v..)
2. Nhóm giải pháp về sản phẩm du lịch mới (bao gồm khu nghỉ dưỡng phức hợp có casino, trung tâm mua sắm cao cấp kinh doanh sản phẩm giảm giá ở Vân Đồn);
3. Nhóm giải pháp về dự án hạ tầng giao thông vận tải (đường cao tốc, cảng hàng không Vân Đồn, v.v..);
4. Nhóm giải pháp về dự án hạ tầng du lịch (các khách sạn thương hiệu quốc tế, v.v..);
5. Nhóm giải pháp về dự án xây dựng và bồi dưỡng nhân lực (trung tâm ngoại ngữ, v.v..);
6. Các dự án bảo vệ môi trường (quản lý nước thải, v.v..);
7. Giải pháp quản lý và hợp tác (thành lập văn phòng quản lý dự án, v.v..).

Qua nghiên cứu, 8 giải pháp sau đây trong số 56 giải pháp đề xuất nêu trên đi theo hướng của Kế hoạch hành động tăng trưởng xanh của tỉnh.

1. Giải pháp số 1: Thành lập Cơ quan tiếp thị điểm đến (DMA) bao gồm cải thiện thông tin du lịch và nâng cấp thực hành tiếp thị
2. Giải pháp số 8: Phát triển mạng lưới đường mòn dạo bộ;
3. Giải pháp số 9: Xây dựng địa điểm cắm trại trên các đảo;
4. Giải pháp số 32: Phát triển một hệ thống quản lý hành trình cho tàu du lịch trên Vịnh Hạ Long và vịnh Bái Tử Long;
5. Giải pháp số 33: Áp dụng mức trần số tàu thuyền hoạt động trên vịnh Hạ Long & vịnh Bái Tử Long;
6. Giải pháp số 34: Tạo điều kiện dễ dàng tiếp cận hơn cho khách du lịch nước ngoài tới các điểm du lịch văn hóa trọng điểm;
7. Giải pháp số 47: Thúc đẩy dự án thí điểm dán nhãn sinh thái Cánh buồm xanh cho tàu du lịch; và
8. Giải pháp số 48: Tăng cường chiến dịch thu gom, xử lý rác thải.

¹⁷ 56 giải pháp được liệt kê tại Bảng II-3.17

Bảng II-3.17 Danh mục 56 dự án đề xuất trong Quy hoạch Du lịch Quảng Ninh

STT	Tên giải pháp
1. Nhóm giải pháp về tiếp thị quảng bá và xây dựng thương hiệu	
1	Thành lập Cơ quan Tiếp thị Điềm đên du lịch Quảng Ninh (QNDMA) (Ưu tiên)
2	Triển khai các công cụ kỹ thuật số mới
3	Phát triển các mối quan hệ hợp tác quan trọng
4	Xây dựng khẩu hiệu (slogan) và biểu tượng (logo) cho Quảng Ninh
5	Xây dựng các điểm đặc trưng cho mỗi thành phố, thôn làng của Quảng Ninh
6	Xây dựng các hoạt động tổ chức quanh năm và xây dựng lịch tổ chức các sự kiện
7	Xuất bản ấn phẩm “50 điều nên làm ở Quảng Ninh”
2. Nhóm giải pháp về sản phẩm du lịch mới, bao gồm casino, sân golf, vv...	
8	Phát triển mạng lưới đường mòn dạo bộ ở các khu vực đồi núi trên địa bàn Quảng Ninh
9	Xây dựng địa điểm cắm trại trên các đảo
10	Tạo điều kiện thuận lợi để thành lập các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm du lịch mới tại khu vực vịnh và xung quanh vịnh
10a	Tạo điều kiện cần thiết để đưa thành phố Hạ Long trở thành trung tâm thu hút khách du lịch của tỉnh Quảng Ninh, nhất là thu hút khách du lịch về đêm.
11	Xây dựng một nhà bảo tàng khoa học sinh thái tự nhiên tại thành phố Hạ Long
12	Xây dựng quan hệ đối tác với những doanh nghiệp kinh doanh du lịch chuyên nghiệp để phát triển thêm các điểm thu hút du lịch văn hóa
13	Tăng cường cho hoạt động của Bảo tàng Quảng Ninh
14	Kêu gọi một công ty hay một tổ chức tư vấn chuyên về phát triển sòng bạc để giúp phát triển khu vui chơi phức hợp có casino ở huyện Vân Đồn (Ưu tiên)
15	Xây dựng chuỗi sân golf đẳng cấp quốc tế tại Quảng Ninh
16	Đăng cai một giải du lịch gôn Châu Á tại Quảng Ninh vào năm 2020
17	Phát triển một khu phức hợp mua sắm cao cấp có giảm giá (Ưu tiên)
18	Kéo dài hành trình
19	Đăng cai tổ chức lễ hội
3. Nhóm giải pháp về các dự án hạ tầng giao thông vận tải	
20	Mở rộng hệ thống cảng hành khách tại Vân Đồn
21	Thu hút khách tàu biển quốc tế
22	Đẩy nhanh tiến độ dự án nâng cấp các tuyến đường bộ quan trọng (Ưu tiên)
23	Cải thiện cơ sở hạ tầng dịch vụ xe khách, xe buýt
24	Sân bay Quảng Ninh (Sân bay quốc tế Vân Đồn) (Ưu tiên)
25	Tăng cường dịch vụ bay thuê chuyên
26	Dịch vụ bay trực thăng Hà Nội - Hạ Long/ Vân Đồn (có thể mở rộng thêm các chuyến bay nội tỉnh)
27	Dịch vụ thủy phi cơ trong tỉnh Quảng Ninh
4. Nhóm giải pháp về dự án hạ tầng du lịch, bao gồm các cơ sở lưu trú, nâng cấp các điểm du lịch và tăng cường các hoạt động du lịch	
28	Gia tăng nguồn cung khách sạn
29	Tìm kiếm mối quan hệ đối tác với những khách sạn có thương hiệu quốc tế (Ưu tiên)
30	Nâng cao chất lượng và tính thống nhất của cơ sở lưu trú bằng cách hoàn thiện hệ thống xếp hạng sao khách sạn
31	Phát triển các khu du lịch sinh thái trên các đảo thuộc huyện Vân Đồn (Ưu tiên)
32	Phát triển một hệ thống quản lý hành trình cho tàu du lịch trên Vịnh Hạ Long và vịnh Bái Tử Long
33	Áp dụng mức trần số tàu thuyền hoạt động trên vịnh Hạ Long & vịnh Bái Tử Long
34	Tạo Đ.kiện để dàng tiếp cận hơn cho khách du lịch nước ngoài tới các điểm D.lich V.hóa trọng điểm
35	Hỗ trợ thành lập một trường dạy nấu ăn và kinh doanh nhà hàng
36	Thiết lập một khu tập trung phục vụ bán thức ăn đường phố của địa phương
37	Dịch vụ biên dịch thực đơn
38	QuangNinhKids –những chuyến du lịch miễn phí được tổ chức bởi sinh viên học tiếng Anh
39	Cập nhật biển báo đường dây nóng
40	Xếp hạng độ an toàn vệ sinh thực phẩm của các cơ sở cung cấp dịch vụ ăn uống
5. Nhóm giải pháp về dự án xây dựng và bồi dưỡng nhân lực	
41	Trung tâm ngoại ngữ tại Quảng Ninh (Ưu tiên)
42	Tài trợ cho các khóa thực của học viên ngành du lịch
42a	Lắp đặt khoảng cách về nguồn nhân lực cho du lịch Quảng Ninh đến 2020 và những năm tiếp theo.
6. Nhóm giải pháp về dự án bảo vệ môi trường	
43	Tăng cường quy định quản lý môi trường và công tác thực thi (Ưu tiên)
44	Tăng cường nguồn lực dành cho công tác quản lý chất thải (Ưu tiên)
45	Phân bổ thêm nguồn lực cho công tác quản lý chất thải, cải thiện các quy định về môi trường và công tác thực thi
46	Chia sẻ thông tin để triển khai chương trình kiểm tra hiện trạng môi trường
47	Thúc đẩy dự án thí điểm dán nhãn sinh thái Cảnh buồm xanh cho tàu du lịch

STT	Tên giải pháp
48	Tăng cường chiến dịch thu gom, xử lý rác thải (Ưu tiên)
49	Đưa thông tin về Quảng Ninh lên trang web thủ tục điện tử Việt Nam hoặc xây dựng một trang web riêng tương tự
7. Nhóm giải pháp về quản trị công và hợp tác	
50	Tạo cơ chế “một cửa” để phê duyệt giấy phép cho các doanh nghiệp du lịch quy mô nhỏ
51	Khuyến khích các chính sách thị thực mở dành cho tất cả cán bộ ngành du lịch
52	Xây dựng phong cách làm việc chủ động và chặt chẽ với nhà đầu tư và doanh nghiệp (Ưu tiên)
53	Đảm bảo sự phối hợp hiệu quả hơn giữa các bên liên quan liên quan trong lĩnh vực đầu tư du lịch tại QN (Ưu tiên)
8. Nhóm các giải pháp khác	
54	Cải thiện dự báo thời tiết
55	Số liệu thống kê du lịch
56	Quản lý hoạt động du lịch MICE (Hội họp, Khen thưởng, Hội thảo và Triển lãm)

Nguồn: Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

(5) Kết quả nghiên cứu

Bảng dưới đây trình bày nội dung so sánh Hạ Long với những điểm đến du lịch phổ biến khác ở Việt Nam.

Bảng II-3.18 So sánh Hạ Long với các điểm đến du lịch phổ biến ở Việt Nam

	Triệu lượt khách thăm năm 2015 (Tổng/quốc tế)		Thời gian lưu trú	Khách sạn Boutique	Nhà hàng tốt nhất	Ghi chú
Vịnh Hạ Long	2,6	1,7	1 đến 2 ngày	1	22	WH
Hà Nội	19,8	3,4	3 đến 4 ngày	44	1,536	WH, IA
Hồ Chí Minh	24,0	4,7	3 đến 4 ngày	19	2,284	IA
Huế	3,1	1,0	2 đến 3 ngày	6	224	WH
Hội An	2,0	1,0	1 đến 2 ngày	23	559	WH

Ghi chú: WH: Di sản thế giới, IA: Sân bay quốc tế

Nguồn: Tổng cục du lịch Việt Nam (VNAT), TripAdvisor, tháng 1/2016

Căn cứ theo số lượt khách du lịch thì Hạ Long chắc chắn là một trong những điểm đến du lịch phổ biến nhất ở Việt Nam. Tuy nhiên, số lượng rất ít các nhà hàng tốt và khách sạn hạng sang phục vụ phân khúc khách du lịch cá nhân có khả năng chi trả cao cho thấy rõ sự khác biệt so với các điểm du lịch phổ biến khác ở Việt Nam. Sau khi khách du lịch tham quan vẻ đẹp tự nhiên vịnh Hạ Long, họ nhanh chóng trở lại điểm nghỉ của họ ở Hà Nội mà không đi đây đó tham quan trong thành phố, thăm các điểm du lịch khác kề cận và thưởng thức đồ ăn tại các nhà hàng phục vụ hải sản dọc bờ biển. Trong khi đó, khách du lịch đến thăm Hội An lại dành rất nhiều thời gian và tiền bạc đi thăm các khu phố cổ trong thị trấn.

Xét trên quan điểm tăng trưởng xanh, hiện trạng ngành du lịch khu vực vịnh Hạ Long có thể tóm tắt như sau:

1) Điểm mạnh

Vịnh Hạ Long nổi tiếng trên toàn thế giới, là điểm đến tiềm năng tiếp theo mà du khách tìm kiếm. Mặt khác, vịnh Hạ Long có khoảng 2.000 hòn đảo nhỏ, có vẻ đẹp tự nhiên đẳng cấp thế giới. Tàu du lịch tham quan vịnh Hạ Long nói chung được tổ chức tốt, được trang bị cơ sở và thiết bị cần thiết. Khu vực vịnh Hạ Long có các tài sản thiên nhiên, văn hóa lịch sử phong phú, có thể được phát triển phục vụ cho du lịch văn hóa và du lịch sinh thái.

2) Điểm yếu

Khách du lịch đến tham quan vịnh Hạ Long hầu như chỉ đi thăm kỳ quan thiên nhiên Di sản Thế giới. Họ không dành thêm thời gian khám phá những sản phẩm du lịch khác ở những nơi khác trong khu vực. Như vậy, cần phải nỗ lực nhiều hơn nữa để tăng cường cả hoạt động tiếp thị và tăng cường mạng lưới sản phẩm du lịch cho khu vực vịnh Hạ Long.

Mặc dù đa dạng hóa các sản phẩm du lịch là cần thiết để kéo dài thêm thời gian lưu trú của khách du lịch, thu hút khách du lịch quay trở lại, nhưng việc phát triển du lịch trong và xung quanh vùng đệm dường như còn thiếu các biện pháp thích hợp để ngăn chặn sự suy giảm cảnh quan tự nhiên của Di sản Thế giới. Hiện tại, khách du lịch đến tham quan vịnh Hạ Long đang phải chịu ảnh hưởng của bụi và tiếng ồn từ các hoạt động của các công trình xây dựng có quy mô lớn. Việc những khách này lan truyền thông tin này có thể cũng sẽ gây ảnh hưởng tới lượng khách đến trong tương lai.

3) Cơ hội

Khách du lịch ngày càng quan tâm nhiều hơn tới giảm thiểu tác động tiêu cực tới môi trường. Du lịch sinh thái¹⁸ là một trong những phân khúc du lịch tăng trưởng nhanh nhất. Vịnh Hạ Long có thể là một khu vực lý tưởng để thúc đẩy du lịch sinh thái nhờ có cảnh đẹp tự nhiên nổi tiếng và nguồn tài nguyên thiên nhiên đa dạng. Đường cao tốc Hải Phòng – Hạ Long hoàn thành sẽ sớm cải thiện giảm thời gian di chuyển từ Hà Nội, như vậy dự kiến sẽ đón được thêm nhiều khách du lịch.

4) Thách thức

Khách du lịch đến thăm khu vực vịnh Hạ Long bị thu hút bởi vẻ đẹp tự nhiên. Vẻ đẹp tự nhiên đó không đơn thuần chỉ hiện hữu ở gần 2.000 hòn đảo trên vịnh mà còn ở vùng nước và môi trường xung quanh các đảo đó. Nếu nước biển bị ô nhiễm bởi các loại chất thải hoặc các hoạt động phát triển trong vùng đệm, làm tác động đến vẻ đẹp tự nhiên và đương nhiên sẽ làm giảm đi sức hấp dẫn của vịnh Hạ Long. Quản lý môi trường sẽ là một chìa khóa cho sự phát triển du lịch bền vững trong khu vực vịnh Hạ Long.

(6) Đề xuất về việc xây dựng KHHĐTTX trong ngành Du lịch

1) Quản lý ô nhiễm và rác thải trên vịnh Hạ Long

Quy hoạch Phát triển Du lịch tỉnh Quảng Ninh nhấn mạnh mối quan tâm tới việc kiểm soát chưa đầy đủ đối với tình trạng ô nhiễm và rác thải trên vịnh Hạ Long có thể sẽ dẫn tới việc thu hồi danh hiệu Di sản Thế giới. Do đó, KHHĐTTX của tỉnh cần phải thiết lập các nhiệm vụ và mục tiêu hành động để đối phó với tình trạng ô nhiễm và rác thải trên vịnh Hạ Long.

2) Cân bằng giữa phát triển và bảo vệ môi trường

Là một vấn đề đối với phát triển du lịch của tỉnh, quy hoạch phát triển du lịch đề cập rằng “ Với lượng khách du lịch ngày càng tăng sẽ gây áp lực đối với năng lực môi trường của các điểm du lịch. Việc thúc đẩy phát triển bền vững và du lịch sinh thái sẽ giúp làm giảm bớt tác động tiêu cực tới môi trường, đồng thời đem lại những trải nghiệm thỏa đáng cho khách du lịch”. Kế hoạch HĐTTX của tỉnh sẽ thúc đẩy sự cân bằng giữa phát triển và bảo tồn trong lĩnh vực du lịch thông qua thiết lập các nhiệm vụ và mục tiêu trong việc giải quyết vấn đề này.

3) Ưu đãi đối với các doanh nghiệp dịch vụ xã hội và du lịch sinh thái thân thiện môi trường

Liên quan tới chính sách của chính phủ, quy hoạch tổng thể phát triển du lịch chỉ ra rằng có rất ít cơ chế ưu đãi hướng tới các các doanh nghiệp nhỏ về dịch vụ xã hội và du lịch sinh thái thân thiện với môi trường. Do đó, Kế hoạch HĐTTX của tỉnh cần phải thiết lập các nhiệm vụ và mục tiêu hướng tới giải quyết vấn đề này.

4) Thúc đẩy ngành du lịch thành ngành công nghiệp xanh

Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch nêu bật lên triển vọng của ngành du lịch là “Phát triển ngành du lịch một cách bền vững, chuyên nghiệp để trở thành một ngành công nghiệp quan trọng nhất của tỉnh, với hy vọng sẽ đóng góp nhiều hơn cho GDP của tỉnh; và phân đầu đổi mới cơ cấu phát triển, cơ cấu lại nền kinh tế và chuyển đổi sang ngành công nghiệp từ ngành

¹⁸ Tổ chức du lịch thế giới định nghĩa Du lịch sinh thái là du lịch giảm thiểu các tác động tiêu cực tới môi trường văn hóa – xã hội và tự nhiên và đồng thời duy trì các khu vực tự nhiên thông qua cải thiện được phúc lợi cho cộng đồng, các tổ chức và chính quyền địa phương quản lý những khu vực thiên nhiên đó; tạo cơ hội việc làm và thu nhập; và nâng cao nhận thức của cả cộng đồng địa phương và khách du lịch đối với bảo tồn tài sản văn hóa và tự nhiên.

nông nghiệp”. KHHĐTTX của tỉnh sẽ coi du lịch là một động lực để thay đổi cơ cấu kinh tế từ nông nghiệp sang công nghiệp, đặc biệt trở thành một ngành công nghiệp xanh.

5) Nhiệm vụ và mục tiêu của ngành dịch vụ, bao gồm cả ngành du lịch

KHHĐTTX của tỉnh đề cập tới “các nhiệm vụ và chỉ tiêu chính đối với sản xuất xanh” nhưng không có chính sách đối với ngành dịch vụ, bao gồm cả ngành du lịch. Các nhiệm vụ và chỉ tiêu về các khía cạnh môi trường và cảnh quan của ngành du lịch, đặc biệt là về quản lý nguồn tài nguyên du lịch sẽ được bổ sung vào KHHĐTTX của tỉnh.

6) Chỉ tiêu về phát triển bền vững ngành du lịch

KHHĐTTX của tỉnh có ưu tiên tính bền vững trong tất cả các vấn đề đối với kinh tế, xã hội, môi trường và sẽ lập các chỉ tiêu cho cả ngành du lịch.

7) Mở rộng sử dụng xăng sinh học trong ngành du lịch

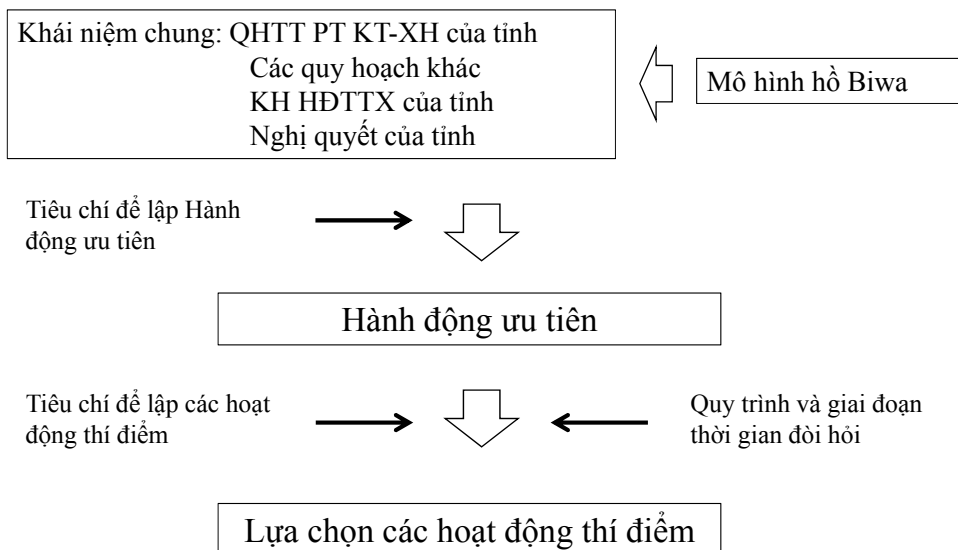
KHHĐTTX của tỉnh khuyến khích sử dụng năng lượng tái tạo cho mục đích giảm phát thải khí nhà kính, và sẽ khuyến khích mở rộng việc sử dụng nhiên liệu sinh học trong ngành du lịch, ví dụ như cho các tàu thuyền du lịch hoạt động trên vịnh Hạ Long.

CHƯƠNG II-4 XÂY DỰNG DỰ THẢO KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG ƯU TIÊN ĐỂ ĐẠT ĐƯỢC TĂNG TRƯỞNG XANH TRONG KHU VỰC VỊNH HẠ LONG

II-4.1 Quá trình xác định các hoạt động thí điểm

II-4.1.1 Quy trình tổng thể

Toàn bộ quy trình chuẩn bị các hành động ưu tiên và lựa chọn các hoạt động thí điểm được thể hiện trong hình dưới đây. Để xác định cách tiếp cận chính cho việc lập các hoạt động thí điểm, đã tham khảo các khái niệm cấp cao của tỉnh Quảng Ninh, cũng như tham khảo cách tiếp cận của Nhật Bản về sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên thiên nhiên và phát triển theo vùng với tên gọi “Chương trình Mother Lake 21 (Mô hình hồ Biwa)”, như được tóm tắt tại Chương II-2. Tiếp sau đó, dự án đã xác định được những vấn đề ưu tiên sẽ giải quyết thông qua xem xét những vấn đề thể chế và kết quả đánh giá hiệu suất môi trường ở các ngành và các hoạt động liên quan khác. Đến tháng 4 năm 2016, Dự án đã lập được danh mục các hoạt động ưu tiên thông qua một loạt những cuộc họp tham vấn chuyên sâu cùng Ban BQLDA và các cơ quan liên quan của tỉnh Quảng Ninh.



Nguồn: Nhóm Chuyên gia JICA

Hình II-4.1 Quy trình tổng thể lập Kế hoạch hành động và Lựa chọn các hoạt động thí điểm

II-4.1.2 Áp dụng mô hình hồ Biwa và chọn các ngành mục tiêu

Các quy hoạch ngành, lĩnh vực của tỉnh như trình bày Chương II-2 đã được tham khảo để xác định các phương pháp tiếp cận chính khi xây dựng các hoạt động thí điểm. Ngoài ra, cách tiếp cận của Nhật Bản trong sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên thiên nhiên và phát triển theo vùng với tên gọi “Mô hình hồ Biwa” cũng được tham khảo để xác định các hoạt động mang lại hiệu quả khi thực hiện tăng trưởng xanh, quyết định các ngành mục tiêu, qua đó xác định được các hành động ưu tiên và các hoạt động thí điểm thực hiện tăng trưởng xanh.

II-4.1.3 Phân tích cơ chế thể chế

Chương II-2 trình bày kết quả phân tích một số vấn đề về cơ chế thể chế thực hiện tăng trưởng xanh hiện nay ở tỉnh Quảng Ninh. Các hoạt động thí điểm sẽ góp phần giải quyết một số vấn

đề đã xác định được thông qua xây dựng/cải thiện cơ chế thể chế thực hiện tăng trưởng xanh hiện có.

Đề giải quyết những vấn đề về cơ chế thể chế hiện nay, cần tuân thủ theo quy trình chi tiết yêu cầu đối với việc xây dựng các quy chế mới. Nhìn chung, để xây dựng quy chế mới, cần phải tuân thủ quy trình sau đây:

- (1) Liệt kê các tài liệu thể chế cần thiết (quyết định, thông tư, v.v...) sẽ xây dựng/sửa đổi hoặc cập nhật. Đưa ra kế hoạch năm để thể chế hóa các tài liệu đã liệt kê.
- (2) Thành lập ban soạn thảo để dự thảo các tài liệu thể chế¹⁹.
- (3) Rà soát, tham gia góp ý cho bản dự thảo lần thứ nhất bởi các các Sở, Ban, Ngành có liên quan.
- (4) Lập bản dự thảo lần thứ hai, thực hiện tham vấn theo các cách tiếp cận sau:
 - Thảo luận với các cơ quan có liên quan hoặc với các cơ quan bên ngoài thông qua tổ chức hội thảo v.v... (với chính quyền địa phương, các ban ngành, các hiệp hội/đoàn thể có liên quan, trường đại học, trung tâm nghiên cứu, v.v...);
 - Xin ý kiến đóng góp thông qua việc đăng tải bản dự thảo lên cổng thông tin điện tử của tỉnh, báo viết v.v...
- (5) Rà soát, thẩm định bản dự thảo cuối cùng bởi Sở Tư pháp để xác nhận sự phù hợp với đường lối, chủ trương của tỉnh, sự tuân thủ với các văn bản pháp luật cấp trung ương, các chỉ thị, hoặc các văn bản thể chế có liên quan khác.
- (6) Công bố và ban hành văn bản bởi UBND tỉnh.
- (7) Cần có sự nhất trí thông qua của Hội đồng Nhân dân tỉnh trong trường hợp tài liệu thể chế liên quan tới phí hoặc cơ chế về ngân sách.
- (8) Phê duyệt của Quốc hội là cần thiết trong trường hợp tài liệu thể chế liên quan tới hệ thống thuế.

Quy trình nêu trên đã được Dự án nghiên cứu khi xem xét thời gian cần thiết cho hoạt động cải thiện thể chế thông qua các hoạt động thí điểm trong giai đoạn 2 của Dự án.

II-4.1.4 Phân tích hiệu suất môi trường

Chương II-3 trình bày cụ thể về nội dung thực hiện hiệu suất môi trường ở từng ngành. Dựa vào kết quả phân tích hiệu suất môi trường, Dự án đã chọn được các ngành sẽ triển khai thực hiện hoạt động thí điểm.

II-4.1.5 Xác định các chủ đề mục tiêu cho tham vấn chuyên sâu

Ban QLDA, JET, các sở ngành chủ chốt của tỉnh Quảng Ninh và các đơn vị có liên quan trong khu vực vịnh Hạ Long đã thực hiện một loạt các cuộc tham vấn chuyên sâu để xác định các hoạt động thí điểm về thúc đẩy tăng trưởng xanh trong giai đoạn thực thi.

Cho tới ngày 13/6/2016, tổng cộng đã có hai mươi sáu (26) cuộc họp tham vấn chuyên sâu được thực hiện bởi QLDA và JET, như đã được tóm tắt tại Bảng I-2.6 trong Phần I.

II-4.2 Kết quả xây dựng Hành động ưu tiên

II-4.2.1 Áp dụng mô hình hồ Biwa và chọn các ngành mục tiêu

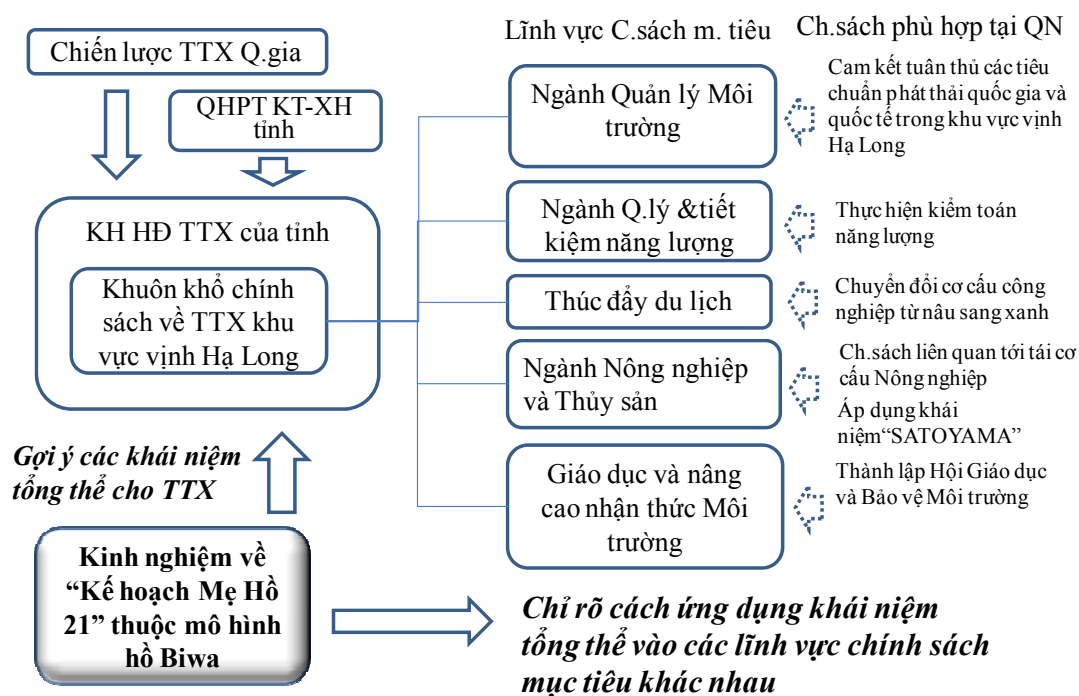
Dự án bắt nguồn từ bối cảnh về nhu cầu khai thác bền vững và bảo tồn nguồn tài nguyên khu vực vịnh Hạ Long. Điều này cho thấy đối với khu vực vịnh Hạ Long cần giải quyết các vấn đề

¹⁹ Thành viên của ban được UBND tỉnh bổ nhiệm từ các Sở, Ngành có liên quan được lựa chọn phù hợp với nội dung của các văn bản pháp lý được thảo luận và thi hành

liên quan tới hoạt động quản lý môi trường nước và quản lý hoạt động phát triển kinh tế-xã hội diễn ra trong chính môi trường nước đó.

Do đó, theo ý tưởng của mô hình hồ Biwa có thể nghiên cứu áp dụng khái niệm về khung quản lý môi trường nước kết hợp với kiểm soát ô nhiễm môi trường nước được mở rộng thành quản lý và phát triển vùng với thực hiện chính sách đa ngành trong khuôn khổ hồ Biwa.

Căn cứ khái niệm Mô hình hồ Biwa về hài hòa giữa hoạt động kiểm soát vùng nước và chất lượng nước tích hợp với phát triển kinh tế, dự án đã xác định được những chính sách ngành cần quan tâm nhằm thúc đẩy tăng trưởng xanh ở khu vực vịnh Hạ Long với những kết quả xem xét đã đề cập ở phần trên. Căn cứ kết quả xem xét, năm (5) ngành sau đây đã được chọn bao gồm: (1) Quản lý môi trường, (2) Quản lý và tiết kiệm năng lượng, (3) Thúc đẩy du lịch, (4) Nông nghiệp, lâm nghiệp và Thủy sản và (5) Giáo dục và nâng cao nhận thức môi trường.



Nguồn: Nhóm chuyên gia JICA.

Hình II-4.2 Áp dụng mô hình hồ Biwa đối với khái niệm tăng trưởng xanh khu vực vịnh Hạ Long

II-4.2.2 Kết quả xem xét các vấn đề thể chế

Căn cứ vào hiện trạng chính sách tăng trưởng xanh tỉnh Quảng Ninh như đã trình bày tại Chương II-2 và hiện trạng các ngành chủ chốt như trình bày tại Chương II-3, Dự án đã xem xét nhưng khía cạnh thể chế ở từng ngành như đã nêu tại các mục trước.

(1) Ngành quản lý môi trường

Như trình bày trong nội dung mục II-2.2.3, tỉnh Quảng Ninh đặt mục tiêu tập trung xanh hóa sản xuất và cải thiện điều kiện xử lý nước thải. Tỉnh đã nỗ lực trong một thời gian dài nhằm giảm tải lượng ô nhiễm vịnh Hạ Long từ nước thải từ các ngành công nghiệp sản xuất, chế biến và đã đạt được những thành quả quản lý vịnh Hạ Long tốt hơn thông qua cách tiếp cận điều tiết bằng các quy chế²⁰, như thông qua hoạt động theo dõi và giám sát. Tuy nhiên, cũng rất khó để nói rằng chất lượng nước vịnh Hạ Long đang có xu hướng cải thiện, như được trình bày tại Phần II-3.1.3.

²⁰ Theo nghiên cứu của JICA về Quản lý môi trường nước trong lưu vực sông ở Việt Nam (2008-2010), các chính sách về kiểm soát ô nhiễm nước ở Việt Nam có thể được phân loại theo các cách tiếp cận: bằng quy định, bằng kinh tế, bằng đổi mới kỹ thuật, bằng nâng cao nhận thức, và bằng phát triển cơ sở hạ tầng.

Để khắc phục được tình trạng hiện tại, điều quan trọng là không chỉ tăng cường quản lý với cách tiếp cận bằng quy định, mà phải thúc đẩy cách tiếp cận bằng kinh tế và bằng đổi mới kỹ thuật. Khái niệm tăng trưởng xanh dự kiến sẽ góp phần thúc đẩy cả hai cách tiếp cận này. Tuy nhiên, tổng số ngân sách chi cho tăng trưởng xanh trong tỉnh Quảng Ninh chưa phải là lớn như được trình bày tại Bảng II-2.10, và chưa có phân bổ ngân sách cho hoạt động xúc tiến đầu tư trong lĩnh vực quản lý nước thải. Ngoài ra, việc sử dụng các quỹ liên quan tới tăng trưởng xanh chưa được khởi động, như được trình bày tại phần II-2.3.4.

KHHĐTTX của tỉnh nhằm mục đích tăng cường quản lý môi trường tại các khu công nghiệp và thúc đẩy hoạt động tái chế. Theo cuộc khảo sát thông qua phỏng vấn tại khu CN Cái Lân, vấn đề ngân sách đang là một rào cản đối với việc tăng cường quản lý môi trường tại các khu CN. Tỉnh Quảng Ninh đang có kế hoạch lập các dự án về hoạt động tái chế, nhưng hiện tại vẫn có khó khăn trong việc triển khai hoạt động tái chế bền vững và cho những khu vực rộng, do chưa thực hiện được phân loại rác và hệ thống thu gom theo vùng, trừ những loại rác có giá trị tái chế, tái sử dụng.

(2) Ngành quản lý/tiết kiệm năng lượng

Giảm phát thải khí nhà kính là một mục tiêu quan trọng để thúc đẩy tăng trưởng xanh, đã được xác định là một trong ba nhiệm vụ chính trong KHHĐTTX của tỉnh Quảng Ninh. Hiện nay, các hoạt động liên quan tới quản lý và tiết kiệm năng lượng, kiểm toán năng lượng đối với các đơn vị tiêu thụ năng lượng lớn đã được tiến hành tại tỉnh Quảng Ninh. Mặt khác, các hoạt động cụ thể đối với tiết kiệm năng lượng dựa trên kết quả kiểm toán năng lượng vẫn chưa được thực hiện một cách tích cực.

Một trong những lý do cho tình hình trên xuất phát từ việc thiếu quy định về cơ chế ưu đãi cho các doanh nghiệp thực thi các hoạt động tiết kiệm năng lượng trong bối cảnh lợi ích từ hoạt động tiết kiệm năng lượng là không rõ ràng, do tiền điện tương đối thấp. Được cho rằng một vấn đề quan trọng khác nữa là do khó khăn trong việc đảm bảo ngân sách cho các hoạt động tiết kiệm năng lượng, vì mới chỉ có một số ít phương án bố trí ngân sách. Để tiến hành hoạt động tiết kiệm năng lượng, đòi hỏi phải áp dụng các công nghệ tiên tiến đối với quy trình sản xuất hoặc hệ thống quản lý nhà máy, nhưng cần phải có cơ chế ưu đãi cho việc áp dụng các thiết bị hiệu suất năng lượng cao, công nghệ mới đó.

(3) Ngành Du lịch

Định hướng của KHHĐTTX của tỉnh, Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và quy hoạch phát triển du lịch chỉ ra quá trình chuyển đổi tăng trưởng kinh tế từ các ngành công nghiệp truyền thống như ngành công nghiệp khai thác mỏ sang ngành dịch vụ, đặc biệt là sang ngành du lịch. Tuy nhiên, như được thể hiện tại phần II-3.3.1, số khách du lịch tham quan vịnh Hạ Long đã chững lại trong một vài năm gần đây, và số tiền chi tiêu bởi mỗi khách du lịch là có xu hướng thấp.

Để khắc phục tình trạng trên, có khuyến nghị sử dụng không chỉ di sản thế giới vịnh Hạ Long mà còn cả các tài nguyên du lịch hiện có khác một cách tích cực hơn cho các hoạt động du lịch. Để đẩy mạnh sử dụng các tài nguyên du lịch, việc cung cấp thông tin du lịch một cách hiệu quả là cần thiết. Tuy nhiên, hiện tại mới chỉ có sẵn một số ít các tài liệu và công cụ thông tin du lịch trong khi đó, các tài liệu đó không bao gồm những nội dung cần thiết và hữu ích cho du khách tới khu vực vịnh Hạ Long. Ngoài ra thông tin du lịch đang được cung cấp bởi nhiều đơn vị khác nhau mà không có sự kết nối và hợp tác giữa các đơn vị này. Điều đó dẫn đến kết quả là khách du lịch bị mất cơ hội được tới tham quan những điểm du lịch khác ngoài khu vực vịnh Hạ Long, tác động không tốt tới việc thúc đẩy ngành du lịch.

Mặc dù du lịch thân thiện môi trường đã có dự kiến thực hiện đối với khu vực vịnh Hạ Long với Di sản thế giới, và các biện pháp quản lý tàu du lịch thông qua quy chế có xu hướng nghiêm ngặt hơn, nhưng hiện tại đang có vấn đề về việc thiếu các chính sách hành chính cho việc chuyển đổi ngành du lịch từ loại hình thông thường sang loại hình thân thiện môi trường hơn. Du lịch sinh thái được xem là đại diện của hoạt động du lịch thân thiện với môi

trường, nhưng vẫn chưa xây dựng được cơ chế thể chế để xúc tiến loại hình du lịch này và mới chỉ thu được ít kinh nghiệm về hoạt động này.

(4) Ngành Nông nghiệp, Lâm nghiệp và Thủy sản

Trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản, một số hoạt động liên quan đến tăng trưởng xanh được chỉ ra được thực hiện, chẳng hạn như sự hài hòa các hoạt động để giảm tác động đến chất lượng nước và tăng năng suất nuôi trồng thủy sản, cung cấp các mặt hàng nông, thủy sản an toàn và hàng hóa của họ xử lý góp phần để xúc tiến du lịch. KHHDĐTTX tỉnh đề nghị thúc đẩy nông nghiệp, lâm, thủy sản xanh là một trong những giải pháp để thúc đẩy tăng trưởng xanh. Tỉnh Quảng Ninh đề nghị nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản thân thiện môi trường. Tuy nhiên, trong điều kiện hiện nay, các quy định đối với việc thúc đẩy áp dụng công nghệ tiên tiến trong lĩnh vực này đã không được phát triển.

(5) Giáo dục và nâng cao nhận thức Môi trường

Tỉnh Quảng Ninh đã thành lập Hội Giáo dục và Bảo vệ Môi trường Hạ Long và hội đã bắt đầu thực hiện các hoạt động như được trình bày tại phần II-3.1.4. Mặc dù tỉnh có ý định thúc đẩy hoạt động giáo dục và nâng cao nhận thức môi trường nhưng hệ thống thể chế cho việc thúc đẩy các hoạt động này vẫn chưa được xây dựng hoàn thiện, ví dụ như vẫn chưa có hệ thống phân bổ ngân sách rõ ràng cho Hội.

Một vấn đề nữa là khái niệm tăng trưởng xanh còn là rất mới đối với chính quyền và người dân địa phương, và chưa có hệ thống để thực hiện các hoạt động giáo dục và nâng cao nhận thức môi trường một cách chắc chắn và liên tục.

Hiệu suất môi trường ngành công nghiệp

II-4.2.3 Sử dụng năng lượng

Căn cứ Quyết định của Thủ tướng Chính phủ số 1535/QĐ-TTg, tháng 8/2014, các đơn vị tiêu thụ năng lượng lớn đã được lựa chọn theo những tiêu chí sau đây trên toàn quốc:

- (a) Các cơ sở sản xuất công nghiệp, nông nghiệp và các đơn vận tải có tổng mức tiêu thụ năng lượng hằng năm tương đương với một nghìn tấn dầu (1,000 TOE) trở lên;
- (b) Các tòa nhà được sử dụng làm văn phòng và nhà ở; các cơ sở giáo dục, y tế, vui chơi giải trí, thể dục thể thao; khách sạn, siêu thị, nhà hàng, cửa hiệu có tổng mức tiêu thụ năng lượng hằng năm tương đương với năm trăm tấn dầu (500 TOE) trở lên.

Theo các tiêu chí trên, 78 công ty đã được lựa chọn là những đơn vị tiêu thụ năng lượng lớn trong tỉnh Quảng Ninh và được liệt kê trong bảng dưới đây. Trong số 78 công ty, những công ty có mức tiêu thụ năng lượng lớn bao gồm: nhà máy nhiệt điện, nhà máy xi măng, hoạt động khai thác than và thu gom than cứng. Có 34 công ty đã thực hiện kiểm toán năng lượng và 33 công ty có cán bộ quản lý năng lượng hoạt động.

Bảng II-4.1 Danh mục các đơn vị tiêu thụ năng lượng lớn trong khu vực vịnh Hạ Long

Lĩnh vực	Loại hoạt động	Số công ty	Tiêu thụ năng lượng (TOE)	Ghi chú
Các công trình tòa nhà	Khách sạn	2	2.147	
	Hoạt động của trụ sở văn phòng	1	535	Ban Quản lý các dịch vụ Công ích T.P Hạ Long
	Bán buôn tổng hợp	1	501	
Công nghiệp	Sản xuất điện	4	2.067.514	3 NM của TĐ Điện lực Việt Nam và 1 NM của VINACOMIN

Lĩnh vực	Loại hoạt động	Số công ty	Tiêu thụ năng lượng (TOE)	Ghi chú
	Sản xuất xi măng	4	608.213	
	Khai thác than và thu gom than cứng	24	416.544	18 công ty trực thuộc VINACOMIN
	Sản xuất vật liệu XD từ đất sét	8	114.496	
	Sản xuất và đóng hộp dầu, mỡ động vật, thực vật	1	10.319	
	H.động sản xuất công nghiệp khác	2	9.764	
	Đóng tàu và cầu kiện nổi	1	3.177	
	Hoạt động của máy biến áp, các thiết bị phân phối điện và quản lý điện	1	2.183	
	Sản xuất bột mì và các sản phẩm từ bột mì	1	2.090	
	Sản xuất sợi	1	1.697	
	Sản xuất các sản phẩm hóa chất khác chưa được phân vào đầu	1	1.599	
	Sản xuất các hóa chất cơ bản	1	1.536	
	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	1	1.485	
	Sản xuất kim loại không chứa sắt và kim loại quý	1	1.358	
	Khai thác đá	1	1.142	
	Sản xuất sản phẩm khác từ plastic	1	1.096	
Giao thông Vận tải	Vận tải hàng hóa bằng ô tô loại khác (trừ ô tô chuyên dụng)	10	41.453	
	Bốc xếp hàng hóa cảng sông	5	22.840	
	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa bằng phương tiện cơ giới	3	6.376	
	Vận tải bằng xe buýt	1	2.712	
	Vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng	2	2.622	

Nguồn: Tóm tắt bởi Nhóm chuyên gia JICA căn cứ theo Quyết định số 1535/QĐ-TTg tháng 8/2014 của Thủ tướng chính phủ.

II-4.2.4 Hiện trạng về phát thải khí nhà kính

Kế hoạch hành động tăng trưởng xanh (tháng 11/2015) nêu rõ các kết quả nghiên cứu hiện trạng và dự kiến tương lai phát thải khí nhà kính như sau:

Bảng II-4.2 Lượng phát thải khí CO2 ở các ngành chủ đạo của tỉnh Quảng Ninh

Đơn vị: 1.000 tấn

Loại	Ngành	2015	2020
Phát thải khí nhà kính trực tiếp	Nông nghiệp	705	719
	Lâm nghiệp	3.529	3.731
	Công nghiệp và Xây dựng	1.127	1.475
	Khai thác than	16.333	16.709
	Công nghiệp Xi măng	2.788	2.788
	Thương mại và Dịch vụ	95	125
	Quản lý tiêu thụ	636	768
	Hoạt động khác	58	72
Phát thải khí nhà kính gián tiếp	Vận tải đường bộ	1.156	1.596
	Vận tải đường thủy	116	160
Cộng		26.543	28.143

Nguồn: Báo cáo Nghiên cứu: Xây dựng kế hoạch hành động TTX tỉnh Quảng Ninh, Bộ KH&ĐT/UNDP.

II-4.2.5 Nước thải

1) Ngành công nghiệp sản xuất

Lượng xả thải từ những nguồn thải chính trong khu vực vịnh Hạ Long được liệt kê sau đây. Trên 80% lượng nước thải là từ công nghiệp khai thác khoáng sản và công nghiệp sản xuất xi măng. Ngoài ra, ngành chế biến thủy sản và nước giải khát chiếm 40% tổng lượng nước xả thải.

Bảng II-4.3 Lượng nước thải từ các nguồn thải chính trong khu vực vịnh Hạ Long

Loại	Số lượng các cơ sở chính	Khối lượng nước thải (m ³ /ngày)						
		Tổng	T.P Hạ Long	T.P Cẩm Phả	Huyện Vân Đồn	Huyện Hoành Bồ	Thị xã Quảng Yên	T.P Uông Bí
Khai thác và chế biến than, khoáng sản (Tập đoàn VINACOMIN)	32	62.608	17.200	22.700	8	5.500	0	17.200
Khai thác và chế biến than, khoáng sản (Tập đoàn Đông Bắc)	9	19.200	1.900	17.300	-	-	-	-
Cảng hàng hóa	3	1.600	1.600	-	-	-	-	-
Đóng tàu	1	1.200	1.200	-	-	-	-	-
Khu Công nghiệp	4	1.027	750	0	0	37	240	0
Chế biến thực phẩm và thủy sản/Sản xuất bia và nước giải khát	10	7.570	380	80	-	-	7.000	110
Xăng dầu	2	70	70	-	-	-	-	-
Xi măng	5	10.522	0	4.100	0	6.100	52	270
Các ngành khác	31	6.407	7	4.200	20	1.400	470	310
Tổng cộng	97	110.204	23.107	48.380	28	13.037	7.762	17.890

Nguồn: Tính toán bởi Nhóm Chuyên gia JICA dựa vào thông tin do Sở TN&MT cung cấp.

Nói chung, các doanh nghiệp đều có công trình xử lý nước thải. Theo Sở TN&MT, khoảng 90% doanh nghiệp thuộc đối tượng của công tác kiểm tra môi trường năm 2014 và 2015, một hoạt động kiểm soát ô nhiễm tương tự như công tác thanh tra môi trường, có áp dụng quy trình xử lý nước thải. Tuy nhiên, như trình bày cụ thể trong mục 4.2, có một số vấn đề trong chất lượng nước vịnh Hạ Long. Qua xem xét cho thấy tất cả các hệ thống xử lý nước thải của các doanh nghiệp chưa đáp ứng yêu cầu xử lý triệt để. Cần xem xét lại điều kiện vận hành và bảo dưỡng của những hệ thống này.

Bảng II-4.4 Tỷ lệ các doanh nghiệp có trạm XLNT xác nhận qua Kiểm tra môi trường do Sở TN&MT thực hiện

Năm	Số lần kiểm tra môi trường	Các cơ sở có trạm XLNT	Tỷ lệ các cơ sở có trạm XLNT
2014	58	52	90
2015	65	57	88

Nguồn: Lập bởi Nhóm chuyên gia JICA, căn cứ vào thông tin do Sở TN&MT cung cấp

2) Nông nghiệp

Theo Dự thảo Quy hoạch Tổng thể ngành Thủy sản đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 (năm 2016), lượng nước thải từ hoạt động nuôi trồng thủy sản là trên 3.000 m³/ngày. Ngoài ra, do dư thừa thức ăn tại các ao nuôi trồng thủy sản, đã đọng thành lớp dày từ 10 đến 30 cm tại đáy ao nuôi, ảnh hưởng tới chất lượng nước của khu vực vịnh Hạ Long.

II-4.2.6 Chất thải rắn

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trên địa bàn khu vực vịnh Hạ Long chiếm khoảng 70% lượng CTR sinh hoạt phát sinh trên toàn địa bàn tỉnh Quảng Ninh. Tỷ lệ thu gom CTR ở các địa phương thuộc khu vực vịnh Hạ Long đạt ở mức từ 79% đến 96% như thể hiện ở bảng dưới đây :

Bảng II-4.5 Tổng lượng CTR phát sinh và thu gom trên địa bàn khu vực vịnh Hạ Long

TT	Tên địa phương	Khối lượng thu gom (tấn/ngày)	Tỷ lệ CTR được thu gom (%)	Phương pháp xử lý
1	Thành phố Hạ Long	287	95	Chôn lấp HVS
2	Thành phố Cẩm Phả	175	95	Chôn lấp HVS
3	Thành phố Uông Bí	65	95	Chôn lấp HVS
4	Thị xã Quảng Yên	45	88	Chôn lấp
5	Huyện Vân Đồn	19	79	Chôn lấp
6	Huyện Hoành Bồ	25	96	Chôn lấp
	Tổng cộng	616		

Nguồn: Sở TN&MT

Dự báo đến năm 2020, lượng CTR sinh hoạt phát sinh và tỷ lệ thu gom mục tiêu như sau:

Bảng II-4.6 Dự báo khối lượng chất thải rắn và mục tiêu tỷ lệ thu gom trong khu vực vịnh Hạ Long

STT	Vị trí	2020		
		Khối lượng CTR phát sinh (tấn/năm)	Khối lượng CTR thu gom (tấn/năm)	Tỷ lệ thu gom (%)
1	Thành phố Hạ Long	81.941	81.941	100
2	Thành phố Cẩm Phả	14.954	13.459	90
3	Thành phố Uông Bí	28.583	25.725	90
4	Thị xã Quảng Yên	2.491	2.118	85
5	Huyện Vân Đồn	4.037	3.633	90
6	Huyện Hoành Bồ	12.812	10.890	85

Nguồn: Sở TN&MT

Đối với CTR phát sinh từ ngành y tế, 75% - 90% thành phần CTR có đặc điểm tương tự như rác thải sinh hoạt hoặc rác thải đô thị và không chứa bất kỳ chất nguy hại nào. Phần còn lại từ 10% đến 25% được gọi là chất thải y tế nguy hại hoặc chất thải đặc biệt.

Lượng rác thải công nghiệp phát sinh ở các khu công nghiệp (KCN) và cụm công nghiệp (CCN) trên địa bàn khu vực vịnh Hạ Long chiếm xấp xỉ 60% tổng lượng rác thải công nghiệp phát sinh trên địa bàn tỉnh năm 2010. Dự báo lượng CTR công nghiệp đến năm 2030 như sau:

Bảng II-4.7 Dự báo lượng CTR công nghiệp ở khu vực vịnh Hạ Long đến năm 2030

TT	Khu Công nghiệp	Vị trí	Lượng CTR phát sinh (tấn/năm)		
			2015	2020	2030
1	KCN Cái Lân	TP Hạ Long	32.000	32.000	32.000
2	KCN Việt Hưng	TP Hạ Long	22.000	25.000	32.000
3	KCN Phương Nam	TP Uông Bí	53.000	61.000	76.000
4	KCN Đông Mai	TX Quảng Yên	12.000	13.000	17.000
5	KCN Hoành Bồ	Huyện Hoành Bồ	51.000	58.000	73.000
6	KCN phụ trợ ngành than Cẩm Phả	TP Cẩm Phả	30.000	34.000	43.000
7	KCN Đầm Nhà Mạc	TX Quảng Yên	113.000	129.000	162.000

Nguồn: Sở TN&MT.

(5) Kết quả nghiên cứu

Dựa vào các thông tin được đề cập ở trên và hiện trạng của các ngành chủ đạo được trình bày tại Chương II-3, hiệu suất môi trường của các ngành công nghiệp tại khu vực vịnh Hạ Long đã được xem xét và trình bày dưới đây:

Bảng II-4.8 Kết quả hiệu suất môi trường trong ngành công nghiệp

Hoạt động công nghiệp		Đặc điểm		
		Nước thải	Tiêu thụ năng lượng/ Phát thải khí nhà kính	Chất thải rắn
Sản xuất	Khai thác mỏ	- Lượng nước thải lớn hơn các ngành công nghiệp khác	- Khối lượng năng lượng tiêu thụ và phát thải khí nhà kính là lớn nhất trong các ngành công nghiệp	- Chất thải rắn phát sinh được xử lý tại các địa điểm nhất định
	Chế biến thực phẩm	- Lượng nước thải đứng thứ ba sau công nghiệp khai khoáng và xi măng - Trong trường hợp nước xả thải chưa được xử lý phù hợp, các chất không đáp ứng tiêu chuẩn môi trường ví dụ như các chất hữu cơ, Ni tơ và phốt pho có thể sẽ được xả với nồng độ cao trong khu vực vịnh Hạ Long	- Ngành này được cho là có sự đóng góp vào tiêu thụ năng lượng và phát thải khí nhà kính	- Chất thải rắn công nghiệp phát sinh có thể được tái chế nhưng hệ thống tái chế chất thải chưa được xây dựng.
	Chế biến khoáng sản phi kim loại	- Khối lượng nước thải từ nhà máy xi măng lớn. Nồng độ các chất hữu cơ, ni-tơ và phốt pho được cho là không cao.	- Lượng năng lượng tiêu thụ và phát thải khí nhà kính lớn từ các nhà máy xi măng	-
	Khác	- Khối lượng nước thải, chất thải rắn và tiêu thụ năng lượng của các khu công nghiệp có thể tăng lên do hấp dẫn ngày càng nhiều doanh nghiệp vào hoạt động, và do hạ tầng cơ sở đường sá phát triển.		
Vận tải		-	- Có các đơn vị tiêu thụ năng lượng lớn trong số những doanh nghiệp vận tải hàng hóa	-
Dịch vụ	Du lịch	(Ghi chú 2)	- Có các đơn vị tiêu thụ năng lượng lớn trong số các khách sạn	(Ghi chú 2)
Nông nghiệp và thủy sản	Nuôi trồng thủy sản	- Quan ngại tới tác động từ nước thải tới chất lượng trầm tích đáy, và quy hoạch tổng thể cải thiện hoạt động nuôi trồng thủy sản đã được xây dựng vào năm 2016	- Ngành này được cho là có sự đóng góp vào tiêu thụ năng lượng và phát thải khí nhà kính	- Chất thải rắn công nghiệp phát sinh có thể được tái chế nhưng hệ thống tái chế chất thải chưa được xây dựng.

Ghi chú 1: Những hoạt động công nghiệp được mô tả trong bảng trên là những ngành có khối lượng sản phẩm lớn, tại Bảng II-3, ví dụ như khai khoáng, chế biến thực phẩm và chế biến khoáng sản phi kim loại, là các hoạt động đại diện trong khu vực vịnh Hạ Long.

Ghi chú 2: Tác động bởi nước thải và chất thải rắn từ ngành du lịch được mô tả trong phần sau.

Nguồn: Nhóm Chuyên gia JICA

Khai thác mỏ là một ngành có đóng góp lớn cả về tăng trưởng kinh tế và tài lượng ô nhiễm môi trường. Tuy nhiên, đây là ngành được quản lý và điều hành chủ yếu từ tuyến trung ương, và sự tham gia quản lý/điều hành của tỉnh còn hạn chế. Do đó, các biện pháp giảm tác động đề xuất khác đã được thực hiện nhờ vào sự hỗ trợ của các nhà tài trợ quốc tế như được trình bày trong phần II-3.2.1. Do đó, ngành khai thác mỏ được cho là không phù hợp để đề xuất là hoạt động ưu tiên trong Dự án.

Trong số các ngành công nghiệp sản xuất khác, khối lượng nước thải từ hoạt động sản xuất xi măng là lớn, nhưng nồng độ các chất hữu cơ, ni-tơ và phốt-pho được cho là không cao. Mặt khác đây là ngành được xếp hạng là ngành tiêu thụ năng lượng và phát thải khí nhà kính lớn, do đó sẽ là ngành mục tiêu đối với các hoạt động quản lý và tiết kiệm năng lượng.

Tổng sản lượng ngành chế biến thực phẩm là lớn và khối lượng nước thải đứng thứ ba sau ngành khai thác mỏ và sản xuất xi măng. Trong trường hợp nước xả thải chưa được xử lý phù hợp, các chất không đáp ứng tiêu chuẩn môi trường ví dụ như các chất hữu cơ, Ni tơ và phốt pho có thể sẽ được xả với nồng độ cao trong khu vực vịnh Hạ Long.

Khối lượng nước thải, chất thải rắn và tiêu thụ năng lượng của các khu công nghiệp có thể sẽ tăng do hấp dẫn ngày càng nhiều doanh nghiệp vào hoạt động, và do hạ tầng cơ sở đường sá phát triển, ví dụ như đường cao tốc Hải Phòng – Hạ Long, như được trình bày tại phần II-3.2.3.

Hiệu suất môi trường của ngành du lịch được mô tả trong phần sau đây. Ngành này được KHHĐTTX của tỉnh, quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội và quy hoạch tổng thể phát triển du lịch cho là ngành trọng điểm của tương lai, và tác động tới môi trường từ ngành du lịch có thể sẽ tăng lên. Do đó, cần phải xem xét các hành động cần thiết.

Dựa vào các kết quả xem xét ở trên, các ngành trọng điểm để xác định các hành động ưu tiên và để lựa chọn các hoạt động thí điểm được xác định là những ngành quan trọng trong Dự án đối với tỉnh Quảng Ninh trong tương lai, bao gồm các khu công nghiệp, các ngành tiêu thụ năng lượng lớn như ngành sản xuất xi măng và chế biến thực phẩm, v.v...

II-4.2.7 Hiệu suất môi trường của ngành Du lịch

(1) Phương pháp khảo sát

Nhằm mục đích nắm bắt được những tác động tới môi trường gây nên bởi ngành du lịch, một cuộc khảo sát bằng bảng câu hỏi đã được tiến hành trong thời gian giữa tháng 11 và tháng 12 năm 2015.

Đối tượng mục tiêu của cuộc khảo sát là các khách sạn, nhà hàng và tàu du lịch trong khu vực vịnh Hạ Long (Hạ Long, Cẩm Phả, Vân Đồn, Hoành Bồ, Quảng Yên và Uông Bí). Số lượng các đối tượng khảo sát và số phiếu trả lời thu về được liệt kê trong bảng dưới đây. Các cơ sở dịch vụ du lịch được chọn như sau:

- Khách sạn: chủ yếu chọn các khách sạn du lịch theo đăng ký ở Sở VH-TT-DL và chọn bổ sung các khách sạn theo đăng ký ở Sở KH&ĐT (tất cả các khách sạn đều phải thực hiện thủ tục đăng ký kinh doanh tại Sở KH&ĐT).
- Nhà hàng: Tất cả các nhà hàng có đăng ký danh hiệu nhà hàng du lịch tại Sở VH-TT-DL và chọn bổ sung các nhà hàng theo đăng ký tại sở KH&ĐT (Tất cả các nhà hàng đều phải làm thủ tục đăng ký kinh doanh tại Sở KH&ĐT).
- Tàu du lịch: chọn tất cả các công ty tàu du lịch.

Bảng II-4.9 Số lượng đối tượng khảo sát và số phiếu thực hiện

Nội dung	Khách sạn	Nhà hàng	Tàu Du lịch
Số lượng các đối tượng khảo sát	212	138	48
Số lượng phiếu thực hiện	68	100	44
Tỷ lệ phiếu trả lời hợp lệ	32,1%	72,5%	91,7%

Nguồn: Nhóm Chuyên gia JICA

Bảng II-4.10 Số lượng phiếu khảo sát đã thực hiện theo khu vực

Nội dung	Hạ Long	Cẩm Phả	Vân Đồn	Hoành Bồ	Quảng Yên	Uông Bí	Tổng cộng
Khách sạn	51	3	6	1	3	3	68
Nhà hàng	40	25	10	7	8	10	100
Tàu du lịch	44	0	0	0	0	0	44
Tổng cộng	135	28	16	8	11	13	212

Nguồn: Nhóm Chuyên gia JICA

(2) Kết quả khảo sát

1) Khách sạn

Phân bố số phiếu trả lời thu về từ các khách sạn và số lượng khách trung bình trong năm 2014 được trình bày trong bảng dưới đây:

Bảng II-4.11 Phân bố số phiếu bình quân khách du lịch theo loại

Loại	Phiếu trả lời	Số phòng trung bình	Số giường trung bình	Trung bình lượng khách nghỉ đêm năm 2014	Trung bình lượng khách năm 2014	Trung bình lượng nhân viên năm 2014
5 sao	2	399	748	54.134	54.134	325
4 sao	16	144	255	37.452	36.119	117
3 sao	14	70	139	17.571	16.308	42
2 sao và thấp hơn	35	32	58	6.405	5.985	10

Nguồn: Nhóm Chuyên gia JICA

Bảng sau đây chỉ rõ lượng tiêu thụ năng lượng và nước trung bình của các khách sạn trong năm 2014 theo loại. Bảng cho thấy rõ thực tế nhìn chung, các khách sạn cao cấp tiêu thụ năng lượng và nước nhiều hơn các khách sạn khác.

Bảng II-4.12 Tiêu thụ năng lượng trung bình năm cho 1 khách sạn năm 2014

Loại khách sạn	Điện (Kwh)	Dầu Diesel (Lít)	Dầu nặng (Lít)	Khí gas (m ³)	Than (Tấn)	Nước (m ³)
5 sao	3.365.916	48.303	0.00	38,4	172,0	58.081
4 sao	835.670	13.280	10	29,5	48,5	23.196
3 sao	213.192	932	53	30,2	8,1	13.605
2 sao và thấp hơn	66.565	137	21	1,4	17,3	2.319

Nguồn: Nhóm Chuyên gia JICA

Đặc biệt, mức tiêu thụ của khách sạn 5 sao và 4 sao rất đáng lưu ý. Các khách sạn này không chỉ phục vụ khách du lịch mà cung cấp dịch vụ tổ chức các hội nghị, hội thảo hoặc sự kiện của người dân địa phương. Bảng sau đây trình bày lượng tiêu thụ năng lượng và nước trung bình của một lượt khách năm 2014, tính dựa trên số lượng khách.

Bảng II-4.13 Tiêu thụ năng lượng trung bình năm 1 lượt khách du lịch năm 2014

Loại khách sạn	Điện (Kwh)	Dầu Diesel (Lít)	Dầu nặng (Lít)	Khí gas (m ³)	Than (Tấn)	Nước (lít)
5 sao	62.18	0.89	0.00	355	3.18	1,073
4 sao	23.14	0.37	0.28	249	1.34	621
3 sao	13.07	0.06	3.25	596	0.50	834
2 sao và thấp hơn	11.15	0.02	3.46	71	2.89	390

Nguồn: Nhóm Chuyên gia JICA

Bảng sau đây trình bày lượng chất thải rắn phát sinh trung bình trong các khách sạn năm 2014 theo loại.

Bảng II-4.14 Lượng chất thải rắn phát sinh trung bình năm của mỗi khách sạn năm 2014

Loại khách sạn	Trung bình lượng chất thải rắn nhà bếp (tấn)	Trung bình lượng chất thải rắn có thể tái chế (tấn)	Trung bình lượng chất thải rắn khác (tấn)
5 sao	113,10	0,50	53,00
4 sao	28,54	3,36	18,77
3 sao	7,80	3,15	18,73
2 sao và thấp hơn	1,30	0,50	1,61

Nguồn: Nhóm Chuyên gia JICA

Tương tự như mức tiêu thụ năng lượng, các khách sạn cao cấp có xu hướng phát sinh nhiều chất thải rắn hơn.

Bảng dưới đây trình bày bình quân lượng chất thải rắn phát sinh ở các khách sạn tính theo đầu khách năm 2014.

Bảng II-4.15 Bình quân lượng chất thải rắn phát sinh tính theo 1 lượt khách du lịch năm 2014

Loại khách sạn	Bình quân rác nhà bếp (kg)	Bình quân rác tái sinh (kg)	Bình quân rác khác (kg)
5 sao	2,09	0,01	0,98
4 sao	0,75	0,10	0,49
3 sao	0,48	0,19	1,15
2 sao và thấp hơn	0,24	0,08	0,27

Nguồn: Nhóm chuyên gia JICA

Theo phỏng vấn cá nhân các nhà quản lý khách sạn, một số biện pháp đã được thực hiện nhằm giảm tiêu thụ điện năng và giảm phát sinh chất thải. Các biện pháp đó bao gồm:

- Phân loại rác thải (rác thải nhà bếp, rác thải có thể tái chế và rác khác)
- Rác thải nhà bếp bán cho nông dân
- Sử dụng đèn LED
- Sử dụng máy bơm nhiệt
- Trạm xử lý nước thải gồm bể ba ngăn
- Thiết bị thu gom dầu mỡ từ nước thải
- Hệ thống nước nóng sử dụng năng lượng mặt trời v.v...

2) Nhà hàng

Bảng sau đây trình bày mức tiêu thụ năng lượng và nước trung bình trong năm 2014.

Bảng II-4.16 Tiêu thụ năng lượng trung bình năm 1 nhà hàng năm 2014

Địa điểm nhà hàng	Điện (Kwh)	Dầu Diesel (Lít)	Dầu nặng (Lít)	Gas (m ³)	Than (Tấn)	Nước (m ³)
Hạ Long	87.517	94	0	11,8	0,2	3.628
Cầm Phả	45.559	114	0	8,3	0,8	2.479
Uông Bí	56.917	71	0	8,1	0,2	3.643
Quảng Yên	22.177	83	0	3,3	1,0	1.125
Hoành Bồ	16.404	62	0	3,8	2,3	830
Vân Đồn	17.793	10	0	3,2	0,7	1.371

Nguồn: Nhóm Chuyên gia JICA

Khảo sát cũng đã phỏng vấn các nhà hàng về số lượng khách ăn, cho dù độ tin cậy của con số đó là không cao. Bảng sau đây trình bày lượng tiêu thụ năng lượng và nước được tính toán cho mỗi khách trong năm 2014.

Bảng II-4.17 Tiêu thụ năng lượng trung bình năm cho 1 lượt khách của nhà hàng năm 2014

Địa điểm nhà hàng	Điện (Kwh)	Dầu Diesel (Lít)	Dầu nặng (Lít)	Gas (m ³)	Than (Tấn)	Nước (Lít)
Hạ Long	4,97	0,01	0	0,67	0,01	206
Cầm Phả	2,29	5,75	0	0,41	0,04	125
Uông Bí	2,71	3,38	0	0,39	0,01	173
Quảng Yên	2,16	8,04	0	0,32	0,10	110
Hoành Bồ	1,45	0,01	0	0,33	0,20	73
Vân Đồn	1,06	0,59	0	0,19	0,04	82

Nguồn: Nhóm Chuyên gia JICA

Rõ ràng là các nhà hàng ở khu vực Hạ Long tiêu thụ điện gấp 2 đến 3 lần so với các nhà hàng ở những nơi khác. Tiêu thụ nước ở Hạ Long cũng cao.

Sau đây là bảng khối lượng chất thải rắn phát sinh tại các nhà hàng trong năm 2014.

Bảng II-4.18 Lượng chất thải rắn phát sinh trung bình năm của 1 nhà hàng năm 2014

Địa điểm nhà hàng	Tổng trung bình lượng chất thải rắn nhà bếp (Tấn)	Tổng trung bình lượng chất thải rắn có thể tái chế (Tấn)	Tổng lượng chất thải rắn khác (Tấn)
Hạ Long	7,26	0,29	0,01
Cầm Phả	5,23	0,23	0,01
Uông Bí	7,82	0,06	0,03
Quảng Yên	2,07	0,20	0,21
Hoành Bồ	3,21	0,11	0,01
Vân Đồn	4,08	0,07	0,01

Nguồn: Nhóm Chuyên gia JICA

Kết quả chỉ rõ rằng lượng chất thải rắn phát sinh bởi các nhà hàng nhỏ hơn rất nhiều so với bởi các khách sạn. Các nhà hàng trong tất cả các khu vực phát sinh khối lượng chất thải nhà bếp tương đương với các khách sạn 3 sao. Nhưng đối với các loại chất thải khác, khối lượng chất thải có thể tái chế và chất thải khác thì nhỏ hơn nhiều so với lượng chất thải phát sinh bởi các khách sạn 3 sao.

Theo phỏng vấn cá nhân các nhà quản lý nhà hàng, những thực hành sau đây đã được thực hiện nhằm giảm tiêu thụ năng lượng và giảm phát sinh chất thải:

- Tất cả nhà hàng thực hiện phân loại chất thải (chất thải nhà bếp, chất thải có thể tái chế và rác khác)
- Chất thải nhà bếp bán cho các hộ nông dân
- Chất thải có thể tái chế bán cho người thu gom chất thải
- Một số nhà hàng dùng hệ thống nước nóng bằng năng lượng mặt trời
- Một số nhà hàng sử dụng phương pháp vi sinh để làm phân hữu cơ
- 99% nhà hàng có hệ thống xử lý nước thải bằng bể tự hoại 3 ngăn. Tuy nhiên nước thải sau khi xử lý được xả vào mạng lưới thu gom nước thải hoặc xả trực tiếp vào đất, tùy vào hoàn cảnh.
- Chỉ có 12% số nhà hàng có trang bị thiết bị thu gom dầu mỡ. Một số nhà hàng thu theo cách thủ công lượng dầu mỡ sau khi sử dụng, nhưng phương pháp này không thể ngăn ngừa được dầu mỡ từ việc rửa bát đĩa.
- 45% các nhà hàng thuê các công ty hoặc tổ chức chuyên ngành theo yêu cầu của pháp luật thực hiện giám sát định kỳ và lập báo cáo về chất lượng nước thải.

3) Tàu du lịch

Tại vịnh Hạ Long, có 2 bến tàu du lịch hoạt động: Tuần Châu và Vinashin. Tổng số tàu du lịch đang hoạt động thuộc sở hữu của 42 công ty có phiếu trả lời hợp lệ là 237 tàu, trong đó có 185 tàu du lịch nghỉ đêm. Số lượng tàu của mỗi công ty giao động từ 1 đến 20 tàu.

Bảng II-4.19 Tiêu thụ năng lượng và nước trung bình năm 1 tàu du lịch năm 2014

Dầu Diesel (Lít)	Gas (m ³)	Nước (m ³)
59,04	2,87	1.738

Nguồn: Nhóm Chuyên gia JICA

Bảng II-4.20 Tiêu thụ năng lượng và nước trung bình năm 1 lượt khách đi tàu du lịch năm 2014

Dầu Diesel (Lít)	Gas (m ³)	Nước (m ³)
0,27	0,01	8,08

Nguồn: Nhóm Chuyên gia JICA

(3) Kết quả nghiên cứu

Nhìn chung, kết quả khảo sát cho thấy cả ba đối tượng khảo sát đều áp dụng hoạt động 3R bởi hoạt động này góp phần làm giảm chi phí của đơn vị. Các công ty tàu du lịch đều rất quan tâm giữ cho nước biển sạch bởi điều đó liên quan trực tiếp tới nguồn thu nhập của họ. Một số công ty tàu du lịch đã đầu tư tiền cho hoạt động thu gom rác trôi nổi và làm sạch khu vực biển nơi tàu neo đậu và cũng cung cấp nhiều dịch vụ hấp dẫn khách du lịch (tắm biển, chèo thuyền kayak v.v...).

Kết quả khảo sát cũng phản ánh rõ được thái độ tích cực của ngành du lịch đối với bảo vệ và gìn giữ môi trường. Khuyến nghị cần đưa ra các chính sách ưu đãi khuyến khích các đơn vị này tiếp tục phát huy tốt hơn nữa phong trào bảo vệ và bảo tồn môi trường của tỉnh Quảng Ninh.

II-4.2.8 Những vấn đề ưu tiên cần được giải quyết bởi Dự án và đối tượng

Dựa vào các vấn đề đã được tìm ra về khía cạnh quy chế và dựa vào việc xem xét các kết quả của hiệu suất môi trường, các vấn đề ưu tiên phải được giải quyết bởi Dự án và các đối tượng đã được xác định cho từng ngành để lập các hoạt động ưu tiên và lựa chọn dự án thí điểm được trình bày trong bảng sau đây:

Bảng II-4.21 Các vấn đề ưu tiên cần được giải quyết bởi Dự án và đối tượng

Ngành	Các vấn đề ưu tiên về khía cạnh thể chế	Đối tượng
Ngành Quản lý môi trường	<ul style="list-style-type: none"> Thiếu chính sách phân bổ ngân sách cho nhiệm vụ thúc đẩy quản lý môi trường trong lĩnh vực tăng trưởng xanh Thiếu quy định về thúc đẩy khai thác các quỹ hiện có Thiếu hệ thống phân loại và thu gom rác theo vùng để thúc đẩy hoạt động tái chế 	Các ngành trọng điểm lựa chọn như các khu công nghiệp, ngành chế biến thực phẩm, v.v...
Ngành Quản lý và tiết kiệm năng lượng	<ul style="list-style-type: none"> Chỉ có một số ít phương án ngân sách cho triển khai hoạt động quản lý và tiết kiệm năng lượng Thiếu cơ chế ưu đãi giới thiệu các kỹ thuật tiên tiến về tiết kiệm năng lượng 	Các ngành trọng điểm lựa chọn là các cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm
Ngành Du lịch	<ul style="list-style-type: none"> Thiếu hệ thống cung cấp thông tin du lịch hiệu quả Thiếu quy định hướng dẫn ngành du lịch thân thiện môi trường Thiếu hệ thống thúc đẩy du lịch sinh thái 	Ngành du lịch, bao gồm các tàu du lịch hoạt động trong khu vực di sản thế giới, các khách sạn và nhà hàng
Ngành Nông nghiệp, Lâm nghiệp và Thủy sản	<ul style="list-style-type: none"> Thiếu cơ chế ưu đãi áp dụng kỹ thuật tiên tiến trong ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản 	Hoạt động nuôi trồng thủy sản trong khu vực vịnh Hạ Long
Ngành Giáo dục và nâng cao nhận thức môi trường	<ul style="list-style-type: none"> Thiếu quy định về việc thực hiện hoạt động giáo dục và nâng cao nhận thức về lĩnh vực tăng trưởng xanh cụ thể và liên tục 	Các đối tượng được đề cập ở trên và người dân địa phương

Nguồn: Nhóm chuyên gia JICA

II-4.2.9 Tiêu chí xây dựng các hành động ưu tiên

Dựa vào khái niệm thể hiện trong các quy hoạch ngành, lĩnh vực của tỉnh, có bốn nhóm tiêu chí để lập danh sách các hành động ưu tiên: (a) Phù hợp với yêu cầu của tỉnh Quảng Ninh, (b)

Hiệu quả của dự án JICA, (c) Ứng dụng kinh nghiệm của Nhật Bản và Mô hình hồ Biwa, và (d) Tính khả thi và khả năng áp dụng của hoạt động thí điểm.

(a) Phù hợp với yêu cầu của tỉnh Quảng Ninh

Các hành động ưu tiên đề xuất kỳ vọng sẽ góp phần đạt được mục tiêu đề ra của tỉnh Quảng Ninh về thực hiện tăng trưởng xanh, đặc biệt là thực hiện được kế hoạch hành động ưu tiên về tăng trưởng xanh của tỉnh. Trước khi bắt đầu giai đoạn lập kế hoạch chi tiết của Dự án, UBND tỉnh Quảng Ninh đã có cuộc trao đổi ý kiến với JICA về các hành động ưu tiên. Cân nhắc về điểm này, các tiêu chí sau đây đã được cân nhắc:

- Cân nhắc về mức độ đóng góp vào các chỉ số đã nêu ra trong KHHĐTTX của tỉnh,
- Cân nhắc về sự đóng góp vào việc cải thiện hoặc xây dựng mới các cơ chế thể chế,
- Cân nhắc về kế hoạch hành động ưu tiên được đề xuất trong cuộc trao đổi ý kiến cấp cao giữa UBND tỉnh QN và đại diện của JICA vào tháng 9/2015.

(b) Hiệu quả của dự án JICA

Một số hành động ưu tiên sẽ được lựa chọn là các hoạt động thí điểm, và sẽ được thực thi như những dự án của JICA. Do đó, hiệu quả của dự án JICA phải được cân nhắc trong giai đoạn lập kế hoạch hành động ưu tiên.

- Cân nhắc tới khả năng hợp tác với những dự án hiện tại/đang được triển khai hoặc các hoạt động liên quan tới hỗ trợ của Nhật Bản

(c) Ứng dụng kinh nghiệm của Nhật Bản và Mô hình Hồ Biwa

Như đã đề cập tại Phần II-4.1.2, việc áp dụng khái niệm Mô hình hồ Biwa đã được khuyến nghị để xác định các hoạt động ưu tiên nhằm tăng hiệu quả của dự án thí điểm. Xem xét những nội dung này, các tiêu chí sau đây đã được cân nhắc:

- Khả năng liên quan tới những kiến thức/kinh nghiệm/ công tác của Nhật Bản
- Một số chủ đề lĩnh hội và học tập được thông qua chuyến tham quan học tập tại Nhật Bản vào tháng 4/2016, sẽ được áp dụng cho tỉnh Quảng Ninh.
- Cân nhắc tới việc đảm bảo tính dễ nhận biết về hiệu quả của sự hỗ trợ của JICA, tránh chồng chéo hỗ trợ bởi nhà tài trợ khác.

(d) Tính khả thi và khả năng áp dụng của hoạt động thí điểm

Một số hành động ưu tiên sẽ được lựa chọn là các hoạt động thí điểm. Do đó, đối với các hành động ưu tiên đề xuất, tính khả thi và khả năng áp dụng của các hoạt động thí điểm phải được xem xét tại thời điểm giai đoạn lập kế hoạch hành động ưu tiên. Do đó, các tiêu chí sau đây đã được xem xét.

- Tính khả thi và khả năng áp dụng của hoạt động thí điểm đã được xem xét, ví dụ như tính phù hợp về quy mô và những đầu vào theo yêu cầu của dự án hợp tác kỹ thuật của JICA; mức độ dễ dàng đạt được đồng thuận với các bên liên quan khác ngoài các cán bộ quản lý cấp tỉnh và địa phương cho việc thực hiện hoạt động thí điểm.
- Cơ chế thể chế hiện tại có sẵn và năng lực của các bên thực thi chính.

II-4.2.10 Danh mục Hành động ưu tiên

Danh mục các hành động ưu tiên để thực hiện thúc đẩy tăng trưởng xanh tại khu vực vịnh Hạ Long được lập từ tháng 1 đến tháng 4 năm 2016. Các hành động ưu tiên được phân theo 5 nhóm; (a) Quản lý Môi trường, (b) Quản lý và Tiết kiệm năng lượng, (c) Du lịch, (d) Nông nghiệp và Thủy sản, và (e) Nâng cao Nhận thức và Giáo dục môi trường. Danh mục hành động ưu tiên đã lập được trình bày sau đây.

Bảng II-4.22 (1) Dự thảo Danh sách dài các hoạt động thí điểm Tăng trưởng xanh đối với Quản lý Môi trường ngành sản xuất

STT	Chủ đề	Kết quả/Lợi ích dự kiến	Cơ chế thể chế cần xây dựng/cải thiện			Dự kiến các quan tham gia chính	Ghi chú
			Chính sách, pháp luật, quy định	Sự sẵn sàng về tổ chức/ngân sách	Giám sát và xác minh		
1A. Quản lý Môi trường (Cách tiếp cận tích hợp)							
1A-1	Tăng cường cơ chế cấp ngân sách cấp tỉnh cho quản lý môi trường - Cải thiện cơ chế cấp ngân sách - Cải thiện cơ chế tiếp cận các quỹ cho các doanh nghiệp	- Tăng cường cơ chế hỗ trợ cho quản lý môi trường bao gồm các doanh nghiệp vừa và nhỏ	- Cơ chế cấp ngân hiện tại cần được cải thiện - Nguồn ngân sách cần được đảm bảo - Điều chỉnh các tiêu chí đối với các quỹ hiện tại dựa trên chiến lược tăng trưởng xanh - Thiết lập quỹ mới để thúc đẩy quản lý môi trường theo chiến lược tăng trưởng xanh. - Sự tham gia của ngành tư nhân nên được tăng cường	- Các cơ quan chịu trách nhiệm quản lý quỹ hiện tại như Sở TN&MT và Sở Công-Thương - Sở KH&ĐT dự kiến sẽ xem xét cơ chế cấp ngân sách mới theo nhu cầu. - Sự cam kết của UBND tỉnh QN là quan trọng để đảm bảo nguồn ngân sách. - Đề xuất có sự tham gia của Ban Hỗ trợ và Xúc tiến đầu tư tỉnh để thúc đẩy sự tham gia của ngành tư nhân.	- Tính hợp lệ của việc sử dụng quỹ sẽ được giám sát bởi các cơ quan quản lý các quỹ có liên quan. - Tình hình chung của việc sử dụng quỹ sẽ được giám sát bởi UBND Tỉnh.	UBND Tỉnh, Sở KH&ĐT, Sở TN&MT, Sở Công-Thương, v.v...	- Kế hoạch/phân bổ ngân sách hoặc bố trí các nguồn ngân sách sẽ được kiểm tra kỹ càng, cần nhắc tới sự hạn hẹp của ngân sách nhà nước. - Lưu ý là ghi chú này cũng sẽ cần phải dành cho các chủ đề khác
1A-2	Tăng cường năng lực quản lý môi trường trong các khu công nghiệp và khu kinh tế	- Cải thiện quản lý môi trường trong khu công nghiệp và khu kinh tế như là biểu tượng tăng trưởng xanh trong tỉnh Quảng Ninh.	- Quy định về yêu cầu quản lý môi trường của các công ty thuê đất đối với khu công nghiệp và khu kinh tế bằng các cơ chế chuyên sâu	- Cơ quan chịu trách nhiệm: Sở KH&ĐT, Sở TN&MT, Sở Công-Thương, Ban Quản lý Khu công nghiệp, Ban Quản lý Khu kinh tế	- Ban QL các khu CN/khu Kinh tế có liên quan sẽ giám sát tiến độ hoạt động	Ban Quản lý Khu Công nghiệp/Khu Kinh tế, v.v...	- Các tiêu chuẩn ISO 14000 / ISO 50000 là công cụ chính để cải thiện quản lý môi trường. - Có thể nhằm vào mục tiêu phát triển Khu Công nghiệp sinh thái
1A-3	Xây dựng nền tảng để tăng cường cơ chế khuyến khích xã hội để thúc đẩy quản lý môi trường	- Tăng cường cơ chế khuyến khích xã hội để tiến hành quản lý môi trường theo chiến lược Tăng trưởng xanh	- Ra quyết định của Tỉnh để khen ngợi những việc làm tốt trong quản lý môi trường cùng với cơ chế khuyến khích - Thiết lập cơ sở nền tảng có sự tham gia của các bên liên quan	- Cơ quan chịu trách nhiệm: Sở KH&ĐT, Ban Chỉ đạo Dự án Kế hoạch Hành động Tăng trưởng xanh của tỉnh, Ban QLVHL, Hội Bảo vệ và GGMT, và các cơ quan có liên quan.	- Sở KH&ĐT hoặc cơ quan được Sở KH&ĐT chỉ định sẽ giám sát các hoạt động của cơ sở	Sở KH&ĐT, v.v...	- Khuyến nghị lập các cơ chế xã hội hoặc tài chính đối với các tổ chức được khen ngợi.

STT	Chủ đề	Kết quả/Lợi ích dự kiến	Cơ chế thể chế cần xây dựng/cải thiện			Dự kiến các quan tham gia chính	Ghi chú
			Chính sách, pháp luật, quy định	Sự sẵn sàng về tổ chức/ngân sách	Giám sát và xác minh		
1B. Quản lý Môi trường nước (Biện pháp đối phó đối với từng nguồn gây ô nhiễm)							
1B-1	Thực hiện xử lý nước thải từ tàu du lịch bằng hệ thống xử lý nước thải đô thị	- Giảm tác động bởi nước thải của tàu du lịch tới vịnh Hạ Long	- Ra quyết định về thu gom nước thải từ tàu du lịch	Sở Giao thông, Ban QLVHL, UBND t.p Hạ Long	- Sở Giao thông và UBND t.p Hạ Long	UBND t.p Hạ Long Ban QLVHL, v.v...	- Để thực hiện được hệ thống, đòi hỏi phải có sự hợp tác với Dự án vốn vay đồng Yên của JICA
1B-2	Quy chế và tiêu chuẩn hóa hoạt động xây dựng trên địa bàn thành phố/khu vực ven biển dọc theo bờ vịnh	-Giảm tải lượng ô nhiễm và tác động do bùn gây ra đối với vịnh do các hoạt động xây dựng.	-Cải thiện/nâng cấp chính sách và cơ chế thể chế hiện tại. -Tăng cường giám sát quá trình xây dựng về việc tuân thủ các quy định về xây dựng	Sở Xây dựng, Sở KH-ĐT, Sở Tài chính (Các cơ chế có liên quan tới chi phí cần được làm rõ giữa các cơ quan của nhà nước, cơ quan quản lý dự án và nhà thầu thực hiện)	Sở Xây dựng, Sở Tài chính, Sở TN&MT		
1B-3	Thành lập Trung tâm Nghiên cứu Khoa học và Môi trường vịnh Hạ Long	- Xác định các biện pháp trung hạn và dài hạn cho việc quản lý môi trường nước cùng với lồng ghép phân tích các thông tin khoa học	- Ra quyết định cho việc thành lập Trung tâm Nghiên cứu Khoa học và Môi trường vịnh Hạ Long	Sở TN&MT, Ban QLVHL, Sở KH&CN	Sở TN&MT	Sở KH&ĐT, Sở Du lịch	- Hành động này được đề xuất thông qua kinh nghiệm thu được trong chuyến tham quan học tập tại Nhật Bản.
1C. Quản lý Chất thải rắn							
1C-1	Thực hiện dự án thí điểm 3R tại các khu vực điểm tại thành phố Uông Bí	- Xây dựng thói quen thực hành tốt về 3R để mở rộng hoạt động tại những nơi khác trong tỉnh Quảng Ninh	- Thống nhất để thực hiện các hoạt động 3R tại khu vực điểm tại thành phố Uông Bí.	- Sở TN&MT, Sở Xây dựng, UBND thành phố Uông Bí.	- Sở TN&MT, UBND thành phố Uông Bí.	- Sở TN&MT, UBND thành phố Uông Bí, v.v...	- Các doanh nghiệp vừa và nhỏ có thể sẽ hợp tác trong hoạt động này. - Có thể kiểm tra việc hợp tác trong các hoạt động liên quan tới ngành Nông nghiệp -Kinh nghiệm của hoạt động thí điểm có thể được chuyển giao sang khu vực khác, như t.p Hạ Long.

Bảng II-4.22 (2) Dự thảo Danh sách dài các hoạt động thí điểm Tăng trưởng xanh đối với Tiết kiệm và quản lý năng lượng

STT	Chủ đề	Dự kiến kết quả / Lợi ích	Thiết lập / Cải thiện thể chế			Dự kiến các cơ quan tham gia chính	Ghi chú
			Chính sách, pháp luật, quy định	Sự sẵn sàng về tổ chức/ngân sách	Giám sát và xác minh		
2-1	Quản lý năng lượng và sử dụng tiết kiệm trong các đơn vị tiêu thụ năng lượng lớn	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng các thủ tục hỗ trợ hành chính đối với tiết kiệm năng lượng trong các đơn vị tiêu thụ năng lượng lớn bởi dịch vụ tư vấn. - Nâng cao hiệu quả năng lượng trong các đơn vị tiêu thụ năng lượng lớn cũng như tăng cường hiệu quả năng lượng trong các DN vừa và nhỏ 	<ul style="list-style-type: none"> - Kế hoạch phân tích chi tiết về kiểm toán năng lượng - Trợ cấp đối với việc giới thiệu các thiết bị tiết kiệm năng lượng, theo nhu cầu. 	<ul style="list-style-type: none"> - Sở Công – Thương được dự kiến sẽ tăng cường năng lực đánh giá tiềm năng quản lý năng lượng và sử dụng tiết kiệm. 	<ul style="list-style-type: none"> - Sở Công – Thương sẽ phụ trách giám sát tiến độ thực hiện - Sở TN&MT phụ trách về giám phát thải khí nhà kính 	Sở Công – Thương, Sở TN&MT, v.v...	<ul style="list-style-type: none"> - Kỹ thuật Đo lường-Báo cáo-Thẩm định (MRV) và kinh nghiệm của Nhật Bản có thể được áp dụng.
2-2	Thúc đẩy cơ chế ưu đãi những dự án ESCO để quản lý và tiết kiệm năng lượng	<ul style="list-style-type: none"> - Thu thập kinh nghiệm từ dự án ESCO - Mở rộng kiến thức về dự án ESCO 	<ul style="list-style-type: none"> - Tập huấn cung cấp kiến thức về dự án ESCO - Chính sách hành chính để tăng cường hợp tác với Trung tâm Tiết kiệm năng lượng (ECC) tại các tỉnh khác và các dự án ESCO hiện tại. 	<ul style="list-style-type: none"> - Sở Công – Thương và Sở KH&CN được dự kiến sẽ nâng cao kiến thức về ESCO 	<ul style="list-style-type: none"> - Sở Công – Thương và Sở KH&CN sẽ phụ trách giám sát tiến độ thực hiện - Sở TN&MT phụ trách về giám phát thải khí nhà kính 	Sở Công – Thương, Sở KH&CN và Sở TN&MT, v.v...	<ul style="list-style-type: none"> - ESCO Việt Nam đã có kinh nghiệm trong việc giới thiệu các thiết bị tiết kiệm năng lượng của Nhật.
2-3	Tăng cường năng lực hành chính để hỗ trợ phát triển khối tư nhân trong hoạt động cải thiện công nghệ nhằm giảm thiểu phát thải khí CO2.	<ul style="list-style-type: none"> - Có thêm nhiều những phương án thay thế trong quản lý và tiết kiệm năng lượng 	<ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị cơ sở dữ liệu về công nghệ tiết kiệm năng lượng và sản phẩm của khối tư nhân - Xây dựng dịch vụ 1 cửa về tiết kiệm năng lượng 	<ul style="list-style-type: none"> - Sở CT, Sở KH&CN và Ban XTĐT sẽ cùng hợp tác trong hoạt động giới thiệu công nghệ tiên tiến 	<ul style="list-style-type: none"> - Sở CT giám sát tình hình giới thiệu công nghệ 	Sở CT, Sở KH&CN và Ban Hỗ trợ và XTĐT, v.v...	<ul style="list-style-type: none"> - Có thể áp dụng các sản phẩm của Nhật trong tiết kiệm năng lượng
2-4	Hỗ trợ lắp đặt các máy điều hòa không khí/tủ lạnh hiệu suất cao	<ul style="list-style-type: none"> - Giảm phát thải khí nhà kính trên diện rộng ở khu vực đô thị 	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng chính sách khuyến khích để giới thiệu máy điều hòa / tủ lạnh hiệu suất cao 	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ chế hỗ trợ khối tư nhân nhằm đảm bảo chi phí đầu tư ban đầu 	Sẽ thảo luận	Sẽ thảo luận	<ul style="list-style-type: none"> Xác định khu vực mục tiêu và cơ sở mục tiêu

Bảng II-4.22 (3) Dự thảo Danh sách dài các hoạt động thí điểm Tăng trưởng xanh đối với ngành Du lịch

STT	Chủ đề	Kết quả/Lợi ích dự kiến	Cơ chế thể chế cần xây dựng/cải thiện			Dự kiến các cơ quan tham gia chính	Ghi chú
			Chính sách, pháp luật, quy định	Sự sẵn sàng về tổ chức/ngân sách	Giám sát và xác minh		
3A. Xanh hóa ngành Công nghiệp Du lịch hiện tại							
3A-1	Áp dụng nhãn “Khách sạn Bông sen Xanh” hoặc “Khách sạn Xanh ASEAN”	- Giảm sử dụng năng lượng và giảm phát sinh chất thải	- Các bước áp dụng sẽ phải được làm rõ	- Phòng Nghiệp vụ Sở VH-TT&DL sẽ phụ trách	- Sở VH-TT&DL sẽ chỉ định các Kiểm soát viên	Sở VH-TT&DL Hiệp hội Khách sạn, v.v...	-Đang được thực hiện bởi Sở VH-TT&DL -Có thể liên kết với Chương trình OCOP -Có thể đưa ra các chỉ số dựa vào kết quả khảo sát Hiệu suất Môi trường
3A-2	Thay thế động cơ diesel cũ của tàu du lịch	- Giảm phát thải Khí nhà kính và rò rỉ dầu	- Rà soát Quy định bao gồm việc sử dụng động cơ mới - Có cơ chế khuyến khích	- Sở Giao thông phụ trách việc thay thế	- Sở TN&MT phụ trách về giám sát khí nhà kính	Sở Giao thông, Sở TN&MT, Sở Tài chính, Sở Công-Thương, Sở VH-TT&DL Hiệp hội Tàu Du lịch, v.v...	-Có thể hợp tác với nhà cung cấp của Nhật Bản
3A-3	Thúc đẩy Dầu diesel sinh học (BDF) cho tàu du lịch	- Giảm sử dụng nhiên liệu hóa thạch	- Xây dựng quy định về sử dụng BDF cho tàu du lịch	- Trợ cấp để cạnh tranh về giá của xăng B5 hoặc B10	- Sở KH&CN phụ trách giám sát	Sở Giao thông Sở KH&CN Sở VH-TT&DL Hiệp hội Tàu Du lịch, v.v...	- Xây dựng Hệ thống cung cấp BDF - Dự án JICA xúc tiến sử dụng BDF vẫn đang tiếp tục
3B. Xanh hóa các ngành trong khu vực Vịnh Hạ Long thông qua xúc tiến Du lịch sinh thái							
3B-1	Thúc đẩy du lịch sinh thái dựa vào cộng đồng tại các làng nổi (Cổng Đầm, Cửa Vạn, Vông Viêng)	- Phổ biến văn hóa Hạ Long, như là một sự hấp dẫn chính tại QN	- Thiết lập Hướng dẫn Du lịch sinh thái dựa vào cộng đồng	- Phòng Phát triển Tài nguyên Du lịch, Sở VH-TT&DL phụ trách	- Sở VH-TT&DL kết hợp với Hiệp hội Tàu du lịch phụ trách giám sát	Sở VH-TT&DL Hiệp hội Tàu du lịch Cộng đồng, v.v...	- Hướng dẫn viên từ dân làng tại cộng đồng sẽ được đào tạo -Có thể liên kết với Chương trình OCOP
3B-2	Thúc đẩy du lịch sinh thái thông qua khai thác các tài nguyên văn hóa/ lịch sử (Yên Tử, Uông Bí, Quảng Yên)	- Sản phẩm du lịch đa dạng tại QN tạo điều kiện thúc đẩy du lịch trên đất liền	- Thiết lập Hướng dẫn Phát triển các điểm du lịch văn hóa	- Phòng Phát triển Tài nguyên Du lịch, Sở VH-TT&DL phụ trách	- Sở VH-TT&DL kết hợp với Hiệp hội Lữ hành phụ trách giám sát	Sở VH-TT&DL, các huyện thị có liên quan, Hiệp hội Lữ hành Cộng đồng, v.v...	- Hướng dẫn viên từ người dân địa phương sẽ được đào tạo -Có thể liên kết với Chương trình OCOP
3B-3	Cải thiện Trung tâm Thông tin Du lịch (TIC, trang Web, bản đồ và lịch sự kiện, v.v...)	-Du khách có động lực để thăm các điểm du lịch khác nhau và sử dụng các dịch vụ khác nhau của tỉnh QN.	- Thiết lập cơ chế cộng tác giữa Sở VH-TT&DL, Ban QLVHL và ngành tư nhân	- Trung tâm Thông tin Du lịch của Sở VH-TT&DL phụ trách	- Sở VH-TT&DL kết hợp với Hiệp hội Du lịch phụ trách giám sát	Sở VH-TT&DL Ban QLVHL Hiệp hội Du lịch, v.v...	- Lịch (ghi năm tháng) bao gồm thực vật, động vật, món ăn, văn hóa dân gian, v.v... -Có thể liên kết với Chương trình OCOP -Sẽ thiết lập nguồn ngân sách ổn định từ doanh thu ngành du lịch.

Bảng II-4.22 (4) Danh sách dài các hoạt động thí điểm Tăng trưởng xanh ngành Nông nghiệp và thủy sản

STT	Chủ đề	Kết quả/Lợi ích kiến dự	Cơ chế thể chế cần xây dựng/cải thiện			Dự kiến các cơ quan tham gia chính	Ghi chú
			Chính sách, pháp luật, quy định	Sự sẵn sàng về tổ chức/ngân sách	Giám sát và xác minh		
5A. Nâng cao tỷ lệ phủ xanh							
5A-1	Bảo tồn và phục hồi rừng ngập mặn	- Tăng tỷ lệ che phủ rừng - Hấp thu khí thải nhà kính	- Cải thiện các chính sách và quy định hiện tại	- Sở NN&PTNT phụ trách chính. Sở TN&MT cộng tác/cố vấn	- Sở NN&PTNT phụ trách giám sát tiến độ. - Sở TN&MT phụ trách về khí nhà kính	Sở NN&PTNT, Sở TN&MT, và các huyện thị có liên quan v.v...	- Có đề xuất áp dụng Công ước Ramsar (Quảng Yên) hoặc Vườn ASEAN (vịnh Bái Tử Long) - Có thể tham khảo khái niệm về “Satoyama” của Nhật Bản
5A-2	Tăng cường quản lý tái trồng rừng tại khu vực mỏ than đã đóng cửa	- Tăng hiệu quả hoạt động xanh hóa tại các khu vực mỏ than đã đóng cửa	- Cải thiện các chính sách hiện tại về xanh hóa tại các mỏ than đã đóng cửa	- Sở NN&PTNT phụ trách chính. Sở TN&MT cộng tác/cố vấn	- Sở NN&PTNT phụ trách giám sát tiến độ.	Sở NN&PTNT, Sở TN&MT, thị có liên quan v.v...	- Dự án JICA có liên quan vẫn đang tiếp tục. - AFD có dự định hỗ trợ cho nội dung này - K.hoạch tái sử dụng khu vực mỏ than sau khi đóng cửa nên được cân nhắc
5B. Xanh hóa ngành Nông nghiệp							
5B-1	Xanh hóa ngành đánh bắt và nuôi trồng thủy sản trong khu vực vịnh	- Giảm tác động tới vịnh	- Hướng dẫn và chỉ dẫn kỹ thuật sẽ được xây dựng/cung cấp	- Nhóm thí điểm cần được tổ chức để thực thi/trình diễn	- Sở NN&PTNT phụ trách chính.	Sở NN&PTNT, Sở TN&MT, Ban QLVHL, v.v...	- Có thể cần phải thực hiện nghiên cứu sự tác động tới vịnh Hạ Long - Có thể hợp tác với các Doanh nghiệp vừa và nhỏ của Nhật Bản
5B-2	Thúc đẩy Nông nghiệp xanh bằng cách giảm/loại bỏ phân hóa học và thuốc trừ sâu	- Nâng cao nhận thức về thực phẩm an toàn cho cả nông dân và khách du lịch.	- Xây dựng quy định và chính sách khuyến khích cho nông dân - Xây dựng chính sách liên kết các sản phẩm nông nghiệp và du lịch	- Sở NN&PTNT phụ trách về thúc đẩy “An toàn thực phẩm” - Cần có sự bố trí ngân sách cho các chính sách khuyến khích	- Sở NN&PTNT phụ trách giám sát tiến độ và kết quả	Sở NN&PTNT, Sở VH-TT&DL, các huyện thị có liên quan, Hiệp hội Nông dân và Hiệp hội Du lịch v.v...	- Hợp tác đa ngành giữa ngành nông nghiệp và du lịch, - Có thể liên kết với Chương trình OCOP
5C. Khác							
5C-1	Thúc đẩy tái chế chất thải nông nghiệp và tuần hoàn tài nguyên trong hoạt động nông nghiệp quy mô nhỏ/hộ gia đình.	- Giảm lượng chất thải rắn trong nông nghiệp	- Hướng dẫn và chỉ dẫn kỹ thuật sẽ được xây dựng/cung cấp.	- Tổ chức các nhóm nông dân thí điểm để thực thi/trình diễn và mở rộng các hoạt động.	- Sở NN&PTNT phụ trách chính, phối hợp với các đoàn thể/hiệp hội có liên quan.	Sở NN&PTNT, các huyện thị có liên quan, các Đoàn thể/hiệp hội có liên quan. Nhóm nông dân thử nghiệm, v.v...	- Cần có Cơ chế khuyến khích đối với nhóm nông dân thực nghiệm - Có thể hợp tác với các Doanh nghiệp vừa và nhỏ của Nhật Bản

Bảng II-4.22 (5) Danh sách dài các hoạt động thí điểm Tăng trưởng xanh đối với Giáo dục và Nâng cao nhận thức Môi trường

STT	Chủ đề	Kết quả/Lợi ích dự kiến	Cơ chế thể chế cần xây dựng/cải thiện			Dự kiến các cơ quan tham gia chính	Ghi chú
			Chính sách, pháp luật, quy định	Sự sẵn sàng về tổ chức/ngân sách	Giám sát và xác minh		
6-1	Nâng cao nhận thức cho các nhà máy/tòa nhà (khách sạn, nhà hàng, v.v...) trong những khu vực thí điểm của những nhóm khác	- Phổ biến về kết quả của Dự án thí điểm /hoạt động demo về tăng trưởng xanh	- Lồng ghép chính sách phổ biến thông tin vào cơ chế thể chế của các nhóm khác.	- Hội Bảo vệ và GDMT sẽ phụ trách chính	- Hội Bảo vệ và GDMT phối hợp với các Sở có liên quan	Hội Bảo vệ và GDMT, v.v... Các Sở có liên quan thuộc nhóm 1 hoặc 2 đối với các hoạt động thí điểm/demo về TTX	- Kết nối với Nhóm 1 hoặc 2
6-2	Lập báo cáo quan trắc môi trường thường xuyên (Sách trắng)	- Nâng cao nhận thức từ “Vi sao phải bảo vệ” sang “Làm thế nào để bảo vệ” - Tăng cường công khai thông tin cho công chúng về hiện trạng môi trường trong tỉnh	- Xây dựng chính sách về công bố thông tin	- Sở TN&MT phụ trách về hợp tác - Tính nhất quán về kế hoạch giám sát và phân bổ ngân sách sẽ được bảo đảm giữa Sở TN&MT và Ban QLVHL	- Sở NN&PTNT phụ trách chính, hợp tác với Ban QLVHL và Hội Bảo vệ và GDMT	Sở TN&MT, Sở Giáo dục và Đào tạo, Hội Bảo vệ và GDMT, Ban QLVHL, v.v...	- Cần tổ chức nhóm chuyên môn về sách trắng, thuộc Ban Chỉ đạo Dự án. - Có thể áp dụng kinh nghiệm của tỉnh Shiga
6-3	Tăng cường chức năng và sự hấp dẫn của Bảo tàng QN là cơ sở hoạt động về tuyên truyền bảo vệ môi trường	- Xây dựng thương hiệu và công nhận đối với bảo tàng QN.	- Cơ chế thể chế hiện tại về vận hành bảo tàng sẽ được nâng cấp	Sẽ được thảo luận	Sẽ được thảo luận	Sẽ được thảo luận	- Có thể áp dụng kinh nghiệm của tỉnh Shiga
6-4	Tổ chức học tập lẫn nhau giữa các nhà máy/cơ sở doanh nghiệp	- Học tập được việc thực hành tốt lẫn nhau giữa các ngành về việc giảm ô nhiễm và quản lý môi trường - Tiêu chí đóng góp của DN cho tăng trưởng xanh thông qua cải thiện quản lý môi trường và giảm ô nhiễm.		- Phối hợp giữa Sở Công-Thương và Hội Bảo vệ và GDMT.	- Sở Công-Thương sẽ phụ trách chính	Sở Công-Thương, Hội Bảo vệ và GDMT, v.v...	- Lồng ghép vào chủ đề 6-1 sẽ là thực tế hơn, ví dụ các nhà máy/công ty đạt chuẩn ISO14001 - Có thể áp dụng kinh nghiệm của tỉnh Shiga - Các doanh nghiệp vừa và nhỏ được cho là các đối tượng quan trọng
6-5	Xây dựng khẩu hiệu và thương hiệu mới cho du lịch thân thiện môi trường	-Nâng cao nhận thức về du lịch vịnh Hạ Long cho cả khách du lịch và người dân	-Thiết lập cơ chế hợp tác	-Hội Bảo vệ và GGMT -Trung tâm Thông tin DL của Sở VH-TT&DL phụ trách	Hội Bảo vệ và GGMT phối hợp với Sở VH-TT&DL và Hiệp hội Du lịch	Hội Bảo vệ và GGMT, các huyện có liên quan, Sở VH-TT&DL, Ban QLVHL, Hiệp hội DL	-Phối hợp với TT TT DL để tiếp thị, -Phối hợp với Chương trình Nụ cười Hạ Long
6-6	Tăng cường tuyên truyền giáo dục về tăng trưởng xanh gắn liền với các hoạt động bảo vệ môi trường cho người dân tại cộng đồng.	-Nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường cho người dân địa phương - Xây dựng trang Web về Tăng trưởng xanh	-Xây dựng chương trình nâng cao nhận thức và đào tạo	Hội Bảo vệ và GGMT sẽ phụ trách	-Sở TN&MT hợp tác với Hội Bảo vệ và GGMT	Sở TN&MT, Sở VH-TT&DL, Hội Bảo vệ và GGMT, v.v...	Hội Bảo vệ và GGMT sẽ thực hiện tập huấn cho người dân trong làng.

II-4.2.11 Tiêu chí lựa chọn Hoạt động thí điểm

Tiêu chí lựa chọn các hoạt động thí điểm cho giai đoạn thực thi của Dự án được lập vào tháng Ba năm 2016. Để lựa chọn các hoạt động thí điểm, các tiêu chí sau đây đã được lập bao gồm 4 nhóm tiêu chí, thông qua các cuộc họp tham vấn chuyên sâu với các đối tác và bằng kinh nghiệm lựa chọn dự án ưu tiên của Việt Nam: (a) Tính phù hợp, (b) Tính ưu tiên, (c) Tính hiệu quả, và (d) Tính khả thi.

(a) Tính Phù hợp

- (i) Được lựa chọn hoặc được tích hợp từ các chủ đề được liệt kê trong danh mục những hành động ưu tiên
- (ii) Có mức đóng góp cao và rõ ràng vào việc đạt được kế hoạch HDTTX của tỉnh với các chỉ số rõ ràng

Mức áp dụng cao	Đạt được mục tiêu của hoạt động đề xuất một cách trực tiếp sẽ góp phần vào đạt được một số mục tiêu trong Kế hoạch HDTTX của tỉnh
Mức áp dụng trung bình	Đạt được mục tiêu của hoạt động đề xuất một cách gián tiếp sẽ góp phần vào đạt được một số mục tiêu trong Kế hoạch HDTTX của tỉnh, hoặc của các quy hoạch tổng thể phù hợp của tỉnh có liên quan tới tăng trưởng xanh.
Mức áp dụng thấp	Mối quan hệ giữa việc đạt được mục tiêu của hoạt động đề xuất và việc góp phần vào Kế hoạch HDTTX của tỉnh hoặc của các quy hoạch tổng thể phù hợp của tỉnh là không rõ ràng

(b) Tính ưu tiên

- (i) Các hoạt động góp phần vào việc xây dựng/cải thiện cơ chế thể chế cho thúc đẩy tăng trưởng xanh

Mức áp dụng cao	Việc xây dựng/cải thiện cơ chế thể chế của hoạt động đề xuất sẽ thực hiện được trong giai đoạn thực hiện dự án, và hiệu quả của nó sẽ góp phần để tiến hành các hoạt động phù hợp có liên quan tới tăng trưởng xanh.
Mức áp dụng trung bình	Việc xây dựng/cải thiện cơ chế thể chế của hoạt động đề xuất sẽ thực hiện được trong giai đoạn thực hiện dự án, và hiệu quả của nó sẽ góp phần để tiến hành chính bản thân hoạt động đề xuất đó.
Mức áp dụng thấp	Việc xây dựng/cải thiện cơ chế thể chế của hoạt động đề xuất sẽ cần một giai đoạn thời gian nhất định, và sẽ thực hiện được sau giai đoạn thực hiện dự án.

- (ii) Các hoạt động thí điểm theo ý kiến của Ban Chỉ đạo Dự án

Mức áp dụng cao	Hoạt động được Ban Chỉ đạo Dự án đề nghị ở mức cao và đã được tỉnh QN và JICA thảo luận.
Mức áp dụng trung bình	Hoạt động được nhận biết là một hoạt động ưu tiên tại cuộc họp tham vấn chuyên sâu tổ chức trong Dự án.
Mức áp dụng thấp	Hoạt động có liên quan tới tăng trưởng xanh, nhưng khó nhận được sự nhất trí cho việc thực thi trong Dự án.

(c) Tính hiệu quả

- (i) Các hoạt động góp phần vào việc xúc tiến đầu tư trong ngành du lịch và lĩnh vực môi trường trong tương lai

Mức áp dụng cao	Hoạt động đề xuất có thể thay đổi hành vi thái độ và nhận thức của các nhóm đối tượng, và xúc tiến đầu tư trong ngành du lịch và lĩnh vực môi trường trong tương lai
Mức áp dụng trung bình	Hoạt động đề xuất có thể thay đổi hành vi thái độ và nhận thức của các nhóm đối tượng, và xúc tiến đầu tư trong ngành du lịch và lĩnh vực môi trường đối với đối tượng của hoạt động thí điểm trong tương lai
Mức áp dụng thấp	Hoạt động đề xuất có thể không luôn luôn liên quan tới xúc tiến đầu tư trong ngành du lịch và lĩnh vực môi trường trong tương lai.

- (ii) Hiệu quả trình diễn cao đối với các bên liên quan tại địa phương

Mức áp dụng cao	Một phần kết quả của hoạt động đề xuất có thể được nhận biết bởi các bên liên quan trong giai đoạn lập kế hoạch chi tiết của Dự án
Mức áp dụng trung bình	Kết quả của hoạt động đề xuất có thể được nhận biết bởi các bên liên quan vào cuối giai đoạn thực thi của Dự án
Mức áp dụng thấp	Có lẽ cần thời gian nhất định để các bên liên quan nhận biết được kết quả của hoạt động đề xuất, và các bên liên quan nhận biết được kết quả của hoạt động đề xuất sau giai đoạn thực hiện Dự án.

(d) Tính khả thi

(i) Các hoạt động cho thấy kết quả rõ ràng trong giai đoạn thực hiện dự án hợp tác kỹ thuật của JICA

Mức áp dụng cao	Một phần mục tiêu của hoạt động đề xuất có thể đạt được trong giai đoạn lập kế hoạch chi tiết của Dự án
Mức áp dụng trung bình	Mục tiêu của hoạt động đề xuất có thể đạt được trong giai đoạn thực thi của Dự án
Mức áp dụng thấp	Có lẽ cần thời gian nhất định để đạt được các mục tiêu và các kết quả của hoạt động sẽ đạt được vào sau giai đoạn thực hiện Dự án.

(ii) Các hoạt động có tính khả thi từ khía cạnh kỹ thuật

Mức áp dụng cao	Những công nghệ hiện có sẽ được giới thiệu mới cho khu vực vịnh Hạ Long để thực hiện hoạt động đề xuất
Mức áp dụng trung bình	Sẽ giới thiệu mới công nghệ cho khu vực vịnh Hạ Long, nếu cần thiết sẽ cung cấp đào tạo kỹ thuật trong giai đoạn thực thi Dự án, hoặc hoạt động đề xuất sẽ được thực thi bằng những công nghệ hiện có tại khu vực vịnh Hạ Long.
Mức áp dụng thấp	Có lẽ cần thời gian nhất định để cung cấp đào tạo kỹ thuật cần thiết cho việc giới thiệu mới công nghệ cho khu vực vịnh Hạ Long, và cần một giai đoạn thời gian sau dự án.

(iii) Các hoạt động có tính khả thi từ khía cạnh tài chính

Mức áp dụng cao	Có thể bố trí ngân sách bằng hệ thống cấp ngân sách hiện tại của tỉnh cho hoạt động đề xuất.
Mức áp dụng trung bình	Sẽ cần phải có bố trí mới về ngân sách cho hoạt động đề xuất, nhưng có thể thực hiện được mà không có sự cản trở nghiêm trọng nào trong giai đoạn thực thi Dự án.
Mức áp dụng thấp	Sẽ cần phải có bố trí mới về ngân sách cho hoạt động đề xuất, nhưng có thể cần có thời gian nhất định để ra quyết định thực hiện.

II-4.2.12 Quy trình lựa chọn hoạt động thí điểm

Bằng những tiêu chí được đề cập ở trên, các hoạt động thí điểm được tiến hành trong giai đoạn thực thi đã được lựa chọn trong thời gian từ tháng Ba đến tháng Sáu năm 2016. Quy trình lựa chọn được tiến hành theo các bước sau đây:

- Hoạt động với tiêu chí được đánh giá có mức áp dụng thấp không được lựa chọn là hoạt động thí điểm.
- Hoạt động với nhiều số tiêu chí hơn được đánh giá có mức áp dụng cao trong mỗi nhóm được lựa chọn là hoạt động thí điểm.

Kết quả đánh giá đối với các hành động ưu tiên được trình bày sau đây:

Bảng II-4.23 (1) Lựa chọn Hoạt động thí điểm đề xuất từ các Hành động ưu tiên trong nhóm Quản lý Môi trường

Hành động ưu tiên		Tính phù hợp		Tính ưu tiên		Tính hiệu quả		Tính khả thi		
		(i)	(ii)	(i)	(ii)	(i)	(ii)	(i)	(ii)	(iii)
1A-1	Cơ chế cấp ngân sách cấp tỉnh cho quản lý môi trường	OK	T.B	Cao	Cao	Cao	T.B	T.B	T.B	T.B
1A-2	Tăng cường năng lực quản lý môi trường tại khu công nghiệp và khu kinh tế	OK	T.B	Cao	Cao	Cao	T.B	T.B	T.B	T.B
1A-3	Xây dựng nền tảng để tăng cường cơ chế khuyến khích xã hội để thúc đẩy quản lý môi trường	OK	T.B	Cao	Thấp	T.B	T.B	T.B	T.B	T.B
1B-1	Thực hiện xử lý nước thải từ tàu du lịch bằng hệ thống xử lý nước thải đô thị	OK	Cao	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	T.B	Thấp	Thấp
1B-2	Quy chế và tiêu chuẩn hóa hoạt động xây dựng trên địa bàn thành phố/khu vực ven biển dọc theo bờ vịnh	OK	T.B	Thấp	T.B	Thấp	Thấp	T.B	Cao	Cao

Hành động ưu tiên		Tính phù hợp		Tính ưu tiên		Tính hiệu quả		Tính khả thi		
		(i)	(ii)	(i)	(ii)	(i)	(ii)	(i)	(ii)	(iii)
1B-3	Thành lập Trung tâm Nghiên cứu Khoa học và Môi trường vịnh Hạ Long	OK	T.B	Thấp	Cao	Thấp	T.B	Thấp	Cao	Thấp
1C-1	Thực hiện dự án thí điểm 3R tại các khu vực điểm tại thành phố Uông Bí	OK	Cao	T.B	T.B	Thấp	T.B	T.B	T.B	T.B

Ghi chú: Hành động ưu tiên bôi đậm là hành động được đề xuất lựa chọn là hoạt động thí điểm

“Tính phù hợp”, “Tính ưu tiên”, “Tính hiệu quả” và “Tính khả thi” là các tiêu chí để lựa chọn hoạt động thí điểm được đề cập trong phần trước.

“Cao”, “Trung bình (T.B).”, và “Thấp” là kết quả đánh giá của từng tiêu chí, dựa vào các điều kiện đã giải thích trong phần trước.

Bảng II-4.23 (2) Lựa chọn Hoạt động thí điểm đề xuất từ các Hành động ưu tiên trong nhóm Quản lý và Tiết kiệm Năng lượng

Hành động ưu tiên		Tính phù hợp		Tính ưu tiên		Tính hiệu quả		Tính khả thi		
		(i)	(ii)	(i)	(ii)	(i)	(ii)	(i)	(ii)	(iii)
2-1	Quản lý năng lượng và sử dụng tiết kiệm trong các đơn vị tiêu thụ năng lượng lớn	OK	T.B	Thấp	Cao	Thấp	Thấp	Thấp	T.B	Thấp
2-2	Thúc đẩy các cơ chế ưu đãi như dự án ESCO cho quản lý và tiết kiệm năng lượng	OK	T.B	Cao	Cao	Cao	T.B	T.B	T.B	T.B
2-3	Tăng cường năng lực hành chính để hỗ trợ phát triển khởi nghiệp trong hoạt động cải thiện công nghệ nhằm giảm thiểu phát thải khí CO2	OK	T.B	T.B	Cao	Cao	Thấp	Thấp	T.B	T.B
2-4	Hỗ trợ lắp đặt các máy điều hòa không khí/tủ lạnh hiệu suất cao	OK	Cao	T.B	T.B	Thấp	T.B	T.B	Cao	Thấp

Ghi chú: Hành động ưu tiên bôi đậm là hành động được đề xuất lựa chọn là hoạt động thí điểm

“Tính phù hợp”, “Tính ưu tiên”, “Tính hiệu quả” và “Tính khả thi” là các tiêu chí để lựa chọn hoạt động thí điểm được đề cập trong phần trước.

“Cao”, “Trung bình (T.B).”, và “Thấp” là kết quả đánh giá của từng tiêu chí, dựa vào các điều kiện đã giải thích trong phần trước.

Bảng II-4.23 (3) Lựa chọn Hoạt động thí điểm đề xuất từ các Hành động ưu tiên trong nhóm Du lịch

Hành động ưu tiên		Tính phù hợp		Tính ưu tiên		Tính hiệu quả		Tính khả thi		
		(i)	(ii)	(i)	(ii)	(i)	(ii)	(i)	(ii)	(iii)
3A-1	Áp dụng nhãn “Khách sạn Bông sen Xanh” hoặc “Khách sạn Xanh ASEAN”	OK	Cao	Thấp	T.B	T.B	Cao	T.B	Cao	T.B
3A-2	Thay thế động cơ diesel cũ của tàu du lịch	OK	Thấp	T.B	T.B	T.B	Cao	Thấp	Cao	Thấp
3A-3	Thúc đẩy Dầu diesel sinh học (BDF) cho tàu du lịch	OK	T.B	T.B	T.B	T.B	T.B	Thấp	Cao	Thấp
3B-1	Thúc đẩy du lịch sinh thái dựa vào cộng đồng tại các làng nổi (Cổng Đầm, Cửa Vạn, Vòng Viêng)	OK	T.B	T.B	Thấp	T.B	T.B	T.B	T.B	Thấp
3B-2	Thúc đẩy du lịch sinh thái bằng việc sử dụng các tài nguyên văn hóa/ lịch sử (Yên Tử, Uông Bí, Quảng Yên)	OK	T.B	Cao	Cao	Cao	Cao	T.B	T.B	T.B

Hành động ưu tiên		Tính phù hợp		Tính ưu tiên		Tính hiệu quả		Tính khả thi		
		(i)	(ii)	(i)	(ii)	(i)	(ii)	(i)	(ii)	(iii)
3B-3	Cải thiện Trung tâm Thông tin Du lịch (TIC, trang Web, bản đồ và lịch sự kiện, v.v...)	OK	T.B	Cao	Cao	Cao	Cao	T.B	T.B	T.B

Ghi chú: Hành động ưu tiên bôi đậm là hành động được đề xuất lựa chọn là hoạt động thí điểm

“Tính phù hợp”, “Tính ưu tiên”, “Tính hiệu quả” và “Tính khả thi” là các tiêu chí để lựa chọn hoạt động thí điểm được đề cập trong phần trước.

“Cao”, “Trung bình (T.B).”, và “Thấp” là kết quả đánh giá của từng tiêu chí, dựa vào các điều kiện đã giải thích trong phần trước.

Bảng II-4.23 (4) Lựa chọn Hoạt động thí điểm từ các Hành động ưu tiên trong nhóm Nông nghiệp và Thủy sản

Hành động ưu tiên		Tính phù hợp		Tính ưu tiên		Tính hiệu quả		Tính khả thi		
		(i)	(ii)	(i)	(ii)	(i)	(ii)	(i)	(ii)	(iii)
5A-1	Bảo tồn và phục hồi rừng ngập mặn	OK	Cao	T.B	Cao	Thấp	Thấp	Thấp	Cao	T.B
5A-2	Tăng cường quản lý tái trồng rừng tại khu vực mô than đã đóng cửa	OK	Cao	T.B	Cao	Thấp	Thấp	T.B	Thấp	Thấp
5B-1	Xanh hóa ngành đánh bắt và nuôi trồng thủy sản trong khu vực vịnh	OK	T.B	T.B	Cao	T.B	T.B	T.B	T.B	T.B
5B-2	Thúc đẩy Nông nghiệp xanh bằng cách giảm/loại bỏ phân hóa học và thuốc trừ sâu	OK	T.B	T.B	Cao	T.B	Thấp	Thấp	Thấp	T.B
5C-1	Thúc đẩy tái chế chất thải nông nghiệp và tuần hoàn tài nguyên trong hoạt động nông nghiệp quy mô nhỏ/hộ gia đình.	OK	Cao	T.B	Cao	Cao	T.B	T.B	T.B	T.B

Ghi chú: Hành động ưu tiên bôi đậm là hành động được đề xuất lựa chọn là hoạt động thí điểm

“Tính phù hợp”, “Tính ưu tiên”, “Tính hiệu quả” và “Tính khả thi” là các tiêu chí để lựa chọn hoạt động thí điểm được đề cập trong phần trước.

“Cao”, “Trung bình (T.B).”, và “Thấp” là kết quả đánh giá của từng tiêu chí, dựa vào các điều kiện đã giải thích trong phần trước.

Bảng II-4.23 (5) Lựa chọn Hoạt động thí điểm từ các Hành động ưu tiên trong nhóm Giáo dục và Nâng cao nhận thức

Hành động ưu tiên		Tính phù hợp		Tính ưu tiên		Tính hiệu quả		Tính khả thi		
		(i)	(ii)	(i)	(ii)	(i)	(ii)	(i)	(ii)	(iii)
6-1	Nâng cao nhận thức cho các nhà máy/tòa nhà (khách sạn, nhà hàng, v.v...) trong những khu vực thí điểm của những nhóm khác	OK	T.B	T.B	T.B	Thấp	Thấp	Thấp	Cao	Cao
6-2	Xuất bản báo cáo quan trắc môi trường thường xuyên (Sách trắng)	OK	T.B	Cao	Cao	Cao	T.B	T.B	T.B	T.B
6-3	Tăng cường chức năng và sự hấp dẫn của Bảo tàng QN là cơ sở hoạt động về tuyên truyền bảo vệ môi trường	OK	Thấp	T.B	Thấp	Thấp	T.B	T.B	T.B	T.B

Hành động ưu tiên		Tính phù hợp		Tính ưu tiên		Tính hiệu quả		Tính khả thi		
		(i)	(ii)	(i)	(ii)	(i)	(ii)	(i)	(ii)	(iii)
6-4	Tổ chức học tập lẫn nhau giữa các nhà máy/cơ sở doanh nghiệp	OK	T.B	T.B	Cao	T.B	Thấp	Thấp	T.B	T.B
6-5	Xây dựng khẩu hiệu và thương hiệu mới cho du lịch thân thiện môi trường	OK	T.B	T.B	Cao	Thấp	Thấp	T.B	Cao	Cao
6-6	Chương trình nâng cao nhận thức cộng đồng về bảo vệ môi trường cho đối tượng người dân trong các làng nổi	OK	T.B	T.B	Cao	Thấp	Thấp	Thấp	Cao	Cao
6-7	Thành lập Diễn đàn Hạ Long	OK	T.B	T.B	T.B	Thấp	Thấp	Thấp	T.B	T.B

Ghi chú: Hành động ưu tiên bôi đậm là hành động được đề xuất lựa chọn là hoạt động thí điểm

“Tính phù hợp”, “Tính ưu tiên”, “Tính hiệu quả” và “Tính khả thi” là các tiêu chí để lựa chọn hoạt động thí điểm được đề cập trong phần trước.

“Cao”, “Trung bình (T.B).”, và “Thấp” là kết quả đánh giá của từng tiêu chí, dựa vào các điều kiện đã giải thích trong phần trước.

Kết quả của quy trình lựa chọn, bảy (7) hoạt động sau đây đã được lựa chọn là các hoạt động thí điểm đề xuất: (i) Cơ chế cấp ngân sách cấp tỉnh cho quản lý môi trường, (ii) Tăng cường năng lực quản lý môi trường tại khu công nghiệp và khu kinh tế, (iii) Thúc đẩy các cơ chế ưu đãi như dự án ESCO cho quản lý và tiết kiệm năng lượng, (iv) Thúc đẩy du lịch sinh thái bằng việc sử dụng các tài nguyên văn hóa/ lịch sử (Yên Tử, Uông Bí, Quảng Yên), (v) Cải thiện Trung tâm Thông tin Du lịch (TIC, trang Web, bản đồ và lịch sự kiện, v.v...), (vi) Thúc đẩy tái chế chất thải nông nghiệp và tuần hoàn tài nguyên trong hoạt động nông nghiệp quy mô nhỏ/hộ gia đình, (vii) Xuất bản báo cáo quan trắc môi trường thường xuyên (Sách trắng).

Sau đó, ban chỉ đạo Dự án đã thảo luận để hoàn thành danh mục các hoạt động thí điểm sẽ được thực hiện trong giai đoạn thực thi Dự án. Thông qua thảo luận, có một số đề xuất như sau:

- “Tăng cường Cơ chế cấp ngân sách cấp tỉnh cho quản lý môi trường” và “Tăng cường năng lực quản lý môi trường trong các khu công nghiệp và khu kinh tế” có thể được kết hợp.
- “Xúc tiến du lịch sinh thái thông qua khai thác các tài nguyên văn hóa/ lịch sử (Yên Tử, Uông Bí, Quảng Yên)”, và “Cải thiện thông tin du lịch (TTTTDL, trang web và lịch sự kiện)” có thể được kết hợp.
- Sẽ tốt hơn nếu tập trung vào một hoạt động thí điểm về tăng cường năng lực kiểm soát tải lượng ô nhiễm trực tiếp xuống vịnh. Liên quan tới hoạt động về “Thúc đẩy tái chế chất thải nông nghiệp và tuần hoàn tài nguyên trong hoạt động nông nghiệp quy mô nhỏ/hộ gia đình”, được cho rằng kết quả của hoạt động này có thể đạt được như là lợi ích thứ cấp từ hoạt động về kiểm soát tải lượng ô nhiễm trực tiếp xuống vịnh.

Dựa vào các cuộc thảo luận, các hoạt động thí điểm đã được lựa chọn. Các hoạt động được lựa chọn được liệt kê là năm (5) chủ đề: (a) Tăng cường cơ chế Cấp ngân sách và cơ chế Tài chính cấp tỉnh cho Quản lý Môi trường và Tăng trưởng xanh, (b) Thúc đẩy chính sách Khuyến khích Quản lý và Tiết kiệm năng lượng như dự án ESCO, trợ cấp, v.v..., (c) Hoạt động thí điểm Thúc đẩy Du lịch bền vững tại khu vực vịnh Hạ Long, (d) Tăng cường Năng lực Quản lý môi trường thông qua Kiểm soát tải lượng ô nhiễm trực tiếp xuống vịnh, và (e) Nâng cao Nhận thức góp phần thực hiện tăng trưởng xanh với việc thường xuyên xuất bản Sách trắng về Tăng trưởng xanh khu vực vịnh Hạ Long. Kế hoạch thực thi của mỗi hoạt động thí điểm được trình bày tại Phụ lục II-1.

Bảng II-4.24 Đề cương Hoạt động thí điểm về Tăng cường cơ chế cấp ngân sách và cơ chế tài chính cấp tỉnh cho Quản lý môi trường và Tăng trưởng xanh

Ngành	Ngành quản lý môi trường
Tên hoạt động thí điểm	Tăng cường cơ chế cấp ngân sách và cơ chế tài chính cấp tỉnh cho Quản lý môi trường và Tăng trưởng xanh
Cơ quan chịu trách nhiệm và cơ quan thực thi	Sở TN&MT, Sở KH&CN, Sở Tài chính, Ban QLKKT, Sở KH&ĐT
Cơ quan/đơn vị có liên quan	Các công ty hoặc doanh nghiệp tư nhân tại Việt Nam và Nhật Bản
Tóm tắt nội dung hoạt động	<p>Để thực hiện tăng trưởng xanh, nhà nước nên tăng cường các cơ chế tài chính nhằm hướng dẫn các ngành trọng điểm thực hiện cải thiện các biện pháp xử lý nước thải. Hiện nay tỉnh Quảng Ninh đã có các quỹ để hỗ trợ cho công tác quản lý môi trường và phát triển kinh tế. Nhằm tạo điều kiện sử dụng các quỹ này tốt hơn, có dự kiến cải thiện quy trình xin vay vốn từ các quỹ hiện có và trình diễn dưới hình thức áp dụng thử nghiệm để thực hiện quá trình xem xét và đánh giá quy trình, thông qua việc hợp tác với các cơ quan và doanh nghiệp đang có nguyện vọng sử dụng các quỹ. Từ kinh nghiệm thu được thông qua quá trình áp dụng thử nghiệm này, sẽ xem xét cải thiện cơ chế cấp ngân sách hiện tại và đề xuất tăng cường sử dụng các quỹ.</p> <p>Hơn nữa, việc bố trí ngân sách bởi chính quyền tỉnh là không thể thiếu theo quy định của pháp luật có liên quan cho việc thúc đẩy tăng trưởng xanh. Về vấn đề này, sẽ xác định các khu công nghiệp hoặc các nhà máy mục tiêu cần phải tăng cường hoạt động xử lý nước thải trong các ngành trọng điểm, và các hoạt động cần thiết để cải thiện quản lý môi trường tốt hơn sẽ được xác định để xây dựng chương trình bố trí ngân sách. Dựa vào việc xem xét, các chính sách cho việc thực hiện bố trí ngân sách trong tỉnh cho hoạt động quản lý môi trường trong các ngành sẽ được xem xét và đề xuất tại các khuyến nghị cho sau giai đoạn thực hiện Dự án. Các khuyến nghị dự kiến sẽ được đệ trình và được phê duyệt bởi UBND tỉnh Quảng Ninh.</p>

Nguồn: Nhóm Chuyên gia JICA

Bảng II-4.25 Đề cương Hoạt động thí điểm về Thúc đẩy cơ chế ưu đãi hỗ trợ quản lý và tiết kiệm năng lượng như dự án ESCO, cơ chế hỗ trợ, v.v...

Ngành	Ngành quản lý và tiết kiệm năng lượng
Tên hoạt động thí điểm	Thúc đẩy cơ chế ưu đãi hỗ trợ quản lý và tiết kiệm năng lượng như dự án ESCO, cơ chế hỗ trợ, v.v...
Cơ quan chịu trách nhiệm và cơ quan thực thi	Sở Công-Thương, Sở KH&ĐT, Sở Xây dựng, Sở TN&MT, Sở KH&CN
Cơ quan/đơn vị có liên quan	Các công ty hoặc doanh nghiệp tư nhân tại Việt Nam và Nhật Bản
Tóm tắt nội dung hoạt động	<p>Tỉnh Quảng Ninh đã ban hành Quyết định số 708/QĐ-UBND về Chương trình Sử dụng Năng lượng Tiết kiệm và Hiệu quả trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2016 – 2020. Quyết định nhằm mục đích tiết kiệm từ 8 – 10% tổng năng lượng tiêu thụ so với dự báo nhu cầu năng lượng đã được nêu trong Quy hoạch Phát triển Điện lực Quốc gia (QH số 1208/QĐ-TTg ngày 21/7/2011). Ngành mục tiêu của quyết định là rất rộng, ví dụ như các doanh nghiệp công nghiệp, các tòa nhà thuộc nhà nước, ngành giao thông vận tải, chiếu sáng công cộng, và ngành nông nghiệp, v.v...</p> <p>Trong khu vực vịnh Hạ Long, các doanh nghiệp, nhà máy có quy mô trung bình hoặc vừa và nhỏ, các tòa nhà công cộng có thể sẽ là những đối tượng mục tiêu chính về tiết kiệm năng lượng.</p> <p>Theo hoạt động thí điểm này, các cơ chế tài chính sẵn có được đánh giá trong giai đoạn 1 của Dự án là những cơ chế thiết thực, ví dụ như cơ chế vốn vay ưu đãi, cơ chế trợ cấp và dự án ESCO cho hoạt động tiết kiệm năng lượng, sẽ được xem xét từ quan điểm về khả năng ứng dụng đối với các nhà máy xi măng, các khách sạn, các tòa nhà công cộng, v.v... Trong quá trình xem xét trên, sẽ thực hiện trình diễn việc áp dụng thử nghiệm các cơ sở/thiết bị tiết kiệm năng lượng. Những bài học và kinh nghiệm thu được từ hoạt động thí điểm này sẽ được đưa vào thành các khuyến nghị sau giai đoạn thực hiện dự án, chỉ rõ các cơ chế thể chế và tổ chức để đảm bảo việc bố trí về tài chính/ngân sách áp dụng trong các hoạt động quản lý và tiết kiệm năng lượng. Các khuyến nghị dự kiến sẽ được trình lên UBND tỉnh để phê duyệt. Ngoài ra, hệ thống nhân xanh sẽ được thiết kế và thực hiện thí điểm, như là một cơ chế khuyến khích nhằm tăng cường quản lý và sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả.</p>

Nguồn: Nhóm Chuyên gia JICA

Bảng II-4.26 Đề cương Hoạt động thí điểm về Thúc đẩy Du lịch bền vững tại khu vực vịnh Hạ Long

Ngành	Ngành Du lịch
Tên hoạt động thí điểm	Xúc tiến Du lịch bền vững tại khu vực vịnh Hạ Long (Cải thiện/xây dựng thông tin du lịch, Xúc tiến du lịch sinh thái tại thị xã Quảng Yên, Thiết kế và vận hành hệ thống nhãn xanh cho tàu du lịch (Giấy chứng nhận cánh buồm xanh))
Cơ quan chịu trách nhiệm và cơ quan thực thi	Sở Du lịch, Sở KH&ĐT, Sở Giao thông, Sở TN&MT, Ban QLVHL, Hiệp hội Du lịch, UBND thị xã Quảng Yên.
Cơ quan/đơn vị có liên quan	Các doanh nghiệp/ngành liên quan tới du lịch, các công ty vận tải, các công ty khai thác tài nguyên du lịch (bảo tàng, công viên, các điểm văn hóa/ lịch sử, v.v...), Các hợp tác xã/cộng đồng/nhà nghiên cứu/các cá nhân có liên quan tới du lịch, các công ty hoạt động về du lịch tại Nhật Bản.
Tóm tắt nội dung hoạt động	Hàng năm, vịnh Hạ Long tiếp đón khoảng 2,5 triệu khách du lịch (2015). Hiện nay, thông tin du lịch tại tỉnh Quảng Ninh được cung cấp bởi nhiều đơn vị khác nhau mà không có sự phối hợp giữa các đơn vị. Cả Sở Du lịch và Ban QLVHL đều vận hành các trung tâm thông tin du lịch riêng rẽ. Ngoài ra, chỉ có một số ít các tài liệu thông tin du lịch và công cụ thông tin có sẵn trong đó không bao gồm các thông tin cần thiết và hữu ích đối với du khách đến với khu vực vịnh Hạ Long. Điều đó dẫn đến kết quả là du khách không được khuyến khích tới thăm các điểm du lịch khác hoặc khám phá các điểm tham quan trong đô thị sẵn có tại Hạ Long. Việc cải tiến thông tin du lịch và cung cấp các thông tin đó dự kiến sẽ khuyến khích khách du lịch tới tham quan nhiều nơi hơn, trải nghiệm nhiều hơn các hoạt động, đồng thời sẽ dành nhiều thời gian hơn và tiêu tốn nhiều tiền bạc hơn tại tỉnh Quảng Ninh bao gồm vịnh Hạ Long. Như vậy, hoạt động thí điểm này sẽ nhằm cải thiện việc phân phát và cung cấp thông tin du lịch cho du khách, góp phần cải thiện hoạt động du lịch trong toàn bộ khu vực vịnh Hạ Long. Ngoài ra, các tuyến du lịch sinh thái thí điểm sẽ được xây dựng tại thị xã Quảng Yên phục vụ mục đích trình diễn hoạt động xúc tiến du lịch sinh thái, nhằm tăng cường đa dạng hóa các sản phẩm du lịch và thúc đẩy du lịch bền vững trong khu vực vịnh Hạ Long. Đồng thời, việc giới thiệu hệ thống nhãn xanh (Giấy chứng nhận cánh buồm xanh) sẽ được bao gồm trong hoạt động thí điểm này, sẽ góp phần vào việc xây dựng thương hiệu thành phố Hạ Long xanh, giảm tác động tới môi trường từ hoạt động của ngành du lịch sử dụng tài nguyên Di sản Thế giới.

Nguồn: Nhóm Chuyên gia JICA

Bảng II-4.27 Đề cương Hoạt động thí điểm về Tăng cường năng lực quản lý môi trường thông qua kiểm soát tải lượng ô nhiễm trực tiếp xuống Vịnh

Ngành	Ngành Quản lý môi trường
Tên hoạt động thí điểm	Tăng cường năng lực quản lý môi trường thông qua kiểm soát tải lượng ô nhiễm trực tiếp xuống Vịnh
Cơ quan chịu trách nhiệm và cơ quan thực thi	T.P Hạ Long, Ban QLVHL, Sở TN&MT, Sở NN&PTNT, Sở Giao thông, Sở KH&ĐT
Cơ quan/đơn vị có liên quan	Chính quyền địa phương tại địa điểm hoạt động thí điểm, Các công ty hoặc doanh nghiệp tư nhân tại Việt Nam và Nhật Bản
Tóm tắt nội dung hoạt động	Tại Vịnh Hạ Long, những tác động trực tiếp tới chất lượng nước bởi các hoạt động kinh tế, ví dụ như việc xả nước thải của tàu thuyền hoặc của hoạt động nuôi trồng thủy sản xuống vịnh phải được kiểm soát cẩn thận hơn. Kể từ năm 2015, tỉnh Quảng Ninh đã tăng cường kiểm soát hoạt động tàu thuyền du lịch, bao gồm cả kiểm soát việc xả nước thải và chất thải rắn. Trong năm 2016, tỉnh đã xây dựng quy hoạch tổng thể thúc đẩy ngành nuôi trồng thủy sản thân thiện với môi trường. Theo quy hoạch đó, việc tái chế chất thải nuôi trồng thủy sản được chỉ định là một trong những biện pháp hữu hiệu nhất nhằm cải thiện kiểm soát việc xả chất thải nuôi trồng thủy sản chưa qua xử lý. Rất mong muốn áp dụng kỹ thuật tiên tiến để hỗ trợ chính sách quản lý này trong lĩnh vực thủy sản. Bằng hoạt động thí điểm này, sẽ tăng cường các chính sách và biện pháp nêu trên thông qua áp dụng thử nghiệm các kỹ thuật tiên tiến mới cũng như các cơ chế khuyến khích (cơ chế nhãn xanh) để hỗ trợ cho quá trình áp dụng công nghệ.

Nguồn: Nhóm Chuyên gia JICA

Bảng II-4.28 Đề cương Hoạt động thí điểm về Nâng cao nhận thức góp phần thực hiện Tăng trưởng xanh với việc thường xuyên xuất bản Sách trắng về tăng trưởng xanh khu vực vịnh Hạ Long

Ngành	Ngành Giáo dục và Nâng cao nhận thức môi trường
Tên hoạt động thí điểm	Nâng cao nhận thức góp phần thực hiện Tăng trưởng xanh với việc thường xuyên xuất bản Sách trắng về tăng trưởng xanh khu vực vịnh Hạ Long
Cơ quan chịu trách nhiệm và cơ quan thực thi	Sở KH&ĐT, Sở Giao thông, Sở Công-Thương, Sở TN&MT, Sở Du lịch, Hội Giáo dục và Bảo vệ Môi trường Hạ Long, chính quyền các địa phương
Cơ quan/đơn vị có liên quan	Các doanh nghiệp nhà nước và tư nhân, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở TT&TT, Ban Xúc tiến và hỗ trợ đầu tư
Tóm tắt nội dung hoạt động	Việc triển khai thực hiện tăng trưởng xanh thông qua hoạt động giảm tải lượng ô nhiễm và thúc đẩy phát triển ngành du lịch tỉnh Quảng Ninh đòi hỏi sự hợp tác của các bên liên quan, dựa trên hiểu biết chuẩn xác về: i) các thông tin liên quan tới tiến độ và hiệu quả của các biện pháp hành chính áp dụng đối với mục tiêu giảm tình trạng ô nhiễm và phát triển ngành du lịch, ii) hiện trạng môi trường của khu vực – là tài nguyên đối với ngành du lịch. Dự án đề xuất việc thực hiện biện pháp nhằm đảm bảo sự hiểu biết chuẩn xác của các bên liên quan về những thông tin nêu trên thông qua việc chính quyền địa phương thường xuyên xuất bản báo cáo môi trường (sách trắng). Tại tỉnh Quảng Ninh, hàng năm Sở TN&MT trình UBND tỉnh báo cáo quan trắc môi trường năm và báo cáo Hiện trạng môi trường 5 năm một lần. Các báo cáo chứa đựng nhiều thông tin hữu ích về việc thực hiện các biện pháp nhằm đạt mục tiêu giảm tải lượng ô nhiễm. Trong trường hợp có thể sửa đổi nội dung các báo cáo hiện có này hoặc lập một báo cáo mới có căn nhắc tới chiến lược tăng trưởng xanh, thì báo cáo đó sẽ góp phần hỗ trợ cho các bên liên quan có được sự hiểu biết chính xác về các thông tin và về tiến độ thực hiện tăng trưởng xanh, như là một công cụ hữu ích để nâng cao nhận thức và giáo dục môi trường.

Nguồn: Nhóm Chuyên gia JICA

II-4.2.13 Triển vọng áp dụng thông qua thực thi các hoạt động thí điểm trong giai đoạn sau dự án

Mục tiêu của các hoạt động thí điểm không phải chỉ để đạt được những kết quả trực tiếp từ các hoạt động, mà còn để xây dựng các quy chế và tổ chức trong quá trình thực thi các hoạt động thí điểm, nhằm mục đích thúc đẩy tăng trưởng xanh sau giai đoạn thực hiện dự án tại khu vực vịnh Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

- Quy chế và tổ chức cho việc xuất bản liên tục sách trắng về tăng trưởng xanh tỉnh Quảng Ninh
- Quy chế và tổ chức cho các hoạt động quản lý và tiết kiệm năng lượng management activities and energy saving activities
- Quy chế và tổ chức cho việc cung cấp và cập nhật thông tin du lịch cũng như tiếp thị.
- Quy chế và tổ chức cho việc thúc đẩy du lịch sinh thái tại thị xã Quảng Yên.
- Quy chế và tổ chức cho việc dán nhãn để thúc đẩy hoạt động tiết kiệm năng lượng và du lịch bền vững.

Chúng tôi khuyến nghị tỉnh Quảng Ninh trong giai đoạn sau dự án, liên tục tiến hành thúc đẩy tăng trưởng xanh bằng việc sử dụng những kinh nghiệm thu được và cơ chế thể chế đã xây dựng trong giai đoạn thực thi dự án, thông qua việc i) tiếp tục thực hiện các hoạt động thí điểm, ii) mở rộng thúc đẩy tăng trưởng xanh trên địa bàn toàn tỉnh, và iii) áp dụng thúc đẩy tăng trưởng xanh trong những dự án ưu tiên khác, ngành khác và các lĩnh vực chính sách khác.

Phụ lục I-1

Thành viên Ban Chỉ đạo Dự án và Ban Quản lý Dự án tại thời điểm tháng 10 năm 2015

Cơ quan	Sở	Họ và Tên	Chức vụ
Ban chỉ đạo tỉnh	UBND tỉnh Quảng Ninh	Ông Đặng Huy Hậu	Trưởng ban
	Sở Kế hoạch & Đầu tư	Ông Nguyễn Văn Minh	Phó trưởng ban
	Sở Tài chính	Ông Phạm Văn Tiêu	
	Sở Tài nguyên môi trường	Ông Phạm Văn Cường	
	Sở Công thương	Ông Phạm Quang Thái	
	Sở Nông nghiệp và PT nông thôn	Ông Nguyễn Văn Công	
	Sở Xây dựng	Ông Lê Hữu Đoàn	
	Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường	Ông Hoàng Vĩnh Khuyến	
	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Ông Trịnh Đăng Thanh	
	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Ông Trịnh Đăng Thanh	
	Ban Quản lý khu kinh tế	Ông Hoàng Trung Kiên	
	Ban Quản lý vịnh Hạ Long	Ông Lê Minh Tân	
	Đại diện lãnh đạo UBND các huyện, thị xã và thành phố của tỉnh	Ông Hoàng Quang Hải (UBND t.p. Hạ Long)	
	Ban QLDA	Sở KH&ĐT	Ông Hoàng Danh Sơn
Sở KH&ĐT		Ông Phạm Hồng Biên	Trưởng phòng Kinh tế đối ngoại
Sở KH&ĐT		Bà Đào Thị Thanh Huyền	Phó trưởng phòng Kinh tế đối ngoại
Sở KH&ĐT		Bà Nguyễn Thị Thu Trang	Phó trưởng phòng Kinh tế đối ngoại
Sở KH&ĐT		Bà Nguyễn Thị Thu Hồng	Phó trưởng phòng Kinh tế đối ngoại
Sở KH&ĐT		Ông Trần Thanh Phong	Trưởng phòng kinh tế ngành
Sở KH&ĐT		Ông Tạ Thiên Hỷ	Trưởng phòng Văn hóa, xã hội và Du lịch
Sở KH&ĐT		Ông Bùi Tuấn Anh	Phó trưởng phòng Tổng hợp và Quản lý Quy hoạch
Sở KH&ĐT		Ông Trần Xuân Cương	Phó chánh văn phòng Sở
-		-	1 hợp đồng phiên dịch
-		-	1 hợp đồng thư ký dự án, hỗ trợ chuyên gia
-		-	1 hợp đồng thường trực, hành chính, kế toán

Nguồn: Quyết định số 3281/QĐ-UBND và Quyết định số 3146/QĐ-UBND.
Quyết định số 2682/QĐ-KHĐT.

Phụ lục I-2

Biên bản cuộc họp Khởi động Dự án ngày 30 tháng 10 năm 2015, cuộc họp Ban Chỉ đạo lần thứ Nhất ngày 21 tháng 3 năm 2016, và cuộc họp Ban Chỉ đạo lần thứ Hai ngày 22 tháng 6 năm 2016

Danh sách đại biểu dự họp khởi động dự án

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Đơn vị
1	Ông Dương Ngọc Hưng	Phó phòng kế hoạch tài chính	Sở NN và PTNN
2	Ông Võ Văn Chung	Chuyên viên	Sở Xây dựng
3	Ông Vũ Văn Đĩnh	Chuyên viên	Sở Tài chính
4	Ông Hoàng Trung Kiên	Phó trưởng ban	Ban quản lý khu kinh tế
5	Ông Nguyễn Văn Trấn	Phó phòng đầu tư	Ban quản lý khu kinh tế
6	Ông Trịnh Đăng Thanh	Phó giám đốc	Sở Văn hóa, Thể thao, Du lịch
7	Ông Nguyễn Trung Sơn	Chuyên viên, phòng phát triển tài nguyên du lịch	Sở Văn hóa, Thể thao, Du lịch
8	Ông Lê Minh Tân	Phó trưởng ban	Ban quản lý vịnh Hạ Long
9	Ông Lê Lâm Tuấn	Trưởng phòng	Ban quản lý vịnh Hạ Long
10	Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Trưởng phòng	Sở khoa học và công nghệ
11	Ông Lương Gia Hùng	Trưởng phòng tài chính kế hoạch	Sở công thương
12	Bà Phan Thị Hoàng Hảo	Chuyên viên	Chi cục bảo vệ môi trường, sở Tài nguyên môi trường
13	Ông Trần Xuân Cương	Phó chánh văn phòng	Sở kế hoạch đầu tư
14	Ông Tạ Thiên Hỷ	Trưởng phòng văn hóa xã hội	Sở kế hoạch đầu tư
15	Ông Đào Anh Đức	Chuyên viên phòng tài chính kế hoạch	Thành phố Hạ Long
16	Bà Nguyễn Thị Thu Hồng	Phó phòng kinh tế đối ngoại	Sở kế hoạch đầu tư
17	Bà Nguyễn Thị Thu Trang	Phó phòng kinh tế đối ngoại	Sở kế hoạch đầu tư
18	Bà Đào Thị Thanh Huyền	Chuyên viên, phòng kinh tế đối ngoại	Sở kế hoạch đầu tư
19	Ông Phạm Hồng Biên	Trưởng phòng, phòng kinh tế đối ngoại	Sở kế hoạch đầu tư
20	TS. Hoàng Danh Sơn	Phó giám đốc	Sở kế hoạch đầu tư
21	Ông Nguyễn Văn Minh	Gián đốc	Sở kế hoạch đầu tư
22	Ông Nguyễn Vũ Tiệp	Cán bộ chương trình	Văn phòng JICA Việt Nam
23	Ông Katsurai Taro		Văn phòng JICA Việt Nam
24	Ông Norikiho Inoue	Cố vấn trưởng,	JET
25	Ông Kengko Naganuma	Phó cố vấn trưởng	JET
26	Ông Tetsuo Isono	Chuyên gia	JET
27	Keihi Maeda	Điều phối viên	JET
28	Bà Dương Thị Nhuận	Phiên dịch	JET
29	Ông Nguyễn Thanh Phương	Phiên dịch	JET

Họp khởi động dự án ngày 30 tháng 10 năm 2015 tại phòng họp tầng 5 , sở Kế hoạch và Đầu tư Quảng Ninh

- (1) Ông Nguyễn Văn Minh, Giám đốc sở Kế hoạch và Đầu tư, phát biểu khai mạc buổi họp khởi động dự án.
- (2) Ông Norihiko Inoue, Cố vấn trưởng nhóm nghiên cứu JICA, trình bày đề cương và kế hoạch hành động của dự án.
- (3) TS. Hoàng Danh Sơn, Phó giám đốc sở Kế hoạch và Đầu tư, trưởng ban điều hành dự án, có ý kiến như sau:
 - Tùy thuộc vào cần thiết phát triển kinh tế và hội nhập kinh tế vào các nước ASEAN và thế giới, kết quả của dự án trong điều kiện thực tế có thể được thay đổi so với thời điểm xây dựng dự án trước đây. Chính vì vậy, cần thiết có sự thay đổi các kết quả của dự án phù hợp với điều kiện thực tế. Tuy nhiên mục tiêu của dự án không thay đổi.
 - Gần đây, tỉnh Quảng Ninh tập trung vào chuyển đổi từ Nâu sang Xanh tái cơ cấu nền kinh tế. Du lịch đóng vai trò quan trọng ở Quảng Ninh nói riêng và Việt Nam nói chung. Những sản phẩm cung cấp cho du lịch như nước sạch và thực phẩm sạch cũng cần được quan tâm.
- (4) Ông. Katsurai Taro, Văn phòng JICA Việt Nam, có ý kiến như sau:

Điểm mấu chốt cho tăng trưởng xanh là các hoạt động cụ thể đc hiện thực hóa trong kế hoạch hành động. JICA mong muốn rằng những những hoạt động cụ thể khả thi và ưu tiên có thể được đưa ra trong kế hoạch chi tiết sau 9 tháng.
- (5) TS. Hoàng Danh Sơn, Phó giám đốc sở Kế hoạch và Đầu tư, trưởng ban điều hành dự án, có ý kiến như sau:
 - Đồng ý với ý kiến ông Katsurai Taro, văn phòng JICA Việt Nam.
 - Đồng ý với bài trình bày của ông Norihiko Inoue.
 - Các hoạt động trong dự án phải bám sát R/D và phù hợp với chuyển đổi từ nâu sang xanh.
 - Dự án nên tổ chức các hội thảo kỹ thuật và đào tạo ngắn hạn cho các cán bộ chủ chốt trong các sở, ban, ngành liên quan để xây dựng và tăng cường các kiến thức về tăng trưởng xanh bởi vì tăng trưởng xanh là một lĩnh vực hoàn toàn mới so với các lĩnh vực khác.
- (6) Ông Hoàng Trung Kiên, Phó trưởng Ban quản lý khu kinh tế, có ý kiến như sau:
 - Đánh giá cao cách tiếp cận và thực hiện dự án
 - Một số thông tin về dân số và diện tích cần được cập nhật.
 - Liệu khu vực dự án có bao gồm cả khu kinh tế Vân Đồn không?
- (7) TS. Hoàng Danh Sơn, Phó giám đốc sở Kế hoạch và Đầu tư, trưởng ban điều hành dự án, giải thích như sau:
 - Trước đây khái niệm khu vực vịnh hạ long không bao gồm thành phố Uông Bí. Tuy nhiên, thảo luận giữa JICA và ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã đồng ý mở rộng khu vực vịnh Hạ Long bao gồm cả thành phố Uông Bí. Yên Tử là một địa điểm du lịch tâm linh. Hồ sơ Yên Tử đã được trình lên UNESCO để được công nhận là di sản văn hóa.
 - Về nguyên tắc, ranh giới của dự án sẽ theo ranh giới hành chính của các huyện, thành phố trong khu vực dự án.
 - Tỉnh và chính phủ phát triển năng lực thiết kế và ban hành các chính sách phù hợp với sự đồng thuận cả khối doanh nghiệp và người dân địa phương.
 - Ứng dụng kinh nghiệm của Nhật Bản, đặc biệt là ở tỉnh Shiga cũng như sự thành công trong việc quản lý hồ Biwa có thể dẫn dắt việc thực hiện tốt dự án. Kết quả, tỉnh Quảng Ninh có

thể đưa ra thể chế của tăng trưởng xanh tốt và phù hợp. Ngoài ra, nó là cách cam kết của tỉnh Quảng Ninh cho phát triển bền vững của di sản Vịnh Hạ Long.

- Kế hoạch hoạt động không là của nhóm chuyên gia JICA mà là của chúng ta.
- (8) Ông Lê Minh Tân, Phó trưởng Ban quản lý vịnh Hạ Long có ý kiến như sau:
- Kế hoạch hành động đưa ra phù hợp. Tất cả các hoạt động quan trọng cho bảo vệ môi trường vịnh Hạ Long.
- (9) Ông Vũ Thế Tiệp, cán bộ chương trình, văn phòng Jica Việt Nam, có ý kiến như sau:
- Nguồn lực cho tăng trưởng xanh không chỉ từ các cơ quan mà còn từ doanh nghiệp và người dân địa phương. Chúng ta nên cân nhắc xem làm thế nào doanh nghiệp có thể đóng góp vào chính sách thể chế tăng trưởng xanh. Mặt khác, hội giáo dục môi trường cũng đóng một vai trò quan trọng.
- (10) TS. Hoàng Danh Sơn, Phó giám đốc sở Kế hoạch và Đầu tư, trưởng ban điều hành dự án, có ý kiến như sau:
- Đồng ý với ý kiến ông Vũ Thế Tiệp.
 - Đầu tiên, các khái niệm tăng trưởng xanh nên được thể chế hóa, sau đó sẽ được giới thiệu đến doanh nghiệp, tổ chức xã hội, và trường học để lấy ý kiến đóng góp.
 - Giai đoạn tiếp theo thực hiện các hoạt động cụ thể
 - Không chỉ doanh nghiệp tham gia vào mà các tổ chức tài chính như ngân hàng, quỹ cũng cần tham gia trong giai đoạn tiếp theo trong khi thực hiện các hoạt động cụ thể.
 - Các thành viên trong ban chỉ đạo và ban điều hành cần được đào tạo ngắn hạn kiến thức về tăng trưởng xanh để tiếp tục xây dựng khi dự án kết thúc.
- (11) Ông Vũ Thế Tiệp, cán bộ chương trình, văn phòng JICA Việt Nam, có ý kiến như sau:
- UNDP Phối hợp với đại học quốc gia tổ chức các khóa đào tạo về tăng trưởng xanh. Tỉnh Quảng Ninh cũng tham gia chương trình này.
- (12) Bà Phan Thị Hoàng Hảo, sở TNMT có ý kiến như sau:
- Sở TNMT mới nhận được tài liệu hội thảo nên sẽ gửi bản đóng góp ý kiến bằng văn bản sau.
 - Mục 1.3 ở trang 3 trong kế hoạch hành động cần làm rõ hơn. Không có thông tin về thực hiện các hành động và thực hiện dự án như thế nào.
 - Nhóm nghiên cứu JICA có thể giới thiệu thêm các mô hình quản lý để tham khảo chứ không chỉ mỗi mô hình hồ Biwa
- (13) TS. Hoàng Danh Sơn, Trưởng ban điều hành dự án, phó giám đốc sở KH và ĐT giải thích như sau:
- Ông Đặng Huy Hậu, Phó chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh mong muốn dự án hoàn thành sớm. Cuối tháng 3 năm 2016, dự án có thể hoàn thành kịp với năm tài chính của Nhật Bản. Do vậy, giai đoạn 2 của dự án có thể bắt đầu vào năm tài chính tiếp theo.
 - Nhóm nghiên cứu JICA nghiên cứu kỹ ý kiến đóng góp của bà Phan Hoàng Hảo. Nếu cần thiết thay đổi có thể thực hiện.
 - Mong muốn nhận được các ý kiến đóng góp của các sở ban ngành liên quan muộn nhất cuối tuần sau.
- (14) Ông Norihiko Inoue, Cố vấn trưởng nhóm chuyên gia JICA có ý kiến như sau:
- Đại diện tỉnh Shiga và ban quản lý hồ Biwa sẽ tham dự hội thảo ngày 17 tháng 11 năm 2015 để chia sẻ kinh nghiệm và thông tin.
 - Tham gia của doanh nghiệp là quan trọng trong tăng trưởng xanh, tuy nhiên sự phối hợp của ban điều hành dự án, ban chỉ đạo dự án, chính quyền các thành phố, huyện trong khu vực

dự án rất quan trọng trong giai đoạn này. Chính vì thế tham gia của doanh nghiệp sẽ được thực hiện ở giai đoạn sau của dự án trong toàn tỉnh.

- Các ý kiến đóng góp sẽ được phản ánh trong kế hoạch hành động cuối cùng.
- (15) TS. Hoàng Danh Sơn, Phó giám đốc sở Kế hoạch và Đầu tư, trưởng ban điều hành dự án, kết luận như sau:
- Cám ơn quý vị đại biểu và nhóm chuyên gia JICA đã chia sẻ thời gian tham dự buổi họp.
 - Đánh giá cao bài trình bày của nhóm chuyên gia JICA và các ý kiến đóng góp của quý vị đại biểu.
 - Nhóm chuyên gia JICA sẽ sử dụng lại kế hoạch hành động dựa trên các ý kiến đóng góp từ các sở ban ngành liên quan.
 - Một số nội dung chính trong buổi họp này sẽ tiếp tục được thảo luận trong buổi hội thảo ngày 17 tháng 11 năm 2015. Ban điều hành dự án sẽ thông báo đến quý vị đại biểu ở các sở ban ngành liên quan.
 - Sở KH-ĐT sẽ sắp xếp các cuộc họp với sở Tài Chính, Sở Công Thương, sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, thành phố Hạ Long tuần tới.

Hết

BIÊN BẢN CUỘC HỌP

BAN CHỈ ĐẠO DỰ ÁN LẦN THỨ NHẤT DỰ ÁN THÚC ĐẨY TĂNG TRƯỞNG XANH TẠI KHU VỰC VỊNH HẠ LONG, TỈNH QUẢNG NINH [GIAI ĐOẠN THIẾT KẾ CHI TIẾT]

21 tháng 3 năm 2016

Ông Norihiko Inoue
Cố vấn trưởng
Nhóm chuyên gia JICA
Dự án Thúc đẩy tăng trưởng xanh tại
khu vực vịnh Hạ Long, tỉnh Quảng
Ninh [Giai đoạn thiết kế chi tiết]

Ông Đặng Huy Hậu
Phó chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ninh
Trưởng ban chỉ đạo Dự án

Chính phủ Việt Nam đã đề nghị Chính phủ Nhật Bản hỗ trợ cho dự án hợp tác kỹ thuật nhằm tăng cường chính sách và bộ máy thể chế để triển khai thực hiện Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh theo nội dung Quyết định số 3741/KH-UBND. Căn cứ yêu cầu đó, tỉnh Quảng Ninh và Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản (JICA) đã ký Biên bản Thảo luận (RD) vào ngày 12 tháng 6 năm 2015 về Dự án thúc đẩy tăng trưởng xanh tại khu vực vịnh Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh (Dự án). Cuộc họp Ban chỉ đạo dự án lần thứ nhất về Dự án thúc đẩy tăng trưởng xanh tại khu vực vịnh Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh [Giai đoạn thiết kế chi tiết] được tổ chức ngày 21 tháng 3 năm 2016 tại phòng họp UBND tỉnh Quảng Ninh. Đây là biên bản cuộc họp mô tả những ý kiến thảo luận của các thành viên dự họp. Danh sách thành viên dự họp và chương trình họp trình bày tại Đính kèm-1 và Đính kèm-2 sau đây.

1. **Ông Đặng Huy Hậu, phó chủ tịch, UBND tỉnh Quảng Ninh, Trưởng ban chỉ đạo dự án** khai mạc cuộc họp với những ý kiến như sau :

- Đây là dự án quan trọng đưa ra định hướng bảo tồn và phát triển vịnh Hạ Long, cách thức đảm bảo vừa khai thác, vừa bảo tồn Vịnh; nếu tỉnh khai thác hiệu quả thì sẽ giúp bảo tồn vịnh phù hợp.
- Đây là chương trình chính phủ Nhật Bản hỗ trợ cho tỉnh Quảng Ninh, trong một thời gian ngắn, nhóm chuyên gia JICA (JET) đã lập được tài liệu rất chi tiết với 5 nhóm các hoạt động thí điểm với 7 chủ đề đề xuất thực hiện trong Giai đoạn 2 của Dự án.
- Đây là lần đầu tiên tỉnh được nghe về mô hình hồ Biwa. Tuy nhiên, hồ Biwa và vịnh Hạ Long có những đặc điểm khác nhau (hồ Biwa là hồ nước ngọt có diện tích lớn ở Nhật Bản và trên thế giới. Nguồn nước của hồ được khai thác phục vụ nhiều mục đích khác nhau, diện tích vùng lõi của vịnh Hạ Long có thể tương đương với diện tích hồ). Thực tế là tỉnh Shiga đã có biện pháp tốt trong công tác bảo vệ chất lượng nước và môi trường hồ Biwa.
- Vịnh Hạ Long có diện tích lớn hơn, nước mặn và theo chế độ thủy triều, đặc biệt đang gặp nguy cơ ô nhiễm môi trường cao. Ô nhiễm gây ra bởi tác động của các ngành kinh tế trong khu vực xung quanh vịnh và hoạt động khai thác than. Hiện nay, nước vịnh còn bị tác động bởi nhà máy nhiệt điện, nhà máy xi măng và nước thải sinh hoạt.

Ông Hậu chỉ ra rằng vịnh Hạ Long hiện đang gặp phải 2 vấn đề: (1) Bồi lắng đáy vịnh Hạ Long: mặc dù không có con số cụ thể nhưng hiện tượng bồi lắng vịnh đang xảy ra rất nghiêm trọng. Hàng năm đều phải nạo vét đáy vịnh ở khu vực cảng Cái Lân và khu Vinpearl hiện tàu to không vào được. Hơn nữa, hoạt động san gạt lán biển cũng gây ra dòng bùn chảy ra vịnh khi có mưa. UBND tỉnh biết rất rõ tình trạng này nhưng không biết phải xử lý ra sao; (2) Chất lượng nước vịnh Hạ Long bị ô nhiễm: đây là nguy cơ cao đối với vịnh. Hàng năm tỉnh đều có kinh phí cho hoạt động bảo vệ môi trường vịnh Hạ Long từ các nguồn: i) Ngân sách tỉnh; ii) Thu bán vé thăm vịnh Hạ Long và iii) Các dự án nước ngoài đơn lẻ.

Ông Hậu đề nghị các thành viên dự họp thảo luận về (i) 7 chủ đề JET trình bày. Ông bổ sung thêm rằng các thành viên dự họp cần tìm hiểu xem những chủ đề này có giúp giải quyết được các vấn đề cốt lõi hay không, có chọn những chủ đề này để triển khai thực hiện trong giai đoạn 2 hay không; (ii) Nguồn kinh phí thực hiện, UBND tỉnh cần chuyên gia JICA giúp cho biết cách huy động, từ các

nguồn trong nước: ngân sách nhà nước, doanh nghiệp; từ nước ngoài: hỗ trợ từ các tổ chức chính phủ hoặc phi chính phủ.

2. Ông Lê Minh Tân, Phó trưởng ban, Ban Quản lý vịnh Hạ Long, thành viên PMU

- Ban QLV đã tích cực cùng công tác với nhóm chuyên gia JICA liên quan đến cung cấp thông tin, và trong quá trình thảo luận chuyên sâu về các đề xuất. Những đề xuất JET đưa ra tương đối phù hợp và được rà soát, cân nhắc kỹ.
- Những chủ đề đề xuất là những dự án nhỏ, liệu có giúp giải quyết được vấn đề lớn? Ví dụ như nước thải và rác thải trên vịnh Hạ Long, hiện Ban QLV phải xử lý hàng ngày. Những vấn đề này là những thách thức đối với Ban mặc dù Ban đã hết sức nỗ lực. Ban đề xuất các chuyên gia JICA cân nhắc thêm để có được những giải pháp đồng bộ hơn nữa.

Về việc này, tiến sỹ Hoàng Danh Sơn, Phó giám đốc Sở KH&ĐT, Trưởng ban quản lý dự án phân tích thêm rằng đây là dự án hỗ trợ kỹ thuật. Do vậy, dự án chỉ có thể tập trung thực hiện trình diễn các mô hình. Dựa và kết quả thực hiện mô hình, tính có thể xây dựng/cải thiện cơ chế, chính sách liên quan để áp dụng về sau.

3. Ông Nguyễn Văn Công, Phó Giám đốc sở Nông nghiệp và PTNT, thành viên PMU

Ông Công bày tỏ nhất trí cao với các chủ đề nông nghiệp mà nhóm chuyên gia JICA đề xuất đưa vào danh sách dài. Những vấn đề đề xuất trong các chủ đề rất sát với những vấn đề của ngành nông nghiệp tỉnh Quảng Ninh và môi trường vịnh Hạ Long.

Ông Công nói còn đang lưỡng lự giữa việc chọn chủ đề 5C1 – Xanh hóa ngành đánh bắt và nuôi trồng thủy sản trong khu vực vịnh và chủ đề 5C1 Thúc đẩy tái chế chất thải nông nghiệp và tuần hoàn tài nguyên trong hoạt động nông nghiệp quy mô nhỏ/hộ gia đình. Ông nhấn mạnh ý chọn chủ đề 5B1 vì lý do sau : các hoạt động liên quan trực tiếp tới vịnh Hạ Long là hoạt động khai thác và nuôi trồng thủy sản. Để cung cấp thức ăn trong hoạt động nuôi trồng thủy sản, người ta khai thác thức ăn theo cách hủy diệt hàng loạt và thậm chí còn sử dụng cả xung điện.

Liên quan đến chủ đề 5C1, ông giải thích rằng nguồn gây ô nhiễm chính đối với hiện tượng phú dưỡng, dòng chảy hóa chất, thuốc trừ sâu là từ các hoạt động nông nghiệp. Ông cũng bổ sung thêm rằng hiện nay đã có những chương trình đang thực hiện liên quan tới việc lắp hệ thống khí biogas trong các hoạt động quy mô nhỏ/hộ gia đình. Ông nói rằng đến nay chương trình đã lắp được hơn 3.000 mô hình biogas và trong giai đoạn tới sẽ lắp thêm 2.300 mô hình nữa. Ông đề xuất chủ đề này nên tập trung vào các hoạt động trồng trọt quy mô ngoài nhỏ lẻ.

Về việc này, TS Sơn giải thích rằng đối với chuyên gia Nhật Bản thì mô hình trang trại tập trung là quy mô nhỏ.

4. Ông Hoàng Vĩnh Khuyển, Phó giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, thành viên Ban QLDA

- Đối với 7 chủ đề JET đề xuất trong danh sách ngắn, cần xem xét xem có phù hợp ko. Chúng tôi hiểu rằng mục đích chính của dự án này là nhằm cải thiện/xây dựng cơ chế và thể chế cho tăng trưởng xanh ở tỉnh Quảng Ninh. Đây là những nhiệm vụ quan trọng.

- Thực tế ở tỉnh Quảng Ninh và ở Việt Nam nói chung: có nhiều cơ chế chính sách tốt nhưng chưa được vận hành hiệu quả, nguyên nhân là do thiếu những trình diễn và điều chỉnh cho phù hợp với thực tế.
- Đề nghị tập trung vào thiết kế các cơ chế chính sách từ đó dựa vào cộng đồng để tìm hiểu những điểm thiếu, yếu của những cơ chế, chính sách đó và đề xuất các sở ngành chuyên môn sửa đổi. Đề xuất chuyên gia tập trung hơn vào việc thiết kế các dự án, ví dụ như mô hình hồ Biwa.
- Liên quan đến dự án thí điểm “Tăng cường cơ chế cấp ngân sách và cơ chế tài chính cấp tỉnh cho tăng trưởng xanh”, thực tế Quảng Ninh có hơn 2 quỹ và cơ chế tài chính chứ không chỉ có 2 quỹ như đã trình bày.

5. Ông Hoàng Trung Kiên, Phó trưởng ban Ban quản lý khu kinh tế, thành viên Ban QLDA

Ông Kiên đề xuất dự án hỗ trợ cho : i) Lắp các trạm quan trắc môi trường cho các khu công nghiệp để kết nối với mạng lưới các trạm quan trắc môi trường tự động hiện có ở tỉnh; ii) Tăng cường năng lực quản lý môi trường cho Ban quản lý khu kinh tế, lãnh đạo ban quản lý và các nhà đầu tư thứ cấp. Ông cũng bổ sung thêm rằng hiện nay khu công nghiệp Việt Hưng đang được Thủ tướng Chính phủ chuyển thành khu công nghiệp chuyên sâu và mong được vận dụng năng lực quản lý môi trường để xuất ở các khu công nghiệp và khu kinh tế.

Ông Kiên cam kết sẽ hợp tác chặt chẽ trong hoạt động thực thi dự án thí điểm.

6. Ông Hồ Quang Huy, Phó chủ tịch, UBND thành phố Hạ Long

Ông Huy nói rằng ông không phải là thành viên của Ban QLDA và đại diện lãnh đạo UBND thành phố Hạ Long dự họp. Ông Huy nói rằng ông hiểu mục tiêu chính của dự án là vịnh Hạ Long và đây là dự án cải thiện cơ chế thể chế và chính sách, vì vậy những chủ đề chọn nên tập trung vào những vấn đề liên quan tới vịnh Hạ Long.

Liên quan đến chủ đề 1A-2, ông Huy cho biết đối với những nhà đầu tư thứ cấp vào các khu công nghiệp, khu kinh tế, một trong các yếu cầu là phải hoàn tất báo cáo đánh giá tác động môi trường và các nhà đầu tư thứ cấp đó đều chịu sự chi phối của Luật bảo vệ môi trường trong suốt quá trình hoạt động ở các khu này. Vì vậy, ông Huy đặt câu hỏi liệu dự án tập trung vào việc này thì có lãng phí hay không.

Liên quan tới chủ đề 2-2 về tiết kiệm năng lượng, UBND đã ra quyết định số 778 ngày 5/3/2016 về chương trình tiết kiệm năng lượng trên toàn địa bàn tỉnh căn cứ vào kế hoạch hành động tăng trưởng xanh của tỉnh số 6970. Quyết định này quy định rất rõ ràng và chi tiết các nhiệm vụ, mục tiêu và nguồn kinh phí thực hiện. Vì vậy, ông Huy đã đặt ra câu hỏi về mục đích của chủ đề dự án đề xuất.

Liên quan tới chủ đề 5C-1 về tuần hoàn chất thải nông nghiệp/thủy sản: chủ đề này xem ra không phù hợp với mục tiêu của dự án bởi dự án nhằm bảo vệ môi trường vịnh Hạ Long. Ông Huy bổ sung thêm rằng nông nghiệp và thủy sản chỉ chiếm 1,6% GRDP của thành phố.

7. Ông Norihiko Inoue, Cố vấn trưởng, Nhóm chuyên gia JICA

Ông Inoue nói rằng JET nhận thấy những ý kiến tham gia của các thành viên dự họp rất dễ hiểu và đồng ý với nội dung tham gia và sẽ tiếp tục thảo luận với Ban QLDA về kết luận cuối cùng đối với danh sách ngắn. Ông bổ sung rằng kết luận thiết kế của giai đoạn 2 và bản sửa đổi Biên bản thảo

luận sẽ được xác nhận vào cuối tháng 6. Ông mong rằng đến cuối tháng 6, JICA và Quảng Ninh sẽ đạt được thỏa thuận. Đến cuối tháng 5, có thể sẽ tổ chức một cuộc họp ban chỉ đạo lần thứ 2, nếu cần.

Ông Inoue nhắc lại rằng việc chuẩn bị sẵn sàng cho Giai đoạn II của dự án phải từ hai phía Nhật Bản và phía tỉnh. Ông hiểu rằng có một số cơ chế/chính sách sẽ cần phải cải thiện hoặc xây dựng mới và quy trình cải thiện/xây dựng cũng phải mất vài tháng.

8. Ông Đặng Huy Hậu, phó chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ninh, Trưởng ban chỉ đạo dự án

Ông Hậu đề nghị JET cân nhắc thêm như sau về một số chỉnh sửa:

- Liên quan đến chủ đề Nhóm 1 về “Tăng cường cơ chế cấp ngân sách và cơ chế cấp tài chính cấp tỉnh cho tăng trưởng xanh”: đây là chủ đề rất cần thiết nhưng nên bổ sung thêm nội dung cơ chế quản lý vịnh Hạ Long phù hợp. Ví dụ, ông đưa ra một câu hỏi liên quan đến việc liệu có cần thiết thành lập một trung tâm nghiên cứu môi trường bởi cần phải có một cơ quan thường trực chịu trách nhiệm cho nhiệm vụ này và nếu không có một cơ quan quản lý lâu dài thì sẽ rất khó cho việc quản lý vịnh Hạ Long.
- Liên quan tới chủ đề Xúc tiến du lịch sinh thái: nếu không có chủ đề này thì cũng không sao và có thể đưa vào nhóm các ưu tiên 2 bởi hiện nay, tỉnh đang triển khai rất mạnh các hoạt động liên quan đến du lịch sinh thái, du lịch tâm linh, lịch sử và văn hóa.
- Thay vào đó, trong nhóm ưu tiên 1, ông đề nghị cần giải quyết những vấn đề liên quan tới : i) xử lý nước thải tàu thuyền hoạt động trên vịnh Hạ Long: Tàu nghỉ đêm, tàu tham quan ban ngày; tàu vận chuyển bốc dỡ hàng hóa; ii) xử lý bùn lắng vịnh Hạ Long. Ông bổ sung thêm rằng vấn đề này ngày càng trở nên nghiêm trọng và gây ảnh hưởng lớn đến việc khai thác các bãi tắm dọc đường bờ biển. Ông cũng đặt câu hỏi liệu dự án có đề cập đến vấn đề liên quan tới: dán nhãn xanh cho tàu du lịch và xử lý bùn lắng vịnh.
- Liên quan đến chủ đề “Xúc tiến cơ chế ưu đãi hỗ trợ quản lý và tiết kiệm năng lượng như dự án ESCO” nên thay bằng hoạt động xử lý chất thải trên vịnh Hạ Long (nước thải tàu thuyền du lịch; làm thế nào để xử lý vấn đề nước thải trên vịnh Hạ Long?). Nước thải trên vịnh phải được xử lý.
- Liên quan tới chủ đề “Tăng cường năng lực quản lý môi trường trong các khu công nghiệp và khu kinh tế” nên thay bằng “Giáo dục và nâng cao nhận thức môi trường”. Đây là chủ đề rất quan trọng đối với cả người dân và khách du lịch. Đây là vướng mắc chung lớn, không chỉ riêng đối với Quảng Ninh mà của toàn quốc. Giáo dục môi trường là hoạt động có tính chất phù hợp cao đối với vịnh Hạ Long.
- Liên quan tới chủ đề về “Cải thiện thông tin du lịch”, đây là chủ đề hết sức cần thiết.
- Liên quan tới chủ đề “Sách trắng”: rất cần thiết. Chúng ta phải thông báo kết quả quan trắc môi trường để người dân nắm bắt được mức độ rủi ro cao do ô nhiễm môi trường. Ông hiểu rằng cần phải lắp thêm nhiều trạm quan trắc trên vịnh bởi đến nay mới chỉ có 2 trạm đang hoạt động.
- Liên quan tới ngành than, ông Hậu ghi nhận đánh giá của JET về ngành này và cũng hiểu rằng dự án không thể bao quát được một quy mô công việc lớn liên quan tới ngành than. Tỉnh sẽ có chương trình khác cho ngành này.

Cuối cùng, ông Hậu nói rằng khi xác nhận được danh sách ngắn, cần phải báo cáo lãnh đạo tỉnh.

9. Ông Norihiko Inoue, Cố vấn trưởng, Nhóm chuyên gia JICA

Ông Inoue nói rằng đối với việc chỉnh sửa danh sách ngân, cần thiết phải thảo luận và làm sáng tỏ với Ban QLDA về tiêu chí chọn đã thống nhất từ trước.

Ông cũng đặt câu hỏi về dự kiến hợp tác giữa Nhật Bản và tỉnh Quảng Ninh, về cách thức chuyển giao kinh nghiệm của tỉnh Shiga, mô hình Biwa cho Quảng Ninh và ông hiểu rằng những nội dung này sẽ thảo luận cụ thể sau.

Ông Inoue cũng hy vọng rằng chuyến thăm tới đây của Quảng Ninh đến Shiga sẽ giúp tỉnh hiểu rõ hơn về dự án và đóng góp hiệu quả cho việc thiết kế các hoạt động cho Giai đoạn 2.

10. Ông Đặng Huy Hậu, Phó chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ninh, Trưởng ban chỉ đạo dự án

Ông Hậu đề nghị các sở ngành, cơ quan liên quan cân nhắc kỹ hơn nữa về cách thức đóng góp cho sự phát triển của vịnh Hạ Long.

Ông bổ sung thêm rằng, ngay từ giai đoạn đầu, các sở ngành cũng cần cân nhắc về cách thức huy động nguồn kinh phí. Cần cung cấp số liệu cho JET để nghiên cứu, ví dụ như (i) các nội dung chi của vịnh Hạ Long (chi lương, đầu tư, bảo vệ môi trường) để JET có thể tư vấn về cấu trúc chi tiêu hợp lý; (ii) phân bổ ngân sách tỉnh cho hoạt động quản lý vịnh Hạ Long.

Ông Hậu cũng bổ sung thêm rằng JET cần tư vấn về việc huy động nguồn kinh phí từ bên ngoài như từ các khoản viện trợ không hoàn lại, hỗ trợ của chính phủ Nhật Bản và của các nước nào khác.

Ông đưa ra ví dụ rằng hiệp hội bảo vệ môi trường đã được thành lập nên theo đó cần lập quỹ. Nếu hiệp hội hoạt động tốt thì sẽ có rất nhiều tổ chức, cá nhân sẽ đóng góp hỗ trợ bởi họ sẽ được hưởng lợi từ Di sản và thực hiện trách nhiệm xã hội của mình.

Một nguồn khác có thể cân nhắc là doanh nghiệp, họ có thể đầu tư cho hoạt động. Ví dụ, đối với hoạt động xử lý nước thải hiện nay ở Hạ Long đã có, nhưng chưa có ở Cẩm Phả, Vân Đồn, doanh nghiệp có thể đầu tư (ví dụ theo hình thức BOT) và thu phí xử lý.

Hết

Đính kèm -1

Danh sách các thành viên dự họp

I	BAN CHỈ ĐẠO DỰ ÁN	Chức vụ
1	Trưởng ban: Ông Đặng Huy Hậu	Phó CT thường trực UBND tỉnh Quảng Ninh
2	Ông Phạm Văn Tiêu	Phó Giám đốc sở Tài chính
3	Ông Phạm Văn Cường	Phó Giám đốc sở Tài nguyên môi trường
4	Ông Hoàng Vinh Khuyen	Phó Giám đốc sở Khoa học và Công nghệ
5	Ông Hồ Chí Đức	Phó Giám đốc sở Văn hóa – Thể Thao và Du lịch
6	Ông Phạm Quang Thái	Phó Giám đốc sở Công Thương
7	Ông Lê Hữu Doan	Phó Giám đốc sở Xây dựng
8	Ông Nguyễn Văn Công	Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT
9	Ông Lê Minh Tân	Phó trưởng Ban Quản lý vịnh Hạ Long
10	Ông Hoàng Trung Kiên	Phó trưởng ban quản lý khu kinh tế
II	BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN	
11	Trưởng ban QLDA: Tiến sỹ Hoàng Danh Sơn	Phó Giám đốc sở Kế hoạch Đầu tư
12	Ông Phạm Hồng Biên	Trưởng phòng kinh tế đối ngoại
13	Bà Trần Thị Thanh Tâm	Phó trưởng phòng Phòng kinh tế đối ngoại
14	Bà Nguyễn Thị Thu Trang	Trưởng phòng Văn hóa – Xã hội
II	ĐỊA PHƯƠNG	
15	Ông Hồ Quang Huy	Phó chủ tịch UBND thành phố Halong City
16	Ông Phạm Ngọc Vinh	Phó chủ tịch UBND thành phố Cẩm Phá
17	Ông Hoàng Thanh	UBND huyện Vân Đồn
18	Bà Đỗ Thu Hằng	Phó phòng Nông nghiệp và PTNT huyện Hoành Bồ
19	Ông Phạm Minh Hải	Phó phòng tài nguyên MT, thị xã Quảng Yên
20	Bà Lê Ngọc Hà	Phó phòng TMNT, thành phố Uông Bí
IV	CỐ VẤN: CÁC QUAN CHỨC TỈNH SHIGA	
21	Ông Yukinori KAWASHIMA	Giám đốc Điều hành kỹ thuật cao cấp, Sở Môi trường và hồ Biwa, tỉnh Shiga.
22	Ông Naoya YAMAMOTO	Giám đốc cao cấp, Sở Thương mại, Công nghiệp, Du lịch và Lao động, tỉnh Shiga.
V	NHÓM CHUYÊN GIA JICA	
23	Ông Norihiko INOUE	Cố vấn trưởng/Chuyên gia về Chính sách tăng trưởng xanh và Quy hoạch phát triển vùng
24	Ông Kengo NAGANUMA	Phó cố vấn trưởng/Biện pháp Môi trường đối với công nghiệp
25	Ông Tetsuo ISONO	Chuyên gia Thúc đẩy phát triển du lịch bền vững
26	Ông Toshiaki KAGATSUME	Chuyên gia Quản lý môi trường nước
27	Ông Keiichi MAEDA	Chuyên gia về Chính sách Cơ chế Hợp tác giữa các cơ quan/Điều phối viên
28	Bà Dương Thị Nhuận	Phiên dịch / biên dịch
29	Bà Trần Thị Mai Lan	Phiên dịch / biên dịch
30	Bà Nguyễn Thị Thảo Hiền	Phiên dịch / biên dịch
31	Bà Nguyễn Thị Vân Anh	Phiên dịch tiếng Nhật

Đính kèm-2

Chương trình Hội ban chỉ đạo Dự án lần thứ nhất, Dự án thúc đẩy tăng trưởng xanh tại khu vực vịnh Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh [Giai đoạn thiết kế chi tiết]

1. Ngày, thời gian và địa điểm

- (1) Ngày: 21 tháng Ba (thứ Hai) năm 2016
- (2) Thời gian: 14:00 - 17:00
- (3) Địa điểm: Phòng họp UBND tỉnh Quảng Ninh

2. Mục tiêu

- (1) Báo cáo về tiến độ của cuộc nghiên cứu,
- (2) Để xác nhận các dự án đề xuất được chọn cho hoạt động thí điểm trong Giai đoạn 2 của Dự án, có chia sẻ về quá trình lựa chọn.
- (3) Để thảo luận về đề cương của các hoạt động thí điểm đề xuất và lịch cải thiện/xây dựng các cơ chế thể chế, và
- (4) Để giới thiệu những kinh nghiệm và kiến thức của tỉnh Shiga và Hồ Biwa đóng góp cho thực thi Dự án.

3. Thành viên tham dự

1. Trưởng Ban chỉ đạo: Ông Đặng Huy Hậu, Phó chủ tịch thường trực UBND tỉnh Quảng Ninh;
2. Phó Ban chỉ đạo: Ông Nguyễn Văn Minh, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư;
3. Thành viên Ban Chỉ đạo:
 - (1) Ông Phạm Văn Tiêu – Phó Giám đốc Sở Tài chính
 - (2) Ông Phạm Văn Cường – Phó Giám đốc Sở TN&MT
 - (3) Ông Hoàng Vĩnh Khuyển – Phó Giám đốc Sở Khoa học & Công nghệ
 - (4) Ông Trịnh Đăng Thanh – Phó Giám đốc Sở VH-TT&DL
 - (5) Ông Phạm Quang Thái – Phó Giám đốc Sở Công – Thương
 - (6) Ông Lê Hữu Đoàn – Phó Giám đốc Sở Xây dựng
 - (7) Ông Nguyễn Văn Công – Phó Giám đốc Sở NN&PTNT
 - (8) Ông Lê Minh Tân – Phó Giám đốc Ban Quản lý vịnh Hạ Long
 - (9) Ông Hoàng Trung Kiên – Phó Giám đốc Ban Quản lý Khu Kinh tế
 - (10) Ông Hoàng Quang Hải – Phó Chủ tịch UBND t.p Hạ Long
4. Thành viên Ban QLDA;
 - (1) Trưởng Ban QLDA: Tiến sỹ Hoàng Danh Sơn – Phó giám đốc Sở KH-ĐT
 - (2) Các thành viên Ban QLDA
5. Lãnh đạo các địa phương trong khu vực vịnh Hạ Long, ngoài UBND t.p Hạ Long (T.P Cẩm Phả, huyện Vân Đồn, huyện Hoàn Bò, t.x Quảng Yên, t.p Uông Bí)
6. Đại diện của JICA
7. Cố vấn: Các quan chức tỉnh Shiga
8. Nhóm chuyên gia JICA

4. Chương trình

Nội dung	Người chịu trách nhiệm	Thời gian
<i>Đăng ký đại biểu</i>		13:40 – 14:00
1. Phát biểu khai mạc	Ông Đặng Huy Hậu (Trưởng Ban chỉ đạo, Phó chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ninh)	14:00 - 14:10
2. Gợi ý về việc thực hiện các hoạt động thí điểm đề xuất dựa trên kinh nghiệm và kiến thức của tỉnh Shiga, với việc áp dụng Mô hình Hồ Biwa (1).	Ông Yukinori Kawashima (Giám đốc Điều hành Kỹ thuật cao cấp tỉnh Shiga, Sở Môi trường và Hồ Biwa, tỉnh Shiga)	14:10 – 14:40
3. Gợi ý về việc thực hiện các hoạt động thí điểm đề xuất dựa trên kinh nghiệm và kiến thức của tỉnh Shiga, với việc áp dụng Mô hình Hồ Biwa (2).	Ông Naoya Yamamoto (Giám đốc cao cấp, Sở Thương mại, Công nghiệp, Du lịch và Lao động, tỉnh Shiga)	14:40 – 15:10
<i>Giải lao</i>	Tất cả thành viên	15:10 – 15:20
4. Trình bày về tiến độ của cuộc nghiên cứu, quá trình lựa chọn các hoạt động thí điểm đề xuất và đại cương các hoạt động thí điểm thuộc danh sách ngắn với nội dung và lịch thực thi việc cải thiện và xây dựng các cơ chế thể chế đòi hỏi.	Ông Norihiko Inoue (Cố vấn trưởng, nhóm chuyên gia JICA)	15:20 - 15:50
5. Thảo luận	Tất cả thành viên	15:50 - 16:50
6. Kết luận và bế mạc	Ông Đặng Huy Hậu (Trưởng Ban chỉ đạo, Phó chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ninh)	16:50 - 17:00

Dự án Thúc đẩy Tăng trưởng xanh tại khu vực vịnh Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh
Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam [Giai đoạn Lập kế hoạch Chi tiết]

BIÊN BẢN CUỘC HỌP BAN CHỈ ĐẠO LẦN THỨ HAI

Ngày 22 tháng 6 năm 2016

Chính phủ Việt Nam đã đề nghị Chính phủ Nhật Bản đối với dự án hợp tác kỹ thuật nhằm tăng cường các chính sách và cơ chế thể chế thực hiện Kế hoạch hành động Tăng trưởng xanh (GGAP) của tỉnh, theo Quyết định số 3741/ KH-UBND. Theo đề nghị đó, ngày 12 tháng 6 năm 2015, UBND tỉnh Quảng Ninh và Cơ quan Hợp tác quốc tế Nhật Bản (JICA) đã ký kết Biên bản Thảo luận (RD) về Dự án Thúc đẩy Tăng trưởng xanh khu vực vịnh Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh (Dự án). Cuộc họp Ban chỉ đạo Dự án Thúc đẩy Tăng trưởng xanh khu vực vịnh Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh [Giai đoạn lập kế hoạch chi tiết] lần thứ hai được tổ chức vào ngày 22 tháng 6 năm 2016 tại phòng họp của UBND tỉnh Quảng Ninh. Biên bản này ghi lại những ý kiến nhận xét của các thành viên tại cuộc họp. Danh sách các thành viên dự họp và Chương trình cuộc họp được đính kèm Biên bản này tại Đính kèm-1 và Đính kèm-2 tương ứng.

Ông Norihiko Inoue, cố vấn trưởng của Nhóm chuyên gia JICA đã thực hiện phần trình bày Phần 1 về Cơ cấu Tổng thể và Đề cương của 5 chủ đề được lựa chọn cho Giai đoạn 2 và Phần 2 về Ma trận Thiết kế Dự án (PDM) và Kế hoạch Hoạt động (PO) cho Giai đoạn 2 của Dự án.

Ý kiến nhận xét của các thành viên cuộc họp được trình bày sau đây.

1. Bà Nguyễn Thị Thu Thủy, Phó Chi cục Trưởng, Chi cục Bảo vệ Môi trường, Sở TN&MT

1.1 Hoạt động thí điểm Tăng cường Cơ chế cấp ngân sách và cơ chế tài chính cấp tỉnh

• Các quỹ và cơ chế, chính sách hiện tại:

Bà Thủy nói rằng Nhóm Chuyên gia JICA (JET) đã tiếp cận hai quỹ hiện tại, đó là Quỹ Bảo vệ Môi trường và Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ. Ngoài hai quỹ này, tỉnh cũng đã có một số cơ chế, chính sách khuyến khích công tác bảo vệ môi trường khác mà JET nên nghiên cứu. Bà Thủy nêu ví dụ về Quyết định số 3799/2010/QĐ-UBND, ngày 15/12/2010 về việc ban hành quy định một số cơ chế tài chính khuyến khích, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân trong hoạt động khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh. Chính sách có quy định hỗ trợ 50 triệu đồng cho việc xây dựng và áp dụng Hệ thống Quản lý Môi trường ISO 14001.

• Chi đề cập tới cơ chế tài trợ:

Bà Thủy nói rằng liên quan tới cơ chế khuyến khích về tài chính cho các hoạt động khác nhau sẽ bao gồm (i) hỗ trợ một phần và (ii) hỗ trợ vốn vay với mức lãi suất ưu đãi và hỗ trợ lãi suất.

• Sự sẵn sàng tham gia các đối tượng đề xuất:

Bà Thủy nói rằng không có thông tin đề cập về sự hài lòng tham gia của đối tượng đề xuất, ví dụ như các chợ và công ty, họ có sẵn sàng tham gia vào các hoạt động thí điểm hay không.

Bà nói thêm rằng thông thường phải lập một báo cáo khảo sát ban đầu nêu rõ các nhu cầu vay vốn thực sự của các đối tượng đề xuất. Hiện nay thông tin này chưa có nên việc lựa chọn còn mang tính chủ quan.

Nên đưa ra các tiêu chí rõ ràng để áp dụng trong việc lựa chọn đối tượng dựa trên các tiêu chí cho vay, ví dụ như về khả năng hoàn vốn; đối tượng phải là các công ty, v.v...

1.2 Hoạt động thí điểm Tăng cường năng lực quản lý môi trường thông qua kiểm soát tài lượng ô

nhiệm trực tiếp xuống vịnh

- JET đã tiếp cận thông tin liên quan tới dự án khác do JICA tài trợ về việc giới thiệu nhà vệ sinh sinh thái và ủ phân. Nên có sự phân ảnh rõ vai trò của dự án tăng trưởng xanh đối với những dự án này.
- Bảng-2 Các kỹ thuật tiên tiến có thể giới thiệu (Dự kiến):
 - + Bảng 2 đề cập rằng “Toilet sinh học đã được áp dụng bởi ngành đường sắt Việt Nam”. Trong thực tế toilet sinh học đã được áp dụng tại tỉnh Quảng Ninh, đã được lắp đặt thử nghiệm trên 3 tàu du lịch và việc kiểm tra lần cuối sẽ sớm được thực hiện, sau đó hướng dẫn sử dụng sẽ được cung cấp cho các tàu du lịch.
 - + Hoạt động ủ chất thải tại tỉnh An Giang: Công ty Chodai đã tiếp cận hoạt động sản xuất nông nghiệp sạch và ủ chất thải hữu cơ tại thị xã Quảng Yên. Có thể tham khảo hoạt động này.
- Tại trang 46 của tài liệu: “Các doanh nghiệp được lựa chọn sẽ được cấp nhãn xanh tạm thời thông qua việc áp dụng công nghệ tiên tiến bởi Dự án”. Bà Thủy nói rằng cách tiếp cận này là không phù hợp vì doanh nghiệp chỉ cần tiếp cận với công nghệ thôi là họ đã được cấp nhãn xanh tạm thời.
- Một dự án được tài trợ bởi chính phủ Bỉ cho hoạt động nghiên cứu tiên khả thi: Một số hoạt động đang trong giai đoạn thực thi. Dự án này đã xác định nhiệm vụ thu gom chất thải xám nhà vệ sinh và chất thải rắn từ tàu du lịch để xử lý. Do đó, cần phải xác định vai trò của dự án này và sự phối hợp của nó với các dự án khác đang được tiến hành trong tỉnh.
- Hệ thống nhãn xanh và giấy chứng nhận cánh buồm xanh: Dường như có quá nhiều hệ thống dán nhãn đang được giới thiệu. Do đó, cần phải nghiên cứu các tiêu chí đòi hỏi cho hai hệ thống dán nhãn này cho phù hợp.
- Biện pháp để đạt đối với việc kiểm soát tải lượng trực tiếp xuống vịnh: Nên tập trung vào chương trình 3R với sự chú trọng mạnh mẽ tới việc giảm chất thải từ tàu thuyền du lịch. Việc này cũng phù hợp với nhiệm vụ phân loại rác đã được đề xuất trong Kế hoạch thực thi hoạt động thí điểm về sách trắng. Bà Thủy cũng nói thêm rằng hoạt động phân loại rác không phải chỉ nên áp dụng đối với tàu du lịch mà còn đối với cả các công ty dịch vụ, nhà hàng, khách sạn. Nên cân nhắc đối với các đơn vị, cá nhân thực hiện tốt các hoạt động nêu trên để đưa vào tuyên truyền quảng bá, nêu tên của các cá nhân, đơn vị đó thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, và đây cũng là một biện pháp để nâng cao nhận thức.

1.3 Du lịch bền vững trong khu vực vịnh Hạ Long

Bà Thủy khuyến nghị bổ sung nội dung liên quan tới bảo tồn và phát triển các tài nguyên thiên nhiên với việc thiết lập các tiêu chí bảo vệ môi trường trong các hoạt động du lịch.

1.4 Đề xuất về việc thành lập Trung tâm Nghiên cứu vịnh Hạ Long

Bà Thủy nói rằng trong Quy hoạch Môi trường tỉnh đã được phê duyệt, trong danh mục các dự án ưu tiên có đề xuất việc thành lập một trung tâm tăng trưởng xanh của tỉnh. Do đó, bà Thủy đề nghị JET nghiên cứu dự án đó trong mối liên quan tới vấn đề này.

2. Ông Phạm Quang Thái, Phó giám đốc Sở Công Thương, thành viên Ban chỉ đạo Dự án

2.1 Thúc đẩy chính sách khuyến khích quản lý và tiết kiệm năng lượng

- *Các biện pháp hiệu quả năng lượng: Lắp đặt máy biến tần cho các động cơ:* Ông Thái đề nghị bổ sung lắp máy biến tần cho cả các thiết bị vì các thiết bị sử dụng nhiều nguồn năng lượng khác nhau, trong khi đó động cơ chỉ dùng nguồn năng lượng điện. Trong các công ty lớn, các thiết bị có công suất lớn được sử dụng, do đó họ đã lắp đặt máy biến tần cho các động cơ này rồi.

- Các biện pháp hiệu quả năng lượng sử dụng trợ cấp cho các thiết bị hiệu suất cao: Ông Thái đề nghị bổ sung thêm các thiết bị sử dụng năng lượng tái tạo. Đây là những thiết bị đóng góp vào tiết kiệm năng lượng.
 - Về Cơ cấu thực thi, lập Kế hoạch hành động bởi các doanh nghiệp được chỉ định cho sau giai đoạn thực hiện dự án trong ngành công nghiệp: Kế hoạch hành động sẽ phải được lập bởi chính doanh nghiệp, vì họ chính là đơn vị thực thi. Sở Công – Thương là cơ quan quản lý nhà nước, chỉ đạo, không thể làm thay doanh nghiệp.
 - Thúc đẩy kiểm toán năng lượng và dán nhãn năng lượng: Ông Thái đề nghị rằng Trung tâm Khuyến công và Tư vấn Phát triển công nghiệp sau này sẽ thực hiện chức năng này đối với các đơn vị tiêu thụ năng lượng trọng điểm trong tỉnh. Dán nhãn năng lượng do Bộ Công-Thương thực hiện. Đối với nhãn xanh cho thiết bị và công nghệ đề xuất bởi Dự án, sau này Sở Công-Thương và dự án sẽ phải có cân nhắc về tiêu chí sao cho phù hợp.
 - Mua sắm và thực thi Dự án thí điểm: 12 tháng cho hoạt động này nên phải rút ngắn, vì phải dành nhiều thời gian cho việc thực hiện, theo dõi và đánh giá.
 - Theo dõi Hoạt động thí điểm, 2) Các nội dung theo dõi đối với Cơ chế tài chính – Chi phí đầu tư và đặc tính kỹ thuật của thiết bị lắp đặt: Bổ sung thêm Thiết bị và Công nghệ được lắp đặt. Ông Thái giải thích rằng đó là phần hết sức quan trọng để kiểm tra về công nghệ áp dụng.
 - Chỉ số tiết kiệm năng lượng và giảm phát thải khí CO₂: Đơn vị tính nên quy đổi thành TOE, vì còn có nhiều nguồn năng lượng khác, ví dụ như than, năng lượng hóa thạch v.v...
 - Mức kinh phí dự kiến: Đây chỉ là sơ bộ ước lượng vì chưa có cơ sở xác định.
 - Nhà máy Xi măng Lam Thạch -2: Nằm tại xã Phương Nam, Uông Bí, không phải ở Khu CN Cái Lân.
 - Đèn chiếu sáng tại t.p Hạ Long, t.p Uông Bí: Phương án tài chính – Trợ cấp: Hiện tại, UBND tỉnh chỉ thị T.P Hạ Long và Uông Bí lắp đặt hệ thống đèn chiếu sáng hiệu quả năng lượng cao bằng nguồn vốn xã hội hóa. Nhà đầu tư sẽ chi trả lắp đặt thử nghiệm và hưởng lợi phần chênh lệch về điện tiêu thụ hằng tháng, hằng năm. Do đó, phí này không cần phải trợ cấp nữa, đề nghị cập nhật bổ sung vào.
- 2.2 Tăng cường cơ chế cấp ngân sách và cơ chế tài chính cấp tỉnh phục vụ quản lý môi trường:
- Trong các cuộc họp tham vấn chuyên sâu, Sở Công Thương đã có ý kiến đề xuất lựa chọn một số đơn vị. Tư vấn cũng đã cập nhật nhưng có một số ý kiến bổ sung như sau:
 - Cụm CN Hà Khánh nằm ở phía Bắc vịnh Cửa Lục, đổ ra vịnh Hạ Long, hiện nay nhà máy xử lý nước thải hiện tại đang hoạt động với công suất 6,000 – 7,000 m³/ngày bằng công nghệ sinh học. Chất lượng đầu ra sau khi xử lý thì chưa được biết. Nếu khảo sát một số địa điểm ở khu vực này hoặc bổ sung thêm giải pháp với công nghệ tiên tiến của Nhật Bản có thể áp dụng được, thì đây là mô hình thí điểm tại phía Bắc vịnh Cửa Lục, sau này đây có thể là một mô hình được áp dụng cho những khu vực khác.
- 2.3 Tăng cường năng lực quản lý môi trường nước thông qua kiểm soát tải lượng ô nhiễm trực tiếp xuống vịnh
- Nhà vệ sinh sinh học và hệ thống ủ chất thải: đề nghị xem xét thêm nguồn vốn đầu tư cho dự án này.
 - Bổ sung thiết bị giám sát chất lượng xả thải từ các hoạt động công nghiệp và các nhà máy hoạt động xung quanh vịnh Hạ Long.
- 2.4 Nâng cao nhận thức góp phần thực hiện TTX với việc thường xuyên xuất bản Sách trắng:
- + Cơ cấu thực thi: Nhiệm vụ về “Thu thập thông tin về hoạt động quản lý môi trường của các doanh nghiệp”: Ông Thái nói rằng đây là trách nhiệm của Sở TN&MT, không phải của Sở Công

– Thương.

- + Về xuất bản: đề nghị tham gia của một số Sở nữa, ví dụ như: Sở Giáo dục và Đào tạo, Báo Quảng Ninh và đài Truyền Hình.
- *Đề xuất về thành lập Trung tâm Nghiên cứu vịnh Hạ Long:* Cần thiết phải có một trung tâm nghiên cứu để các nhà nghiên cứu về tình hình môi trường vịnh Hạ Long, vấn đề bồi lắng vịnh, thực hiện các thí nghiệm, khảo sát để đánh giá để xem sự nỗ lực của chúng ta sau thời gian thực hiện về TTX.

3. Ông Hồ Quang Huy, Phó chủ tịch UBND t.p Hạ Long

Ông Huy nói rằng UBND t.p Hạ Long đã lập một bài tham luận dài 10 trang và sẽ cung cấp cho dự án sau khi cuộc hội thảo. Ông Huy có một số ý kiến nhận xét như sau:

- 3.1 *Sự tham gia của các địa phương khác vào hoạt động thí điểm:* Ông Huy nói rằng tải lượng trực tiếp xuống vịnh Hạ Long là từ nhiều khu vực khác nhau xung quanh vịnh. Ông đề xuất rằng JET nên cân nhắc vai trò của các địa phương như Quảng Yên, Cẩm Phả và Vân Đồn trong hoạt động này. Sắp có dự án Liên minh Hạ Long – Cát Bà và sẽ có tác động tốt tới các vùng nước của vịnh Hạ Long.
- 3.2 *Liên kết các Dự án có liên quan về nguồn ngân sách:* Nguồn vốn từ tỉnh, T.P, nguồn vốn ODA, nguồn vốn xã hội hóa v.v... Ví dụ như dự án xử lý nước thải sinh hoạt của thành phố Hạ Long là từ nguồn ODA của Nhật Bản. Hiện nay, t.p mới chỉ xử lý được hơn 30% lượng nước thải, số còn lại chưa được xử lý sẽ chảy ra vịnh.
- 3.3 *Đề xuất về thành lập trung tâm nghiên cứu vịnh Hạ Long:* Ông Huy có đề xuất không cần thiết phải thành lập một cơ quan mới như vậy. Chúng ta có thể nâng cấp hoặc kiện toàn lại Ban Quản lý vịnh Hạ Long. Ban này hiện nay thuộc quyền quản lý của UBND t. phố Hạ Long. Ông Huy bổ sung thêm rằng hiện nay UBND tỉnh đã ban hành quy chế về quản lý tàu thuyền du lịch trên vịnh (Quyết định số 4088) và quy chế về quản lý các sản phẩm, dịch vụ trên vịnh, đã gửi lên UBND tỉnh chờ phê duyệt. Những quy chế này sẽ là những công cụ hữu hiệu để quản lý các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội trên vịnh Hạ Long.
- 3.4 *Sự tác động tới vịnh Hạ Long:* Ông Huy liệt kê sự tác động từ các dự án lớn như trong ngành than, xi măng, các khu công nghiệp, các hoạt động dân sinh dọc theo bờ vịnh, du lịch trên bờ, nhà máy tuyển than Nam Cầu Trắng, hoạt động vận tải hàng hóa trên vịnh (Hoạt động này liên quan tới quy hoạch, quản lý của Bộ Giao thông Vận tải).
- Hoạt động của tàu thuyền du lịch trên vịnh: Vấn đề cơ bản là tình hình kiểm soát nước thải và chất thải rắn từ hoạt động này.
- Hoạt động nuôi trồng thủy sản trên vịnh: Lồng bè nuôi trồng thủy sản, hiện nay hầu hết chưa được cấp phép, gây tác động ảnh hưởng không những tới luồng tuyến trên vịnh mà còn tới chất lượng môi trường nước của vịnh. Quy hoạch Nuôi trồng thủy sản đang được hoàn thiện bởi Sở NN&PTNT và sau khi được phê duyệt, UBND t.p Hạ Long sẽ phối hợp để thực hiện.
- Cần có bộ máy để kiểm soát việc thực thi hoạt động của chương trình tăng trưởng xanh, đứng đầu bởi lãnh đạo của UBND tỉnh để có đủ quyền lực

4 Ông Hoàng Vĩnh Khuyến, Phó giám đốc Sở Khoa học & Công nghệ, thành viên Ban chỉ đạo Dự án

4.1 *Nâng cao nhận thức góp phần thực hiện tăng trưởng xanh với việc thường xuyên xuất bản Sách trắng:* Đây là nội dung thiết thực và quan trọng. Để thuận lợi cho việc triển khai Ông Khuyến đề nghị JET đề nghị JICA tiếp tục hỗ trợ một phần kinh phí và chuyên gia để thực hiện hoạt động này.

4.2 *Đầu ra 2 và Đầu ra 3*

Ông Khuyến đề nghị bổ sung một số nội dung đối với các hoạt động thí điểm như sau:

- Tiết kiệm năng lượng: Đề nghị Hỗ trợ thí điểm cho việc kiểm toán năng lượng. Hiện nay, kiểm toán năng lượng là yêu cầu quy định bởi chính phủ Việt Nam. Ông Khuyến giải thích rằng chỉ thông qua kiểm toán năng lượng, các doanh nghiệp mới có thể nhận biết được tình hình về tiết kiệm năng lượng và việc đầu tư vào công nghệ của đơn vị mình. Ông chỉ ra rằng hiện nay, những doanh nghiệp có quy mô nhỏ, yếu, do đó, họ thường không sẵn sàng thực hiện kiểm toán năng lượng. Nếu dự án có thể hỗ trợ hoạt động thí điểm về lĩnh vực này, thì các biện pháp tiết kiệm năng lượng sẽ được xúc tiến một cách mạnh mẽ hơn, và như vậy sẽ góp phần thực hiện được mục tiêu của dự án.
- Du lịch bền vững: Thí điểm triển khai kiểm soát vé đi tàu tham quan vịnh Hạ Long. Được biết rằng Công ty Chodai đã chuyển giao công nghệ cho t.p Hạ Long. Bằng việc đưa công nghệ vào kiểm soát được vé, tàu bè đi tàu tham quan vịnh Hạ Long, sẽ góp phần vào thực hiện được mục tiêu về du lịch bền vững.
- Giảm tải lượng ô nhiễm trực tiếp xuống vịnh:
 - + Sử dụng các động cơ máy tàu thiết kế mới nhằm mục tiêu tiết kiệm năng lượng và giảm thiểu ô nhiễm. Ông Khuyến đưa ra một ví dụ rằng tuần trước, Sở KH&CN có cuộc họp với tư vấn Đức, họ giới thiệu việc áp dụng công nghệ nhũ tương đối với các động cơ nhằm giảm mức xả thải. Sở KH&CN mong muốn thiết lập dự án để có sự hỗ trợ của Đức cho vấn đề đó.
 - + Xử lý chất thải có dầu từ tàu thuyền: Hiện nay đã lắp thiết bị tách dầu từ nước thải của tàu thuyền trên vịnh xử lý dầu thải đó như thế nào vẫn còn đang thiếu, yếu. Tư vấn có thể xem xét để đưa hoạt động này là một hoạt động thí điểm nhằm giảm tải lượng ô nhiễm cho vịnh.
- Sản xuất sạch hơn: Ông Khuyến đề nghị sự hỗ trợ về kiến thức, kinh nghiệm để xây dựng một trung tâm ươm tạo công nghệ. Mục tiêu của trung tâm này là nhằm giúp các doanh nghiệp với công nghệ mới, công nghệ thân thiện môi trường. Đang mong muốn trước hết là đối với dược liệu, dược phẩm. Đây cũng là một hoạt động tác động tới việc chuyển đổi sang nền kinh tế xanh, sản xuất ra các sản phẩm sạch, dựa trên nguồn tự nhiên của địa phương. Mong sự quan tâm của nhóm chuyên gia JICA đưa vào thí điểm giúp QN xây dựng trung tâm này. Sẽ kết hợp sử dụng Quỹ phát triển Khoa học & Công nghệ vào hoạt động này.

5 Ông Hoàng Trung Kiên, Phó trưởng Ban Quản lý Khu Kinh tế tỉnh, thành viên Ban chỉ đạo Dự án

5.1 *Tăng cường cơ chế cấp ngân sách và cơ chế tài chính cấp tỉnh*

Mục tiêu: Ông Kiên đề nghị bổ sung phân huy động sự tham gia của các doanh nghiệp tư nhân vào công tác bảo vệ môi trường trong tỉnh. Trong quá trình xây dựng các cơ chế chính sách này các doanh nghiệp này nên tham gia đóng góp rồi sau đó sẽ được hưởng lợi từ các nguồn quỹ, bao gồm cả sự hỗ trợ và vốn vay.

5.2 *Thúc đẩy các cơ chế khuyến khích quản lý và tiết kiệm năng lượng*

Ông Kiên đề xuất chỉ nên chọn 1 công ty sản xuất xi măng là ứng cử cho hoạt động thí điểm, và một doanh nghiệp về hoạt động chế biến khác.

5.3 *Thúc đẩy Du lịch bền vững trong khu vực vịnh Hạ Long*

Du lịch bền vững: Ông Kiên đề xuất bổ sung việc cải tạo nâng cao chất lượng du lịch tại huyện đảo Vân Đồn. Điều này sẽ phù hợp với chiến lược biển của Việt Nam.

5.4 *Tăng cường năng lực thông qua kiểm soát tải lượng ô nhiễm trực tiếp xuống vịnh.*

Ông Kiên nói rằng hoạt động này mới chỉ tập trung vào những tác động gây ra bởi hoạt động nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản. Đề nghị bổ sung thêm các tác động gây ra bởi hoạt động sản xuất công nghiệp, ví dụ như: từ các khu công nghiệp, khu kinh tế.

5.5 *Nâng cao nhận thức với việc thường xuyên xuất bản Sách trắng*

Về mục tiêu của hoạt động này là để “Nâng cao sự hiểu biết về tiến độ và hiệu quả của các biện pháp hành chính đối với giảm ô nhiễm môi trường, phát triển ngành du lịch...” Ông Kiên đề xuất rằng nên sửa đổi câu này, như “...trên địa bàn toàn tỉnh...” chứ không phải chỉ đối với phát triển ngành du lịch vì nói như vậy là rất hẹp.

5.6 *Sự tham gia của Ban Quản lý Khu kinh tế*

Ông Kiên đề nghị rằng Ban Quản lý Khu Kinh tế nên được bao gồm trong những hoạt động thí điểm này, những hoạt động đã có dự kiến phân bổ cho khu công nghiệp và khu kinh tế

6. **Ông Nguyễn Văn Công, Phó giám đốc Sở NN&PTNT, thành viên Ban Chỉ đạo Dự án**

Ông Công đã liệt kê danh mục các dự án đang triển khai trong tỉnh Quảng Ninh có thể có mối liên quan tới dự án tăng trưởng xanh:

- (1) Dự án Nuôi trồng thủy sản thân thiện môi trường gắn với du lịch sinh thái. Giai đoạn 1 tại khu vực Vông Viêng;
- (2) Dự án nuôi trồng thủy sản trên biển thân thiện môi trường giảm thiểu chất thải ra môi trường tại một số huyện thị xung quanh vịnh Hạ Long;
- (3) Dự án Công nghệ sinh học để xử lý nước tại các ao nuôi trồng thủy sản phối hợp với Viện hàn lâm Khoa học Kỹ thuật Việt Nam (VAST
- (4) Chuyển hóa chất thải nông nghiệp sang thành phân bón
- (5) Dự án của CHODAI ủ phân để trồng rau hữu cơ tại t.x Quảng Yên;
- (6) Tách chiết ooxxy trong nước của các hồ nuôi tôm tại Tiên Yên;
- (7) Hệ thống quan trắc môi trường

6.1 *Tăng cường năng lực quản lý môi trường nước thông qua kiểm soát tải lượng trực tiếp xuống vịnh*

Ông Công đề cập rằng tại cuộc họp ban chỉ đạo dự án lần trước, Sở NN&PTNT đã có một số ý kiến nhận xét tập trung vào việc kiểm soát tải lượng trực tiếp xuống vịnh Hạ Long nhưng những ý kiến nhận xét đó chưa được nhóm chuyên gia cập nhật và phản ánh trong đề xuất.

- Ủ chất thải: Ông Công đề nghị làm rõ một số nội dung: (i) công nghệ áp dụng ở đây là gì Vì đối với trường hợp của An Giang, nước họ xử lý là nước ngọt, trong khi đó môi trường của chúng ta là nước biển, có độ mặn cao; (ii) Đối tác dự kiến để thực hiện dự án.

6.2 *Đề xuất về thành lập trung tâm nghiên cứu vịnh Hạ Long:*

Ông Công gợi ý sử dụng Trường Đại học Hạ Long cho mục đích này, vì đây là trường đại học cho mục đích đào tạo và nghiên cứu.

Ông Công cũng bổ sung thêm thông tin rằng VAST hiện nay đang nghiên cứu mở thêm chi nhánh của Viện tại t.p Hạ Long, do đó có thể cân nhắc việc phối hợp trung tâm này với trung tâm của họ.

7. **Ông Đỗ Mạnh Hùng, Phó Chủ tịch UBND Thị xã Quảng Yên.**

- Ông Hùng nói rằng thị xã có đủ năng lực trong việc phát triển du lịch sinh thái. Tuy nhiên, ông chỉ ra một thực tế rằng thị xã Quảng Yên hiện đang nằm thấp hơn mực nước biển trung bình, mối quan tâm lớn nhất hiện nay của thị xã là vấn đề môi trường, do sự tác động rất lớn từ nước thải và chất thải rắn.
- Ông Hùng đề nghị chi tiết thêm về các hoạt động, làm rõ về cơ chế, chính sách về xử phạt để dễ dàng cho việc thực hiện.

8. Ông Phạm Ngọc Vinh, Phó Chủ tịch UBND t.p Cẩm Phả

- Ông Vinh đề nghị thêm một phần của vịnh Bái Tử Long vào phạm vi của khu vực dự án.
- Các dự án liên quan tới tăng trưởng xanh: Ông Vinh cung cấp thông tin liên quan tới các dự án tại T.P Cẩm Phả mà JET có thể sử dụng để cập nhật thông tin của Dự án này: (1) Dự án san lấp mặt bằng để kết nối đường bao biển của t.p Cẩm Phả với đường bao biển t.p Hạ Long. Việc lập quy hoạch và thực thi dự án này sẽ do Ngành Than thực hiện và ngành than sẽ sử dụng một phần diện tích đất san lấp này để làm bãi đổ chất thải của họ. Ông bổ sung thêm rằng dự án này sẽ góp phần tăng thêm 2/3 diện tích đất hiện tại của Cẩm Phả; và (2) Nước thải: Cẩm Phả đang xây dựng dự án thoát nước thải sinh hoạt của thành phố với sự hỗ trợ từ ngành Than.

9. Ông Norihiko INOUE, Cố vấn trưởng Dự án

Ông Inoue bày tỏ sự đánh giá cao những ý kiến đóng góp của các thành viên trong cuộc họp. Tuy nhiên, ông cũng nhắc nhở rằng cho tới thời điểm hiện tại, nhiều cuộc họp tham vấn chuyên sâu đã được thực hiện với sự tham gia của tất cả các sở ngành có liên quan, bao gồm việc thảo luận về danh sách dài các hoạt động, sau đó thảo luận để lựa chọn thành danh sách ngắn, và cuối cùng 5 hoạt động đã được lựa chọn để trình diễn.

Ông Inoue ghi nhận những ý kiến nhận xét về các hoạt động bổ sung và sẽ được bao gồm tại các khuyến nghị mà Dự án sẽ đưa ra vào cuối giai đoạn thực hiện dự án.

10. Ông Taro Katsurai, Đại diện của VF JICA Việt Nam

Ông Katsurai có một số ý kiến chung như sau:

- Đối với Nhóm chuyên gia JICA: Ông đề nghị JET ghi nhận và tiếp thu những ý kiến đề đạt bởi các thành viên của cuộc họp một cách nghiêm túc để kết hợp vào các văn bản của dự án. Ông nói thêm rằng ông nhận thấy quá trình chọn lựa cẩn thận các chủ đề hoạt động thí điểm trong thời gian một số tháng thực hiện dự án vừa qua và sẽ không hiệu quả và tốn thời gian nếu phải thực hiện lại quá trình lựa chọn như vậy để tìm ra các hoạt động thí điểm khác, rồi lại phải trải qua quá trình bàn bạc để sửa đổi các hoạt động đề xuất;
- Đối với UBND tỉnh Quảng Ninh, JICA đề nghị sự cam kết của tỉnh cho việc thực hiện các hoạt động thí điểm của Dự án.

11. Ông Đặng Huy Hậu, Phó Chủ tịch thường trực UBND tỉnh Quảng Ninh, trưởng ban Chỉ đạo Dự án

Ông Hậu đã kết luận cuộc họp như sau:

- Về việc sửa đổi tài liệu dự án: Ông Hậu hiểu rằng đối với dự án, việc bao gồm dàn trải tất cả các hoạt động là điều không thể thực hiện được, do đó đã phải lựa chọn 5 hoạt động. Ông đề nghị JET dựa vào các ý kiến nhận xét đã đưa ra để cập nhật, chỉnh sửa các hoạt động để có tính khả thi cao hơn.
- Về các chi tiết thực thi các hoạt động: Ông Hậu chỉ ra rằng cần phải lập các kịch bản thực thi

các hoạt động chi tiết hơn để việc thực thi được hiệu quả, đặc biệt là cần phải có sự phân công nhiệm vụ cụ thể. Ông nhấn mạnh tầm quan trọng của nhận thức cùng với việc xuất bản Sách trắng.

- Về cam kết phân bổ ngân sách cho vốn đối ứng: Ông Hậu khẳng định rằng UBND tỉnh sẽ phân bổ ngân sách đối ứng cho dự án này. Ông chỉ thị cho Sở KH&ĐT phối hợp với Sở Tài chính và các sở có liên quan khác làm rõ về việc phân bổ ngân sách cho dự án tăng trưởng xanh. Bên cạnh đó, ông đề nghị JICA và JET tìm kiếm thêm các nguồn hỗ trợ khác cho dự án, vì có thể lạm phát sẽ xảy ra trong thời gian 3 năm thực hiện dự án, và nhu cầu kinh phí cho dự án cần phải được đảm bảo.
- Về chính sách tiết kiệm năng lượng: Có nhiều mô hình khác đối với hoạt động này ngoài việc chiếu sáng công cộng. Ông yêu cầu cập nhật hoạt động này với vận tải thân thiện môi trường cho ngành du lịch, vì đã có một số công ty áp dụng xe điện vào hoạt động du lịch trong khu vực.
- Về việc kiểm soát ô nhiễm môi trường: Một số địa điểm có thể được đề xuất lựa chọn :
 - + Đối với khu Công nghiệp Cái Lân: sẽ chỉ định cho một hoặc hai dự án;
 - + Đối với chợ: Ông Hậu yêu cầu ông Hồ Quang Huy, phó chủ tịch UBND t.p Hạ Long kiểm tra vấn đề này liên quan tới quy hoạch phát triển chợ trong tương lai, vì hiện nay có rất nhiều vấn đề đối với nước thải từ chợ của Hạ Long.
 - + Công ty chế biến thủy sản số 1: Công ty này đã có quy hoạch di dời tới vị trí khác.
 - + Cụm Công nghiệp: Lựa chọn Cụm CN Hà Khánh. Mục đích của việc có cụm CN là để di dời các đơn vị công nghiệp nằm rải rác trong các khu dân cư đô thị tới cụm CN đó. Cần phải tìm hiểu chính xác tình hình xử lý môi trường tại cụm CN này để áp dụng hoạt động thí điểm của dự án tại đây.
 - + Các nhà máy nhiệt điện, nhà máy xi măng: UBND tỉnh cũng đã có các chỉ thị cụ thể về việc vận hành các nhà máy này, bao gồm cả yêu cầu đối với hệ thống quan trắc môi trường, thường xuyên thay thế thiết bị. Tuy nhiên, ông Hậu đồng ý bao gồm các nhà máy này trong các hoạt động thí điểm, vì sẽ tăng cường công cụ cho công tác quản lý.
- Cập nhật các dự án đang được thực thi tại t.p Hạ Long có liên quan tới hoạt động bảo vệ môi trường vịnh Hạ Long; phải có các thông tin cụ thể về tên dự án và nhà tài trợ.
- Thành lập trung tâm nghiên cứu vịnh Hạ Long: Ông Hậu đề nghị thành lập trung tâm này thuộc Ban Quản lý Vịnh Hạ Long với chức năng duy nhất là nghiên cứu và tư vấn. Ông hy vọng rằng trong tương lai phải có một viện nghiên cứu vịnh Hạ Long và vịnh Bái Tử Long. Do đó, trung tâm đề xuất này được xem như là bước khởi đầu cho viện nghiên cứu trong tương lai.
- Kiểm tra và xử lý vi phạm: Ông Hậu yêu cầu bao gồm yêu cầu này. Ông hiểu rằng đối với yêu cầu này, sẽ áp dụng các quy định hiện hành. Vấn đề là phải đề cập tới yêu cầu này, vì dự án đề xuất nhiều hoạt động, do đó yêu cầu này cần phải được bao gồm.
- Du lịch bền vững, du lịch sinh thái: Lựa chọn TX Quảng Yên là thích hợp.
- Nhân Cảnh buồm xanh: Để thực hiện được hoạt động này, cần phải có sự hỗ trợ từ các cơ quan quản lý.
- Chương trình cho bước tiếp theo: Sau khi các tài liệu được rà soát và sửa đổi, sẽ trình lên UBND Tỉnh vào đầu tháng 7 để được phê duyệt trước ngày 15 tháng 7.

Danh sách thành viên cuộc họp

I	BAN CHỈ ĐẠO DỰ ÁN	CHỨC VỤ
1	Trưởng Ban Chỉ đạo: Ông Đặng Huy Hậu	Phó chủ tịch thường trực UBND tỉnh
2	Ông Nguyễn Văn Minh	Giám đốc Sở KH&ĐT
3	Ông Phạm Văn Tiêu	Phó Giám đốc Sở Tài chính
4	Ông Phạm Quang Thái	Phó Giám đốc Sở Công Thương
5	Ông Lê Hữu Đoàn	Phó Giám đốc Sở Xây dựng
6	Ông Hoàng Trung Kiên	Phó trưởng ban Quản lý Khu Kinh tế
7	Ông Hoàng Vĩnh Khuyến	Phó Giám đốc Sở KH&CN
8	Ông Nguyễn Văn Công	Phó Giám đốc Sở NN&PTNT
II	BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN	
9	Trưởng BQL Dự án: Tiến sỹ Hoàng Danh Sơn	Phó Giám đốc Sở KH&ĐT
10	Ông Phạm Hồng Biên	Trưởng Phòng Kinh tế đối ngoại, Sở KH&ĐT
11	Bà Trần Thị Thanh Tâm	Chuyên viên Phòng Kinh tế đối ngoại
12	Bà Đào Thanh Huyền	Phó Phòng Kinh tế đối ngoại
13	Bà Nguyễn Thu Hồng	Phó Phòng Kinh tế đối ngoại
14	Ông Tạ Thiên Hỷ	Trưởng Phòng Văn hóa-Xã hội
15	Bà Nguyễn Thị Thu Trang	Phó phòng Văn hóa-Xã hội
16	Bà Đặng Thị Thu Phương	Nhân viên PMU
III	CÁN BỘ HÀNH CHÍNH ĐỊA PHƯƠNG VÀ CÁC SỞ	
17	Ông Nguyễn Minh Sơn	Deputy manager of QNPPC office
18	Ông Lê Tiến Mạnh	Expert of QNPPC office
19	Ông Hồ Quang Huy	Phó Chủ tịch UBND t.p Hạ Long
20	Ông Phạm Ngọc Vinh	Phó Chủ tịch UBND t.p Cẩm Phả
21	Ông Đặng Đình Sách	Phó Chủ tịch UBND t.p Uông Bí
22	Ông Tô Quốc Hùng	Phó Chủ tịch UBND huyện Hoành Bồ
23	Ông Đỗ Mạnh Hùng	Phó Chủ tịch UBND t.x Quảng Yên
24	Bà Nguyễn Thị Thu Thủy	Phó trưởng Chi cục Bảo vệ Môi trường, Sở TN&MT
25	Bà Nguyễn Thị Thảo	Phó Phòng Phát triển Tài nguyên DL, Sở DL
26	Bà Nguyễn Thị Minh Lương	Trưởng phòng Báo chí và Xuất Bản, Sở Thông tin – Truyền thông
27	Bà Phạm Thu Minh	Nhà báo- công TT điện tử QN
IV	VĂN PHÒNG JICA VIETNAM	
28	Ông Taro KATSURAI	Đại diện Văn phòng JICA Việt Nam
29	Ông Nguyễn Vũ Tiệp	Cán bộ Chương trình, Văn phòng JICA Việt Nam
V	NHÓM CHUYÊN GIA JICA	
30	Ông Norihiko INOUE	Cố vấn trưởng/Chuyên gia về Chính sách TTX và Quy hoạch Phát triển vùng
31	Ông Kengo NAGANUMA	Phó Cố vấn trưởng/Chuyên gia về Các biện pháp Môi trường đối với công nghiệp
32	Ông Tetsuya SAITO	Chuyên gia Đánh giá/Phân tích
33	Ông Keiichi MAEDA	Chuyên gia về Cơ chế hợp tác giữa các tổ chức/Điều phối viên
34	Bà Dương Thị Nhuận	Phiên dịch / Biên dịch
35	Bà Trần Thị Mai Lan	Phiên dịch / Biên dịch
36	Cô Nguyễn Thị Thảo Hiền	Phiên dịch / Biên dịch

CHƯƠNG TRÌNH
Họp Ban Chỉ đạo Dự án Thúc đẩy tăng trưởng xanh tại
khuvực vịnh Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

1. Thời gian và địa điểm

- (1) **Thời gian:** 14.00 - 17:20, ngày **22/6/2016 (thứ Tư)**.
- (2) **Địa điểm:** Phòng họp Tầng 4 - UBND tỉnh Quảng Ninh

2. Nội dung dự kiến: dự kiến gồm 3 phần chính

- (1) Xin ý kiến Ban chỉ đạo về nội dung đề cương chi tiết 05 chủ đề đề xuất với JICA.
- (2) Xin ý kiến Ban chỉ đạo về Ma trận thực hiện dự án do Nhóm chuyên gia tư vấn của JICA dự thảo.
- (3) Báo cáo, xin ý kiến Ban chỉ đạo dự án về kế hoạch công việc sẽ triển khai đến khi kết thúc giai đoạn 1 của dự án và ký kết biên bản thỏa thuận thực hiện dự án Giai đoạn 2.

3. Thành phần mời tham dự (tổng số dự kiến khoảng 30 người):

1. Trưởng Ban chỉ đạo dự án: Ông Đặng Huy Hậu, Phó Chủ tịch Thường trực UBND tỉnh Quảng Ninh (kính mời Chủ trì);
2. Phó Trưởng Ban chỉ đạo: Ông Nguyễn Văn Minh, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư;
3. Thành viên Ban Chỉ đạo:
 - (1) Ông Phạm Văn Tiêu – Phó Giám đốc Sở Tài chính
 - (2) Ông Phạm Văn Cường – Phó Giám đốc Sở TN&MT
 - (3) Ông Hoàng Vĩnh Khuyến – Phó Giám đốc Sở Khoa học & Công nghệ
 - (4) Ông Trịnh Đăng Thanh – Phó Giám đốc Sở Du lịch;
 - (5) Ông Lê Minh Tân – Phó Giám đốc Sở Du lịch (nguyên Phó BQL Vịnh);
 - (6) Ông Phạm Quang Thái – Phó Giám đốc Sở Công – Thương
 - (7) Ông Lê Hữu Đoàn – Phó Giám đốc Sở Xây dựng
 - (8) Ông Nguyễn Văn Công – Phó Giám đốc Sở NN&PTNT
 - (9) Ông Hoàng Trung Kiên – Phó Giám đốc Ban Quản lý Khu Kinh tế
 - (10) Ông Hồ Quang Huy – Phó Chủ tịch UBND t.p Hạ Long.
4. Sở Thông tin và Truyền thông;
5. Lãnh đạo UBND các địa phương trong phạm vi dự án: Cẩm Phả, Vân Đồn, Hoành Bồ, Quảng Yên, Uông Bí (TP. Hạ Long trong thành phần Ban chỉ đạo).
6. Hiệp hội du lịch Quảng Ninh;
7. Đại diện của JICA tại Hà Nội.
8. Nhóm Chuyên gia tư vấn JICA
9. Thành viên Ban QLDA:
 - (1) Trưởng Ban QLDA: Hoàng Danh Sơn – Phó giám đốc Sở KH-ĐT
 - (2) Các thành viên Ban QLDA.

4. Tài liệu cuộc họp

- Chương trình họp;
- Báo cáo tiến độ triển khai dự án của BQL Dự án;

- Dự thảo Đề cương chi tiết 05 chủ đề;
- Dự thảo Ma trận và cấu trúc dự án

5. Chương trình dự kiến

Thời gian	Nội dung	Thực hiện
14.00 – 14.10	Báo cáo đề dẫn nội dung chương trình họp và tóm tắt tiến độ triển khai dự án;	Ông Hoàng Danh Sơn (Trưởng Ban QLDA Tăng trưởng Xanh)
	PHẦN 1	
13:10 – 14:30	1. Giải thích về cơ cấu dự án tổng thể	Chuyên gia JICA
14:30 – 14:55	2. Báo cáo về dự thảo đề cương 5 chủ đề chọn từ Danh sách ngân thuộc Đầu ra 2 và Đầu ra 3	Chuyên gia JICA
14:55 – 15:02	2.1 Sở Tài nguyên và Môi trường – chủ trì tham gia ý kiến Chủ đề “Tăng cường cơ chế quản lý các quỹ, cơ chế tài chính phục vụ Tăng trưởng xanh”	Lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường
15:02 – 15:09	2.2 Sở Công thương – chủ trì tham gia ý kiến Chủ đề “Thúc đẩy cơ chế ưu đãi hỗ trợ quản lý và tiết kiệm năng lượng”	Lãnh đạo Sở Công thương
15:09 – 15:16	2.3 Sở Du lịch – chủ trì tham gia ý kiến Chủ đề “Thúc đẩy du lịch bền vững tại khu vực Vịnh Hạ Long”	Lãnh đạo Sở Du lịch
15:16 – 15:23	2.4 UBND Thành phố Hạ Long – chủ trì tham gia ý kiến Chủ đề “Tăng cường năng lực quản lý môi trường thông qua kiểm soát tải lượng ô nhiễm trực tiếp xuống vịnh Hạ Long”	Lãnh đạo UBND Thành phố Hạ Long
15:23 – 15:30	2.5 Sở Kế hoạch và Đầu tư – chủ trì tham gia ý kiến Chủ đề Nâng cao nhận thức thông qua việc ban hành “Sách trắng về lĩnh vực Tăng trưởng xanh”	Lãnh đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư
15:30 – 16:00	3. Thảo luận ý kiến của về nội dung của 5 chủ đề	Ông Đặng Huy Hậu (Trưởng Ban chỉ đạo, Phó Chủ tịch TT UBND tỉnh Quảng Ninh)
16:00 – 16:15	<i>Giải lao</i>	
	PHẦN 2	
16:15 - 16:40	1. Báo cáo Ma trận thiết kế dự án	Chuyên gia JICA
16:40 - 17:00	2. Thảo luận về Ma trận thiết kế dự án	Trưởng BCD chủ trì, tất cả thành viên
17:00 - 17:10	3. Báo cáo, xin ý kiến Ban chỉ đạo dự án về kế hoạch công việc sẽ triển khai đến khi kết thúc giai đoạn 1 của dự án	Ông Hoàng Danh Sơn (Trưởng Ban QLDA Tăng trưởng Xanh)
17:10 - 17:20	4. Kết luận và bế mạc	Ông Đặng Huy Hậu (Trưởng Ban chỉ đạo, Phó Chủ tịch TT UBND tỉnh Quảng Ninh)

Phụ lục I-3
Biên bản Thảo luận Tham vấn chuyên sâu

Họp giao ban hàng tuần lần thứ 6

Phòng họp: Văn phòng dự án JICA

Ngày: 10 tháng 12 năm 2015

Danh sách cán bộ tham gia họp:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Cơ quan
1	Ông Trần Thanh Phong	Trưởng phòng kinh tế ngành	Sở KHĐT
2	Ông Bùi Tuấn Anh	Phó trưởng phòng tổng hợp và quản lý quy hoạch	Sở KHĐT
3	Ông Trần Xuân Cường	Phó chánh văn phòng	Sở KHĐT
4	TS. Hoàng Danh Sơn	Phó giám đốc	Sở KHĐT
5	Bà Đào Thị Thanh Huyền	Phó trưởng phòng kinh tế đối ngoại	Sở KHĐT
6	Bà Nguyễn Thị Thu Trang	Phó trưởng phòng kinh tế đối ngoại	Sở KHĐT
7	Ông Norikiho Inoue	Cố vấn trưởng	JET
8	Ông Kengko Naganuma	Phó cố vấn trưởng	JET
9	Ông Joshiak Kagatsume	Chuyên gia	JET
10	Ông Keiichi Maeda	Điều phối viên	JET
11	Bà Dương Thị Nhuận	Phiên dịch	JET
12	Ông Nguyễn Thanh Phương	Phiên dịch	JET
13	Bà Nguyễn Thảo Hiền	Phiên dịch	JET

Chương trình họp:

1. XÁC NHẬN BẢN KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CHÍNH THỨC

- (1) Ý kiến nhận xét từ các Sở/Ban Ngành và hành động thực hiện để hoàn thành báo cáo
- (2) Gửi báo cáo tới các Sở/Ban Ngành (bản DPF, bản in, bản Tiếng Anh/tiếng Việt)

2. TIẾN ĐỘ KHẢO SÁT BẢNG PHỎNG VẤN TRONG NGÀNH DU LỊCH

- (1) Phần khảo sát đã thực hiện và kết quả. Lịch tiếp theo để hoàn thành khảo sát
- (2) Những khó khăn và giải pháp trong quá trình thực hiện khảo sát.

3. MỘT LOẠT CÁC CUỘC THAM VẤN CHUYÊN SÂU ĐỂ THIẾT KẾ CÁC HOẠT ĐỘNG THỰC THI TRONG GIAI ĐOẠN 2 CỦA DỰ ÁN THỨC ĐẨY TĂNG TRƯỞNG XANH TẠI KHU VỰC VỊNH HẠ LONG

Xem Đính kèm

4. RÀ SOÁT HỆ THỐNG THỂ CHẾ CHO TĂNG TRƯỞNG XANH TRONG TỈNH QN

Xem Đính kèm

- (1) Chính sách/Khung luật pháp, quy hoạch, chương trình v.v... liên quan tới TTX trong tỉnh QN
- (2) Cơ cấu tổ chức hiện tại của các Sở/Ban Ngành có liên quan, những mối quan hệ /nhiệm vụ có thể liên quan tới TTX.
- (3) Phân tích cơ chế thể chế để chuẩn bị sẵn sàng cho việc thực hiện TTX (nhu cầu, khoảng cách, sự cần thiết phải sửa đổi/cải tiến cơ chế thể chế hiện tại v.v...)

5. LỊCH HOẠT ĐỘNG TUẦN (TỪ 14 ĐẾN 20/12)

6. KHÁC

- (1) Lịch Nhân sự của JET, ngày 4/12/2015

Nội dung thảo luận

- (1) Ông Norikiho Inoue, cố vấn trưởng JET, giải thích chi tiết các hoạt động của dự án theo như chương trình họp trong thời gian tới.
- (2) TS. Hoàng Danh Sơn, trưởng ban điều hành dự án, phó giám đốc sở KHĐT, có ý kiến như sau:
- Trong khi thực hiện dự án, nếu có vấn đề phát sinh PMU và JET sẽ cùng thảo luận giải quyết.
 - Về cơ bản đồng ý với ý kiến và đề xuất do JET đưa ra về các bước tiến hành dự án và lấy ý kiến từ các cơ quan liên quan và họp lấy tham vấn chuyên sâu từ các cán bộ chủ chốt trong mỗi cơ quan liên quan. Đây cũng là cách PMU có được nhận xét của các cơ quan liên quan.
 - Đồng ý với quan điểm của JICA, JET xây dựng chính sách chung cho toàn tỉnh và chỉ rõ hoạt động trình diễn trong khu vực vịnh Hạ Long trong giai đoạn 2.
 - Đồng ý với ý tưởng tiếp cận giảm khí thải hiệu ứng nhà kính của JICA do các hoạt động khai thác và sử dụng than gây ra. JET có thể đề xuất khung chính sách và giải pháp cấp vùng đối với ngành than phải thực hiện. Khuyến nghị và cơ chế phù hợp, tạo điều kiện các ngành cùng tỉnh tham gia dễ hơn. Ví dụ như trồng cây trên các bãi thải để sản xuất nhiên liệu sinh học, mang lại hiệu quả kinh tế cũng như bảo vệ môi trường và nguồn nước nhanh hơn. JET nên làm việc với VINACOMIN để đánh giá và đề xuất các hành động phối hợp.
 - JET đưa ra các tiêu chí cụ thể hơn cho phát triển du lịch khu vực vịnh Hạ Long. Cần thiết tổ chức các buổi hội thảo và thuyết trình kỹ thuật với các cơ quan liên quan.
- (3) Ông Trần Xuân Cường, thành viên PMU, phó chánh văn phòng, sở KHĐT có ý kiến như sau:
- Mục 5 báo cáo kế hoạch hoạt động về nông nghiệp xanh, nên bổ sung thêm nhãn thực phẩm xanh. Các công ty phải tuân thủ quy trình sản xuất sạch.
 - Trước đây HBMD có mô hình con thuyền sinh thái lồng ghép một số hoạt động giáo dục môi trường. Hiện nay có hiệp hội giáo dục môi trường thuộc đoàn thanh niên, chương trình giáo dục nâng cao nhận thức môi trường có thể lồng ghép trong các hoạt động của hội bảo vệ môi trường.
- (4) Bà Đào Thị Thanh Huyền, thành viên PMU, phó trưởng phòng kinh tế đối ngoại, sở KHĐT có ý kiến như sau:
- Trong phần trả lời các ý kiến đóng góp, thiếu phần trả lời ý kiến đóng góp của sở TNMT.
- (5) Ông Kengo Naganuma, phó cố vấn trưởng, JET trả lời như sau:
- Phần trả lời các ý kiến đóng góp của sở TNMT được đề riêng vì các ý kiến đóng góp của sở TNMT rất chi tiết và sâu sắc.
 - Những từ ngữ sửa đổi trong biên bản ghi nhớ thảo luận (R/D) sẽ được ký lại vào tháng 6 năm 2016.

(6) TS. Hoàng Danh Sơn, trưởng ban điều hành dự án, phó giám đốc sở KHĐT, có ý kiến như sau:

- JET nên họp thảo luận chuyên sâu với các nhóm sớm theo lịch đã đặt ra.
- JET gửi lại PMU lịch làm việc đã sửa đổi.
- Sở KHĐT sẽ tham gia cùng với JET họp với VINACOMIN.
- Ông Nguyễn Tuấn Anh, thành viên PMU, sẽ hỗ trợ JET rà soát các văn bản pháp lý về tăng trưởng xanh ở Quảng Ninh và kiểm tra lại các phòng phụ trách tăng trưởng xanh tại các sở và địa phương.

Hết

BIÊN BẢN THẢO LUẬN THAM VẤN CHUYÊN SÂU

Nhóm-2

Địa điểm: Phòng họp Sở KH&ĐT

Ngày: 16/12/2015

Danh sách thành viên tham dự:

STT	Tên	Chức vụ	Cơ quan
1	Tiến sỹ Hoàng Danh Sơn	Phó Giám đốc	Sở KH&ĐT
2	Ông Phạm Hồng Biên	Trưởng phòng Kinh tế đối ngoại	Sở KH&ĐT
3	Đặng Thị Thu Phương		Sở KH&ĐT
4	Ông Trần Thanh Phong	Trưởng phòng Kinh tế ngành	Sở KH&ĐT
5	Bà Nguyễn Thị Thu Thủy	Phó trưởng Chi cục Bảo vệ Môi trường	Sở TN&MT
6	Ông Phạm Đức Đề	Phó phòng Quản lý Năng lượng	Sở Công Thương
7	Ông Norikiho Inoue	Cố vấn trưởng	Nhóm Chuyên gia JICA (JET)
8	Ông Kengko Naganuma	Phó Cố vấn trưởng	JET
9	Ông Joshiak Kagatsume	Chuyên gia	JET
10	Ông Keiichi Maeda	Điều phối viên	JET
11	Bà Dương Thị Nhuận	Phiên dịch	JET
12	Ông Nguyễn Thanh Phương	Phiên dịch	JET
13	Cô Nguyễn Thị Thảo Hiền	Phiên dịch	JET
14	Cô Nguyễn Trần Nghĩaa	Phiên dịch	JET

Mục đích cuộc họp:

Để thiết lập cơ chế thể chế cho thực hiện/trình diễn TTX trong Giai đoạn 2, thông qua một loạt các cuộc tham vấn chuyên sâu giữa Sở KH&ĐT và JET, với sự tham gia của các cơ quan/ban ngành chủ chốt khi cần thiết.

Nội dung thảo luận:

1. Ông Norikiho Inoue, cố vấn trưởng của JET giới thiệu tóm tắt về dự án của JICA và giới thiệu các thành viên dự họp.
2. Ông Kengo Naganuma, phó cố vấn trưởng của JET trình bày nội dung cần được thảo luận trong cuộc tham vấn chuyên sâu với Nhóm 2.
3. Ông Norikiho Inoue, cố vấn trưởng của JET có ý kiến nhận xét như sau:
 - Một trong những mục tiêu của dự án là xây dựng cơ chế thể chế để thúc đẩy tăng trưởng xanh và cần nhắc làm cách nào để thúc đẩy đầu tư mới có khuyến khích tiết kiệm năng lượng. Đặc biệt là làm thế nào để các doanh nghiệp ESCO góp phần vào tiết kiệm năng lượng bằng các chính sách và cơ chế của tỉnh Quảng Ninh.
4. Bà Nguyễn Thị Thu Thủy, phó trưởng Chi cục Bảo vệ Môi trường, Sở TN&MT có ý kiến như sau:

- Các doanh nghiệp sẽ được phân nhóm theo nội dung quản lý, ví dụ như về năng lượng, môi trường v.v... hay theo đặc điểm của ngành sản xuất, ví dụ như khách sạn, xi măng hoặc nhiệt điện?
5. Ông Kengo Naganuma, phó cố vấn trưởng của nhóm chuyên gia JICA đã trả lời như sau:
- Quản lý các đối tượng về môi trường, năng lượng và du lịch là theo chức năng quản lý nhà nước thuộc các sở như Sở TN&MT, Sở Công – Thương, và sở VH-TT&DL.
6. Ông Phạm Đức Đệ, phó phòng Quản lý Năng lượng, Sở Công – Thương có ý kiến nhận xét như sau:
- Chúng ta nên tập trung vào những ngành sử dụng năng lượng lớn, ví dụ như ngành sản xuất xi măng, nhiệt điện và khai thác than.
 - Sở Công – Thương thực hiện quản lý nhà nước về năng lượng thông qua kiểm toán năng lượng, thực hiện trong năm 2015 và những năm trước đây. Nhà máy sau khi áp dụng tư vấn về tiết kiệm năng lượng đã tiết kiệm được 30% năng lượng tiêu thụ. Tuy nhiên cũng rất khó cho nhà máy hoặc doanh nghiệp lắp đặt hoặc thay thế thiết bị mới với mục đích tiết kiệm năng lượng do khó khăn về ngân sách vốn. Sẽ rất tốt đối với các nhà máy hoặc doanh nghiệp nếu UBND tỉnh đưa ra các cơ chế hỗ trợ theo cách tiếp cận ưu đãi về vốn đối với các đầu tư có giải pháp tốt về tiết kiệm năng lượng.
 - Có khoảng 600 – 650 tàu du lịch hoạt động trên vịnh Hạ Long. Cần phải có các cơ chế hỗ trợ phù hợp cho việc tiết kiệm năng lượng và bảo vệ môi trường, ví dụ như sử dụng xăng sinh học BDF. Ngoài ra, hệ thống đèn chiếu sáng tại các điểm tham quan du lịch trên vịnh Hạ Long nên được thay thế bằng đèn LED để tiết kiệm năng lượng.
 - Sở Công – Thương sẽ cung cấp báo cáo kiểm toán năng lượng nếu nhóm Chuyên gia JICA cần.
7. Ông Trần Thanh Phong, trưởng phòng Kinh tế ngành, Sở KH&ĐT có ý kiến nhận xét như sau:
- Nhóm 1 không chỉ bao gồm các nhà máy chế biến hải sản mà còn phải bao gồm các nhà máy xi măng, đóng tàu và khai thác than. Đặc biệt là khu vực đô thị dọc bờ biển trong đó có nhiều nhà hàng, khách sạn.
 - Trầm tích từ thượng nguồn các sông đổ vào vịnh Hạ Long cũng rất nghiêm trọng.
 - Nhóm tiết kiệm năng lượng theo Quyết định số 6970, phần việc quan trọng nhất là tiến hành khảo sát và thu thập thông tin về việc sử dụng năng lượng của các nhà máy/khách sạn so với tổng doanh thu hoặc trên từng nhân viên. Ý thức sử dụng tiết kiệm năng lượng đối với cả cấp các nhà quản lý và công nhân cũng như việc trình diễn tốt về tiết kiệm năng lượng có thể sẽ dễ dàng thuyết phục các chủ sở hữu/người quản lý trong việc áp dụng tiết kiệm năng lượng nhằm thu được lợi ích cao hơn. Cộng đồng dân cư trong khu vực vịnh Hạ Long cũng cần phải có hành vi tốt đối với tiết kiệm năng lượng.

- Áp dụng cơ chế khuyến khích bằng kinh tế đối với tiết kiệm năng lượng là tốt hơn so với giải pháp hành chính.
 - Cần thiết phải cập nhật cơ chế về Hợp tác Công – Tư – PPP.
8. Bà Nguyễn Thị Thu Thủy, phó trưởng Chi cục Bảo vệ Môi trường, Sở TN&MT có ý kiến như sau:
- Đồng ý với cách phân nhóm theo đối tượng quản lý.
 - Sở TN&MT sắp tiến hành một dự án xây dựng quy chuẩn kỹ thuật về môi trường trong mỗi thành phố/huyện/thị xã trong tỉnh, và chương trình nâng cao nhận thức về 3R tại phường Thanh Sơn, thành phố Uông Bí và khu vực vịnh Hạ Long trong năm 2016.
 - o Trong dự án 3R, sẽ tiến hành trình diễn về phân loại rác tại nguồn và quy trình quản lý chất thải rắn. Bước tiếp theo sẽ áp dụng đối với chất thải rắn của nhóm khách sạn tại Bãi Cháy. Dự án này có thể được lồng ghép vào với hoạt động của nhóm 6.
 - o Dự án về xây dựng quy chuẩn kỹ thuật về môi trường có thể sử dụng cho việc quản lý chất lượng của các nguồn thải. Đã có cơ chế khuyến khích và lộ trình áp dụng quy chuẩn kỹ thuật về môi trường tại mỗi huyện/thành phố/thị xã.
 - Kiểm toán chất thải là cần thiết để quản lý chất thải trong tương lai gần.
 - UBND tỉnh đã có cơ chế khuyến khích bằng kinh tế (50 triệu Đồng) cho doanh nghiệp thực hiện thành công ISO 14000. Tuy nhiên, nhiều doanh nghiệp không áp dụng quy trình tiêu chuẩn ISO 14000 do chưa được hướng dẫn đầy đủ, cụ thể sát sao và chưa được tuyên truyền về lợi ích của việc áp dụng.
9. Ông Kengo Naganuma, phó cố vấn trưởng của JET có câu hỏi như sau:
- Thiết lập một quỹ mới trong tỉnh Quảng Ninh để hỗ trợ các doanh nghiệp vừa và nhỏ thì có sát với yêu cầu thực tế không? Ví dụ: ở tỉnh Shiga cũng có một quỹ tương tự, hỗ trợ cho các doanh nghiệp có mức xả nước thải từ 10 – 30m³/ngày.
10. Bà Nguyễn Thị Thu Thủy, phó trưởng Chi cục Bảo vệ Môi trường, Sở TN&MT có ý kiến nhận xét như sau:
- Hiện nay, việc xử lý nước thải cho các tàu du lịch nghỉ đêm trên vịnh là vấn đề nghiêm trọng.
 - Kinh nghiệm từ việc lắp đặt thiết bị phân tách dầu trong nước làm mát của tàu du lịch, các doanh nghiệp du lịch gặp nhiều khó khăn về vấn đề tài chính.
 - Quỹ Bảo vệ môi trường Quảng Ninh có số vốn nhỏ, do đó, việc cải tiến quy trình và điều kiện cho vay, tăng lượng vốn trong quỹ là phương án tốt hơn so với thành lập một quỹ mới, như đã được đề xuất bởi Ban Xúc tiến và Hỗ trợ Đầu tư của tỉnh. Cũng cần phải có cơ chế về việc tăng lượng vốn trong Quỹ Bảo vệ Môi trường.
11. Ông Phạm Hồng Biên, Trưởng phòng Kinh tế Đối ngoại của Sở KH&ĐT có ý kiến nhận xét như sau:

- Hoạt động trong các khu công nghiệp (Việt Hưng, Cái Lân) bị lờ đi, đã ảnh hưởng trực tiếp tới vịnh Hạ Long, đặc biệt khu CN Việt Hưng đang sắp sửa được mở rộng.
 - JICA sắp thực hiện dự án về thoát nước thải tại thành phố Hạ Long. JET nên tiếp cận để tham khảo, phân tích kế hoạch hoạt động của dự án này để kết hợp.
 - ESCO là một ý tưởng tốt. JET có thể lựa chọn các đối tượng có mức tiêu thụ năng lượng lớn trong danh sách kiểm toán của Sở Công – Thương, tổ chức một cuộc hội thảo do UBND tỉnh chủ trì, để họ hiểu một cách rõ ràng về ESCO, bằng kinh nghiệm từ các công ty đã thực hiện thành công dự án ESCO, với sự giám sát của lãnh đạo UBND tỉnh đối với các doanh nghiệp để tiếp cận với 2 Quỹ (quỹ bảo vệ môi trường và quỹ phát triển khoa học và công nghệ). Dựa vào sự giám sát này, số tiền vốn của các quỹ có thể được tăng lên. Việc UBND tỉnh cấp giấy chứng nhận ESCO cho các doanh nghiệp sẽ được cân nhắc đề xuất bởi JET.
12. Ông Norikiho Inoue, cố vấn trưởng của JET có câu hỏi như sau:
- Ở Việt Nam, có cơ chế hoặc chính sách nào khuyến khích các doanh nghiệp tham gia các hoạt động xã hội, ví dụ như hoạt động bảo vệ môi trường hoặc cơ chế chính sách về nâng cao nhận thức của cộng đồng không?
13. Tiến sỹ Hoàng Danh Sơn, Trưởng Ban QLDA, phó Giám đốc Sở KH&ĐT có ý kiến như sau:
- Hằng năm có phần thưởng cho các cơ sở thực hiện tốt hoạt động này, nhưng tình hình vẫn chưa được tốt.
 - Nghị định số 15 quy định về Hợp tác Công – Tư (PPP) là còn rất mới, do đó việc áp dụng cần phải có thời gian. Có thể hiểu được về PPP một cách chung chung nhưng khó để áp dụng trong những hoàn cảnh cụ thể. Về cơ bản chúng ta mới có lý thuyết chứ chưa có thực tế, do đó chúng ta cần phải có kinh nghiệm của Nhật Bản cũng như các kinh nghiệm tốt về PPP từ Nhật Bản.
 - ISO 14001 và ISO 5001 đã được đưa vào áp dụng cách đây 10 năm, nhưng không hiệu quả. Trách nhiệm của doanh nghiệp đối với xã hội cần phải được nâng lên và bản thân họ phải hiểu được về trách nhiệm đó. Ví dụ, doanh nghiệp phải đảm bảo các thiết bị điện tử cũ như Ti vi, đặc biệt là pin đã hết hạn nhằm giảm lượng chất thải rắn độc hại cho môi trường.
 - Cần phải thêm nội dung về an toàn thực phẩm. Cần phải xây dựng được mô hình để kiểm soát.
 - Cần thiết phải tổ chức cuộc hội thảo, cuộc họp hoặc tập huấn về cơ chế ESCO.
 - JET có thể giới thiệu kinh nghiệm hoặc làm việc với hệ thống ngân hàng để hỗ trợ cho các doanh nghiệp và người dân có thể vay vốn cho mục đích bảo vệ môi trường. Ví dụ, cơ chế ngân hàng xanh là thích hợp cho việc này.
14. Ông Kengo Naganuma, phó cố vấn trưởng của nhóm Chuyên gia JICA có ý kiến như sau:

- Theo tôi hiểu, hệ thống thuế và cơ chế đối với ngân hàng chỉ có thể được thay đổi bởi cấp Trung ương. Làm thế nào để chúng ta can thiệp tại tuyến tỉnh?
15. Tiến sỹ Hoàng Danh Sơn, Trưởng Ban QLDA, phó Giám đốc Sở KH&ĐT có ý kiến như sau:
- Luật về thuế sẽ quy định riêng về các hoạt động thuế, tuy nhiên HĐND tỉnh có thể đưa ra các quy định về phí.
 - Có thể đề xuất cơ chế đặc biệt cho khu vực vịnh Hạ Long. Lãnh đạo UBND tỉnh và HĐND tỉnh có thể đề xuất lên chính phủ trung ương để phê duyệt. Dựa vào các cơ chế này, sẽ thiết lập việc kiểm soát các doanh nghiệp trước khi quyết định cho họ thực hiện đầu tư trong tỉnh.
- Ví dụ như: Chúng ta có thể áp dụng hình phạt nặng đối với các doanh nghiệp vi phạm tiêu chuẩn xả nước thải, hoặc buộc doanh nghiệp phải di dời ra khỏi vị trí nếu việc vi phạm các tiêu chuẩn môi trường lặp đi lặp lại.
16. Ông Kengo Naganuma, Phó cố vấn trưởng Nhóm Chuyên gia JICA có câu hỏi như sau:
- Có quy định nào để kiểm soát việc san lấp biển tạo mặt bằng, cụ thể có quy định liên quan tới mức độ tác động tới TSS và việc bồi lắng không?
17. Tiến sỹ Hoàng Danh Sơn, Trưởng Ban QLDA, phó Giám đốc Sở KH&ĐT có ý kiến nhận xét như sau:
- Hoạt động san lấp mặt bằng chỉ tác động tới TSS và bồi lắng trong thời gian hoạt động san lấp diễn ra, và trong khoảng thời gian ngắn. Các hoạt động khai thác than/khoáng sản gây tác động lâu dài. Việc kiểm soát TSS là quan trọng.
18. Ông Joshiak Kagatsume, chuyên gia về cải thiện môi trường nước, Nhóm Chuyên gia JICA có ý kiến nhận xét như sau:
- Các hoạt động nhà hàng, khách sạn cũng gây tác động mạnh mẽ tới chất lượng nước bởi gây ô nhiễm về dầu và mỡ.
 - Hoạt động tàu thuyền, san lấp biển, và khai thác than gây tác động tới TSS làm giảm chất lượng nước.
 - Cần phải rà soát để xem xét tất cả các nguồn gây ô nhiễm vịnh Hạ Long, không phải chỉ các yếu tố về khách sạn và nhà hàng.
19. Ông Hoàng Danh Sơn, Trưởng Ban QLDA, phó Giám đốc Sở KH&ĐT có ý kiến nhận xét như sau:
- Đồng ý với ý kiến của ông Kagatsume.
 - Cần phải phân tách khách sạn/nhà hàng khi xét về mặt nguồn gây ô nhiễm.
20. Về năng lượng, chúng ta chỉ đề cập tới điện. Những loại hình năng lượng khác như năng lượng gió, năng lượng mặt trời cũng nên được đề cập.
21. Bà Nguyễn Thị Thu Thủy, Phó trưởng Chi cục Bảo vệ MT, Sở TN&MT có ý kiến nhận xét như sau:

- Đã đến lúc phải cảnh báo về ô nhiễm dầu trên vịnh Hạ Long. Thủy triều đỏ đôi khi đã xuất hiện.
 - NM XLNT Bãi Cháy công suất 5,000m³/ngày mới bắt đầu đi vào hoạt động tháng 7/2015. WWT plant in Bai Chay with its capacity of 5000m³/day just started operating in July.
 - Một trong những vấn đề khó khăn là thu gom nước thải từ các cửa xả để đưa vào xử lý tại NMXLNT này.
 - Trước đây, Công ty Chodai đã trình diễn công nghệ xử lý nước thải của các nhóm dân cư đô thị, cũng như nước thải từ tàu thuyền du lịch.
22. Ông Hoàng Danh Sơn, Trưởng Ban QLDA, phó Giám đốc Sở KH&ĐT có ý kiến nhận xét như sau:
- Nâng cao nhận thức cho các lãnh đạo, các cấp chính quyền và cộng đồng là cần thiết.
 - Sẽ xây dựng khung chính sách và cơ chế thể chế để khuyến khích doanh nghiệp tiến hành chiến lược tăng trưởng xanh. Khung chính sách và cơ chế thể chế không phải áp dụng để giải quyết một vấn đề duy nhất.
 - Việc thực hiện tăng cường cơ chế thể chế nhằm thực hiện chiến lược tăng trưởng xanh với các điều kiện thực tế tại tỉnh Quảng Ninh.

Hết

BIÊN BẢN THẢO LUẬN

Tên cuộc họp: Tham vấn chuyên sâu- 3

Ngày: 16 tháng 12 năm 2015

Địa điểm: Phòng họp Sở KH&ĐT

Danh sách thành viên tham dự:

STT	Tên	Chức vụ	Cơ quan
1	Trần Tuấn Anh	Phó Chủ tịch	Hội Giáo dục và Bảo vệ Môi trường Hạ Long
2	Lê Lâm Tuấn	Trưởng ban quản lý môi trường	BQL Vịnh Hạ Long
3	Hoàng Danh Sơn	Phó giám đốc	Sở KH&ĐT
4	Nguyễn Thị Thu Thủy	Chi cục phó – Chi cục Bảo vệ môi trường	Sở TNMT
5	Đình Hải Hà	Phó trưởng phòng Hành chính tổng hợp	Sở TNMT
6	Đặng Thị Thu Phương	Thư ký dự án	Sở KH&ĐT
7	Nguyễn Thị Thu Trang	Phó trưởng phòng Kinh tế đối ngoại	Sở KH&ĐT
8	Norihiko Inoue	Cố vấn trưởng	Nhóm chuyên gia JICA
9	Kengko Naganuma	Cố vấn phó	Nhóm chuyên gia JICA
10	Toshiaki Kagatsume	Chuyên gia môi trường nước	Nhóm chuyên gia JICA
11	Keiichi Maeda	Điều phối viên	Nhóm chuyên gia JICA
12	Dương Thị Nhuận	Phiên dịch viên	Nhóm chuyên gia JICA
13	Nguyễn Thanh Phương	Phiên dịch viên	Nhóm chuyên gia JICA
14	Nguyễn Thị Thảo Hiền	Phiên dịch viên	Nhóm chuyên gia JICA
15	Nguyễn Trần Nghĩa	Phiên dịch viên	Nhóm chuyên gia JICA

Nội dung:

Tham vấn chuyên sâu số 3 – Nhóm 6

- (1) Trình bày cho các cơ quan có liên quan nội dung về “Giáo dục và nâng cao nhận thức Môi trường”
- (2) Thảo luận và ý kiến đề xuất về các nội dung cuộc họp.

Nội dung thảo luận:

- (1) Ông Kengo Naganuma – Chuyên gia về Môi trường của Nhóm Chuyên gia JICA (JET) trình bày về các chủ đề có thể để thực hiện các hoạt động trình diễn của dự án nói chung và đặc biệt trong nhóm 6.
- (2) Ông Norihiko Inoue – Cố vấn trưởng của JET khuyến khích các thành viên tham gia trong cuộc họp cho ý kiến đóng góp và cung cấp thông tin liên quan tới hoạt động tuyên truyền giáo dục nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, liên quan tới TTX trong tỉnh Quảng Ninh.
- (3) Ông Lê Lâm Tuấn – Trưởng phòng Quản lý Môi trường, Ban Quản lý vịnh Hạ Long cung cấp thông tin về Con tàu sinh thái của Ban QLV như sau:
 - Trước đây, mô hình này được tài trợ bởi tổ chức FFI (Fauna & Flora International). Cách đây 2-3 năm, con tàu đã được chuyển giao cho Ban QLV, tuy nhiên do hạn chế về kinh phí và nguồn nhân lực, con tàu đã bị xuống cấp nghiêm trọng và không còn thực hiện được chức năng ban đầu của nó nữa. Nếu cơ quan hoặc tổ chức nào muốn tổ chức hoạt động liên quan tới bảo vệ môi trường trên vịnh Hạ Long, họ phải thuê tàu để thực hiện công tác này.
 - Bên cạnh việc khuyến khích sử dụng nhiên liệu sinh học (BDF) cho tàu du lịch, Ban QLV đã được phê duyệt về chương trình hỗ trợ của Bộ Giao thông Vận tải và Tổng Công ty Dầu khí Việt Nam về việc cung cấp Khí CNG (Khí tự nhiên nén) sau cuộc họp cách đây 1 tuần. Các chủ tàu thực sự quan tâm và thích thú áp dụng thử nghiệm, để đánh giá những lợi ích của loại nhiên liệu này sau khi nghe được thông tin trên.
 - Cần phải kiểm tra lại một số vấn đề hiện tại, ví dụ: vì sao nhãn sinh thái sinh thái chưa được phê duyệt áp dụng cho tàu du lịch trên vịnh Hạ Long.
- (4) Ông Inoue có câu hỏi: BDF và CND đã được áp dụng trên thực tế chưa, hay là mới chỉ là áp dụng thử nghiệm.
- (5) Ông Lê Lâm Tuấn – Ban QLV Hạ Long có ý kiến nhận xét như sau:
 - Cả BDF và CND hiện nay đang được thử nghiệm, sẽ mất một giai đoạn thời gian để thử nghiệm và lựa chọn loại năng lượng nào là phù hợp nhất
 - Là chức năng của Ban QLV Hạ long, thông qua cơ chế thể chế, hiện nay Ban có thể khuyến khích tất cả các chủ tàu sử dụng BDF và CNG.
 - Theo báo cáo của Tổng Công ty xăng dầu Việt Nam, cho tới nay, việc sử dụng CNG có kết quả tốt.
- (6) Bà Nguyễn Thị Thu Thủy – Sở TN&MT có ý kiến nhận xét rằng Cơ quan của bà – Chi cục Bảo vệ Môi trường sẽ chịu trách nhiệm rà soát tất cả các ý kiến đóng góp. Bà Thủy cũng đề cập về hoạt động thử nghiệm chèo thuyền Kayak – một sản phẩm du lịch sinh thái mới sử dụng thuyền Kayak.

(7) Ông Lê Lâm Tuấn – Ban QLV Hạ Long đề cập về sự cộng tác giữa JICA (Otsuka Sensei) và Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh trong việc biên soạn chương trình giảng dạy về nội dung bảo vệ môi trường sử dụng trong tất cả các cấp học phổ thông tại Hạ Long

(8) Ông Trần Tuấn Anh – Phó chủ tịch Hội Bảo vệ và Giáo dục môi trường bổ sung thông tin về việc soạn thảo chương trình giảng dạy, như sau:

- Lý tưởng nhất là biên soạn chương trình giảng dạy về nội dung bảo vệ môi trường cho tất cả các cấp học phổ thông.
- Do hạn hẹp về ngân sách, hiện nay mới hoàn thành soạn thảo tài liệu cho học sinh từ lớp 1 đến lớp 8.

Ông Trần Tuấn Anh cũng đề cập về việc nghiên cứu khoa học của học sinh trường PTCS Hùng Thắng, t.p Hạ Long:

- Trước đây, học sinh có cơ hội được tham quan làng chài Cửa Vạn và được trải nghiệm việc sử dụng đĩa Secchi – một dụng cụ để đo độ trong của nước biển.
- Hiện nay, do nhiều lý do, mô hình đo độ trong của nước này không được tiếp tục được thực hiện nữa.

(9) Ông Inoue đề xuất rằng mô hình sử dụng đĩa Secchi Disk nên được thử nghiệm với khách du lịch.

(10) Ông Sơn – Phó Giám đốc Sở KH&ĐT làm rõ một số thông tin sau phần thảo luận ở trên:

- Với nhiều dự án được hỗ trợ bởi các tổ chức phi chính phủ và các tổ chức khác nói chung, hiện nay người dân địa phương đã hiểu được tầm quan trọng của việc bảo vệ môi trường. Ngày nay, mục đích lớn nhất là để giúp họ hiểu được “LÀM THẾ NÀO để bảo vệ”, hơn là “VÌ SAO phải bảo vệ”.
- Vai trò quan trọng nhất của dự án Tăng trưởng xanh là xây dựng các cơ chế thể chế, mà các cơ chế đó có thể xác định rõ các đối tượng và nội dung chính hướng tới Tăng trưởng Xanh.
- Sau giai đoạn trình diễn, điều quan trọng là xây dựng cơ chế nhằm mở rộng hoạt động hoạt động tuyên truyền giáo dục, trọng tâm vào vấn đề biến đổi khí hậu và sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên thiên nhiên.
- Sau khi tham vấn được những kinh nghiệm tốt từ Nhật Bản và các nước khác, nếu có thể, cần phải lập sổ tay hướng dẫn về bảo vệ môi trường cho các chủ tàu và người dân địa phương.
- Liên quan tới vấn đề về nhân sinh thái, mô hình này trước đây không được tốt nhưng gần đây, nhờ thực hiện các luật chặt chẽ hơn và các dự án biển mới có thiết kế tốt, hầu hết tàu thuyền tập trung tại bến tàu Tuần Châu trước khi đi ra khơi, với chế độ quản lý hiệu quả, sẽ rất dễ phân loại các tàu, tàu nào làm tốt và tàu nào chưa tốt về

tăng trưởng xanh. Chỉ có tàu nào được cấp nhãn sinh thái mới được phép xuất bến hoạt động.

(11) Ông Toshiaki Kagatsume – Chuyên gia Môi trường nước của JET trình bày một cuốn sổ tay hướng dẫn từ tỉnh Shiga với những điểm chính sau đây:

- Hoạt động tuyên truyền giáo dục tại tỉnh Shiga được thực hiện theo nhiều cấp: Trước hết, các tình nguyện viên tới các nhà máy hoặc các khu công nghiệp để thực hiện nghiên cứu, sau đó họ quay trở về các trường học để hướng dẫn cho học sinh. Họ có chương trình giảng dạy phù hợp cho từng cấp học.
- Kể từ năm 1983 tới nay, luôn luôn duy trì thực hiện mô hình con tàu trường học, có đủ sức chứa cho 150 học sinh. Ví dụ: học sinh lớp 4 sẽ tham gia 1 tour trên con tàu trong thời gian 2 ngày và 1 đêm trên biển để học tập về môi trường. Mặc dù ngân sách để duy trì hoạt động này là không nhỏ, nhưng họ có gắng duy trì liên tục từ năm này sang năm khác, từ thế hệ này sang thế hệ khác.
- Đối với học sinh của Nhật Bản, họ ít nhất được trải nghiệm cuộc sống như một ngư dân khi đánh bắt cá, như một nông dân làm việc trên cánh đồng lúa hoặc trồng cây gây rừng. Họ làm tham gia làm việc thực sự và sẽ kết quả làm việc của họ sau mỗi chuyến đi mang lại những vụ thu hoạch thực sự.
- Đồng thời, tại các bảo tàng, cũng có khu vực để thực hiện giáo dục bảo vệ môi trường

(12) Ông Norihiko Inouedề xuất về việc cần thiết phải nhận được thông tin phản hồi từ người dân địa phương sau khi thực hiện xong việc tuyên truyền giáo dục.

Ông Inoue đồng thời cũng khuyến nghị rằng hoạt động giáo dục tuyên truyền về bảo vệ môi trường cũng đồng thời phải nhằm mục đích vào các công ty và các doanh nghiệp, ví dụ: Một nhà máy thực hiện tốt xử lý chất thải liên quan tới tăng trưởng xanh có thể là một ví dụ tốt cho các nhà máy khác, bằng cách mời họ tới tham quan và học tập.

(13) Bà Nguyễn Thị Thu Thủy - Sở TN&MT xác nhận lại rằng tại vịnh Hạ Long, các nhà hàng, khách sạn bảo vệ môi trường theo cách riêng của họ. Hằng năm, có các cuộc hội thảo, các khóa đào tạo và chương trình đào tạo với tiêu đề “Tuyên truyền, giáo dục và nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường”. Ví dụ như chương trình 3R, du lịch sinh thái, v.v... Có cả các cuộc thi dành cho học sinh, sinh viên có sáng kiến khoa học liên quan tới bảo vệ môi trường, nhưng hiện nay, do ngân sách hạn hẹp, các cuộc thi đó không được tổ chức như trước đây.

(14) Ông Lê Lâm Tuấn – Ban QLV Hạ Long có đề xuất về phân loại các ngành liên quan tới TTX thành các nhóm khác nhau, ví dụ như ngành nông nghiệp, công nghiệp, du lịch, v.v...

(15) Ông Hoàng Danh Sơn, Phó giám đốc Sở KH-ĐT có 2 ý kiến đề xuất như sau:

- Sẽ rất tốt nếu xây dựng một chương trình thường xuyên trên truyền hình giữa Việt Nam và Nhật Bản trong đó cung cấp những thông tin hướng dẫn bổ ích, trở thành diễn đàn để các doanh nghiệp, cá nhân và những người thực hiện hoạt động TTX thảo luận trao đổi cởi mở. Thực ra trước đây đã có một chương trình về Khoa học – Công nghệ trên kênh truyền hình Quảng Ninh. Quảng Ninh cũng có thể tự làm được chương trình TV, chỉ cần sự tham vấn hỗ trợ từ phía Nhật Bản và các nước khác.
 - Ngoài ra, bảo tàng Quảng Ninh – một trong những địa điểm hấp dẫn khách du lịch trong tỉnh, có một số phòng hội trường, có thể tận dụng để tổ chức các cuộc triển lãm, hội thảo, hội nghị v.v... về bảo vệ môi trường. Có thể đây là một nơi lý tưởng, không chỉ để giới thiệu về cảnh đẹp của vịnh Hạ Long, mà còn để tăng cường giáo dục về bảo vệ môi trường.
- (16) Ông Norihiko Inoue hy vọng về một cơ chế bền vững cho tất cả các ngành trong tỉnh Quảng Ninh, thậm chí sau thời gian thực hiện dự án của JICA, từ việc thực hiện kinh nghiệm từ mô hình con tàu sinh thái.
 - (17) Ông Hoàng Danh Sơn - Phó giám đốc Sở KH-ĐT hy vọng Quảng Ninh trở thành tỉnh có vị trí dẫn đầu trên phạm vi toàn quốc về tăng trưởng xanh. Thay mặt các cơ quan tổ chức có liên quan, ông Sơn cam kết sẽ tiếp tục thực hiện và nỗ lực duy trì tốt các kết quả của dự án, ngay cả khi dự án JICA kết thúc.
 - (18) Ông Toshiaki Kagatsume đề nghị về tầm quan trọng của việc bảo vệ khu vực rừng đầu nguồn và hỗ trợ thuế đối với những người trồng rừng. Ông đề xuất một mô hình mới về việc mời khách du lịch tham gia trồng rừng, sau đó những khu vực rừng đó sẽ là nơi để du khách tới tham quan, như là một điểm du lịch.
 - (19) Ông Norihiko Inoue và ông Kengo Naganuma có sự quan tâm tới Quỹ xã hội hóa trong tỉnh Quảng Ninh, quan tâm tới cơ quan đang phụ trách quỹ và khả năng của quỹ hỗ trợ cho hoạt động bảo vệ môi trường.
 - (20) Ông Lê Lâm Tuấn - Ban QLV Hạ Long có trả lời rằng Quỹ Xã hội hóa đang được quản lý bởi Kho bạc Nhà nước tỉnh. Luôn luôn có phần phân bổ riêng của quỹ cho công tác bảo vệ môi trường.
 - (21) Ông Hoàng Danh Sơn - Phó giám đốc Sở KH-ĐT đề xuất một cuộc họp riêng với Sở Tài chính để làm rõ tất cả các vấn đề có liên quan và khuyến nghị sự cộng tác giữa JICA và Sở Tài chính.
 - (22) Ông Norihiko Inoue đánh giá cao đề xuất này và muốn có lịch họp với Sở Tài chính vào một cuộc họp khác vào đầu tháng 1 năm 2016.

Hết

BIÊN BẢN CUỘC HỌP

Tên cuộc họp: Tham vấn chuyên sâu - 4

Ngày: 29/12/2015

Địa điểm: Phòng họp Sở Kế hoạch & Đầu tư

Danh sách tham dự:

STT	Họ tên	Chức vụ	Cơ quan
1	Trần Tuấn Anh	Phó chủ tịch	Hiệp hội Giáo dục và Bảo vệ môi trường Hạ Long
2	Nguyễn Trung Sơn	Chuyên viên	Sở VH, TT & DL
3	Hoàng Danh Sơn	Phó giám đốc	Sở KH & ĐT
4	Phạm Hồng Biên	Trưởng phòng Kinh tế đối ngoại	Sở KH & ĐT
5	Trần Xuân Cường	Phó chánh Văn phòng	Sở KH & ĐT
6	Nguyễn Thị Bảo	Chủ tịch	Hiệp hội du lịch
7	Đặng Thị Thu Phương	Cán bộ	Sở KH & ĐT
8	Norihiko Inoue	Cố vấn trưởng	Nhóm chuyên gia JICA
9	Tetsuo Isono	Chuyên gia du lịch	Nhóm chuyên gia JICA
10	Keiichi Maeda	Điều phối viên	Nhóm chuyên gia JICA
11	Dương Thị Nhuận	Phiên dịch viên	Nhóm chuyên gia JICA
12	Nguyễn Thanh Phương	Phiên dịch viên	Nhóm chuyên gia JICA
13	Nguyễn Thị Thảo Hiền	Phiên dịch viên	Nhóm chuyên gia JICA
14	Trần Thị Mai Lan	Phiên dịch viên	Nhóm chuyên gia JICA

Nội dung:

Tham vấn chuyên sâu số 4 – Nhóm 3 & 4

- (1) Trình bày trước các cơ quan có liên quan về “Xanh hóa ngành công nghiệp du lịch hiện nay” và “Xanh hóa các ngành công nghiệp ở Quảng Ninh thông qua xúc tiến du lịch sinh thái”
- (2) Thảo luận và đề xuất ý kiến

Nội dung thảo luận:

- (1) Ông. Norihiko INOUE – Cố vấn trưởng – Nhóm chuyên gia JICA giới thiệu sơ lược dự án Tăng trưởng xanh khu vực Hạ Long, mục đích và quy trình tham vấn

chuyên sâu kết hợp việc tóm lược kế hoạch hành động Tăng trưởng xanh tỉnh đã ban hành.

(2) Ông. Tetsuo ISONO – Chuyên gia du lịch - Nhóm chuyên gia JICA giới thiệu đánh giá hiện trạng sơ bộ du lịch vịnh Hạ Long và Báo cáo kết quả khảo sát hợp tác cùng Trung tâm quan trắc môi trường Quảng Ninh. Cụ thể:

- Đánh giá hiện trạng du lịch Hạ Long thông qua cung, cầu và tiếp thị
- Kết quả khảo sát hoạt động môi trường cho 3 nhóm đối tượng trong ngành du lịch: Khách sạn, nhà hàng và tàu du lịch.

(3) Bà. Nguyễn Thị Bảo – Chủ tịch Hiệp hội Du lịch đánh giá cao kết quả của khảo sát. Bà nhấn mạnh rằng một khi dự án Tăng trưởng xanh được triển khai tại khu vực vịnh Hạ Long, lĩnh vực được hưởng lợi nhiều nhất sẽ là du lịch.

Bà đề cập đến Quy hoạch tổng thể du lịch tỉnh Quảng Ninh tới năm 2020 tầm nhìn 2030 và giải thích nguyên nhân vì sao số lượng khách tham quan tới tỉnh Quảng Ninh tăng trong khi số tới vịnh Hạ Long không tăng. Đa phần khách quốc tế chỉ tham quan vịnh Hạ Long trong khi khách du lịch nội địa có nhiều lựa chọn hơn khi tới tỉnh. Bên cạnh đó, bà cũng đồng ý quan điểm rằng du lịch Quảng Ninh hiện giờ phụ thuộc nhiều vào các công ty lữ hành tại Hà Nội, do thiếu một cơ quan tiếp thị điểm đến.

Bà đề cập tới chức năng của Hiệp Hội du lịch, trong đó hội tổ chức những sự kiện liên quan tới nâng cao nhận thức tiết kiệm năng lượng cho các nhà hàng và khách sạn trên địa bàn. Hầu hết các khách sạn khu vực Hòn Gai và Bãi Cháy đều kí hợp đồng với một công ty chuyên xử lý rác thải độc hại.

Trên thực tế, việc quản lý xử lý rác thải trên bờ luôn dễ dàng hơn trên biển, đặc biệt với các tàu nghỉ đêm trên vịnh. Bà cho rằng nên có một chế tài riêng dành cho các tàu nghỉ đêm, đề xuất một phương án quản lý thực đơn trên tàu thông qua việc kiểm tra nguyên liệu đầu vào và đầu ra. Ví dụ như, không xuất hiện rác thải từ tôm trong khi thực đơn ngày hôm đó có tôm, cần phải xem xét nguyên nhân.

Bà Bảo hi vọng rằng có thể áp dụng Nhận sinh thái theo tiêu chuẩn Asean cho các cơ sở dịch vụ du lịch cùng các ngành khác có ảnh hưởng tới lĩnh vực du lịch như nông nghiệp, công nghiệp (Đặc biệt là công nghiệp khai thác than và xi măng)

(4) Ông Nguyễn Trung Sơn, chuyên viên thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch giải thích rõ hơn về chức năng chính của Cơ quan tiếp thị điểm đến. Ông cho rằng hiện tại cơ quan này thuộc về chức năng quản lý của Trung tâm Thông tin và Xúc tiến Du lịch tỉnh. Ông cũng đề cập tới Dự án EU từ Liên minh Châu Âu đã và đang triển khai nhằm giúp Sở VH-TT-DL hoàn chỉnh bộ máy tổ chức và xây dựng thành công Cơ quan tiếp thị điểm đến.

- Bà Nguyễn Thị Bảo – Hiệp hội du lịch bổ sung thông tin liên quan tới dự án EU. Dự án được bắt đầu từ năm 2005, hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực cho giai đoạn 1. Giai đoạn 2 kéo dài từ 18/10 tới cuối 2015 nhưng đã được gia hạn thêm tới hết 2016 nhằm hỗ trợ các hoạt động du lịch có trách nhiệm. Cụ thể:
 - Quy hoạch điểm du lịch
 - Quản lý điểm đến
 - Xây dựng tiêu chí và tiêu chuẩn đánh giá chất lượng dịch vụ
 - Đào tạo nguồn nhân lực
- (5) Ông Hoàng Danh Sơn, Phó giám đốc sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Ban quản lý dự án Tăng trưởng Xanh cảm ơn thông tin từ bà Nguyễn Thị Bảo và hi vọng rằng những thông tin từ dự án EU có thể hữu ích cho nhóm chuyên gia trong khuôn khổ dự án.
- (6) Ông Trần Tuấn Anh- Phó chủ tịch Hiệp hội Giáo dục và Bảo vệ Môi trường Hạ Long chia sẻ thông tin rằng Hiệp hội được thành lập dựa vào Dự án trước đó của JICA năm 2013. Trong khuôn khổ dự án Tăng trưởng xanh, Hiệp hội luôn sẵn sàng tham gia và đóng góp để dự án đạt được những kết quả tốt nhất.
- (7) Ông Hoàng Danh Sơn – Sở KH&ĐT đánh giá cao kết quả của khảo sát du lịch và cho rằng cần thiết để có thêm nghiên cứu với các đối tượng khác ngoài các khách sạn, nhà hàng và tàu du lịch. Ông nhắc lại rằng kết quả hiện tại chủ yếu dựa trên khảo sát của Trung tâm quan trắc môi trường và sẽ cần thêm đề xuất từ chính nhóm chuyên gia.
- (8) Ông Tetsuo Isono – Nhóm chuyên gia JICA đặt câu hỏi tại sao lượng tiêu thụ than tại các nhà hàng lại cao hơn nhiều tại các khách sạn.
- (9) Bà Nguyễn Thị Bảo – Hiệp hội Du lịch trả lời rằng đa phần các khách sạn sử dụng ga để nấu ăn, than chỉ được dùng cho việc giặt là.
- (10) Ông Trần Xuân Cường – Phó chánh văn phòng, Sở KH & ĐT nhấn mạnh rằng người dân Hạ Long không được hưởng lợi ích trọn vẹn từ hoạt động du lịch bởi du lịch lệ thuộc nhiều vào các công ty lữ hành tại Hà Nội. Để cạnh tranh, họ buộc phải tìm mọi nguồn cung cấp dịch vụ với giá cả hợp lý nhất từ người dân địa phương. Bởi vậy, việc tự xây dựng một cơ quan quản lý điểm đến là vô cùng quan trọng để trực tiếp thu hút khách du lịch đến với Quảng Ninh thay vì qua kênh trung gian từ Hà Nội.
- Trước khi thành lập cơ quan này, mỗi cơ quan liên quan cần được làm rõ trách nhiệm. Ví dụ: Sở GTVT quản lý về cơ sở vật chất. Từ quy hoạch tổng thể chung xây dựng cơ quan quản lý điểm đến, mỗi ban ngành sẽ có kế hoạch riêng để triển khai tốt nhất.

Ông Cương cũng chia sẻ chính kinh nghiệm cá nhân khi hai khách du lịch người Ý hỏi ông về địa điểm ăn uống tại Hạ Long, họ phân vân giữa chuỗi nhà hàng ở đây. Ông đề xuất rằng xây dựng cơ quan quản lý điểm đến nên kết hợp thêm xây dựng một website chính thức cho du lịch Hạ Long. Tính đến thời điểm hiện tại, đa phần website cung cấp thông tin về Hạ Long thực chất lại đến từ các công ty lữ hành tại Hà Nội.

- (11) Ông Hoàng Danh Sơn – Sở KH & ĐT đánh giá cao ý kiến của ông Trần Xuân Cương. Ông đề xuất cần làm rõ chức năng của Cơ quan tiếp thị điểm đến đã được đề cập trong các ý kiến trước đó: chức năng quản lý hay chức năng tiếp thị? Việc dựa vào tâm lý của khách du lịch là cần thiết, tránh áp đặt quan điểm chủ quan lên khách du lịch. Chỉ khi có định nghĩa rõ ràng, ta mới có được triển khai thực tế tốt.
- (12) Ông Phạm Hồng Biên – Trưởng phòng Kinh tế Đối ngoại, Sở KH & ĐT cho rằng cần phải mở rộng đối tượng khảo sát du lịch như các điểm đến du lịch, bến tàu, bãi biển, hang động..v.v.. Đánh giá tổng quan về du lịch chỉ được hoàn thiện một khi tất cả các đối tượng được khảo sát. Chỉ 3 nhóm nhà hàng, khách sạn và tàu du lịch là chưa đủ.
Ông cũng đề xuất rằng dự thảo danh sách dài cho giai đoạn trình diễn dự án cần được đặt tên theo hướng cụ thể hóa, đơn giản hóa nhưng vẫn đảm bảo bao quát hóa các lĩnh vực.
- (13) Ông Norihiko Inoue – Nhóm chuyên gia JICA trả lời rằng dự thảo danh sách dài hiện tại là kết quả tổng hợp từ quy hoạch tổng thể du lịch trước đó và một số đề xuất từ dự án JCIA giai đoạn 2010-2013. Ông giải thích lại rằng 10 chủ đề được gạch chân là những chủ đề được ưu tiên. Trong 25 chủ đề danh sách dài, 10 chủ đề sẽ được lựa chọn để trình diễn.
- (14) Ông Tetsuo Isono – Nhóm chuyên gia JICA hi vọng nhận được ý kiến đóng góp từ các thành viên tham gia để cùng nhau đưa ra được một danh sách cuối cùng.
- (15) Ông Norihiko Inoue – Nhóm chuyên gia JICA bổ sung rằng nếu chủ đề nào trong dự thảo danh sách dài không có tính thực tiễn hoặc không liên quan nhiều đến Tăng trưởng xanh, các thành viên tham dự có thể mạnh dạn đóng góp ý kiến.
- (16) Ông Hoàng Danh Sơn – Sở KH & ĐT bàn về nhóm 2 – Dự thảo danh sách dài - “Xanh hóa các ngành công nghiệp ở Quảng Ninh thông qua xúc tiến du lịch sinh thái” và đề xuất dự án nên tập trung vào những địa điểm du lịch văn hóa như Yên Tử và thị xã Quảng Yên với đảo Hà Nam. Ông đề cập tới công ty cổ phần Du thuyền Đông Dương – một doanh nghiệp khai thác có hiệu quả làng chài Cửa Vạn và Du lịch làng quê Yên Đức. Liên quan đến các khai thác du lịch tại làng chài, công ty đã triển khai các hoạt động nhằm bảo vệ môi trường như trả tiền cho

người dân sinh sống tại làng chài để thu gom rác thải, tổ chức các sự kiện nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho người dân và nhân viên, mở những tour du lịch kết hợp vớt rác, góp phần làm sạch môi trường biển cho khách du lịch. Ông đề xuất rằng nhóm chuyên gia nên trực tiếp gặp gỡ và làm việc với công ty để học hỏi kinh nghiệm.

(17) Bà Nguyễn Thị Bảo – Hiệp hội Du lịch bổ sung thêm thông tin về tour du lịch mới được khai thác bởi công ty lữ hành Saigon Tourist. Khách du lịch sẽ trải qua hành trình khoảng 30km trên biển trước khi đến với đảo Hà Nam, thị xã Quảng Yên; thăm làng nghề đan thuyền nan truyền thống Hưng học, mua quà lưu niệm là mô hình tàu, thưởng thức đặc sản địa phương và âm nhạc truyền thống.

(18) Ông Hoàng Danh Sơn – Sở KH & ĐT đề xuất rằng liên quan đến vấn đề này, Nhóm chuyên gia JICA nên làm cùng công ty Saigon tourist và Ủy ban nhân dân thị xã Quảng Yên để học hỏi kinh nghiệm. Một khi loại hình du lịch này đạt được những thành công nhất định, sẽ không chỉ có Saigon tourist mà còn nhiều công ty lữ hành khác đầu tư có hiệu quả và mang lại lợi ích cho cộng đồng địa phương tại Quảng Yên.

Bên cạnh đó, ông cũng muốn được nghe thêm thông tin từ Hiệp hội Giáo dục và Bảo vệ Môi trường Hạ Long mới được thành lập năm 2013 về chức năng, nhiệm vụ; cùng với đó thông tin từ nhóm chuyên gia về loại hình hoạt động của các hiệp hội tương tự tại Nhật Bản, nếu có.

Ông cho rằng với mỗi dự án, cần thiết phải xem xét và quan tâm đến cả thái độ của lãnh đạo và người dân địa phương. Nếu chính quyền thông qua một chính sách mới hợp lý, về cơ bản người dân sẽ chấp nhận nó.

(19) Bà Nguyễn Thị Bảo – Hiệp hội du lịch thừa nhận rằng hiện tại tất cả các điểm du lịch tại khu vực Hạ Long thiếu các thông tin cần thiết. Trên phương diện hoạt động của hội, Hiệp hội du lịch có kế hoạch xây dựng một trang web quảng bá chính thức trong năm 2016. Lí tưởng hóa của trang web này là du khách và các nhà cung cấp dịch vụ có thể mua và bán trực tuyến..

(20) Ông Phạm Hồng Biên – Sở KH & ĐT đề cập tới 2 phương án Tập đoàn Samsung từng đề xuất với tỉnh về du lịch Quảng Ninh

- Thẻ du lịch thông minh: Bên cạnh chức năng như một kênh thông tin du lịch, thẻ có thể được sử dụng trực tiếp như ATM tại một vài nhà hàng và khách sạn.
- Quầy thông tin du lịch thông minh: Loại hình quầy thông tin du lịch đã có từ lâu tuy nhiên hoạt động chưa hiệu quả.

(21) Hoàng Danh Sơn – Sở KH & ĐT đánh giá cao ý kiến của ông Biên bởi đây là ý kiến đầu tiên trong cuộc họp liên quan tới lĩnh vực công nghệ. Ông nhấn mạnh rằng một khi thẻ du lịch thông minh được áp dụng, nếu các nhà hàng muốn tăng

doanh số, muốn được xuất hiện trong danh sách mua bán dịch vụ trực tuyến, một lẽ tự nhiên là doanh nghiệp phải cải thiện chất lượng dịch vụ của mình.

Ông thừa nhận rằng áp dụng các chính sách từ Nhật Bản vào Việt Nam là một việc khó khăn bởi thể chế chính trị khác nhau giữa hai nước. Ông nhận thức được rằng Quảng Ninh cần phải học hỏi cách thức làm việc, thay vì sao chép nguyên bản mọi thứ.

Ông xác nhận rằng ở Việt Nam, hoạt động của các hội là không đáng kể, đa phần nằm dưới sự chỉ đạo của chính quyền. Ông hi vọng học hỏi kinh nghiệm từ Nhật Bản, từ đó các hiệp hội có thể tự hoạt động một cách có hiệu quả và chủ động làm việc thay vì chờ chỉ thị từ cấp trên.

(22) Ông. Norihiko Inoue – Nhóm chuyên gia JICA cảm ơn sự tham gia đóng góp từ các cán bộ tham dự. Ông cũng xác nhận rằng nhóm chuyên gia sẽ làm việc trực tiếp với công ty Du thuyền Đông Dương và Saigon tourist.

Ông cũng đề xuất các cuộc hẹn trong tương lai để cùng nhau thống nhất, đi đến hoàn thiện danh sách dài cho giai đoạn thực thi trình diễn dự án Tăng trưởng xanh và hi vọng nhận được thêm sự trợ giúp từ các cá nhân và tổ chức liên quan.

Kết thúc biên bản

BIÊN BẢN THẢO LUẬN

Tên cuộc họp: Tham vấn chuyên sâu số 5

Ngày: 30 tháng 12 năm 2015

Địa điểm: Phòng họp Sở KH&ĐT

Danh sách thành viên tham dự:

STT	Tên	Chức vụ	Cơ quan
1	Đình Quang Hải	Phó giám đốc kiêm tổng thư ký	Liên hiệp các hội Khoa học và Công nghệ tỉnh
2	Nguyễn Thị Duyên	Phó ban Khoa học Công nghệ	Liên hiệp các hội Khoa học và Công nghệ tỉnh
3	Dương Ngọc Hưng	Phó trưởng phòng tài chính và kế hoạch	Sở NN & PTNT
4	Hoàng Danh Sơn	Phó giám đốc	Sở KH & ĐT
5	Nghiêm Xuân Minh	Phó trưởng phòng Kinh tế ngành	Sở KH & ĐT
8	Norihiko Inoue	Cố vấn trưởng	Nhóm chuyên gia JICA
9	Tetsuo Isono	Chuyên gia du lịch	Nhóm chuyên gia JICA
10	Keiichi Maeda	Điều phối viên	Nhóm chuyên gia JICA
11	Dương Thị Nhuận	Phiên dịch viên	Nhóm chuyên gia JICA
12	Nguyễn Thanh Phương	Phiên dịch viên	Nhóm chuyên gia JICA
13	Nguyễn Thị Thảo Hiền	Phiên dịch viên – Hỗ trợ du lịch	Nhóm chuyên gia JICA
14	Trần Thị Mai Lan	Phiên dịch viên	Nhóm chuyên gia JICA

Nội dung cuộc họp:

Tham vấn chuyên sâu số 5 – Nhóm 5

- (1) Trình bày cho các cơ quan có liên quan nội dung về “Thúc đẩy Nông nghiệp Xanh” trong tỉnh Quảng Ninh
- (2) Thảo luận và ý kiến đề xuất về các nội dung cuộc họp.

Nội dung thảo luận:

- (1) Ông Norihiko Inoue – Cố vấn trưởng Dự án Tăng trưởng xanh trình bày tóm tắt về dự án Tăng trưởng xanh trong khu vực vịnh Hạ Long, phù hợp với Kế hoạch Hành động tăng trưởng xanh một cách tổng thể.
- (2) Ông Đinh Quang Hải, Phó chủ tịch Liên hiệp các hội Khoa học và Công nghệ tỉnh Quảng Ninh và thư ký của Liên hiệp đánh giá cao Dự án Tăng trưởng Xanh, và có ý kiến nhận xét như sau:
 - Dự án mới về TTX thực sự đi sát với định hướng TTX của tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam nói riêng và trên toàn thế giới nói chung.
 - Từ trước tới nay, Hiệp hội của chúng tôi luôn làm việc hướng tới sản xuất xanh, lối sống xanh và thúc đẩy tiêu dùng bền vững.
- (3) Ông Norihiko Inoue tiếp tục trình bày về dự án TTX đối với ngành nông nghiệp tại Quảng Ninh. Về chi tiết, ông trình bày ý tưởng về các chủ đề có thể trong danh sách dài các hoạt động thí điểm TTX đối với nhóm 5 – Nông nghiệp:
 - Các ý tưởng trong giai đoạn lập Biên bản Thảo luận (R/D) của Dự án
 - Các ý tưởng trong Quyết định số 1396/ QĐ-UBND Cơ cấu lại ngành Nông nghiệp
 - Các ý tưởng trong tài liệu do Sở NN&PTNT lập, chuẩn bị cho cuộc họp ngày 15/12/2015 với Nhóm chuyên gia JICA (JET).
 - Các ý tưởng trong Báo cáo Nghiên cứu do Bộ KH&ĐT/UNDP lập.

Trên cơ sở đó, JET đã đưa ra các vấn đề để tham vấn trong Nhóm 5 – Nông nghiệp và đề nghị các thành viên dự họp đóng góp ý kiến/thảo luận.
- (4) Ông Hoàng Danh Sơn – Phó Giám đốc Sở KH&ĐT nhắc nhở các thành viên rằng các ý tưởng về các chủ đề và hoạt động trong danh sách dài chính là thu thập từ các ý kiến, gợi ý hiện tại/các dự án đã thực hiện tại Quảng Ninh, chứ không phải hoàn toàn và trực tiếp đề xuất bởi JET.

Ông Sơn đã hỗ trợ JET giải thích thêm về mục tiêu của danh sách dài, để chọn ra các hoạt động thí điểm để thực hiện và thông qua đó đề xuất các chính sách thể chế. Đồng thời, ông Sơn cũng yêu cầu các thành viên dự họp đóng góp ý kiến và đề xuất thêm các hoạt động đối với danh sách dài các hoạt động TTX.
- (5) Ông Dương Ngọc Hưng, Phó phòng Kế hoạch-Tài chính, Sở NN&PTNT có ý kiến nhận xét và câu hỏi như sau:

“Theo tôi hiểu, Dự án TTX tập trung vào các chính sách phát triển, dựa trên kinh nghiệm từ các dự án trước đây. Đây chỉ là giai đoạn chuẩn bị của Dự án hoặc là giai đoạn lập kế hoạch chi tiết thôi đúng không?”
- (6) Ông Norihiko Inoue trả lời và nhấn mạnh rằng đây là giai đoạn lập kế hoạch chi tiết trước khi giai đoạn 2 là giai đoạn trình diễn hoặc thực thi. Trong giai đoạn 2, một số dự án nhỏ sẽ được xem xét để thực hiện và để thử nghiệm cơ chế thể chế được thiết lập.
- (7) Ông Dương Ngọc Hùng – Sở NN&PTNT đề cập tới các ý tưởng về các chủ đề có thể cho các hoạt động thí điểm về TTX và có một số ý kiến như sau:

Ý tưởng về “An toàn lương thực thông qua mối liên kết/lưu thông từ đầu ra đến đầu vào: Dịch vụ thực phẩm (khách sạn, nhà hàng) là đầu ra – thức ăn dư thừa – làm phân hữu cơ – đầu vào cho

nông nghiệp – thu hoạch – vận chuyển/tiêu thụ tại đầu vào cho dịch vụ thực phẩm” thực tế không được tiến hành trong tỉnh Quảng Ninh, vì thay cho việc sử dụng thực phẩm dư thừa làm phân vi sinh, thì lại dùng làm thức ăn chăn nuôi. Anh Hùng đã đề cập tới 3 dự án đang được thực thi do Sở NN&PTNT phụ trách liên quan tới TTX nhưng cho tới nay vẫn còn nhiều vấn đề tồn tại. Đó là ba dự án về: Đóng gói nhãn xanh cho thực phẩm, phát triển rừng ngập mặn và an toàn thực phẩm. Chi tiết như sau:

- Đóng gói nhãn xanh cho thực phẩm: Chỉ có thực phẩm xanh đáp ứng được các tiêu chuẩn xanh sẽ được hỗ trợ phân loại và đóng gói dán nhãn. Nói tóm lại, tỉnh Quảng Ninh hy vọng sẽ được hỗ trợ về bộ tiêu chuẩn xanh và các hoạt động đóng gói.
 - Phát triển rừng ngập mặn: Phát triển rừng ngập mặn được biết đến một cách rộng rãi là sẽ đóng góp rất nhiều để giảm ảnh hưởng của khí nhà kính. Cần phải mở rộng diện tích rừng ngập mặn trên phạm vi toàn tỉnh, đặc biệt là trong những khu vực bãi triều sâu.
 - An toàn thực phẩm: Luôn là vấn đề lớn, không chỉ tại tỉnh Quảng Ninh và trên toàn quốc Việt Nam. Một lượng lớn sản phẩm nông nghiệp bị ảnh hưởng bởi sử dụng quá nhiều hóa chất và phân bón vô cơ.
- (8) Ông Norihiko Inoue mong muốn nhận được thêm tài liệu về 3 dự án mà ông Dương Ngọc Hùng – Sở NN&PTNT đã đề cập và hỏi có phải Sở NN&PTNT là cơ quan quản lý các làng nghề không?
- (9) Ông Hoàng Danh Sơn, Sở KH&ĐT muốn làm rõ 2 định nghĩa về “làng nghề” và “làng nghề truyền thống” thường rất hay nhầm lẫn. Ông Sơn có quan điểm làng nghề cần được đổi tên thành “làng nghề sản xuất”, so sánh với “làng nghề truyền thống”- là làng nghề có truyền thống từ lâu đời. Do đó, cần phải xem xét lại tất cả các tiêu chí nhận dạng đối với làng nghề.
- (10) Ông Đinh Quang Hải xác nhận lại rằng Dự án TTX nên kết hợp với các chính sách hiện có và những hoạt động đã được thực hiện để có được sự thống nhất từ cả phía Việt Nam và Nhật Bản. Liên quan tới Dự án TTX trong ngành nông nghiệp, ông Hải có hai mối quan tâm lớn nhất tới
- Khoa học và công nghệ (*)
 - Nhận thức của người dân địa phương (**)

Chi tiết:

(*) Trọng tâm vào quy trình sản xuất nông nghiệp, trong đó:

- Nâng cao chất lượng giống cây trồng
- Sử dụng hiệu quả và kinh tế nước tưới tiêu
- Hiện đại hóa công nghệ bảo quản (hầu hết các công nghệ bảo quản hiện nay đều cũ, lạc hậu, ví dụ: dùng nhiệt và điện để sấy hoa quả; dùng đá để bảo quản sản phẩm thủy sản).
- Cải tiến khâu đóng gói và vận chuyển

(**) Xúc tiến nhiều cuộc thi hoặc các chiến lược liên quan tới sáng tạo xanh và lối sống xanh, ví dụ như: Áp dụng/xây dựng “lối sống xanh” tại phố ẩm thực Bến Đoan, thành phố Hạ Long.

- (11) Ông Norihiko Inoue đề cập tới 2 dự án tại vịnh Hạ Long và có câu hỏi về việc các dự án này vẫn còn đang trong giai đoạn vận hành hay không.

- Dự án của tỉnh Chiba về bảo vệ môi trường và nâng cao nhận thức
 - Công ty Fujitsu (hợp tác với tổng công ty FPT) về nông nghiệp thông minh
- (12) Ông Hoàng Danh Sơn – Sở KH&ĐT trả lời rằng những dự án vẫn còn nằm trong kế hoạch, chưa được thực thi.
- (13) Ông Nghiêm Xuân Minh – Phòng Quy hoạch Nông nghiệp – Kinh tế ngành – Sở KH&ĐT cung cấp thông tin liên quan tới bể bioga. Hiện nay tại Quảng Ninh, chỉ các hộ gia đình mới được hỗ trợ tiền và công nghệ để xây bể biogas và họ dùng làm nhiên liệu chất đốt chứ không để phát điện. Ông Minh hy vọng rằng Dự án TTX có thể giúp về cơ chế chính sách để mở rộng mô hình công nghệ này trên quy mô toàn tỉnh.
- (14) Liên quan tới vấn đề cấp nước, ông Norihiko Inoue hỏi về hoạt động cấp nước và xử lý nước, đặc biệt là tại các khu vực nông thôn và các làng nghề.
- (15) Ông Nghiêm Xuân Minh trả lời rằng nông dân hiện nay gặp nhiều khó khăn, không chỉ về mặt tài chính mà còn về công nghệ. Một trong những vấn đề về công nghệ lớn nhất là thói quen trồng trọt. Ông Minh đề cập một công nghệ trên thực tế hiện nay đang được khuyến khích mạnh bởi Bộ NN&PTNT, đó là: Sử dụng các chất liệu thấm hút cùng với vỏ trấu hoặc mùn cưa để tạo thành lớp lót giống như tấm đệm, sử dụng trong chăn nuôi gia súc (độ dày tấm đệm vào khoảng 10 – 60 cm, phụ thuộc vào mùa và loại gia súc). Lớp đệm này là môi trường sinh sống tốt đối với “trùn quế” - một loại giun đất để làm phân bón hữu cơ và thức ăn cho động vật. Người dân địa phương có thể tự làm các tấm lót này khi có hướng dẫn đầy đủ để tiết kiệm chi phí.
- (16) Ông Tetsuo Isono hỏi về tình hình của chương trình GAP (Good Agricultural Practice) tại tỉnh Quảng Ninh.
- (17) Ông Dương Ngọc Hùng – Sở NN&PTNT trả lời rằng cho tới nay, mới chỉ thực hiện một số hoạt động thí điểm chương trình GAP theo tiêu chuẩn Việt Nam, chưa có chương trình theo tiêu chuẩn Châu Á.
- (18) Ông Đinh Quang Hải nêu vấn đề liên quan tới môi trường vịnh Hạ Long xuất phát từ hoạt động nuôi trồng thủy sản trên vịnh, đã được bàn luận từ 10 năm nay, đó là: người dân thường dùng phao xốp cho các nhà nổi hoặc lồng bè nuôi trồng thủy sản, vì giá rẻ. Trong trường hợp mưa bão, các phao xốp này dễ dàng bị phá vỡ, các mảnh vỡ trôi nổi trên mặt nước gây ô nhiễm môi trường vịnh.
- (19) Ông Hoàng Danh Sơn – Phó GD Sở KH&ĐT có ý kiến liên quan tới đa dạng sinh học như sau:
- Trong khu vực vịnh Hạ Long, đặc biệt tại phía bắc huyện Hoành Bồ, có nhiều khu vực rừng đặc dụng, như khu vực bảo tồn thiên nhiên Đồng Sơn – Kỳ Thượng, là khu vực rừng phía thượng nguồn của hồ Yên Lập – hồ lớn nhất của tỉnh Quảng Ninh. JET nên quan tâm tới khu vực này.
 - Theo quan sát của cá nhân, từ khi ông còn bé, vịnh Hạ Long là nơi tập trung nhiều chim, đặc biệt là chim Hải Âu. Nhưng ngày nay, hiếm khi còn nhìn thấy chim trong khu vực vịnh, chỉ thỉnh thoảng thấy một số ít con, tập trung tại khu vực biển thuộc thị xã Quảng Yên. Đây cũng là một vấn đề cần được thảo luận.
 - Cho tới nay, chúng ta không đề cập tới chất lượng của rừng ngập mặn, chỉ quan tâm tới số lượng (diện tích che phủ). Diện tích rừng ngập mặn bị giảm sút là một trong những lý do

giảm sút của các loài chim biển trên vịnh Hạ Long. Tôi đề nghị chúng ta nên tham khảo mô hình SATOYAMA cho thị xã Quảng Yên.

- Khu vực núi Yên Tử không chỉ nổi tiếng do có chùa Yên Tử, mà còn là vườn quốc gia Yên Tử. Chúng ta nên phát triển du lịch tâm linh, kết hợp với du lịch sinh thái.

(20) Bà Nguyễn Thị Duyên –Phó Ban Khoa học và Công nghệ, Liên hiệp các Hội Khoa học và Công nghệ tỉnh Quang Ninh đề xuất rằng Dự án TTX nên hỗ trợ cơ chế cho nông dân trong việc sản xuất “xanh”. Trên thực tế, chi phí cho sản xuất “xanh” là cao hơn, do quy trình sản xuất dài hơn, nhưng lại khó tiêu thụ hơn.

(21) Ông Norihiko Inoue đề cập kinh nghiệm từ Nhật Bản: Hội Nông dân là tổ chức bảo vệ quyền lợi của nông dân.

(22) Ông Hoàng Danh Sơn bổ sung thêm ý kiến rằng tại Việt Nam cũng có những hiệp hội và hội tương tự, ví dụ như Hiệp hội Du lịch, Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên v.v..., nhưng cho tới nay, họ không có vai trò lớn trong việc bảo vệ quyền lợi của người dân.

Thay mặt cho Sở KH&ĐT và JET, ông Sơn hẹn gặp mọi người trong các cuộc họp tiếp theo để tiếp tục thảo luận và hoàn thiện danh sách dài các hoạt động tăng trưởng xanh, cùng với đại diện của các cơ quan có liên quan khác.

Hết

Biên bản thảo luận họp tham vấn chuyên sâu số 06
Thiết kế giai đoạn 2 thí điểm / trình diễn thúc đẩy tăng trưởng xanh

Dự thảo danh mục dài các chủ đề hoạt động trình diễn / thí điểm tăng trưởng xanh

Địa điểm: Phòng họp sở KH&ĐT

Ngày: 4/1/2016

Danh sách thành viên dự họp

STT	Tên	Chức vụ	Cơ quan
1	Hoàng Danh Sơn	Phó giám đốc	Sở KH & ĐT
2	Trần Xuân Cương	Phó chánh văn phòng	Sở KH & ĐT
3	Trần Thanh Phong	Trưởng phòng kinh tế ngành	Sở KH & ĐT
4	Đào Thanh Huyền	Phó trưởng phòng kinh tế đối ngoại	Sở KH & ĐT
5	Phạm Hồng Biên	Trưởng phòng kinh tế đối ngoại	Sở KH & ĐT
6	Nguyễn Thị Thu Trang	Phó trưởng phòng kinh tế đối ngoại	Sở KH & ĐT
7	Bùi Tuấn Anh	Phó trưởng phòng tổng hợp và quản lý quy hoạch	Sở KH & ĐT
8	Đặng Thị Thu Phương	Thư ký dự án	Sở KH & ĐT
9	Norikiho Inoue	Cố vấn trưởng	Nhóm chuyên gia JICA
10	Tetsuo Isono	Chuyên gia du lịch	Nhóm chuyên gia JICA
11	Keiichi Maeda	Điều phối viên	Nhóm chuyên gia JICA
12	Dương Thị Nhuận	Phiên dịch viên	Nhóm chuyên gia JICA
13	Nguyễn Thanh Phương	Phiên dịch viên	Nhóm chuyên gia JICA
14	Trần Thị Mai Lan	Phiên dịch viên	Nhóm chuyên gia JICA

1. Mục đích của chuỗi các cuộc họp tham vấn chuyên sâu

Thiết lập cơ chế thể chế cho các hoạt động trình diễn / thí điểm thúc đẩy tăng trưởng xanh trong Giai đoạn 2, thông qua một chuỗi các cuộc họp tham vấn giữa Ban QLDA và JET và các sở / cơ quan tổ chức liên quan khi cần thiết.

2. Nội dung thảo luận

(1) Tiến sỹ Hoàng Danh Sơn:

Tiến sỹ Sơn bày tỏ sự đánh giá cao của ông đối với cách tiếp cận hết sức khoa học của JET đã áp dụng khi xây dựng danh sách dài. TS Sơn chỉ ra một số ý kiến ban đầu của ông như sau :

- Đối với mục 3 (1) Dự thảo Danh sách dài các chủ đề có thể để thí điểm/trình diễn tăng trưởng xanh cho Giai đoạn 2 / (1) Lập danh sách dài sơ bộ: TS Sơn đề nghị tất cả các cán bộ trong Ban QLDA cần nghiên cứu kỹ xem 5 nguồn thông tin được liệt kê đã là đủ để chọn, xây dựng danh mục dài.
- Đối với mục 3 (2): Dự thảo Danh sách dài các chủ đề có thể để thí điểm/trình diễn tăng trưởng xanh cho Giai đoạn 2 / (2) Dự thảo Danh sách dài, lập ngày 4/1/2016: TS Sơn thấy 6 quan điểm liệt kê rất hợp lý. Tuy nhiên, ông bổ sung ý kiến như sau :
 - + Đối với quan điểm iii: Cần hệ thống lại các danh mục dự án JICA và những nhà tài trợ khác để từ đó đưa ra các kết nối để phát huy.

Đối với nội dung này, Ông Inoue, Cố vấn trưởng của JET nói rằng ông cần trao đổi với JICA về việc đưa sự tham gia của các nhà đầu tư tiềm năng vào dự án, song song với hoạt động dự án đầu tư của họ ở Quảng Ninh.

+ Về quan điểm v: TS Sơn bày tỏ mối quan tâm lớn đối với nguyên tắc này. Ông đề nghị JET bổ sung thêm nội dung kéo sự tham gia của các doanh nghiệp, nhà đầu tư tiềm năng càng nhiều loại hình công nghệ càng tốt.

- Liên quan tới danh sách dài: TS Sơn đánh giá rằng nhóm thứ 6 có nhiều điểm trùng với tất cả các nhóm khác nên trong khi thiết kế các chương trình nâng cao nhận thức có thể lồng ghép khi thiết kế các chủ đề khác. Ông nói sẽ bổ sung thêm ý kiến sau khi nghiên cứu kỹ hơn tài liệu này.

TS Sơn bổ sung rằng trong nhóm 6 có 1 chủ đề mà JET có thể cân nhắc liên quan tới việc xây dựng một trang web hoặc nâng cấp trang web hiện tại của Sở KH&ĐT để giới thiệu với các bạn trong và ngoài nước về cơ hội đầu tư cũng như để giới thiệu về các hoạt động của dự án thúc đẩy tăng trưởng xanh, các dự án liên quan, các bài viết của các chuyên gia và nhiều nội dung khác. Làm được như vậy, trang web sẽ giúp mang lại ảnh hưởng tốt cho dự án TTX bởi trang web kết nối trực tiếp với cổng thông tin của UBND tỉnh Quảng Ninh và của các sở, tỉnh thành khác. Đối với nội dung này, Ông Inoue nhấn mạnh rằng đây là một mục mà JICA rất muốn làm ở Quảng Ninh.

(2) Ông Trần Xuân Cường có hai ý kiến như sau :

- Liên quan tới mục 2.1 và 2.3: bởi trong một số phần có đề cập về các doanh nghiệp vừa và nhỏ nên đề nghị ghi rõ trực diện các đơn vị gây ô nhiễm, đó là các nhà máy nhiệt điện, xi măng.
- Liên quan tới nhóm liên quan tới Nông nghiệp, mục 5A-1: nhóm này có thể kết hợp với nhóm 3 và nhóm 4 bởi rừng ngập mặn cũng thuộc về tài nguyên du lịch. Ông Cường đề nghị bổ sung nội dung bảo tồn khu rừng ngập mặn trên vịnh Hạ Long như khu Ramsar Xuân Thủy. Một trong những tổ chức JICA có thể liên hệ là tổ chức quốc tế Mangrove for Tomorrow là tổ chức hoạt động rất mạnh trong mảng này.

Đối với nội dung này, TS Sơn đã đưa ra những phân tích cụ thể hơn rằng trong Quy hoạch môi trường tỉnh Quảng Ninh và Quy hoạch môi trường vịnh Hạ Long đã đề xuất hình thành khu Saytoyama ở khu rừng ngập mặn Tiên Yên. Khu rừng ngập mặn này ở phía bắc Vân Đồn và cửa sông Tiên Yên. Do vậy đây là nội dung rất thỏa đáng nghiên cứu. Ngoài ra, TS Sơn còn bổ sung thêm thông tin cập nhật về việc vườn Quốc gia BTL hiện đang làm hồ sơ đề xuất xây dựng Vườn di sản ASEAN

- Đối với mục 5B-1: cần cân nhắc việc sản xuất thức ăn nhân tạo cho hoạt động nuôi cá lồng bè bởi hiện nay các hộ nuôi trồng thủy sản sử dụng lưới mắt nhỏ để bắt cá con nuôi cá to, mang tính chất hủy diệt.

Về điểm này, TS Sơn bổ sung rằng để ngăn chặn được tình trạng dò dò hỏi cần áp dụng những công cụ chính sách mạnh tay thì mới có tác dụng.

(3) **Bà Nguyễn Thị Thu Trang** nêu ý kiến sau khi đã nghiên cứu các danh mục dài sơ bộ và danh mục dài, như sau :

- Bà Trang đồng ý với những chủ đề liệt kê trong nhóm 3 & 4.
- Chủ đề 3A-1: Xem ra nhãn sinh thái Green Lotus Hotel (Khách sạn bông sen xanh) và/hoặc nhãn Khách sạn xanh ASEAN đã được triển khai. Do vậy nếu dự án vẫn khuyến nghị thì cần có biện pháp để có sản phẩm mang dấu ấn của dự án. Bà Trang nói sẽ tìm hiểu cụ thể về tình hình triển khai hai nhãn nêu trên với Sở VH-TT&DL và trở lại sau.
- Chủ đề 3A-3: bổ sung tên của Sở TC, Sở CT trong cột Cơ quan tham gia chính. Về điểm này, TS Sơn đề nghị các thành viên Ban QLDA nghiên cứu chi tiết hơn tất cả tên các sở ngành được liệt kê trong mục này bởi hiện tại danh mục JET liệt kê vẫn chỉ là dự kiến (hoặc thêm chữ v.v.. ở đoạn cuối của danh mục).
- Chủ đề 3A-2: bởi dân làng chài đã được tái định cư trên bờ theo một chương trình của tỉnh cho nên chủ đề đề cập ở đây liên quan tới làng chài chưa rõ. Tuy nhiên, bà Trang bổ sung rằng có thể thay thế hoạt động này bằng hoạt động khác như xây dựng chương trình thuyết minh viên du lịch đối tượng là học sinh trên địa bàn. Mục tiêu nhằm 1) nâng cao nhận thức cho các em học sinh và 2) đào tạo các em trở thành những thuyết minh viên du lịch tỳ hon làm cho khách du lịch thấy tất cả người dân Quảng Ninh đều quan tâm tới du lịch.
- Sản phẩm OCOP (trong danh sách dài sơ bộ) có tính khả thi cao. Tuy nhiên, trong dự án mới dừng lại ở thành lập cửa hàng OCOP ở Bãi Cháy, Hòn gai. Đề xuất phát triển sử dụng các sản phẩm OCOP trong các nhà hàng, khách sạn tại khu vực vịnh Hạ Long nhằm 1) Thúc đẩy sự phát triển của chính địa phương, khách du lịch thấy hấp dẫn; 2) sử dụng sản phẩm xanh, sạch cho du lịch.
- Nhãn cánh buồm xanh cho tàu du lịch: đề nghị xem xét tính khả thi của dự án này.

(4) **Ông Bùi Tuấn Anh** nói rằng 6 nhóm tập trung vào 2 vấn đề: 1) Cơ chế chính sách thực hiện và 2) Triển khai thực hiện. Tuy nhiên, xem ra có nhiều thảo luận xung quanh mục 2). Ông Tuấn Anh bày tỏ mối quan tâm chính của mình đối với nội dung 1) vì những lý do sau: thậm chí Chiến lược tăng trưởng xanh của quốc gia đã được duyệt, Kế hoạch triển khai thực hiện chiến lược tăng trưởng xanh của tỉnh cũng đã được duyệt nhưng việc thực hiện vẫn mang tính chất khuyến khích chưa mang tính bắt buộc. Vậy để triển khai tốt TTX cần phải có quy chế nào đó bắt buộc để triển khai những chủ đề đề xuất.

Nội dung mục) 1a-1 và 6.2 chưa đủ để triển khai các hoạt động TTX ở Quảng Ninh.

Liên quan tới mục 1A-1: trong lĩnh vực quản lý nhà nước, bắt buộc phải đề cập như là một chỉ tiêu cứng trong các báo cáo hàng tháng, hàng quý, năm. Hiện tại, phạm vi cấp tỉnh chưa được thể hiện rõ dòng ngân sách cho TTX. Vì vậy, cần đề xuất UBND tỉnh thiết lập một cơ chế chính sách cụ thể cho TTX. Ông Tuấn Anh đã đưa ra một ví dụ cụ thể là hàng năm, tỉnh dành một tỷ lệ phần trăm nhất định cho Quỹ Khoa học và Công nghệ.

Đối với điểm này, TS Sơn cũng nhắc lại thực tế rằng ngân sách không thể chi cho tất cả mọi hoạt động và cần thúc đẩy thực hiện Nghị định số 15 về xã hội hóa.

(5) Bà Đào Thanh Huyền có những ý kiến như sau :

- Đối với cột “Đề cử/Loại ra”: cần thiết phải có tiêu chí cụ thể về cách đề cử/loại ra một chủ đề nào đó.
- Đối với sản phẩm OCOP: Cần nhắc hỗ trợ của dự án cho kiểm định và dán nhãn sản phẩm, tạo niềm tin để có thể đưa sản phẩm đó phục vụ các nhà hàng, khách sạn, khách du lịch và người dân.

Về điểm này, TS Sơn nói rằng ý đó sau này sẽ đưa vào thiết kế chi tiết. Đây là ý rất cần thiết, cần có sự hỗ trợ từ kinh nghiệm của Nhật.

(6) Ông Trần Thanh Phong

- Liên quan đến mục 3A-2: quy định này đã được UBND tỉnh ban hành liên quan đến điều kiện hoạt động của tàu du lịch. Do vậy, tại cột 3 “Chính sách pháp luật” chỉ ghi là Sửa đổi, bổ sung.
- Liên quan đến mục 5A-1, 5A-2: có thể gộp vào thành một bởi cả hai hoạt động này đều liên quan tới cùng một đơn vị đặc thù.
- Liên quan tới mục 5B-1: tên mục có thể cụ thể hơn nữa khi nêu Xanh hóa / áp dụng kỹ thuật tiên tiến. Nếu chỉ nêu khái niệm xanh hóa thì rất chung chung.
- Liên quan tới mục 5B-3: có thể lồng ghép vào với mục 3C bởi mục tiêu của nội dung này là nhằm vào an toàn thực phẩm, được hiểu là mục tiêu xanh hóa ngành nông nghiệp nhưng nguồn thực phẩm cung cấp cho ẩm thực thì từ rất nhiều nguồn, không chỉ từ Quảng Ninh.
- Chủ đề bổ sung có thể cân nhắc: sẽ là chưa đủ nếu chỉ nêu về nước thải tàu du lịch khi đề cập tới vấn đề quản lý môi trường nước trên vịnh. Cần tiêu chuẩn hóa các hoạt động xây dựng trên vịnh bởi sau này sẽ có các hoạt động đầu tư xây dựng trên các hòn đảo trên vịnh

như cải tạo hàng động, hoạt động xây mới. Cần có bộ tiêu chuẩn ngặt nghèo hơn đối với các hoạt động thi công như vậy. UBND tỉnh đã có văn bản về vấn đề này.

Về điểm này, TS Sơn bổ sung rằng qua các kinh nghiệm ông học hỏi được từ Nhật quy định đối với các hoạt động xây dựng nhà cửa, công trình dọc đường biển, áp dụng hệ thống giám sát cấp chứng nhận cho những công trình đó trước khi xây dựng các phần kết cấu phía trên. Một thực tế ở Hạ Long là nhiều bãi cát bị bùn rất đen do nước thải tràn trên bờ xuống và cả nước ở tầng sâu, do vậy làm thế nào để có hệ thống giám sát, kiểm soát xây dựng, ngăn chặn nguy cơ gây ô nhiễm nước vịnh.

(7) **Ông Phạm Hồng Biên** có ý kiến như sau :

- Liên quan đến mục 1A-1: điều cần thiết là cần đề xuất về 1) tăng ngân quỹ cho hai quỹ hiến có và 2) đơn giản thủ tục, tăng tiếp cận cho các doanh nghiệp tới các quỹ này.
- Liên quan đến mục 3C: có thể chuyển vào Nhóm 6 bởi vì khó phân biệt nâng cao nhận thức ở đâu, cho du lịch hay cho công nghiệp.
- Liên quan đến mục 5B-3: Xem xét bỏ nội dung này vì phổ âm thực đã đóng cửa.
- Liên quan đến mục 6-3: chuyển vào phần 3-A do liên quan đến du lịch.
- Liên quan đến nhóm 6: Bổ sung Xây dựng thương hiệu vào tên của chủ đề. Hiện tại Quảng Ninh đang đẩy mạnh xây dựng thương hiệu Nụ cười Hạ Long. Hoạt động này liên quan đến xây dựng khẩu hiệu du lịch Hạ Long. Quảng Ninh có một trang web Nụ cười Hạ Long.

(8) **Bà Nguyễn Thị Thu Trang** bổ sung thêm ý kiến cuối cùng: xây dựng phân bổ ngân sách cho các dự án thực hiện trong chiến lược TTX đồng thời nghiên cứu tiêu chí lựa chọn những dự án được sử dụng nguồn ngân sách TTX.

Về điểm này, TS Sơn nói rằng nội dung này là rất quan trọng để áp dụng cho các dự án sau này ngay cả khi sau khi đã kết thúc dự án thúc đẩy tăng trưởng xanh.

Cuộc họp kết thúc vào hồi 16:30.

BIÊN BẢN THẢO LUẬN

Tên cuộc họp: Tham vấn chuyên sâu số 7

Ngày: 13/1/2016

Địa điểm: Phòng họp Sở KH&ĐT

Danh sách thành viên dự họp:

STT	Tên	Chức vụ	Cơ quan
1	Hoàng Danh Sơn	Phó Giám đốc	Sở KH&ĐT
2	Tạ Thiên Hỷ	Trưởng phòng Văn hóa, Xã hội và Du lịch	Sở KH&ĐT
3	Đào Thanh Huyền	Phó phòng kinh tế đối ngoại	Sở KH&ĐT
4	Trần Thanh Phong	Trưởng phòng Kinh tế ngành	Sở KH&ĐT
5	Phạm Hồng Biên	Trưởng phòng kinh tế ngành	Sở KH&ĐT
6	Nguyễn Thị Thu Hồng	Phó phòng kinh tế đối ngoại	Sở KH&ĐT
7	Đặng Thị Thu Phương	Nhân viên	Sở KH&ĐT
8	Kengo Naganuma	Chuyên gia môi trường	JET
9	Tetsuo Isono	Chuyên gia du lịch	JET
10	Keiichi Maeda	Điều phối viên	JET
11	Dương Thị Nhuận	Phiên dịch	JET
12	Nguyễn Thị Thảo Hiền	Phiên dịch	JET
13	Trần Thị Mai Lan	Phiên dịch	JET

Chương trình họp:

Tham vấn chuyên sâu số 7 – Thảo luận về danh sách dài

- (1) Báo cáo Ban QLDA nội dung cập nhật ý kiến tham gia của các sở ngành, tổ chức liên quan cho dự thảo danh sách dài các hoạt động thí điểm thúc đẩy tăng trưởng xanh ở khu vực vịnh Hạ Long,
- (2) Thảo luận và khuyến nghị,

Nội dung thảo luận:

- (3) Ông Kengo Naganuma trình bày tóm tắt kết quả thu thập ý kiến tham gia từ các sở, địa phương đối với dự thảo danh sách dài các hoạt động thí điểm thúc đẩy tăng trưởng xanh ở khu vực vịnh Hạ Long. Cho đến ngày họp cuộc Tham vấn chuyên sâu lần 7, JET đã nhận được ý kiến tham gia của:
 - 6 sở: NN&PTNT, VH-TT-DL, XD, TC, CT, KH&CN.
 - 2 địa phương: UBND huyện Hoàn Bò, thị xã Quảng Yên.

- (1) Ông Hoàng Danh Sơn, phó giám đốc sở KH&ĐT nói phía sở đã tham gia những ý kiến trong họp trước khi thảo luận về danh sách dài. Sở KH&ĐT mong nhận thêm được các ý kiến khuyến nghị từ phía JET sau khi JET họp với JICA Việt Nam ngày 14/1/2016. Sau đó, sở sẽ cùng chốt bản danh sách dài, có thể gồm tổng 30-35 ý tưởng.
- (2) Ông Naganuma xác nhận rằng theo kế hoạch của JICA, sẽ chỉ chọn 4-6/30 ý tưởng trong danh sách các hoạt động thí điểm chính thức.
- (3) Ông Sơn nói rằng đây là con số rất ít các hoạt động được chọn nên không cần phải lập ra một danh sách quá nhiều tên mục. Ông Sơn đề xuất sớm hoàn thiện danh sách liệt kê tập trung cho từng nhóm hoạt động. Đối với nhóm 3&4 dự định sẽ tái trồng rừng ngập mặn ở thị xã Quảng Yên theo mô hình Satoyama của Nhật Bản. Ông Sơn hy vọng nhóm 6 về giáo dục môi trường và nhận thức sẽ ưu tiên đối tượng là các doanh nghiệp vừa và nhỏ.
- (4) Ông Nagamuna trả lời rằng trước hết điều thiết yếu là cần thống nhất được phương pháp và tiêu chí lập danh sách ngắn.
Ông cũng nêu rằng có 3 quỹ mà tỉnh Quảng Ninh có thể là các nguồn cấp kinh phí cho tăng trưởng xanh và đề nghị chọn nguồn quỹ cụ thể, gồm
1. Quỹ xã hội hóa
 2. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ
 3. Quỹ bảo vệ môi trường
- (5) Ông Phạm Hồng Biên, Trưởng phòng kinh tế đối ngoại của Sở KH&ĐT sửa cụ thể như sau : mục 1. là chính sách Khuyến khích đầu tư nông nghiệp; chỉ có 2 quỹ (số 2 và số 3), cả hai quỹ này đều có thể sử dụng cho tăng trưởng xanh ở tỉnh Quảng Ninh.
- (6) Ông Sơn chia sẻ 4 ý kiến như sau :
- Tiêu chí chọn danh sách ngắn rất quan trọng và về lâu dài có thể áp dụng được. Danh sách ngắn sẽ chỉ được phê duyệt khi nó mang tính thuyết phục đối với các cơ quan liên quan. JET cần nghiên cứu kỹ về điều này.
 - Chủ đề 2-2 “Thúc đẩy dự án ESCO sử dụng tiết kiệm và quản lý năng lượng” có thể chọn làm thí điểm cho nhóm 2
 - Giai đoạn hiện tại là giai đoạn lập kế hoạch chi tiết về cơ chế chính sách nên ngay từ ban đầu (từ khi lập dự thảo danh sách dài), quan trọng nhất là cần tập trung theo hướng xây dựng cơ chế chính sách.
 - Cần xây dựng một trang web chính thức cho Dự án tăng trưởng xanh
- (7) Ông Tạ Thiên Hỷ, Trưởng phòng Văn hóa, xã hội và du lịch, Sở KH&ĐT đã tham gia nhiều ý kiến liên quan tới các nhóm hoạt động, cụ thể:
- Nhóm 1: Quản lý môi trường*
- 1A-1: Ông Hỷ muốn biết liệu JET đã nghiên cứu tất cả các cơ chế chính sách cấp kinh phí cho quản lý môi trường. Thực tế, các cơ chế này của UBND tỉnh Quảng Ninh vẫn được thực hiện rất hiệu quả. Trong trường hợp muốn cải thiện thì Dự án TTX có thể cải thiện những quỹ này như thế nào và có thể dựa vào kinh nghiệm của các nước khác? Ông Hỷ cũng bổ sung thêm rằng liên quan tới cột Dự kiến các cơ

quan tham gia chính, Ban xúc tiến và hỗ trợ đầu tư không có chức năng quản lý môi trường nên JET cần loại ra.

- 1A-3 & 1B-1: Ông Hỹ đề nghị chú ý tránh không bị trùng lặp hoạt động đã triển khai.
- 1C-1: Liên quan đến quản lý chất thải rắn, ông Hỹ đề xuất thực hiện thí điểm hoạt động 3R không chỉ ở TP Uông Bí mà cả ở TP Hạ Long.

(8) Ông Naganuma trả lời rằng trong tương lai, JET hy vọng thực hiện 3R ở TP Hạ Long nhưng liên quan tới hoạt động thí điểm, Sở TN&MT cùng JET đã cùng thống nhất trước đó về việc chỉ thực hiện ở TP Uông Bí.

(9) Ông Hỹ bổ sung ý kiến đối với các nhóm hoạt động thí điểm khác như sau:

Nhóm 2: Tiết kiệm và Quản lý năng lượng

- 2-3: JET cần xóa tên Ban xúc tiến và hỗ trợ đầu tư và bổ sung Sở Khoa học và Công nghệ trong cột Sự sẵn sàng về tổ chức/ngân sách.
- 2-3 & 2-4 cần kết hợp vào thành 1 chủ đề.

Nhóm 3 & 4: Ngành du lịch

- 3A-1: liên quan đến Xanh hóa ngành du lịch, ông Hỹ đề xuất kết hợp việc áp dụng nhãn sinh thái Bông sen xanh hoặc Khách sạn ASEAN xanh cho các khách sạn trên bờ và Cánh buồm xanh cho tàu du lịch trên vịnh (Nhãn sinh thái Cánh buồm xanh do Sở TN&MT đã thực hiện thí).

Nhóm 5: Ngành nông nghiệp

- 5A-2: Nâng cao tỷ lệ phủ xanh – Tăng cường quản lý trái trồng rừng tại khu vực mỏ than đóng cửa: Ông Hỹ đề xuất nội dung gọi mời các nhà đầu tư xây dựng sân gôn. UBND tỉnh Quảng Ninh chắc chắn sẽ rất ủng hộ các nhà đầu tư về mặt cơ chế chính sách.

Nhóm 6: Giáo dục môi trường và nhận thức

- 6-3: Liên quan đến tăng cường chức năng và sự hấp dẫn của Bảo tàng Quảng Ninh để làm cơ sở thực hiện các chiến dịch bảo vệ môi trường. Ông Hỹ nói rằng hiện nay Bảo tàng Quảng Ninh là một trong những bảo tàng tốt nhất trên toàn quốc với nội dung và hình thức đẹp. Vì vậy không cần thêm hỗ trợ của JICA cho hoạt động nâng cấp cơ sở mà chỉ cần đổi mới nội dung cơ chế quản lý.
- 6-5: liên quan đến xây dựng khẩu hiệu và thương hiệu mới cho du lịch thân thiện môi trường, ông Hỹ đề xuất nghiên cứu : chương trình Nụ cười Hạ Long được Sở VH-TT-DL phát động từ cuối năm 2014.

(10) Bà. Nguyễn Thị Thu Hồng, Phó phòng Kinh tế đối ngoại, Sở KHĐT tham gia ý kiến về mục 1A – Quản lý môi trường (tiếp cận tích hợp):

Cho đến nay, hầu hết các doanh nghiệp trong khu công nghiệp đều có hệ thống quản lý môi trường, những công ty nhỏ nằm rải rác bên ngoài khu công nghiệp chính là những công ty gây ô nhiễm môi trường nhiều hơn.

(11) Ông Sơn đã làm rõ lại một lần nữa với các cán bộ phía Việt Nam như sau :

- “Danh sách dài là kết quả của sự hợp tác giữa UBND tỉnh Quảng Ninh và JET” trong đó:

- + UBND tỉnh Quảng Ninh cung cấp tài liệu các quy hoạch và thực hiện các hoạt động;
- + JET: thực hiện nghiên cứu, tổng hợp và chọn lọc các hoạt động hướng tới tăng trưởng xanh.

Ông Sơn đề nghị cần cân nhắc kỹ và quyết định xem các hoạt động đang thực hiện có còn phù hợp hay không. Hỗ trợ của JICA cho Quảng Ninh sẽ chỉ tập trung vào mặt cơ chế chính sách chứ không phải là hỗ trợ về cơ sở vật chất, hạ tầng. Thời điểm này của dự án là cần tập trung chốt được tiêu chí chọn danh sách ngắn.

- (12) Ông Naganuma nói sẽ hoàn toàn đồng ý với ý kiến của ông Sơn. Ông bổ sung rằng ngày 22/1/2016, JET sẽ trình dự thảo báo cáo tiến độ dự án cho giai đoạn từ tháng 10/2015 và JET mong nhận được ý kiến tham gia của các sở ngành địa phương của tỉnh để báo cáo JICA.
- (13) Ông Naganuma cũng đề nghị các cán bộ phía Việt Nam bổ sung thêm ý kiến cho danh sách dài đến hết ngày 18/1. Ông hy vọng JICA sẽ hỗ trợ tỉnh Quảng Ninh một chuyên đi học tập nghiên cứu ở Nhật Bản vào tháng 4 hoặc tháng 5 2016.

- *Hết* -

BIÊN BẢN THẢO LUẬN

Tên cuộc họp: Tham vấn chuyên sâu 8

Ngày: 15 tháng 1 năm 2016

Địa điểm: Phòng họp Sở KH&ĐT

Danh sách thành viên tham dự:

No	Name	Position	Organization
1	Hoang Danh Son	Deputy director	DPI
2	Ta Thien Hy	Chef of Socio-culture and tourism division	DPI
3	Tran Xuan Cuong	Deputy chief of Foreign economic relations division	DPI
4	Nguyen Thi Thu Hong	Deputy chief of Foreign economic relations division	DPI
5	Dang Thi Thu Phuong	Staff	DPI
6	Kengo Naganuma	Environmental Expert Deputy chief advisor	JET
7	Tetsuo Isono	Tourism Expert	JET
8	Keiichi Maeda	Coordinator	JET
9	Duong Thi Nhuan	Translator	JET
10	Nguyen Thi Thao Hien	Translator	JET
11	Tran Thi Mai Lan	Translator	JET

Nội dung cuộc họp:

- Báo cáo về cuộc họp trực tuyến với JICA ngày 14/1/2016 về danh sách dài các hoạt động thí điểm về TTX của Dự án TTX tại khu vực vịnh Hạ Long.
- Các thành viên thảo luận và đề xuất ý kiến

Nội dung thảo luận:

- (1) Ông Naganuma Kengo, Phó cố vấn trưởng dự án, Chuyên gia Môi trường báo cáo về nội dung của cuộc họp trực tuyến với văn phòng Trụ sở JICA, văn phòng JICA Việt Nam và Nhóm Chuyên gia JICA của Dự án vào ngày 14 tháng 1 năm 2016 tại Hà Nội. Sau đó, ông đã trình bày 5 điểm chính mà JICA đã chỉ ra để trao đổi với Ban QLDA.

Về việc đóng góp vào kế hoạch hành động tăng trưởng xanh của tỉnh và làm rõ khái niệm tổng thể về các hoạt động thí điểm đề xuất đã được thống nhất, ông Naganuma đề cập rằng các hoạt động thí điểm nên được lập kế hoạch và thực hiện theo chính sách hành chính của cấp cao hơn đã được thống nhất, và được thể hiện một cách có hệ thống.

- (2) Ông Hoàng Danh Sơn – Phó Giám đốc Sở KH&ĐT đề nghị làm rõ khái niệm về “chính sách hành chính của cấp cao hơn”
- (3) Ông Naganuma – Nhóm chuyên gia JICA giải thích rằng đó cũng giống như là một khẩu hiệu, một chủ đề bằng 1-2 từ thể hiện khái niệm về một chiến lược. Điều cần thiết là phải có khẩu hiệu đã được sử dụng giống như một chính sách đã được thống nhất của cấp hành chính tỉnh Quảng

Ninh. Ông Naganuma đề cập tới bài phát biểu của ông Norihiko Inoue – cố vấn trưởng của dự án TTX về “Mô hình hồ Biwa” có thể được sử dụng như là một khẩu hiệu, nhưng thực chất, mô hình này tập trung chủ yếu vào cải thiện môi trường nước và đề nghị phía Việt Nam cho thêm ý kiến gợi ý về các khẩu hiệu và chủ đề được sử dụng bởi tỉnh Quảng Ninh.

Ông Naganuma tiếp tục trình bày về quy trình bổ sung để lập danh sách ngắn đối với các hoạt động TTX với ba nội dung chính. Nói chung, JICA có cùng chung ý kiến với phía Việt Nam, trong cuộc họp lần trước vào ngày 13/1/2016, đó là:

- Lập một ma trận các tiêu chí và kết quả của việc thu hẹp các hoạt động thí điểm TTX để lập nên danh sách ngắn.
- Làm rõ các cơ chế thể chế cần được cải thiện trong từng hoạt động tăng trưởng xanh, cùng với thông tin về giai đoạn thời gian cần để cải thiện và lộ trình cải thiện.
- Đối với từng hoạt động thí điểm, cần làm rõ các nội dung liên quan tới: Mục tiêu và sự đóng góp cho chính sách hành chính chung; mức độ ưu tiên; mối quan hệ với các hoạt động khác; chỉ số, v.v...

Liên quan tới ngành mục tiêu của các hoạt động thí điểm, ông Naganuma đã đề cập tới sự cần thiết phải chứng minh rõ ràng về các ngành mục tiêu được lựa chọn. Trong trường hợp một ngành không được lựa chọn, cần phải làm rõ lý do vì sao. Từ trước tới nay, ngành khai thác than thuộc sự quản lý của VINACOMIN – một doanh nghiệp lớn của nhà nước tự bản thân họ thực hiện các giải pháp về bảo vệ môi trường. Trong trường hợp ngành than bị loại khỏi danh sách các hoạt động thí điểm, điều quan trọng là phải làm rõ lý do vì sao.

Liên quan tới hai nội dung còn lại cần phải thảo luận, ông Naganuma đã đề cập tới các chỉ số của hoạt động thí điểm và khu vực dự án thí điểm, trong đó:

- Thiết lập các chỉ số để đánh giá kết quả đạt được của từng hoạt động thí điểm
- Thu hẹp diện tích khu vực thực hiện dự án nhằm thực hiện một cách có hiệu quả

Tóm lại, JICA không có phản ứng mạnh mẽ nào đối với dự thảo đề xuất danh sách dài cho giai đoạn 2 của Dự án.

- (4) Ông Sơn, phó Giám đốc Sở KH&ĐT đánh giá cao các kết quả của cuộc họp, đặc biệt là công sức làm việc của nhóm chuyên gia JICA (JET). Ông Sơn bày tỏ sự phấn khởi về việc từ trước tới nay, hầu hết các ý kiến đóng góp của các thành viên PMU và các cơ quan, ban, ngành có liên quan của tỉnh Quảng Ninh trong việc xây dựng nên danh sách dài các hoạt động thí điểm TTX đề xuất là phù hợp với định hướng của JICA.

Cá nhân ông Sơn rất đồng tình và ủng hộ phương án xây dựng các tiêu chí để lựa chọn danh sách ngắn và việc áp dụng khẩu hiệu của tỉnh Quảng Ninh liên quan tới TTX. Ông Sơn chia sẻ nhiều ý kiến liên quan tới ba nội dung chính:

- (a) Chính sách hành chính cấp cao hơn (Khẩu hiệu)
- (b) Ngành khai thác than
- (c) Khu vực dự án thí điểm

Chi tiết:

(a) Chính sách hành chính cấp cao hơn (Khẩu hiệu)

Liên quan tới “Mô hình Hồ Biwa”, ông Sơn đồng ý rằng mô hình này mang ấn tượng về một khẩu hiệu bảo vệ môi trường, hơn là một khẩu hiệu phát triển TTX mang tính toàn cầu. Trong tỉnh Quảng Ninh, từ trước tới nay có quyết định chính thức liên quan tới xây dựng các chủ đề/khẩu hiệu. Ví dụ có hai khẩu hiệu lớn nhất trong năm 2016:

- Nâng cao chất lượng quản trị và hành chính công
- Xây dựng “thành phố du lịch Hạ Long”

Ông đã đề cập tới một chương trình đã được thực hiện từ năm 2014 – “Nụ cười Hạ Long” đã mang lại nhiều kết quả tốt trên phạm vi toàn tỉnh. Bên cạnh đó, ông Sơn đã đề xuất cùng nhau xây dựng một slogan cho dự án tăng trưởng xanh nhưng đó chỉ là bổ sung, không bắt buộc.

(b) Ngành khai thác than

Ông có ý kiến như sau:

- Trong tỉnh Quảng Ninh, có khoảng 10 nghìn người sống phụ thuộc vào ngành than. Ví dụ, trận lụt lịch sử trong năm 2015 đã gây ra những hậu quả nghiêm trọng về con người và kinh tế, đặc biệt là tình trạng tràn các chất độc hại từ các mỏ khai thác than và nhà máy điện trong tỉnh xung quanh khu vực vịnh Hạ Long – di sản thiên nhiên thế giới. Nói tóm lại, ngành khai thác than đã gây tác động tới nhiều ngành khác.
- Trong phạm vi dự án tăng trưởng xanh, đầu tư hoặc can thiệp vào ngành khai thác than là không thể thực hiện được, nhưng nếu loại ngành này ra thì cũng là một sai sót.
- Về năng lực, Dự án TTX có thể giúp về:
 - + Nâng cao hoạt động quản lý tái trồng rừng tại những khu vực mỏ than sau khi kết thúc khai thác
 - + Phòng ngừa nguy cơ cho những người dân sống tại khu vực dễ bị tổn thương bởi thiên tai.

(c) Khu vực của dự án thí điểm

Ông Sơn thống nhất rằng việc thiết lập khu vực dự án thí điểm có thể được xem như là một lựa chọn. Ông đã thêm rằng các hoạt động thí điểm tại từng khu vực khác nhau là không thể hoàn toàn giống nhau, vì các lý do:

- + Khác nhau về nguồn tài nguyên thiên nhiên: nước, đất, khoáng sản, v.v...
- + Nguồn nhân lực: chính quyền địa phương, con người và các doanh nghiệp tại địa phương đó

Nói tóm lại, trừ ngành khai thác than còn cần phải thảo luận thêm, thì hầu hết các ý kiến nhận xét của JICA đối với dự thảo danh sách dài là giống như các ý kiến từ phía Việt Nam.

- (5) Ông Tạ Thiên Hỷ, trưởng phòng Văn hóa, xã hội và Du lịch, Sở KH&ĐT đề xuất 2 ý kiến liên quan tới ngành khai thác than và khu vực dự án thí điểm. Chi tiết:

- Xây dựng sân chơi rộng trên diện tích các mỏ than đã kết thúc khai thác có thể sẽ là một ý kiến tốt, vì đây không chỉ cải thiện được chất lượng môi trường mà còn đem lại lợi nhuận cho ngành du lịch.
- Cả khu vực vịnh Hạ Long không phải quá rộng để thực hiện các dự án thí điểm. Trong giai đoạn 2 của dự án, trong trường hợp hạn hẹp về ngân sách, lúc đó sẽ cắt giảm diện tích của khu vực thực hiện dự án.

(6) Ông Trần Xuân Cường, Phó Chánh văn phòng Sở KH&ĐT nhắc nhở về kinh nghiệm từ dự án trước đây của JICA vào năm 1999 liên quan tới bảo vệ môi trường. Ông Cường đánh giá cao giai đoạn lập kế hoạch chi tiết này của Dự án TTX, vì đây là lần đầu tiên, nhiều ban ngành cùng nhau cân nhắc và thảo luận về những chủ đề chi tiết, ví dụ như: giảm phát thải khí nhà kính, áp dụng nhãn “Khách sạn Bông sen Xanh”.

Ông Cường đề xuất xác định rõ ngay từ ban đầu nguồn ngân sách từ:

- + ODA
- + UBND tỉnh
- + Người dân địa phương

Ngoài ra, ông Cường nhắc lại về tầm quan trọng của việc xây dựng lộ trình của việc cải thiện các cơ chế thể chế trong các hoạt động thí điểm để tất cả các địa phương có thể dần dần làm quen với khái niệm tăng trưởng xanh.

(7) Ông Naganuma – JET nhắc nhở về dự án TTX là một dự án hỗ trợ cơ chế kỹ thuật, không phải là dự án vốn vay, do đó trong kế hoạch, không mong đợi là sẽ nhận được hỗ trợ ngân sách lớn.

Ông Naganuma giải thích lý do vì sao ngành khai thác than có thể bị loại ra khỏi danh sách các hoạt động thí điểm, với một ví dụ về hoạt động tái trồng rừng trên diện tích các mỏ than sau khi đã đóng cửa. Trong thời gian 2-3 năm tới của giai đoạn 2 của Dự án TTX, thì kết quả của dự án này vẫn chưa nhìn thấy được một cách rõ ràng.

Ông nhấn mạnh rằng mục tiêu của dự án là cải thiện nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường của người dân địa phương, và JICA sẽ cố gắng hết sức để hỗ trợ cho tỉnh Quảng Ninh bằng công nghệ và cơ chế.

(8) Ông Sơn, Sở KH&ĐT đã nhấn mạnh với ông Naganuma và đề xuất một ý kiến như sau: “Trong trường hợp chúng ta không thể thiết kế các hoạt động cụ thể của ngành khai thác than trong dự án này, thì chúng ta phải làm tất cả mọi hoạt động có thể, liên quan tới ngành khai thác than trong các dự án thuộc Giai đoạn 2”

(9) Ông Naganuma – JET đề xuất cuộc họp tiếp theo liên quan tới:

- Làm rõ các tiêu chí đối với dự thảo danh sách ngành
- Thúc đẩy dự án ESCO đối với tiết kiệm năng lượng và quản
- Cơ chế cấp ngân sách
- Thúc đẩy du lịch xanh

(10) Ông Sơn hẹn gặp các thành viên vào cuộc họp lần sau và xác nhận các thành viên của Ban QLDA sẽ tham dự cuộc họp đó.

Hết

BIÊN BẢN CUỘC HỌP

Tên cuộc họp: Tham vấn chuyên sâu số 09

Ngày: 19/01/2016

Địa điểm: Phòng họp Sở KH & ĐT

Danh sách thành viên tham dự:

STT	Name	Position	Organization
1	Hoang Danh Son	Deputy director	DPI
2	Nguyen Tuan Anh	Chef of Socio-culture and tourism division	DPI
3	Tran Xuan Cuong	Deputy chief of Foreign economic relations division	DPI
4	Pham Hong Bien	Chief of Foreign economic relations division	DPI
5	Tran Thanh Phong	Chief of Sectoral Economic division	DPI
6	Nguyen Thi Thu Hong	Deputy chief of Foreign economic relations division	DPI
7	Dang Thi Thu Phuong	Staff	DPI
8	Kengo Naganuma	Environmental Expert Deputy chief advisor	JET
9	Tetsuo Isono	Tourism Expert	JET
10	Keiichi Maeda	Coordinator	JET
11	Duong Thi Nhuan	Translator	JET
12	Nguyen Thi Thao Hien	Translator	JET
13	Tran Thi Mai Lan	Translator	JET

Agenda:

- Presentation of criteria for preparing Short List for Green Growth Pilot Activities
- Discussion and recommendation

Record of discussion

(1) Mr. Kengo Naganuma – Deputy chief advisor of Green Growth Project reported comments from 7 departments (DARD, DCST, DOC, DOF, DOIT, DONRE and DOST), and 2 local administrations (Hoanh Bo district and Quang Yen town) in combination with reply of JET for each comment. So far, there are no strong objection from all relevant organizations.

After that, he presented aspects related to criteria for preparing short list for Green Growth Project:

- Selecting process of pilot activities
- Remind of Criteria for preparing long list
- New presentation of criteria for preparing short list

- Possible institutional mechanism to be developed/improved
- Summary of general procedure for institutionalization in Quang Ninh province

In presentation of selecting process of pilot activities, he reintroduced in general Lake Biwa Model with its signification and function which can be applied on overall concept of pilot activities.

In presentation of 7 main criteria for preparing long list, regarding criteria 6 “High level dialogue between QN PPC and JICA representative in September 2015 is considered” he reminded an information of replacing engines for tourist boats and ESCO implementation.

Finally, he pointed out some issues to be discussed and confirmed on institutional procedure and hopefully asked for more and more opinions from PMU members.

- (2) Mr. Hoang Danh Son, deputy director of DPI asked if possible institutional mechanism to be developed/improved are examples or proposals from JET
- (3) Mr. Naganuma answered that they are just examples in which 4 first existing mechanism to be improved and especially 2 last mechanism to be developed. In detail:
 - Securing budget for green growth action plan
 - Developing new financial source for green growth action plan
- (4) Mr. Son – DPI reminded that long list is the result of serious research and summary from previous master plans of Quang Ninh province, especially socio-economic master plan. Of course, candidate activities in long list adapted to 3 criteria of priority, effectiveness and feasibility belong to Quang Ninh criteria but in that long list, these criteria can be loosened as long as they are related to green growth. So criteria for short list must follow criteria for long list.

Regarding criteria for preparing short list, he basically agreed with 3 groups of criteria but it is necessary to specify. For example:

- Group 1 – Priority: What is “high contribution to achievement of provincial GG action plan targets”? Contribution for reduce of GHG emission or for investment promotion?
- Group 3 – Feasibility: Is there only expectation on collaboration with Japanese private sector? How about the collaboration with other countries?

Regarding the appliance of Biwa Lake Model to pilot activities, he asked for criteria of its selection based on priority, effectiveness and feasibility.

Regarding general procedure for institutionalization in Quang Ninh province, he reminded and completed 4 main points:

- Is is very important to observe Vietnam law (2008) on Promulgation of Legal Normative Laws and Vietnam law (2004) on Promulgation of PPC & People's Council legislation documents for local authorities.
- Project Steering Committee will have specific right and power to decide in pilot activities without middle phase of submitting for PPC’s approval

- If there is an issue which probably affects to socio-economic benefits of Quang Ninh province, it is compulsory to ask for approval of the Provincial Party Council
 - At the end of pilot phase, in case of implementing official activities from pilot activities, it is obligatory to obey a new procedure for institutionalization in the right order.
- (5) Mr. Naganuma wanted to know the duration of this procedure and the frequency of PPC's meeting for discussion of draft documents
- (6) Mr. Son answered that there is no fixed duration for one procedure, it depends on each case but the minimum time is from 1-2 month, so it is mostly based on the effective working of Compiling Committee. It is the same for PPC's meeting frequency. If necessary, Quang Ninh PPC can gather for an urgent meeting.
- (7) Mr. Naganuma agreed with Mr.Son's opinion that investment promotion effectiveness can be a priority criteria for short list and asked for other explanation and recommendations as well.
- (8) Mr. Tran Thanh Phong – Chief of Sectoral Economic division- DPI repeated that criteria for short list should be included in those of long list. He shared his opinions that priority is not a criteria, he proposed to use:
- Appropriateness to legal documents
 - Effectiveness to economic, social and political benefits
 - Feasibility to investment promotion and national & provincial budget ability

Regarding the specification of criteria, he proposed to build 2 levels for each group. For example, there will be 1 big headline and 2 smaller headlines.

He supported Mr.Son's opinion that the progress of procedure depends on the level of Compiling Committee for drafting the institutional documents. For example, in 2015, it took only 1 month for institutionalization procedure of a resolution related to tourist boats in Ha Long Bay.

- (9) Mr. Nguyen Tuan Anh - Chef of Socio-culture and tourism division, DPI commented on possible institutional mechanism to be developed/improved as below:
- For these mechanism, PPC can totally approve depending on the capacity to persuade of Compiling Committee:
 - + Method on monitoring and evaluation for implementation of activities for green growth action plan
 - + Consistency with objectives of each activities with overall target for green growth action plan, especially on tourism sector
 - + Clarification of mandate of relevant departments, local administrative bodies and external organizations
 - + Cross-cutting cooperation mechanism among Steering Committee members of provincial of provincial action plan.
 - However, 2 last possible institutional mechanism are under 2 levels of administrations: People's Committee and Provincial Party Council (through official resolution)

➔ In conclusion, if mechanism have impacts on socio-economic sectors in Quang Ninh province, it is compulsory to have approval of both People's Committee and Provincial Party Council

Regarding the difference of general procedure between building a new institutional documents and updating existing institutional documents, he affirmed that at phase of pilot activities, there will be mainly development of new ones instead of revision and update of existing ones.

Besides, he proposed to make a global mechanism for implementation process instead of dividing for each sector.

(10) Mr. Naganuma confirmed the importance of building new institutional documents in combination with editing existing ones. He gave an example of Quang Ninh Environmental Protection Fund which is not actively and effectively used at the moment. In the project scope, JET hoped to be able to update institutional mechanism related to this fund.

(11) Mr. Son reminded that from the beginning, everyone used bottom-up approach while Mr. Tuan Anh mentioned top-down approach which is focused on financial issues.

He mentioned that so far in Quang Ninh province in particular and in Vietnam in general, concept of Green Growth is too wide and financial division for it is not clear. For example, poverty reduction is also related to green growth. So it is essential to define all sectors can be related to green growth. Taking advantage of concerned projects in provincial scale can be opportunities to have financial sources for Green Growth Project.

He proposed to have a study for funding resources in Quang Ninh

(12) Mr. Tetsuo Isono, Tourism Expert - JET contributed an opinion related to ecotourism – mangrove development. So far, there are only 6 indicators for ecotourism in Quang Ninh. It is necessary to develop them.

(13) Mr. Son completed that at least, all tourism indicators in Quang Ninh have to adapt to provincial standard. Only when enterprises leaders prove that their businesses can adapt to environmental standard of Quang Ninh, they can get permission of operation. For example, by 31 December 2015, only tourist boats with waste water treatment system can work on the bay.

(14) Mr. Cuong, Deputy chief of Foreign economic relations division, DPI completed that environmental standard should be monitored in short term and long term of next 5 years and 10 years. Besides, ISO Standard can be a good reference. For example, in next 5 years, all indicators will have to meet Vietnamese Standard; in next 10 years: higher standard like Japanese or European standard.

He expressed a wish to know the method of selection from JET and proposed SMART method:

- S - Specific
- M - Measurable
- A -Attainable
- R - Relevant

- T - Time-bound
- (15) Mr. Naganuma answered that JET will make a matrix showing criteria and result of narrowing down the GG pilot activities as short list.
- (16) Mr. Cuong highly appreciated Mr. Naganuma's idea and hoped for having chance to see it soon. Besides, he wanted to know if there are many difference between procedure of institutionalization in Japan and in Vietnam, so that Quang Ninh province can study experience from Japan.
- (17) Mr. Naganuma answered that because of the difference of political institution, JET cannot apply procedure from Japan and it is best to respect Vietnamese procedure when working in Vietnam.
- (18) Mr. Pham Hong Bien - Chief of Foreign economic relations division, DPI proposed 3 opinions related to:
 - (a) Scale of short list
 - (b) Method of selecting
 - (c) Necessity of specifying short list for each sector and each region

In detail:

- (a) He repeated that criteria for short list must be included in previous criteria for long list
 - (b) He emphasized that the duration of implementation should be considered as an important criteria
 - (c) He said that among 6 regions, Heritage Core Zone should be in priority for pilot activities
- (19) Mr. Son added the last comments that there were a lot of ideas firstly in discussion in scale of intensive consultation but in fact, they are totally not new in Quang Ninh province. For example: environmental standard for infrastructure construction, quality of waste water treatment system.

He reminded all PMU members to pay high attention in this period. It is better to have specific and detail proposals instead of global recommendations.
- (20) Mr. Naganuma made an appointment for next meetings related to criteria for short list, ESCO project and tourism sector.

End of document

BIÊN BẢN THẢO LUẬN

Tên cuộc họp: Họp Tham vấn chuyên sâu số 10

Ngày: 20 tháng 1 năm 2016

Địa điểm: Phòng họp Sở KH&ĐT

Danh sách thành viên tham dự:

STT	Tên	Chức vụ	Cơ quan
1	Hoàng Danh Sơn	Phó Giám đốc	Sở KH & ĐT
2	Đào Thị Thanh Huyền	Phó phòng Kinh tế - đối ngoại	Sở KH & ĐT
3	Nguyễn Thị Thu Thủy	Phó Chi cục Bảo vệ MT	Sở TN&MT
4	Phạm Văn Cường	Phó Chánh văn phòng	Sở TN&MT
5	Phạm Thị Duyên	Giám đốc Quỹ BVMT	Sở TN&MT
6	Đoàn Hải Lý		Sở KH&CN
7	Bùi Tuấn Anh	Phó trưởng phòng TH & QL Quy hoạch	Sở KH & ĐT
8	Tạ Thiên Hỷ	Trưởng phòng VH&XH	Sở KH & ĐT
9	Kengo Naganuma	Chuyên gia Môi trường Phó Cố vấn trưởng	JET
10	Keiichi Maeda	Điều phối viên	JET
11	Dương Thị Nhuận	Phiên dịch	JET

Nội dung cuộc họp:

- Trình bày về hệ thống cấp ngân sách hiện tại của tỉnh Quảng Ninh (Quỹ Bảo vệ Môi trường, Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ)
- Thảo luận và tham gia ý kiến đề xuất

Biên bản thảo luận

(1) Bà Đoàn Hải Lý, Sở Khoa học và Công nghệ có ý kiến như sau:

- Quỹ Phát triển KH&CN được thành lập vào năm 2012, không phải năm 2015.
- Mục đích của Quỹ là để hỗ trợ cho các doanh nghiệp đổi mới công nghệ.
- Thông tin về Quỹ được đăng tải mở tại cổng thông tin điện tử Quảng Ninh, bao gồm cả các thông tin cụ thể, ví dụ như các tiêu chí về đối tượng được Quỹ hỗ trợ và các cơ chế ưu đãi.
- Đề nghị xác nhận thông tin qua tài liệu về Luật Khoa học và Công nghệ, nghị định số 95.
- Mục tiêu là những doanh nghiệp chưa đầu tư trên 10% thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp để thành lập quỹ Phát triển KH&CN.
- Vốn cố định của Quỹ là 100 tỷ Đồng.
- Kế hoạch chi tiêu của Quỹ được nộp và phê duyệt bởi UBND tỉnh.

(2) Ông Sơn – Phó Giám đốc Sở KH&ĐT có ý kiến như sau:

- Số vốn của Quỹ là 100 tỷ Đồng, từ 3-5% thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp, như được quyết định tại Nghị định số 95.
- Kể từ năm 2016, các doanh nghiệp liên quan tới hoạt động phát triển khoa học và công nghệ sẽ tự thành lập quỹ riêng của công ty mình.

(3) Bà Phạm Thị Duyên, Giám đốc Quỹ Bảo vệ Môi trường có ý kiến như sau:

- Nhiệm vụ của Quỹ là:

1. Tiếp nhận ký quỹ từ VINACOMIN
 2. Cho vay vốn
 3. Tài trợ (đã tài trợ tổng số tiền là 1 tỷ Đồng trong trận lũ lụt trong tỉnh vào tháng 7 năm 2015).
 4. Nhận tiền tài trợ (400 triệu đồng tài trợ cho vấn đề lụt lội vào năm ngoài từ quỹ bảo vệ môi trường Việt Nam)
- Vốn vay trong thời gian tối đa là 5 năm với tổng số tiền tối đa là 5 tỷ đồng. Số lượng đơn xin vay vốn ít do quy mô quỹ nhỏ.
 - Quỹ này là dành công tác cho bảo vệ môi trường, không phải cho tăng trưởng xanh.
 - Có chỉ đạo cụ thể từ Trung ương.

(4) Bà Lý, Sở KH&CN có ý kiến nhận xét như sau:

- Quỹ Phát triển KH&CN được chỉ thị bởi Nghị định số 95 của Chính phủ tới các tỉnh và từ tỉnh tới các doanh nghiệp.
 - Các nghiên cứu phải được Bộ KH&CN công nhận.
 - Cho tới năm 2015, các doanh nghiệp đều có thể sử dụng quỹ, nhưng từ năm 2016, chỉ các doanh nghiệp có hoạt động liên quan tới khoa học và công nghệ mới được sử dụng vốn từ quỹ. Năm doanh nghiệp mục tiêu được nhận vốn vay từ quỹ là như sau:
5. Công ty sản xuất giống cây trồng
 6. Công ty Đạt Minh Hà
 7. Công ty Cổ phần Ngọc trai Hạ Long
 8. Công ty Teranit, về Nông nghiệp?
 9. She does Not remember

(5) Ông Kengo Naganuma có câu hỏi như sau:

- Có thể có thêm doanh nghiệp mục tiêu được vay vốn từ Quỹ phát triển KH&CN không?

(6) Bà Lý trả lời như sau:

- Có thể được nhưng hoạt động của doanh nghiệp đó vẫn phải liên quan tới phát triển khoa học và công nghệ.

(7) Ông Kengo Naganuma có câu hỏi như sau

- Có thể sử dụng quỹ phát triển khoa học và công nghệ của bản thân doanh nghiệp đó được không?

(8) Bà Lý trả lời như sau:

- Doanh nghiệp thường không quan tâm tới đổi mới công nghệ

(9) Bà Duyên, Sở TN&MT có ý kiến nhận xét như sau:

- Cần phải tuân thủ theo hướng dẫn của cấp trung ương trong việc nhận ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường của VINACOMIN.
- Lãi suất được điều hành bởi chính phủ.

(10) Ông Tuấn Anh, Sở KH&ĐT có ý kiến nhận xét như sau:

- Khó có thể điều chỉnh, thêm hoặc bổ sung vào hệ thống quỹ hiện có.
- Khái niệm Tăng trưởng Xanh là rất rộng.
- Cần phải cân nhắc để thiết lập một quỹ mới cho TTX.

(11) Ông Sơn, Sở KH&ĐT kết luận như sau:

- Tốt hơn cả là thiết lập quỹ mới cho TTX.
- Cũng có thể thực hiện việc thêm một số tiêu chí cho quỹ hiện có, nhưng không thể bao gồm tất cả các khía cạnh của TTX.

Hết

BIÊN BẢN CUỘC HỌP

Tên cuộc họp: Tham vấn chuyên sâu - 11

Ngày: 21/01/2016

Địa điểm: Phòng họp Sở KH & ĐT

Danh sách tham dự:

	Tên	Chức vụ	Cơ quan
1	Hoàng Danh Sơn	Phó giám đốc	Sở KH & ĐT
3	Trần Xuân Cương	Phó chánh văn phòng	Sở KH & ĐT
4	Trần Thanh Phong	Trưởng phòng Kinh tế ngành	Sở KH & ĐT
5	Nguyễn Thị Thu Hồng	Phó trưởng phòng Kinh tế đối ngoại	Sở KH & ĐT
6	Đặng Thị Thu Phương	Thành viên ban quản lý	Sở KH & ĐT
7	Nguyễn Mạnh Hùng	Trưởng phòng Quản lý Khoa học	Sở KHCN
8	Phạm Xuân Dương	Phó trưởng phòng Quản lý Khoa học	Sở KHCN
9	Nguyễn Thị Diệu Huyền	Cán bộ phòng Quản lý Khoa học	Sở KHCN
10	Vũ Ngọc Phú	Chuyên viên Phòng Kỹ thuật An toàn - Môi trường	Sở công thương
11	Kengo Naganuma	Chuyên gia môi trường Cố vấn phó	Nhóm chuyên gia JICA
12	Keiichi Maeda	Điều phối viên	Nhóm chuyên gia JICA
13	Dương Thị Nhuận	Phiên dịch viên	Nhóm chuyên gia JICA
14	Nguyễn Thị Thảo Hiền	Phiên dịch viên	Nhóm chuyên gia JICA

Nội dung:

- Giới thiệu dự án ESCO và thảo luận về những cơ chế, chính sách hành chính cần thiết để triển khai dự án
- Thảo luận và đóng góp ý kiến

Nội dung thảo luận

(1) Ông Kengo Naganuma, Chuyên gia môi trường – Cố vấn phó Dự án Tăng trưởng xanh giới thiệu sơ lược về dự án với những thành viên tham gia lần đầu từ Sở KHCN và Sở Công thương.

Ông trình bày các nội dung liên quan đến dự án ESCO

- ESCO là gì?
- Khung pháp luật liên quan đến ESCO ở Việt Nam
- Tình hình về ESCO ở Việt Nam
- Những rào cản đối với việc thúc đẩy dự án ESCO ở Việt Nam
- Những giải pháp thúc đẩy ESCO ở Việt Nam

- Ví dụ về biện pháp tiết kiệm năng lượng trong các tòa nhà

Cụ thể:

Liên quan đến khái niệm ESCO, ông giới thiệu rằng ESCO là một tổ chức cung cấp các giải pháp tiết kiệm năng lượng, bao gồm cả kiểm toán để thực hiện tiết kiệm năng lượng, thiết kế và thực hiện các biện pháp tiết kiệm năng lượng, vận hành và quản lý các thiết bị được đưa vào sử dụng, và đảm bảo ngân sách của dự án. Ông nhấn mạnh rằng khách hàng không phải chịu bất kỳ đầu tư vốn trả trước nào và chỉ chịu trách nhiệm thanh toán cho những đầu tư trước đó hoặc theo yêu cầu sắp xếp của ESCO. ESCO sẽ hợp tác với ngân hàng và nhà tài trợ để hỗ trợ chi phí lắp đặt ban đầu và khách hàng có thể trả dần trong 5 năm, 10 năm và thậm chí lâu hơn.

Liên quan đến khung pháp luật về ESCO ở Việt Nam, ông đề cập đến Báo cáo Kiểm toán Năng lượng ông nhận được từ Sở KHCN, nhắc lại rằng nhiều doanh nghiệp tại tỉnh đã nhận thức được tầm quan trọng của tiết kiệm năng lượng. Trong bối cảnh đó, ESCO có thể là một giải pháp tốt.

Liên quan đến tình hình về ESCO ở Việt Nam, ông đề cập đến 4 chính sách/cơ chế hỗ trợ có liên quan trong mối tương quan so sánh giữa Việt Nam và Nhật Bản: Luật quốc gia về hiệu quả năng lượng, Chương trình quốc gia về hiệu quả năng lượng, hỗ trợ tài chính của chính phủ cho ESCO và Ưu đãi về thuế. Ông đưa ra số liệu rằng cho tới năm 2013, đã có khoảng 15 dự án ESCO tại Việt Nam và riêng trong năm 2013, con số được triển khai là 6 dự án.

Liên quan đến những rào cản để thúc đẩy ESCO tại Việt Nam, ông nói rằng một vài rào cản đến từ chính việc thiếu thông tin hiểu biết về ESCO của người dân, số khác lại xuất phát từ thiếu ủng hộ về mặt tài chính và chính sách từ chính quyền. Để giải quyết nhóm rào cản đầu tiên, ông nhấn mạnh rằng việc thông tin – truyền thông nâng cao nhận thức là vô cùng quan trọng.

Liên quan đến thúc đẩy triển khai ESCO, ông nhắc lại giải pháp tuyên truyền kết hợp cùng 6 nhóm giải pháp khác. Cụ thể:

- Xác định các cơ sở mục tiêu đối với dự án ESCO dựa trên kết quả kiểm toán năng lượng
- Thực hiện tuyên truyền nâng cao nhận thức cho các đối tượng mục tiêu \Tăng cường hợp tác với các tổ chức cơ quan có liên quan tới ESCO, ví dụ như Trung tâm Tiết kiệm Năng lượng Hà Nội (ECC)
- Thiết lập các cơ quan xúc tiến ESCO \Xây dựng cơ chế ưu đãi, ví dụ như hệ thống thưởng cho các cơ sở có dự định tham gia dự án ESCO
- Xây dựng cơ chế cấp ngân sách cho các dự án ESCO
- Cơ quan nhà nước thử nghiệm dự án ESCO

Ông đề cao hoạt động của Trung tâm tiết kiệm năng lượng Hà Nội và những dự án thử nghiệm ESCO của JICA đã triển khai tại một vài quốc gia.

Liên quan đến ví dụ thử nghiệm giải pháp tiết kiệm năng lượng tại các tòa nhà, ông đề xuất rằng ESCO có thể được lắp đặt thử nghiệm tại các tòa nhà hành chính Quảng

Ninh. Ông mở rộng giới thiệu thêm về một số dự án ESCO trước đó tại tỉnh Shiga, Nhật Bản và thành phố Hồ Chí Minh. ESCO có thể được áp dụng không chỉ ở các tòa nhà và còn ở các khu công nghiệp.

Tóm lại, ông Naganuma hi vọng nhận được ý kiến phản hồi từ các cá nhân, tổ chức có liên quan đề khả năng triển khai ESCO trong khuôn khổ dự án Tăng trưởng xanh; và nếu có, những chính sách cơ chế nào có thể được sử dụng nhằm khuyến khích ESCO.

- (2) Ông Hoàng Danh Sơn – Phó giám đốc Sowe KH & ĐT bình luận rằng ESCO là một khái niệm mới không chỉ với tỉnh Quảng Ninh nói riêng mà Việt Nam nói chung. ESCO liên quan tới nhiều lĩnh vực khác nhau như công nghiệp, thương nghiệp, dịch vụ và khoa học công nghệ ..v...v...
- (3) Ông Naganuma muốn xác nhận thông tin liệu ở Quảng Ninh hiện tại có trung tâm nào hoạt động tương tự Trung tâm tiết kiệm năng lượng Hà Nội
- (4) Ông Hoàng Danh Sơn và các thành viên tham dự xác nhận hiện tại ở Quảng Ninh chưa có một trung tâm tương tự. Ông đề cập đến Quỹ phát triển Khoa học và Công nghệ của Sở KHCN nhằm hỗ trợ đầu tư khoa học công nghệ trên phạm vi tỉnh, tuy nhiên quỹ này hoạt động chưa hiệu quả.
- (5) Ông Naganuma bình luận như sau:
 - Dự án ESCO có vẻ như phát triển hơn ở phía Nam và ở khu vực phía Bắc, chỉ Trung tâm tiết kiệm năng lượng Hà Nội có nhiều thông tin và kinh nghiệm về triển khai ESO
 - Tại Quảng Ninh, một vài doanh nghiệp đã nhận thấy tầm quan trọng của tiết kiệm năng lượng và triển khai lập báo cáo Kiểm toán năng lượng, đó là một tín hiệu tích cực. Tuy nhiên, thông qua các báo cáo nhận được, ông đề xuất rằng việc có thêm nhiều biện pháp tiết kiệm là điều hoàn toàn cần thiết.
 - Nhằm thúc đẩy ESCO, Quảng Ninh có 2 cách:
 - + Tạo mối quan hệ hợp tác với những tổ chức/doanh nghiệp có kinh nghiệm triển khai hiệu quả ESCO
 - + Tự đầu tư thí điểm, ESCO sẽ trực tiếp do một cơ quan chính có thẩm quyền quản lý.
- (6) Ông Vũ Ngọc Phú – Chuyên viên Phòng Kỹ thuật An toàn - Môi trường, Sở Công thương bình luận rằng theo như ông hiểu, đứng về phía lợi ích của doanh nghiệp, dường như ESCO có chung cách thức với vay vốn ngân hàng khi khách hàng phải trả cả tiền đầu tư lẫn chi phí tư vấn. Ông đặt ra câu hỏi cho nhóm chuyên gia về lợi ích thực sự mà ESCO mang lại.
- (7) Ông Naganuma nhấn mạnh rằng lợi ích hàng đầu đó là tiết kiệm năng lượng, đồng nghĩa với tiết kiệm tiền và bảo vệ môi trường. Trước mỗi dự án, một công ty ESCO luôn luôn xem xét tình hình thực tế của khách hàng để từ đó có những biện pháp tiết kiệm năng lượng riêng. Chỉ sau một quá trình tính toán và xem xét kỹ lưỡng, công ty mới ký hợp đồng với khách hàng.

Ông chia sẻ ý kiến của ông Phú và bình luận rằng “Lo sợ về đảm bảo lợi ích” là một trong những rào cản lớn nhất để thúc đẩy ESCO ở Việt Nam.

- (8) Ông Nguyễn Mạnh Hùng – Trưởng phòng Quản lý Khoa học, Sở KH&CN đánh giá cao ý kiến của ông Naganuma cho rằng giải pháp quan trọng hàng đầu là nâng cao nhận thức về ESCO.
- (9) Ông Trần Xuân Cường – Phó Chánh văn phòng, Sở KH & ĐT cung cấp thông tin về 2 dự án tiết kiệm năng lượng đã triển khai trước đó tại tỉnh (lắp đặt biển tần và tiết kiệm năng lượng chất đốt) từ đó phân tích 2 nguyên nhân ông đúc rút được dựa vào kinh nghiệm từ hai dự án này.
- Mối lo về nguồn cung cấp năng lượng không đủ để vận hành máy móc thiết bị
- (10) Việc tranh thủ lợi từ một số cá nhân: ở một vài công ty nhà nước, một số cá nhân được hưởng hoa hồng từ việc mua bán than/điện. Bởi vậy, họ không khuyến khích áp dụng các biện pháp tiết kiệm năng lượng nhằm đảm bảo duy trì lợi ích cá nhân.
- (11) Ông Naganuma chia sẻ kinh nghiệm từ Nhật Bản rằng trong thực tế, một doanh nghiệp có thể mất tới 1-2 năm kể từ giai đoạn đầu tiên để đi đến một hợp đồng với ESCO. Đó là lí do tại sao nhiều chính sách được thiết lập nhằm khuyến khích, thậm chí thúc ép doanh nghiệp triển khai ESCO. Bên cạnh đó, một vài tỉnh thậm chí tự chủ động triển khai mà không chờ đến sự xuất hiện của một cơ chế chính sách cụ thể.

Ông nhắc lại sự cần thiết phải lập một chiến lược cấp tỉnh về tiết kiệm năng lượng và ở giai đoạn khởi đầu, chỉ 1-2 doanh nghiệp tiên phong trong việc triển khai ESCO đã là tín hiệu khả quan rồi.

- (12) Liên quan đến giải pháp nâng cao nhận thức, ông Nguyễn Mạnh Hùng – Sở KH&CN đề xuất rằng công ty ESCO và Sở Công thương nên là hai cơ quan chủ quản trong vấn đề này.

Bên cạnh đó, ông nhắc lại rằng tại Quảng Ninh, phần lớn những công ty lớn nhất trực thuộc tập đoàn quốc gia và vấn đề tiết kiệm năng lượng ngày càng được chú trọng. Chính những công ty này là nguồn tiêu thụ năng lượng lớn nhất. Bởi vậy, dự án ESCO có thể triển khai tại các công ty này để làm gương.

Ông bày tỏ rằng mình không chắc chắn khả năng ban hành một chính sách hiệu quả nhằm thúc đẩy ESCO. Ông cho rằng ở thời điểm hiện tại, tiết kiệm năng lượng không phải ưu tiên hàng đầu trong chiến lược phát triển kinh tế tỉnh. Doanh nghiệp thậm chí tự triển khai ESCO mà không chờ tới khi có một cơ chế chính sách. Trong trường hợp một vài công nghệ thuộc ESCO đã được triển khai tại đâu đó trong tỉnh, đồng nghĩa rằng chúng không hoàn toàn mới, vậy chính sách nào có thể áp dụng trong trường hợp này?

Trên cương vị hoạt động tại Sở KH&CN, ông đề cập tới 2 nguồn quỹ có thể liên quan tới dự án: In function of DOST, he mentioned 2 funds possibly to get involved:

- Quỹ phát triển khoa học công nghệ

- Quỹ khuyến khích nghiên cứu khoa học, chuyển giao và ứng dụng công nghệ.

Ông hi vọng nhận được thêm thông tin từ ông Vũ Ngọc Phú – Sở công thương về thực tế ứng dụng của các doanh nghiệp và một vài dự án tiết kiệm năng lượng triển khai gần đây.

(13) Ông Vũ Ngọc Phú – Sở công thương trả lời rằng Phòng quản lý năng lượng chịu trách nhiệm về báo cáo thường niên các số liệu này. Tuy nhiên trong buổi họp, cán bộ phụ trách chưa có mặt. Ông đề xuất sẽ báo cáo lên cấp trên để sắp xếp một cuộc họp giữa Sở Công thương và Nhóm chuyên gia JICA

(14) Ông Naganuma đề cập đến Quỹ phát triển khoa học công nghệ - vấn đề nhóm chuyên gia đã có buổi làm việc trước đó với Sở KH&CN và cho rằng doanh nghiệp có thể khó xin hỗ trợ từ nguồn quỹ này, tuy nhiên không có nghĩa là không thể. Ông chia sẻ quan điểm cá nhân rằng doanh nghiệp vừa và nhỏ nên được ưu tiên hỗ trợ ESCO.

Ông ngỏ ý muốn nhận được báo cáo quản lý năng lượng từ Sở Công thương

- Ông Trần Thanh Phong – Trưởng phòng Kinh tế ngành – Sở KH & ĐT cho rằng khả năng áp dụng ESCO là hoàn toàn có thể bởi đứng trên phương diện kinh tế và chính trị, việc áp dụng không hề gây bất kì xung đột lợi ích nào giữa 3 bên:

- Doanh nghiệp
- Cộng đồng
- Công ty ESCO

Ông hoàn toàn đồng ý rằng rào cản hàng đầu là thiếu nhận thức về lợi ích của ESCO. Ngay chính những lãnh đạo có liên quan có mặt trong cuộc họp còn chưa hiểu rõ về ESCO thì sao doanh nghiệp và người dân có thể nhận thức đầy đủ về lĩnh vực này..

Ông đề xuất tham khảo hai chính sách đã có:

- Luật xúc tiến đầu tư nội địa
- Chính sách khuyến nông khuyến lâm

Ông nhấn mạnh rằng Quảng Ninh nên là tỉnh tiên phong trong việc tiết kiệm năng lượng; bởi Quảng Ninh là một trong những tỉnh đi đầu về công nghiệp nặng ở Quảng Ninh. Trên cương vị cán bộ của Sở KH & ĐT, ông nói rằng Sở có thể ưu tiên cho doanh nghiệp có những giải pháp tiết kiệm năng lượng.

(15) Ông Naganuma đề xuất rằng nếu cần thiết, Nhóm chuyên gia JICA có thể mời một công ty ESCO về tỉnh để giới thiệu chuyên sâu và ESCO. Ông cũng bày tỏ hi vọng nhận được một danh sách từ Sở công thương và Sở KNCN về các tổ chức/doanh nghiệp tiềm năng trong việc triển khai ESCO.

(16) Ông Hoàng Danh Sơn – Phó giám đốc Sở KH&ĐT đưa ra những nhận xét cuối cùng như sau:

- Nhóm chuyên gia JICA nên tham khảo Quyết định số 2612/QĐ-TTg ngày 30/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược sử dụng công nghệ sạch giai đoạn đến năm 2020, tầm nhìn 2030.
 - Liên quan đến ví dụ triển khai ESCO tại các tòa nhà, ông cung cấp thông tin rằng trong tương lai gần, một vài tòa nhà hành chính sẽ sớm được hoàn thành; ESCO có thể được thử nghiệm tại những tòa nhà này.
 - Ông hoàn toàn đồng ý với ý kiến của ông Phú – Sở Công thương và ông Naganuma về hai buổi gặp mặt với:
 - + Sở Công thương
 - + Doanh nghiệp ESCO
 - Ông yêu cầu Nhóm chuyên gia JICA cung cấp danh sách các doanh nghiệp đã triển khai ESCO tại Việt Nam cũng như báo cáo về tính hiệu quả của mô hình. Bên cạnh đó, ông đề xuất rằng nhóm chuyên gia có thể có một nghiên cứu chuyên sâu hoặc viết một bài báo, tinh sẵn sàng đưa lên các phương tiện thông tin đại chúng để tuyên truyền.
- (17). Ông Naganuma đánh giá cao ý kiến của ông Hoàng Danh Sơn về ý tưởng triển khai ESCO tại các tòa nhà hành chính công và đưa ra cuộc hẹn cho các buổi thảo luận trong tương lai.

Hết

BIÊN BẢN CUỘC HỌP

Tên cuộc họp: Tham vấn chuyên sâu 12

Ngày: 25/01/2016

Địa điểm: Phòng họp Sở KH & ĐT

Danh sách tham dự:

STT	Tên	Chức vụ	Đơn vị
1	Lê Thị Hải Bình	Chuyên viên – Phòng quản lý vận tải	Sở GTVT
2	Kengo Naganuma	Chuyên gia môi trường – Phó cố vấn dự án Tăng trưởng xanh	Nhóm chuyên gia JICA
3	Dương Thị Nhuận	Phiên dịch viên	Nhóm chuyên gia JICA
4	Nguyễn Thị Thảo Hiền	Phiên dịch viên	Nhóm chuyên gia JICA

Nội dung:

- Giới thiệu việc thay thế động cơ và sử dụng nhiên liệu sinh học BDF cho tàu du lịch trên vịnh Hạ Long
- Thảo luận và đề xuất ý kiến

Nội dung thảo luận

- (1) Ông Kengo Naganuma – Phó cố vấn dự án giới thiệu ý tưởng thay thế động cơ và sử dụng nhiên liệu sinh học BDF cho tàu du lịch trên vịnh Hạ Long cùng các vấn đề liên quan trong khuôn khổ dự án Tăng trưởng xanh. Cụ thể:
 - Quy trình lựa chọn các hoạt động thí điểm
 - Thay thế động cơ Diesel cũ của tàu du lịch
- (2) Thúc đẩy việc sử dụng nguyên liệu sinh học (BDF) cho tàu du lịch, nguyên liệu đang được thử nghiệm bởi JICA và Đại học Quốc gia Hà Nội.
- (3) Bà Lê Thị Hải Bình, Chuyên viên – Phòng quản lý vận tải, Sở GTVT đóng góp những ý kiến sau:
 - Trong thực tế, nhiên liệu sinh học BDF đã và đang được sử dụng và theo như ý kiến phản hồi từ các chủ tàu du lịch, nhiên liệu này không hề gây hại cho động cơ. –
 - Một tháng trước, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đã có cuộc họp với Ủy ban tỉnh về việc thay thế sử dụng diesel bằng khí nén sinh học CNG bởi những lí do như:
 - + Bảo vệ môi trường
 - + Tiết kiệm chi phí 10%
 - + Mỏ khí nén tại Thái Bình – một tỉnh không quá xa Quảng Ninh

Cho đến thời điểm hiện tại, tỉnh Quảng Ninh chưa có quyết định chính thức về việc này, cuộc họp được chủ trì bởi Sở GTVT cùng sự hợp tác của Sở KH & CN, Sở TNMT và BQL Vịnh Hạ Long.

- Khi sử dụng nguyên liệu sinh học BDF, tàu du lịch không cần phải cải tạo động cơ, điều này khác với sử dụng CNG đòi hỏi nâng cấp động cơ. Sau cùng, sau giai đoạn thử nghiệm nguyên liệu sinh học, điều các chủ tàu quan tâm nhất là giá thành và nguồn cung cấp. Trong giai đoạn thử nghiệm, mới chỉ có 1 tàu được cung cấp 1000 lít xăng sinh học và sau đó dừng lại.
- (4) Ông Kengo Naganuma tường thuật lại buổi làm việc giữa nhóm chuyên gia và Đại học Quốc gia Hà Nội và khẳng định rằng chất lượng của nguyên liệu sinh học là khoogn thể phủ nhận và việc sản xuất số lượng lớn là hoàn toàn có thể. Tuy nhiên, đòi hỏi thời gian để xác định giá thành sản xuất. Nếu Ban lãnh đạo tỉnh đồng thuận và ủng hộ, việc sử dụng nguyên liệu sinh học hoàn toàn là một giải pháp hợp lý.
- (5) Bà Lê Thị Hải Bình đồng ý rằng Sở GTVT cùng Sở KHDDT hoàn toàn có thể tìm những tàu du lịch phù hợp trong giai đoạn thử nghiệm dự án tăng trưởng Xanh, tuy nhiên việc báo cáo lên UBND là hoàn toàn bắt buộc.
- (6) Ông Kengo Naganuma yêu cầu xác minh thông tin rằng đối tác chính của Sở GTVT là Sở KHCN và Sở TNMT
- (7) Bà Lê Thị Hải Bình xác minh thông tin đó và đặt câu hỏi rằng theo như thử nghiệm đầu tiên tại tỉnh năm 2007, liệu có phải nguyên liệu sinh học từng được áp dụng tại Quảng Ninh sản xuất tại Nhật Bản.
- (8) Ông Kengo Naganuma xác nhận thông tin tuy nhiên ông không nắm được chính xác tên công ty Nhật Bản sản xuất BDF tại Nhật hay đầu tư sản xuất vào Việt Nam. Ông hi vọng nếu UBND Tỉnh phê duyệt và giao cho dự án chịu trách nhiệm thúc đẩy sử dụng BDF, nhóm chuyên gia sẽ nhận được danh sách các công ty này từ Sở GTVT.
- (9) Bà Lê Thị Hải Bình chia sẻ sở GTVT luôn sẵn sàng tham gia. Bà nhấn mạnh lại rằng nếu đứng ở vị trí các chủ tàu, điều bà quan tâm nhất là giá thành. Bởi trong 2 năm gần đây, rất nhiều quy định mới được ban hành, khiến giá thành trở thành mối quan tâm hàng đầu của các chủ tàu. Ví dụ:
- Lắp đặt thiết bị xử lý nước la canh giá 20 triệu đồng/tàu
 - Sơn trắng lại toàn bộ tàu và sơn lại 2-3 lần/năm
- (10) Ông Kengo Naganuma nói rằng thông qua quyết định của UBND, nhóm chuyên gia JICA có thể giúp đỡ việc xây dựng một quy chế hỗ trợ các chủ tàu về giá. Ông hi vọng rằng trong trường hợp đó, Sở GTVT có thể đóng vai trò như một đầu mối trung gian.
- (11) Bà Lê Thị Hải Bình nói rằng về vấn đề giá thành, Sở Tài chính trực tiếp chịu trách nhiệm, Sở GTVT chỉ đóng vai trò tham mưu cho lãnh đạo tỉnh. Và hơn hết, người quyết định chính là các chủ tàu. Nếu họ thấy được những mặt hợp lý và hiệu quả của việc sử dụng nguyên liệu sinh học, một cách tự nhiên họ sẽ áp dụng chúng. Trong thực tế, hiện nay đa phần động cơ tàu ở Hạ Long được sản xuất tại Nhật Bản, động cơ cũ từ 40-55 mã

lực, mới 105 mã lực. Nếu chủ tàu tính toán và nhận thấy sử dụng động cơ cũ tốn nhiều nhiên liệu, họ sẽ tự động thay thế mà không cần quyết định từ chính quyền.

- (12) Ông Kengo Naganuma hỏi liệu Sở GTVT có kế hoạch gì trong việc cắt giảm số lượng tàu và thúc đẩy việc thay thế động cơ.
- (13) Bà Lê Thị Hải Bình đề cập tới 3 quyết định ban hành bởi UBND tỉnh:
- Quyết định 3624/QĐ-UBND ban hành ngày 16/11/2015 về việc tạm dừng đóng mới tàu du lịch hoạt động trên vịnh Hạ Long, vịnh Bái Tử Long theo các giấy chứng nhận đầu tư.
 - Quyết định 3625/QĐ-UBND ban hành ngày 16/11/2015 về việc tạm dừng đóng mới thay thế tàu vỏ gỗ hoạt động du lịch trên vịnh Hạ Long, vịnh Bái Tử Long.
 - Quyết định 4088/QĐ-UBND về việc Ban hành quy định tạm thời về quản lý hoạt động tàu du lịch trên vịnh Hạ Long, vịnh Bái Tử Long.

Chi tiết:

Quyết định 3624

- Điều 1: Tạm dừng việc đóng mới các tàu còn lại (119 tàu) hoạt động du lịch trên vịnh Hạ Long, vịnh Bái Tử Long theo các giấy chứng nhận đầu tư đã được UBND tỉnh cấp cho các doanh nghiệp.
- Điều 2: UBND tỉnh giao Sở KHĐT chủ trì, phối hợp Ban Xúc tiến và Hỗ trợ Đầu tư tổ chức kiểm tra, rà soát, tham mưu UBND tỉnh xem xét điều chỉnh hoặc thu hồi Giấy chứng nhận đầu tư đã cấp cho 6 doanh nghiệp
- Điều 3: Các cá nhân/đơn vị có liên quan: Chánh văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: KHĐT, GTVT, VH-TT-DL; Trưởng ban Xúc tiến và Hỗ trợ Đầu tư; Giám đốc Công an tỉnh, Giám đốc Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy tỉnh, Trưởng BQL Vịnh Hạ Long và các đơn vị địa phương.

Quyết định 3625

- Điều 1:
 - + Dừng đóng mới thay thế tàu vỏ gỗ đã hết thời hạn hoạt động du lịch trên vịnh Hạ Long, vịnh Bái Tử Long theo chỉ đạo của UBND tỉnh tại văn bản số 1409/UBND-GT2 ngày 18/03/2015 về nội dung “tuyệt đối không cho phép đóng mới tàu phục vụ khách tham quan, ngủ đêm trên vịnh Hạ Long” kể từ ngày 18/03/2015
 - + Sở GTVT thu hồi giấy phép hoạt động, không được phép đóng mới tàu vỏ thép, vỏ composite thay thế hoạt động du lịch trên vịnh Hạ Long, vịnh Bái Tử Long
 - + Đối với các trường hợp Sở GTVT đã đồng ý cho phép đóng mới tàu vỏ thép, vỏ composite sau thời điểm 18/03/2015 đang triển khai thi công, Sở GTVT báo cáo UBND tỉnh xem xét cụ thể từng trường hợp để giải quyết.
 - + Đối với các tàu vỏ gỗ đã hết thời hạn hoạt động kinh doanh trên vịnh đang chờ cho phép đóng mới sau ngày 18/03/2015, Sở GTVT thu hồi giấy phép, không cho phép đóng mới.
- Điều 2:

Các cá nhân/đơn vị có liên quan: Chánh văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: GTVT, VH-TT-DL; Giám đốc Công an tỉnh, Giám đốc Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy tỉnh, Trưởng BQL Vịnh Hạ Long và các đơn vị địa phương.

Quyết định 4088

Quy định về điều kiện để tàu du lịch được hoạt động trên vịnh Hạ Long, vịnh Bái Tử Long. Bao gồm:

- Điều kiện hoạt động của tàu du lịch
 - Điều kiện làm việc đối với người lao động trên tàu du lịch
 - Điều kiện, tiêu chuẩn hoạt động của cảng, bến thủy nội địa, khu vực neo đậu cho tàu du lịch.
 - Trách nhiệm của chủ tàu du lịch, thuyền viên, khách du lịch; trách nhiệm của chủ cảng bến, cơ quan cảng vụ, các cơ quan quản lý nhà nước.
- (14) Ông Kengo Naganuma đánh giá cao những thông tin hữu ích từ bà Bình và bình luận rằng, theo như ông hiểu, trong một thời gian ngắn đã có nhiều thay đổi trong việc quản lý tàu thuyền trên vịnh. Trong khuôn khổ dự án Tăng trưởng xanh, đây là một cơ hội tốt để đề xuất những chính sách nhằm mang lại hiệu quả cao hơn nữa cho hoạt động của tàu thuyền trên vịnh.
- (15) Bà Lê Thị Hải Bình chia sẻ quan điểm cá nhân cho rằng việc áp dụng nguyên liệu sinh học BDF sẽ đạt được kết quả tốt, bởi ít nhất, UBND tỉnh đã có những chính sách nghiêm ngặt và rõ ràng dành cho loại hình đặc trưng này. Không có lí do gì để từ chối việc sử dụng nguyên liệu sinh học.

Bà nói rằng việc lắp đặt thiết bị xử lý nước la canh bắt đầu mạnh mẽ từ năm 2013, thất chặt vào nửa cuối năm 2014 và thực sự giải quyết triệt để tới tháng 11/2015. Ban đầu, khi chủ tàu phải trả chi phí đầu tư, họ chưa nhìn thấy được lợi ích lâu dài. Dần dần, nhờ vào phản hồi tốt từ những người tiên phong, họ đã tự động viên nhau lắp đặt và cho tới ngày 31/12/2015, 100% tàu trên vịnh đã lắp đặt thiết bị lọc dầu.

Bà nhấn mạnh rằng chủ tàu không thể nhìn thấy được trọn vẹn tầm quan trọng của bảo vệ môi trường, họ chỉ quan tâm tới giá cả. Trước đây, vì UNESCO từng cảnh báo về môi trường Hạ Long, thiết bị lọc dầu mới được lắp đặt. Việc áp dụng BDF cũng sẽ được áp dụng vì nó mang lại lợi ích tốt đẹp.

Bà hỏi Ông Kengo Naganuma rằng trong trường hợp rò rỉ dầu, mức độ ảnh hưởng của BDF có nghiêm trọng hay không.

- (16) Ông Kengo Naganuma trả lời rằng BDF phân hủy nhanh hơn dầu diesel, nên trong trường hợp tai nạn rò rỉ dầu, BDF là một giải pháp tốt.
- Ông hi vọng rằng sẽ nhận được nhiều hợp tác với Sở GTVT và hẹn các buổi họp trong tương lai để có thêm nhiều thảo luận.

Kết thúc biên bản

BIÊN BẢN CUỘC HỌP

Tên cuộc họp: Tham vấn chuyên sâu - 13

Ngày: 25/01/2016

Địa điểm: Phòng họp Sở KH & ĐT

Danh sách tham dự:

STT	Tên	Chức vụ	Cơ quan
1	Trần Thị Quỳnh Vân	Chuyên viên – Phòng phát triển tài nguyên du lịch	Sở VH, TT & DL
2	Tetsuo Isono	Chuyên gia du lịch	Nhóm chuyên gia JICA
3	Kengo Naganuma	Chuyên gia môi trường	Nhóm chuyên gia JICA
4	Dương Thị Nhuận	Phiên dịch	Nhóm chuyên gia JICA
5	Nguyễn Thị Thảo Hiền	Phiên dịch	Nhóm chuyên gia JICA

Nội dung:

- Giới thiệu hoạt động thí điểm cho ngành du lịch trong khuôn khổ dự án Tăng trưởng xanh
- Thảo luận và đề xuất ý kiến

Nội dung thảo luận:

- (1) Ông Tetsuo Isono – Chuyên gia du lịch – Nhóm chuyên gia JICA giới thiệu những vấn đề liên quan tới các hoạt động thí điểm cho ngành du lịch trong khuôn khổ dự án Tăng trưởng xanh khu vực Hạ Long. Cụ thể:
 - Nhắc lại Quy hoạch phát triển kinh tế xã hội Quảng Ninh đến năm 2020 tầm nhìn 2030. Trong đó, mục tiêu tăng trưởng đặt ra là ngành dịch vụ sẽ trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, chiếm 51% trong cơ cấu GDP tại tỉnh.
 - Nhắc lại Xu hướng khách tham quan Quảng Ninh và vịnh Hạ Long cùng số lượng khách và doanh thu từ các hoạt động du lịch.
 - Nhắc lại kế hoạch hành động Tăng trưởng xanh và quy hoạch tổng thể du lịch tỉnh Quảng Ninh. Trong đó nhấn mạnh: Tăng trưởng XANH và TĂNG TRƯỞNG xanh
 - Giới thiệu các tiêu chí để lập danh sách dài, nhấn mạnh 3 tiêu chí chính là: phù hợp với yêu cầu của tỉnh Quảng Ninh, tính hiệu quả của dự án JICA – cân nhắc tới mô hình hồ BIWA, tính khả thi và tính ứng dụng.
 - Giới thiệu danh sách dài các hoạt động thí điểm trong 2 nhóm: xanh hóa ngành công nghiệp du lịch và xanh hóa các ngành công nghiệp trong khu vực Hạ Long thông qua xúc tiến du lịch sinh thái.
 - Giới thiệu tiêu chí lập danh sách ngắn, nhấn mạnh tính phù hợp, tính ưu tiên, tính hiệu quả và tính khả thi.

- Trình bày ví dụ lựa chọn danh sách ngắn dự kiến
- (2) Bà Trần Thị Quỳnh Vân, chuyên viên phòng phát triển tài nguyên du lịch, Sở VH, TT & DL đánh giá cao nỗ lực làm việc của nhóm chuyên gia JICA và nói rằng về cơ bản, bà đồng ý với tất cả các tiêu chí lựa chọn danh sách dài và ngắn từ nhóm chuyên gia. Bà không có thêm sửa đổi/góp ý nào.
Đặc biệt, liên quan đến nhóm B trong danh sách dài các hoạt động thí điểm - xanh hóa các ngành công nghiệp trong khu vực Hạ Long thông qua xúc tiến du lịch sinh thái, bà cung cấp thông tin về dự án EU đã và đang giúp đỡ tỉnh Quảng Ninh trong việc cải thiện thông tin du lịch. Cụ thể, một cuộc hội thảo sắp được tổ chức nhằm giới thiệu và thảo luận thêm về Cơ quan tiếp thị điểm đến, với sự tham gia của các chuyên gia dự án EU, Ủy ban Nhân dân tỉnh và đại diện các doanh nghiệp du lịch.
Bà bày tỏ thiện chí sẽ cung cấp thông tin hữu ích cho nhóm chuyên gia JCIA về nội dung và kết quả thu được sau cuộc hội thảo và trên cương vị Sở VH, TT & DL, phòng phát triển tài nguyên du lịch sẽ cố gắng trợ giúp dự án Tăng trưởng xanh nhiều nhất có thể.
- (3) Ông Tetsuo Isono – Nhóm chuyên gia JICA cảm ơn và hẹn các buổi họp trong tương lai để có thêm nhiều thảo luận chuyên sâu.

Kết thúc biên bản

BIÊN BẢN THẢO LUẬN HỌP THAM VẤN CHUYÊN SÂU SỐ 14 – PHẦN 1

Thảo luận về các hoạt động thí điểm cho Giai đoạn 2

Địa điểm: Phòng họp số KH&ĐT

Ngày: 18/2/2016

Danh sách thành viên dự họp:

STT	Tên	Chức vụ	Cơ quan
1	TS. Hoàng Danh Sơn	Phó Giám đốc	Sở KH&ĐT
2	Ông Phạm Hồng Biên	Trưởng phòng kinh tế đối ngoại	Sở KH&ĐT
3	Bà Nguyễn Thị Thu Hồng	Phó phòng kinh tế đối ngoại	Sở KH&ĐT
4	Bà Đào Thanh Huyền	Phó phòng kinh tế đối ngoại	Sở KH&ĐT
5	Ông Trần Thanh Phong	Trưởng phòng Kinh tế ngành	Sở KH&ĐT
6	Ông Bùi Tuấn Anh	Phó phòng tổng hợp và quản lý quy hoạch	Sở KH&ĐT
7	Ông Norikiho Inoue	Tư vấn trưởng	JET
8	Bà Dương Thị Nhuận	Phiên dịch	JET
9	Bà Trần Thị Mai Lan	Phiên dịch	JET

1. Chủ đề thảo luận

- (1) Tiêu chí lựa chọn các chủ đề ứng cử của các hoạt động thí điểm cho Giai đoạn 2
 - Xác nhận tiêu chí lập Danh sách dài các hoạt động thí điểm
 - Xác nhận tiêu chí lập Danh sách ngắn các hoạt động thí điểm
- (2) Dự thảo danh sách ngắn các hoạt động thí điểm cho Giai đoạn 2
 - Ma trận đánh giá các chủ đề của Danh sách dài để lập Danh sách ngắn
- (3) Dự kiến về việc sẵn sàng cho Giai đoạn 2
 - Xác định phạm vi cải thiện / xây dựng khung chí sách và Cơ chế thể chế
 - Khuôn khổ thời gian hoạt động cải thiện / xây dựng thể chế

2. Nội dung thảo luận

(1) Tiến sỹ Hoàng Danh Sơn:

TS Sơn bày tỏ sự ủng hộ mạnh mẽ đối với nội dung của tài liệu JET lập. TS Sơn có một số ý kiến như sau :

- **Đối với Chủ đề 6-2: Thường xuyên công bố Báo cáo quan trắc môi trường (Sách trắng):** TS Sơn đề nghị JET cần nhắc nêu những nội dung cơ bản được trình bày trong báo cáo quan trắc môi trường.

Căn nguyên: TS Sơn phân tích rằng thông thường “Báo cáo quan trắc môi trường” của Việt Nam chỉ gồm nội dung báo cáo kết quả quan trắc mà chưa có thảo luận gì về khuynh hướng ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng đến môi trường, kinh tế - xã hội, sức khỏe con người và phương hướng giải quyết. Hơn nữa, báo cáo chưa chỉ ra được đâu là nguồn gây ô nhiễm, doanh nghiệp nào thực hiện tốt / kém trong vấn đề bảo vệ môi trường hay chính sách nào đang tốt những về lâu dài cần cải thiện nhằm đảm bảo kết quả thực hiện.

TS Sơn gợi ý có thể đặt tên báo cáo này là “Môi trường và Phát triển”, trong đó kết quả quan trọng là một phần rất nhỏ của báo cáo.

TS Sơn cũng chỉ ra rằng báo cáo quan trọng môi trường hiện nay chưa thực hiện đối với nội dung đa dạng sinh học mà theo ông đa dạng sinh học đóng một vai trò rất quan trọng đối với tăng trưởng xanh.

- **Về Dự kiến khung thời gian thực hiện cải thiện / xây dựng thể chế**

TS Sơn đề xuất rằng với mỗi chủ đề cần 1 nhóm. Trưởng nhóm là đầu mối, thành viên thuộc các sở ngành, địa phương và đại diện các đơn vị liên quan trực tiếp.

- **Về cơ chế chung**

TS Sơn chỉ ra rằng JET cần đề xuất cơ chế điều hành chung đối với các dự án đề xuất cho giai đoạn 2. Căn cứ vào đề xuất đó, phía Việt Nam sẽ tiến hành chuẩn bị về con người, tài chính cho giai đoạn tiếp theo.

(2) **Ông Phạm Hồng Biên**

- Đề xuất JET cần nhắc bổ sung nội dung ***“Huy động nguồn lực, dự án khác” trong tiêu chí chọn các dự án đề xuất / 2. Tính ưu tiên.***

Căn nguyên: Do sự hạn chế của ngân sách nhà nước, việc huy động các nguồn lực khác như các dự án ODA (hỗ trợ của USAID, UNDP) là rất thiết yếu bao gồm cả sự tham gia của khối tư nhân. Đây sẽ là một điểm mang tính chất thuyết phục các nhà lãnh đạo là thành viên trong Ban điều hành. Ông Biên cũng đưa ra ví dụ cụ thể với các dự án ESCO sẽ có sự tham gia rất mạnh mẽ của khối tư nhân.

- ***Đối với tiêu chí 3. Tính hiệu quả:***

Ông Biên đề nghị JET đơn giản hóa cách dùng thuật ngữ khiến nội dung dễ hiểu đối với đông đảo người đọc bởi thuật ngữ này mang ý nghĩa rất rộng và Hiệu quả nên được hiểu cụ thể là : *Sự cải thiện môi trường và hoạt động du lịch tại các địa phương trong khu vực dự án.*

- ***Cần nhắc chọn dự án 1A-2: Tăng cường năng lực quản lý môi trường ở các khu công nghiệp và khu kinh tế***

Căn nguyên: Ông Biên đề nghị JET chọn dự án nêu trên vì những lý do sau:

- ✓ Ma trận đánh giá của JET cho thấy dự án này hoàn toàn phù hợp.
- ✓ Nội dung liên quan trực tiếp tới địa bàn dự án;
- ✓ Trong giai đoạn tới, sự phát triển của các khu kinh tế Vân Đồn và khu công nghiệp Việt Hưng sẽ có tác động lớn đến môi trường. Do vậy, điều cần thiết là phải có cơ chế quản lý rõ ràng.

- **Dự án 6 -1 – Nâng cao nhận thức cho các nhà máy / tòa nhà (khách sạn, nhà hàng, v.v.) trong khu vực thí điểm: chỉ định chọn là một dự án hoặc tích hợp vào với dự án khác.**

Căn nguyên: Ông Biên đề xuất JET chọn cả dự án này hoặc tích hợp dự án này trong các dự án khác, vì những lý do sau :

- ✓ Ma trận đánh giá của JET cho thấy dự án này hoàn toàn phù hợp.
- ✓ Đây là hoạt động tuyên truyền, nâng cao nhận thức nên dễ thực hiện. Ông Biên cũng bổ sung rằng trên thực tế, JET đã thực hiện một cuộc khảo sát đối với chủ đề cụ thể này.

(3) Ông Trần Thanh Phong

Ông Phong nhắc lại ý kiến ông đã tham gia tại cuộc họp tham vấn chuyên sâu số 9, khi đó ông nhấn mạnh rằng Ưu tiên không phải là một tiêu chí. Theo ý kiến của ông, ba tiêu chí còn lại là đủ để chọn. Ông đề xuất áp dụng hệ thống tính điểm, dự án nào có điểm cao sẽ được chọn.

Ông Phong cũng bổ sung thêm là chưa thể có ý kiến trả lời cụ thể về việc chọn bởi ông cần thêm thời gian để nghiên cứu các tài liệu liên quan và sẽ tham gia thêm về sau. Liên quan tới việc dịch thuật ngữ, ông Phong đề xuất sử dụng từ ngữ như Chủ đề ứng cử thay bằng Dự án đề xuất, v.v..

(4) Bà Đào Thanh Huyền

- **Về Khuôn khổ thời gian hoạt động cải thiện / xây dựng thể chế**

Bà Huyền đề nghị làm rõ trình tự các hoạt động triển khai thực hiện bởi bà Huyền hiểu rằng có những hoạt động phải hoàn thành xong trước khi triển khai hoạt động kế tiếp. Trong tài liệu hiện có, tất cả các hoạt động đều có ngày bắt đầu như nhau.

Ví dụ: chỉ sau khi thành lập được Tổ công tác thì mới có thể bắt tay vào hoạt động lập kế hoạch hành động.

(5) Ông Bùi Tuấn Anh

Ông Tuấn Anh bày tỏ sự đồng thuận đối với 4 nhóm tiêu chí. Tuy nhiên, ông đề xuất áp dụng hệ thống trọng số bởi ông hiểu rằng trong số các tiêu chí phải có tiêu chí quan trọng hơn so với những tiêu chí còn lại.

Ông Tuấn Anh cũng nói rằng trong phạm vi chuyên môn của mình, ông chỉ có thể tham gia đánh giá các chủ đề liên quan trong số 6 nhóm do vậy vẫn cần phải có sự tham gia sâu hơn nữa của các sở ngành chuyên môn.

Ông Tuấn Anh cũng bổ sung thêm rằng số lượng dự án đề xuất cũng sẽ phụ thuộc vào tính chất hạn chế của ngân sách.

(6) Ông Norihiko Inoue

Ông Inoue bày tỏ sự đánh giá cao đối với những ý kiến tham gia rất bổ ích từ phía các thành viên dự họp. Ông cũng hiểu rằng điều quan trọng là việc chọn phải mang tính chất thuyết phục đối với các nhà lãnh đạo trong cuộc Họp ban chỉ đạo sắp tới, dự kiến sẽ tổ chức ngày 2/22 tháng 3.

Ông Inoue cũng đề xuất rằng JET mong có được sự đồng thuận đối với danh sách ngân trong cuộc họp nêu trên và một lần nữa ông khẳng định lại quan điểm của phía Nhật Bản rất chú trọng đến sự tham gia của khối tư nhân trong quá trình thực thi dự án. Ông Inoue nhấn mạnh rằng thậm chí cần lôi kéo sự tham gia của họ ngay trong giai đoạn ban đầu của dự án thì sẽ tốt hơn.

(7) TS Hoàng Danh Sơn

Liên quan tới lịch họp Ban chỉ đạo, TS Sơn nhấn mạnh sự mong đợi của ông đối với những nội dung họp như sau :

- 1) Trình dự thảo đề cương chi tiết đối với từng dự án đề xuất;
- 2) Đề xuất thành lập các tổ công tác có đầu mối trong khi đó sự điều hành chung vẫn thuộc về Sở KHĐT;
- 3) Đề xuất khung điều hành.

Khi các nhà lãnh đạo có thể đưa ra kết luận ngay tại cuộc họp này thì phía Việt Nam có thể triển khai ngay việc chuẩn bị cả về con người và tài chính cho giai đoạn tiếp theo.

(8) Cuộc họp tiếp theo

Cuộc họp tiếp theo sẽ được tổ chức vào ngày thứ Sáu, 19/2 để Ban QLDA bổ sung thêm ý kiến tham gia sau các cuộc thảo luận tại cuộc họp này và sau đó Ban QLDA sẽ cùng xác nhận danh sách ngân.

Cuộc họp kết thúc vào hồi 16:30.

BIÊN BẢN THẢO LUẬN HỌP THAM VẤN CHUYÊN SÂU SỐ 14 – PHẦN 2

Thảo luận về các hoạt động thí điểm cho Giai đoạn 2

Địa điểm: Phòng họp sở KH&ĐT

Ngày: 19/2/2016

Danh sách thành viên dự họp:

STT	Tên	Chức vụ	Cơ quan
1	TS. Hoàng Danh Sơn	Phó Giám đốc	Sở KH&ĐT
2	Ông Phạm Hồng Biên	Trưởng phòng kinh tế đối ngoại	Sở KH&ĐT
3	Ông Trần Thanh Phong	Trưởng phòng Kinh tế ngành	Sở KH&ĐT
4	Bà Nguyễn Thị Thu Trang	Phó phòng kinh tế đối ngoại	Sở KH&ĐT
5	Bà Đào Thanh Huyền	Phó phòng kinh tế đối ngoại	Sở KH&ĐT
6	Bà Nguyễn Thị Thu Hồng	Phó phòng kinh tế đối ngoại	Sở KH&ĐT
7	Ông Bùi Tuấn Anh	Phó phòng tổng hợp và quản lý quy hoạch	Sở KH&ĐT
8	Ông Norikiho Inoue	Tư vấn trưởng	JET
9	Bà Dương Thị Nhuận	Phiên dịch	JET
10	Bà Trần Thị Mai Lan	Phiên dịch	JET

1. Chủ đề thảo luận

Tiếp theo sau cuộc họp Tham vấn chuyên sâu số 14 tổ chức ngày 18/2/2016, cuộc họp phần 2 này được tổ chức ngày 19/2 để JET xác nhận cụ thể những ý kiến Ban QLDA tham gia tại cuộc họp ngày 18/2 và để nhận thêm ý kiến bổ sung từ cả hai phía, như sau

- (1) Chủ đề 6-2: Nội dung cơ bản của Sách trắng – Tham khảo Nhật Bản.
- (2) Chủ đề 1A-2: cân nhắc đề xuất
- (3) Chủ đề 6-1: cân nhắc đề xuất là một dự án độc lập hoặc tích hợp trong dự án khác.
- (4) Ý kiến bổ sung (nếu có) từ Ban QLDA đối với dự thảo danh sách ngân.

2. Nội dung thảo luận

(1) Chủ đề 6-2: Nội dung cơ bản của Sách trắng – Tham khảo Nhật Bản

Ông Inoue Norihiko, Cố vấn trưởng JET trình bày vấn đề nội dung mục lục của Sách trắng của Nhật Bản mới được phát hành gần đây.

TS Hoàng Danh Sơn, Phó giám đốc Sở KH&ĐT nói rằng sách trắng của Nhật hoàn toàn khác so với Báo cáo môi trường hàng năm của Việt Nam.

Ông Sơn bổ sung rằng thường niên, Bộ TNMT cũng như các bộ ngành khác lập báo cáo năm nhưng giữa các báo cáo này không có sự liên kết với nhau. Các báo cáo cấp tỉnh cũng có tình trạng tương tự như vậy và chưa có kinh phí liên kết các báo cáo đó. TS Sơn chỉ ra thực tế hàng năm tỉnh Quảng Ninh có kinh phí cho lập báo cáo môi trường hàng năm.

TS Sơn đề xuất rằng đối với tăng trưởng xanh, cần kiến nghị cụ thể về việc lập sách trắng phát huy được hiệu quả; cần làm rõ những đối tượng mục tiêu sử dụng sách trắng thường xuyên, loại thông tin nào cần phản ánh trong báo cáo nhằm tránh lãng phí kinh phí khảo sát, thu thập số liệu.

(2) Chủ đề 1A-2: Tăng cường năng lực quản lý môi trường ở các khu công nghiệp và khu kinh tế

Liên quan tới dự án này, ông Inoue nhấn mạnh tầm quan trọng của chủ đề này thông qua ví dụ khi JET đến phỏng vấn các đơn vị khác nhau trong khu công nghiệp Cái Lân. Các doanh nghiệp trong khu CN này đều có chung một nhu cầu rất lớn về việc làm mới các trạm xử lý nước thải của họ. Do vậy, hiểu rằng cần có chính sách hỗ trợ để giúp các doanh nghiệp này.

(3) Dự án 6 -1 – Nâng cao nhận thức cho các nhà máy / tòa nhà (khách sạn, nhà hàng, v.v.) trong khu vực thí điểm

Ông Inoue đề cập một khả năng có thể tích hợp chủ đề này vào Dự án 3B-2 hoặc 3B-3.

Ban QLDA đồng ý với nội dung này.

(4) Dự án 1C-1

Bà Huyền đặt câu hỏi liên quan tới khả năng tích hợp dự án 1C-1 đối với hoạt động 3R vào bất kỳ dự án đề xuất nào đó.

Về việc này, TS Sơn nói rằng UBND tỉnh đã có kinh phí cho hoạt động này mà Sở TNMT được giao là đơn vị chủ trì thực hiện.

Ông Inoue nhấn mạnh quan điểm của JICA rất rõ ràng về việc họ không muốn hỗ trợ cho những hoạt động trùng lặp với các nhà tài trợ khác.

(5) Dự án 3B2

Bà Nguyễn Thị Thu Trang đưa ra ý kiến cần bao gồm cả Vân Đồn trong nội dung dự án này.

Về việc này, ông Inoue nói rằng mục đích của chủ đề này nhằm giảm tải cho vịnh Hạ Long thông qua khai thác các hoạt động du lịch khác ở các điểm tài nguyên du lịch trong đất liền. Do vậy, cần xác nhận cụ thể về tiềm năng của Vân Đồn cho mục đích đó. Ngoài ra, tên của chủ đề này cần được xem xét lại để phản ánh quan điểm nêu trên.

Về việc này, TS Sơn nói rằng Vân Đồn hội tụ nhiều đảo đá, đảo đất đẹp nhận và phía bắc có rừng ngập mặn mà Nippon Koei đã đề xuất thành lập khu Ramsar trong Quy hoạch môi trường tỉnh Quảng Ninh. TS Sơn cũng bổ sung thêm thông tin về Hoành Bồ nơi cũng có tiềm năng tổ chức các hoạt động du lịch trên đất liền như khu rừng nguyên sinh Hoành Bồ là Đồng sơn - Kỳ thượng; và là địa phương có rất nhiều các nông trại trồng hoa, cam, trên thực tế đã có rất nhiều các trường học đưa học sinh đến tham quan môi trường tự nhiên.

(6) Kết luận

Sau rất nhiều thảo luận liên quan tới bước tiếp theo sàng lọc danh sách ngắn, TS Sơn kết luận như sau :

Tỉnh Quảng Ninh muốn giữ 7 dự án đề xuất trong danh sách ngắn (6 dự án như liệt kê trong tài liệu họp Tham vấn chuyên sâu số 14, thêm dự án 1A-2 (cho khu công nghiệp).

Tuy nhiên, tùy thuộc vào yêu cầu và nguồn lực cụ thể, việc làm rõ phạm vi hỗ trợ, số lượng dự án sẽ được quyết định sau khi tham vấn cụ thể với JICA.

Cuộc họp kết thúc vào hồi 16:00.

BIÊN BẢN CUỘC HỌP – THAM VẤN CHUYÊN SÂU 15

Thảo luận về các hoạt động thuộc Danh sách ngắn: Tăng cường năng lực quản lý môi trường trong các Khu công nghiệp và Khu kinh tế

Địa điểm: Phòng họp Sở KH & ĐT

Ngày: 01 tháng 03 năm 2016

Danh sách tham dự

STT	Tên	Chức vụ	Cơ quan
1	Ông. Hoàng Danh Sơn	Phó Giám đốc	Sở KH & ĐT
2	Ông Phạm Hồng Biên	Trưởng phòng Kinh tế đối ngoại	Sở KH & ĐT
3	Ông Trần Thanh Phong	Trưởng phòng Kinh tế ngành	Sở KH & ĐT
4	Bà Đào Thị Thanh Huyền	Phó trưởng phòng Kinh tế đối ngoại	Sở KH & ĐT
5	Bà Nguyễn Thị Thu Trang	Phó trưởng phòng Văn hóa Xã hội	
5	Bà Trần Thị Thanh Tâm	Chuyên viên phòng Kinh tế đối ngoại	Sở KH & ĐT
6	Bà Nguyễn Thị Thu Hồng	Phó trưởng phòng Kinh tế đối ngoại	Sở KH & ĐT
7	Bà Đặng Thị Thu Phương	Thư ký dự án	Sở KH & ĐT
8	Bà Nguyễn Thị Thu Thủy	Phó Chi cục Bảo vệ môi trường	Sở TN & MT
9	Ông Hoàng Trung Kiên	Phó trưởng ban	BQL Khu kinh tế
10	Ông Bùi Hồng Long	Phó trưởng phòng Quản lý TNMT	BQL Khu kinh tế
11	Ông Nguyễn Văn Tuấn	Phó trưởng phòng Quản lý đầu tư	BQL Khu kinh tế
12	Bà Nguyễn Thị Thương	Chuyên viên phòng Quản lý TNMT	BQL Khu kinh tế
13	Bà Nguyễn Thị Vịnh	Phó trưởng phòng Tài chính kế hoạch	UBND thị xã Quảng Yên
14	Ông Phạm Minh Hải	Phó trưởng phòng Tài nguyên môi trường	UBND thị xã Quảng Yên
15	Ông Lương Gia Hùng	Trưởng phòng Tài chính Kế hoạch	Sở Công thương
16	Ông Phạm Quang Thái	Phó Giám đốc	Sở Công thương
17	Ông Lê Minh Tân	Phó trưởng ban	BQL vịnh Hạ Long
18	Ông Lê Lâm Tuấn	Trưởng phòng quản lý môi trường	BQL vịnh Hạ Long
19	Ông Kengo Naganuma	Phó cố vấn – Chuyên gia môi trường	Nhóm chuyên gia JICA

20	Bà Dương Thị Nhuận	Phiên dịch viên	Nhóm chuyên gia JICA
21	Bà Trần Thị Mai Lan	Phiên dịch viên	Nhóm chuyên gia JICA
22	Bà Nguyễn Thị Thảo Hiền	Phiên dịch viên	Nhóm chuyên gia JICA

1. Các nội dung chính

- (1) Phạm vi và các hoạt động nhằm tăng cường năng lực quản lý môi trường trong các Khu công nghiệp và Khu kinh tế trong Giai đoạn 2 dự án
- (2) Mức độ sẵn sàng của các cơ chế thể chế nhằm tăng cường năng lực quản lý môi trường trong các Khu công nghiệp và Khu kinh tế trong Giai đoạn 2 dự án
- (3) Các cơ quan chịu trách nhiệm chính và có liên quan nhằm tăng cường năng lực quản lý môi trường trong các Khu công nghiệp và Khu kinh tế trong Giai đoạn 2 dự án

2. Nội dung thảo luận

- (1) Ông Naganuma – Nhóm chuyên gia JICA giới thiệu danh sách 7 khu công nghiệp và khu kinh tế đang hoạt động trên địa bàn tỉnh (Từ nguồn phía Nhật Bản), hỏi xin xác nhận thông tin từ các tổ chức có liên quan và đề xuất nên chọn một khu làm thí điểm trong giai đoạn 2 dự án.
- (4) Liên quan đến “Mức độ sẵn sàng của các cơ chế thể chế nhằm tăng cường năng lực quản lý môi trường trong các Khu công nghiệp và Khu kinh tế trong Giai đoạn 2 dự án - Áp dụng tiêu chuẩn xả thải quốc tế và nâng cao năng lực kiểm tra và thanh tra môi trường”, Ông Hoàng Danh Sơn – Sở KH & ĐT đóng góp ý kiến rằng trước tiên, cần xác định tiêu chuẩn quốc tế nào rồi mới có thể áp dụng được.

Ông cung cấp 2 thông tin sau:

- Các trạm quan trắc môi trường tự động đã và đang được lắp đặt trên phạm vi toàn tỉnh
 - Tiêu chuẩn ISO 14000 được bắt đầu áp dụng từ năm 2010, tuy nhiên cho tới nay vẫn chưa thực sự hiệu quả
- (2) Ông Naganuma – Nhóm chuyên gia JICA giới thiệu khung chính sách hoặc cơ chế thể chế dự kiến cần thiết nhằm cải thiện/xây dựng mới và nhấn mạnh rằng việc xác định được cơ chế thể chế nào và khoảng thời gian triển khai chúng là hoàn toàn cần thiết.

Bên cạnh đó, ông hỏi xin ý kiến bổ sung thêm các cơ chế thể chế từ các thành viên tham dự.

- (3) Ông Hoàng Trung Kiên – Ban quản lý Khu kinh tế đưa ra thông tin rằng danh sách 7 khu công nghiệp và khu kinh tế cần cập nhật và đề xuất Ban quản lý sẽ cung cấp bản danh sách mới.

Ông đề cập 2 dự án đang ở bước quy hoạch xây dựng cùng 3 cơ chế chính sách nhằm hỗ trợ các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh:

- 2 dự án
 - Khu đô thị công nghiệp công nghệ cao Amata
 - Khu dịch vụ cảng Đầm Nhà Mạc
- 3 văn bản pháp luật có liên quan:
 - **Quyết định số 2895/2015/QĐ-UBND** ban hành Quy định về chính sách hỗ trợ và ưu tiên đầu tư vào các Khu công nghiệp, Khu kinh tế trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh. Cụ thể: Mục 8: Sau khi triển khai xây dựng xong hệ thống xử lý nước thải, Chủ đầu tư Khu công nghiệp được tỉnh hỗ trợ 30% tổng mức đầu tư đối với hệ thống xử lý nước thải cho mỗi Khu công nghiệp, nhưng tối đa không quá 30 tỷ đồng.
 - **Quyết định 3799/2010/QĐ-UBND** về việc ban hành quy định một số cơ chế tài chính khuyến khích, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân trong hoạt động khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh. Trong đó, mục 3: Hỗ trợ 50 triệu đồng/Hệ thống cho việc xây dựng và áp dụng Hệ thống quản lý môi trường ISO 14001.
 - **Thông tư số 35/2015/TT-BTNMT** của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc bảo vệ môi trường khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao.

Ông bổ sung rằng đa phần các khu công nghiệp thành lập một ban quản lý môi trường và trong Thông tư số 35 cũng có quy định về điều này. Ông hi vọng trong khuôn khổ dự án, nhóm chuyên gia có thể giúp đỡ trong việc triển khai thông tư này một cách hiệu quả hơn nữa.

- (4) Mr. Naganuma – Nhóm chuyên gia JICA đánh giá cao việc tỉnh có hỗ trợ cho các doanh nghiệp có hoạt động xử lý nước thải. Ông đề đạt nhận được giải đáp liên quan tới:

- Tính hiệu quả của quyết định số 2895 trong việc hỗ trợ các doanh nghiệp

- Lí do của việc khó khăn lắp đặt hệ thống xử lý nước thải tại khu công nghiệp Cái Lân.

Liên quan đến 2 dự án ông Kiên – BQL khu kinh tế Quảng Ninh đề cập (Khu đô thị công nghiệp công nghệ cao Amata và Khu dịch vụ cảng Đầm Nhà Mạc), ông Naganuma chia sẻ rằng khả năng dự án Tăng trưởng xanh đóng góp được trực tiếp vào 2 dự án trên trong giai đoạn 2 kéo dài 2-3 năm là không cao.

(5) Trả lời câu hỏi của ông Naganuma về nguyên nhân cho những khó khăn triển khai hệ thống xử lý nước thải tại khu công nghiệp Cái Lân, ông Kiên – BQL các khu kinh tế trả lời rằng KCN Cái Lân hiện nay bao gồm 2 khu vực:

- Khu vực cũ rộng 78 ha được xây dựng trước thời điểm ban hành *Quyết định số 2985*
- Khu vực mới mở rộng diện tích 274 ha với khả năng xử lý nước thải 19.000m³/ngày đêm

Ông cho rằng việc lí tưởng nhất là mỗi khu công nghiệp có một trạm quan trắc môi trường và hi vọng dự án có thể giúp hỗ trợ việc lắp đặt.

(6) Ông Phạm Quang Thái - Sở Công thương bình luận rằng 2 dự án được đề cập bởi ông Kiên thuộc về tương lai, bởi vậy ở thời điểm hiện tại, tốt hơn hết nên chú trọng hai nhiệm vụ trước mắt.

- Tập trung triển khai dự án tại các khu công nghiệp đang hoạt động trên địa bàn tỉnh
- Nếu cần thiết, ban hành cả các chế tài xử phạt bên cạnh xây dựng quy chế triển khai

(7) Ông Naganuma – Nhóm chuyên gia JICA nói rằng tại Nhật Bản, mô hình khu công nghiệp và khu đô thị sinh thái rất được ủng hộ và tại Việt Nam, một khi chúng được triển khai, Quảng Ninh sẽ là tỉnh đi đầu.

(8) Ông Thái đề xuất 2 ý kiến:

- Trong giai đoạn 2 của dự án, 2 chính sách sau nên rút ngắn thời gian thực hiện từ 1-2 năm thành 6 tháng:
 - + Cơ chế cấp kinh phí hỗ trợ cải tạo trạm xử lý nước thải ở khu công nghiệp Cái Lân
 - + Chính sách thu hút kêu gọi các doanh nghiệp sạch hoặc thân thiện môi trường đầu tư vào khu công nghiệp và khu kinh tế

- Thành phố Cẩm Phả nên được bổ sung vào danh sách các địa phương có liên quan bởi số lượng các hoạt động công nghiệp tại đây vô cùng cao.
- (9) Bà Nguyễn Thị Thu Thủy – Sở TN & MT đặt câu hỏi và đóng góp những ý kiến sau:
- Tên dự án là “Tăng cường năng lực quản lý môi trường trong các Khu công nghiệp và Khu kinh tế” nhưng trên thực tế đa phần các đối tượng được nhắc tới là các khu công nghiệp. Vậy dự án có triển khai hoạt động tới các khu kinh tế?
 - Trong giai đoạn 2016-2018, tỉnh Quảng Ninh sẽ xây dựng các tiêu chuẩn về môi trường cho từng địa phương.
 - Dự án Tăng trưởng xanh có thể đóng góp được gì nhằm thúc đẩy việc áp dụng tiêu chuẩn ISO 14000 khi mà nó không mới? Từ năm 2010, chính sách dành cho ISO 14000 đã được thi hành tuy nhiên tính đến thời điểm hiện tại, mới chỉ có hai doanh nghiệp thực sự áp dụng tiêu chuẩn này:
 - + Công ty xăng dầu B12
 - + Tuyển than Cửa Ông
 - Mục tiêu giảm thiểu phát thải và thúc đẩy mô hình 3R nên được bổ sung trong lĩnh vực cải thiện hiệu quả quản lý môi trường.
- (10) Ông Lê Lâm Tuấn – BQL vịnh Hạ Long đề xuất khả năng xây dựng một khu công nghiệp sinh thái từ đó phát triển thành một điểm tham quan du lịch.
- (11) Ông Sơn – Sở KH & ĐT cho rằng đó là một ý tưởng tốt tuy nhiên trong bối cảnh hiện tại rất khó để thực hiện. Ông đề xuất rằng thay vào đó, có thể cải tạo để chuyển đổi khu công nghiệp Việt Hưng theo định hướng khu công nghiệp sinh thái và mời một nhà đầu tư Nhật Bản.
- Ông cùng nhóm chuyên gia kết thúc buổi họp thông qua việc thảo luận và chỉ định các cơ quan có liên quan cùng các đầu mối trong mỗi cơ quan. Cụ thể:
- Ông Hoàng Trung Kiên – BQL các khu kinh tế Quảng Ninh
 - Bà Nguyễn Thị Thu Hồng – Sở KH & ĐT
 - Bà Nguyễn Thị Thu Thủy – Sở TN & MT
 - Ông Lê Lâm Tuấn – BQL vịnh Hạ Long

Cuộc họp kết thúc lúc 16:30

BIÊN BẢN THẢO LUẬN HỌP THAM VẤN CHUYÊN SÂU SỐ 16

Xúc tiến Du lịch sinh thái thông qua khai thác các tài nguyên văn hóa / lịch sử ở khu vực Hạ Long

Cải thiện Thông tin Du lịch (Trung tâm thông tin, bản đồ và lịch sự kiện, v.v..)

Địa điểm: Phòng họp số KH&ĐT
Danh sách thành viên dự họp:

Ngày: 3/3/2016

STT	Tên	Chức vụ	Cơ quan
1	TS. Hoàng Danh Sơn	Phó Giám đốc	Sở KH&ĐT
2	Ông Phạm Hồng Biên	Trưởng phòng kinh tế đối ngoại	Sở KH&ĐT
3	Bà Đào Thanh Huyền	Phó phòng kinh tế đối ngoại	Sở KH&ĐT
4	Bà Nguyễn Thị Thu Hồng	Phó phòng kinh tế đối ngoại	Sở KH&ĐT
5	Bà Trần Thị Thanh Tâm	Phó phòng kinh tế đối ngoại	Sở KH&ĐT
6	Ông Trần Xuân Cương	Phó chánh văn phòng	Sở KH&ĐT
7	Ông Tạ Thiên Hỷ	Trưởng phòng Văn hóa – Xã hội	Sở KH&ĐT
8	Bà Nguyễn Thị Thu Trang	Phó phòng Văn hóa – Xã hội	Sở KH&ĐT
9	Bà Đặng Thị Thu Phương	Cán bộ Ban QLDA	Sở KH&ĐT
10	Ông Trần Thanh Phong	Trưởng phòng Kinh tế ngành	Sở KH&ĐT
11	Bà Phạm Hồng Lan	Phó Giám đốc	Sở Thông tin – Truyền thông
12	Ông Đỗ Mạnh Hùng	Phó Chủ tịch	UBND thị xã Quảng Yên
13	Ông Ngô Đình Dũng	Phó phòng – Phòng Văn hóa – Thông tin	UBND thị xã Quảng Yên
14	Ông Nguyễn Công Hoàng	Phó phòng – Phòng Văn hóa – Thông tin	UBND TP Uông Bí
15	Ông Nguyễn Văn Đồng	Trưởng phòng – Phòng Văn hóa – Thông tin	UBND huyện Vân Đồn
16	Ông Đoàn Văn Dũng	Tổng giám đốc	Du thuyền Đông Dương
17	Bà Nguyễn Thị Bằng	Phó phòng – Phòng Văn hóa – Thông tin	UBND TP Hạ Long
18	Ông Lê Minh Tân	Phó Ban	Ban QLV Hạ Long
19	Ông Lê Lâm Tuấn	Trưởng phòng – Phòng Quản lý môi trường	Ban QLV Hạ Long
20	Bà Phan Thị Hoàng Hào	Chuyên viên – Chi cục Bảo vệ môi trường	Sở TNMT
21	Bà Đỗ Thị Ngọc Quý	Chuyên viên - Phòng Tài chính – Kế hoạch	Sở Công Thương
22	Ông Nguyễn Hải Nam	Chuyên viên – Phòng Nghiệp vụ du lịch	Sở VH-TT-DL
23	Ông Kengo Naganuma	Tư vấn phó – Chuyên gia môi trường	Nhóm C.gia JICA
24	Bà Dương Thị Nhuận	Phiên dịch	Nhóm chuyên gia JICA
25	Bà Trần Thị Mai Lan	Phiên dịch	Nhóm chuyên gia JICA
26	Bà Nguyễn Thị Thảo Hiền	Phiên dịch	Nhóm chuyên gia JICA

1. Chủ đề thảo luận

- (1) Đề cương Hoạt động thí điểm trong Giai đoạn 2 - Dự án Thúc đẩy Tăng trưởng xanh trong khu vực vịnh Hạ Long: *Xúc tiến Du lịch sinh thái.*
- (2) Đề cương Hoạt động thí điểm trong Giai đoạn 2 - Dự án Thúc đẩy Tăng trưởng xanh trong khu vực vịnh Hạ Long: *Cải thiện Thông tin Du lịch.*

2. Nội dung thảo luận

Ông Kengo Naganuma, Chuyên gia môi trường – Phó tư vấn Nhóm chuyên gia JICA đã trình bày về hai nội dung nêu trên.

(1) Ông Lê Minh Tân, Phó trưởng ban Quản lý vịnh Hạ Long (Ban QLV)

Xúc tiến du lịch sinh thái:

Ông Tân đề nghị đưa Hạ Long và Vân Đồn vào danh mục các địa phương trong khu vực thực hiện hoạt động “Xúc tiến du lịch sinh thái”

Ông Tân bổ sung thêm thông tin gần đây TP Hạ Long đã tổ chức thực hiện một chuyến khảo sát về việc mở tuyến khai thác các giá trị văn hóa lịch sử ở khu vực Hạ Long và Vân Đồn bao gồm thương cảng Vân Đồn, văn hóa người Việt cổ - nền văn hóa Soi Nhụ, các đảo đất có cư dân sinh sống, v.v.. có yếu tố sự tham gia của cộng đồng. Ông Tân nói rằng việc làm này rất phù hợp với phương hướng phát triển du lịch của tỉnh ở khu vực Vân Đồn nhằm giảm áp lực cho khu vực vịnh Hạ Long và phát triển khu kinh tế Vân Đồn.

Thông tin du lịch:

Ông Tân cũng nêu rằng đây là vấn đề trở nên nóng đối với tỉnh bởi thông tin du lịch có vai trò rất thiết yếu. Ông chỉ ra thực tế có thể tìm kiếm thấy rất ít thông tin về du lịch Hạ Long. Gần đây, UBND thành phố Hạ Long đã ra quyết định thành lập tổ công tác làm nhiệm vụ thông tin tuyên truyền về du lịch trong đó giao phòng Văn hóa – Thông tin chủ trì và mời Ban QLV tham gia chỉnh sửa một trang web. Ông cũng bổ sung thêm thông tin rằng Ban QLV hiện đang dự kiến đề xuất UBND thành phố cho phép cải thiện một trang web đa phương tiện mà lâu nay chưa được khai thác hiệu quả. Liên quan tới quyết định nêu trên, ông Tân nói sẽ cung cấp một bản sau cuộc họp.

Nhãn xanh

Liên quan tới nhãn xanh, ông Tân cho rằng đây là ý tưởng hay và cho đến nay chưa có cơ sở du lịch nào được dán nhãn này. Ông gợi ý rằng Công ty Du thuyền Đông Dương nên quan tâm đến vấn đề này bởi họ có rất du thuyền đẹp và nổi tiếng thế giới nên nhãn xanh gắn với vịnh Hạ Long sẽ chắc chắn giúp lan tỏa rất tốt cho tỉnh Quảng Ninh và cũng mang lại lợi ích cho các doanh nghiệp du lịch.

(2) Ông Nguyễn Hải Nam, Phòng Nghiệp vụ du lịch, Sở VH-TT-DL

Sử dụng xăng sinh học cho tất cả các tàu du lịch

Ông Nam nói rằng cho đến nay các tàu của Công ty du lịch Bài Thơ đã sử dụng xăng sinh học. Theo báo cáo đến nay họ có đánh giá tốt về việc sử dụng loại nhiên liệu này. Ông Nam gợi ý nên cân nhắc phổ biến sử dụng loại nhiên liệu này ở quy mô rộng hơn trên mặt vịnh.

Về việc này, Ông Naganuma nói rằng nếu cần thiết, JET sẽ cân nhắc đưa cả nội dung sử dụng xăng sinh học vào nội dung dự án thí điểm.

(3) Ông Đỗ Mạnh Hùng, Phó chủ tịch UBND thị xã Quảng Yên

Cân nhắc các chủ đề quy mô lớn hơn

Ông Hùng nêu tầm quan trọng của thông tin du lịch và phát triển du lịch sinh thái đóng góp cho tăng trưởng xanh của tỉnh. Ông nói rằng các dự án đề xuất chỉ bao quát cho một quy mô rất nhỏ, không thể giúp thực hiện được các mục tiêu tổng thể tăng trưởng xanh. Ông nói rằng ông mong dự án cân nhắc đề xuất những dự án quy mô rộng hơn căn cứ vào các quy hoạch hiện nay là Quy hoạch phát triển kinh tế xã hội và Quy hoạch phát triển du lịch tỉnh Quảng Ninh.

Về việc này, Ông Naganuma giải thích rằng dự án chắc chắn sẽ không thể giải quyết được tất cả các hạng mục thực hiện kế hoạch tăng trưởng xanh của tỉnh. Ông Naganuma phân tích cụ thể hơn rằng JICA đã liên tục hỗ trợ tỉnh Quảng Ninh từ năm 1998, khởi đầu là dự án lập nghiên cứu khả thi quy hoạch bảo vệ môi trường vịnh Hạ Long; hỗ trợ gần đây nhất của JICA là cho hoạt động cải thiện môi trường nước của thành phố Hạ Long thông qua dự án hệ thống xử lý nước thải. Dự án này được triển khai thực hiện trong chiến lược của JICA hỗ trợ cho tỉnh Quảng Ninh. Ông Naganuma bổ sung rằng tăng trưởng xanh là một khái niệm mới cho nên JICA quyết định hỗ trợ tỉnh thông qua dự án hợp tác kỹ thuật để thực hiện một số hoạt động ban đầu về tăng trưởng xanh. Dự án thí điểm này bao gồm cải thiện / xây dựng chính sách phục vụ cho việc thực hiện hoạt động thí điểm. Tùy thuộc vào kết quả đạt được có thể đề nghị JICA cân nhắc tiếp tục hỗ trợ tỉnh.

Cần có các sản phẩm du lịch đặc thù

Ông Hùng nói rằng điều thiết yếu là cần xác định các sản phẩm du lịch đặc thù để phát triển du lịch.

Về việc này, Ông Naganuma cũng bày tỏ sự đồng thuận của mình đối với quan điểm này bởi hình ảnh du lịch có vai trò rất quan trọng.

(4) Bà Phạm Hồng Lan, Phó Giám đốc Sở thông tin và Truyền thông

Bà Lan rất tâm đắc với ý tưởng của chủ đề cải thiện thông tin du lịch. Bà Lan nói rằng nhìn chung thông tin du lịch hiện nay còn mang tính lẻ tẻ, không được cập nhật thường xuyên và ngôn ngữ chính sử dụng là tiếng Việt, v.v..

Bà Lan đề xuất JICA hỗ trợ cho thực hiện hệ thống thông tin du lịch, kinh phí duy trì trang web, v.v..

Về việc này, ông Naganuma trả lời rằng ý tưởng của bà Lan rất phù hợp với ý tưởng của JICA đối với hoạt động thí điểm. Ông bổ sung thêm rằng trang web có vai trò rất quan trọng trong truyền thông và việc duy trì và cập nhật trang web cũng rất quan trọng. JET sẽ đề xuất hoạt động thí điểm này trong dự án.

Liên quan tới kinh phí duy trì trang web, ông Naganuma nói rằng dự án theo dự kiến sẽ hoàn thành vào năm 2019 nên trong giai đoạn thực thi dự án, JICA sẽ hỗ trợ hoạt động cải thiện/xây dựng cơ chế chính sách trong đó bao gồm cả nội dung tìm nguồn kinh phí duy trì lâu dài hoạt động này.

(5) Ông Tạ Thiên Hỷ, Trưởng phòng Văn hóa – Xã hội, Sở KHĐT

Đề xuất hoạt động thí điểm cải thiện / xây dựng quy chế hiện có về quản lý khu vực vịnh Hạ Long

Ông Hỷ bày tỏ quan ngại của mình về hai chủ đề đã nêu chưa đề cập đến nhiệm vụ cải thiện/xây dựng cơ chế chính sách. Ông phân tích cụ thể rằng tỉnh Quảng Ninh đến nay luôn quan tâm tới tăng trưởng xanh, đặc biệt trong phát triển du lịch trong đó có nhiệm vụ nâng cao giá trị di sản thế giới vịnh Hạ Long.

Ông Hỷ nói rằng quy chế hiện hành về quản lý khai thác vịnh Hạ Long còn chưa hiệu quả. Năm 2014, Sở KHĐT được UBND tỉnh giao xây dựng quy chế quản lý và khai thác nâng cao giá trị Di sản Thế giới vịnh Hạ Long nhưng nhiệm vụ này nằm ngoài khả năng của Sở KHĐT.

Ông Hỷ đề xuất JET cân nhắc bổ sung thêm nội dung thí điểm nghiên cứu quy chế quản lý và khai thác giá trị vịnh Hạ Long để thí điểm ở một số điểm đến du lịch. Sở KHĐT sẽ cung cấp quy chế hiện có để JET cân nhắc. Ông Hỷ nói rằng sau khi xây dựng xong quy chế/cơ chế thí điểm sẽ giúp thu hút nhiều nhà đầu tư chiến lược đến quản lý, khai thác dịch vụ du lịch trên mặt vịnh Hạ Long, qua đó nâng cao giá trị Vịnh thông qua đóng góp kinh tế.

Liên quan tới nội dung này, ông Naganuma đặt câu hỏi liệu việc sửa đổi quy chế có dễ triển khai. Ông Hỷ nói rằng việc đó tùy thuộc vào nội dung JET đề xuất bởi mục tiêu phía Việt Nam cần (i) Thu hút đầu tư, và (ii) Nâng cao giá trị di sản thế giới vịnh Hạ Long.

Ông Naganuma nói ông hiểu tầm quan trọng của việc tăng thu hút nhiều nhà đầu tư bao gồm cả cho phát triển du lịch và đây là nội dung mang tầm rộng nên ông đề xuất đưa nội dung này về nhóm Đầu ra 1. Ông giải thích rằng vào cuối Giai đoạn I, JET sẽ trình UBND tỉnh một bản kế hoạch hành động cho nên trong tháng Tư có thể bàn về nội dung này. Ông Hỷ đồng ý.

Ngoài ra, ông Hỷ bổ sung rằng ông cũng đồng quan điểm với các thành viên dự họp khác về việc họ không quan tâm lắm về hỗ trợ tài chính của JICA nhưng rất quan tâm tới hỗ trợ của JICA cho hoạt động cải thiện/xây dựng quy chế hiện hành để thí điểm ở một số điểm đến du lịch. Sau một số năm thí điểm, phía Việt nam sẽ đề nghị cấp cao hơn sửa đổi, bổ sung cần thiết những quy chế liên quan để phù hợp thực tế.

Cuối cùng, Ông Hỷ nói thêm về việc khai thác các tài nguyên lịch sử văn hóa đặc biệt là các tài nguyên tâm linh phải đi đôi với bảo tồn.

Nhân sinh tahsi cho tàu du lịch

Ông Hỷ đề xuất JET cân nhắc nhân sinh thái cho tàu du lịch trên vịnh Hạ Long.

(6) Ông Đỗ Mạnh Hùng, Phó Chủ tịch UBND thị xã Quảng Yên

Ông Hùng hiểu rằng nhiệm vụ cải thiện / xây dựng cơ chế chính sách là một nhiệm vụ hơi rộng và thậm chí còn vượt quá khả năng của JET. Ông đề xuất JET nghiên cứu đưa ra những mục tiêu, dự án cụ thể dựa trên kinh nghiệm của các quốc gia khác để khuyến nghị cho phía Việt Nam những chính sách cần thiết, ví dụ như về môi trường (tăng chế tài xử phạt), về đầu tư (có cơ chế hỗ trợ gì dựa theo kinh nghiệm quốc tế) để thực hiện tốt nhất mục tiêu đề ra.

Về việc này, ông Naganuma trả lời rằng một trong những khái niệm quan trọng liên quan tới Tăng trưởng xanh là làm cách nào thu hút được nhiều nhà đầu tư, có cân nhắc tới khía cạnh thân thiện môi trường. Ông Naganuma cũng đưa ra một ví dụ ở Nhật Bản các tỉnh ban hành chỉ thị và ưu đãi cho hoạt động đầu tư hoặc thực hiện du lịch sinh thái. Nếu phía Việt Nam muốn đưa ra một lệnh tương tự như vậy thì có thể áp dụng nhưng chắc chắn sẽ mất nhiều thời gian trước khi quyết định theo đề xuất có hiệu lực.

Ông Naganuma giải thích đề xuất của JET như sau : sẽ thực hiện các hoạt động ban đầu trước khi ban hành quyết định như vậy và triển khai một số hoạt động thí điểm và JET sẽ tiếp cận các quy chế hiện hành của tỉnh và đề xuất nội dung cải thiện cụ thể. Trong giai đoạn thực thi, JET sẽ rà soát để đưa một số chỉ thị đặc biệt sẽ được ban hành và đề xuất cho giai đoạn hậu dự án.

(7) Ông Đoàn Văn Dũng, Tổng giám đốc Du thuyền Đông Dương

Ông Dũng đánh giá cao lợi ích của tăng trưởng xanh mang lại cho hoạt động du lịch bao gồm cả đối với doanh nghiệp và cộng đồng dân cư. Ông quan tâm tới quản trị trong thực thi tăng trưởng xanh bởi ông chưa nhận thấy được vai trò của doanh nghiệp. Ông nói rằng doanh nghiệp cần được tham gia trong tiến trình này để xây dựng được một kế hoạch thực tế, xây dựng cơ chế.

Ông bổ sung thêm là doanh nghiệp cũng cần được biết cơ quan đầu mối về tăng trưởng xanh để họ có thể liên hệ trong những trường hợp cần hợp tác, ví dụ như khi muốn cải thiện sản phẩm du lịch hay có ý tưởng sản phẩm mới thì họ cần liên hệ với cơ quan nào.

Về việc này, ông Naganuma nói vấn đề quản trị và cơ quan đầu mối là rất quan trọng. Ông bổ sung thêm rằng cho đến nay sở chịu trách nhiệm theo đề xuất là Sở VH-TT-DL. Trong trường hợp cần thiết có sự thay đổi về cơ quan chịu trách nhiệm, JET sẵn sàng thảo luận trong tháng này.

Liên quan tới Nhãn xanh, theo quan điểm của doanh nghiệp, ông Dũng nói rằng không cần thiết phải xây dựng một nhãn mới bởi về tính toàn cầu thì chỉ cần 1 nhãn chung là đủ để khách du lịch quốc tế nhận diện du lịch Việt Nam, ví dụ như nhãn Bông sen xanh, nhãn này có thể dùng để gắn cho tàu du lịch ngoài mục đích thiết kế của nhãn là để gắn cho các cơ sở lưu trú phục vụ du lịch.

Về việc này, ông Naganuma nói trong quá trình thực thi sẽ tổ chức các cuộc thảo luận về vấn đề nhãn xanh liên quan tới cả hai chủ đề nêu trên.

(8) Ông Kengo Naganuma, Chuyên gia môi trường, phó trưởng nhóm chuyên gia

Ông Naganuma đặt câu hỏi về việc có nên đưa Vân Đồn và Hạ Long vào trong khu vực thực hiện hai dự án thí điểm. Ông cũng nói rõ là việc này sẽ đòi hỏi các địa phương liên quan sẽ phải tham gia trong quá trình thực thi.

(9) Ông Ngô Đình Dũng, Phó phòng Văn hóa – Thông tin, TX Quảng Yên

Ông Dũng nhấn mạnh tầm quan trọng của nội dung đào tạo và nâng cao nhận thức cần được đưa vào trong các chủ đề này.

Cuộc họp kết thúc hồi 11:30.

BIÊN BẢN CUỘC HỌP – THAM VẤN CHUYÊN SÂU 17
Thúc đẩy tái chế chất thải nông nghiệp và tuần hoàn tài nguyên
trong hoạt động nông nghiệp quy mô nhỏ/hộ gia đình

Địa điểm: Phòng họp Sở KH & ĐT

Ngày: 04 tháng 03 năm 2016

Danh sách tham dự

STT	Tên	Chức vụ	Cơ quan
1	Ông. Hoàng Danh Sơn	Phó Giám đốc	Sở KH & ĐT
2	Bà Đào Thị Thanh Huyền	Phó trưởng phòng Kinh tế đối ngoại	Sở KH & ĐT
3	Bà Nguyễn Thị Thu Trang	Phó trưởng phòng Văn hóa Xã hội	Sở KH & ĐT
4	Bà Trần Thị Thanh Tâm	Chuyên viên phòng Kinh tế đối ngoại	Sở KH & ĐT
5	Bà Đặng Thị Thu Phương	Thư ký dự án	Sở KH & ĐT
6	Ông Nghiêm Xuân Minh	Phó trưởng phòng Kinh tế đối ngoại	Sở KH & ĐT
7	Nguyễn Thị Diệu Huyền	Chuyên viên	Sở KH & CN
8	Lê Quý Đôn	Chuyên viên	Sở NN & PTNT
9	Phan Thị Hoàng Hào	Chuyên viên	Sở TN & MT
10	Ông Kengo Naganuma	Phó cố vấn – Chuyên gia môi trường	Nhóm chuyên gia JICA
11	Bà Dương Thị Nhuận	Phiên dịch viên	Nhóm chuyên gia JICA
12	Bà Trần Thị Mai Lan	Phiên dịch viên	Nhóm chuyên gia JICA
13	Bà Nguyễn Thị Thảo Hiền	Phiên dịch viên	Nhóm chuyên gia JICA

1. Các nội dung chính

- (1) Phạm vi và các hoạt động nhằm thúc đẩy tái chế chất thải nông nghiệp và tuần hoàn tài nguyên trong hoạt động nông nghiệp quy mô nhỏ/hộ gia đình trong giai đoạn 2 của dự án
- (2) Lịch/Giai đoạn dự kiến thực hiện của từng hoạt động
- (3) Cơ quan chịu trách nhiệm chính và các cơ quan liên quan

1. Nội dung thảo luận

- (1) Ông Naganuma – Nhóm chuyên gia JICA hỏi thông tin xác minh về sự tồn tại các tiêu chí trong việc sử dụng/sản xuất phân bón tại Quảng Ninh
- (2) Ông Lê Quý Đôn – Sở NN & PTNT trả lời rằng Sở sẽ xem xét kỹ càng và cung cấp cho nhóm chuyên gia Ông nhấn mạnh rằng trong phạm vi quản lý của Sở NN & PTNT, có tất cả 4 lĩnh vực:
 - *Nông nghiệp*
 - *Lâm nghiệp*
 - *Ngư nghiệp*
 - *Thủy lợi*

Ông đề xuất rằng trong khuôn khổ dự án, nhóm chuyên gia nên xem xét cả 4 lĩnh vực trên, thay vì chỉ nghiên cứu “rác thải nông nghiệp”

Đặc biệt, ông đề xuất điều chỉnh tên đề tài dự án “thúc đẩy tái chế chất thải nông nghiệp và tuần hoàn tài nguyên trong hoạt động nông nghiệp quy mô nhỏ/hộ gia đình” thành “trong các doanh nghiệp/trang trại lớn” bởi các lí do sau:

- Đa phần các hộ gia đình trên địa bàn tỉnh đã có các hoạt động nhằm tái chế rác thải và tái sử dụng các nguồn nguyên liệu sau sản xuất.
 - Chỉ các doanh nghiệp và trang trại lớn vẫn còn nhiều khó khăn trong việc triển khai hoạt động trên bởi thiếu công nghệ và kinh phí
- (3) Ông Hoàng Danh Sơn – Sở KH & ĐT phản hồi rằng việc đổi tên dự án hoàn toàn không đơn giản bởi nó là nỗ lực và kết quả làm việc của nhóm chuyên gia cũng như ban quản lý dự án trong một thời gian dài.

Trong trường hợp điều chỉnh tên, ông đề xuất có thể xem xét phương án sửa đổi thành “trang trại/nông hộ quy mô vừa và nhỏ”

- (4) Bà Nguyễn Thị Diệu Huyền, Sở KH & CN cung cấp thông tin rằng tính tới thời điểm hiện tại, Sở KH & CN đã và đang hỗ trợ nhiều dự án liên quan tới tái chế rác thải công nghiệp và tuần hoàn tài nguyên nông nghiệp. Ví dụ:

- Dự án Ứng dụng KHCN sản xuất phân bón hữu cơ sinh học từ các phụ phẩm nông nghiệp và các nguồn hữu cơ khác tại Quảng Ninh triển khai bởi Công ty cổ phần Khai thác khoáng sản Thiên Thuận Tường. Từ hỗn hợp than bùn, phân trâu bò và rom rạ, phân vi sinh được sản xuất thành 3 dạng bột, hạt và lỏng.
- Dự án sản xuất đệm lót sinh học trong chăn nuôi tại thị xã Đông Triều. Người nông dân sử dụng các chất liệu thấm hút cùng với vỏ trấu hoặc mùn cưa để tạo thành lớp lót giống như tấm đệm, sử dụng trong chăn nuôi gia súc. Lớp đệm này là môi trường sinh sống tốt đối với “trùn quế” - một loại giun đất để làm phân bón hữu cơ và thức ăn cho động vật. Người dân địa phương có thể tự làm các tấm lót này khi có hướng dẫn đầy đủ để tiết kiệm chi phí.

Bà nhấn mạnh rằng Sở KH & CN luôn áp dụng những kĩ thuật tân tiến nhất nhằm đảm bảo hiệu quả cho các dự án hỗ trợ và đề xuất rằng nhóm chuyên gia nên hợp tác cùng Viện Hàn lâm Khoa học Công nghệ Việt Nam trong khuôn khổ dự án.

- (5) Ông Naganuma – Nhóm chuyên gia JICA hỏi ý kiến các thành viên tham dự cuộc họp về việc bổ sung/cắt bớt các khung chính sách hoặc cơ chế thể chế dự kiến sau để cải thiện/xây dựng mới trong khuôn khổ triển khai hoạt động thúc đẩy tái chế chất thải nông nghiệp và tuần hoàn tài nguyên trong hoạt động nông nghiệp quy mô nhỏ/hộ gia đình. Cụ thể:

- Tiêu chí về đặc điểm của chất thải hộ gia đình/nông nghiệp có thể được sử dụng để làm phân vi sinh
- Tiêu chí về đặc điểm của phân bón là phân vi sinh được sản xuất từ chất thải hộ gia đình/nông nghiệp

- (6) Bà Huyền – Sở KH & CN trả lời rằng không cần thiết phải cắt bỏ các tiêu chí này bởi tính đến thời điểm hiện tại, những dự án đang triển khai mới là thí điểm và chưa có một

ơ chế dài hạn chính thức nào nhằm hỗ trợ chúng, bởi vậy, dự án Tăng trưởng xanh hoàn toàn có thể đóng góp vào các dự án này thông qua việc giúp xây dựng cơ chế.

(7) Ông Sơn – Sở KH & ĐT đưa ra 2 ý kiến như sau:

- Các dự án thí điểm đã được triển khai tuy nhiên rải rác và chưa tác động nhiều tới cộng đồng được. Nhóm chuyên gia có thể hỗ trợ tỉnh Quảng Ninh xây dựng cơ chế để đẩy mạnh các hoạt động tốt đã triển khai và nghiên cứu xây dựng các hoạt động mới. Một khi một dự án được lựa chọn, nó cần được chuẩn hóa.
- Việc quan trọng ở thời điểm hiện tại là rà soát lại các dự án liên quan triển khai bởi các Sở KH & CN, Sở TN & MT, Sở NN & PTNT trên các tiêu chí đánh giá:
 - + Mức độ đáp ứng của chúng tới mục tiêu “tăng trưởng xanh”
 - + Các kết quả đã đạt được
 - + Nguyên nhân các khó khăn, vướng mắc gặp phải
 - + Giải pháp

Ông đề nghị sự hợp tác từ 3 cơ quan trên để có được danh sách:

- Các dự án khoa học công nghệ liên quan đến tái chế rác thải/tuần hoàn tài nguyên nông nghiệp
- Các đơn vị chuyên gia công nghệ

(8) Ông Nghiêm Xuân Minh – Sở KH & ĐT cung cấp thông tin rằng tỉnh Quảng Ninh có hỗ trợ chính thức 5 triệu đồng cho một trường hợp xây dựng hầm bigas hoặc đệm lót sinh học tuy nhiên trong thực tế, trên toàn bộ 6 huyện thị thuộc khu vực vịnh Hạ Long, không có nhiều nông hộ đăng ký nhận kinh phí hỗ trợ. Đó là lí do vì sao tỉnh cần thêm cơ chế để khuyến khích nông dân mạnh dạn triển khai những mô hình trên.

(9) Bà Phan Thị Hoàng Hào – Sở TN & MT đề xuất rằng liên quan tới phát triển nông nghiệp hữu cơ gắn liền với du lịch thông qua việc cung cấp các sản phẩm nông nghiệp sạch cho ngành du lịch, các sản phẩm hữu cơ có thể được xây dựng để trở thành thương hiệu đặc sản của tỉnh, kết hợp cùng lúc hai lĩnh vực nông nghiệp và du lịch. Bên cạnh đó, việc xây dựng cơ chế cần nhắm tới:

- Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ
 - Thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài nước
- Bà đề xuất nhóm chuyên gia tham khảo Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg ngày 04/9/2014 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ giai đoạn 2015 – 2020.

(10) Ông Naganuma – Nhóm chuyên gia hỏi về khả năng gộp một vài chủ đề đã lựa chọn trong danh sách dài thuộc nhóm ngành Nông nghiệp và Ngư nghiệp vào một chủ đề chung

(11) Ông Sơn – Sở KH & ĐT trả lời rằng việc gộp là hoàn toàn có thể, và nhắc nhở điều này phụ thuộc vào quyết định hỗ trợ của JICA và hiệu quả làm việc/thuyết phục của BQL dự án cũng như nhóm chuyên gia. Trong trường hợp gộp chủ đề, ông đề xuất rằng chủ đề 5B-1 và 5C-1 nên được ưu tiên. Cụ thể:

- Chủ đề 5B-1: Xanh hóa ngành đánh bắt và nuôi trồng thủy sản trong khu vực vịnh

- Chủ đề 5C-1: Thúc đẩy tái chế chất thải nông nghiệp và tuần hoàn tài nguyên trong hoạt động nông nghiệp quy mô nhỏ/hộ gia đình.
Ông kết thúc cuộc họp thông qua việc tổng kết, tóm tắt và nhắc nhở các thành viên tham dự việc tham khảo, rà soát, chọn lọc và đánh giá các dự án liên quan đang triển khai nhằm hỗ trợ cho nhóm chuyên gia chuẩn bị giai đoạn 2 của dự án.

Cuộc họp kết thúc 10:45

BIÊN BẢN CUỘC HỌP – THAM VẤN CHUYÊN SÂU 18

Dự thảo ban đầu Đề cương Hoạt động:

Công bố báo cáo quan trắc môi trường thường xuyên (Sách trắng)

Địa điểm: Phòng họp Sở KH & ĐT

Ngày: 08 tháng 03 năm 2016

Danh sách tham dự

STT	Tên	Chức vụ	Cơ quan
1	Ông. Hoàng Danh Sơn	Phó Giám đốc	Sở KH & ĐT
2	Bà Đào Thị Thanh Huyền	Phó trưởng phòng Kinh tế đối ngoại	Sở KH & ĐT
3	Bà Nguyễn Thị Thu Trang	Phó trưởng phòng Văn hóa Xã hội	Sở KH & ĐT
4	Bà Đặng Thị Thu Phương	Thư ký dự án	Sở KH & ĐT
5	Ông Vũ Nam Phong	Giám đốc	TT Quan trắc TN & MT
6	Ông Lê Ngọc Hà	Phó phòng TNMT	UBND Tp Uông Bí
7	Ông Phạm Minh Hải	Phó phòng TNMT	UBND Tx Quảng Yên
8	Ông Lê Minh Tâm	Phó phòng TNMT	UBND Tp Hạ Long
9	Ông Đặng Quốc Hưng	Phó phòng TNMT	UBND Tp Hạ Long
10	Ông Nguyễn Thanh Sơn	Phó phòng TNMT	UBND Huyện Hoành Bồ
11	Ông Nguyễn Trung Sơn	Chuyên viên	Sở VH TT DL
12	Ông Nguyễn Văn Tuấn	Phó phòng đầu tư	BQL các Khu kinh tế
13	Ông Lê Minh Tân	Phó trưởng ban	BQL Vịnh Hạ Long
14	Ông Lê Lâm Tuấn	Trưởng phòng QLMT	BQL Vịnh Hạ Long
15	Ông Hoàng Việt Dũng	Chi cục trưởng Chi cục BVMT	Sở TN & MT
16	Bà Phan Thị Hoàng Hào	Chuyên viên Chi cục BVMT	Sở TN & MT
17	Ông Norihiko Inoue	Cố vấn trưởng	Nhóm chuyên gia JICA
18	Ông Kengo Naganuma	Phó cố vấn – Chuyên gia môi trường	Nhóm chuyên gia JICA
19	Ông Toshiaki Kagatsume	Chuyên gia môi trường	Nhóm chuyên gia JICA
20	Bà Dương Thị Nhuận	Phiên dịch viên	Nhóm chuyên gia JICA
21	Bà Trần Thị Mai Lan	Phiên dịch viên	Nhóm chuyên gia JICA
22	Bà Nguyễn Thị Thảo Hiền	Phiên dịch viên	Nhóm chuyên gia JICA
23	Bà Nguyễn Trần Nghĩa	Phiên dịch viên	Nhóm chuyên gia JICA

1. Các nội dung chính

- (1) Phạm vi và hoạt động nhằm triển khai việc xuất bản định kì Báo cáo môi trường (Sách trắng)
- (2) Khung chính sách hoặc cơ chế thể chế dự kiến sẽ được cải thiện/xây dựng mới nhằm triển khai việc xuất bản định kì Báo cáo môi trường (Sách trắng)
- (3) Lịch công việc dự kiến nhằm triển khai việc xuất bản định kì Báo cáo môi trường (Sách trắng)

2. Nội dung thảo luận

(1) Ông Hoàng Danh Sơn – Sở KH & ĐT yêu cầu nhận được bản dịch tiếng Việt “Cơ chế bảo vệ môi trường tại tỉnh Shiga”

Ông giải thích cho các thành viên tham dự cuộc họp rằng tên “Sách trắng” là dự kiến và trong tương lai hoàn toàn có thể thay đổi để có được tên phù hợp.

(2) Ông Vũ Nam Phong – Giám đốc Trung tâm Quan trắc Tài nguyên Môi trường (CONREM) cung cấp một vài thông tin:

- Tính đến thời điểm hiện tại, trên địa bàn tỉnh có hơn 100 điểm quan trắc môi trường, trong đó 27 trạm quan trắc tự động (26 trạm cấp tỉnh và 1 trạm cấp Trung ương do Bộ Tài nguyên và Môi trường quản lý).
- CONREM làm báo cáo quan trắc môi trường định kỳ 4 lần/năm. Trong đó, tháng 12/2015, trung tâm đã hoàn thành Báo cáo quan trắc môi trường định kỳ 5 năm dưới sự hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Tuy nhiên báo cáo này chưa bao hàm thông tin những lĩnh vực như đặc điểm thổ nhưỡng, đa dạng sinh học...
- CONREM gặp khó khăn trong việc sử dụng dữ liệu báo cáo quan trắc môi trường cung cấp từ các doanh nghiệp bởi sự chênh lệch về thời gian, địa điểm khảo sát và khả năng tổng hợp kết quả quan trắc của các doanh nghiệp này.

Ông đề xuất rằng có thể nghiên cứu xây dựng Báo cáo 5 năm này thành Sách trắng bởi đây là bản đầy đủ nhất. Các báo cáo thường niên quy mô nhỏ mới chỉ tiến hành khảo sát môi trường nước và không khí.

Bên cạnh đó, ông gợi ý rằng cần xây dựng đề cương, trong đó bao gồm ý kiến đóng góp từ các địa phương và kinh nghiệm thực tế từ chính Nhật Bản.

(3) Ông Hoàng Việt Dũng – Sở Tài nguyên và Môi trường cung cấp một vài thông tin:

- Từ tháng 7 năm 2015, mạng lưới trạm quan trắc môi trường đã được triển khai khắp các 14 huyện thị trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.
- Trong khu vực vịnh Hạ Long – Bái Tử Long, có tổng cộng 5 trạm quan trắc môi trường tự động.

Ông đưa ra trực tiếp một vài báo cáo định kỳ 4 lần/năm và 5 năm/lần và đa phần chúng đều rất dày, thông tin vô cùng nhiều. Trên quan điểm cá nhân, ông hoàn toàn ủng hộ việc xuất bản Sách trắng bởi những lí do sau:

- Đối tượng chủ yếu của các báo cáo hiệu tại là các cán bộ làm việc tại các cơ quan chức năng
- Một khi được ban hành, Sách trắng sẽ có tầm ảnh hưởng lớn hơn tới doanh nghiệp, người dân địa phương cũng như khách du lịch.

Ông ủng hộ ý kiến của ông Phong – Giám đốc CONREM rằng nên lập một đề cương chi tiết chuẩn bị cho công tác soạn thảo và trên cương vị lãnh đạo Chi cục Bảo vệ môi trường, Sở TN & MT, ông bày tỏ thiện chí sẵn sàng hợp tác với nhóm chuyên gia JICA.

- (4) Ông Hoàng Danh Sơn – Sở KH & ĐT đưa ra một vài gợi ý như sau:
- Bổ sung thêm các lĩnh vực/chủ đề có liên quan vào Sách trắng. Ví dụ: Môi trường tại các vùng nuôi trồng thủy sản, lĩnh vực chưa từng được nghiên cứu xem xét một cách nghiêm túc.
 - Sách trắng nên trực tiếp hướng đến chủ đề Tăng trưởng xanh
 - Việc áp dụng toàn bộ kinh nghiệm từ Nhật Bản trong việc xuất bản Sách trắng là không nên và không thể bởi thực tế trình độ nhận thức về bảo vệ môi trường của người dân hai nước còn chênh lệch.
- (5) Ông. Naganuma- Nhóm chuyên gia JICA đánh giá cao những ý kiến đóng góp và hỏi các thành viên tham dự cuộc họp về khả năng và mức độ cần thiết lập một cơ quan mới chịu trách nhiệm xuất bản Sách trắng bên cạnh các cơ quan liên quan hiện tại. Ông truyền đạt lại nguyện vọng của ban lãnh đạo JICA rằng dù hết thời hạn Dự án Tăng trưởng Xanh, JICA mong muốn tỉnh Quảng Ninh duy trì mô hình xuất bản này trong một thời gian dài.
- (6) Ông Hoàng Danh Sơn – Sở KH & ĐT đóng góp một số ý kiến như sau:
- Ngoài môi trường, nên áp dụng mô hình tương tự với các lĩnh vực khác
 - Trong giai đoạn đầu tiên của các bước nghiên cứu xuất bản, việc xác định chọn lựa thông tin là vô cùng cần thiết. Những thông tin được đưa vào cuốn sách phải nhằm hướng đến:
 - + Nâng cao nhận thức cho người dân và doanh nghiệp
 - + Đóng góp trực tiếp vào Tăng trưởng xanh
- ⇒ Tóm lại, một khi triển khai mô hình Sách trắng, Quảng Ninh sẽ là tỉnh tiên phong trong lĩnh vực này. Trong những bước đi đầu tiên này, việc chọn lựa thông tin xuất bản nên là ưu tiên hàng đầu.
- (7) Ông Kagatsume – Nhóm chuyên gia JICA cung cấp thông tin rằng việc bản hành Sách trắng không chỉ ở tỉnh Shiga mà trên toàn lãnh thổ Nhật Bản đã giúp cải thiện rất nhiều ý thức bảo vệ môi trường của người dân Nhật Bản.
Ông ủng hộ ý kiến của ông Sơn rằng nên thiết kế Sách trắng với giao diện đơn giản nhưng thân thiện và thú vị để tất cả người dân cũng như doanh nghiệp dễ dàng và chủ động tiếp cận.
- (8) Ông Đặng Quốc Hưng – UBND thành phố Hạ Long ủng hộ ý kiến của ông Sơn – Sở KH & ĐT về việc mở rộng thêm các mảng đề tài môi trường trong Sách trắng. Ông cũng cung cấp một vài thông tin như sau:
- Phòng Tài nguyên và Môi trường trực thuộc UBND thành phố làm báo cáo quan trắc môi trường hai lần/năm
 - UBND thành phố và các cơ quan có liên quan tổ chức các hoạt động nâng cao ý thức bảo vệ môi trường định kì cho người dân
- Ông gợi ý nhóm chuyên gia tham khảo: Quyết định 61/KH-UBND kí ngày 02/03/2016 bởi UBND thành phố Hạ Long về Kế hoạch xây dựng đô thị xanh-sạch-đẹp gắn với tăng trưởng xanh trên địa bàn thành phố Hạ Long năm 2016.

- (9) Ông Nguyễn Thanh Sơn, UBND huyện Vân Đồn đóng góp một vài ý kiến:
- Xem xét áp dụng mô hình Sách trắng không chỉ trong khu vực vịnh Hạ Long mà mở rộng ra cả Bái Tử Long.
 - Thông qua các số liệu trong Sách trắng, cần bổ sung mục “Cảnh báo” các vấn đề môi trường để người dân nhận thức được vấn đề

- (10) Ông Hoàng Danh Sơn- Sở KH & ĐT đưa ra một vài gợi ý như sau:

Bên cạnh thành lập Ban chỉ đạo dự án, ngay từ giai đoạn này, cần chú trọng vào:

- Lựa chọn và nghiên cứu các báo cáo liên quan
- Gửi bảng hỏi và khảo sát tới các tổ chức và doanh nghiệp liên quan
- Lựa chọn đầu mối làm việc từ các Sở ngành
- Tổ chức tập huấn cho các cán bộ liên quan

Liên quan đến việc tổ chức các khóa tập huấn, ông đưa ra lí do rằng việc công bố Sách trắng có thể mang đến một vài thông tin bất lợi cho doanh nghiệp có các hoạt động tác động đến môi trường. Bởi vậy việc tổ chức đào tạo cho các cán bộ chịu trách nhiệm soạn thảo, ban hành và quản lý Sách trắng nhằm tránh những rủi ro không đáng có là hoàn toàn cần thiết.

Liên quan đến các mẫu bảng hỏi cho tổ chức và doanh nghiệp liên quan, ông nhấn mạnh tầm quan trọng của việc trình UBND tỉnh phê duyệt trước khi phân phát chúng.

- (11) Ông Norihiko Inoue – Nhóm chuyên gia JICA hỏi xác minh thông tin từ các thành viên tham gia về tính bắt buộc nhận được ban hành chính thức từ UBND tỉnh trước khi xuất bản Sách trắng.

- (12) Ông Hoàng Danh Sơn – Sở KH & ĐT xác nhận rằng có cần và gợi ý trình tự xin phê duyệt từ UBND tỉnh như sau:

- Trình dự thảo Sách trắng tới UBND để được thông qua và thành lập Ban chỉ đạo dự án
- Xây dựng đề cương chi tiết thông qua lấy ý kiến của tất cả các địa phương kết hợp tổ chức các khóa đào tạo cho những thành viên soạn thảo đề cương đó Build detail outline approved by all local authorities in combination with organizing training courses for outline composers.
- Thành lập ban Kiểm duyệt trước khi ban hành Sách trắng.

Cuộc họp kết thúc 11:00

BIÊN BẢN THẢO LUẬN HỌP THAM VẤN CHUYÊN SÂU SỐ 19

Tăng cường cơ chế cấp ngân sách cấp tỉnh cho quản lý môi trường và tăng trưởng xanh

Địa điểm: Phòng họp số KH&ĐT

Ngày: 11/3/2016

Danh sách thành viên dự họp:

STT	Tên	Chức vụ	Cơ quan
1	TS. Hoàng Danh Sơn	Phó Giám đốc	Sở KH&ĐT
2	Ông Bùi Tuấn Anh	Phó phòng tổng hợp và quản lý quy hoạch	Sở KH&ĐT
3	Bà Đào Thanh Huyền	Phó phòng kinh tế đối ngoại	Sở KH&ĐT
4	Bà Trần Thị Thanh Tâm	Phó phòng kinh tế đối ngoại	Sở KH&ĐT
5	Ông Đào Mạnh Thắng	Phó trưởng phòng, Phòng kế hoạch ngân sách	Sở Tài chính
6	Ông Trần Văn Mạnh	Chuyên viên, phòng hành chính	Sở Công Thương
7	Bà Phan Thị Hoàng Hào	Chuyên viên, Chi cục bảo vệ môi trường	Sở TNMT
8	Bà Đặng Thị Thu Phương	Cán bộ Ban QLDA	Sở KH&ĐT
9	Ông Norikiho Inoue	Tư vấn trưởng	JET
10	Ông Kengo Naganuma	Tư vấn phó – Chuyên gia môi trường	Nhóm C.gia JICA
11	Mr. Joshiak Kagatsume	Expert	JET
12	Mr. Keiichi Maeda	Coordinator	JET
13	Bà Dương Thị Nhuận	Phiên dịch	Nhóm chuyên gia JICA
14	Bà Trần Thị Mai Lan	Phiên dịch	Nhóm chuyên gia JICA
15	Bà Nguyễn Thị Thảo Hiền	Phiên dịch	Nhóm chuyên gia JICA
16	Bà Trần Thị Vân Anh	Phiên dịch	Nhóm chuyên gia JICA

1. Chủ đề thảo luận

Tăng cường cơ chế cấp ngân sách cấp tỉnh cho quản lý môi trường và tăng trưởng xanh

2. Nội dung thảo luận

Sau bài trình bày của ông Naganuma, ông Joshiak Kagatsume đã chia sẻ một số kinh nghiệm về cơ chế cấp vốn áp dụng ở tỉnh Shiga.

(1) Ông Đào Mạnh Thắng, Phó trưởng phòng, phòng kế hoạch ngân sách, Sở Tài chính

Làm sáng tỏ về Quỹ và ngân sách chi hàng năm cho bảo vệ môi trường

Ông Thắng giải thích như sau :

- (i) Quỹ: Quỹ hỗ trợ trực tiếp cho doanh nghiệp thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường : theo quy định của Việt Nam, ngân sách nhà nước không được cấp trực tiếp cho doanh nghiệp mà phải thông qua bên thứ ba, đó là quỹ. Hỗ trợ doanh nghiệp có thể theo hình thức hỗ trợ lãi suất vốn vay, lãi suất ưu đãi, v.v...
- (ii) Ngân sách chi hàng năm cho hoạt động bảo vệ môi trường cung cấp hỗ trợ cho các dự án, nhiệm vụ quy mô lớn: hỗ trợ trực tiếp từ ngân sách nhà nước cho thực thi các dự án lớn về bảo vệ môi trường.

Tóm lại, đối với quỹ (i) thì nếu phân bổ hàng năm từ ngân sách nhà nước không sử dụng đến trong năm tài chính, sẽ được giữ lại cho kinh phí năm sau trong khi đối với khoản phân bổ ngân sách hàng năm cho dự án, nhiệm vụ lớn (ii) thì nếu không sử dụng trong năm tài chính thì sẽ được trả về cho ngân sách nhà nước.

Hạn chế thành lập các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách: Làm rõ về Luật ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13

Về đề xuất thành lập quỹ để thực hiện dự án, ông Thắng cung cấp thông tin về pháp lý liên quan tới việc thành lập thêm các quỹ, như sau:

Luật Ngân sách số 83/2015/QH13 được ban hành ngày 25/6/2015 và sẽ có hiệu lực từ năm ngân sách 2017.

Hiện tại, tất cả các ngành đang tham gia ý kiến dự thảo thông tư hướng dẫn thực hiện luật này. Trong dự thảo, có nêu như sau:

Trích:

“(6) Về Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách:

Đây là một trong nội dung mới của Luật NSNN năm 2015, với mục tiêu nhằm hạn chế việc thành lập các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách mà nguồn thu thực chất là của NSNN. Mặt khác, để các quỹ tài chính ngoài ngân sách hiện nay đang được NSNN cấp kinh phí hoạt động phải thay đổi phương thức hoạt động để huy động nguồn lực ngoài NSNN. Vì vậy, dự thảo Nghị định có 01 điều riêng (Điều 13) quy định về các Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách như sau:

“1. Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách là quỹ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định thành lập và được quản lý trực tiếp của cơ quan nhà nước.

2. NSNN không hỗ trợ kinh phí hoạt động cho các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách.

3. Căn cứ khả năng của NSNN, quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách có thể được hỗ trợ vốn điều lệ từ NSNN khi đáp ứng đủ các điều kiện: a) Được thành lập và hoạt động theo đúng quy định của pháp luật; b) Có khả năng tài chính độc lập; c) Có nguồn thu, nhiệm vụ chi không trùng với nguồn thu, nhiệm vụ chi của NSNN.

4. Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách và cơ quan quản lý quỹ phải tuân thủ các quy định của Luật NSNN và quy định của Nghị định này về lập, chấp hành, quyết toán, kiểm toán NSNN.

5. Hàng năm, cơ quan quản lý quỹ do trung ương quản lý thực hiện báo cáo Bộ Tài chính kế hoạch thu, chi và quyết toán thu, chi quỹ để tổng hợp báo cáo Chính phủ, báo cáo Quốc hội cùng với báo cáo dự toán và quyết toán NSNN; cơ quan quản lý quỹ do địa phương quản lý thực hiện báo cáo Sở Tài chính kế hoạch thu, chi và quyết toán thu, chi quỹ để tổng hợp báo cáo UBND để báo cáo HĐND cấp tỉnh cùng với báo cáo dự toán và quyết toán NSDP.

6. Cơ quan quản lý quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách ở trung ương có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính báo cáo Chính phủ để giải trình với Quốc hội khi có yêu cầu; cơ quan quản lý quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách ở địa phương có trách nhiệm chủ trì,

phối hợp với Sở Tài chính báo cáo UBND cấp tỉnh để giải trình với HĐND cùng cấp khi có yêu cầu.”

Hết đoạn trích.

Ông Thắng gợi ý rằng dự án nên tránh đề xuất việc thành lập quỹ mới để tránh trùng lặp với các quỹ hiện đã có. Về việc này, ông Thắng đề xuất tiếp tục sử dụng Quỹ bảo vệ môi trường và có bổ sung thêm nhiệm vụ hiện tại của quỹ.

Đơn vị thực thi

Ông Thắng nói rằng tốt hơn nên để UBND tỉnh là người ra quy chế giao nhiệm vụ cụ thể cho các sở ngành liên quan chịu trách nhiệm cho hoạt động này.

(2) Ông Bùi Tuấn Anh, Phó trưởng phòng, phòng tổng hợp và quản lý quy hoạch, Sở KHĐT Cải thiện / Xây dựng quy chế mới

Ông Tuấn Anh đề xuất **cải thiện các quỹ hiện có**, chứ không lập quỹ mới. Ông đề xuất dự án nên rà soát các quỹ hiện có để đề xuất sửa đổi phù hợp nhằm khai thác quỹ hiệu quả hơn. Ông bổ sung rằng các mục tiêu của quỹ là do Trung ương quy định rồi nên với dự án ở cấp tỉnh thì được phép đề xuất chính sửa phạm vi hoạt động của quỹ.

Đề xuất chương trình mục tiêu tăng trưởng xanh tỉnh

Ông Tuấn Anh phân tích cụ thể đối với các hoạt động tăng trưởng xanh, ngân sách nhà nước có thể cấp qua 2 cách:

- (1) Hỗ trợ trực tiếp cho doanh nghiệp thông qua các quỹ khác nhau;
- (2) Hỗ trợ trực tiếp cho các chương trình/dự án thông qua ngân sách chi đầu tư, phát triển hàng năm.

Do vậy, ông Tuấn Anh gợi ý dự án đề xuất thành lập chương trình mục tiêu tăng trưởng xanh của tỉnh. Chương trình sẽ được ngân sách tỉnh cấp vốn trực tiếp trên cơ sở hàng năm. Nếu có thể sớm thành lập quỹ thì nguồn cấp tài chính cho các dự án trong Giai đoạn 2 được đảm bảo.

Ông Tuấn Anh giải thích rằng ở cấp Trung ương, có những chương trình mục tiêu quốc gia như chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh trong khi ở cấp tỉnh chưa có chương trình mục tiêu nào cho tăng trưởng xanh. Ông bổ sung thêm rằng chương trình mục tiêu tăng trưởng xanh này sẽ khiến Quảng ninh khác với các tỉnh thành khác ở Việt Nam về thực hiện tăng trưởng xanh. Điều này sẽ mang tính thuyết phục cao đối với các nhà lãnh đạo tỉnh liên quan tới đề xuất thành lập chương trình mục tiêu của tỉnh về tăng trưởng xanh.

(3) Bà Phan Thị Hoàng Hảo, Chuyên viên, Chi cục bảo vệ môi trường, Sở TNMT

Bà Hảo nói rằng đối với hoạt động bảo vệ môi trường có 3 loại quỹ:

- 1- Quỹ bảo vệ môi trường, do sở TNMT quản lý;
- 2- Quỹ môi trường ngành than do VINACOMIN quản lý;
- 3- Kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường do sở TNMT và Sở TC tham mưu cho UBND tỉnh.

Liên quan đến 1- Quỹ bảo vệ môi trường: Bà Hảo nói rằng Quỹ có 20 tỷ VNĐ vốn điều lệ và thực tế không có nhiều doanh nghiệp quan tâm tới quỹ ngoại trừ có 1 doanh nghiệp là công ty Việt Long đã vay vốn 5 tỷ VNĐ.

Năm 2015, Bộ TNMT đã tổ chức họp đánh giá hiệu quả hoạt động quỹ này ở các địa phương. Cuộc họp đã chia sẻ những điểm yếu, khó khăn liên quan tới việc sử dụng quỹ này ở các nơi. Bà Hảo đề nghị dự án rà soát, xem những điểm phù hợp có thể áp dụng đối với quỹ của Quảng Ninh.

Bà Hảo đề xuất (i) cải thiện quỹ hiện có: sửa nhiệm vụ cụ thể, tuyên truyền, tìm kiếm thuyết phục doanh nghiệp vay vốn; ghi nhận rằng điều lệ tổ chức và hoạt động của quỹ được điều chỉnh hàng năm; và (ii) sử dụng nguồn 3- Kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường để cấp ngân sách cho các dự án mới.

Bà Hảo rất quan tâm tới những chủ đề tỉnh Shiga áp dụng theo các giai đoạn thực hiện tăng trưởng xanh và mong muốn được chia sẻ kinh nghiệm với Shiga.

Ông Naganuma đặt câu hỏi về khả năng tăng số vốn điều lệ của quỹ bảo vệ môi trường. Bà Hảo trả lời rằng Sở TNMT hiện đang chờ UBND tỉnh duyệt cho đề xuất tăng vốn điều lệ của quỹ lên 50 tỷ VNĐ. Bà bổ sung rằng nguồn cấp vốn cho quỹ là từ thu phí bảo vệ môi trường và hiện đang vướng mắc về cơ chế. Hội đồng nhân dân tỉnh là cơ quan ra quyết định thông qua nguồn vốn.

Cuộc họp kết thúc hồi 11:30.

BIÊN BẢN THẢO LUẬN: THAM VẤN CHUYÊN SÂU SỐ 20

Thúc đẩy cơ chế ưu đãi những dự án ESCO để quản lý và tiết kiệm năng lượng

Địa điểm: Phòng họp Sở KH & ĐT

Ngày: 14 tháng 03 năm 2016

Danh sách tham dự

STT	Tên	Chức vụ	Cơ quan
1	Ông Nguyễn Tuấn Anh	Giám đốc điều hành	RCEE-NIRAS
2	Ông Vũ Tiến Đạt	Quản lý	RCEE-NIRAS
3	Ông Hoàng Danh Sơn	Phó giám đốc	Sở KH & ĐT
	Ông Phạm Hồng Biên	Trưởng phòng Kinh tế Đối ngoại	Sở KH & ĐT
4	Bà Đặng Thị Thu Phương	Thư ký dự án	Sở KH & ĐT
5	Ông Trần Xuân Cương	Phó chánh văn phòng	Sở KH & ĐT
6	Ông Tạ Thiên Hỷ	Trưởng phòng Văn hóa Xã hội và Du lịch	Sở KH & ĐT
7	Bà Trần Thị Thanh Tâm	Chuyên viên phòng Kinh tế Đối ngoại	Sở KH & ĐT
8	Ông Phạm Đức Đề	Phó trưởng phòng Quản lý Năng lượng	Sở Công thương
9	Ông Võ Văn Chung	Chuyên viên	Sở Xây dựng
10	Ông Nguyễn Văn Tuấn	Phó trưởng phòng Quản lý Đầu tư	BQL các khu kinh tế
11	Ông Kengo Naganuma	Phó cố vấn - Chuyên gia môi trường	Nhóm chuyên gia JICA
12	Ông Toshiaki Kagatsume	Chuyên gia môi trường	Nhóm chuyên gia JICA
13	Ông Keichii Maeda	Điều phối viên	Nhóm chuyên gia JICA
14	Bà Dương Thị Nhuận	Phiên dịch viên	Nhóm chuyên gia JICA
15	Bà Trần Thị Mai Lan	Phiên dịch viên	Nhóm chuyên gia JICA
16	Bà Nguyễn Thị Thảo Hiền	Phiên dịch viên	Nhóm chuyên gia JICA

1. Các nội dung chính

- (1) Giới thiệu mô hình ESCO của công ty RCEE-NIRAS
- (2) Quy mô và hoạt động nhằm thúc đẩy cơ chế ưu đãi những dự án ESCO để quản lý và tiết kiệm năng lượng
- (3) Khung chính sách hoặc cơ chế thể chế dự kiến để cải tiến/xây dựng nhằm thúc đẩy cơ chế ưu đãi những dự án ESCO để quản lý và tiết kiệm năng lượng
- (4) Các cơ quan liên quan nhằm thúc đẩy cơ chế ưu đãi những dự án ESCO để quản lý và tiết kiệm năng lượng

2. Ghi chép thảo luận

- (1) Ông Nguyễn Tuấn Anh – Giám đốc RCEE-NIRAS trả lời câu hỏi của ông Naganuma về số lượng các dự án ESCO đã được triển khai tại Quảng Ninh tính đến năm 2016. RCEE-NIRAS không có số liệu chính xác mà chỉ có ước tính 2 năm gần đây, Số doanh nghiệp đầu tư ESCO chỉ chiếm 1-2 % trên tổng số 98 đơn vị tiêu thụ năng lượng trọng điểm trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh (Nguồn: Quyết định. 1535 /QĐD-TTg ban hành bởi

Thủ tướng Chính phủ về danh sách 1725 doanh nghiệp tiêu thụ năng lượng trọng điểm năm 2014)

Hai nguyên nhân chính lí giải cho con số 1-2% này là rào cản về tài chính và rào cản về công nghệ. Cụ thể:

- ESCO là một mô hình mới từ nước ngoài. Thông tin về ESCO vẫn còn rất hạn chế từ cả hai phía công ty ESCO và doanh nghiệp.
 - Giá năng lượng ở Việt Nam tương đối thấp so với mức trung bình trên thế giới, bởi vậy doanh nghiệp Việt Nam chưa thực sự thấy được tầm quan trọng của tiết kiệm năng lượng.
 - Trong thực tế, việc thu hồi vốn sau đầu tư ESCO ở Việt Nam mất từ 5-8 năm, không đáp ứng kì vọng 2-3 năm của doanh nghiệp. Bởi vậy, doanh nghiệp chưa thấy được lợi ích lâu dài của ESCO.
- (2) Ông Phạm Hồng Biên, Sở KH & ĐT hỏi rằng liệu có bắt buộc phải áp dụng 1 trong 6 Hợp đồng Hiệu quả Năng lượng (EPC) vào một dự án triển khai ESCO cụ thể tại Quảng Ninh không trong bối cảnh thực tế có nhiều rào cản
- (3) Ông Nguyễn Tuấn Anh - RCEE-NIRAS trả lời rằng việc áp dụng hợp đồng là hoàn toàn linh hoạt dựa vào tình hình tài chính và công nghệ của doanh nghiệp
Ông nhấn mạnh rằng rào cản lớn nhất hiện tại trong việc áp dụng ESCO là sự hạn chế thông tin và bổ sung rằng tại nhiều quốc gia, mô hình ESCO triển khai tại các tòa nhà đã đạt được nhiều thành công.
- (4) Ông Trần Xuân Cường, Sở KH & ĐT hi vọng nhận được thêm các báo cáo và nghiên cứu chuyên sâu từ Nhóm chuyên gia JICA và RCEE-NIRAS liên quan đến:
- Loại hình doanh nghiệp phù hợp để áp dụng ESCO tại Quảng Ninh. Ví dụ: vận tải, khai thác và chế biến khoáng sản, sản xuất gạch men...v...v...
 - Loại hình ESCO phù hợp với từng loại doanh nghiệp đã rút ra từ nghiên cứu trên
 - Nguồn tài chính (Nên tìm nguồn vốn ngay từ bước nghiên cứu hay khi bắt đầu triển khai?)
- (5) Ông Nguyễn Tuấn Anh - RCEE-NIRAS trả lời rằng rất khó xác định mô hình ESCO nào ưu việt hơn. Nếu có thể, việc thành lập một cơ quan ESCO cấp tỉnh là phương án tốt nhất. Cơ quan này sẽ là một đơn vị trực thuộc mạng lưới ESCO Việt Nam.
Liên quan đến câu hỏi của ông Cường – Sở KH & ĐT về lựa chọn loại hình doanh nghiệp và loại hình ESCO thích hợp, ông Tuấn Anh và ông Naganuma đề xuất rằng nếu cần thiết, nhóm chuyên gia JICA và RCEE-NIRAS sẵn sàng hợp tác để có thêm những nghiên cứu chuyên sâu.
- (6) Ông Hoàng Danh Sơn – Sở KH & ĐT đề cập tới danh sách 98 doanh nghiệp tiêu thụ năng lượng trọng điểm tại Quảng Ninh và nhấn mạnh rằng ở những bước đi đầu tiên, việc quan trọng hàng đầu là xác định nhóm doanh nghiệp tiên phong nhằm triển khai ESCO.
- (7) Ông Nguyễn Tuấn Anh - RCEE-NIRAS trả lời rằng việc áp dụng ESCO phụ thuộc vào hai phía:

- Khách hàng
 - Nhà cung cấp ESCO
- Các khách hàng khác nhau có những mong đợi và khả năng tài chính/công nghệ khác nhau. Ví dụ:
- + Chi phí đầu tư hệ thống thu hồi nhiệt thải trong sản xuất xi măng lên tới 10-11 triệu USD, con số khổng lồ với doanh nghiệp Việt Nam
 - + Chi phí đầu tư cải thiện hệ thống nhiệt (làm mát/nước nóng) ít hơn, vào khoảng 1-1.5 triệu USD.
- (8) Mr Ông Trần Xuân Cường, Sở KH & ĐT đề xuất nghiên cứu xem xét ngành sản xuất gạch men tại Quảng Ninh. Cụ thể là tập đoàn Viglacera chi nhánh Quảng Ninh.
- (9) Ông Vũ Tiến Đạt - RCEE-NIRAS đóng góp ý kiến rằng liên quan đến lĩnh vực giao thông vận tải, tiết kiệm năng lượng chủ yếu dựa vào ý thức của các lái xe, bởi vậy ESCO dù được áp dụng cũng sẽ không có tác động đáng kể. Tuy nhiên, ông ủng hộ ý kiến của ông Cường – Sở KH & ĐT cho rằng ngành sản xuất gạch men nên được đưa vào danh sách tiềm năng.
- (10) Ông Nguyễn Tuấn Anh - RCEE-NIRAS tiếp tục đưa ra các ý kiến sau:
- Liên quan đến áp dụng ESCO tại các khu công nghiệp, sử dụng năng lượng tái tạo nên được cân nhắc như một giải pháp tiềm năng. Bộ Công thương đang xây dựng Chiến lược Quốc gia về Năng lượng tái tạo tới năm 2030 tầm nhìn 2050.
 - Liên quan đến áp dụng ESCO tại các nhà máy nhiệt điện, một sự thực không thể phủ nhận rằng tiết kiệm năng lượng không nhận được sự quan tâm xứng đáng bởi những người làm việc tại nơi tạo ra năng lượng.
- (11) Ông Toshiaki Kagatsume – Nhóm chuyên gia JICA hỏi xác minh thông tin nếu hiện tại có bất kì nghiên cứu/báo cáo chính thức nào về ESCO ở cấp quốc gia hoặc cấp địa phương.
- (12) Ông Nguyễn Tuấn Anh - RCEE-NIRAS trả lời rằng Bộ công thương đang xây dựng quy chế nhằm hỗ trợ ESCO. Cụ thể:
- Ban hành mẫu Hợp đồng Tiết kiệm năng lượng trên quy mô quốc gia.
 - Thành lập hiệp hội ESCO
 - Tổ chức các khóa đào tạo ESCO
- (13) Ông Naganuma – Nhóm chuyên gia JICA bổ sung thông tin rằng tương tự Hà Nội, Trung tâm tiết kiệm năng lượng thành phố Hồ Chí Minh (ECC) đã thành lập Công ty Cổ phần tư vấn và đầu tư Năng lượng Việt (VIET ESCO) hoạt động chuyên biệt trong lĩnh vực này.
- Ông đề xuất rằng Quảng Ninh nên cân nhắc thành lập một trung tâm tương tự và xem xét hai lĩnh vực:
- Quản lý và xử lý nước thải
 - Chế biến thực phẩm
- (14) Ông Hoàng Danh Sơn – Sở KH & ĐT đóng góp các ý kiến sau:

- Trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh hiện tại, khai thác và chế biến than, sản xuất xi măng và nhiệt điện là những nguồn tiêu thụ năng lượng lớn nhất. Trong bối cảnh nguồn vốn đầu tư triển khai ESCO vào các lĩnh vực này quá lớn, trong khuôn khổ dự án Tăng trưởng xanh, nhóm chuyên gia có thể đóng góp vào việc nghiên cứu đề xuất quy chế để triển khai hoạt động trong tương lai.
 - Việc áp dụng ESCO vào hai tòa nhà Liên cơ quan mới trực thuộc UBND tỉnh Quảng Ninh đang xây dựng nên được xem xét, nhất là trong bối cảnh tỉnh quyết định tập trung định hướng xây dựng Hạ Long thành “thành phố xanh và thông minh”
 - Tại các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh, mô hình ESCO cơ bản chưa được triển khai và nhân rộng. Nếu được lựa chọn trong khuôn khổ dự án, KCN Cái Lân nên được ưu tiên áp dụng.
 - Liên quan đến các tàu du lịch, dù kết quả mang lại không đáng kể, mô hình ESCO cũng sẽ vẫn có lợi trong công tác tuyên truyền quảng bá.
- (15) Ông Phạm Đức Đề - Sở Công thương đóng góp các ý kiến sau:
- Sở Công thương từng có kế hoạch triển khai tiết kiệm năng lượng với hệ thống chiếu sáng công cộng tuy nhiên giải pháp này chưa được áp dụng bởi đa phần các bóng đèn đường vẫn trong thời hạn sử dụng.
 - Sử dụng năng lượng tái tạo là một giải pháp khả thi bởi Quảng Ninh có nhiều khu vực hải đảo và vùng sâu vùng xa nơi nguồn năng lượng người dân luôn bị hạn chế.
 - Liên quan đến áp dụng ESCO tại các nhà máy nhiệt điện, trong bối cảnh vốn đầu tư quá lớn, Quảng Ninh có thể xem xét chọn một doanh nghiệp thí điểm.
- (16) Ông Võ Văn Chung cung cấp một vài thông tin liên quan đến triển khai ESCO trong hệ thống chiếu sáng công cộng:
- Trong quyết định số.4236/UBND-XD4 kí ngày 17 tháng 7 năm 2015, UBND tỉnh Quảng Ninh giao Sở Xây dựng chủ trì phối hợp cùng UBND các địa phương trên địa bàn tỉnh báo cáo tình hình thực tế hệ thống đèn chiếu sáng trên địa bàn toàn tỉnh nhằm “thay thế hệ thống chiếu sáng công cộng trên địa bàn thành phố Hạ long bằng hệ thống chiếu sáng tiết kiệm điện”
 - Tháng 10 năm 2015, Sở Xây dựng đã làm việc cùng Hiệp hội doanh nghiệp vừa và nhỏ Hàn Quốc và UBND thành phố Hạ Long nhằm đi đến thống nhất giao cho một đơn vị thuộc hiệp hội triển khai lập dự án.
 - Tính đến thời điểm hiện tại, dự án vẫn chưa đi vào triển khai. Sở Xây dựng sẽ có thông tin cập nhật sớm tới Nhóm chuyên gia JICA
- (17) Ông Nguyễn Văn Tuấn – BQL Các khu kinh tế đóng góp những ý kiến sau:
- Tính đến thời điểm hiện tại, chưa có nhiều dự án ESCO được triển khai tại các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh.
 - Nếu có thể, KCN Cái Lân nên là khu đầu tiên được thí điểm
 - Bên cạnh Cái Lân, KCN chuyên sâu Việt Hưng đang được xây dựng cũng nên được nghiên cứu áp dụng ESCO ngay từ bước lập kế hoạch nhằm nêu gương cho các dự án trong tương lai.

- (18) Ông Nguyễn Tuấn Anh - RCEE-NIRAS bổ sung những thông tin sau:
- Áp dụng ESCO trong hệ thống chiếu sáng công cộng là một phương án rất khả thi.
 - Liên quan đến áp dụng ESCO trong các tòa nhà, nhóm chuyên gia JICA nên tham khảo Quy chuẩn quốc gia về các công trình xây dựng sử dụng năng lượng hiệu quả
 - Liên quan đến ngành sản xuất xi măng, Bộ Xây dựng đã có những báo cáo/nghiên cứu cụ thể về giải pháp tiết kiệm năng lượng, tuy nhiên tới thời điểm hiện tại, vì kinh phí hạn chế, có rất ít doanh nghiệp đầu tư.
 - Liên quan đến triển khai ESCO tại các khu công nghiệp, hiện tại chưa có một báo cáo năng lượng tiêu thụ chung cho các doanh nghiệp, chỉ một vài trong số đó có Báo cáo kiểm toán năng lượng.
 - Thành lập Trung tâm tiết kiệm năng lượng hoạt động tương tự hai trung tâm tại Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh là giải pháp tốt nhất. Trong trường hợp không thể thành lập, các lãnh đạo nên cân nhắc nâng cao năng lực của đơn vị khuyến công để kiêm thêm chức năng quản lý năng lượng.
- (19) Ông Naganuma – Nhóm chuyên gia JICA hỏi xác minh từ các thành viên tham gia về việc không cần thêm quy chế để khuyến khích áp dụng ESCO nữa mà chỉ cần xác định các đối tượng tiềm năng nhằm áp dụng ESCO.
- (20) Ông Hoàng Danh Sơn – Sở KH & ĐT kết thúc buổi họp bằng những ý kiến đóng góp sau:
- Quảng Ninh luôn luôn mong muốn là tỉnh đi đầu cả nước về Tăng trưởng xanh. Tuy nhiên, ESCO là một mô hình mới, chưa có nhiều đánh giá tổng kết cũng như hướng dẫn cụ thể từ Bộ công thương, bởi vậy độ tin cậy, tính hiệu quả của ESCO vẫn là một câu hỏi lớn.
 - Trước mắt, việc cần thiết là:
 - + Rà soát, đánh giá các lĩnh vực tiềm năng để có một báo cáo tổng quát
 - + Lập ma trận đánh giá các lĩnh vực này
 - + Lựa chọn những lĩnh vực thí điểm dựa vào định hướng của JICA cũng như tình hình thực tế của Quảng Ninh.
- Ông nhấn mạnh rằng trong trường hợp dự án không thể bao quát hết mọi lĩnh vực, nếu nhóm chuyên gia JICA hỗ trợ tỉnh Quảng Ninh xây dựng quy chế cho các dự án triển khai trong tương lai, chúng vẫn là sản phẩm của dự án Tăng trưởng xanh và luôn được người dân Quảng Ninh đánh giá cao.

Cuộc họp kết thúc lúc 16:30

BIÊN BẢN THẢO LUẬN HỌP THAM VẤN CHUYÊN SÂU SỐ 21

Thảo luận về các hoạt động thí điểm ngành du lịch

Địa điểm: Phòng họp sở KH&ĐT

Ngày: 20/4/2016

Danh sách thành viên dự họp:

STT	Tên	Chức vụ	Cơ quan
1	Ông Tạ Thiên Hỷ	Trưởng phòng Văn hóa – Xã hội	Sở KH&ĐT
2	Ông Nguyễn Đức Hòa	Chánh văn phòng	Sở KH&ĐT
3	Bà Đặng Thị Thu Phương	Cán bộ Ban QLDA	Sở KH&ĐT
4	Bà Nguyễn Thị Minh Lương	Trưởng phòng báo chí và xuất bản	Sở Thông tin – Truyền thông
5	Ông Ngô Đình Dũng	Phó phòng – Phòng Văn hóa – Thông tin	UBND thị xã Quảng Yên
6	Bà Vũ Thị Hạnh	Trưởng phòng- Phòng phát triển tài nguyên du lịch	Sở VH-TT-DL
7	Ông Nguyễn Trung Sơn	Chuyên viên - Phòng phát triển tài nguyên du lịch	Sở VH-TT-DL
8	Ông Lê Lâm Tuấn	Trưởng phòng – Phòng Quản lý môi trường	Ban QLV Hạ Long
9	Ông Nguyễn Thế Huệ	Phó chủ tịch	Hiệp hội du lịch tỉnh Quảng Ninh
10	Ông Kengo Naganuma	Tư vấn phó – Chuyên gia môi trường	Nhóm C.gia JICA
11	Ông Tesuo Isono	Chuyên gia du lịch	Nhóm C.gia JICA
12	Bà Dương Thị Nhuận	Phiên dịch	Nhóm chuyên gia JICA
13	Bà Trần Thị Mai Lan	Phiên dịch	Nhóm chuyên gia JICA
14	Bà Nguyễn Thị Thảo Hiền	Phiên dịch	Nhóm chuyên gia JICA

1. Chủ đề thảo luận

Hoạt động thí điểm ngành du lịch.

2. Nội dung thảo luận

(1) Ông Lê Lâm Tuấn, Trưởng phòng Tài nguyên, Ban Quản lý vịnh Hạ Long (Ban QLV)

Ông Tuấn nói nội dung đề cương không thấy có liên quan đến mục tiêu của tăng trưởng xanh.

Ông Tuấn nói rằng cách tiếp cận của Việt Nam là vừa tuyên truyền vừa song song với sản phẩm du lịch và thấy cách tiếp cận của JET khác. Ông Tuấn cũng bổ sung thêm rằng các điểm du lịch đều phải đạt các tiêu chí theo yêu cầu nêu trong Luật Du lịch.

(2) Bà Vũ Thị Hạnh, Trưởng phòng phát triển tài nguyên du lịch, Sở VH-TT-DL

Bà Hạnh đặt câu hỏi liệu việc thực hiện tuyên truyền đối với những điểm chưa đủ điều kiện mà chưa có hoạt động đầu tư thì có ảnh hưởng đến hình ảnh điểm đến hay không?

Bà Hạnh giải thích rằng thông thường sẽ là thu hút đầu tư, đầu tư, hoàn thiện rồi mới quảng bá.

Bà Hạnh cũng đặt câu hỏi liên quan đến trách nhiệm chính của Sở VH-TT-DL bởi trong đề cương có ghi cơ quan chịu trách nhiệm chính là Sở VH-TT-DL trong khi cơ quan thực hiện là Sở KH-ĐT, Ban QLV, Hiệp hội du lịch, thị xã Quảng Yên.

Bà Hạnh đề nghị JET hỗ trợ như sau:

- Kế hoạch thực hiện hoạt động thí điểm cần cụ thể hơn nữa để Sở có thể nắm bắt được rõ việc phải làm và được hỗ trợ những gì;
- Tập huấn cho cộng đồng tham gia du lịch có trách nhiệm.
- Phát triển mô hình du lịch cộng đồng ở các địa phương thuộc vùng dự án và sau đó nhân rộng rác các địa phương khác.
- Tập huấn học cách cười theo quy tắc ứng xử Nụ cười Hạ Long.

Bà Hạnh cũng bổ sung thêm thông tin rằng dự án EU đã hỗ trợ cho tính rất nhiều liên quan tới du lịch trách nhiệm, trong đó có việc xây dựng bộ quy tắc ứng xử Nụ cười Hạ Long, tư vấn về việc thành lập cơ quan tiếp thị điểm đến, du lịch than và đào tạo nghề cho đội tàu, v.v..

(3) Ông Nguyễn Thế Hệ, Phó Chủ tịch Hiệp hội du lịch tỉnh Quảng Ninh

Ông Huệ hiểu rằng đây là hoạt động cải thiện thông tin du lịch cho những điểm, khu du lịch sẵn có.

Trong số những hoạt động sẽ đưa vào kế hoạch thực hiện, ông Huệ đề xuất JET xem xét hỗ trợ cho các hoạt động như xây dựng thương hiệu cho doanh nghiệp; thực hiện bộ quy tắc ứng xử Nụ cười Hạ Long; giới thiệu sản phẩm địa phương (OCOP) và tập huấn cho hướng dẫn du lịch.

Ông Huệ cũng nói thêm rằng đã có một cuộc thi sáng tạo biểu tượng và khẩu hiệu du lịch nhưng đến nay chưa chọn được và rất mong JICA hỗ trợ.

(4) Bà Nguyễn Thị Minh Lương, Trưởng phòng, Phòng báo chí và xuất bản, Sở thông tin và truyền thông.

Liên quan đến sản phẩm, đối tượng truyền thông, bà Lương hỏi đối tượng của hoạt động có đề cập tới nhà đầu tư du lịch tiềm năng.

Ông Isono trả lời rằng đối tượng nhà đầu tư tiềm năng không bao gồm trong đề cương hoạt động thí điểm.

Ông Naganuma bổ sung thêm rằng JET đã có làm việc với Ban xúc tiến hỗ trợ đầu tư để thảo luận về xúc tiến đầu tư trong khuôn khổ dự án nhưng cũng chưa có kết luận cụ thể nào. Ông Naganuma nói rằng JET có thể cân nhắc đưa nội dung này vào.

(5) Ông Ngô Đình Dũng, Phó phòng – Phòng Văn hóa – Thông tin, TX Quảng Yên

Ông Dũng nói rất vui mừng khi TX Quảng Yên được dự án chọn làm địa bàn mục tiêu thực hiện trang bị những công cụ thông tin du lịch tại chỗ và tập huấn cho người dân / hướng dẫn địa phương.

(6) Khác

Ông Dũng (Quảng Yên) và bà Hạnh (Sở VH-TT-DL) đề nghị chuyển tài liệu họp cho các thành viên họp nghiên cứu trước để tham gia ý kiến cho cuộc họp đạt hiệu quả cao.

Cuộc họp kết thúc hồi 16:00.

GHI CHÉP CUỘC HỌP – THAM VẤN CHUYÊN SÂU SỐ 22

Thảo luận về các hoạt động thí điểm trong ngành du lịch

Địa điểm: Phòng họp Sở Kế hoạch và Đầu tư
Danh sách thành viên tham dự

Ngày: 26/05/2016

STT	Tên	Vị trí	Cơ quan
1	Ông Hoàng Danh Sơn	Phó giám đốc	Sở KH & ĐT
2	Bà Trần Thanh Tâm	Chuyên viên phòng kinh tế đối ngoại	Sở KH & ĐT
3	Ông Trần Xuân Cương	Phó chánh văn phòng	Sở KH & ĐT
4	Bà Nguyễn Thị Thu Trang	Phó trưởng phòng văn hóa xã hội	Sở KH & ĐT
5	Ông Nguyễn Thế Huệ	Phó chủ tịch	Hiệp hội du lịch
6	Ông Ngô Đình Dũng	Phó trưởng phòng văn hóa thông tin	UBND Thị xã Quảng Yên
7	Bà Lê Thị Thìn	Phó trưởng phòng nghiệp vụ	BQL vịnh Hạ Long
8	Ông Nguyễn Đức Quỳnh	Phòng kế hoạch và phát triển tài nguyên du lịch	Sở Du lịch
9	Ông Norihiko Inoue	Cố vấn trưởng	Nhóm chuyên gia JICA
10	Ông Tetsuo Isono	Chuyên gia du lịch	Nhóm chuyên gia JICA
11	Ông Shinichiro Sugimoto	Chuyên gia du lịch sinh thái	Nhóm chuyên gia JICA
12	Bà Dương Thị Nhuận	Phiên dịch viên	Nhóm chuyên gia JICA
13	Bà Nguyễn Thị Thảo Hiền	Hỗ trợ kỹ thuật - Phiên dịch viên	Nhóm chuyên gia JICA

1. Các nội dung chính

- (1) Ba hoạt động thí điểm thúc đẩy du lịch bền vững trong giai đoạn hai của dự án Tăng trưởng xanh
 - Cải thiện thông tin du lịch
 - Thúc đẩy du lịch sinh thái ở thị xã Quảng Yên
 - Giới thiệu giấy chứng nhận Cánh buồm xanh
- (2) Lịch trình dự kiến cho từng hoạt động thí điểm

2. Ghi chép thảo luận

- (1) Ông Shinichiro Sugimoto – Chuyên gia Du lịch sinh thái – Nhóm chuyên gia JICA trình bày về kế hoạch triển khai ba hoạt động thí điểm thúc đẩy du lịch bền vững trong giai đoạn hai của dự án Tăng trưởng xanh khu vực Hạ Long.
- (2) Ông Nguyễn Đức Quỳnh – Sở Du lịch đánh giá cao ba hoạt động thí điểm được đề xuất và cung cấp một vài thông tin liên quan đến việc thúc đẩy phát triển du lịch sinh thái tại thị xã Quảng Yên:

- Quyết định số 1419-QĐ-UBND kí ngày 04/07/2014 về việc phê duyệt đề án phát triển sản phẩm du lịch tỉnh Quảng Ninh tới năm 2020 tầm nhìn 2030.
 - Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch từng hợp tác với Công ty lữ hành Saigontourist tổ chức các tour du lịch cộng đồng tại thị xã Quảng Yên.
- (3) Ông Ngô Đình Dũng – UBND thị xã Quảng Yên đánh giá cao kế hoạch thúc đẩy du lịch sinh thái tại Quảng Yên, bày tỏ sự sẵn sàng hợp tác với nhóm chuyên gia JICA và hi vọng Sở KH & ĐT sớm tham mưu cho UBND tỉnh phê duyệt, ban hành quy chế làm việc và phối hợp chặt chẽ giữa các bên liên quan.
- Ông đề xuất nhóm chuyên gia JICA nên bổ sung một lộ trình thực hiện chi tiết để phía UBND thị xã Quảng Yên có sự chuẩn bị tốt hơn cho giai đoạn hai.
- (4) Ông Hoàng Danh Sơn – Sở KH & ĐT góp ý với ông Dũng rằng UBND thị xã Quảng Yên nên chủ động hợp tác hơn thay vì bị động chờ tới giai đoạn triển khai. Trước hết, phía Quảng Yên có thể rà soát, tổng hợp các thông tin liên quan cần thiết cung cấp cho nhóm chuyên gia.
- Liên quan đến kế hoạch triển khai từ nhóm chuyên gia, ông đóng góp những ý kiến sau:
- Đối với cả hai hoạt động “cải thiện thông tin du lịch” và “thúc đẩy du lịch sinh thái”, kế hoạch “xây dựng các tuyến du lịch khám phá” nên được đẩy sớm lên trong năm 2016 hoặc ngay năm đầu tiên của giai đoạn hai bởi trong thực tế, UBND tỉnh đã phê duyệt danh sách chính thức tuyến điểm du lịch tỉnh.
 - Hoạt động đào tạo tập huấn nên được triển khai ngay năm đầu tiên thay vì năm thứ hai của giai đoạn hai.
- (5) Bà Lê Thị Thìn – BQL vịnh Hạ Long hoàn toàn ủng hộ ba hoạt động thí điểm và thứ tự triển khai trong đó mục tiêu cải thiện thông tin du lịch được đặt lên hàng đầu. Bà cũng đóng góp một vài ý kiến như sau:
- Liên quan đến hoạt động xây dựng các tuyến du lịch khám phá, việc tham khảo và dựa vào các tuyến đã được công nhận là việc hoàn toàn cần thiết.
 - Liên quan đến hoạt động cải thiện thông tin du lịch, lí tưởng nhất là thành lập ban đầu bốn trung tâm thông tin du lịch ở bốn vùng du lịch trọng điểm của tỉnh:
 - + Đông Triều – Uông Bí – Quảng Yên
 - + Hạ Long – Vân Đồn – Bái Tử Long
 - + Vân Đồn – Cô Tô
 - + Móng Cái – Trà Cổ
- (6) Ông Tetsuo Isono – Nhóm chuyên gia JICA hỏi xác nhận về tình hình hoạt động hiện tại của trung tâm thông tin tại bến tàu mới Tuần Châu.
- (7) Bà Thìn trả lời rằng quầy thông tin hiện tại thuộc quản lý của tập đoàn Tuần Châu, không thuộc bất kì cơ quan nhà nước nào. Bà bổ sung thông tin rằng hiện tại Trung tâm thông tin và xúc tiến du lịch trực thuộc Sở du lịch nằm tại số 9B phố Anh Đào, phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long.
- (8) Ông Sơn – Sở KH & ĐT đề xuất rằng nếu nhóm chuyên gia JICA cần bất kì thông tin chính thức nào, Sở sẵn sàng hợp tác để thu thập và cung cấp.

Liên quan đến ý kiến của bà Thìn về việc thành lập bốn trung tâm thông tin tại bốn không gian du lịch trọng điểm tỉnh, ông đề xuất rằng nên chú trọng đến việc đồng bộ hóa, xây dựng mô hình và cách thức làm việc đồng bộ.

(9) Ông Nguyễn Thế Huệ - Hiệp hội Du lịch đóng góp những ý kiến sau:

- Cải thiện thông tin du lịch nên được triển khai trên toàn tỉnh thay vì chỉ khu vực Hạ Long. Nếu có thể, nhóm chuyên gia nên xem xét việc kết hợp xúc tiến thành lập Trung tâm thông tin du lịch và Cơ quan quản lý điểm đến – Dự án đang được Liên minh Châu Âu hỗ trợ triển khai.
- Du lịch sinh thái ở thị xã Quảng Yên rất có tiềm năng phát triển bởi những giá trị về du lịch tự nhiên và nhân văn cùng thực tế du lịch chưa được khai thác nhiều tại đây.
- Hoạt động tập huấn đào tạo nên được triển khai ngay từ năm đầu bởi du lịch sinh thái gắn với yếu tố cộng đồng, bởi vậy ngay từ những bước đi đầu, cộng đồng địa phương nên được phổ biến và tập huấn để có nhận thức và cách thức hoạt động đúng đắn, lâu bền.
- Việc lắp đặt hệ thống biển hiệu chỉ dẫn và thuyết minh nên được hoàn thành trong năm đầu của giai đoạn hai.

(10) Bà Nguyễn Thị Thu Trang – Sở KH & ĐT yêu cầu nhóm chuyên gia cung cấp thêm thông tin về:

- Thứ tự triển khai ba hoạt động: Tuần tự hay đồng thời?
- Phạm vi triển khai cho hoạt động xây dựng các tuyến du lịch khám phá: Cho toàn bộ du lịch tỉnh hay chỉ cho mảng du lịch sinh thái?
- Phạm vi thành lập trung tâm thông tin du lịch: Cho toàn tỉnh hay chỉ khu vực Hạ Long?

(11) Ông Sugimoto – Nhóm chuyên gia JICA trả lời rằng ba hoạt động thí điểm sẽ diễn ra đồng thời và “xây dựng các tuyến du lịch khám phá” được nhắm tới cho việc thúc đẩy du lịch sinh thái.

(12) Bà Trang – Sở KH & ĐT Ms. Trang yêu cầu xác nhận thông tin nếu Chứng nhận Cánh buồm xanh là sự tiếp nối của dự án Nhãn sinh thái triển khai từ 2011 – 2013 và đưa ra quan điểm cá nhân lí do vì sao dự án này không mang lại những kết quả lâu dài như mong đợi. Dự án chỉ dừng lại việc xây dựng tiêu chí và khuyến khích du khách lên những con tàu được gắn nhãn sinh thái mà thiếu hỗ trợ cho các chủ tàu này. Dựa vào kinh nghiệm này, bà nhấn mạnh tầm quan trọng của việc duy trì hiệu quả lâu dài của hoạt động cấp chứng nhận Cánh buồm xanh tại tỉnh Quảng Ninh ngay cả khi dự án kết thúc.

Bên cạnh đó, bà gợi ý nhóm chuyên gia:

- Tham khảo những tiêu chí trước đó của dự án Con thuyền sinh thái, Nhãn sinh thái để tiết kiệm thời gian và ngân sách
- Kết hợp cải thiện thông tin du lịch (thành lập trung tâm thông tin TIC) với thành lập Cơ quan quản lý điểm đến (DMA)

- (13) Ông Sơn – Sở KH & ĐT đề xuất xây dựng bộ hướng dẫn toolkits liên quan đến việc cấp giấy chứng nhận Cảnh buồm xanh.
- (14) Ông Trần Xuân Cường – Sở KH & ĐT đóng góp những ý kiến sau:
- Thành lập tổ công tác cho toàn lĩnh vực du lịch trong giai đoạn hai, sau đó tổ công tác này sẽ hỗ trợ thị xã Quảng Yên xây dựng cơ quan chịu trách nhiệm về thông tin du lịch, hơn là thị xã tự thành lập.
 - Làm rõ phạm vi hoạt động của dự án, xem xét việc kết hợp trung tâm thông tin du lịch và cơ quan quản lý điểm đến
 - Hỗ trợ ban hành lịch sự kiện liên quan đến du lịch
 - Chuẩn hóa và đồng bộ hóa hệ thống biển chỉ dẫn du lịch
 - Kiểm soát việc hành nghề của hệ thống hướng dẫn viên, đặc biệt là các hướng dẫn viên đến từ địa phương khác
 - Nâng cấp giá trị của chứng chỉ hành nghề hướng dẫn viên (Thẻ hướng dẫn viên) dựa vào nâng cao chất lượng đào tạo hướng dẫn viên
 - Phân biệt rõ ràng hai khái niệm du lịch sinh thái và du lịch trách nhiệm
 - Tham khảo các dự án tương tự trước đó như nhãn Con thuyền sinh thái cho tàu du lịch và Nhãn sen xanh cho khách sạn để vừa tận dụng vừa tránh chồng chéo
- (15) Ông Isono – Nhóm chuyên gia JICA hỏi ý kiến các thành viên tham gia liệu việc thành lập một “tổ công tác địa phương” sẽ tốt hơn một “đơn vị thông tin du lịch địa phương” tại thị xã Quảng Yên.
- (16) Ông Sơn – Sở KH & ĐT khẳng định rằng một tổ công tác sẽ được thành lập để quản lý chung cả ba hoạt động thí điểm. Với mỗi hoạt động, nếu cần thiết sẽ thành lập tổ công tác địa phương, tên và cơ cấu tổ chức của cơ quan này sẽ phụ thuộc vào tình hình thực tế của địa phương.
- Ông đưa ra một vài gợi ý như sau:
- Với mỗi lĩnh vực thuộc phạm vi dự án Tăng trưởng xanh, một tổ công tác sẽ được thành lập, đồng nghĩa với một thành viên có thể tham dự cùng lúc vài tổ công tác
 - Phác thảo thành phần tham dự và số lượng cần thiết từ mỗi địa phương
 - Bỏ hoạt động “thành lập ban xem xét tiêu chí và ưu đãi đối với giấy chứng nhận Cảnh buồm xanh”. Không cần thiết phải thành lập một cơ quan mới, việc cần thiết là tuân theo quy trình và thủ tục đã quy định của tỉnh. Quy trình theo đề xuất của ông Sơn:
 - + Build criteria to submit PPC for approval
 - + Thành lập một Hội đồng thẩm định các tiêu chí
 - + Áp dụng triển khai rộng rãi
- Hội đồng thẩm định được thành lập từ các hội đồng liên quan đã sẵn có của tỉnh. Ví dụ: Sở giao thông vận tải hàng năm có đánh giá phân loại tàu du lịch, Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch chịu trách nhiệm đánh giá phân loại cơ sở lưu trú.
- ⇒ Tóm lại, việc quan trọng hàng đầu là xây dựng những tiêu chí hợp lý và củng cố năng lực làm việc của hội đồng thẩm định.

(17) Ông Norihiko Inoue – Nhóm chuyên gia JICA đánh giá cao những ý kiến đóng góp từ các thành viên tham dự và bày tỏ hi vọng có thể áp dụng mô hình “Chứng nhận” hoặc “Nhãn” cho các lĩnh vực khác thuộc dự án Tăng trưởng xanh như môi trường, năng lượng...v...v...

(18) Ông Sơn – Sở KH & ĐT hoàn toàn tán thành ý kiến của ông Inoue và cho rằng việc áp dụng rộng rãi mô hình tương tự cho các lĩnh vực tương tự là hoàn toàn có thể về mặt pháp lý, tuy nhiên Sở nào nên làm đúng trách nhiệm sở đó. Ví dụ: nhãn “tiết kiệm năng lượng” nên được quản lý bởi Sở Công thương, nhãn “bảo vệ môi trường” bởi Sở Tài nguyên và Môi trường. Một khi nhận được đề cương tiêu chí hợp lý, UBND tỉnh chắc chắn sẽ xem xét thông qua.

Ông nhắc lại rằng công tác đào tạo tập huấn và các công tác chuẩn bị khác nên được triển khai ngay từ năm thứ nhất của giai đoạn hai.

Ông nhấn mạnh rằng thời điểm này vô cùng quan trọng khi Sở Du lịch tỉnh mới thành lập, cần tiếp cận với phương pháp làm việc hiện đại hơn. Nếu ngay từ đầu công tác đào tạo tập huấn đã tốt, việc nâng cao năng lực cán bộ trong ngành du lịch cũng là một sản phẩm của dự án Tăng trưởng xanh. Bên cạnh đó, đóng góp thành lập Cơ quan quản lý điểm đến DMA cũng sẽ là sản phẩm tiêu biểu của dự án.

(19) Ông Isono – Nhóm chuyên gia JICA cung cấp thông tin rằng trên thế giới, mô hình DMA vô cùng đa dạng, có thể được vận hành bởi nhà nước hoặc tư nhân hoặc phối hợp cả hai bên. Ở Nhật Bản, hầu hết các thành phố đều có cơ quan này.

(20) Ông Sơn – Sở KH & ĐT đáp lại rằng bởi mô hình DMA còn mới mẻ tại Quảng Ninh, tốt hơn hết mô hình này nên được quản lý bởi nhà nước. Một khi đi vào vận hành, các hợp phần tư nhân có thể được xem xét (Mô hình PPP – Hợp tác công tư). Chỉ cần có mô hình tốt, Quảng Ninh luôn sẵn sàng bởi trong thực tế, Quảng Ninh là một trong những địa phương năng động và cởi mở nhất cho PPP. Ông đề xuất rằng Nhóm chuyên gia JICA nên hợp tác cùng nhóm chuyên gia dự án EU trong việc thành lập Cơ quan quản lý điểm đến.

Ông kết thúc cuộc họp bằng việc đề xuất sẽ cung cấp cho các thành viên tham dự bản đề cương sau chỉnh sửa từ chính các ý kiến đóng góp và hi vọng nhận được hợp tác lâu dài từ các ban ngành để giai đoạn hai của dự án sớm đi vào thực hiện.

Cuộc họp kết thúc lúc 17:00

BIÊN BẢN THẢO LUẬN HỌP THAM VẤN CHUYÊN SÂU SỐ 23

Thảo luận về Kế hoạch Thực thi Hoạt động thí điểm Tăng cường cơ chế cấp ngân sách và cơ chế tài chính cấp tỉnh cho Quản lý Môi trường và Tăng trưởng xanh

Địa điểm: Phòng họp sở KH&ĐT
Danh sách thành viên dự họp:

Ngày: 1/6/2016

STT	Tên	Chức vụ	Cơ quan
1	TS. Hoàng Danh Sơn	Phó Giám đốc	Sở KH&ĐT
2	Ông Bùi Tuấn Anh	Phó phòng tổng hợp và quản lý quy hoạch	Sở KH&ĐT
3	Ông Phạm Hồng Biên	Trưởng phòng kinh tế đối ngoại	Sở KH&ĐT
4	Ông Trần Thanh Phong	Trưởng phòng Kinh tế ngành	Sở KH&ĐT
5	Bà Đặng Thị Thu Phương	Cán bộ Ban QLDA	Sở KH&ĐT
6	Ông Phạm Quang Thái	Phó giám đốc	Sở Công Thương
7	Bà Đỗ Thị Ngọc Quý	Chuyên viên	Sở Công Thương
8	Ông Vũ Văn Đình	Chuyên viên	Sở Tài chính
9	Bà Nguyễn Thị Thu Thủy	Phó chỉ cục trưởng – Chỉ cục bảo vệ môi trường	Sở tài nguyên môi trường
10	Bà Phạm Thị Duyên	Trưởng phòng Quỹ BVMT	Sở tài nguyên môi trường
11	Ông Kengo Naganuma	Tư vấn phó – Chuyên gia môi trường	Nhóm C.gia JICA
12	Ông Tesuo Isono	Chuyên gia du lịch	Nhóm C.gia JICA
13	Bà Dương Thị Nhuận	Phiên dịch	Nhóm chuyên gia JICA
14	Bà Trần Thị Mai Lan	Phiên dịch	Nhóm chuyên gia JICA
15	Bà Nguyễn Thị Thảo Hiền	Phiên dịch	Nhóm chuyên gia JICA

1. Chủ đề thảo luận

Tham vấn chuyên sâu về Kế hoạch thực thi hoạt động thí điểm tăng cường cơ chế cấp ngân sách và cơ chế tài chính cấp tỉnh cho quản lý môi trường và tăng trưởng xanh.

2. Nội dung thảo luận

(1) Tiến sỹ Hoàng Danh Sơn, Phó giám đốc Sở KH&ĐT, Giám đốc Ban QLDA

TS. Sơn nhắc lại mục đích của rất nhiều cuộc thảo luận từ trước tới nay xung quanh chủ đề này là (1) Cải thiện 2 quỹ hiện có và (2) một kênh tài chính riêng cho chương trình tăng trưởng xanh.

TS. Sơn tham gia thêm ý kiến như sau :

- a. Bài trình bày của JET chưa đề cập đến mục (2) nêu trên và mới chỉ tập trung nói đến Quỹ bảo vệ môi trường, chưa đề cập đến Quỹ phát triển khoa học công nghệ.
- b. Chưa đề cập rõ ràng về nguồn hỗ trợ, từ ngân sách hay từ nguồn của JICA.

c. Chưa có tiêu chí cụ thể cho việc chọn đối tượng. Hai nhóm JET đề xuất là nhóm chợ và nhóm các doanh nghiệp, khu công nghiệp.

TS. Sơn nhắc các thành viên dự họp, đặc biệt là đại diện của Sở Công Thương cần xem xét tính phù hợp của hai nhóm đối tượng JET đã thực hiện khảo sát, đó là các chợ và các công ty chế biến thực phẩm, đặc biệt là những quy hoạch nâng cấp, phát triển trong thời gian tới. TS. Sơn bổ sung thêm rằng có một số chợ, doanh nghiệp sẽ phải di dời đi nơi khác do yêu cầu của quy hoạch phát triển địa phương.

(2) Ông Kengo Naganuma, JET

Liên quan đến câu hỏi TS. Sơn nêu trên, ông Naganuma trả lời như sau :

Đối với mục a.: Liên quan đến đối tượng áp dụng Quỹ phát triển khoa học công nghệ, có khả năng sẽ sử dụng quỹ này nếu có liên quan đến hoạt động giới thiệu công nghệ mới. Vào thời điểm còn quá sớm như hiện nay, JET chưa thể quyết định được sẽ sử dụng công nghệ nào, tuy nhiên, quỹ này có thể là quỹ mục tiêu.

Đối với mục b: hoạt động thí điểm này nhằm cải thiện cơ chế cấp tài chính nên nguồn sẽ do Tỉnh cấp. JICA có thể quyết định có hỗ trợ trực tiếp cho các hoạt động thí điểm khác.

Đối với mục c: có thể chọn nhóm chợ dựa vào tiêu chí chợ có liên quan đến hoạt động du lịch hoặc các hoạt động giáo dục môi trường. Ông Naganuma bổ sung thêm rằng việc chọn các công ty và chợ, JET mong Sở TNMT hoặc Sở Công Thương góp ý kiến cụ thể.

(3) Ông Phạm Quang Thái, phó giám đốc sở Công Thương

Ông Thái nói rằng lẽ ra thành viên dự họp nên bao gồm cả Sở Khoa học Công nghệ, Ban quản lý khu kinh tế và Ban quản lý khu công nghiệp.

Ông Thái đề cập đến (a) Quyết định số 2895/2015/QĐ-UBND ngày 30/9/2015 về việc hỗ trợ cho khu công nghiệp và khu kinh tế; (b) Quyết định số 2408/2014/QĐ-UBND ngày 22/10/2014 về quy chế quản lý và sử dụng quỹ khuyến công của tỉnh Quảng Ninh.

Liên quan đến điểm (a):

Ông Naganuma báo cáo rằng trong quá trình thảo luận với Ban quản lý khu công nghiệp Cái Lân, JET hiểu rằng hỗ trợ nêu trong Điều 8 của Quyết định này chỉ áp dụng đối với khu công nghiệp xây mới nên Ban Quản lý khu công nghiệp Cái Lân gặp khó khăn tiếp cận quỹ.

TS. Sơn nói rằng hiện nay ở các chợ hải sản chưa có hệ thống xử lý nước mặn, nếu JET có thể tìm hiểu công nghệ liên quan, ở cả Nhật Bản và Việt Nam để sau này đề xuất áp dụng công nghệ mới, theo đó có thể áp dụng Quỹ phát triển khoa học công nghệ.

Liên quan đến điểm (b): Ông Naganuma nói rằng JET sẽ nghiên cứu quyết định này sau.

Các chợ mục tiêu: Ông Thái nói rằng căn cứ Quyết định 3340/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 của UBND tỉnh phê duyệt quy hoạch chợ tỉnh Quảng Ninh đến 2020, tầm nhìn đến 2030, không có chợ nào trong số những chợ JET đã khảo sát thuộc diện phải di dời.

Ông Thái đề xuất nên có một cuộc họp khác với Phòng quản lý thương mại của Sở CT để chọn chợ mục tiêu cho hoạt động thí điểm.

(4) Ông Vũ Văn Đình, chuyên viên Sở Tài chính

Ông Đình nói rằng trước tiên cần đảm bảo hiệu lực thi hành các tiêu chuẩn môi trường cụ thể mà tất cả các cơ sở phải tuân thủ. Các cơ sở có thể đăng ký vay vốn nếu họ có khó khăn về tài chính.

Đối với nhóm chợ, ban quản lý chợ không phải là bên có thể xác nhận nhu cầu cần nâng cấp chợ mà phải là cơ quan quản lý của ban, đó là các UBND cấp huyện. Điều đó nghĩa là các UBND cấp huyện liên quan sẽ là cơ quan đứng ra vay vốn.

Ông Đình bổ sung thêm rằng các công ty, khu công nghiệp là các bên vay vốn hợp lệ.

Ông Đình gợi ý nhóm mục tiêu : các cơ sở đóng tàu.

(5) Bà Phạm Thị Duyên, Trưởng phòng Quỹ Bảo vệ môi trường, Sở TNMT

Bà Duyên nói quỹ đã có đầy đủ quy chế và không cần cải thiện các quy chế để phục vụ tăng trưởng xanh.

Liên quan đến câu hỏi ông Naganuma đặt ra về việc có rất ít các doanh nghiệp đăng ký vay quỹ, bà Duyên trả lời rằng nguồn vốn vay quá ít (hỗ trợ 1 tỷ, cho vay 5 tỷ) nên nhiều doanh nghiệp không tiếp cận quỹ này.

Bà Duyên bổ sung rằng Quỹ có thể đề xuất UBND tỉnh về việc điều chỉnh mức vốn vay tùy thuộc vào nhu cầu thực tế của doanh nghiệp.

Quỹ đã chủ động phổ biến thông tin về quỹ đến các doanh nghiệp ngành than và các địa phương để các địa phương phổ cập trực tiếp đến các doanh nghiệp. Về việc này, bà Duyên nói thêm rằng Quỹ đã đề xuất tăng nguồn vốn lên 50 tỷ VNĐ đến năm 2020; hiện tại, Quỹ chưa được giải ngân cho năm 2016.

Bà Duyên nói rằng các chợ không phải là đối tượng vay vốn hợp lệ bởi chợ thuộc quản lý của UBND các địa phương. Một trong các yêu cầu trong hồ sơ vay vốn là bên vay phải có tài sản thế chấp. Vì vậy, sẽ là phù hợp hơn nếu bên vay vốn là nhà đầu tư chợ, chính là các công ty tư nhân.

(6) Bà Nguyễn Thị Thu Thủy, Phó chi cục trưởng, Chi cục bảo vệ môi trường, Sở TNMT

Bà Thủy tham gia ý kiến như sau :

(a) Cần thiết khảo sát nhu cầu vay vốn;

(b) Cần đánh giá rủi ro hoàn trả vốn vay đối với thời gian sau giai đoạn dự án;

(c) Tiêu chí ưu tiên chọn bên vay vốn.

Về việc này, TS. Sơn nói rằng nội dung (c) liên quan đến quy chế của Quỹ, trong đó nêu cụ thể cách thức chọn bên vay; (a) và (b) là cần thiết và cần đánh giá nhu cầu và rủi ro cho toàn khu vực vịnh Hạ Long. Đây là nội dung cần thiết thực hiện bởi việc làm này sẽ giúp cải thiện quy mô quỹ và nếu cần thì sẽ thành lập một chương trình riêng có nguồn tài chính riêng, phục vụ hoạt động này.

Ông Naganuma nói có thể bao gồm nội dung (a) và (b) trong Dự án. Có thể chọn Khu công nghiệp Cái Lân làm thí điểm và đồng thời có thể giới thiệu công nghệ của Nhật Bản.

Ông Naganuma đặt câu hỏi sở nào sẽ chịu trách nhiệm thực hiện khảo sát. TS. Sơn nói sau này sẽ cân nhắc để đi đến quyết định đơn vị thực hiện và quan trọng là cần JET xác nhận nhu cầu cần khảo sát.

Các thành viên dự họp hiểu rằng hoạt động khảo sát này sẽ được thực hiện trong Giai đoạn 2.

(7) Ông Bùi Tuấn Anh, phó phòng tổng hợp và quản lý quy hoạch

Ông Tuấn Anh nói rằng điều quan trọng nhất là cần có cơ chế kiểm soát chặt và bắt buộc doanh nghiệp tuân thủ những tiêu chuẩn môi trường thì khi cần, họ mới vay vốn.

Ông Tuấn Anh một lần nữa nhắc lại rằng đối tượng của vốn nên là các doanh nghiệp.

Ông cũng nhắc lại việc cần có một kênh tài chính riêng, đối tượng là các doanh nghiệp có thể triển khai thực hiện các dự án xử lý nước thải theo phương thức PPP (hợp tác công – tư).

Ông Naganuma nhắc lại rằng hoạt động kiểm tra môi trường là nhiệm vụ của phía Việt Nam. JET, trong khuôn khổ Đầu ra 1, có thể đề xuất với UBND tỉnh về việc thực hiện kiểm soát chặt chẽ về môi trường và nêu cần thiết sẽ soạn thảo một quyết định cho tỉnh, có kèm theo danh mục các nguồn ô nhiễm lớn.

(8) Ông Trần Thanh Phong, Trưởng phòng kinh tế ngành, Sở KHĐT

Ông Phong đánh giá rằng những quỹ này không phải là kênh tốt nhất giúp cải thiện tình hình liên quan đến nước thải ở khu vực vịnh Hạ Long bởi yếu tố duy nhất khiến quỹ hấp dẫn là lãi suất thấp (3%/năm) và đối với doanh nghiệp, việc vay vốn đồng nghĩa với việc tăng chi phí hoạt động của họ và đó là điều họ không thích.

Ông đề xuất nên có một chương trình riêng cho tăng trưởng xanh có hỗ trợ đầu tư. Ông đưa ra ví dụ năm ngoái, tỉnh đã bố trí 50 tỷ VNĐ ngân sách cho đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp.

Do vậy, ông gợi ý rằng dự án nên đề xuất UBND tỉnh ra quyết định hỗ trợ cho những doanh nghiệp đầu tư vào cải thiện các cơ sở xử lý nước thải đạt chuẩn. Quyết định này cũng sẽ bao gồm cả những nội dung khuyến nghị khác xuất phát từ các hoạt động thí điểm khác của dự án.

(9) Tiến sỹ Hoàng Danh Sơn, Phó giám đốc Sở KHĐT, Giám đốc Ban QLDA

TS. Sơn đề xuất thay đổi về từ ngữ trong tên của hoạt động thí điểm này thành Tăng cường cơ chế tài chính quản lý môi trường và tăng trưởng xanh. Mục đích là để mọi người hiểu rõ hơn về sự đóng góp sẽ đến từ nhiều nguồn khác nhau chứ không chỉ riêng ngân sách tỉnh.

TS. Sơn nói rằng cần nghiên cứu sâu hơn các quỹ này, những quyết định hỗ trợ đầu tư, cơ chế khuyến khích đối với những doanh nghiệp thực hiện tốt nhiệm vụ môi trường nhằm đề xuất một nguồn tài chính riêng cho tăng trưởng xanh và nguồn này chỉ phục vụ cải thiện môi trường nước vịnh Hạ Long.

Ông nhấn mạnh cần tiến hành khảo sát toàn khu vực dự án. Thông qua khảo sát, đối với những khu vực tập trung nhiều ô nhiễm, dự án lớn sẽ được đề xuất kêu gọi đầu tư; ở những khu vực nhỏ hơn, sẽ cân nhắc hỗ trợ nhằm khuyến khích các doanh nghiệp, nhà đầu tư giới thiệu công nghệ quy mô nhỏ của Nhật Bản.

TS Sơn bổ sung thêm rằng thông qua khảo sát, mới có thể đề xuất kế hoạch yêu cầu tài chính cho hoạt động xử lý các nguồn nước thải xả thẳng ra khu vực vịnh Hạ Long. Bản kế hoạch đó sẽ thể hiện rõ về phân kỳ tài chính, cụ thể tỷ lệ hỗ trợ từ ngân sách nhà nước (thông qua các quỹ, chính sách hỗ trợ đầu tư, v.v..) và tỷ lệ đóng góp bởi doanh nghiệp.

Liên quan đến dự án thí điểm, TS. Sơn ủng hộ ý tưởng của nhóm nghiên cứu là cần thảo luận thêm với Ban quản lý khu công nghiệp Cái Lân để cân nhắc về khả năng hỗ trợ.

Ngoài ra, TS. Sơn cũng đề xuất với ông Thái, Sở CT rà soát lại và lập một danh sách các chợ do tư nhân đầu tư và đề xuất ứng viên cho hoạt động thí điểm và đề nghị JET tiến hành khảo sát các chợ đó.

(10) Ông Kengo Naganuma, JET

Ông Naganuma nói cần tách dự án đầu tư lớn cho nước thải sinh hoạt khỏi dự án tăng trưởng xanh.

TS. Sơn bổ sung rằng cuộc khảo sát cần làm rõ nguồn, chủ thể, tổng lượng xả thải và chất lượng nước thải; và khảo sát nên bao gồm toàn khu vực dự án với đối tượng tập trung vào các doanh nghiệp và một số khu đô thị.

Về việc này, ông Naganuma cũng nhắc các thành viên dự họp rằng đây là dự án hỗ trợ kỹ thuật nên không thể thực hiện khảo sát toàn vùng dự án, bao gồm cả nước thải sinh hoạt được. Phạm vi khảo sát sẽ được thảo luận sau, sau khi Sở CT cung cấp danh sách các đơn vị khảo sát.

Cuộc họp kết thúc hồi 17:00.

GHI CHÉP CUỘC HỌP – THAM VẤN CHUYÊN SÂU SỐ 24

Đề xuất kế hoạch thực thi dự án thí điểm về các biện pháp hiệu quả năng lượng

Địa điểm: Phòng họp Sở Kế hoạch và Đầu tư
Danh sách thành viên tham dự

Ngày: 02/06/2016

STT	Tên	Chức vụ	Cơ quan
1	Ông Hoàng Danh Sơn	Phó giám đốc	Sở KH & ĐT
2	Bà Nguyễn Thị Thu Trang	Phó trưởng phòng văn hóa xã hội	Sở KH & ĐT
3	Bà Đặng Thị Thu Phương	Thư ký dự án	Sở KH & ĐT
4	Ông Đỗ Văn Ninh	Phó trưởng phòng kinh tế và phát triển đô thị	Sở Xây dựng
5	Ông Phạm Đức Đề	Phó trưởng phòng quản lý năng lượng	Sở Công thương
6	Ông Nguyễn Văn Tuấn	Phó trưởng phòng đầu tư	BQL các khu kinh tế
7	Ông Kengo Naganuma	Cố vấn phó	Nhóm chuyên gia JICA
8	Bà Yuka Nakagawa	Chuyên gia quản lý năng lượng	Nhóm chuyên gia JICA
9	Ông Tetsuo Isono	Chuyên gia du lịch bền vững	Nhóm chuyên gia JICA
10	Ông Shinichiro Sugimoto	Chuyên gia du lịch sinh thái	Nhóm chuyên gia JICA
11	Bà Dương Thị Nhuận	Phiên dịch viên	Nhóm chuyên gia JICA
12	Bà Nguyễn Thị Thảo Hiền	Hỗ trợ kỹ thuật - Phiên dịch viên	Nhóm chuyên gia JICA

1. Các nội dung chính

- Thúc đẩy cơ chế ưu đãi hỗ trợ quản lý và tiết kiệm năng lượng như dự án ESCO
- Lựa chọn biện pháp hiệu quả năng lượng cho dự án thí điểm
- Lựa chọn sơ bộ dự án thí điểm
- Cơ chế tài chính cho dự án thí điểm
- Lịch thực thi các hoạt động tiết kiệm năng lượng trong giai đoạn hai

2. Ghi chép thảo luận

(1) Bà Yuka Nakagawa – Chuyên gia quản lý năng lượng – Nhóm chuyên gia JICA trình bày về kế hoạch đề xuất thí điểm tiết kiệm năng lượng trong khuôn khổ giai đoạn hai dự án Tăng trưởng xanh khu vực Hạ Long.

Bà nhắc lại những chủ đề đã được thảo luận tại các cuộc họp tham vấn chuyên sâu trước đó:

- Tiêu chí lựa chọn các chủ đề thí điểm
- Thúc đẩy cơ chế ưu đãi hỗ trợ quản lý và tiết kiệm năng lượng như dự án ESCO
- Tình hình tiêu thụ năng lượng và các doanh nghiệp tiêu thụ năng lượng trọng điểm trên địa bàn tỉnh
- Thách thức đối với việc triển khai các biện pháp tiết kiệm năng lượng.

Trong đó, bà mở rộng về cơ chế ưu đãi hỗ trợ quản lý và tiết kiệm năng lượng thông qua trình bày mục tiêu, đóng góp dự kiến, các cơ quan liên quan và lựa chọn biện pháp hiệu quả năng lượng cho dự án thí điểm liên quan đến mô hình ESCO.

Dựa vào kết quả làm việc với một số doanh nghiệp tiêu thụ năng lượng trọng điểm trong khu vực vịnh Hạ Long, bà đưa ra lựa chọn sơ bộ ba ứng cử viên thí điểm tiết kiệm năng lượng:

- Công ty cổ phần xi măng và xây dựng Quảng Ninh
- Công ty cổ phần xi măng Thăng Long
- Khách sạn Sài Gòn Hạ Long

Bên cạnh đó, các chủ đề quan trọng cũng được đưa vào phần trình bày và thảo luận chung: Cơ chế tài chính cho dự án thí điểm nói chung và ESCO nói riêng, cơ cấu thực thi dự án thí điểm và lịch trình hoạt động trong giai đoạn hai.

- (2) Ông Đỗ Văn Ninh – Sở Xây dựng cung cấp thông tin rằng theo kế hoạch quy hoạch vùng tỉnh, sau năm 2030 tất cả các nhà máy xi măng trong khu vực Hạ Long sẽ được di chuyển lên phía bắc đường cao tốc đang được xây dựng.
- (3) Bà Nakagawa – Nhóm chuyên gia JICA hỏi rằng trong trường hợp đó, lựa chọn nhà máy xi măng trong vòng bán kính 10km từ khu vực trọng điểm vịnh Hạ Long để thí điểm có khả thi hay không.
- (4) Ông Hoàng Danh Sơn – Sở KH & ĐT phản hồi rằng trong trường hợp các nhà máy xi măng tại Hạ Long di chuyển trong vòng 15 năm tới, việc quan trọng bây giờ của dự án là làm rõ thời gian thu hồi vốn đầu tư tiết kiệm năng lượng trước thời gian di chuyển.
- (5) Bà Nakagawa – Nhóm chuyên gia JICA xác nhận rằng chỉ cần có sự đồng thuận giữa các nhà máy xi măng và chính quyền cùng sự sẵn sàng đầu tư giải pháp tiết kiệm năng lượng từ doanh nghiệp, nhóm chuyên gia có thể chọn nhóm doanh nghiệp này làm thí điểm trong giai đoạn hai của dự án.
- (6) Ông Sơn – Sở KH & ĐT nhấn mạnh tầm quan trọng của việc làm rõ mức độ sẵn sàng đầu tư tiết kiệm năng lượng từ các doanh nghiệp. Ông bổ sung rằng việc di dời một nhà máy không hề đơn giản, cần rất nhiều thủ tục cấp địa phương và trung ương. Bởi vậy con số 2030 chỉ là dự kiến, hoàn toàn có thể linh động trong vòng 5 năm.
Ông hỏi thông tin từ bà Nakagawa về mức độ sẵn sàng đầu tư giải pháp tiết kiệm năng lượng từ ba doanh nghiệp được dự kiến lựa chọn.
- (7) Bà Nakagawa – Nhóm chuyên gia JICA trả lời rằng công ty cổ phần xi măng Thăng Long cho thấy mức độ sẵn sàng đầu tư cao nhất. Bên cạnh đó, Công ty cổ phần xi măng và xây dựng Quảng Ninh cũng đã đầu tư hai máy biến tần cũ, tuy nhiên một trong hai máy hiện đã không còn hoạt động.
- (8) Ông Sơn – Sở KH & ĐT đề xuất rằng nhóm chuyên gia nên bổ sung một slide trình chiếu “Mức độ sẵn sàng đầu tư giải pháp tiết kiệm năng lượng từ các doanh nghiệp”.
- (9) Bà Nakagawa – Nhóm chuyên gia JICA hỏi về khả năng UBND tỉnh Quảng Ninh có thể hỗ trợ các doanh nghiệp vay vốn đầu tư giải pháp tiết kiệm năng lượng.
- (10) Ông Sơn – Sở KH & ĐT khẳng định ngay rằng hiện tại tất cả các nhà máy xi măng trên địa bàn tỉnh quản lý bởi Bộ Công thương và đầu tư bởi các doanh nghiệp

nước ngoài. Ví dụ như Công ty cổ phần xi măng Thăng Long được đầu tư bởi một tập đoàn từ Indonesia.

UBND tỉnh Quảng Ninh không thể hỗ trợ tài chính cho các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài có quy mô lớn, chỉ có thể hỗ trợ cơ chế chính sách nhằm khuyến khích doanh nghiệp đầu tư biện pháp tiết kiệm năng lượng.

Trên thực tế, Quảng Ninh đã có các quỹ hỗ trợ liên quan như Quỹ bảo vệ môi trường quản lý bởi Sở Tài nguyên và Môi trường. Nếu JICA có thể hỗ trợ các doanh nghiệp này, đó cũng là một điều quý báu, tuy nhiên cần xem xét kỹ lưỡng bởi quy trình cấp vốn vay đòi hỏi nhiều thủ tục từ tất cả các bên liên quan.

Ông đề xuất áp dụng giải pháp tiết kiệm năng lượng tại hai tòa nhà liên cơ quan trực thuộc UBND tỉnh đang được xây dựng và dự kiến hoàn thành trong năm 2017.

- (11) Bà Nakagawa – Nhóm chuyên gia JICA đánh giá cao đóng góp ý kiến của ông Sơn và đề đạt nguyện vọng xin cung cấp thông tin từ các ban ngành liên quan về khả năng lắp đặt giải pháp tiết kiệm năng lượng tại hai tòa nhà này.
- (12) Ông Sơn – Sở KH & ĐT nhấn mạnh rằng sở sẵn sàng cung cấp thêm thông tin cần thiết và đề xuất rằng nhóm chuyên gia JICA nên hoàn thành đề cương dự án để trình bày tại cuộc họp Ban chỉ đạo lần thứ hai cuối tháng sáu này.
- (13) Ông Phạm Đức Đề – Sở Công thương cung cấp thông tin về sơ bộ công tác quản lý nhà nước về hiệu quả năng lượng:
 - Trong số 98 doanh nghiệp tiêu thụ năng lượng trọng điểm trên địa bàn tỉnh, 71/98 thuộc lĩnh vực công nghiệp, 5/98 thuộc lĩnh vực xây dựng và 22/98 là doanh nghiệp vận tải.
 - Tính đến thời điểm hiện tại, chỉ 47/98 doanh nghiệp có báo cáo kiểm toán năng lượng, 3/47 thuộc ngành vận tải, 43/47 thuộc công nghiệp và 2/47 thuộc lĩnh vực xây dựng. Về hỗ trợ tài chính cho công tác kiểm toán năng lượng, chi phí hoàn toàn do doanh nghiệp chi trả, Bộ Công thương hỗ trợ 50tr VND/lần/đơn vị.

Ông Đề đề xuất xem xét áp dụng biện pháp tiết kiệm năng lượng cho hệ thống chiếu sáng công cộng bởi hệ thống này chiếm tới 20% tổng tiêu thụ năng lượng điện trên toàn tỉnh. Ông hoàn toàn tán thành ý kiến của bà Nakagawa rằng rào cản lớn nhất hiện nay là chi phí đầu tư. Ví dụ: một bóng đèn đường hiệu Hapulico hoặc Master hiện tại có chi phí 2-5 triệu đồng, trong khi đó con số cho đèn tiết kiệm năng lượng là 7-8 triệu đồng. Bên cạnh đó, việc doanh nghiệp mong muốn thu hồi vốn đầu tư chỉ trong 2-3 năm cũng là một rào cản đối với việc triển khai tiết kiệm năng lượng.

Ông cung cấp thông tin rằng trong thực tế tỉnh Quảng Ninh đã có kế hoạch thay thế toàn bộ hệ thống chiếu sáng công cộng tại thành phố Hạ Long và Uông Bí bằng hệ thống đèn LED tiết kiệm năng lượng..

- (14) Ông Sơn – Sở KH & ĐT đồng ý với ông Đề rằng hệ thống chiếu sáng công cộng cũng là một lĩnh vực tiềm năng và nhấn mạnh rằng việc quan trọng ở thời điểm hiện tại là xây dựng một kế hoạch hợp lý và rõ ràng, trong đó hiện trạng tiết kiệm năng lượng, mức độ sẵn sàng đầu tư và tỉ lệ phân chia hỗ trợ từ phía Quảng Ninh & JICA nên được bổ sung. Tất cả những vấn đề này sẽ được thảo luận một cách chuyên sâu tại cuộc họp Ban chỉ đạo lần hai sắp tới.
- (15) Ông Ninh – Sở Xây dựng đánh giá cao ý kiến của ông Sơn và ông Đề về việc triển khai tiết kiệm năng lượng cho hệ thống chiếu sáng công cộng. Ông bổ sung thêm thông tin liên quan: Trên địa bàn toàn tỉnh, hiện có 43789 bóng đèn, trải dài trên 814km, công suất từ 20-250W (trung bình là 150W).

- (16) Ông Tuấn – BQL các khu kinh tế tán thành ý kiến của ông Sơn rằng lắp đặt hệ thống tiết kiệm năng lượng tại các tòa nhà hành chính tỉnh là phương án khả thi bởi một khi chính UBND tỉnh thấy được hiệu quả mà việc đầu tư mang lại, việc hỗ trợ vốn là hoàn toàn có thể. Một khi triển khai tại hai tòa nhà liên cơ quan đang xây dựng, mô hình này sẽ gây được tiếng vang và làm gương cho các dự án trong tương lai.

Ông đề xuất rằng nhóm chuyên gia không nên chọn hai đối tượng thí điểm trong cùng một lĩnh vực. Ví dụ như hai nhà máy trong cùng lĩnh vực sản xuất xi măng. Bên cạnh đó, các doanh nghiệp vận tải nên được xem xét nghiên cứu bởi mức độ tiêu thụ năng lượng cũng như tác nhân gây ô nhiễm môi trường của các doanh nghiệp này.

Liên quan đến cơ chế cấp vốn, ông cho rằng chỉ nên có một hỗ trợ nhỏ cho doanh nghiệp. Từ kinh nghiệm của ông, doanh nghiệp có thể trở nên bị động. Chỉ khi nhận được hỗ trợ tài chính, họ mới tính đến phương án triển khai giải pháp tiết kiệm năng lượng.

- (17) Bà Nakagawa – Nhóm chuyên gia JICA đánh giá cao ý kiến của ông Tuấn tuy nhiên khẳng định rằng ý tưởng triển khai với các doanh nghiệp vận tải tuy hay nhưng rất khó để thực hiện trong khả năng và khuôn khổ giai đoạn thí điểm dự án Tăng trưởng xanh.

- (18) Ông Sơn – Sở KH & ĐT nhấn mạnh rằng sau cùng cơ chế chính sách hỗ trợ giải pháp tiết kiệm năng lượng sẽ là vấn đề được bàn luận và xem xét kỹ lưỡng nhất trong cuộc họp ban chỉ đạo tới.

Ông kết thúc buổi họp bằng việc cảm ơn bà Nakagawa chỉ trong một thời gian làm việc ngắn đã đưa ra những kết quả làm việc rõ ràng khoa học và thuyết phục. Ông bày tỏ thiện chí sẵn sàng cung cấp thông tin cũng như hợp tác trong tương lai với nhóm chuyên gia JICA.

Cuộc họp kết thúc lúc 16:30

BIÊN BẢN THẢO LUẬN HỌP THAM VẤN CHUYÊN SÂU SỐ 25

Thảo luận về Tăng cường năng lực quản lý môi trường thông qua kiểm soát tải lượng ô nhiễm trực tiếp xuống vịnh Hạ Long

Địa điểm: Phòng họp sở KH&ĐT
Danh sách thành viên dự họp:

Ngày: 3/6/2016

STT	Tên	Chức vụ	Cơ quan
1	TS. Hoàng Danh Sơn	Phó Giám đốc	Sở KH&ĐT
2	Bà Nguyễn Thị Thu Trang	Phó phòng văn hóa xã hội	Sở KH&ĐT
3	Bà Đặng Thị Thu Phương	Cán bộ Ban QLDA	Sở KH&ĐT
4	Ông Hà Khánh Hợp	Chuyên viên	Sở Khoa học và Công nghệ
5	Bà Nguyễn Thị Chung	Chuyên viên	Sở NN & PTNT
6	Ông Hoàng Tuấn Linh	Chuyên viên	Sở TNMT
7	Ông Kengo Naganuma	Tư vấn phó – Chuyên gia môi trường	Nhóm C.gia JICA
8	Bà Dương Thị Nhuận	Phiên dịch	Nhóm chuyên gia JICA
9	Bà Trần Thị Mai Lan	Phiên dịch	Nhóm chuyên gia JICA

1. Chủ đề thảo luận

Tham vấn chuyên sâu về Tăng cường năng lực quản lý môi trường thông qua kiểm soát tải lượng ô nhiễm trực tiếp xuống vịnh Hạ Long.

2. Nội dung thảo luận

(1) Ông Hà Khánh Hợp, chuyên viên Sở Khoa học và Công nghệ

Ông Hợp nêu rằng nếu công văn mời họp nêu rõ nội dung tham vấn chuyên sâu của cuộc họp hôm nay gồm 2 hoạt động thí điểm đề xuất, (i) Giới thiệu nhà vệ sinh sinh thái cho các tàu du lịch và (ii) Giới thiệu nhà máy tái chế chất thải để sản xuất thức ăn vi sinh an toàn từ chất thải thủy sản, thì Sở đã có thể cử người chuyên sâu nhất về lĩnh vực này tham gia dự họp.

Ông Hợp cũng bổ sung thêm rằng Sở KH&ĐT có thể cung cấp thêm thông tin bằng văn bản trong trường hợp JET thấy cần.

Ông Hợp cũng đề nghị JET nghiên cứu thêm về quy chế của Quỹ phát triển khoa học công nghệ.

(2) Bà Nguyễn Thị Chung, chuyên viên sở NN&PTNT

Bà Chung đặt câu hỏi liên quan tới nguồn của chất thải thủy sản.

Ông Naganuma nói rằng cho đến nay, JET chủ yếu tập trung vào chất thải từ các doanh nghiệp chế biến thủy sản.

Ông Naganuma đưa ra ví dụ phân tích thêm về một doanh nghiệp của Nhật hiện đang thực hiện thí điểm công nghệ hiện đại tại một công ty chế biến thủy sản ở An Giang và nếu cần, dự án có thể mời công ty đó đến Hạ Long để chia sẻ kinh nghiệm.

Theo đó, bà Chung đề nghị JET làm rõ trong bài trình bày của mình về nguồn chất thải cho hoạt động thí điểm.

Ông Naganuma cũng trả lời rằng sau này, JET sẽ cân nhắc đến xả thải của hoạt động nuôi trồng thủy sản.

Bà Chung hỏi về khả năng tác động của thức ăn được ủ đối với môi trường nước.

Ông Naganuma nói rằng theo kinh nghiệm của công ty Nhật Bản thì họ nói thức ăn này giúp làm cho môi trường nước sạch hơn bởi đó là thức ăn tự nhiên và an toàn.

(3) Bà Nguyễn Thị Thu Trang, phó phòng Văn hóa và xã hội, Sở KHĐT

Bà Trang nêu rằng cả hai hoạt động đề xuất đều đóng góp cao cho dự án tăng trưởng xanh. Bà đặt câu hỏi liên quan đến (i) về mặt bản quyền thì có cần phải xin phép hai công nghệ này không; (ii) liệu hoạt động sử dụng nhà vệ sinh sinh thái có trùng lặp với hoạt động hiện nay của Sở TNMT đang thực hiện với công ty Chodai của Nhật Bản.

Ông Naganuma trả lời như sau : (i) hiện không cần phải xin phép bởi cả hai công ty này đều muốn được trình diễn công nghệ của họ; (ii) JET hiểu rằng công ty Chodai hiện đang thực hiện các hoạt động chỉ ở trên khu vực đất liền; JET sẽ thảo luận với Sở TNMT về việc liên quan đến mở rộng hoạt động của Chodai đối với tàu du lịch trên vịnh Hạ Long.

(4) Ông Hoàn Tuấn Linh, chuyên viên, Sở TNMN

Liên quan đến nhà vệ sinh sinh thái:

Ông Linh cung cấp thêm thông tin về Chodai như sau: hiện công ty này đang hợp tác với Sở TNMT để lắp các nhà vệ sinh sinh thái ở 6 điểm trên đất liền. Chodai cũng đang hợp tác với Quỹ bảo vệ môi trường Việt Nam để phát triển các nhà vệ sinh sinh thái cho tàu du lịch ở TP Hải Phòng. Ông Linh đề nghị JET phối hợp với Chodai để tránh khả năng trùng lặp hoạt động. Về việc này, ông Naganuma nói JET sẽ xác nhận với Chodai.

Liên quan đến xử lý chất thải thủy sản để ủ làm thức ăn

Ông Linh nêu rằng Công ty CP thủy sản Cát Phú áp dụng công nghệ tuần hoàn nước và sử dụng chất thải thủy sản trong quy trình ủ làm thức ăn nuôi trồng thủy sản.

Về việc này, ông Naganuma nói rằng JET quan tâm muốn xin thông tin để sau này đưa vào nội dung sách trắng.

Liên quan đến công cụ kiểm soát môi trường.

Ông Linh đề xuất dự án tăng trưởng xanh giúp đề xuất một dự án thí điểm hệ thống quan trắc môi trường tự động, như kiểm tra nhiệt độ nước xả thải của nhà máy nhiệt điện. Ông nói rằng hoạt động này gây hủy hoại môi trường thủy sinh của vùng nước tiếp nhận.

Về việc này, ông Naganuma trả lời rằng Dự án tăng trưởng xanh không thể bao quát được tất cả mọi vấn đề liên quan đến nước thải và không có khả năng chi trả cho những đầu tư lớn về máy móc thiết bị, JET có thể đưa nội dung đề xuất này vào Đầu ra 1 của dự án. Ông Naganuma bổ sung rằng JICA hiện hợp tác với tỉnh Shiga về chia sẻ kinh nghiệm quản lý môi trường nước hồ Biwa. Trong khuôn khổ giai đoạn 2 của dự án, các cán bộ của tỉnh Shiga sẽ sang dự án 2 lần trong năm để chia sẻ công nghệ và kinh nghiệm. Đề xuất như trên có thể được đưa vào nội dung đề xuất chung, trình UBND tỉnh.

Liên quan đến tàu du lịch

Ông Linh chỉ ra rằng hiện nay UBND tỉnh đã có văn bản chỉ thị tất cả các tàu du lịch trên vịnh Hạ Long phải có hệ thống xử lý nước thải đạt chuẩn đối với yêu cầu bảo vệ môi trường. Ông Linh đề nghị JET cân nhắc tính phù hợp của đề xuất dự án trình UBND tỉnh khi yêu cầu sử dụng nhà vệ sinh sinh thái.

Về việc này, TS Sơn đề nghị JET quan tâm tới ý kiến của Sở TNMT.

(5) Bà Nguyễn Thị Thu Trang, phó phòng Văn hóa và xã hội, Sở KHĐT

Bà Trang hỏi liệu các dự án thí điểm có được vay vốn từ hai quỹ này.

TS. Sơn nói rằng Sở KHĐT sẽ có văn bản cụ thể gửi các sở liên quan về những câu hỏi về quỹ.

Bà Trang cũng nêu rằng hoạt động thí điểm cần bao trùm chuỗi liên quan đến các bên từ khâu thu gom chất thải -> ủ thức ăn -> phân phối sản phẩm.

Cuộc họp kết thúc hồi 11:00.

Phụ lục I-4
Tài liệu của các đợt tập huấn cụ thể



Hồ Biwa

**Kinh nghiệm của tỉnh Shiga
về Bảo tồn Môi trường Nước
~ Khả năng Hợp tác Kỹ thuật của tỉnh
Shiga ~**



Hideyuki SAINO
Giám đốc
Ban Thoát nước
Tỉnh Shiga

Outline

- ❖ Giới thiệu về tỉnh Shiga
 - Tổng quan về tỉnh Shiga và hồ Biwa
 - Doanh nghiệp triển khai ra nước ngoài của tỉnh Shiga

- ❖ Nỗ lực bảo tồn chất lượng nước của hồ Biwa
 - Sơ lược về những nỗ lực trong việc bảo tồn chất lượng nước của hồ Biwa
 - Giới thiệu về từng biện pháp

2

Tổng quan về tỉnh Shiga & hồ Biwa

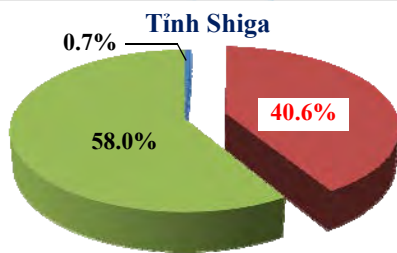


Diện tích	: 670.25km ²
Đường bờ biển	: 235km
Tổng thể tích	: 27.5 bil. m ³
Hồ phía Bắc	: 27.3 bil. m ³
Hồ phía Nam	: 200 mil. m ³
Độ sâu tối đa	: 103.58 m
Độ sâu trung bình	: 41 m

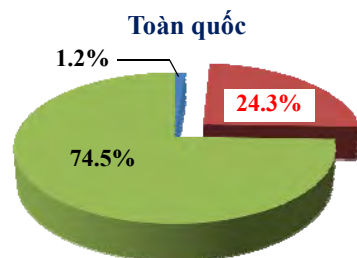


3

Tổng quan về tỉnh Shiga (Tỉnh sản xuất)



- ❖ Tỉnh Shiga là tỉnh phát triển mạnh công nghiệp.
- ❖ Tỷ trọng công nghiệp cấp hai đứng hàng đầu trong số 47 tỉnh thành!



- Công nghiệp cấp 1 (Nông nghiệp, ngư nghiệp)
- Công nghiệp cấp 2 (Công nghiệp sản xuất chế tạo)
- Công nghiệp cấp 3 (Công nghiệp dịch vụ)

4

Thu nhập trên đầu người của tỉnh Shiga

- ❖ Bên cạnh thành công trong ngành công nghiệp sản xuất, thu nhập trên đầu người của tỉnh Shiga đứng thứ 4 trong số 47 tỉnh thành ở Nhật Bản.

Thu nhập trên đầu người của tỉnh Shiga (2011)

Rank	Prefecture	US \$
1	Tokyo	36,000
2	Shizuoka	26,000
3	Aichi	26,000
4	Shiga	26,000
⋮	⋮	⋮

5

Thành lập diễn đàn xúc tiến kinh doanh môi trường nước của tỉnh Shiga

- ❖ Tỉnh Shiga tập trung nhà máy, và phát triển với tư cách là “tỉnh sản xuất” hàng đầu của đất nước. Không chỉ sử dụng linh hoạt nước của hồ Biwa cho nước sinh hoạt, nước công nghiệp, mà còn tiếp tục duy trì tình trạng tốt đáng kể về chất lượng nước.
- ❖ Nhân dân toàn tỉnh, các doanh nghiệp, trường đại học và chính quyền địa phương liên kết cùng nhau nỗ lực bảo vệ môi trường nước, cùng với đó cũng sáng tạo, tích lũy công nghệ, bí quyết.
- ❖ Để vận dụng linh hoạt những cái này vào việc giải quyết vấn đề môi trường nước, vào năm 2013 thành lập **Diễn đàn xúc tiến kinh doanh môi trường nước**.
- ❖ Hiện tại, có 124 doanh nghiệp, trường đại học đã tham gia diễn đàn trên.

Để hình thành một nền tảng, đặc biệt là hình thành hành nhóm dự án và thúc đẩy hợp tác giữa các doanh nghiệp.

Cùng lúc với kêu gọi “**Mô hình hồ Biwa**”, triển khai cơ cấu công nghệ và hành chính được kết hợp bởi 1 thể thống nhất của chính quyền, doanh nghiệp, trường đại học và nhân dân tỉnh.

Tiến tới tham gia vào kinh doanh môi trường nước tiên tiến sáng tạo, triển khai các dự án bởi các doanh nghiệp, đoàn thể có quan hệ trong diễn đàn

6

Hoạt động của diễn đàn xúc tiến kinh doanh môi trường nước của tỉnh Shiga

- ❖ Hoạt động dựa trên biên bản ghi nhớ về lĩnh vực môi trường với tỉnh Hồ Nam, Trung Quốc.
- ❖ Hoạt động dựa trên Biên bản ghi nhớ lĩnh vực kinh tế, công nghiệp với thành phố Đài Nam của Đài Loan
- ❖ Thực hiện các hội thảo và điều tra ở địa phương khác



Ký kết biên bản ghi nhớ giữa Tỉnh Shiga và Tỉnh Hồ Nam(2013)



Thực hiện hội thảo (tỉnh Hồ Nam)



Ký kết biên bản ghi nhớ giữa Tỉnh Shiga và Thành phố Đài Nam(2013)



Tham quan nhà máy xử lý nước thải của một công ty (Thành phố Đài Nam)

7

Hoạt động của doanh nghiệp tỉnh Shiga

- Doanh nghiệp chính có trụ sở chính tại tỉnh Shiga, và đang triển khai dự án ở nước ngoài.

Tên công ty	Ngành nghề hoạt động, triển khai ra nước ngoài
Takahashi Metal Industries Co., Ltd.	Phát triển, sản xuất và kinh doanh thiết bị liên quan đến môi trường. Năm 2005 đã thành lập công ty tại Trung Quốc, năm 2012 thành lập công ty tại Thái Lan.
Taiyo Sangyo Co., Ltd.	Sản xuất kinh doanh thiết bị xử lý nước thải, thiết bị xử lý lọc nước. Năm 2013 đã thành lập công ty tại Việt Nam.
Ichien Technos Inc.	Thiết kế, thi công các công trình lắp đặt điều hòa, công trình cấp thoát nước. Năm 2010 đã thành lập công ty tại Đài Loan
Hiyoshi Corporation	Phân tích môi trường. Thực hiện dự án hợp tác kỹ thuật cơ sở của JICA từ năm 2014

- "Hội chợ thương mại quốc tế về môi trường hồ Biwa"

Tổ chức 1 lần/năm. Năm nay có 300 doanh nghiệp, đoàn thể tham gia và có 33.000 người tới dự.



8

Ô nhiễm nước hồ Biwa

- ❖ Ô nhiễm nước nghiêm trọng kể từ Kỷ nguyên tăng trưởng kinh tế vào những năm 1970



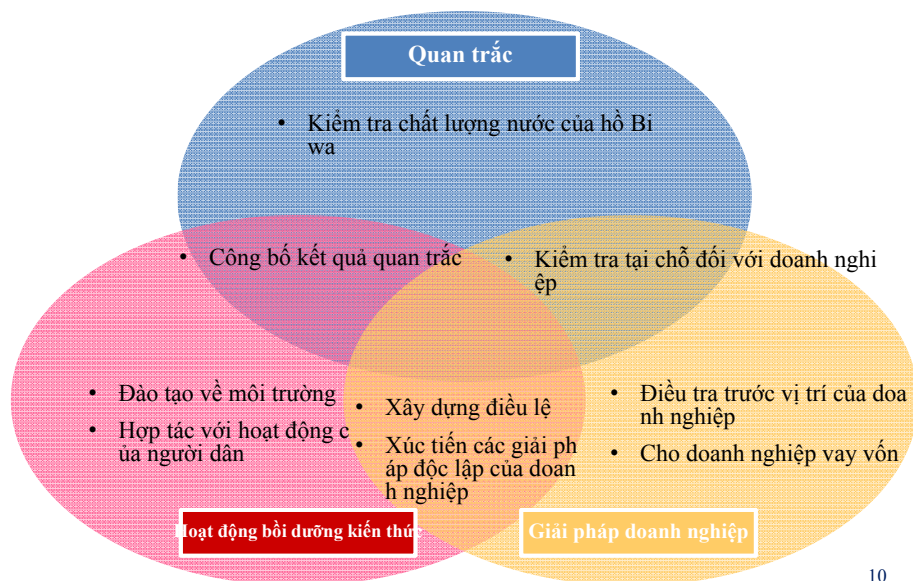
1977 Thủy triều đỏ thâm nhập vào nước ngọt



1983 Các bệnh do nguồn nước bùng phát tảo xanh

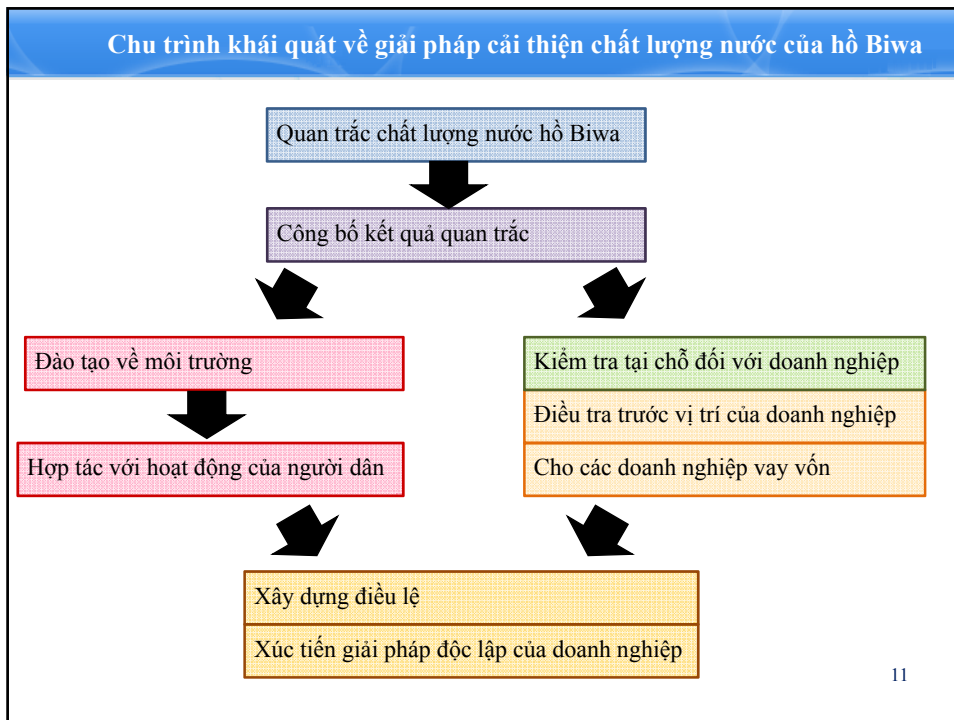
9

Sơ đồ tổ chức của các giải pháp cải thiện chất lượng nước của hồ Biwa



10

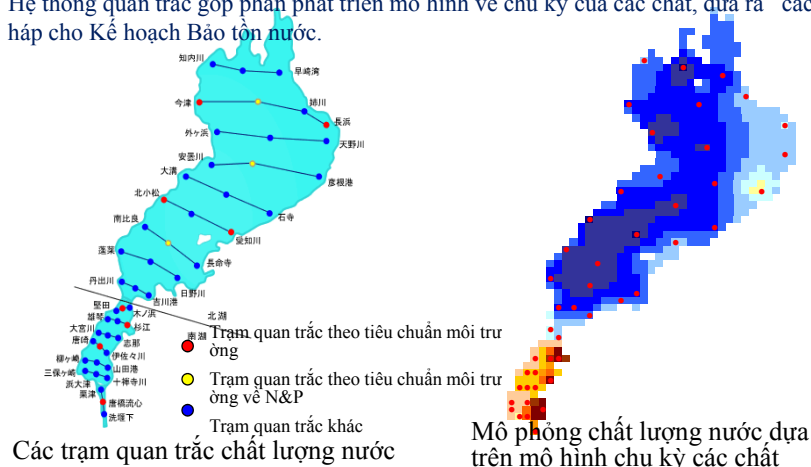
Chu trình khái quát về giải pháp cải thiện chất lượng nước của hồ Biwa



11

Hệ thống quan trắc

- ❖ 47 trạm quan trắc chất lượng nước thực hiện kiểm tra hàng tháng nhằm theo dõi kết quả của các trạm và tiến độ của Kế hoạch Bảo tồn nước hồ Biwa.
- ❖ Chất lượng nước sau khi quan trắc được công khai cho công chúng, theo đó nhận thức đối với các vấn đề được chia sẻ giữa các bên có liên quan.
- ❖ Hệ thống quan trắc góp phần phát triển mô hình về chu kỳ của các chất, đưa ra các biện pháp cho Kế hoạch Bảo tồn nước.



12

Công bố kết quả quan trắc

- ❖ Về kết quả quan trắc, sẽ xuất bản và công bố với tư cách “Sách trắng về ô nhiễm”.
- ❖ Dữ liệu những năm gần đây được công khai trên trang WEB (chỉ có tiếng Nhật).
<http://www.pref.shiga.lg.jp/biwako/koai/hakusyo>
- ❖ Công bố kết quả quan trắc cho cả nhân dân và doanh nghiệp, chia sẻ ý thức về vấn đề.
- ❖ Chia sẻ ý thức về vấn đề sẽ là bước khởi đầu của tất cả các giải pháp.



Sách trắng về ô nhiễm của tỉnh Shiga năm 1973

13

Đào tạo về môi trường

- ❖ Để thực hiện được tất cả các biện pháp chẳng hạn như quy chế nước thải, hỗ trợ cho doanh nghiệp, xúc tiến hành động vì môi trường... cần phải có sự thông cảm và thấu hiểu của người dân.
- ❖ Vì vậy, sẽ tiến hành đào tạo về môi trường để phía người dân ý thức được về hồ Biwa, hiểu được tầm quan trọng của việc cải thiện chất lượng nước của hồ Biwa.

【Tuần lễ vì môi trường】

Thực hiện vệ sinh dọn dẹp đồng loạt hồ Biwa, phong trào mang rác về, thu thập tờ rơi. Những hoạt động này đã được thực hiện từ năm 1973. Gần đây đã sử dụng các áp phích tuyệt vời trên trang bìa của Sách trắng.



【Ngôi trường nổi ở trên hồ Biwa- “Đứa con của biển”】

Toàn bộ học sinh lớp 5 của tỉnh sẽ nghỉ lại ở con tàu học tập mang tên "Đứa con của biển" để học tập về hồ Biwa. Từ sau chuyến tàu đầu tiên năm 1983 thì đã có tới 470.000 học sinh tham gia học tập và trải nghiệm ở đây.

14

Hợp tác với hoạt động của người dân

- ❖ Từ năm 1970, từ quan điểm phòng chống ô nhiễm chất lượng nước của hồ Biwa, đã bắt đầu phong trào hoạt động của nhân dân có tên gọi là "Hãy dừng việc sử dụng các chất tẩy rửa tổng hợp có chứa photpho".
- ❖ Đã được hỗ trợ bởi cách nghĩ tăng cho dù phải chấp nhận hi sinh một phần tính tiện dụng trong sinh hoạt của chúng ta, cũng cố gắng bảo vệ hồ Biwa.
- ❖ Đã thực hiện soạn thảo và ban hành "Pháp lệnh phòng chống hiện tượng phú dưỡng" đã được quy định trong quy chế nước thải có nitơ và photpho.



Kêu gọi sử dụng xà phòng bột

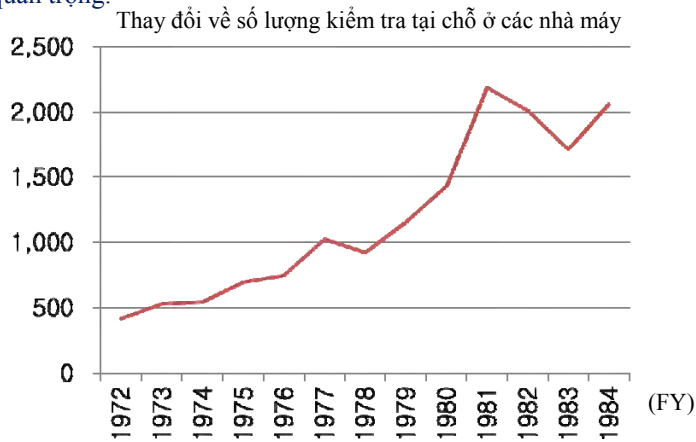


Các chất tẩy rửa tổng hợp có chứa photpho đã được thay thế bằng xà phòng

15

Kiểm tra tại chỗ đối với doanh nghiệp

- ❖ Cũng dựa trên sự công bố kết quả quan trắc chất lượng nước và sự hỗ trợ của dân chúng, đẩy mạnh cả kiểm tra tại chỗ các nhà máy, vốn là một trong những nguồn phát thải nước chính.
- ❖ Để xử lý được nước thải ở nhà máy thì việc kiểm tra nước thải một cách triệt để là việc rất quan trọng.

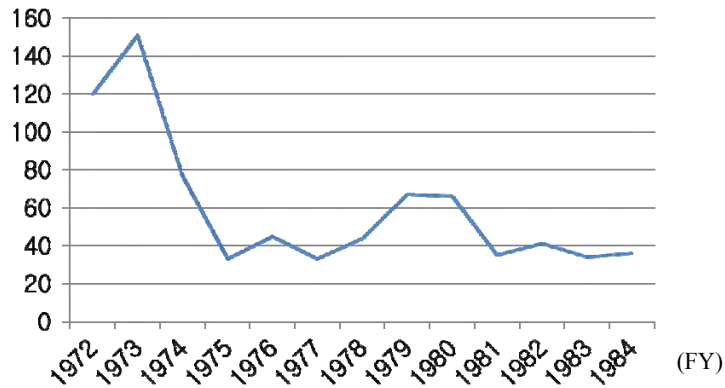


16

Điều tra trước đối với kiểm tra tại chỗ ở doanh nghiệp

- ❖ Cũng thực hiện điều tra trước khi vào nhà máy đối với các nhà máy định vào mới chứ không chỉ các nhà máy vốn có từ trước.
- ❖ Trong điều tra, sẽ kiểm tra và xác nhận lượng nước sử dụng và kế hoạch lắp đặt thiết bị xử lý nước thải, để tránh trước ô nhiễm chất lượng nước.

Số lượng thực hiện điều tra trước đối với nhà máy

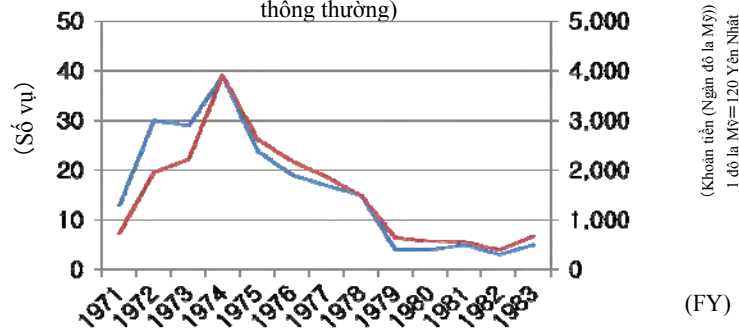


17

Cho các doanh nghiệp vay vốn

- ❖ Thực hiện cho vay vốn đối với việc lắp đặt xử lý nước thải chứ không chỉ kiểm tra tại chỗ hay quy chế.
- ❖ Để thực hiện cơ chế này sẽ cần phải có dự toán, nên không thể thiếu, vì vậy không thể thiếu được sự hiểu biết của nhân dân và doanh nghiệp.
- ❖ Nhờ vào việc xúc tiến lắp đặt thiết bị xử lý nước thải, sẽ giảm được số lượng vay lên đến đỉnh cao ở năm 1974.

Số lượng và khoản tiền cho doanh nghiệp vay vốn (chỉ phần thông thường)



※Thiết bị xử lý nước thải là cái tối thiểu phải có, sau xử lý, phải được thải vào hệ thống thoát nước công cộng.

18

Cho doanh nghiệp vay vốn (điều kiện vay)

【Chế độ cho vay vốn thông thường】

- ❖ Đối tượng cho vay
Máy móc, thiết bị cần thiết để xử lý nước. Đất đai cần thiết cho những lấp đặt này.
- ❖ Khoản giới hạn cho vay
80% khoản tiền vốn cần có.
250.000 Đô la Mỹ cho mỗi doanh nghiệp (Doanh nghiệp có quy mô nhỏ nhất cũng là 83.000 Đô la Mỹ)
- ❖ Lãi suất, kỳ hạn vay
Lãi suất hàng năm khoảng 5~6%, trong vòng 10 năm (thời gian hoãn là 1 năm)

【Chế độ cho vay đối với các cơ sở xử lý nitơ và photpho】

※Thực hiện theo giải pháp trong điều lệ cấm hiện tượng phú dưỡng nguồn nước. Đây được coi là điều kiện thuận lợi hơn thông thường.

- ❖ Đối tượng cho vay
Máy móc, thiết bị cần thiết để xử lý nước. Đất đai cần thiết cho những lấp đặt này.
- ❖ Khoản giới hạn cho vay
100% khoản tiền vốn cần có.
42.000 Đô la Mỹ cho mỗi doanh nghiệp.
- ❖ Lãi suất, kỳ hạn vay
Lãi suất hàng năm khoảng 2% (doanh nghiệp quy mô nhỏ sẽ không phải chịu lãi),¹⁹ trong vòng 10 năm (thời gian hoãn là 2 năm)

Xây dựng Pháp lệnh phòng chống hiện tượng phú dưỡng

- ❖ Dựa trên sự công bố về quan trắc chất lượng nước, sự hỗ trợ của nhân dân, quy chế và chế độ hỗ trợ cho các doanh nghiệp, năm 1979 đã soạn thảo pháp lệnh phòng chống hiện tượng phú dưỡng.
- ❖ Khi đó là lần đầu tiên có chế độ về nước thải có nitơ và photpho đối với doanh nghiệp. (có lẽ cũng là lần đầu tiên trên thế giới.)
 - Cấm sử dụng, buôn bán chất tẩy rửa tổng hợp chứa photpho ở trong thành phố Shiga.
 - Thiết lập tiêu chuẩn thoát nước có nitơ và photpho
 - Có 514 cơ sở đã thành đối tượng của quy chế
 - Trong năm 1981, năm mà quy chế được áp dụng, 95% trong số đó đã hoàn thành hành thực hiện giải pháp thoát nước.
 - 5% còn lại được thiết lập kỳ hạn ân hạn là 1 năm và đã hoàn thành thực hiện.

Xúc tiến giải pháp độc lập của doanh nghiệp

- ❖ Sau khi soạn thảo điều lệ phòng chống hiện tượng phi dưỡng với nước, nhưng người liên quan doanh nghiệp sẽ liên kết, thành lập “Hiệp hội phòng tránh ô nhiễm môi trường của tỉnh Shiga” nhằm mục đích xác định thể chế bảo tồn môi trường một cách chủ động. (Vào năm 1981, có 500 công ty tham gia)
- ❖ Thực hiện công việc như sau:
 - Xúc tiến thể chế quản lý độc lập với xử lý nước thải
 - Xúc tiến phổ cập kỹ thuật liên quan xử lý nước thải
 - Nghiên cứu liên quan đến xử lý nước thải
 - Phân tích chất lượng nước
 - Tổ chức các buổi hội thảo, thuyết giảng
 - Trao đổi vào quảng bá thông tin lẫn nhau



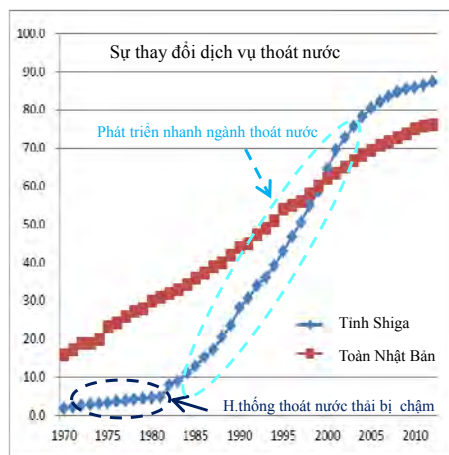
Theo điều tra mà tỉnh đã thực hiện:

- 81% doanh nghiệp đang tiến hành một số hoạt động bảo vệ môi trường.
- 70% doanh nghiệp đang tiến hành đào tạo về môi trường cho nhân viên.
- 18% doanh nghiệp đang tiến hành đào tạo về môi trường cho cộng đồng nói chung.

21

Hoàn thiện nhanh hệ thống thoát nước

- ❖ Hệ thống thoát nước theo khu vực bắt đầu vận hành năm 1982
- ❖ Sau đó, hệ thống thoát nước tăng trưởng nhanh chóng dựa trên kế hoạch bảo tồn chất lượng nước của hồ Biwa
- ❖ Tỷ lệ 98.4% xử lý nước thải tập trung và phi tập trung (số 3 tại Nhật Bản)



88.3% (Tỷ lệ dịch vụ thoát nước vào cuối năm 2015)
(98.3% tỷ lệ xử lý nước thải)

76.3% trong toàn Nhật Bản (cuối năm 2014)

22

Tính cần thiết của việc đào tạo về môi trường

- ❖ Nhận thức về xử lý nước thải đô thị được nâng cao thông qua việc giữ liên lạc với hồ Biwa.
- ❖ Xử lý nước thải tiên tiến chi phí nhiều hơn so với xử lý thông thường. Theo đó, đòi hỏi phải có sự đồng thuận về chi trả ngân sách giữa cộng đồng và Chính phủ.
- ❖ Hộ gia đình sẽ đầu nối vào hệ thống thoát nước công cộng, tuy nhiên chi phí đầu nối là do tư nhân cung cấp.

Phí nước thải tại tỉnh Shiga (hàng tháng bởi hộ gia đình cho 25m³)

	Nước thải	Nước sạch
	JPY	JPY
T.p Otsu	3,720	2,916
T.p Hikone	3,650	3,186

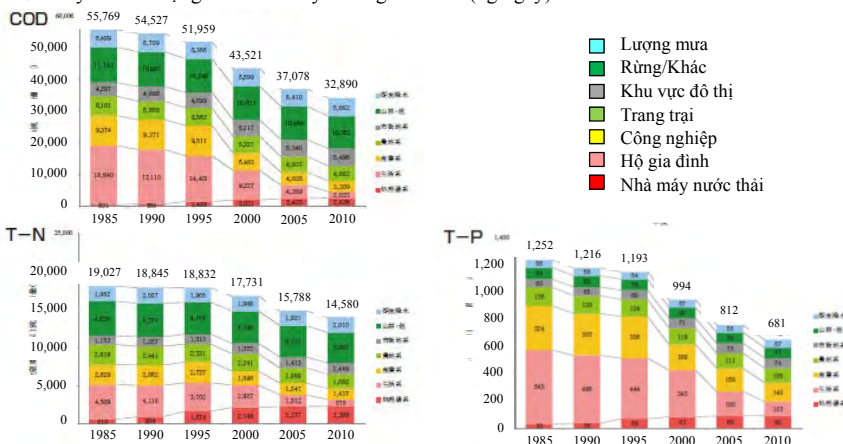
100 JPY= 1 USD

23

Lập bản kiểm kê nguồn ô nhiễm nước

- ❖ Bản kiểm kê nguồn ô nhiễm nước được cung cấp bởi Kế hoạch bảo tồn hồ Biwa.
- ❖ Căn cứ vào kế hoạch, các biện pháp tương ứng được thực hiện một cách có hiệu quả phù hợp với các vấn đề về chất lượng nước và từng nguồn ô nhiễm

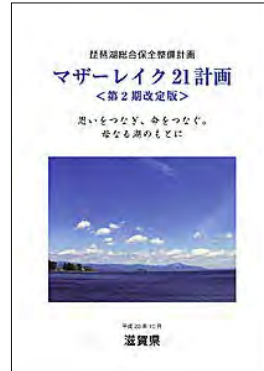
◆ Thay đổi tải lượng ô nhiễm chảy xuống hồ Biwa (kg/ngày)



24

Kế hoạch “Mother Lake 21”

- ❖ Kế hoạch “Mother Lake 21” là kế hoạch hiện nay đã được xác định để bảo tồn và tái sinh hồ Biwa.
- ❖ Đang kết hợp chặt chẽ những nỗ lực cần phải thực hiện trước năm 2020 với hình ảnh hồ Biwa năm 2050 ở trong tâm trí.
- ❖ Không chỉ đơn thuần là cải thiện chất lượng nước, mà còn hướng tới mục tiêu “Tái sinh hệ sinh thái”, “Tái sinh mối quan hệ giữa cuộc sống sinh hoạt và hồ Biwa”.
- ❖ Ví dụ mục tiêu
 - Chất lượng nước của hồ Biwa (COD, T-N, T-P)
 - Lượng đánh bắt cá
 - Tỷ lệ phủ cập hệ thống thoát nước
 - Tỷ trọng nông nghiệp thân thiện với môi trường
 - Tỷ lệ những người cho rằng hồ Biwa là quan trọng
 - Số lượng NPO sẽ hoạt động bảo tồn hồ Biwa



25

Kết luận

- ❖ Trong trường hợp có các câu hỏi hoặc phát sinh mối quan tâm, xin vui lòng liên hệ với địa chỉ Email sau:
saino-hideyuki@pref.shiga.lg.jp
- ❖ Xin vui lòng thông báo với chúng tôi về dự án trao đổi kỹ thuật, nếu chúng tôi có thể đóng góp gì cho Tăng trưởng Xanh tại Quảng Ninh!

Thank you and Xin cảm ơn

26



Hồ Biwa

Kinh nghiệm và các biện pháp hành chính của tỉnh Shiga trong bảo tồn chất lượng nước hồ Biwa

Yukinori Kawashima
Giám đốc kỹ thuật
Sở môi trường và hồ Biwa
Tỉnh Shiga

1

Sơ lược nội dung trình bày

Ví dụ về kế hoạch bảo tồn chất lượng nước hồ Biwa ở tỉnh Shiga

- ❖ Kế hoạch cơ bản được lập và triển khai ngay do thực tế công tác “Bảo tồn môi trường hồ Biwa” có rất nhiều nhiệm vụ và vấn đề cần giải quyết.
- ❖ Bài trình bày này cung cấp những thông tin và bài học kinh nghiệm của tỉnh Shiga và hồ Biwa có thể áp dụng cho khu vực vịnh Hạ Long.

Sách trắng môi trường Shiga (Sách trắng về vấn đề ô nhiễm)

- ❖ Cuộc hội thảo tổ chức lần trước đã giải thích cụ thể về công tác cải thiện môi trường nước ở tỉnh Shiga. Hoạt động quan trắc chất lượng nước và công bố kết quả quan trắc là rất quan trọng.
- ❖ Bài trình bày này sẽ cụ thể hơn nữa về những kinh nghiệm trong công tác quan trắc chất lượng nước và công bố kết quả quan trắc.

2

Kế hoạch cơ bản bảo tồn môi trường hồ Biwa

- ❖ Kể từ năm 1972, tỉnh Shiga đã liên tục xây dựng các kế hoạch cơ bản về bảo tồn môi trường hồ Biwa.
- ❖ Công tác lập kế hoạch và thực hiện kế hoạch cơ bản có vai trò hết sức quan trọng bởi “Bảo tồn môi trường hồ Biwa” gồm rất nhiều nhiệm vụ và vấn đề cần giải quyết.

1972~1996	Kế hoạch phát triển toàn diện hồ Biwa
1999~2010	Kế hoạch mẹ hồ 21 (Giai đoạn thứ nhất)
2011~2020	Kế hoạch mẹ hồ 21 (Giai đoạn thứ hai)

3

Kế hoạch phát triển toàn diện hồ Biwa (1972~1996)

- ❖ Sự tăng trưởng kinh tế nhanh chóng năm 1970 kéo theo chất lượng nước hồ Biwa bị ô nhiễm nhanh và sự gia tăng nhu cầu dùng nước.
- ❖ Kế hoạch phát triển toàn diện hồ Biwa đã được xây dựng nhằm bảo vệ chất lượng nước và khai thác nguồn tài nguyên nước do hồ cung cấp và phát triển hạ tầng.

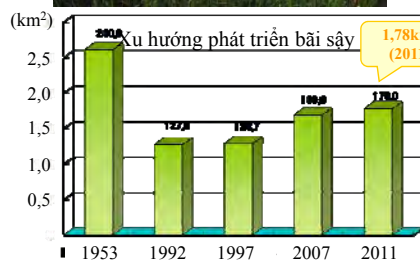
Vấn đề	<ul style="list-style-type: none"> ➢ Ô nhiễm chất lượng nước nghiêm trọng ở hồ Biwa ➢ Cần phát triển nguồn nước đáp ứng cho tăng trưởng kinh tế ➢ Thường xuyên xảy ra hạn hán và ngập lụt
--------	--

Nội dung kế hoạch	<table border="0" style="width: 100%;"> <tr> <td style="background-color: #ffe6e6; padding: 5px; text-align: center;">Bảo tồn</td> <td style="font-size: 2em; padding: 0 10px;">}</td> <td style="padding: 5px;"> <ul style="list-style-type: none"> ➢ Phát triển hệ thống thoát nước ➢ Phát triển các công trình xử lý chất thải rắn ➢ Quan trắc chất lượng nước, v.v... </td> </tr> <tr> <td style="background-color: #ffe6e6; padding: 5px; text-align: center;">Khai thác nguồn nước</td> <td style="padding: 0 10px;">}</td> <td style="padding: 5px;"> <ul style="list-style-type: none"> ➢ Cấp nước phục vụ sinh hoạt và công nghiệp, v.v.. </td> </tr> <tr> <td style="background-color: #ffe6e6; padding: 5px; text-align: center;">Kiểm soát ngập lụt</td> <td style="padding: 0 10px;">}</td> <td style="padding: 5px;"> <ul style="list-style-type: none"> ➢ Cải thiện dòng sông, xây dựng đập nước và các công trình kiểm soát silt mìn, v.v.. </td> </tr> <tr> <td style="background-color: #ffe6e6; padding: 5px; text-align: center;">Khác</td> <td style="padding: 0 10px;">}</td> <td style="padding: 5px;"> <ul style="list-style-type: none"> ➢ Xây dựng đường xá, cảng, công viên, v.v.. </td> </tr> </table>	Bảo tồn	}	<ul style="list-style-type: none"> ➢ Phát triển hệ thống thoát nước ➢ Phát triển các công trình xử lý chất thải rắn ➢ Quan trắc chất lượng nước, v.v... 	Khai thác nguồn nước	}	<ul style="list-style-type: none"> ➢ Cấp nước phục vụ sinh hoạt và công nghiệp, v.v.. 	Kiểm soát ngập lụt	}	<ul style="list-style-type: none"> ➢ Cải thiện dòng sông, xây dựng đập nước và các công trình kiểm soát silt mìn, v.v.. 	Khác	}	<ul style="list-style-type: none"> ➢ Xây dựng đường xá, cảng, công viên, v.v..
Bảo tồn	}	<ul style="list-style-type: none"> ➢ Phát triển hệ thống thoát nước ➢ Phát triển các công trình xử lý chất thải rắn ➢ Quan trắc chất lượng nước, v.v... 											
Khai thác nguồn nước	}	<ul style="list-style-type: none"> ➢ Cấp nước phục vụ sinh hoạt và công nghiệp, v.v.. 											
Kiểm soát ngập lụt	}	<ul style="list-style-type: none"> ➢ Cải thiện dòng sông, xây dựng đập nước và các công trình kiểm soát silt mìn, v.v.. 											
Khác	}	<ul style="list-style-type: none"> ➢ Xây dựng đường xá, cảng, công viên, v.v.. 											

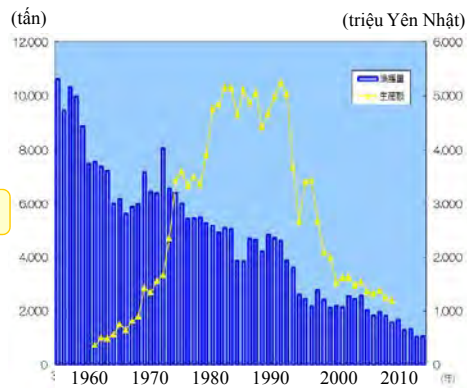
4

Kế hoạch mẹ hồ (Giai đoạn thứ nhất) (1999~2010)

- ❖ Kế hoạch phát triển hồ Biwa tập trung vào nội dung phát triển hệ thống thoát nước, giảm hiện tượng hạn hán và ngập lụt và phát triển hạ tầng khác.
- ❖ Mặt khác, phát hiện những vấn đề mới phát sinh như thay đổi hệ sinh thái hồ Biwa và suy giảm tài nguyên thiên nhiên.



Xu hướng đánh bắt và sản lượng



5

Kế hoạch mẹ hồ (Giai đoạn thứ nhất) (1999~2010)

- ❖ Kế hoạch mẹ hồ 21 có chủ đề “hồ Biwa và con người cùng tồn tại” được xây dựng dựa vào kế hoạch trước đó, có định hướng phát triển:

Nguyên tắc đề dẫn

Hồ Biwa và con người cùng chung sống
(Giao lại cho các thế hệ mai sau một hồ Biwa trong sạch)

Bảo vệ chất lượng nước

Giảm tải lượng ô nhiễm đổ vào hồ ở nửa cuối của những năm 1960

Tăng năng lực bảo tồn nguồn nước

Giữ đủ diện tích rừng và đất nông nghiệp để bảo tồn nguồn nước nhờ tác dụng thấm thấu nước mưa

Bảo tồn môi trường thiên nhiên và cảnh quan

Bảo tồn vùng lõi nhờ phát triển mạng lưới sinh cảnh, duy trì bền vững hệ sinh thái khu vực

6

Kinh nghiệm và biện pháp hành chính trong Kế hoạch mẹ hồ (Giai đoạn thứ nhất) (1999~2010)



❖ Bảo tồn bãi lau sậy

Duy trì cảnh đẹp độc nhất vô nhị của hồ Biwa, bảo vệ hệ sinh thái và bảo tồn, khai thác hiệu quả khu vực bãi lau sậy



❖ Thúc đẩy giáo dục môi trường

Thực hiện giáo dục môi trường thông qua tài liệu được thiết kế cụ thể về môi trường liên quan



❖ Ruộng lúa phát huy chức năng như “cái nôi” nuôi cá

Con người và sinh vật cùng chung sống, phục hồi các ruộng lúa và chức năng thoát nước đóng vai trò như sinh cảnh cho các loài cá và thủy sinh vật.

Kế hoạch mẹ hồ (Giai đoạn thứ nhất) (1999~2010)

- ❖ Kế hoạch mẹ hồ 21 (giai đoạn thứ nhất) đã chưa đạt được mục tiêu đặt ra.
- ❖ Những tồn tại được chuyển tiếp giải quyết trong giai đoạn thứ 2

Bảo vệ chất lượng nước

Giảm tải lượng ô nhiễm đổ vào hồ ở nửa cuối của những năm 1960

- Đã đạt được hầu hết các mục tiêu nhưng chưa đạt tiêu chuẩn môi trường
- Các chất hữu cơ phân hủy chậm vẫn gia tăng
- Cân bằng chất (N, P) dần thay đổi

Tăng cường năng lực bảo tồn nguồn nước

Giữ đủ diện tích rừng và đất nông nghiệp để bảo tồn nguồn nước nhờ tác dụng thấm thấu nước mưa

- Chưa đạt được tất cả các chỉ tiêu
- Để đạt được mục tiêu, kế hoạch đã cần nhắc cần duy trì giữ đất và diện tích rừng ở điều kiện tốt phục vụ mục đích bảo tồn nguồn nước.

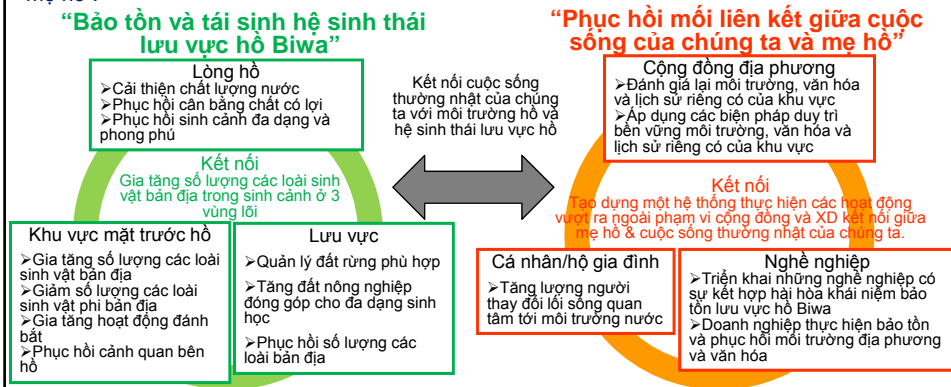
Bảo tồn môi trường thiên nhiên và cảnh quan

Bảo tồn vùng lõi nhờ phát triển mạng lưới sinh cảnh, duy trì bền vững hệ sinh thái khu vực

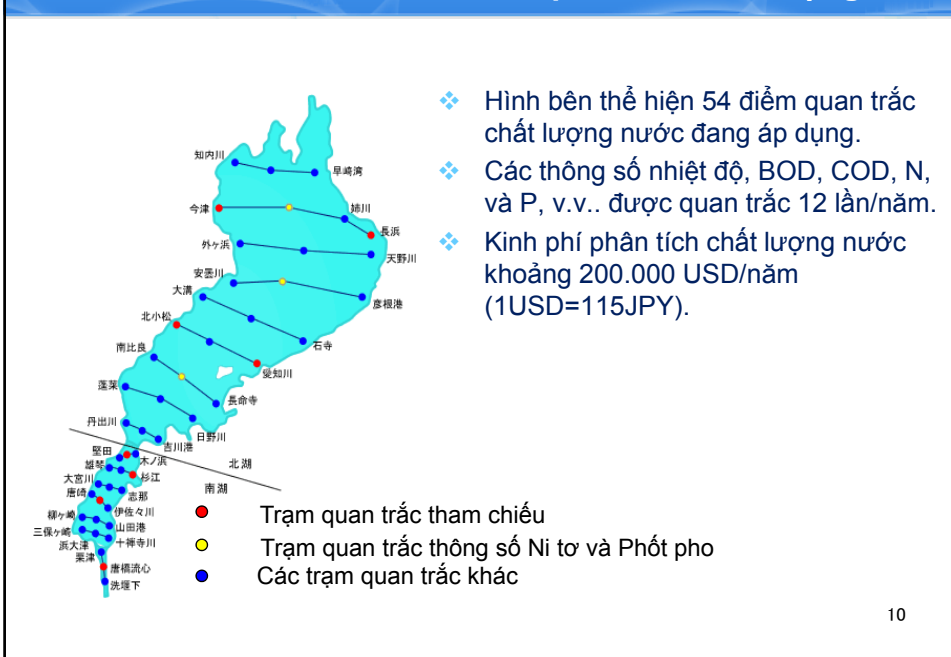
- Vừa vận cán đích chỉ tiêu đặt ra.
- Cần thực hiện các hoạt động phục hồi môi trường tốt trong khu vực chuyển tiếp sinh thái.
- Các vấn đề chính yếu cần giải quyết liên quan tới sự phát triển quá mức của các loại rong tảo và sự thay đổi các loài thực vật phù du vượt trội.

Kế hoạch mẹ hồ (Giai đoạn thứ hai) (2011~2020)

- ❖ Kế hoạch mẹ hồ 21 (Giai đoạn thứ 2) đặt ra 2 nguyên tắc gồm “Bảo tồn và tái sinh hệ sinh thái lưu vực hồ Biwa” và “Phục hồi mối liên kết giữa cuộc sống của chúng ta và mẹ hồ”.
- ❖ Ba trụ cột gồm “Bảo vệ chất lượng nước”, “Tăng cường năng lực bảo tồn nguồn nước”, và “Bảo tồn môi trường thiên nhiên và cảnh quan” đã được tích hợp thành một nội dung: “Bảo tồn và tái sinh hệ sinh thái lưu vực hồ Biwa”.
- ❖ “Lòng hồ”, “Khu vực trước mặt hồ” và “Lưu vực” được coi là “Ba môi trường lõi” và lợi ích từ việc kết nối ba môi trường lõi này được đặc biệt chú trọng.
- ❖ Ngoài ra, kế hoạch cũng đề xuất nội dung “Phục hồi mối liên kết giữa cuộc sống của chúng ta và mẹ hồ”.



Tình hình quan trắc chất lượng nước



Công bố thông tin kết quả quan trắc chất lượng nước

- Vai trò quan trọng trong việc công bố thông tin kết quả quan trắc: Để cùng chia sẻ những tồn tại với doanh nghiệp và người dân để thực hiện những biện pháp cải thiện môi trường nước, công bố kết quả quan trắc là quan trọng.
- Phương pháp công bố thông tin tỉnh Shiga áp dụng có tính chất đặc biệt và được cân nhắc kỹ lưỡng.
- Tính đến năm 2003, các sách công bố có số trang từ 200-300 trang. Từ năm 2004, để phục vụ người đọc, sách được tách thành phần nội dung chính và nội dung số liệu thu thập.
- Tổng cộng đã phát hành 7.000 cuốn nội dung chính Sách trắng và 280 cuốn nội dung số liệu thu thập. Những sách này được phát hành miễn phí.
- Tổng kinh phí phát hành khoảng 6.800 USD.



Sách trắng về vấn đề ô nhiễm 1973

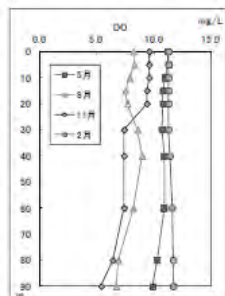
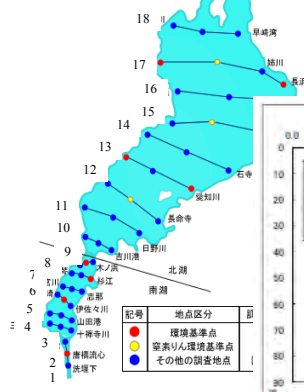
Cuốn nội dung chính
Cuốn dữ liệu



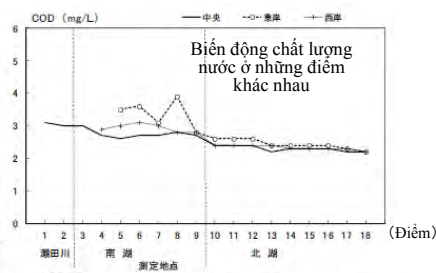
11

Tình hình quan trắc chất lượng nước

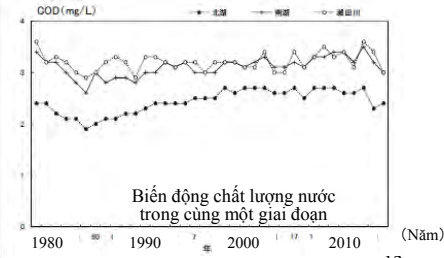
- Cuốn dữ liệu chứa đựng nhiều dữ liệu và kết quả phân tích thống kê trên các quan điểm khác nhau.
- Điều quan trọng là thu hút được càng nhiều người quan tâm và cùng chia sẻ những tồn tại vướng mắc.



Biến động chất lượng nước ở các độ sâu khác nhau



Biến động chất lượng nước ở những điểm khác nhau



Biến động chất lượng nước trong cùng một giai đoạn

12

Tình hình quan trắc chất lượng nước

- ❖ Tỉnh Shiga đã thành lập viện nghiên cứu môi trường hồ Biwa. Viện sử dụng kết quả quan trắc chất lượng nước trong nghiên cứu bảo vệ môi trường hồ Biwa và phản ánh kết quả trong các biện pháp hành chính của tỉnh Biwa.
- ❖ Viện nghiên cứu môi trường hồ Biwa sở hữu tàu “Biwakaze” phục vụ cho hoạt động khảo sát chất lượng nước. Trên tàu có trang bị các thiết bị phân tích và tàu có đủ điều kiện thực hiện hiệu quả hoạt động khảo sát chất lượng nước.



Viện nghiên cứu môi trường hồ Biwa



Tàu “BIWAKAZE” thuộc viện nghiên cứu tỉnh

13

Viện nghiên cứu môi trường hồ Biwa

- ❖ Lịch sử hình thành
 - Trung tâm vệ sinh môi trường (thành lập năm 1977)
Thuộc sở môi trường (đề quan trắc môi trường)
 - Viện nghiên cứu hồ Biwa (thành lập năm 1982)
Nghiên cứu quá trình hình thành chất lượng nước của hồ Biwa



↓
Thống nhất 2 viện nghiên cứu ghi trên để thành lập viện nghiên cứu môi trường hồ Biwa vào năm 1982.

Ngoài ra, thống nhất viện nghiên cứu thí nghiệm của trung tâm nghiên cứu về rừng (năm 2014)

- ❖ Công việc của trung tâm
 - Quan trắc
 - Quan trắc chất lượng nước của hồ Biwa, quan trắc khí quyển
 - Phân tích điều tra
 - Đánh giá rủi ro của các chất hóa học, môi trường đáy hồ (nước ở tầng đáy của vùng hồ phía Bắc)
 - Nghiên cứu vấn đề về chính sách
 - Chính sách bảo tồn các loại cá và đa dạng sinh học, quản lý rừng, chính sách xã hội có thể kế thừa, v.v
- ❖ Nhân viên (Chỉ bao gồm số cán bộ nghiên cứu điều tra, không bao gồm cán bộ hành chính sự nghiệp)
 - Giám đốc trung tâm và phó giám đốc trung tâm (1 người)
 - Cán bộ phân tích tổng hợp (nghiên cứu): 16 người
 - Cán bộ theo dõi (quan trắc) môi trường : 21 người



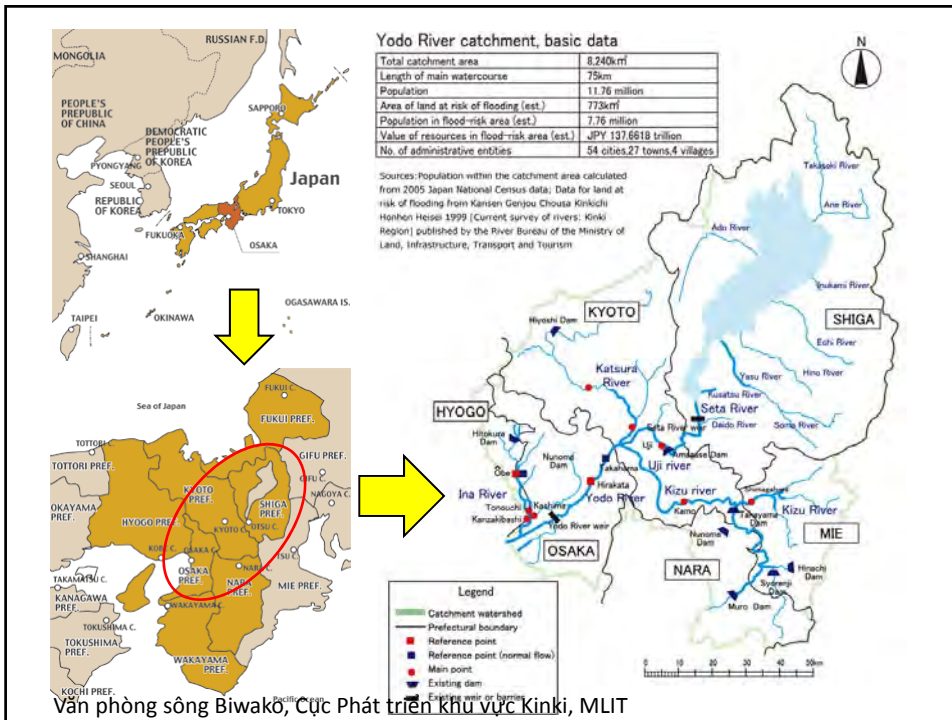
14

- ❖ Bài trình bày trên đây đã giới thiệu về bài học kinh nghiệm của tỉnh Shiga về bảo tồn chất lượng nước.
- ❖ Tỉnh Shiga mong muốn được hợp tác với tỉnh Quảng Ninh xây dựng một kế hoạch phù hợp cho Quảng Ninh.

Xin cảm ơn !

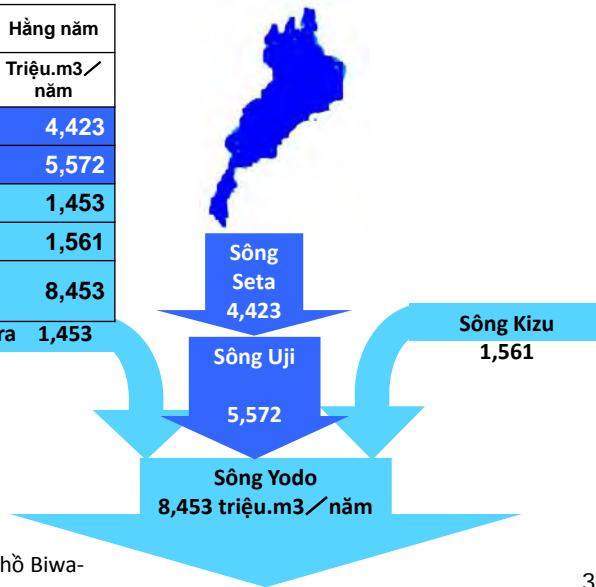
Biện pháp bảo vệ môi trường nước hồ Biwa

Ủy ban Quốc tế Hồ Môi trường (ILEC)
Toshiaki Kagatsume



Lưu lượng nước hồ Biwa – Lưu vực sông Yodo

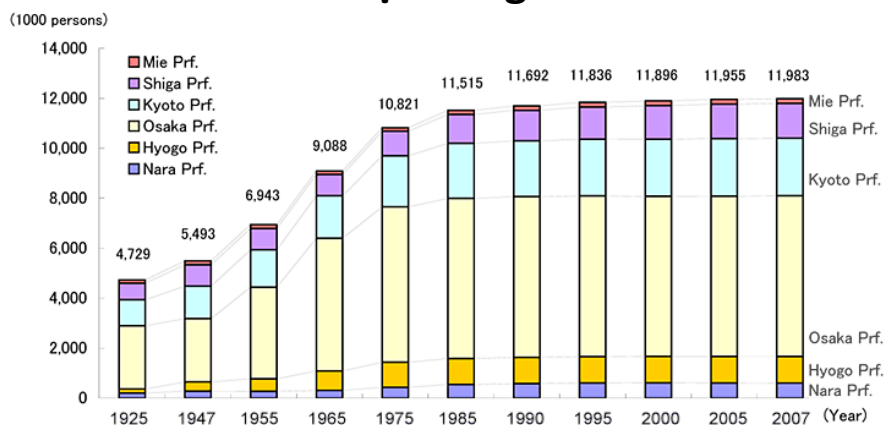
	Trung bình m ³ /s	Hàng năm Triệu.m ³ / năm
Sông Seta	136	4,423
Sông Uji	177	5,572
Sông Katsura	46	1,453
Sông Kizu	51	1,561
Sông Yodo dòng chính	267	8,453



Tổ chức Bảo tồn Chất lượng nước hồ Biwa-sông Yodo

3

Thay đổi dân số tại khu vực hồ Biwa – lưu vực sông Yodo

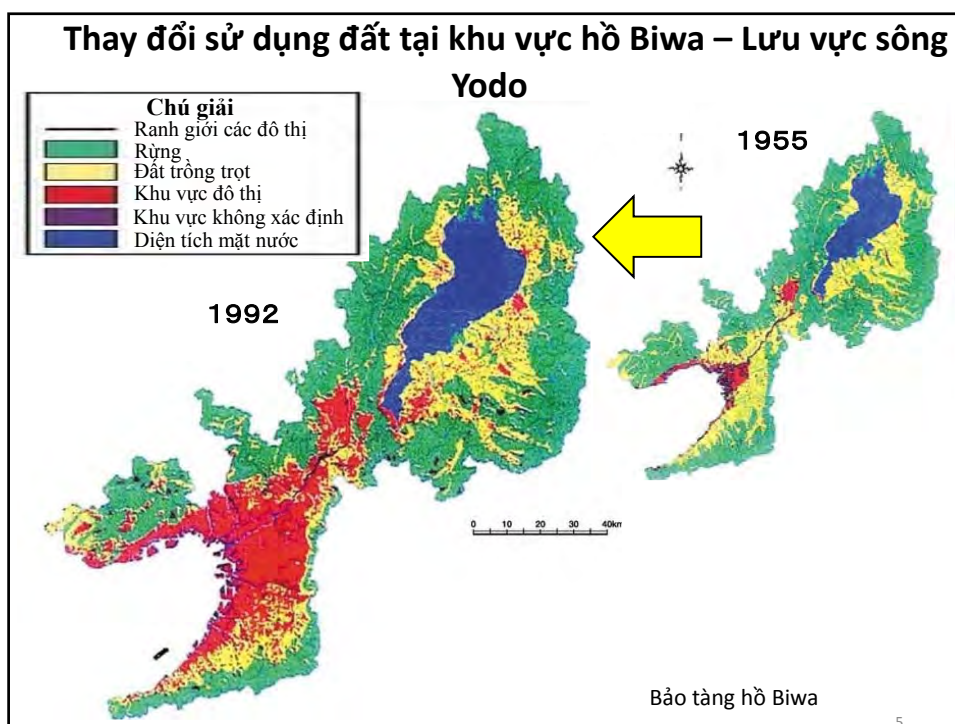


Changes in population of catchment area broken down by prefecture.

Note: This data has been compiled from statistics for all administrative entities in the Biwako - Yodo River catchment area. In some cases, part of the entity may lie beyond the watershed.

Source: Compiled from Japan national tax survey data; figures for 2007 are estimated.

In 2007 total for Mie Prf., from Tsu City only the population of what was formerly Misugi-mura is included. In Kyoto Prf., from Nantan City, only the population of what was formerly Miyama Town is included.



Các chính sách bảo vệ chất lượng nước

Năm 1969. Pháp lệnh kiểm soát phòng chống ô nhiễm được ban hành

Pháp lệnh yêu cầu các nhà máy và các cơ sở thương mại khác phải báo cáo với chính quyền tỉnh nếu xả nước thải vào nguồn nước công cộng hoặc gây ra tiếng ồn và phải tuân thủ các tiêu chuẩn xả nước thải và các giá trị kiểm soát tiếng ồn.

Năm 1972. Pháp lệnh đã được sửa đổi hoàn toàn, và các tiêu chuẩn xả thải nghiêm ngặt hơn đã được thiết lập

○ tiêu chuẩn khí thải nghiêm ngặt đối với kim loại nặng và các chất độc hại khác
 ○ một hệ thống giấy phép được thiết lập đối với các nhà máy sử dụng các chất độc hại.

○ tiêu chuẩn xả nước thải áp dụng đối với các nhà máy hoặc cơ sở thương mại có mức xả trung bình 30m³/ngày (hiện nay là 10m³/ngày) hoặc cao hơn.

Năm 1973. Tiêu chuẩn chất lượng môi trường “AA”- cấp cao nhất đối với hồ, đã được áp dụng cho hồ Biwa.

Hiện tượng phú dưỡng của hồ Biwa

Những năm 1950-1960

Bùng phát các loài thực vật phù du (tảo lục v.v...) và gây ra hồng hóc hoặc rối loạn hoạt động của các cơ sở lọc nước thuộc hệ thống cấp nước thành phố.

Trong năm 1969 và 1970 vấn đề nghiêm trọng về mùi và vị của nước đã xảy ra tại các thành phố Kyoto, Osaka và Otsu.

Biện pháp đối phó với hiện tượng phú dưỡng tại hồ Biwa

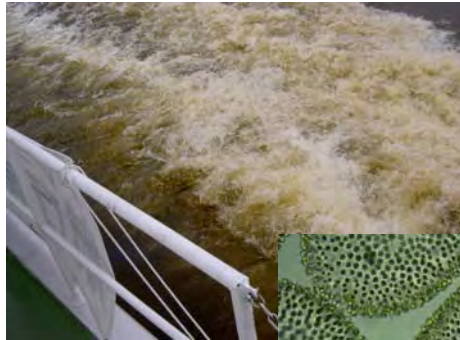
1973- Tiến hành điều tra và mô phỏng về hiện tượng phú dưỡng. Điều đã trở nên rõ ràng rằng Ni- tơ và Phốt pho là những yếu tố hạn chế gây nên hiện tượng phú dưỡng tại hồ Biwa.

1975- Thống đốc tỉnh Shiga tư vấn Hội đồng Nước về quy chế đối với Ni- tơ và Phốt pho trong nước thải của các nhà máy.

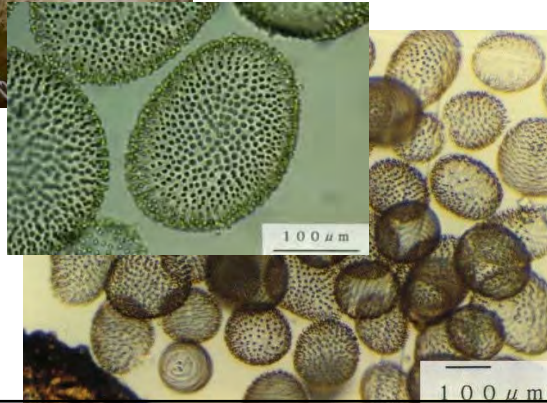
1977- Hiện tượng thủy triều đỏ nước ngọt đột ngột xuất hiện tại lưu vực phía Bắc hồ Biwa. Sự kiện này là hồi chuông báo động mạnh mẽ đối với công dân tỉnh Shiga.

1980- Pháp lệnh Kiểm soát phú dưỡng hồ Biwa được thực hiện
Pháp lệnh là hành động đầu tiên để kiểm soát phú dưỡng tại Nhật Bản. Pháp lệnh đặt ra tiêu chuẩn ni-tơ và phốt-pho trong nước thải công nghiệp cũng như nghiêm cấm sử dụng các chất tẩy rửa tổng hợp có chứa phosphate tại Shiga.

Thủy triều đỏ nước ngọt



Uroglena americana



PR (Quan hệ công chúng) về Pháp lệnh



Chiến dịch dùng xà phòng



当時、主婦たちが石けん運動の中心になった

Kết quả và ảnh hưởng của Pháp lệnh phòng chống hiện tượng phú dưỡng hồ Biwa

- Phục hồi chất lượng nước các sông chảy vào hồ: T-N.T-P
- Chặn đứng tiến trình phú dưỡng hồ Biwa (Giảm T-N.T-P.COD)
- Nhấn mạnh vào quản lý môi trường trở thành nguyên tắc chủ đạo của Chính quyền tỉnh Shiga
- Hội nghị Hồ thế giới được tổ chức (1984). Ủy ban Quốc tế Hồ môi trường (ILEC) được thành lập (1986)
- Tàu trường học “Umi-no-ko{Những đứa con của hồ Biwa}” được xây dựng năm 1983
- Shiga đứng đầu tuân thủ tiêu chuẩn ISO14001 và Mua sắm Xanh
- Xúc tiến Nông nghiệp đề cao ý thức Môi trường
- Đứng đầu sử dụng rộng rãi chất tẩy rửa hộ gia đình không có phot pho
- Đứng đầu sửa đổi Luật Kiểm soát phòng chống ô nhiễm nước v.v...

Hội nghị Hồ Thế giới

1984 Tỉnh Shiga tổ chức hội nghị Hồ Thế giới lần thứ nhất, tập hợp các nhà nghiên cứu, Chính phủ và người dân.

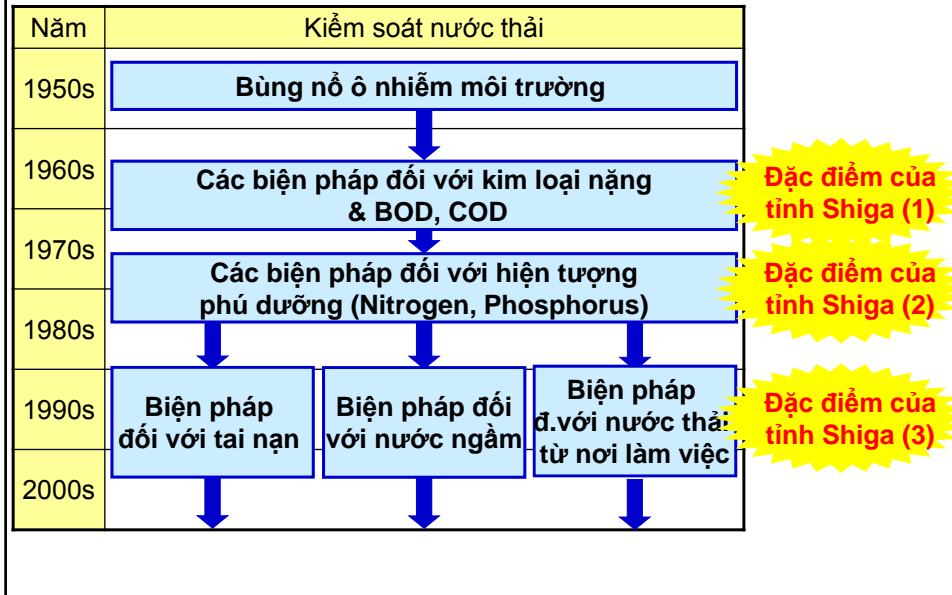
1986 Thành lập ILEC

2014 Hội nghị Perugia lần thứ 15

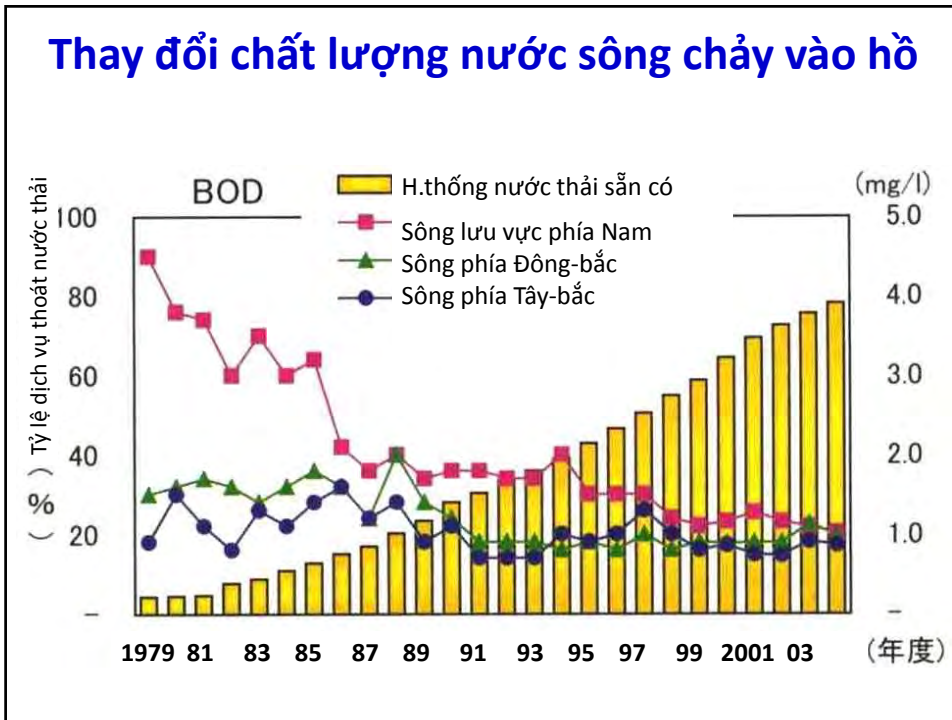
13th 1-5 Nov. 2009
Vũ Hán, T.Quốc



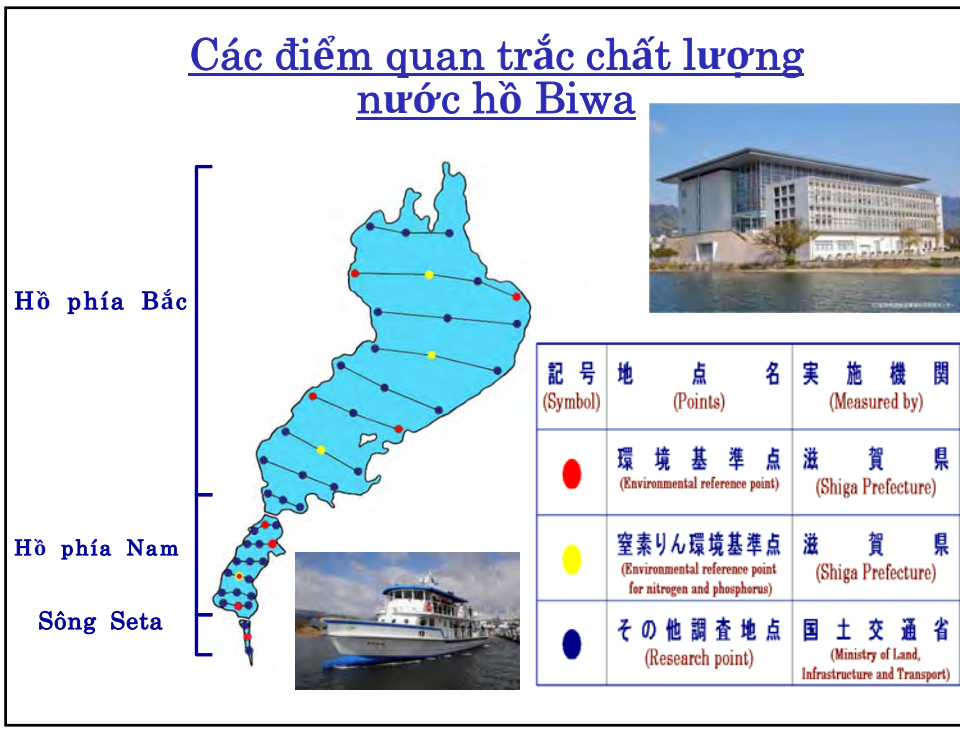
Lịch sử về kiểm soát nước thải tại tỉnh Shiga



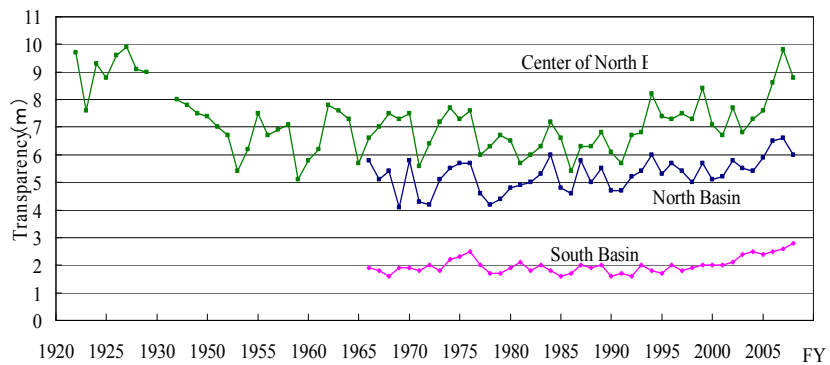
Thay đổi chất lượng nước sông chảy vào hồ



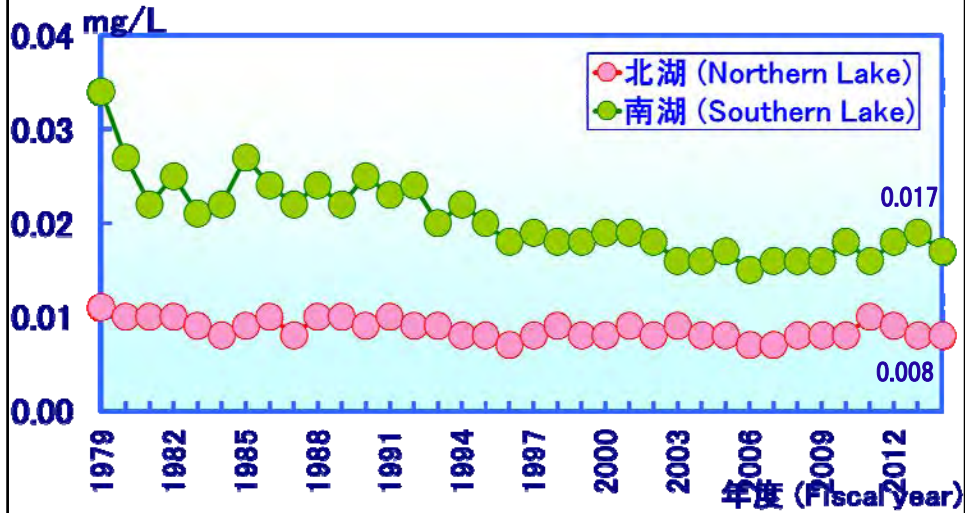
Các điểm quan trắc chất lượng nước hồ Biwa



Thay đổi độ trong của nước hồ Biwa

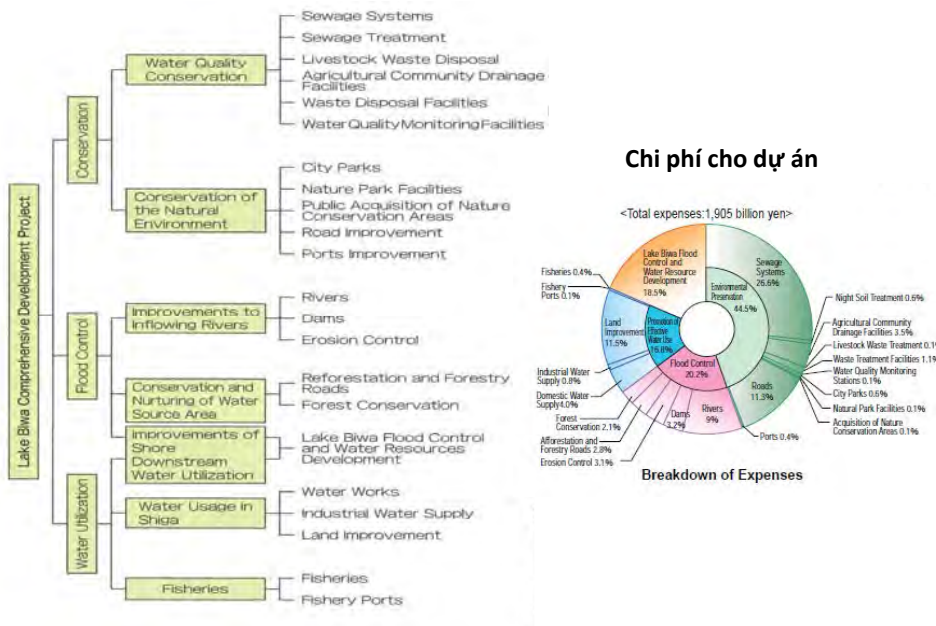


Xu hướng hằng năm của T-P



データ: 国土交通省近畿地方整備局琵琶湖河川事務所、水資源機構、滋賀県琵琶湖環境科学センター

Dự án Phát triển toàn diện Hồ Biwa



Lụt lội nặng nề nhất tại khu vực bờ hồ Biwa, 1896 (+3.76m)

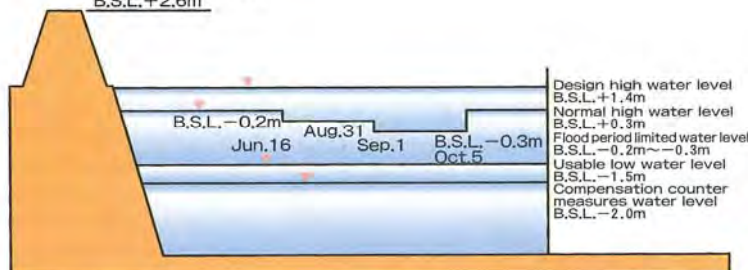
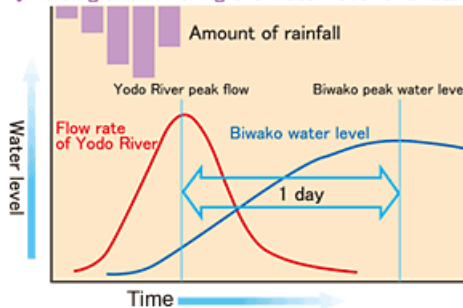


Kiểm soát lụt lội tại lưu vực



Crown of lake levee
B.S.L.+2.6m

◆ Raising and lowering the water level of Biwako



Văn phòng sông Biwako, Cục Phát triển khu vực Kinki, MLIT

Biện pháp kiểm soát lụt lội tại hồ Biwa



Thiết kế ở
mức nước
cao
B.S.L.+1.4m
B.S.L.±0.0m



Trạm bơm thoát nước
mưa



Phòng Phát triển tích hợp Vận hành và Bảo dưỡng Hồ Biwa, Cơ quan Nước Nhật Bản

Bảo vệ Chất lượng nước Can thiệp kỹ thuật chống lại hiện tượng phú dưỡng

Hệ thống thoát nước thải



Nhà máy XLNT Tohoku-bu



Nhà máy XLNT Konan-chubu

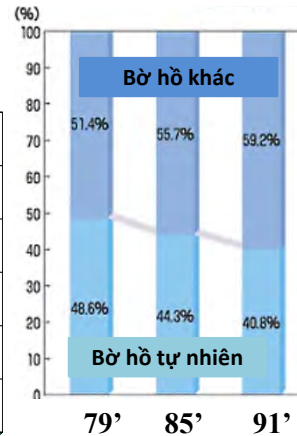
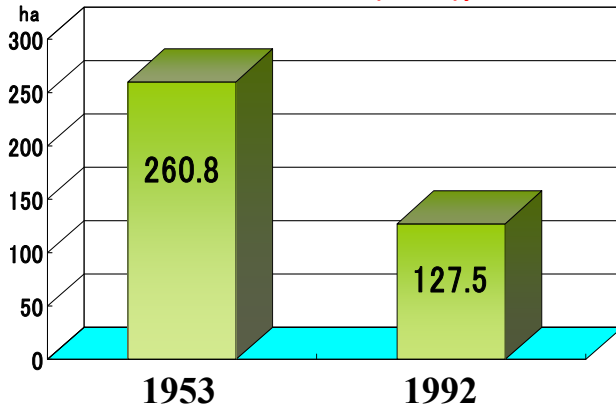
Sự xuống cấp của môi trường bờ hồ



thách thức

Suy giảm của tự nhiên bờ hồ

Giảm các loại lau sậy



23

Điều luật về "Quy tắc và Quy định để bảo tồn các loài lau sậy"



Bảo vệ

Nhằm gìn giữ một môi trường tốt cho các loài lau sậy, chúng tôi đã chỉ định các khu vực cần được bảo vệ như là những "khu vực để bảo tồn các loài lau sậy", và quy định rõ những gì con người được làm và không được làm trong những khu vực này.



Phát triển

ên cạnh nỗ lực của chúng tôi nhằm làm sống lại những loài lau sậy đã mất, chúng tôi cũng sẽ cố gắng duy trì chúng bằng cách cắt lau sậy và giữ gìn cho khu vực sạch sẽ.

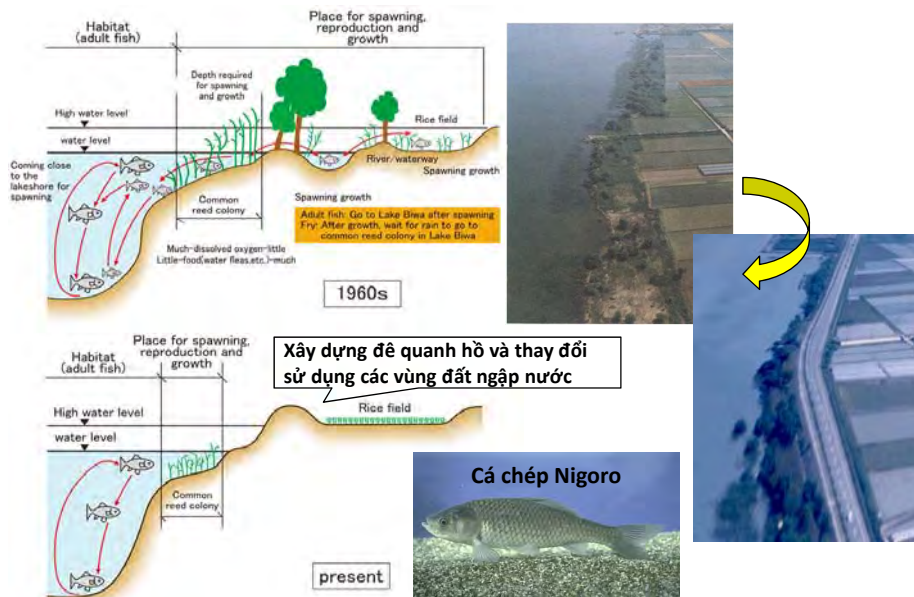
Sử dụng

Chúng tôi sẽ tham gia vào các hoạt động để tận dụng những lau sậy đã cắt trong cuộc sống hằng ngày.



24

Mất môi trường sống của các loài đặc hữu



Vườn phòng sông Biwako, Cục Phát triển khu vực Kinki, MLIT

Kế hoạch Mẹ hồ 21

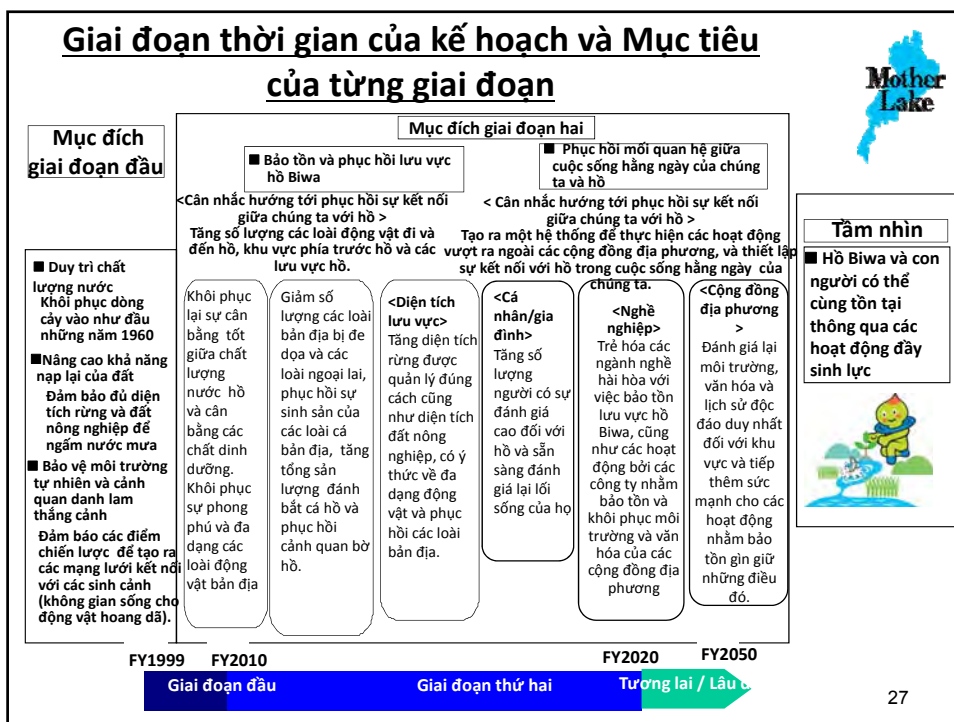
Kế hoạch bảo tồn toàn diện hồ Biwa



Ý tưởng cơ bản :
Sự cộng sinh giữa hồ Biwa và con người

Nguyên tắc cơ bản:

- **Đồng cảm**
(Sự nhận dạng về mặt cảm xúc rộng rãi giữa người dân và khu vực)
- **Cùng tồn tại**
(sự đồng vận giữa bảo tồn và lối sống năng động)
- **Tài sản chung**
(Chia sẻ hồ Biwa với thế hệ tương lai)



Pháp lệnh thúc đẩy ngành nông nghiệp đề cao ý thức môi trường



Dấu ủy quyền của “Sản phẩm nông nghiệp đề cao ý thức môi trường”



HỘI CHỢ THƯƠNG MẠI BIWAKO



Lần đầu tiên tổ chức vào năm 1998 và sau đó hằng năm, HỘI CHỢ THƯƠNG MẠI BIWAKO 1015 được tổ chức từ ngày 21-23/10
33.080 khách tham dự

Hệ thống Omi Eco-Foster



Hoạt động làm sạch, gồm các thành viên tham gia hệ thống Omi Eco-Foster

Mục tiêu: Làm sạch nơi công cộng bởi người dân và doanh nghiệp như những tình nguyện viên, với tình yêu và trách nhiệm để nâng cao nhận thức của công dân.

Thông báo: Khu vực công cộng dành cho các hoạt động mong muốn

Kết luận đồng ý với tỉnh Shiga.



Xin cảm ơn sự quan tâm chú ý của các bạn!

Biện pháp phát triển Công nghiệp bởi Chính quyền tỉnh Shiga

Naoya YAMAMOTO

Phòng Chính sách Thương mại và Công nghiệp
Sở Thương mại, Công nghiệp, Du lịch và Lao Động
Chính quyền tỉnh Shiga

Chủ đề thảo luận hôm nay

Chủ đề thảo luận hôm nay

- I. Các ngành công nghiệp trong tỉnh Shiga
 - II. Chính sách phát triển công nghiệp của tỉnh Shiga
 - III. Thực tiễn: Kinh doanh môi trường nước
 - IV. Thực tiễn: Du lịch
- Kết luận

I. Công nghiệp tại Shiga

Tỉnh Shiga tại Nhật Bản

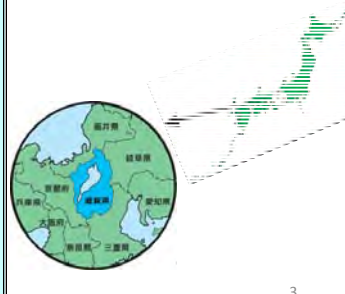


[Xếp hạng trong số 47 tỉnh]

- Dân số **1.413** nghìn người (2015) thứ **26**
- Diện tích **4.017.38**km² (2014) thứ **38**
- Tổng sản phẩm trên địa bàn **5,7695** nghìn tỷ. Yen (2012) thứ **23**
- Tổng sản phẩm bình quân đầu người **3.116** nghìn. Yen (2012) thứ **5**

➢ Một trong số ít tỉnh có dân số tăng tại Nhật Bản :

Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên:	0.03%	thứ 3
➢ Sự phong phú về tài sản văn hóa lịch sử:	818 items	thứ 4
➢ Yêu thích nghiên cứu :		
Số lượng sách mượn từ thư viện:	8.62 sách/người	thứ 1
➢ Công dân năng động :		
Tỷ lệ công dân đi tham quan một hoặc trên 1 lần/năm	79.0%	thứ 1
➢ Yêu thích cái mới:		
Tỷ lệ hộ gia đình có đ.thoại thông minh	70.0%	thứ 2
➢ Phát triển về tin học :		
Tỷ lệ hộ gia đình lắp đường truyền cáp quang	61.8%	thứ 1
➢ Nhiều tuyết tại khu vực phía Bắc :		
Tuyết dày nhất trên thế giới	11.82m	
➢ Có hồ lớn nhất và lâu đời nhất Nhật Bản	Hồ Biwa	



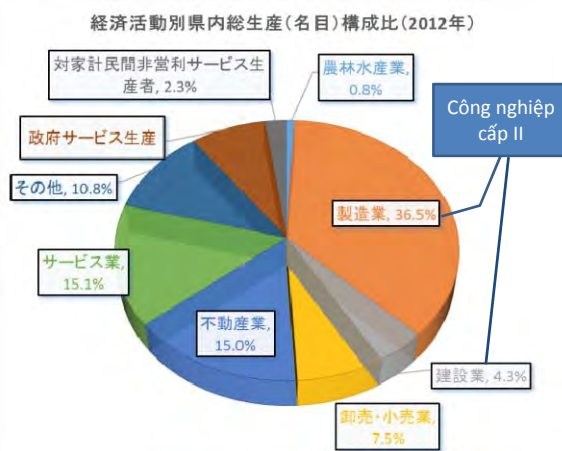
3

I. Công nghiệp tại Shiga

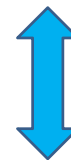
Đặc điểm các ngành Công nghiệp tại tỉnh shiga



- Tỉnh Shiga đứng thứ nhất về tỷ lệ Tổng sản phẩm trong tỉnh (GPP) đối với ngành công nghiệp cấp II (chế tạo, xây dựng) trong tổng GPP.



Tỉnh Shiga
40.9%















Trung bình tại Nhật
Bản 23.5%

Nguồn: Phòng Thống kê, tỉnh Shiga, 2012 và Văn phòng Nội các, Nhật Bản, 2012

4



 <p>Thiết bị điện ※ từ năm 1970</p>	 <p>Nhà ※ từ năm 1961</p>
 <p>Máy điều hòa nhiệt độ ※ từ năm 1970</p>	 <p>Thiết bị vệ sinh ※ từ năm 1962</p>
 <p>Xe ô tô ※ từ năm 1974</p>	 <p>Động cơ Diesel ※ từ năm 1942</p>
 <p>Lốp xe ô tô ※ từ năm 1968</p>	 <p>Bia ※ từ năm 1974</p>
 <p>Thiết bị máy in ※ từ năm 1988</p>	 <p>Mỳ ※ từ năm 1973</p>
 <p>Thiết bị y tế ※ từ năm 1977</p>	 <p>Văn phòng phẩm ※ Since 1980</p>

Công nghiệp tại Shiga **Phân loại các công ty và các nhà sản xuất** 

Doanh nghiệp lớn	<ul style="list-style-type: none"> ○ Hoạt động trên thị trường toàn cầu ○ Có nhiều cơ sở bao gồm các nhà máy mẹ và các trung tâm R&D
Doanh nghiệp sáng tạo vừa và nhỏ	<ul style="list-style-type: none"> ○ Có năng lực kỹ thuật, có khả năng thích ứng với nhiều lĩnh vực, và thu thập được những thông tin đáng tin cậy
Doanh nghiệp bản địa	<ul style="list-style-type: none"> ○ Có khả năng sử dụng được các nguồn lực tại địa phương như các tài sản văn hóa/lịch sử phong phú
Doanh nghiệp phục vụ tại địa phương	<ul style="list-style-type: none"> ○ Phục vụ cho cộng đồng địa phương, các nhu cầu hằng ngày cho việc chăm sóc trẻ em/người già, giáo dục và bán lẻ.

II. Chính sách phát triển Công nghiệp của tỉnh Shiga **Chuyển đổi các chính sách công nghiệp** 

Trước những năm 1950

- **Nông nghiệp**-Cơ cấu công nghiệp tập trung
- Với nguồn nước dồi dào từ hồ Biwa, **ngành công nghiệp dệt phát triển.**



1960s~70s : Kỹ nguyên phát triển kinh tế nhanh chóng

- Thu hút các nhà máy bằng việc phát triển **các khu công nghiệp**
- Xây dựng nhà máy bởi các **doanh nghiệp lớn** về điện tử/cơ khí
- Thiết lập các **doanh nghiệp vừa và nhỏ** để hỗ trợ cho dây chuyền cung ứng, dẫn đến sự tích tụ của ngành **công nghiệp chế biến và lắp ráp**



1980s~90s : Từ việc nâng cao về số lượng đến nâng cao về chất lượng

- Khuyến khích **các doanh nghiệp có định hướng R&D** (Nghiên cứu & Phát triển) bằng việc i) thiết lập trung tâm Nghiên cứu Công nghiệp Tích hợp của tỉnh, và ii) thu hút các cơ quan giáo dục về khoa học và công nghệ cao hơn



2000~ : Toàn cầu hóa và áp dụng Công nghệ thông tin

- Thúc đẩy **cộng tác Chính phủ-học viện-công nghiệp**. Khuyến khích các **ngành công nghiệp có giá trị gia tăng**(ngành môi trường, ngành phúc lợi và y tế, ngành du lịch, ngành sinh học, ngành CNTT)



II. Chính sách phát triển công nghiệp của tỉnh Shiga **Trung tâm nghiên cứu Công nghiệp tích hợp của tỉnh Shiga**



□ **Thành lập:** Năm 1985

* Được thống nhất với viện nghiên cứu ngành CN gồm vào năm 2009, và chuyển thành “**Trung tâm nghiên cứu Công nghiệp tích hợp của tỉnh Shiga**” như hiện nay.

□ **Sơ lược:**

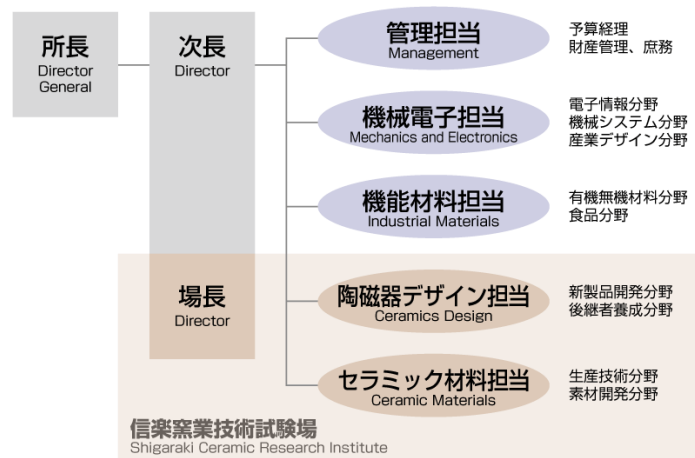
- ✓ Đây là cơ sở nghiên cứu/phát triển các thiết bị để phát triển nghiên cứu của các lĩnh vực rộng lớn và đa dạng như Điện tử, cơ khí, vật liệu hữu cơ/vô cơ, thực phẩm, thiết kế, ngành gốm, v.v
- ✓ Khuyến khích phát triển công nghệ để đáp ứng nhu cầu của ngành công nghiệp, chuyên giao công nghệ thành quả của quá trình phát triển đó;
- ✓ Chỉ đạo tư vấn về các sản phẩm mới và phát triển công nghệ mới;
- ✓ Phối hợp các thành phần Ngành CN-Trường Đại học-Chính quyền.

9

II. Chính sách phát triển công nghiệp của tỉnh Shiga **Trung tâm nghiên cứu Công nghiệp tích hợp của tỉnh Shiga**



Số cán bộ, công nhân viên: 33 người



平成24年(2012年)4月現在

10

II. Chính sách phát triển công nghiệp của tỉnh Shiga

Trung tâm nghiên cứu Công nghiệp tích hợp của tỉnh Shiga



□ Tư vấn kỹ thuật

Hỗ trợ miễn phí đối với tư vấn kỹ thuật cho các doanh nghiệp.

<Phương thức thực hiện>

- ✓ Tư vấn/hỗ trợ kỹ thuật bởi các cán bộ của trung tâm
- ✓ Chỉ đạo hướng dẫn kỹ thuật bởi các cán bộ giảng dạy ở trường đại học
- ✓ Phối hợp liên kết giữa doanh nghiệp và trường đại học

□ Cán bộ của trung tâm tới thăm các doanh nghiệp, trường đại học

Cán bộ của trung tâm tới thăm các doanh nghiệp, trường đại học để nắm rõ nhu cầu về công nghệ, và phối hợp ngành công nghiệp với các trường đại học ăn khớp với nhau hơn.

11

II. Chính sách phát triển công nghiệp của tỉnh Shiga

Trung tâm nghiên cứu Công nghiệp tích hợp của tỉnh Shiga



□ Sử dụng các thiết bị thí nghiệm

Đưa ra cho các doanh nghiệp khoảng 300 loại thiết bị phân tích thí nghiệm cần thiết cho việc phát triển sản phẩm mới và cải thiện công nghệ sản xuất, đồng thời hỗ trợ hướng dẫn phương pháp phân tích và tư vấn phân tích dữ liệu.

□ Phát triển nghiên cứu

Tiến hành phát triển nghiên cứu và nghiên cứu điều tra đáp ứng được nhu cầu của ngành công nghiệp và yêu cầu của xã hội.

□ Đào tạo nhân lực, bồi dưỡng kỹ thuật

Tổ chức các buổi tập huấn, hội thảo để phổ biến rộng rãi cho các doanh nghiệp về kết quả nghiên cứu, cách sử dụng kỹ thuật mới nhất, thiết bị mới. Ngoài ra, tiếp nhận các thực tập sinh từ các công ty, các trường đại học.

12

II. Chính sách phát triển công nghiệp của tỉnh Shiga

Trung tâm nghiên cứu Công nghiệp tích hợp của tỉnh Shiga



□ Phân tích thí nghiệm theo yêu cầu

Tiến hành thí nghiệm, phân tích theo yêu cầu của các doanh nghiệp như thí nghiệm độ mạnh của vật liệu công nghiệp, phân tích thành phần, v.v

□ Cung cấp thông tin kỹ thuật

Định kỳ gửi thông tin kỹ thuật thông qua các bản báo cáo, trang web

□ Phòng thí nghiệm cho thuê để phát triển kỹ thuật

Hoàn thiện, vận hành các phòng thí nghiệm phát triển kỹ thuật với mục đích bồi dưỡng, hỗ trợ cho các doanh nghiệp trong việc nâng cao năng lực kỹ thuật của doanh nghiệp, phát triển các lĩnh vực mới.

□ Tổ chức, điều hành các buổi hội thảo chuyên đề, các diễn đàn nghiên cứu

Tổ chức 8 viện nghiên cứu có mối quan hệ mật thiết với các trường đại học trong nước và là nơi để giao lưu trao đổi thông tin giữa ngành Công nghiệp-Trường Đại học và Chính quyền, đồng thời hỗ trợ tạo ra mạng lưới nhân lực, liên kết ngành Công nghiệp-Trường Đại học và Chính quyền. (lĩnh vực: gồm sứ, khoa học công nghệ về chất lượng, sản xuất bia/rượu, CNTT, thiết kế, nâng cao hiệu quả môi trường, phát triển sản phẩm thân thiện với môi trường, các công cụ chiếu sáng là đồ gốm)

13

II. Chính sách phát triển Công nghiệp của tỉnh Shiga

Thách thức phải đối mặt của công nghiệp tỉnh Shiga



{Tình hình Kinh tế - xã hội}

Nhật Bản : Dân số giảm và xã hội già hóa với gia đình sinh ít con hơn

Nước ngoài : Toàn cầu hóa nền kinh tế, mở rộng các thị trường mới nổi

{Những trở ngại dự đoán trước}


- Thu hẹp thị trường trong nước, thiếu hụt lực lượng lao động
- Cạnh tranh mãnh liệt với các sản phẩm hàng hóa nước ngoài
- Chuyển đổi từ sản xuất trong nước ra sản xuất ở nước ngoài, v.v...

{Thách thức}

- Làm thế nào để **sắp xếp lại tình hình tạo điều kiện cho các doanh nghiệp lớn tiếp tục chọn Shiga** là cơ sở sản xuất của họ
- Làm thế nào để **khích thích nhu cầu mới** trong và ngoài tỉnh Shiga, làm thế nào để **chấp nhận và vận dụng sự tăng trưởng kinh tế ở nước ngoài** vào tỉnh Shiga
- Làm thế nào để **phát triển quá trình lưu thông kinh tế (nguồn nhân lực, hàng hóa, tiền lương)** trong tỉnh Shiga
- Làm thế nào để tạo ra môi trường làm việc phù hợp với **các loại hình công việc đa dạng**: tầng lớp trẻ, phụ nữ và người già

Các điểm quan trọng!

14


II. Chính sách phát triển Công nghiệp của tỉnh Shiga **Đường lối chính sách phát triển công nghiệp** 

- Mở cửa và kích thích nhu cầu của cả thị trường trong nước và thị trường nước ngoài
- +
- Đổi mới lưu thông kinh tế trong tỉnh

(Các ngành công nghiệp dự báo sẽ là động lực tăng trưởng kinh tế của tỉnh Shiga)

- Ngành công nghiệp đang phát triển góp phần giải quyết các vấn đề trong nước và quốc tế
- Ngành công nghiệp sáng tạo sử dụng nguồn lực địa phương
- Ngành công nghiệp dựa vào công đồng để đảm bảo sinh kế an toàn

Nguồn: Tầm nhìn phát triển công nghiệp tại tỉnh Shiga, tháng 3/2015 15

II. Chính sách phát triển Công nghiệp của tỉnh Shiga **Năm(5) đổi mới phải được giải quyết một cách chọn lọc** 

Nguồn: Tầm nhìn phát triển công nghiệp tỉnh Shiga, tháng 3/ 2015

Đổi mới về nước, năng lượng và môi trường

Kinh doanh Môi trường nước

Đổi mới về y tế, sức khỏe và các dịch vụ phúc lợi

Đổi mới về sản xuất cao cấp

Đổi mới về tính hấp dẫn của FURUSATO (quê hương/ngôi nhà tâm linh)

Du lịch

Đổi mới về thương mại và OMOTENASHI (lòng hiếu khách)

Các đối tác khác nhau trong tỉnh Shiga (công nghiệp, doanh nghiệp, người dân)

Tạo ra giá trị mới
=> thay đổi tốt hơn đối với xã hội và sinh kế 16

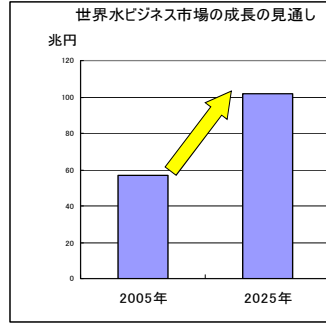
III. Thực tiễn :
Kinh doanh môi trường nước

Tiểu sử và tình hình



(1) Tình hình về tài nguyên nước và kinh doanh nước trên thế giới

- Nhu cầu nước ngày càng tăng do tăng dân số, tăng đô thị hóa và công nghiệp hóa, đặc biệt tại các nước châu Á.
- Ô nhiễm nước nghiêm trọng ngày càng trở nên rõ ràng tại các sông, hồ.
- Thị trường kinh doanh liên quan tới nước dự kiến sẽ được mở rộng, lên tới 100 ngàn tỷ Yên.



(2) Kinh doanh liên quan tới nước, thực hiện bởi chính quyền địa phương Nhật Bản

- Các thành phố mega tại Nhật Bản (Yokohama, Osaka, Kita-kyusyu, v.v...) đang mở rộng kinh doanh ra nước ngoài, về phát triển cơ sở hạ tầng cung cấp nước/nước thải với việc áp dụng những kinh nghiệm thu được trong vận hành, bảo dưỡng (OM) các cơ sở cũng như các mạng lưới được thiết lập bởi các hợp tác kỹ thuật quốc tế.

“Kinh doanh môi trường nước” đang được tỉnh Shiga mở rộng

- Không chỉ “Kinh doanh nước” nhằm mục đích thiết kế hoặc vận hành bảo dưỡng hệ thống cấp nước/nước thải, và xuất khẩu cơ sở hạ tầng để khử muối hoặc các phương tiện xử lý nước tiên tiến khác
- Mà “kinh doanh trong lĩnh vực môi trường nước” bao gồm Nghiên cứu và Phát triển (R&D) đối với các thiết bị xử lý nước, thiết bị phân tích/giám sát chất lượng nước, vận hành bảo dưỡng hiệu quả năng lượng các cơ sở xử lý nước thải, v.v... sẽ góp phần vào bảo vệ môi trường nước.

III. Thực tiễn :
Kinh doanh môi trường nước

Mô hình hồ Biwa




- ◆ Shiga có thể mạnh là tỉnh “Công nghiệp chế tạo”, tập trung nhiều nhà máy. Nguồn nước hồ Biwa được sử dụng rộng rãi cho mục đích sinh hoạt và công nghiệp, và **chất lượng nước hồ cho tới nay vẫn được duy trì ở mức độ thỏa đáng.**
- ◆ Công nghệ và bí quyết đã được tạo ra và tích lũy để bảo tồn môi trường nước, với sự cộng tác giữa người dân, các doanh nghiệp, các trường đại học và chính quyền địa phương.




**III. Thực tiễn :
Kinh doanh môi trường nước**

Diễn đàn Xúc tiến Kinh doanh Môi trường Nước tỉnh Shiga



Diễn đàn xúc tiến Kinh doanh Môi trường tỉnh Shiga được tổ chức để mở rộng cơ hội kinh doanh hoặc dự án kinh doanh bởi các doanh nghiệp có kết nối mạng, các viện Nghiên cứu và Phát triển (R&D), các trường Đại học và công dân. Diễn đàn được thiết lập vào tháng Ba năm 2013, nhằm mục đích: i) có nhiều ngành công nghiệp và các viện R&D hơn tham gia hoạt động liên quan tới môi trường, ii) xúc tiến kinh doanh môi trường nước thông qua áp dụng kiến thức tích lũy được từ kinh nghiệm bảo tồn môi trường nước tại hồ Biwa.

Diễn đàn Xúc tiến Kinh doanh môi trường nước tỉnh Shiga (130 tổ chức)

<p>Doanh nghiệp</p> <ul style="list-style-type: none"> ✓ Phân tích, dịch vụ ✓ Nhà sản xuất ✓ Nhà sản xuất nguyên liệu cơ bản/chỉ tiết ✓ Công nghiệp xây dựng ✓ Tư vấn 	<p>Các viện R&D, các trường Đại học</p>	
<p>Các tổ chức thuộc chính phủ</p>	<p>NPO/NGO</p>	

Ban thư ký: Phòng Chính sách Thương mại và Công nghiệp, Sở Thương mại, Công nghiệp, Du lịch và Lao động tỉnh Shiga

19

**III. Thực tiễn:
Kinh doanh môi trường nước**

Các hành động hiện tại



Hợp tác quốc tế (Hải phòng, Vietnam)



Triển lãm tại Hội chợ (VIETWATER)

Hội thảo tại Nhật Bản (Biwako environmental business messe)



Đoàn tham quan (Bộ Xây dựng, Vietnam)





Hợp tác kỹ thuật (Tainan city, Taiwan)



20

☐ **Tăng 25% các tổ chức / cơ sở kinh doanh môi trường nước**

Năm tài chính Nhật 2014 120 đơn vị

Năm tài chính Nhật 2019 150 đơn vị

☐ **Tạo cơ hội thương thảo trong kinh doanh môi trường nước**

Tổng số các trường hợp:

Năm TC Nhật 2015-2019 1.000 T.hop



Source: Comprehensive strategies to enrich Shiga starting depopulation

21

Sự kiện (Bắn pháo hoa hồ Biwako)



Tự nhiên của hồ Biwa



Tòa nhà có tính lịch sử (Hikone Castle)



Lễ hội Otsu



Du lịch sinh thái (Harie region)



Thể thao (Bóng nước)



Chùa (Chùa Hieizan Enryaku)



Ẩm thực đ.phương (Bia Omi)



Trải nghiệm văn hóa (Ninja)



Thể thao (Đạp xe)



Di tích lịch sử (Đường hào Yahata)



22

IV. Thực tiễn: Du lịch **Hiện trạng và tồn tại của ngành du lịch Shiga**



Điểm mạnh

- ❑ Tài nguyên du lịch dồi dào
- ❑ Dễ tiếp cận Shiga từ nơi khác
- ❑ Tập trung nhiều trường đại học
- ❑ Dân số tăng nhanh so với toàn quốc

Điểm yếu

- ❑ Chưa được nhận diện rộng rãi
- ❑ Đi lại trong tỉnh khó khăn
- ❑ Thiếu cơ sở lưu trú phục vụ khách nghỉ dài ngày
- ❑ Chưa nhận thức đầy đủ về OMOTENASHI (hiếu khách)

Tồn tại

- ❑ Đáng tiếc là Shiga vẫn chưa được biết đến rộng rãi về “đa dạng tiềm năng” tài nguyên du lịch
- ❑ Cần có các chính sách và hành động chiến lược xét đến quan điểm kích hoạt/phát triển vùng
- ❑ Cần tăng cường xúc tiến du lịch nhờ khai thác chính những đặc tính của Shiga
- ❑ Cần xây dựng và thực hiện các biện pháp hành chính tập trung cho những nhu cầu khác nhau của ngành du lịch
- ❑ Cần tạo dựng môi trường và tăng cường các tổ chức để áp dụng tư tưởng “OMOTENASHI” để phục vụ khách du lịch

Nguồn: Hướng dẫn thúc đẩy “trao đổi khách du lịch” ở tỉnh Shiga

IV. Thực tiễn: Du lịch **Chính sách thúc đẩy du lịch**



Chính sách quan trọng

Xây dựng cộng đồng tích cực thông qua “Trao đổi khách du lịch”
-Thăm cảnh đẹp, Được đón tiếp nồng hậu, Cộng đồng tích cực- Ba điểm tốt phục vụ du lịch”-

Mục tiêu và chiến lược quan trọng

Mục tiêu 1
Xây dựng nhận diện khu du lịch Shiga

Chiến lược

- ✓ Xây dựng và giới thiệu thương hiệu với các từ ngữ chính là hồ Biwa và Shiga
- ✓ Tăng cường cung cấp thông tin liên tục cho những đối tượng cụ thể

Mục tiêu 2
Xây dựng địa chỉ du lịch độc nhất thông qua tài liệu và quan điểm mạnh mẽ “Chỉ có Shiga”

Chiến lược

- ✓ Giới thiệu các đặc điểm của Shiga để mời gọi khách du lịch
- ✓ Thúc đẩy “Trao đổi khách du lịch” thông qua tăng lớp học sinh viên, người dân địa phương, v.v..

Mục tiêu 3
Xây dựng hệ thống thúc đẩy “Trao đổi khách du lịch” để giành được sự hài lòng của cả khách du lịch và người dân địa phương

Chiến lược

- ✓ Phát triển nguồn nhân lực phục vụ đón tiếp khách du lịch
- ✓ Phát triển căn cứ hướng tới thúc đẩy “Trao đổi khách du lịch”.

Thúc đẩy sự phối hợp giữa các bên

Tỉnh, Cục quản lý khách tham quan hồ Biwa, thành phố, tổ chức du lịch, doanh nghiệp du lịch, người dân, v.v..

Nguồn: Hướng dẫn thúc đẩy “trao đổi khách du lịch” ở tỉnh Shiga

IV. Thực tiễn: Du lịch **Các biện pháp hành chính hiện hành** 

Các biện pháp xây dựng thương hiệu “Biwaichi”

- ✓ “Biwaichi” nghĩa là “Vòng quanh hồ Biwa”
- ✓ Ý tưởng tham quan và trải nghiệm Shiga qua “Tour Biwaichi” của đơn vị du lịch và thiết kế tour tham quan Shiga.



Thu hút khách du lịch

- ✓ Thúc đẩy việc sản xuất phim, kịch, v.v... ở Shiga
- ✓ Cung cấp thông tin cho các nhà làm phim và dịch vụ làm thủ tục một cửa

Liên tục cung cấp thông tin cho đối tượng cụ thể

- ✓ Cung cấp thông tin trên trang web, mạng xã hội, v.v..
- ✓ Giới thiệu sự lôi cuốn của nét đẹp lịch sử, thiên nhiên, cuộc sống, ẩm thực, v.v... Qua kênh truyền thông đa phương tiện như truyền hình, tạp chí, mạng internet.



Thúc đẩy tour học tập nghiên cứu Nhật Bản

- ✓ Thúc đẩy tour học tập nghiên cứu Nhật Bản chủ yếu đến từ Đài Loan và các nước Đông Nam Á.

Thúc đẩy du lịch thông qua hợp tác khu vực

- ✓ Phối hợp với các tỉnh khác tổ chức các chuyến du lịch tìm hiểu miễn phí (famtrip) cho các hãng lữ hành, truyền thông, v.v...

Phát triển nguồn nhân lực phục vụ cho chương trình trao đổi khách du lịch


- ✓ Hỗ trợ tập huấn cho các hướng dẫn viên tình nguyện ở Shiga và phát triển nguồn nhân lực

Tạo dựng môi trường tiếp nhận khách du lịch quốc tế

- ✓ Phối hợp với doanh nghiệp in sách hướng dẫn cho khách du lịch quốc tế
- ✓ Thúc đẩy phát triển các điểm wifi miễn phí



25

IV. Thực tiễn: Du lịch **Mục tiêu hành chính** 

- **Tăng 20% lượng khách nghỉ ở Shiga**


2014	3,31 triệu lượt khách du lịch
2019	<u>4,00 Triệu lượt khách du lịch</u>

- **Tăng 6% lượng khách tham quan**

2014	46,75 triệu lượt
2019	<u>50,00 triệu lượt</u>

- **Tăng 7% thuế du lịch**

2014	157,9 tỷ Yên Nhật
2019	<u>170,0 tỷ Yên Nhật</u>



Source: Comprehensive strategies to enrich Shiga starting depopulation

26

Kết luận

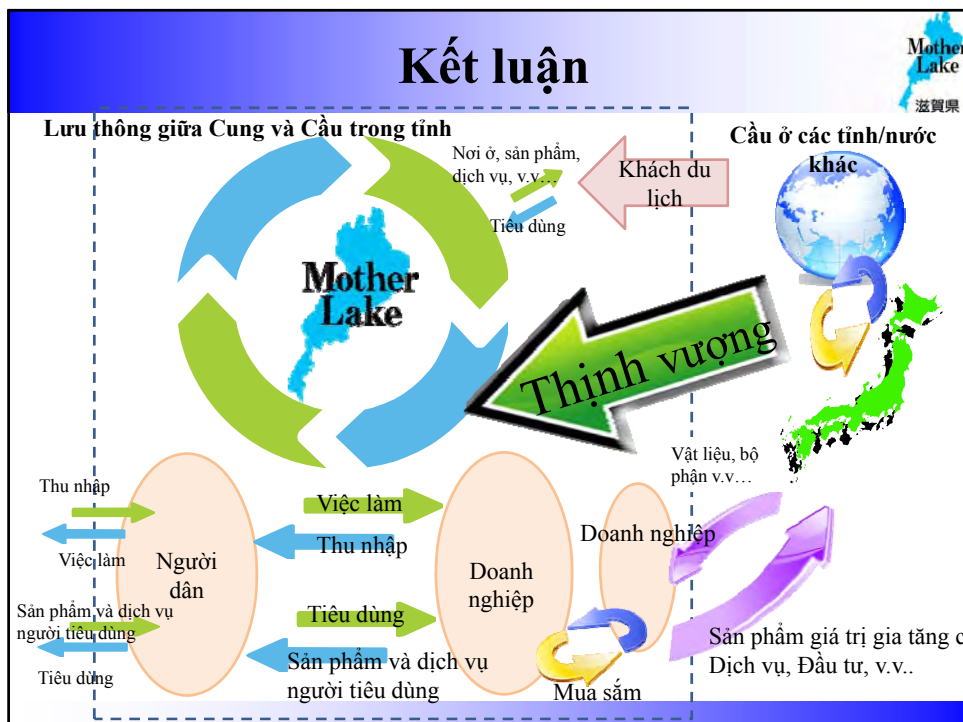


- Cơ cấu kinh tế và xã hội đang thay đổi ở Nhật Bản và các quốc gia khác do giảm gia tăng dân số, giảm tỷ lệ sinh và già hóa dân số, toàn cầu hóa, v.v..
- Cần phải kích cầu ở Nhật Bản và các quốc gia khác thông qua khai thác những điểm mạnh của tỉnh Shiga và tạo dựng, thúc đẩy ngành công nghiệp đang là “đầu tàu” của nền kinh tế tại Shiga.
- Điều quan trọng là cần tạo dựng xã hội lưu thông về nguồn nhân lực, hàng hóa, tiền bạc trong tỉnh Shiga, được mang đến từ Nhật Bản và các nước khác...



Xây dựng “Nền công nghiệp và việc làm tỉnh Shiga”, thông qua môi ràng buộc chặt chẽ của bộ máy tăng trưởng hướng tới lưu thông kinh tế trên toàn cầu và tại địa phương

Kết luận



Xin cảm ơn sự quan tâm của quý vị!

yamamoto-naoya@pref.shiga.lg.jp

Ủy ban nhân dân tỉnh
Quảng Ninh

Cơ quan hợp tác
quốc tế Nhật Bản 

**Hội thảo tập huấn về Tăng trưởng xanh và bài học kinh nghiệm
cho tỉnh Quảng Ninh**

Bài trình bày của Nhóm Chuyên gia JICA

**Giới thiệu về Dự án JICA và một số
Chủ đề**

Ngày 18 tháng 5 năm 2016

Nhóm Chuyên gia JICA

Công ty TNHH Nippon Koei phối hợp với
Ủy ban Quốc tế hồ môi trường (ILEC)

1

Nội dung trình bày

- (1) Giới thiệu về Dự án Hợp tác Kỹ thuật của JICA cho Thúc đẩy Tăng trưởng xanh tại Khu vực vịnh Hạ Long
- (2) Các chủ đề đề xuất:
Giới thiệu các khái niệm được áp dụng hoặc tùy chỉnh cho Dự án JICA tại khu vực Vịnh Hạ long.

2

Giới thiệu về Dự án HTKT của JICA cho Thúc đẩy Tăng trưởng xanh tại khu vực Vịnh Hạ Long

3

Thiết kế Dự án

Tiểu sử của Dự án trong khuôn khổ Hợp tác Kỹ thuật của JICA

- Chính phủ Việt Nam đã thiết lập Chiến lược Tăng trưởng xanh quốc gia (NGGS) vào năm 2012.
- UBND tỉnh Quảng Ninh đã thiết lập Kế hoạch HD TTX (GGAP) vào năm 2015 theo NGGS.
- UBND tỉnh Quảng Ninh đã đề nghị JICA hỗ trợ cho Dự án Thúc đẩy TTX tại khu vực vịnh Hạ Long, và hai bên đã đưa ra kết luận tại Biên bản Thảo luận (R/D).
- JICA đã bắt đầu khởi động Dự án Hợp tác Kỹ thuật từ tháng 10 năm 2015.

4

Thiết kế Dự án

Mục tiêu Dự án và Đầu ra được xác định trong Biên bản thảo luận Dự án (R/D)

< Mục tiêu tổng quát >

Thúc đẩy tăng trưởng xanh ở tỉnh Quảng Ninh thông qua quá trình chuyển đổi từ nền kinh tế Nâu sang Xanh

< Mục đích của Dự án >

Thúc đẩy tăng trưởng xanh khu vực vịnh Hạ Long thông qua thực hiện các chính sách môi trường bền vững trong các ngành trọng điểm và thực hiện chính sách phát triển ngành Du lịch

< Đầu ra 1 >

Đưa ra Khung chính sách và kế hoạch hành động ưu tiên để thực hiện tăng trưởng xanh khu vực vịnh Hạ Long thông qua điều chỉnh Kế hoạch Hành động Tăng trưởng xanh cấp tỉnh hiện có

< Đầu ra 2 >

Xây dựng và thực hiện thí điểm các chính sách bền vững môi trường và tài chính cho các ngành trọng điểm được chọn.

< Đầu ra 3 >

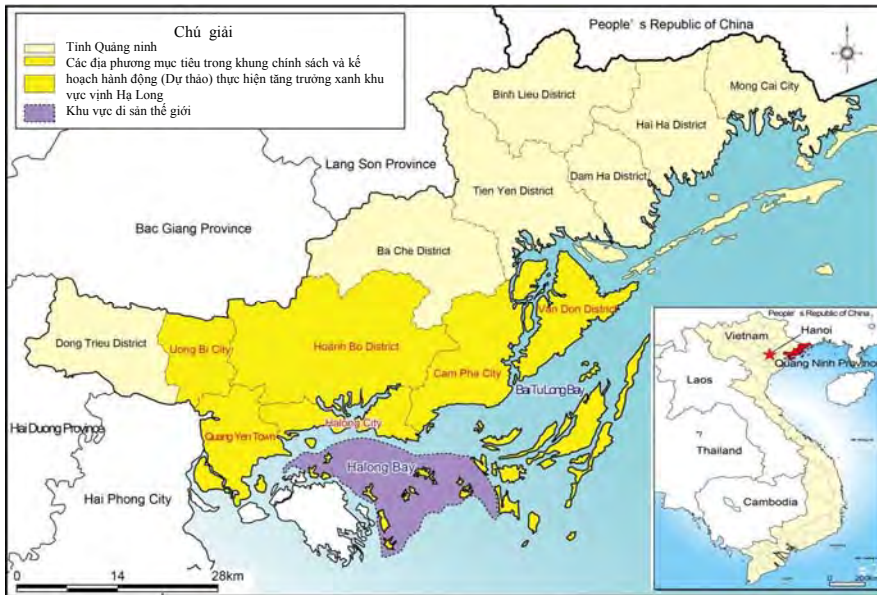
Thực hiện thí điểm các chính sách phát triển kích thích tăng trưởng du lịch bền vững

Khu vực vịnh Hạ Long:

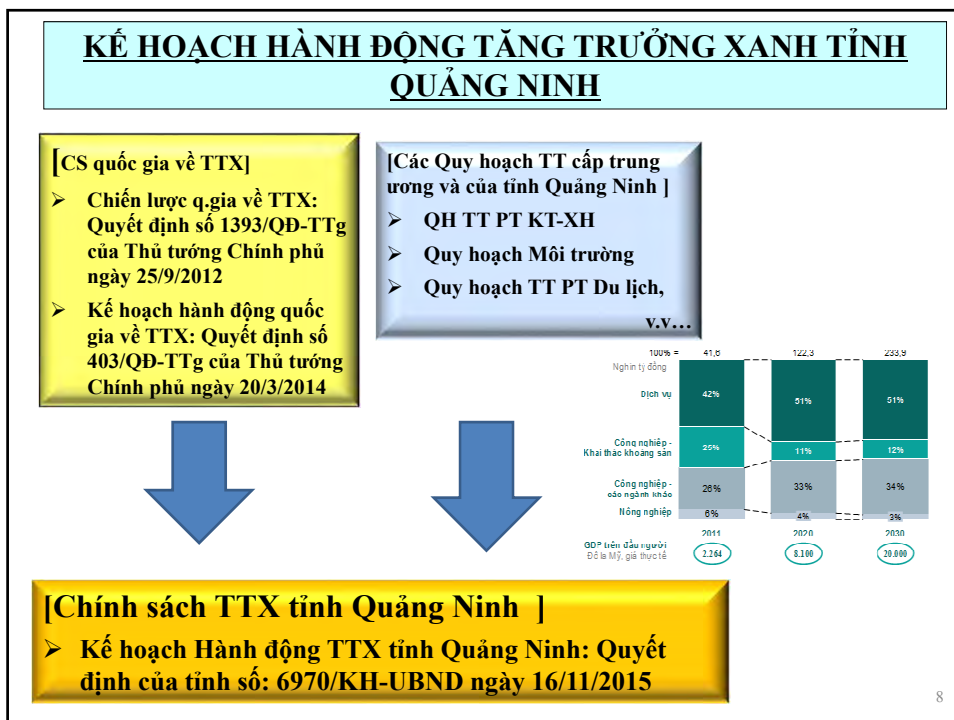
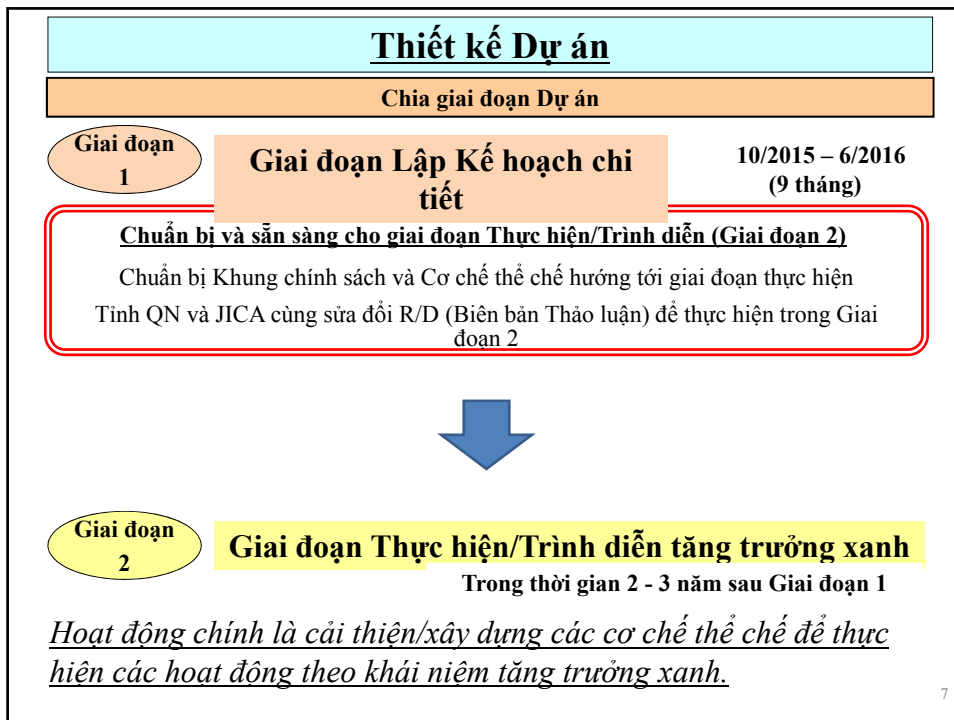
T.P Hạ Long, T.P Cẩm Phả, huyện Vân Đồn, huyện Hoành Bồ, thị xã Quảng Yên và T.P Uông Bí

5

Khu vực Dự án



6



Khái niệm và cách tiếp cận cơ bản của Dự án

Khái niệm của Dự án

Ch.lược quốc gia về Tăng trưởng xanh (9/2012)

Xanh hóa Phát triển Kinh tế-xã hội tại tỉnh Quảng Ninh

Phát triển và áp dụng trên toàn tỉnh

Kế hoạch Hành động Tăng trưởng Xanh tỉnh Quảng Ninh

Trụ cột chính của Xanh hóa

Phá vỡ sự phụ thuộc vào nền kinh tế nâu

Chuyển đổi sang nền kinh tế xanh

Tâm quan trọng của các hoạt động trong kh.vực Vịnh Hạ Long

Đạt được cả giảm tải lượng ô nhiễm và tăng trưởng kinh tế

Thúc đẩy ngành Du lịch bền vững

Làm nền tảng của Tăng trưởng xanh và Trình diễn

Mối đe dọa ô nhiễm môi trường gây ra bởi khai khoáng, nhà máy nhiệt điện, sản xuất vật liệu xây dựng v.v...

Mối đe dọa suy thoái các nguồn tài nguyên thiên nhiên và du lịch bao gồm cả di sản thế giới

Khu vực vịnh Hạ Long

9

Báo cáo Tiến độ Nghiên cứu

Hạng mục công việc	2015			2016		
	10	11	12	1	2	3
Họp Khởi động Dự án	●					
Hội thảo lần thứ nhất		●				
Phân tích hiện trạng	■					
Rà soát các chính sách tăng trưởng xanh	■					
Lựa chọn danh sách dài các hoạt động thí điểm			■			
Lựa chọn danh sách ngắn các hoạt động thí điểm				■		

Ghi chú: Tiến độ của Dự án tại thời điểm cuối tháng Ba năm 2016.

10

KHHĐ tăng trưởng xanh tỉnh Quảng Ninh

Các chỉ số được xác định trong KHHĐ tăng trưởng xanh tỉnh Quảng Ninh

Giảm cường độ phát thải khí nhà kính

- Giảm cường độ phát thải khí nhà kính đạt lượng giảm phát thải là 7,02 triệu tấn CO₂ tương đương vào năm 2020, tương ứng giảm 22,5% so với mức năm 2010.

Xanh hóa sản xuất

- a) Tỷ lệ các khu công nghiệp, cụm công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt yêu cầu 100%; 100% các cơ sở sản xuất kinh doanh mới trang bị các thiết bị xử lý chất thải đạt tiêu chuẩn môi trường.
- b) 80% các doanh nghiệp sản xuất trên địa bàn Tỉnh đạt tiêu chuẩn về môi trường; 50% các doanh nghiệp sản xuất trên địa bàn Tỉnh áp dụng các công nghệ sạch.
- Không phát sinh cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng trên địa bàn.
- 50% các doanh nghiệp trên địa bàn Tỉnh đạt cấp chứng chỉ quản lý môi trường (chứng nhận đạt tiêu chuẩn ISO 14001).

11

KHHĐ Tăng trưởng xanh tỉnh Quảng Ninh

Các chỉ số được xác định trong KHHĐ tăng trưởng xanh tỉnh Quảng Ninh

Xanh hóa lối sống và thúc đẩy tiêu dùng bền vững

- Tỷ lệ đô thị hóa loại III trở lên có hệ thống thu gom và xử lý nước thải đạt quy chuẩn 60%; các đô thị loại IV, loại V và các làng nghề đạt 40%.
- 100% các đô thị có diện tích cây xanh đạt tiêu chuẩn.
- Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị được thu gom và xử lý đạt 100%; Tỷ lệ chất thải rắn tại các điểm dân cư nông thôn và các làng nghề được thu gom và xử lý đảm bảo môi trường đạt 80%; 100% chất thải y tế được thu gom và xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường; Hình thành và phát triển ngành công nghiệp tái chế chất thải để tái sử dụng, phần đầu 30% chất thải thu gom được tái chế.
- Nâng cao chất lượng dịch vụ vận tải công cộng nội tỉnh, tỷ lệ sử dụng phương tiện vận tải công cộng tại các khu đô thị lớn và trung bình đạt 35 – 45%.
- Tỷ lệ che phủ rừng đạt 55%.

12

Những thách thức đối với các hoạt động thí điểm

- Các hoạt động thí điểm trong Dự án liên quan tới quản lý môi trường trong các ngành công nghiệp chế tạo cần được hỗ trợ bởi những cải thiện về cơ chế tài chính. Trong quá trình triển khai các hoạt động thí điểm này, dự kiến sẽ cần xây dựng cơ chế cấp vốn/ tài chính mới hoặc cần sửa đổi bổ sung những cơ chế tài chính hiện có.
- Kế hoạch hành động triển khai tăng trưởng xanh của tỉnh đặt mục tiêu giảm phát thải khí nhà kính. Trong ngữ cảnh này, các hoạt động quản lý và tiết kiệm năng lượng sẽ là những hoạt động phù hợp được ưu tiên chọn thí điểm, cả về quan điểm giảm phát thải khí nhà kính và đánh giá việc giảm phát thải.
- Định hướng nêu trong kế hoạch hành động tăng trưởng xanh của tỉnh chỉ rõ việc chuyển đổi mô hình tăng trưởng kinh tế từ các ngành truyền thống sang ngành dịch vụ, đặc biệt là ngành du lịch. Vì vậy, hoạt động thí điểm trong ngành du lịch trong khuôn khổ Dự án sẽ đáp ứng yêu cầu cả về hiện thực hóa định hướng tăng trưởng xanh của tỉnh và giải pháp đối với những trở ngại liệt kê ở trên.

13

Những thách thức đối với các hoạt động thí điểm

- Khái niệm tăng trưởng xanh là rất mới đối với chính quyền và người dân địa phương, và các bên liên quan cũng đưa ra nhiều ý tưởng về tăng trưởng xanh. Để có được một khái niệm chung về tăng trưởng xanh thông qua dự án, có đề xuất bao gồm các hoạt động thí điểm liên quan tới giáo dục và nâng cao nhận thức môi trường.
- Bên cạnh đó, ngành khai thác than trong tỉnh là ngành có đóng góp lớn cả về tăng trưởng kinh tế lẫn tải lượng ô nhiễm môi trường, và hiện trạng của ngành này đã được xem xét một cách sơ bộ. Tuy nhiên, ngành khai thác than được cho là không phù hợp để đề xuất là hoạt động ưu tiên trong Dự án, vì i) ngành này đang thuộc sự quản lý và điều hành của cấp quốc gia (chính quyền trung ương), ii) quy mô của các biện pháp đối phó sẽ là rất lớn và hầu như không thể kiểm soát được bởi các hoạt động thí điểm tăng trưởng xanh, và iii) bản thân ngành than đang có những nỗ lực rất lớn để quản lý tải lượng ô nhiễm của ngành.

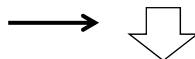
14

Quy trình lựa chọn các hoạt động thí điểm

**Khái niệm chung: QHTT PT KT-XH của tỉnh
Các quy hoạch khác
KH HĐTTX của tỉnh
Nghị quyết của tỉnh**

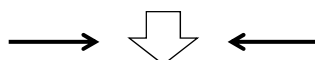
Mô hình hồ Biwa

Tiêu chí để lập danh sách dài



Lập danh sách dài

Tiêu chí để lập danh sách ngắn



Quy trình và giai đoạn thời gian đòi hỏi

Lập danh sách ngắn

15

Ví dụ: Tăng cường cơ chế cấp ngân sách và cơ chế tài chính cấp tỉnh cho Tăng trưởng xanh

Hạng mục	Nội dung
Mục tiêu và dự kiến kết quả/lợi ích	<ul style="list-style-type: none"> - Cải thiện cơ chế hoạt động của các quỹ hiện tại như Quỹ Bảo vệ Môi trường và Quỹ Phát triển Khoa học & Công nghệ, v.v... để tạo điều kiện sử dụng các quỹ tốt hơn cho quản lý môi trường và phát triển kinh tế - Xây dựng Chương trình Tăng trưởng xanh để tạo điều kiện tốt hơn cho việc phân bổ ngân sách cho tăng trưởng xanh
Đề cương của hoạt động (Dự thảo)	<p>Để thực hiện tăng trưởng xanh, nên tăng cường các cơ chế tài chính sử dụng cho các hoạt động liên quan tới tăng trưởng xanh. Hiện nay tỉnh Quảng Ninh đã có các quỹ để hỗ trợ cho công tác quản lý môi trường và phát triển kinh tế, ví dụ như Quỹ Bảo vệ Môi trường hoặc Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ. Để tạo điều kiện sử dụng các quỹ này tốt hơn, có khuyến nghị tiến hành các hoạt động cần thiết, ví dụ như việc cung cấp thông tin về các quỹ tới các doanh nghiệp và các bên có liên quan mục tiêu, cùng với việc hỗ trợ áp dụng. Ngoài ra, dựa vào kết quả xem xét các quỹ hiện tại, có đề xuất thực hiện cải thiện cơ chế hoạt động của các quỹ hiện tại và lập kế hoạch thực hiện thử nghiệm các cơ chế đó trong Giai đoạn 2 của Dự án, và trình lên cho UBND tỉnh. Sau khi được UBND tỉnh phê duyệt, sẽ thực hiện thử nghiệm các cơ chế cấp ngân sách đã được cải thiện đó.</p> <p>Việc tăng cường phân bổ ngân sách cấp tỉnh cũng đòi hỏi phải được thực hiện, do đó, đòi hỏi phải có một chương trình phân bổ ngân sách. Do đó, trong Giai đoạn 2 của Dự án, một Chương trình Tăng trưởng xanh sẽ được xây dựng nhằm đạt được các mục tiêu đối với nhiệm vụ Sản xuất Xanh trong KHHĐ TTX của tỉnh, ví dụ như tăng tỷ lệ doanh nghiệp tuân thủ các tiêu chuẩn xã thái.</p>

16

Ví dụ: Thúc đẩy cơ chế ưu đãi hỗ trợ quản lý và tiết kiệm năng lượng như dự án ESCO, cơ chế hỗ trợ tài chính, v.v...

Hạng mục	Nội dung
Mục tiêu và Dự kiến kết quả/lợi ích	<ul style="list-style-type: none"> - Thu thập kinh nghiệm trong việc lập kế hoạch và thực hiện các biện pháp hiệu quả năng lượng/ tiết kiệm năng lượng - Xác định những nguồn tài chính có sẵn để thực hiện các biện pháp hiệu quả năng lượng
Đề cương hoạt động (dự thảo)	<p>Tỉnh Quảng Ninh đã ban hành Quyết định số 708/QĐ-UBND về Chương trình Sử dụng Năng lượng Tiết kiệm và Hiệu quả trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2016 – 2020. Quyết định nhằm mục đích tiết kiệm từ 8 – 10% tổng năng lượng tiêu thụ so với dự báo nhu cầu năng lượng đã được nêu trong Quy hoạch Phát triển Điện lực Quốc gia (QH số 1208/QĐ-TTg ngày 21/7/2011). Ngành mục tiêu của quyết định là rất rộng, ví dụ như các doanh nghiệp công nghiệp, các tòa nhà thuộc nhà nước, ngành giao thông vận tải, chiếu sáng công cộng, và ngành nông nghiệp, v.v... Trong khu vực vịnh Hạ Long, các doanh nghiệp công nghiệp và các tòa nhà thuộc nhà nước có thể sẽ là những đối tượng mục tiêu chính về tiết kiệm năng lượng. Để thực hiện được chính sách tiết kiệm năng lượng, đối với những đối tượng này, có khuyến nghị thực hiện các hoạt động thí điểm về tiết kiệm năng lượng. Để thực hiện những hoạt động thí điểm này, cần phải xác định các nguồn tài chính sẵn có. Trong hoạt động thí điểm, các cơ chế tài chính hiện tại, ví dụ như dự án ESCO, cơ chế hỗ trợ tài chính v.v... sẽ được xem xét, và hoạt động thí điểm về hiệu quả và tiết kiệm năng lượng sẽ được thực hiện.</p>

17

Ví dụ: Cải thiện thông tin du lịch (Trung tâm Thông tin du lịch, trang web, bản đồ và lịch sự kiện, v.v..)

Tên mục	Nội dung
Mục tiêu và dự kiến kết quả / lợi ích	Mở rộng các hoạt động du lịch, ngành công nghiệp du lịch, các doanh nghiệp và dịch vụ du lịch trên địa bàn toàn tỉnh Quảng Ninh, đặc biệt là du lịch sinh thái.
Đề cương hoạt động (dự thảo)	<p>Hiện nay, thông tin du lịch tỉnh Quảng Ninh do nhiều đơn vị khác nhau cung cấp mà không có sự điều phối và hợp tác với nhau. Thực tế đó dẫn đến tình trạng không mời gọi được khách du lịch đi thăm các điểm du lịch khác hoặc đi khám phá các điểm tham quan đô thị hiện đã có ở Hạ Long. Việc cải thiện cung cấp thông tin du lịch dự kiến sẽ khuyến khích khách du lịch đi thăm nhiều điểm du lịch hơn, trải nghiệm nhiều hoạt động hơn và ở lại Quảng Ninh, bao gồm cả vịnh Hạ Long lâu hơn và chi tiêu nhiều hơn.</p> <p>Việc thiết lập một cơ chế chịu trách nhiệm quảng bá và xúc tiến du lịch dưới hình thức là một cơ quan duy nhất quản lý điểm đến là rất cần thiết, như mô tả cụ thể tại Quy hoạch Tổng thể Phát triển Du lịch tỉnh Quảng Ninh (Quyết định số: 1418/QĐ-UBND). Bởi việc thành lập một cơ quan mới phải cần có đủ thời gian để cân nhắc các vai trò trách nhiệm, tránh mâu thuẫn với các tổ chức hiện có, đề xuất bắt đầu bằng việc thiết lập một cơ chế phối hợp giữa các bên có liên quan để thử nghiệm tính hiệu quả và hiệu lực của cơ chế này. Thông qua quá trình thử nghiệm và phát hiện các lỗi trong quy trình hoạt động cung cấp các thông tin du lịch hiệu quả, các bên liên quan sẽ nhìn nhận rõ ràng hơn về vai trò, trách nhiệm cụ thể và sự sắp xếp tài chính của cơ quan quản lý điểm đến.</p>

18

Ví dụ: Xúc tiến Du lịch sinh thái thông qua khai thác các tài nguyên lịch sử/văn hóa (Yên Tử, Uông Bí, Quảng Yên)

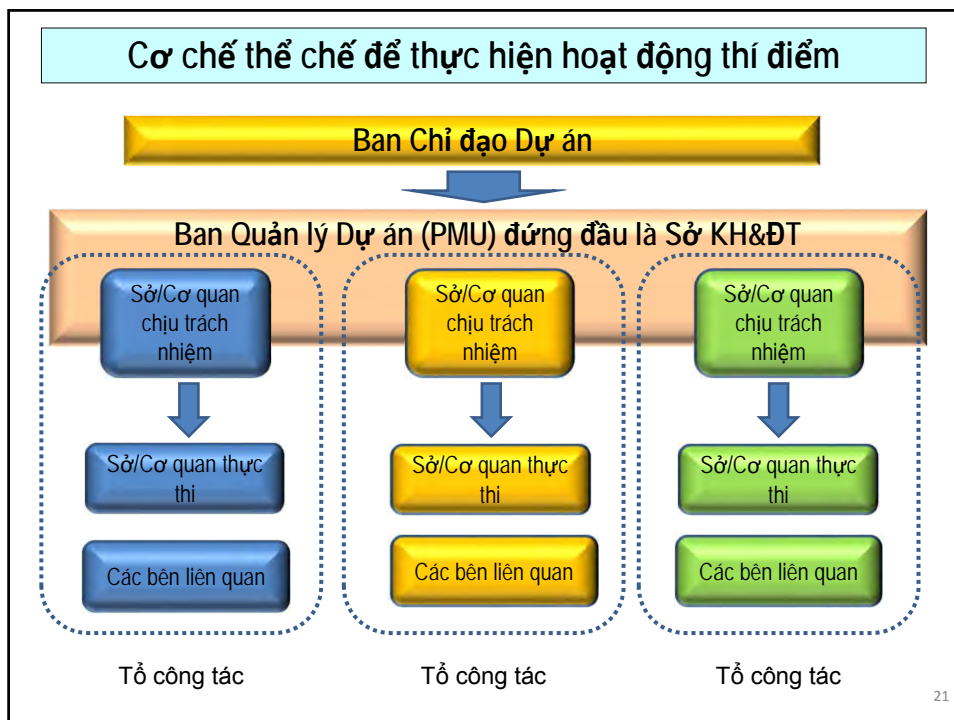
Tên mục	Nội dung
Mục tiêu và dự kiến kết quả / lợi ích	Các hoạt động du lịch đa dạng được phục vụ khách du lịch đến tham quan tỉnh Quảng Ninh. Tỉnh Quảng Ninh được thị trường du lịch thế giới nhận diện như một điểm đến du lịch sinh thái. Tạo thêm nhiều công ăn việc làm đa dạng trong ngành du lịch.
Đề cương hoạt động (dự thảo)	<p>Hiện nay, hoạt động du lịch trong khu vực vịnh Hạ Long chỉ tập trung vào khai thác các tour du lịch bằng tàu tham quan trên vịnh và các sản phẩm bổ sung trong khu vực vịnh. Tuy nhiên, số lượng tàu thuyền và khách du lịch tại các điểm tham quan phổ biến (các hang động, làng nổi, các đảo nhỏ, v.v...) vào giờ cao điểm lúc nào cũng tắc nghẽn. Kết quả là các hoạt động du lịch trên vịnh Hạ Long đang gần đạt tới điểm bão hòa. Đã tới lúc cần phải phát triển và xúc tiến các hoạt động du lịch bổ sung khác nhằm giảm bớt tác động tiêu cực tới vịnh Hạ Long cũng như góp phần tăng doanh thu du lịch nhờ quan tâm tới thị hiếu của khách du lịch hiện nay đi thăm vịnh Hạ Long.</p> <p>Bởi hầu hết du khách tới thăm vịnh Hạ Long đều quan tâm tới kỳ quan thiên nhiên độc đáo nên du lịch sinh thái cũng nên theo hướng đó. Tỉnh Quảng Ninh có nguồn tài nguyên du lịch tự nhiên, văn hóa, lịch sử dồi dào phong phú để có thể khai thác hiệu quả phục vụ du lịch sinh thái.</p> <p>Hoạt động thí điểm này sẽ nỗ lực nhằm thực hiện mục tiêu của Kế hoạch Hành động tăng trưởng Xanh của tỉnh Quảng Ninh (Quyết định số 6970/KH-UBND) thông qua việc nâng cao giá trị không những của tài nguyên rừng và rừng ngập mặn mà còn của các tài sản văn hóa lịch sử vật thể và phi vật thể cũng như các sản phẩm nông nghiệp của tỉnh.</p> <p>Thúc đẩy du lịch sinh thái cũng là nội dung được chú trọng trong Quy hoạch TT Phát triển Du lịch tỉnh Quảng Ninh (Quyết định số 1418/QĐ-UBND).</p>

19

Ví dụ: Thường xuyên công bố Báo cáo môi trường (Sách trắng)

Hạng mục	Nội dung
Mục tiêu và dự kiến kết quả / lợi ích	<ul style="list-style-type: none"> - Nâng cao sự hiểu biết về chiến lược tăng trưởng xanh và KH ĐĐ TTX của tỉnh - Nâng cao sự hiểu biết về tiến độ và hiệu quả của các biện pháp hành chính đối với giảm ô nhiễm, phát triển ngành du lịch, và hiện trạng môi trường khu vực liên quan đến tài nguyên du lịch. - Chia sẻ những thực tiễn tốt nhất và bài học kinh nghiệm thông qua thực hiện các hoạt động.
Đề cương hoạt động (dự thảo)	<p>Việc triển khai thực hiện tăng trưởng xanh thông qua hoạt động giảm tải lượng ô nhiễm và thúc đẩy phát triển ngành du lịch tỉnh Quảng Ninh đòi hỏi sự phối hợp của các bên liên quan, dựa trên hiểu biết chuẩn xác về quá trình thực hiện và hiệu quả của các biện pháp hành chính áp dụng đối với mục tiêu giảm tình trạng ô nhiễm, phát triển ngành du lịch, và hiện trạng môi trường của khu vực – là tài nguyên du lịch. Dự án đề xuất biện pháp nhằm đảm bảo sự hiểu biết chuẩn xác của các bên liên quan về những thông tin nêu trên thông qua báo cáo môi trường (sách trắng) được chính quyền địa phương thường xuyên công bố.</p> <p>Dự kiến báo cáo sẽ bao gồm những thông tin sau đây :</p> <ol style="list-style-type: none"> (a) Khái quát KH ĐĐ TTX của tỉnh và kết quả thực hiện theo các chỉ số, (b) Hiện trạng môi trường khu vực vịnh Hạ Long và những hạn chế so với kỳ vọng, (c) Những thực tiễn tốt nhất và bài học thu được thông qua thực hiện các hoạt động (d) Dự kiến vai trò và đề xuất các hoạt động của các bên liên quan.

20



Các chủ đề đề xuất:
Giới thiệu các khái niệm được áp dụng hoặc tùy chỉnh cho Dự án JICA tại khu vực Vịnh Hạ long

22

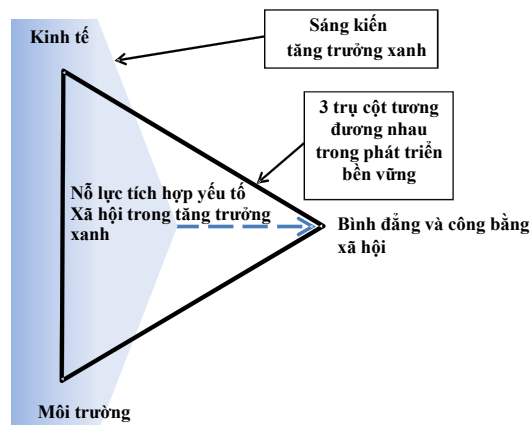
Tăng trưởng xanh là gì?

- Tăng trưởng xanh là thúc đẩy tăng trưởng và phát triển kinh tế đồng thời đảm bảo rằng các nguồn tài sản tự nhiên tiếp tục cung cấp nguồn lực và dịch vụ môi trường thiết yếu cho cuộc sống của chúng ta (OECD).
- Tăng trưởng xanh là sự khai thác hiệu quả những tài nguyên thiên nhiên, giảm thiểu ô nhiễm và tác động tới môi trường, thích ứng thiên tai và tăng cường quản lý môi trường và vốn tài nguyên trong giải quyết và phòng chống thiên tai (Ngân hàng Thế giới).

23

Tăng trưởng xanh là gì?

- Tăng trưởng xanh không phải là một cách gọi khác của phát triển bền vững. Tăng trưởng xanh nhấn mạnh mối ràng buộc lẫn nhau giữa kinh tế và môi trường. Vì vậy, các chính sách của tăng trưởng xanh nhằm vào xác định những thách thức giữa môi trường và phát triển kinh tế theo cách đề cao những cơ hội nguồn tài nguyên mới phục vụ tăng trưởng kinh tế (OECD).



24

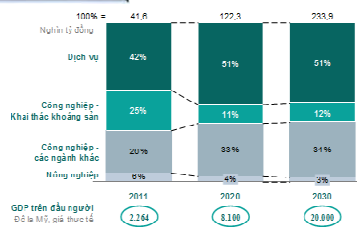
KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG TĂNG TRƯỞNG XANH TỈNH QUẢNG NINH

[CS quốc gia về TTX]

- Chiến lược q.gia về TTX: Quyết định số 1393/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 25/9/2012
- Kế hoạch hành động quốc gia về TTX: Quyết định số 403/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 20/3/2014

[Các Quy hoạch TT cấp trung ương và của tỉnh Quảng Ninh]

- QH TT PT KT-XH
 - Quy hoạch Môi trường
 - Quy hoạch TT PT Du lịch,
- v.v...

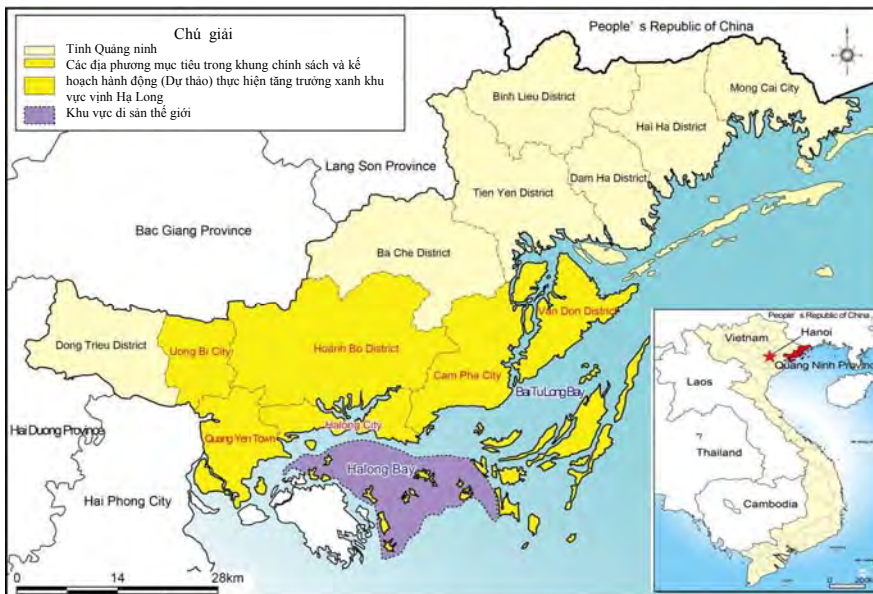


[Chính sách TTX tỉnh Quảng Ninh]

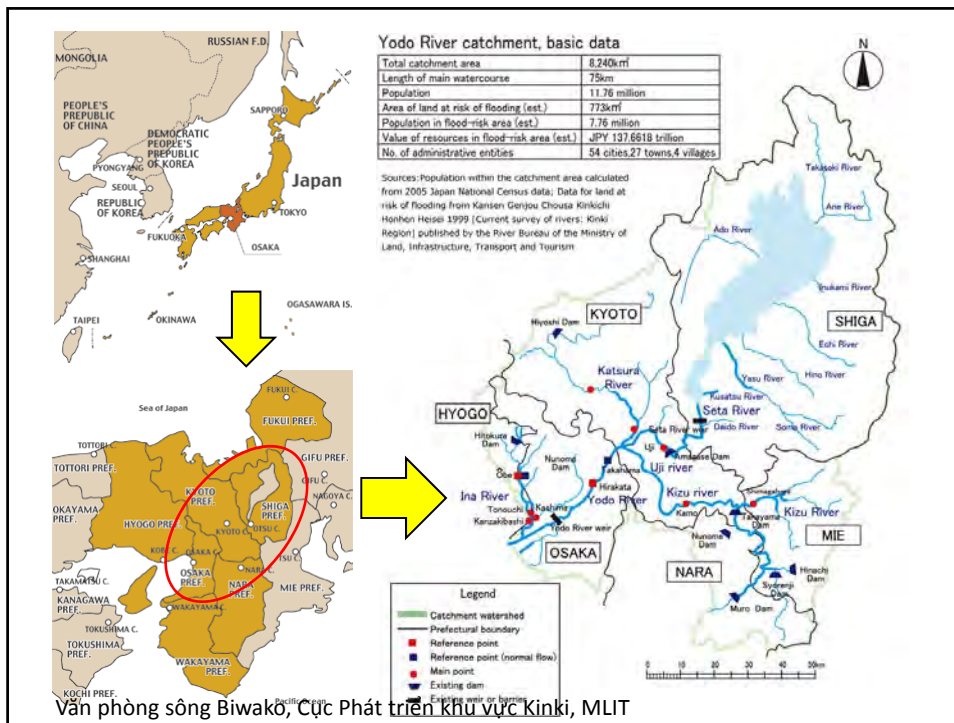
- Kế hoạch Hành động TTX tỉnh Quảng Ninh: Quyết định của tỉnh số: 6970/KH-UBND ngày 16/11/2015

25

Khu vực Dự án



26



Giới thiệu mô hình hồ Biwa

Lịch sử hồ Biwa

~1970

- Xuất hiện tình trạng ô nhiễm (Ô nhiễm nước, không khí, v.v...)

Đầu những năm 1970

- Ban hành Pháp lệnh phòng chống ô nhiễm
- Bắt đầu phát hành Sách trắng và công bố rộng rãi
- **Kế hoạch Phát triển toàn diện Hồ Biwa**

Giai đoạn 1972-1996 (đã hai lần gia hạn)

1970~90

- Sự đa dạng của các vấn đề môi trường
- Xây dựng Kế hoạch toàn diện về môi trường của khu vực, lập Ủy ban Quốc tế Hồ Môi trường (ILEC), v.v...

Xây dựng/ban hành Kế hoạch Mẹ Hồ 21

Giai đoạn 1: 1997- 2010

2000~

- Tích hợp các chính sách đa ngành trong quản lý hồ Biwa
- Đưa ra Hành động cho các vấn đề toàn cầu, hợp tác của các bên có liên quan khác nhau, v.v...

Xây dựng/Ban hành Kế hoạch Mẹ Hồ 21

Giai đoạn 2 từ 2011 ~

Giới thiệu mô hình hồ Biwa

Kế hoạch cơ bản Bảo tồn môi trường hồ Biwa

Kể từ năm 1972, tỉnh Shiga đã liên tục xây dựng các kế hoạch cơ bản về bảo tồn môi trường hồ Biwa.

Công tác lập kế hoạch và thực hiện kế hoạch cơ bản có vai trò hết sức quan trọng bởi “Bảo tồn môi trường hồ Biwa” gồm rất nhiều nhiệm vụ và vấn đề cần giải quyết.

1972~1996 **Kế hoạch phát triển toàn diện hồ Biwa**

1999~2010 **Kế hoạch mẹ hồ 21 (Giai đoạn thứ nhất)**

2011~2020 **Kế hoạch mẹ hồ 21 (Giai đoạn thứ hai)**

29

Giới thiệu mô hình hồ Biwa

Kế hoạch phát triển toàn diện hồ Biwa (1972~1996)

- Sự tăng trưởng kinh tế nhanh chóng năm 1970 kéo theo chất lượng nước hồ Biwa bị ô nhiễm nhanh và sự gia tăng nhu cầu dùng nước.
- Kế hoạch phát triển toàn diện hồ Biwa đã được xây dựng nhằm bảo vệ chất lượng nước và khai thác nguồn tài nguyên nước do hồ cung cấp và phát triển hạ tầng.

Vấn đề

- Ô nhiễm chất lượng nước nghiêm trọng ở hồ Biwa
- Cần phát triển nguồn nước đáp ứng cho tăng trưởng kinh tế
- Thường xuyên xảy ra hạn hán và ngập lụt

Nội dung kế hoạch

Bảo tồn

- Phát triển hệ thống thoát nước
- Phát triển các công trình xử lý chất thải rắn
- Quan trắc chất lượng nước, v.v...

Khai thác nguồn nước

- Cấp nước phục vụ sinh hoạt và công nghiệp, v.v..

Kiểm soát ngập lụt

- Cải thiện dòng sông, xây dựng đập nước và các công trình kiểm soát silt, v.v..

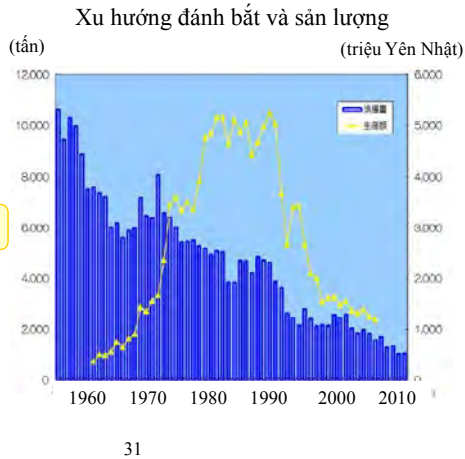
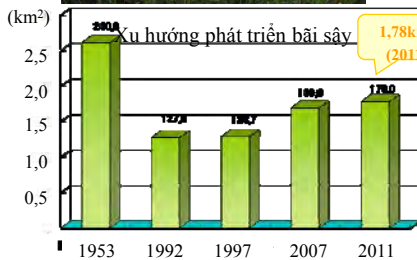
Khác

- Xây dựng đê, cống, công viên, v.v..

Giới thiệu mô hình hồ Biwa

Kế hoạch Mẹ hồ (Giai đoạn 1) (1999~2010)

- Kế hoạch phát triển hồ Biwa tập trung vào nội dung phát triển hệ thống thoát nước, giảm hiện tượng hạn hán và ngập lụt và phát triển hạ tầng khác.
- Mặt khác, phát hiện những vấn đề mới phát sinh như thay đổi hệ sinh thái hồ Biwa và suy giảm tài nguyên thiên nhiên.



31

Giới thiệu mô hình hồ Biwa

Kế hoạch Mẹ hồ (Giai đoạn 1) (1999~2010)

- Kế hoạch mẹ hồ 21 có chủ đề “hồ Biwa và con người cùng tồn tại” được xây dựng dựa vào kế hoạch trước đó, có định hướng phát triển:

Nguyên tắc đề dẫn

Hồ Biwa và con người cùng chung sống
(Giao lại cho các thế hệ mai sau một hồ Biwa trong sạch)

Bảo vệ chất lượng nước

Giảm tải lượng ô nhiễm đổ vào hồ ở nửa cuối của những năm 1960

Tăng năng lực bảo tồn nguồn nước

Giữ đủ diện tích rừng và đất nông nghiệp để bảo tồn nguồn nước nhờ tác dụng thấm thấu nước mưa

Bảo tồn môi trường thiên nhiên và cảnh quan

Bảo tồn vùng lõi nhờ phát triển mạng lưới sinh cảnh, duy trì bền vững hệ sinh thái khu vực

32

Giới thiệu mô hình hồ Biwa



❖ Bảo tồn bãi lau sậy

Duy trì cảnh đẹp độc nhất vô nhị của hồ Biwa, bảo vệ hệ sinh thái và bảo tồn, khai thác hiệu quả khu vực bãi lau sậy

❖ Thúc đẩy giáo dục môi trường

Thực hiện giáo dục môi trường thông qua tài liệu được thiết kế cụ thể về môi trường liên quan



• Ruộng lúa phát huy chức năng như “cái nôi” nuôi cá

Con người và sinh vật cùng chung sống, phục hồi các ruộng lúa và chức năng thoát nước đóng vai trò như sinh cảnh cho các loài cá và thủy sinh vật.

33

Giới thiệu mô hình hồ Biwa

Kế hoạch Mẹ hồ (Giai đoạn 1, 1999~2010)

Bảo vệ chất lượng nước Giảm tải lượng ô nhiễm đổ vào hồ ở nửa cuối của những năm 1960

- Đã đạt được hầu hết các mục tiêu nhưng chưa đạt tiêu chuẩn môi trường
- Các chất hữu cơ phân hủy chậm vẫn gia tăng
- Cân bằng chất (N, P) dần thay đổi

Tăng cường năng lực bảo tồn nguồn nước Giữ đủ diện tích rừng và đất nông nghiệp để bảo tồn nguồn nước nhờ tác dụng thấm thấu nước mưa

- Chưa đạt được tất cả các chỉ tiêu
- Để đạt được mục tiêu, kế hoạch đã cân nhắc cần duy trì giữ đất và diện tích rừng ở điều kiện tốt phục vụ mục đích bảo tồn nguồn nước.

Bảo tồn môi trường thiên nhiên và cảnh quan Bảo tồn vùng lõi nhờ phát triển mạng lưới sinh cảnh, duy trì bền vững hệ sinh thái khu vực

- Vừa vận cán đích chỉ tiêu đặt ra.
- Cần thực hiện các hoạt động phục hồi môi trường tốt trong khu vực chuyển tiếp sinh thái.
- Các vấn đề chính yếu cần giải quyết liên quan tới sự phát triển quá mức của các loài rong tảo và sự thay đổi các loài thực vật phù du vượt trội.

Giới thiệu mô hình hồ Biwa

Kế hoạch Mẹ hồ (Giai đoạn 2) (2011~2020)

- Kế hoạch Mẹ hồ 21 (Giai đoạn 2) đặt ra 2 nguyên tắc gồm “Bảo tồn và tái sinh hệ sinh thái lưu vực hồ Biwa” và “Phục hồi mối liên kết giữa cuộc sống của chúng ta và mẹ hồ”.

“Bảo tồn và tái sinh hệ sinh thái lưu vực hồ Biwa”

“Phục hồi mối liên kết giữa cuộc sống của chúng ta và mẹ hồ”



Giới thiệu Mô hình hồ Biwa

◆ Shiga có thể mạnh là tỉnh “**Công nghiệp chế tạo**”, tập trung nhiều nhà máy. Nguồn nước hồ Biwa được sử dụng rộng rãi cho mục đích sinh hoạt và công nghiệp, và **chất lượng nước hồ cho tới nay vẫn được duy trì ở mức độ thỏa đáng.**

◆ **Công nghệ và bí quyết đã được tạo ra và tích lũy để bảo tồn môi trường nước, với sự cộng tác giữa người dân, các doanh nghiệp, các trường đại học và chính quyền địa phương.**

Mô hình hồ Biwa

có dự định áp dụng cấp quốc tế

Các hoạt động dân sự và hành động để bảo vệ Hồ Biwa (phong trào dùng xô phòng, giáo dục môi trường, v.v...)

Chính quyền tỉnh thiết kế hệ thống và hành động để bảo tồn môi trường nước hồ Biwa (pháp lệnh phòng chống hiện tượng phú dưỡng, mở rộng hệ thống công thoát nước, v.v...)

Bốn trụ cột hỗ trợ cho “Mô hình hồ Biwa”

Nhiều nỗ lực từ các công ty địa phương trong hoạt động bảo tồn môi trường nước (phối hợp với chính quyền địa phương, các tổ chức và doanh nghiệp, v.v...)

Kiến thức, công nghệ và bí quyết tích lũy được từ các hoạt động tại khu vực xung quanh hồ Biwa (các doanh nghiệp tiên tiến, các trường đại học, v.v...)

Giới thiệu Mô hình hồ Biwa

Hợp tác quốc tế (Hải phòng, Vietnam)



Triển lãm tại Hội chợ (VIETWATER)



Hội thảo tại Nhật Bản (Biwako environmental business messe)



Đoàn tham quan (Bộ Xây dựng, Vietnam)



Hợp tác kỹ thuật (Tainan city, Taiwan)



37

Áp dụng mô hình hồ Biwa

Sơ đồ khái niệm về Kế hoạch Mẹ Hồ 21

Khái niệm tổng thể Mô hình hồ Biwa được áp dụng cho các lĩnh vực chính sách khác nhau

Kế hoạch Mẹ hồ (Mother Lake) 21

- Sự đồng cảm (Xác định sự đồng cảm giữa con người và vùng đất)
- Cùng tồn tại (Hiệp lực giữa bảo tồn và lối sống hiện hành)
- Tài sản chung (Chia sẻ hồ Biwa với các thế hệ tương lai)

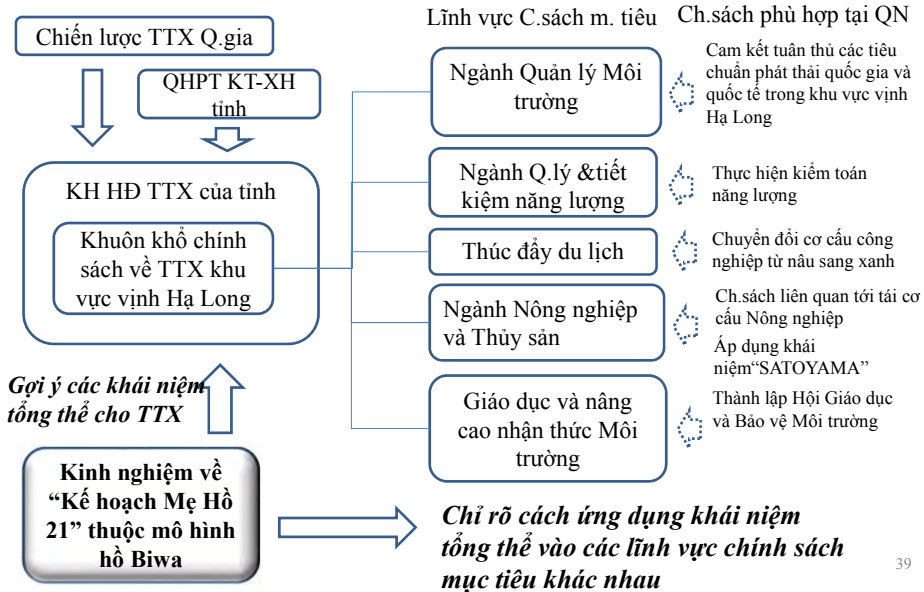
“Kế hoạch Mother Lake 21” là hướng dẫn thực hiện môi trường tốt cho thế hệ mai sau

Lĩnh vực chính sách	Các biện pháp hành chính liên quan
Quản lý chất lượng nước	Kế hoạch bảo tồn chất lượng nước hồ Biwa
Giáo dục và nhận thức môi trường	Sắc lệnh của tỉnh về thúc đẩy giáo dục môi trường
Bảo tồn rừng	Sắc lệnh của tỉnh về trồng rừng xung quanh hồ Biwa
Nông nghiệp thân thiện môi trường	Sắc lệnh của tỉnh về thúc đẩy nông nghiệp có ý thức môi trường
Thúc đẩy du lịch	Kế hoạch hành động hướng dẫn thúc đẩy du lịch
Thúc đẩy hoạt động môi trường	Diễn đàn thúc đẩy hoạt động môi trường nước Shiga và hoạt động môi trường Biwako

38

Áp dụng mô hình hồ Biwa cho Dự án

Khả năng áp dụng Khái niệm Kế hoạch Mẹ Hồ 21 cho Khu vực vịnh Hạ Long



Hướng tới xây dựng môi trường xanh, sạch và bền vững cho khu vực vịnh Hạ Long...

Xin cảm ơn!